NGUYỄN VỸ

VĂN THI SĨ TIỀN CHIẾN

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi — SAIGON

NGUYỄN-VỸ

VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN

CHỨNG-DẪN CỦA MỘT THỜI-ĐẠI

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

TRAO BẠN,

Tác-phẩm này không phải là một Văn-học Sử, cũng không phải một công trình khảo luận.

Đây là chứng-dẫn một thời-đại, của một người đã bước trong lịch-trình hăng-say của Thế-hệ Văn-học Cận-kim, đã lăn-lóc hằng ngày với các bạn đồng-hành. Nó đã sống, đã thấy, đã cảm-xúc giữa một thế-giới mới đột-nhiên xuất-hiện từ một thế-giới cũ. Nó đã chia-xẻ những vinh nhục của số kiếp con nhà-văn.

Tiếng súng đại-bác lần đầu-tiên nổ dưới vòm trời Âu làm rung-chuyển Địa-cầu, hai-mươi-mốt năm sau Đệ-nhất Thế-chiến, đã làm sụp đổ tất cả kiến-trúc đồ-sộ nhưng mong-manh của Đô-hộ Pháp trên Đất Nước thiêng-liêng của Tổ-quốc. Chỉ độc-nhất còn lại Văn-hóa.

Kỷ-nguyên mới đang quằn-quại trong khói lửa. Cái gì còn lại vẫn nguyên-vẹn, đã trở thành một kỷ-tức vàng son.

Nó chói-lọi trong quạnh-quẽ huyền-mơ của một dĩ-vãng luôn-luôn còn hiện tại. Không có người chết. Chỉ có người vắng mặt.

Nhân-chứng, vai còn nặng hành-trang của cuộc phiêu lưu kỳ-thú ấy, không có một kiêu-hãnh nào cả. Không vì khiêm-tốn giả-dối. Chỉ vì trung-trực truyền-thống của Văn nghệ đối với người đương-thời với nó trong thế-hệ qua, đối với chính lương-tâm của nó trong thế-hệ nay.

Vài nét chân-phương thân-ái trao Bạn.

TÁC-GIẢ

CHÚ-DẪN CỦA NHÀ XUẤT-BẢN

Chương trình Đại học và Trung học hiện nay về Việt Văn và Việt-Nam Văn học Sử đặc biệt chú trọng đến các Văn Thơ Tiền Chiến. Đó là điều rất hợp lý và hợp thời.

Rất tiếc, đến nay chưa có một quyển Văn học Sử nào hoàn hảo. Riêng về Văn học Tiền Chiến, thời kỳ phát triển mạnh nhứt từ 1930 đến 1940, rất dồi dào mới lạ, chưa được tra cứu đầy đủ, và khách quan. Chúng ta có thể đếm trên đốt ngón tay vài quyển rất sơ sài của Dương Quảng Hàm, một quyển rất bề bối của Hoài Thanh, Hoài Chân, một bộ sách phê bình các nhà văn hiện đại, quá sơ lược của Vũ ngọc Phan.

Mới đây, có vài ba bộ sách Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến của các ông Phạm Thanh, Nguyễn Đức Long, v.v... tra cứu có công phu hơn và khách quan hơn.

Nhưng tựu trung, Sinh viên, Học sinh, vẫn chưa được học hỏi đầy đủ về các nhà Văn, nhà Thơ Tiền Chiến và các tác phẩm rất nhiều và rất có giá trị của họ.

Tài liệu về tiểu sử cũng như phê bình tác phẩm Văn Thi sĩ Tiền Chiến của các nhà biên soạn kể trên, hãy còn thiếu sót nhiều.

Trong tủ sách Văn học của Thí sinh Tú tài và Sinh viên Văn khoa hãy còn thiếu các bộ sách Văn học Sử và phê bình Văn học như các loại sách nghiên cứu và

phê bình Văn học Sử Pháp của Émile Faguet, Mornet, Lanson, Brunswick, v.v... là những sách Văn học Sử hoàn toàn khách quan, dồi dào sử liệu, rất cần thiết cho tất cả những người muốn có một hành lý học thức đầy đủ về lịch sử văn chương Pháp và các tác phẩm có giá trị nhất của các nhà Văn, Thơ từ Trung Cổ thời đại, cho đến ngày nay.

Trong khi chờ đợi những quyển Văn học Sử Việt-Nam đầy đủ, đích xác và khách quan như trên, chúng tôi hân hạnh trình bày cùng Quý bạn đọc quyển « Văn Thi Sĩ Tiền Chiến » của nhà Thơ Nguyễn Vỹ.

Đặc điểm của tác phẩm nầy là một « chứng dẫn của Thời đại Văn học Cận kim », vì Nguyễn Vỹ là một nhà Văn, nhà Thơ đã nổi tiếng từ thời Tiền Chiến, « đã sống, đã thấy, đã cảm xúc » ngay ở thời đại ấy.

Đây là một thiên hồi ký rất hấp dẫn về các nhà Văn, nhà Thơ, do chính tác giả kể lại (chương I), về đời sống tinh thần và vật chất của họ, và không khí Văn nghệ Tiền Chiến (chương II, III).

Đây toàn là những tài liệu « sống », thiết thực, giúp chúng ta hiểu sâu rộng thêm về Văn nghệ Tiền chiến và là một phần đóng góp bổ túc quý báu vào kho Văn học sử Việt-Nam hiện đại.

Nhà sách KHAI-TRÍ

CHƯƠNG MỘT

Văn-Thi-Sĩ

1.— Tản-Đà
Nguyễn-Khắc-Hiếu

Hồi còn là một học-trò Năm thứ Nhất trường Trung-học Qui-Nhơn, 12 tuổi, tôi đã mê văn thơ của Thi-sĩ Tản-Đà, và đã ao-ước được biết ông. Lúc đó ông là « Thần tượng » của tôi. Nhưng vì còn trẻ con, và mới tấp-tễnh làm Thơ, tôi đã có đôi chút tự-ty mặc-cảm, và khi ra học ở Hà-nội năm 1928, tôi không dám tìm đến nhà Thi-sĩ. Tôi vẫn yêu cái hình vẽ « gánh văn lên bán chợ Trời » trên các bìa sách của « Tản-Đà thư-cục », bán rất chạy vào những năm 1925-1930. Tôi cắt hình đó dán trên bàn học của tôi

Lòng cứ ước muốn gặp Thi-sĩ một lần « để xem mặt mũi ông ra sao », nên một hôm, vào khoảng 1930, đi qua phố Hàng Da, xế nhà ông Phạm Quỳnh, tôi thấy trên tường một căn nhà có treo tấm bảng « *An-Nam Tạp-Chí* », tôi liền đánh bạo giả vờ vào mua một quyển « *Giấc mộng con* » để thấy mặt nhà Thi-sĩ. Tôi bước vào không thấy ai. Sẵn tính tò mò, tôi ngó trên một chiếc bàn kê sát vách, một điếu hút thuốc lào bằng tre, thứ « điếu cày » bình-dân, bên cạnh một cái đèn liu-riu, vài que đóm bỏ bừa-bãi, với một mảnh giấy trắng. Tôi lén dòm trên giấy hai câu thơ viết chữ loằng-ngoằng, tôi đọc thật lẹ, và còn nhớ mãi đến bây giờ :

Đi ra rồi lại đi vào,
Vẩn-vơ chỉ tốn thuốc lào mà thôi.

Tôi nhịn cười không được, bật cười to lên. Bỗng từ trong nhà, bước ra một ông mái tóc lâm-râm, cúp rẽ một bên, áo lương thâm dài cũ mèm, quần trắng hơi bẩn, mang đôi giày mòn-mỏi. Đôi mắt ông sáng quắc, nhìn tôi. Tôi lễ phép chấp hai tay cúi đầu chào, theo lối người Bắc :

— Lạy cụ ạ.

Ông gật đầu :

— Tôi không dám, cậu hỏi gì ?

— Thưa cụ, cháu muốn mua quyển... « Giấc mộng lớn ».

— « Giấc mộng lớn » hay « Giấc mộng con » ? Cậu lầm đấy, chỉ có quyển « *Giấc mộng con* » chứ không có « Giấc mộng lớn. »

— Dạ thưa cụ, « giấc mộng » gì cũng được ạ.

— Giấc mộng gì cũng hết cả !

Tôi bỡ-ngỡ hỏi thẳng cụ :

— Thưa cụ, xin lỗi cụ, cụ có phải là Thi-sĩ Tản-Đà không ạ ?

— Phải.

Tôi mừng quá. Nhưng không hiểu sao, đứng trước Nhà Thơ bằng thịt và bằng da mà tôi hằng kính-phục, tôi bối-rối không biết nói gì nữa. Tôi cúi đầu chào từ biệt :

— Lạy cụ ạ !

Tôi đi ra. Ông Nguyễn-Khắc-Hiếu đứng yên, nhìn tôi. Chắc ông cũng không hiểu là cậu học trò này muốn gì.

Tôi sung-sướng và hãnh-diện, đã thấy mặt nhà thi-sĩ

Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu. Tôi khoe cùng các bạn học của tôi.

5 năm qua. Sau khi tuần báo « Phụ-Nữ » của bà Nguyễn-thị-Thảo đăng bài thơ « *Gởi Trương Tửu* » của tôi, một buổi chiều, tôi đến chơi ở tòa báo, ngõ Hội-Vũ, đang ngồi trò chuyện với cô thư-ký quen thân (1), bỗng thi sĩ Tản-Đà từ ngoài bước vào. Một chiếc khăn đóng đã mòn viền, đáng lẽ đội trên đầu ông lại đeo tòn-ten trong cánh tay. Vẫn chiếc áo lương thâm cũ giống chiếc áo mà tôi đã thấy ông mặc 5 năm trước. Ông hỏi cô thư-ký :

— Có ông Nguyễn Vỹ ở tòa báo không ?

Cô bạn liền cười, chỉ tôi :

— Thưa cụ, Nguyễn Vỹ đây ạ.

Ông ngạc nhiên ngó tôi :

— Thế hả ?... Cái ông nầy, tôi nhớ... quen quen... Tôi có gặp ông ở đâu nhỉ ?

— Dạ thưa cụ, cháu chưa được hân hạnh gặp cụ ạ.

— Ông muốn đi chơi với tôi không ? Ông có rảnh không ?

— Dạ thưa cụ, cháu rảnh ạ.

— Thế thì chúng ta đi ?

Ông đưa tôi lên tàu điện, phố hàng Bông. Nửa giờ sau đến một gian nhà ở ấp Thái-Hà, Nhà của ông. Ông lấy chai rượu trắng ra và hai cái cốc. Tôi không biết uống rượu, bất cứ là rượu gì, dù là

(1) Cô nầy hiện ở Sài-gòn, là vợ ông Hoàng-Nguyên, cựu Giám-đốc Báo-chí Bộ Thông-tin dưới thời Ngô-đình-Diệm.

rượu bia. Nhưng vì xã-giao tôi không tiện nói ra, và sợ phật ý nhà Thi sĩ đã có tiếng là Lưu-Linh Việt-Nam. Tôi cứ để mặc ông rót rượu ra cốc, thầm nghĩ rằng cũng đêm năm ngoái được hân hạnh ngồi hầu chuyện với cụ Phan-Bội-Châu trên sông Hương, cụ thì uống liên miên mà tôi cứ phải giả vờ nâng ly lên môi nhấp một chút xíu cho có lễ phép, suốt đêm chưa cạn một ly.

Ông Tản-Đà bảo một chú bé chạy đi mua nhanh hai gói lạc rang (đậu phụng rang) để uống rượu.

Ông bắt đầu hỏi tôi :

— Tôi thích bài thơ *GỞI TRƯƠNG TỬU* của ông, nên mời ông uống rượu. Trương-Tửu là ai ?

— Thưa cụ, bạn của cháu ạ.

— Ông ấy biết uống rượu không ?

— Dạ, tên anh ấy là Trương Tửu, thì cụ khỏi hỏi ! Vả lại dòng dõi Trương-Phi đấy ạ.

— Hôm nào ông rủ ông ấy đến uống rượu với tôi.

— Dạ.

— Nhưng tôi giận ông lắm vì một câu trong bài thơ của ông. Tôi định gặp ông thì tôi bảo.

— Thưa cụ, câu nào ạ ?

— Sao ông lại bảo : « *Nhà văn An-Nam khổ như chó* » ? Ông so sánh nhà-văn chúng ta với kiếp chó, mà ông không hổ-thẹn ư ?

— Thưa cụ, nếu cháu so sánh nhà-văn với chó, thì chó nó thẹn, chớ sao nhà-văn lại thẹn ?

Ông Tản-Đà làm thinh nốc hết ly rượu, rồi rót luôn một ly nữa.

Mặt ông vẫn chưa đỏ. Bỗng dưng ông phì cười, tiếng cười nổ lên đột-ngột và kêu to, làm tôi giựt mình. Xong, ông nói, không ngó tôi:

— Ông làm tôi bượch cười! (Ông Tản-Đà hay nói: *bượch* cười).

Rồi ông rưng-rưng nước mắt...

Tự nhiên tôi cũng muốn khóc như ông. Mặt Tản-Đà đỏ như quả gấc.

Hôm gặp gỡ đầu tiên ấy, Tản-Đà có trao tôi bài thơ « *Còn Chơi* », bảo tôi họa-vận:

— Chưa ai họa bài nầy. Ông họa chơi cho vui, mà phải theo nguyên-vận nhé!

Tôi chưa dám nhận lời, vì chưa đọc bài thơ.

Vài tháng sau, có việc đi Thái-Hà-Ấp tôi đến thăm Tản-Đà và trao ông bài thơ « *Hết Chơi* » của tôi họa bài « *Còn Chơi* » của ông. Tôi bảo:

— Rất hân-hạnh, nếu được Tiên-sinh đáp lại.

Một thời-gian, Tản-Đà nghèo túng quá, xoay sang nghề thầy tướng. Thi-sĩ thuê một căn nhà rẻ tiền ở Bạch-Mai, (Route de Huế) mở phòng xem « Quẻ Dịch ». Chính nơi đây, nhà thơ Việt dịch một ít thơ Đường bán cho báo *Phong-Hóa*. Tiên-sinh phàn-nàn rằng tiền nhuận-bút của *Phong-Hóa* không đủ để ông uống rượu. Nhưng tiền nhuận-bút nào đủ để Tản-Đà uống rượu?

Phòng xem tướng Quẻ Dịch của Tản-Đà không được đông khách lắm. Lý-do rất dễ hiểu. Nhà thơ say rượu suốt ngày, có thì giờ đâu xem tướng cho thân chủ ? Ngày Chủ-nhật nhiều ông Công-chức dắt vợ đến xem một quẻ, vì mến tài Văn-chương nhiều hơn là vì tin-tưởng tài xem tướng của Thi-sĩ. Ông say rượu, nói tầm bậy tầm bạ, thân chủ cười, gật đầu khen hay, rồi rút lui.

Bốn tháng sau, tôi đi với Lan-Khai xuống Bạch-Mai để thử tài bói Quẻ Dịch của Tản-Đà như thế nào. Hai đứa có đem theo một chai rượu và một gói đồ nhắm để biếu Thi-sĩ. Nhưng phòng xem tướng của Tản-Đà đóng cửa im-ỉm — Gõ mãi không có ai mở. Mấy người hàng xóm bảo :

— Ông Cụ ngủ suốt ngày, có khi đến khuya mới thức dậy.

Chúng tôi gởi lại rượu và gói quà, nhờ một bà hàng xóm trao lại Tiên-Sinh :

Sau, Tản-Đà dọn về lại Ngã-Tư-Sở, số nhà 71. Thi-sĩ ở đây cho đến ngày tận số.

Cùng với gia quyến ông, chúng tôi, số nhà Văn không quá 10 người, tiễn Thi-sĩ về « giấc mộng » cuối cùng và vĩnh viễn, một buổi sáng tháng 5-1939.

Sau khi Tản-Đà chết, bà vợ góa của Thi-sĩ bị ở trong tình-trạng túng-thiếu thật là bi-đát. Một số anh-em nhà Văn có quyên một món tiền nhỏ, do Nguyễn-Tuân đưa lên biếu bà.

Bà Nguyễn-Khắc-Hiếu là chị ruột của Nguyễn-Tiến-Lãng, rể của Phạm-Quỳnh, một nhà Văn chuyên viết Pháp-văn, và

lúc bấy giờ làm quan Nam-Triều. Nguyễn-tiến-Lãng có vận-động với nhà cầm-quyền Pháp để giúp cho chị của ông một phương-tiện sinh-nhai. Bà được lĩnh hai môn-bài rượu và thuốc-phiện của Nha Thương-Chánh để kiếm lời độ-nhật.

Nhiều người cho đó là một chuyện hài-hước lý-thú, vì nhớ lại lúc bình-sanh, Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu có làm bài thơ phản-đối độc-quyền Rượu của Nha Thương-Chánh (rượu Ty của Pháp) và đòi cho dân được nấu rượu tự-do :

Yêu-cầu cho khắp Nước Nhà,
Rượu Ty bãi hết, rượu ta cất tràn,
Tránh cho dân nỗi lầm-than,
Bã chôn, men giấu, nhà Đoan (1) phạt bừa...
Tha-hồ rượu sớm trà trưa,
Nghiêng chai đốc chén say-sưa tối ngày.

Tuy-nhiên, dư-luận trong giới Văn học Hà-Nội rất thông cảm cho hoàn cảnh quẫn bách của bà quả phụ Nguyễn Khắc-Hiếu. Không ngờ nhờ hai môn bài đó, mà nếp sống của Bà Hiếu lại khá giả hơn lúc sinh tiền của Thi sĩ.

Nhiều bạn làng Văn biết rằng hồi em vợ của Tản-Đà là Nguyễn-Tiến-Lãng còn làm Bí thư cho René Robin, và rất được viên Toàn quyền nầy tín dụng, Lãng muốn đem ông anh rể vào làm việc trong văn phòng Tu Thư của Phủ Toàn quyền, để cho ông một chức nghiệp có lương tháng sống đầy đủ đàng hoàng. Nhưng Thi sĩ Tản-Đà từ chối.

---

(1) Đoan (tiếng Pháp : Douane) tiếng bình dân thông dụng nói về Nha Thương-Chánh.

Theo lời Khái Hưng kể lại với tôi, khi nghe tin nầy, tác giả « *Hồn bướm mơ, tiên* », có tặng nhà Thơ một món tiền khá khá để tỏ lòng mến phục.

Nhưng Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu cao hứng làm mấy chầu rượu, dốc túi sạch sành sanh!

THƠ TẢN-ĐÀ

Tản-Đà không phải là một nhà Nho thông thái. Ông cũng không có Tây học nhiều. Vì ông sinh ra giữa lúc giao thời, Hán học gần suy tàn, Tây học mới bắt đầu phát triển. Nhưng ông chịu ảnh hưởng của Hán học nhiều hơn về phương diện thi phú, và, theo lời ông nói với tôi, ảnh hưởng sâu đậm nhất là của bà thân mẫu, tên là Nghiêm, một ả đào hát nổi danh một thời về văn chương và sắc đẹp. Thi sĩ Tản-Đà rất có hiếu với bà mẹ nghệ sĩ ấy. Trên chuyến tầu điền về Thái-Hà-Ấp, ông « tâm sự » với tôi :

— Mẹ tôi thường dạy tôi : « Mẹ đặt tên con là Hiếu, là mẹ muốn con giữ mãi mãi chữ « hiếu » đối với Mẹ ». Ấy thế, lớn lên tôi nghĩ rằng có lẽ Mẹ tôi có mặc cảm là một cô đào hát, nên sợ tôi khinh thường. Nhưng tôi luôn luôn giữ tình mẫu tử chí hiếu với Mẹ tôi vì... ông biết vì sao không ?

— Dạ, vì tình mẹ con.

— Đành rằng như thế, nhưng vì tôi cảm thấy rõ rằng tâm hồn thơ của tôi chính là thừa hưởng tâm hồn nghệ sĩ của mẹ tôi. Không phải mẹ tôi sinh ra Nguyễn Khắc-Hiếu. mà mẹ tôi sinh ra thi sĩ Nguyễn-Khắc-Hiếu. Ông hiểu không ?

— Dạ, hiểu lắm.

***

Hầu hết thơ của Nguyễn-Khắc-Hiếu, nhất là những câu thơ hay nhất của ông, đều tiết lộ tâm hồn lãng mạn thanh thoát, đặc biệt của miền Bắc hồi đầu thế kỷ 20, còn đượm nhiều hương vị thuần túy nông thôn Miền Bắc, chưa bị xâm nhập bởi ảnh hưởng của Thơ Tây.

« Nước Non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi, không về cùng non.
Nhớ lời hẹn nước thề non,
Nước đi đi mãi, non còn đứng trông .. »

. . . . . .

« ... Đá mòn, rêu nhạt
Nước chảy, hoa trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời... »

v. v...

Đó đúng là chất thơ Nguyễn-Khắc-Hiếu.

Chất thơ đặc biệt nông-thôn Miền Bắc đã lộ ra trong những câu ca dao như :

« Chiều chiều ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ ».

Rượu, và Ngông, chỉ là yếu-tố phụ thuộc, trang trí, dùng làm bối cảnh của Thơ Văn Tản-Đà mà thôi.

***

Vì tính chất lãng mạn thuần túy đó, mà Phạm-Quỳnh đả kích Tản-Đà, trong một bài giới thiệu tàn nhẫn và ngạo mạn đăng trong Nam Phong Tạp Chí. Phạm-Quỳnh, bút

hiệu Thượng-Chi, lấy văn chương hàn lâm (littérature académique), nghĩa là văn chương trưởng giả, quý phái, để hạ giá văn chương lãng mạn của Tản-Đà mà ông nhận định là dễ dãi, nông cạn, có vẻ hoa mỹ bề ngoài, không có bề sâu.

Chúng tôi, đám thanh niên yêu thơ Tản-Đà, chính vì khía cạnh thuần túy thơ mộng của thơ Tản-Đà, không chấp nhận lối phê bình lệch lạc và có tính cách ganh ghét, của ông Chủ-Nhiệm Nam Phong Tạp Chí, một nhà văn quá đạo mạo phong kiến, không có phong độ của con nhà văn nghệ.

Nguyễn-Khắc-Hiếu rất hận về bài phê bình của ông Thượng Chi, và ghét Phạm-Quỳnh từ đó.

Tôi có hỏi Nguyễn-Khắc-Hiếu :

— Tiên sinh có thưởng thức thơ Pháp không ?

Ông tỏ vẻ buồn :

— Tôi tiếc không được học tiếng Pháp nhiều như các ông và không hiểu được thơ Pháp. Nhưng đọc mấy bài dịch của ông Nguyễn-Văn-Vĩnh, và mấy bài dịch thơ *Le Lac* của Lamartine đăng trong Nam Phong, tôi thấy thơ Pháp cũng lãng mạn khiếp đi chứ !

Tôi cười vì lối nói chuyện có vẻ ngây thơ của nhà thơ duyên dáng đáng yêu.

2.— Nguyễn-Văn-Vĩnh

Hồi hãy còn là một sinh viên bé nhỏ, tôi đã coi NGUYỄN-VĂN-VĨNH như bậc Đại Nhân, siêu quần bạt tụy, tài trí vô song. Chỉ vì tôi đã đọc hết của ông bản dịch bộ sách *LES MISÉRABLES* của VICTOR HUGO. Trước đó, tôi đã đọc vài bản dịch *CHINH PHỤ NGÂM* ra tiếng Pháp, bài *LE LAC* ra tiếng Việt, tôi đã không được thỏa mãn. Từ khi đọc mấy bài *FABLES* de LA FONTAINE của NGUYỄN-VĂN-VĨNH dịch ra Việt Ngữ, và bộ sách dịch « *NHỮNG KẺ KHỐN NẠN* » của ông rất là vĩ đại, thì mỗi lần chỉ thấy cái tên của ông tôi đã cúi đầu khâm phục rồi.

Vào khoảng năm 1930, báo *L'ANNAM NOUVEAU* của ông bằng Pháp văn ra đời. Tôi mua ngay từ số 1, cũng như các bạn trẻ ham học hồi đó. Dù là sinh viên nghèo, chúng tôi cũng rán mua cho được, mỗi tuần hai kỳ, các số báo *L'ANNAM NOUVEAU* cho đến khi nó tự đóng cửa, vì ông Vĩnh bị vỡ nợ.

Mê Việt văn của ông, thích cả Pháp văn của ông, tôi chỉ ao ước được gặp ông một lần, được hầu chuyện với ông, dù trong một tiếng đồng hồ. Một buổi chiều vào khoảng ba giờ, một người bạn cùng tôi đang đi trên vỉa hè phố hàng Gai, bỗng người bạn bảo tôi :

— Ông Nguyễn Văn Vĩnh kia, mầy !

— Đâu ?

Người bạn chỉ tôi một ông to béo, mặc âu phục trắng đội cái mũ trắng bự giống như cái « mũ thuộc địa » (casque colonial của Tây hồi đó), ngồi trên chiếc xe mô tô kềnh càng, nổ bình bịch và kêu rầm rầm, từ hàng Bông chạy thẳng xuống hàng Gai. Chúng tôi đứng lại ngó ông. Lúc ông bay vụt ngang qua chúng tôi, tôi cúi đầu chào. Ông không trông thấy. Nhưng tôi vui sướng vô cùng. Tôi đã thấy mặt nhà văn NGUYỄN-VĂN-VĨNH.

Trong ba năm còn là cậu sinh viên nhỏ bé, tôi chỉ thấy ông Nguyễn-Văn-Vĩnh có một lần đó thôi. Nhưng hình ảnh của ông nhà văn to lớn kia đã in sâu vào trong trí nhớ của tôi, và mỗi khi tôi nghĩ đến ông, hay đọc một bài báo, một quyển sách của ông, thì, lạ quá, tôi cứ nghe tiếng xe mô tô nổ bình bịch và chạy rầm rầm bên tai tôi.

Cho đến bây giờ, tôi ngồi chép lại ký ức nầy, tôi vẫn còn thấy bóng dáng ông Nguyễn-Văn-Vĩnh ngồi trên chiếc xe mô tô sơn màu đỏ, chạy vụt qua trước mắt tôi thật nhanh, và kêu ầm ầm như một chiếc mô tô bay trong Hội chợ.

Trong những câu chuyện giữa sinh viên Cao đẳng Hà-Nội, người ta thường nói đến ông Nguyễn-Văn-Vĩnh luôn. Một vài anh cho tôi biết rằng ông có một người vợ bé là cô Đầm lai rất đẹp và còn trẻ tuổi. Bà cả thì là người Bắc, rất hiền lành. Nhà ông là cái biệt thự có tường xây cao xung quanh phủ đầy hoa antigone, và có cổng sắt, trên hồ Văn chương cạnh Đền thờ Khổng-Tử. Tôi đã đi ngang qua đó nhiều lần, và hằng ước mong

làm sao có cơ hội may mắn được gặp ông một lần, để xem tường tận gương mặt của ông và nghe ông nói chuyện.

Cơ hội ấy đã đến. Tôi cầm tập thơ mỏng manh vừa mới xuất bản đến tòa báo *L'ANNAM NOUVEAU* ở cạnh Bờ Hồ Hoàn Kiếm, một dãy nhà một tầng, quét vôi trắng. Buổi sáng, tôi biết ông bận nhiều việc, tôi đợi đến buổi chiều. Tôi rón rén bước vào phòng thơ ký. Bốn năm ông và cô ngồi làm sổ sách, đánh máy, không ai để ý đến cậu nhãi con ngơ ngác, như con nai đi lạc bước trong rừng chiều.

Bỗng một chàng con trai dong dỏng cao hơn tôi, nhưng trạc tuổi với tôi, từ ngoài cửa đi vào. Chàng tủm tỉm cười hỏi rất nhã nhặn :

— « Vu » hỏi gì đấy ? (1)

Tôi thấy cái miệng chàng như móm, nhưng đôi mắt rất lanh lợi.

Tôi bảo :

— Tôi muốn xin vào yết kiến ông... Directeur.

Chàng nhanh nhẩu trả lời :

— « Vu » chờ một tí nhé. Để tôi vào xem Thầy tôi có bận việc lắm không đã nhé... À... mà, xin lỗi, « Vu » hỏi ông cụ có việc gì ?

— Dạ... tôi muốn đem tặng ông cụ tập thơ nho nhỏ đây, mới xuất bản.

Nói xong, tôi trao « *Tập thơ đầu* » cho chàng ta. Chàng

(1) Vu (vous) = anh, theo tiếng Pháp.

xem qua bìa, lật qua mấy trang trong, rồi tủm tỉm cười, cười mím chặt môi, để cái miệng như móm vậy!

— « Vu » cứ vào với tôi.

Tôi đi theo chàng, trong lòng hồi hộp, không biết chàng nầy là ai mà coi bộ đi vào văn phòng riêng của ông Chủ nhiệm có vẻ tự nhiên như thế.

Một căn phòng rộng rãi, mát mẻ, có một dãy cửa kiếng ngó ra ngoài đường. Ông Nguyễn-Văn-Vĩnh to như ông Hộ pháp, mặc áo sơ mi thật trắng, tay dài, đeo cà vạt đen, ngồi chăm chú viết. Nghe tiếng giày chúng tôi vào, ông ngưng bút, ngoảnh mặt ngó ra. Chàng trẻ tuổi đến gần :

— Thưa thầy, có một chàng thi sĩ...

Ông Nguyễn-Văn-Vĩnh ngó tôi, thốt ra một tiếng Pháp :

— Ah!

Ông lại cười, tiếng nói rang rảng :

— Vous êtes poète ?

(Anh là thi sĩ hả)

Tôi mỉm cười đáp :

— Non, monsieur le Directeur.

(Dạ, thưa ông chủ nhiệm, không phải.)

Chàng kia bỏ tôi ở lại một mình với ông Nguyễn Văn-Vĩnh, chàng đi ra ngoài.

Ông cầm quyển thơ mong manh, bé nhỏ, lật coi từng tờ. Ông chú ý đến thơ Pháp nhiều hơn là thơ Việt. Rồi ông vui vẻ nói chuyện.

Tôi cảm thấy vinh hạnh được ông Nguyễn-Văn-Vĩnh bảo ngồi chiếc ghế đối diện, và được ông tiếp chuyện độ vài chục phút. Ông chỉ nói tiếng Pháp, thỉnh thoảng mới châm vào vài câu tiếng Việt thôi.

Ông hứa sẽ viết bài giới thiệu quyển thơ, và khuyến khích vài lời. Tôi vô cùng cảm động.

Tôi đứng dậy chào cáo biệt. Ra ngoài, tôi lại chạm trán anh chàng lúc nãy. Anh tự giới thiệu là Nguyễn Nhược-Pháp, con trai cụ Nguyễn-Văn-Vĩnh. Từ đó, hai đứa chúng tôi quen nhau và dần dần trở nên đôi bạn thân. Do nơi Nhược-Pháp mà sau đó tôi lại quen với HUY-THÔNG.

***

Hai ba lần, Nguyễn-Nhược-Pháp đưa tôi đến tòa soạn *L'ANNAM NOUVEAU*, tại đây tôi thường được hân hạnh hầu chuyện ông Vĩnh. Ông thích nói về chính trị vì lúc bấy giờ ông chủ trương chế độ « ADMINISTRATION DIRECTE » (trực trị), đối lập với ông PHẠM-QUỲNH, lãnh tụ phe « BẢO HOÀNG », chủ trương củng cố uy quyền Bảo Đại. Khác hẳn với Phạm-Quỳnh mà cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ đều ra vẻ học giả quý phái, lại kiêu căng, tự đắc, Nguyễn-Văn-Vĩnh rất là bình dân, giản dị, không khiêm tốn một cách giả dối mà cũng không kiêu kỳ trịch thượng. Nói thẳng thắn điều gì cần phải nói, quan niệm thế nào thì nói ra thế ấy, không cần văn chương bóng bẩy, không dè dặt, rào trước đón sau, không quanh co khúc khuỷu, không nham hiểm. Đó là những đức tính của Nguyễn Văn-Vĩnh mà người đương thời đều mến phục. Nguyễn

Văn-Vĩnh rất trung trực, không nịnh ai mà cũng không ưa ai nịnh mình, không tùy thời, chỉ tùy mình. Ông chủ trương lẽ phải của ông, không có lý lẽ nào khác đánh đổ được ông.

Là người rất yêu nước, yêu dân, một nhà ái quốc chân chính, Nguyễn văn Vĩnh đã thực hiện đời sống dân chủ riêng trong phạm vi của ông giữa thời kỳ phong kiến thối nát của chế độ thuộc địa và quân quyền.

Ông chủ trương «trực trị» tức là chống lại quyết liệt cái chế độ thuộc địa và bảo hộ của Pháp. Chính sách trực trị của ông gần như chủ trương COMMONWEALTH của Ấn độ đối với Anh. Ông đả kích quân chủ, coi Bảo Đại như đứa con nít khờ khạo để cho Tây vờ đầu sai khiến. Hầu hết các lớp sinh viên Cao đẳng và tri thức giác ngộ ở Bắc Hà đều hưởng ứng Nguyễn-Văn-Vĩnh.

Bọn thanh niên chúng tôi thời bấy giờ — tôi nói đại đa số sinh viên Cao đẳng và Văn Thi sĩ mới ra đời — đều phục Nguyễn-văn-Vĩnh như ông thầy, hơn nữa, như nhà lãnh tụ. Ông hoạt động công khai, không thích làm «Hội Kín». Chúng tôi càng phục ông khi biết ông được chính phủ Pháp tặng Huy chương *Légion d'Honneur*, một Huy chương vinh dự nhất của Pháp, nhưng ông khước từ.

***

Có lần, tôi muốn chơi nghịch, chọc ông Vĩnh mà không cho ông biết. Tôi mượn cái tên Lệ-Chi của một người bạn gái thân yêu để ký một loạt bài về phụ nữ, bằng Pháp văn, trong tờ báo Pháp *L'AMI DU PEUPLE INDOCHINOIS* của Giáo sư MICHEL. Tôi «công kích» một

bài của ông Vĩnh trong *L' ANNAM NOUVEAU*, nhan đề là « *NOS ENFANTS CHANTENT, NOS ENFANTS JOUENT* » (Trẻ em hát, trẻ em chơi), ông giảng nghĩa ra Pháp văn một bài hát :

« *Chi chi chành chành, cái đanh thổi lửa, con ngựa đứt cương, v.v...* »

Với bút hiệu Lệ-Chi, tôi cãi lại, cho rằng ông Nguyễn-Văn-Vĩnh giảng sai. Thực tình, tôi nghịch ngợm, giả làm một nữ sinh viên để bắt bẻ ông chơi, xem ông bảo sao, chứ đâu dám cãi bướng với ông ! Vì vậy mà có cuộc « bút chiến » giữa ông Nguyễn Văn Vĩnh và « Cô Lệ-Chi », khá sôi nổi hồi tháng 7-1935. Độc giả hai tờ báo chắc là tủm tỉm cười, theo dõi cuộc bút chiến lý thú kéo dài gần một tháng. « Lệ-Chi » là cô gái nghịch ngợm, ranh mãnh, nhí nha nhí nhảnh, còn Nguyễn văn Vĩnh tuy là già nhưng cái giọng châm biếm vẫn còn hăng, quyết liệt mà không đồ quạu. Rốt cuộc, ông viết như sau đây :

« Nếu cô Lệ-Chi mới đỗ Tiến sĩ Vật lý học ở Pháp về, (1) chắc cô cũng chưa có chồng và chưa có con. Tôi khuyên cô nên có con đi đã rồi hãy nói chuyện với tôi về cách trẻ em hát và trẻ em chơi. Tôi thì tôi đã có chút ít kinh nghiệm về trẻ con bởi tôi là một đứa trẻ con đã già. »

Tôi còn nhớ mãi câu của ông là « je suis un vieil enfant » (Tôi là một đứa trẻ con già) !

---

(1) Lúc bấy giờ ở Hà nội có một cô Sinh viên đỗ bằng Tiến sĩ Vật lý học ở Pháp mới về. Ông Nguyễn-Văn-Vĩnh đoán chừng « Lệ-Chi » là cô Tiến sĩ ấy.

Tôi phục câu ấy quá. Sau đó Nguyễn-nhược-Pháp cười bảo ông bố : « Cô Lệ-Chi là N. V. đấy, thầy ạ ! » Cây Vĩnh cười hà hà : « Thế mà thầy cứ tưởng là có cô Lệ-Chi thật ! »

Tết năm ấy, tôi đến mừng tuổi ông Nguyễn-Văn-Vĩnh. Với bàn tay Hộ pháp, ông tươi cười vỗ mạnh trên vai tôi :

— Chúc cô Lệ-Chi đầu năm đẻ con trai, cuối năm đẻ con gái nhé !

Tôi mắc cỡ đỏ mặt, nếu không có Nguyễn-Nhược-Pháp trong nhà chạy ra, tay bắt mặt mừng, thì có lẽ tôi đã té xỉu trong hai cánh tay lực lưỡng của ông già duyên dáng ấy.

***

Hôm được tin Nguyễn-Văn-Vĩnh chết ở bên Lào, ngày 2-5-1936, tôi ngồi nơi bàn viết ở Khâm-Thiên nhớ đến cụ, bỗng dưng hai dòng nước mắt trào ra.

Tội nghiệp cụ Vĩnh ! Trong lúc, kẻ biết xu thời đang ngất ngưởng cân đai ở Huế, vênh váo bên ngai rồng, thì một bậc văn hào lỗi lạc, một nhà ái quốc trung trực và liêm khiết, bị quẫn bách về tài chánh, đã vỡ nợ, theo ông Amédée Clémenti (1) sang xứ Lào để tìm vàng, đi phiêu lưu mạo hiểm trong rừng thiêng nước độc, rồi chết trên một giường bệnh, vì bệnh sốt rét rừng, xa vợ, xa con, xa quê hương xứ sở, trong túi không có một đồng xu !

(1) Người Pháp, chủ nhiệm báo L'Argus Indochinois, thân Việt, chống Pháp, kẻ thù của chính phủ thuộc địa, bạn thân của ô. Vĩnh.

Quan tài của cụ Nguyễn-Văn-Vĩnh được đưa xe lửa từ Lào về đến ga Thường Tín, ở phía Nam Hà-Nội, cách thủ đô khá xa. Tất cả các giới sĩ, nông, công, thương ở Hà-Nội và các tỉnh lân cận đều tự động kéo nhau đi, sắp hàng tư, hàng năm, có đến mấy chục ngàn người, đi bộ gần cây số, để đón rước linh cữu của bậc Văn hào.

Linh cữu đến ga hàng Cỏ Hà-Nội giữa một biển người im lặng, ai nấy đều cúi đầu, rưng rưng nước mắt. Linh cữu được đưa vào đặt tại Hội quán Hội Tam Điểm (Loge de Franc-Maconnerie), đường Gambetta, nơi đây có ông Lê Thăng, Tiến sĩ Luật khoa, cộng sự viên Báo L'Annam Nouveau ông Phạm huy Lục, Viện trưởng Viện Dân biểu Bắc kỳ, và hai người Pháp hội Viên Hội Tam-Điểm, đứng túc trực đêm ngày.

Hôm đám tang Nguyễn-Văn-Vĩnh, một số anh em làng Văn nhóm tại Tòa soạn Báo PHƯƠNG ĐÔNG của Lan Khai, thảo luận về việc đưa đám. Có mặt trong buổi họp : Trương Tửu, Lan Khai, Lưu trọng Lư, Nguyễn Triệu Luật, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân, tôi và TchyA. Anh em muốn tôi làm bài điếu văn vì tôi chơi thân với Nguyễn nhược-Pháp, con của ông. Tôi từ chối :

— Các anh muốn làm điếu-văn thì làm. Các anh muốn đọc mấy bài điếu văn để ca-ngợi ông Vĩnh cũng được. Riêng tôi, tôi chỉ mong được vinh-dự khiêng quan-tài của Nguyễn-Văn-Vĩnh.

Sau cùng, chúng tôi đồng ý theo đề nghị của Lan Khai

giao việc soạn bài điếu văn cho Trương-Tửu. Rất tiếc, bài của Tửu thật cảm động nhưng lúc đọc xong anh bỏ vào túi áo rồi sau thất lạc đâu mất, tìm mãi không ra. Tôi nghi rằng đi đám ma về, Tửu vứt áo cho tiệm thợ giặt và bài văn điếu Nguyễn-văn-Vĩnh đã tiêu tan trong bọt xà-bông.

SÁCH DỊCH CỦA NGUYỄN-VĂN-VĨNH

Trước hết, tôi muốn nói đến sáng kiến « cải cách chữ quốc ngữ » của Nguyễn văn Vĩnh. Ông là người đầu tiên đề xướng một cải cách hợp lý hơn cả, như chữ F thay cho dấu huyền, chữ W thay dấu sắc, v.v... Sự cải cách của ông rất tiện lợi trong thời kỳ mà máy đánh chữ sản xuất ở Pháp và thông dụng ở Việt Nam chưa có clavier Quốc ngữ.

Nhưng sau xem chừng ít có người hưởng ứng nên Nguyễn văn Vĩnh bỏ trôi luôn... Ông đâu có ngờ rằng vài chục năm sau khi ông chết, Bưu Điện Việt-Nam áp dụng hệ thống « Quốc ngữ cải cách của Nguyễn văn Vĩnh » trong các điện tín.

Sau ông Vĩnh, còn nhiều người khác cũng đề-xướng những phương pháp cải cách chữ Quốc ngữ, khác hơn của ông, như Vi huyền Đắc và Edmond Chodzko. Ông sau này là người Tiệp-Khắc nhập tịch dân Pháp, làm thông ngôn có tuyên thệ tại Tòa Án Pháp ở Hải-Phòng, và rất thông thạo tiếng Việt, viết cả văn Việt.

Tuy nhiên, chỉ có « Quốc ngữ cải cách » của Nguyễn văn Vĩnh là giản dị hơn. Nhưng sở dĩ dư luận chung của quảng đại quần chúng không sẵn sàng chấp nhận và không sốt sắng hưởng ứng, là vì người ta cho rằng 5 dấu ´ ` ? ~ .

và những âm như Ke, Kê, Ki, Qu, Ph v. v... là những đặc điểm của vần quốc ngữ, đã có từ lâu và không trở ngại gì cho việc học và viết tiếng Việt Nam.

Sau cùng, Nguyễn văn Vĩnh cũng nhận thấy rằng mỗi ngôn ngữ và ký âm của mỗi giống dân đều có những đặc tính riêng biệt, tiêu biểu cho sắc thái ngôn ngữ của giống dân ấy, và sự sửa đổi sẽ làm xáo trộn vô ích, nên ông không tha thiết tuyên truyền cho « Quốc ngữ cải cách » của ông nữa. Tất cả các tác phẩm của ông đều viết theo quốc ngữ chính thức.

***

Nguyễn văn Vĩnh viết rất nhiều trong mục xã-thuyết bằng Việt văn và Pháp văn trong Đông Dương tạp chí, Trung Bắc Tân văn, L'Annam Nouveau, về đủ các đề tài, chính trị, văn hóa, học thuật, kinh tế, xã hội.

Ngoài ra, ông dịch nhiều hơn là sáng tác. Sự nghiệp lớn lao nhất của ông là dịch truyện KIỀU của Nguyễn Du ra Pháp văn (dịch và chú giải), và dịch bộ truyện LES MISÉRABLES của Victor Hugo ra Việt văn.

Ảnh hưởng và uy tín của Nguyễn văn Vĩnh mạnh mẽ nhất trong giới trí thức Việt và Pháp thời bấy giờ, là do hai bộ sách dịch này. Người Pháp hiểu được truyện Kiều là nhờ bản dịch của Nguyễn văn Vĩnh. Sau Nguyễn văn Vĩnh, mới có René Crayssac, Công Sứ Pháp ở Vĩnh-Yên, dịch quyển Kiều ra bằng thơ Pháp, thơ Alexandrins, 12 chữ, dựa theo bản dịch bằng văn xuôi của Nguyễn văn Vĩnh.

Điều đó, tôi thấy ít nhà văn học sử để ý đến.

Bản dịch bộ truyện LES MISÉRABLES rất công phu. Nguyễn

văn Vĩnh hãnh diện với công trình này nhiều hơn là với bản dịch truyện KIỀU. Ông có giãi bầy « tâm sự » với chúng tôi : « Dịch quốc ngữ ra tiếng Pháp dễ hơn dịch tiếng Pháp ra Quốc ngữ ». Nhiều khi ông mất hằng nửa tiếng đồng hồ để tìm ra một câu Việt diễn tả đúng với câu Pháp văn của Victor Hugo. Có những lúc dịch được, ông khoái lắm. Có những lúc ông không thỏa mãn, đành dịch gượng bằng một câu dài thòng, hoặc một câu ngắn ngủn.

Một hôm, ông ngồi uống trà với hai thằng trẻ : Nguyễn nhược Pháp, con ông, và tôi. Trong câu chuyện về sách dịch, tôi nửa muốn học hỏi, nửa muốn bắt bí ông chơi, tôi bảo :

— Thưa cụ, nếu bây giờ phải tái bản bộ sách dịch LES MISÉRABLES, cụ có sửa lại cái tên sách không ?

— Sao lại phải sửa ?

— Thưa cụ, tên sách NHỮNG KẺ KHỐN NẠN, sợ có nhiều độc giả hiểu lầm.

Nguyễn nhược Pháp mỉm môi cười, và gật đầu đồng ý với tôi. Cụ Vĩnh cũng cười, khôi hài :

— Le misérable, c'est Victor Hugo ! (Kẻ khốn nạn, chính là Victor Hugo !)

Cụ cười hà hà, rồi nói tiếp, cũng bằng tiếng Pháp :

— Il a inventé ce mot misérable, qui m'a donné de bien gros fils à retordre... Oui...! j'ai été très embêté en cherchant un mot annamite équivalent pour le traduire. Enfin, j'ai adopté « Những Kẻ Khốn Nạn », faute de mieux.

(Ông ta đặt ra chữ khốn nạn ấy, làm cho tôi bối-rối như tơ vò... Thật thế! Tôi rất bực mình khi tìm một tiếng Việt tương đương để dịch chữ Misérables. Sau cùng tôi đành dùng chữ « Những Kẻ Khốn Nạn », không tìm được chữ nào hay hơn.

Nguyễn nhược Pháp mím môi bảo :

— Giá thầy (1) dùng « Những Kẻ Khốn Khổ » thì thầy đỡ bực mình.

Cụ Vĩnh lại cười, ngó đứa con trai :

— Ah, maintenant, le misérable, c'est toi! Tu ne m'as dit ça avant!

(À, bây giờ Kẻ Khốn Nạn là mầy! Sao trước kia mầy không nói cái đó với tao?)

Pháp phớt tỉnh trả lời :

— Con được đọc bộ dịch Les Misérables của thầy 3 ngày sau khi xuất bản!

Sau cùng, ông Nguyễn văn Vĩnh nhìn nhận rằng : nên để : « Những Kẻ Khốn Khổ » hay là « Những Kẻ Khốn Cùng » thì đúng hơn. Cụ cũng không hiểu tại sao cụ không dùng chữ « khốn khổ ».

Cụ muốn lấy rượu đãi cho hai thằng bé con ranh mãnh nhưng chúng tôi không biết uống rượu. Nguyễn nhược Pháp chìa tay xin « thầy » tiền đủ mua hai vé xi-nê. Cụ Vĩnh móc túi quần, không có tiền, chạy vào nhà trong, hỏi bà cụ và đem ra cho chúng tôi 20 đồng (2).

---

(1) Nguyễn nhược Pháp gọi ông Vĩnh bằng « thầy ».

(2) theo thời giá bây giờ là 2.000 đồng.

3.— Phạm - Quỳnh

Một hôm, bọn học sinh chúng tôi, được các giáo sư cho biết là chiều thứ Bảy ông PHẠM QUỲNH sẽ diễn thuyết tại giảng đường của trường Cao đẳng, chúng tôi nô nức đợi đến chiều ấy để nghe.

Ông chủ nhiệm tạp chí *NAM PHONG* sẽ diễn thuyết bằng tiếng Pháp, về một đề tài rất hấp dẫn :

LE PAYSAN TONKINOIS À TRAVERS LE PARLER POPULAIRE.

(Người dân quê Bắc Việt, xét qua ca dao bình dân.)

***

Kể ra chúng tôi đọc tạp chí *Nam Phong* đã lâu lắm rồi. Riêng tôi, tôi đã được đọc nó thỉnh thoảng một đôi quyển, của Thầy tôi mượn ở đâu về, vì thời bấy giờ tạp chí *Nam Phong* ít có bán ở các tiệm sách. Hầu hết độc giả *Nam Phong* là những quan lại, hoặc một số « trí thức thượng lưu » và « trung lưu » mua năm. Khuynh hướng chính trị gác hẳn ra một bên, chỉ đứng về phương diện văn học mà thôi thì chúng tôi, tất cả thanh niên trí thức lúc bấy giờ, đều phục cái tài cao học rộng của ông Phạm Quỳnh.

Chữ Pháp, ông viết rất trôi chảy, với một lối hành văn rất bóng bẩy văn hoa, vừa giản dị, khúc chiết, vừa dồi dào ý tưởng.

Việt văn của ông cũng thế. Câu văn rất được săn sóc, điêu luyện theo như hành văn Pháp, rất thận trọng trong việc dùng chữ. Ông đưa đẩy ngòi bút đi dịu dàng, chững chạc, không dây dưa rườm rà, hoặc nặng nề theo kiểu một số nhà Nho, như ông Cử Dương Bá Trạc hay ông Lê Dư, cũng không cứng rắn và đôi khi quá giản dị, thực tế, như cú pháp của ông Nguyễn văn Vĩnh.

Văn của Phạm Quỳnh là lối văn quý phái, « lối văn hàn lâm viện » như người Pháp nói.

Không thế nào không nhìn nhận rằng thời bấy giờ, ai đọc văn của Phạm Quỳnh cũng đều phải phục văn tài của ông.

Nhất là tụi thanh niên chúng tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi cuốc bộ trên vỉa hè phố hàng Da, thấy ông Phạm Quỳnh ngồi chễm chệ trên chiếc xe-kéo nhà, sơn màu gạch bóng loáng, từ trong cổng nhà ông đi ra, hoặc đi đâu về.

Đi xe-kéo nhà như thế, là sang nhất lúc bấy giờ. Ông mặc quốc phục Việt, áo dài the đoạn, hoặc Satin, — không bao giờ Phạm Quỳnh mặc Âu phục, — chân luôn luôn mang giày escarpin (một kiểu giày của những người trưởng giả thời ấy), đầu chít khăn đóng, mắt đeo kính trắng. Vì điệu bộ quý phái ra vẻ bệ vệ của ông mà đám thanh niên trí thức chế nhạo ông, đặt cho ông cái biệt hiệu là « KÍNH TRẮNG TIÊN SINH ». Tiếng Bắc, *kính* tức là *kiếng* trong tiếng Nam.

Phạm Quỳnh rất là tự cao tự đắc. Tôi có thể nói vô tư rằng ông là nhà văn sĩ kiêu ngạo nhất thời

Tiền chiến, nhưng bề ngoài ông lại làm ra vẻ rất khiêm tốn, — cái khiêm tốn giả dối, tính toán, của những người thiếu thành thật tự nhiên, của những kẻ dùng nó làm mánh lới khôn khéo để tự tăng cao địa vị của mình.

Kẻ chép hồi ký nầy đã có dịp ngồi nói chuyện trong nửa giờ đồng hồ với ông Phạm Quỳnh, tại nơi bàn giấy của ông ở Huế, lúc ông làm Thượng Thơ bộ Học, năm 1936, dưới thời Bảo-Đại. Cái làm cho nó chú ý nhất trên gương mặt của nhà học giả quan liêu ấy là cặp mắt của ông. Nó nhận thấy dưới đôi kính trắng gọng vàng kia một cặp mắt rất là ranh mãnh, quỷ quái. Tất cả cá tính của Phạm Quỳnh đều ánh ngời trong cặp mắt tinh ranh xảo quyệt ấy. Ông ít khi tự nhận là Nhà Văn, mà chỉ thích người ta gọi là nhà Học giả, — chính ông tự gán cho ông cái danh hiệu là CLERC.— Tuy ông vẫn có nụ cười và giọng nói khiêm tốn, nhưng cái vẻ khiêm tốn giả tạo không sao che lấp được tư cách chân chính của ông, là tư cách của một kẻ giả dối và rất kiêu căng, muốn chưng bày cái phong độ của người « quân tử » theo « triết học Khổng giáo ».

***

Hôm chiều thứ Bảy ấy, ông Phạm Quỳnh diễn thuyết bằng tiếng Pháp tại giảng đường Cao đẳng Đông-Dương ở Hà Nội, đường Bobillot, sinh viên đến nghe rất đông. Ở từng dưới, là các dãy ghế danh dự, có ông Thống sứ Bắc Kỳ chủ tọa, với tất cả các nhân vật cao-cấp Pháp Việt ở Hà Nội, đa số là Tây và Đầm. Còn chúng tôi là sinh viên thì chen nhau đứng chật bao lơn từng trên, — theo tiếng thông dụng các rạp hát lúc bấy giờ gọi là trên « chuồng gà » (poulailler).— Tôi đứng với một đám nam sinh

và nữ sinh trường Thuốc và Sư phạm, phía bên trái. Có một cô bạn cứ ho từng cơn, khiến chúng tôi rất bực mình.

Sau lời giới thiệu của viên Giám đốc Học Chánh Bắc Kỳ, ông Phạm Quỳnh từ phía sau giảng đường ung dung bước ra diễn đàn. Ông rất bình tĩnh, thong thả, bệ vệ.

Lúc bấy giờ không có Micro, nhưng Phạm Quỳnh cất tiếng nói rõ ràng, chững chạc, êm ái. Chúng tôi ở trên « chuồng gà » nghe rất rõ. Đứng nói mấy lời cảm ơn các quan khách, rồi ông thong thả ngồi xuống ghế, trước chiếc bàn gỗ gụ lớn, trải tấm khăn nhung xanh màu da trời.

Ông đủng đỉnh gỡ cặp kiếng trắng gọng bạc để xuống bàn, lấy cặp kiếng trắng gọng vàng đeo vào, và rút trong túi áo ra một xấp giấy đánh máy.

Ông cất tiếng nói. Ông không chúi mũi xuống giấy như nhiều diễn giả khác đọc như đọc bài văn tế. Ông cũng không nói lung tung lộn xộn như một số diễn giả khác không theo một dự thảo hoạch định trước. Ông đã viết sẵn bài truyết trình, rồi theo đó mà nói, thỉnh thoảng mới ngó vào giấy, nói rất tự nhiên, rất lưu loát, văn hoa. Chúng tôi đứng trên chuồng gà im phăng phắc, nghe mê. Trừ cô bạn cứ ho sù sụ, làm át cả tiếng nói của diễn giả. Tất cả đều phục ông Phạm Quỳnh có tài hùng biện, hoạt bát, duyên dáng mà vẫn nghiêm nghị. Lần đầu tiên chúng tôi được nghe một người Việt Nam diễn thuyết trước công chúng trí thức Việt Pháp trên 500 người, bằng tiếng Pháp lưu loát hấp dẫn như thế. Hôm ấy, ông Phạm Quỳnh đã gây được lòng, khâm phục hoàn toàn của toàn thể thính giả Pháp và Việt.

Tôi ra về thỏa mãn. Từ đó về sau, cũng như hầu hết các

bạn trẻ sinh viên, tôi đã đọc tất cả các sách của Phạm Quỳnh xuất bản. Tác phẩm của ông đều là những bài ông đã viết đăng trong *NAM PHONG*, và gom góp in ra thành sách. Dù nghèo túng đến đâu, chúng tôi cũng rán để dành tiền mua sách của Phạm Quỳnh. Chúng tôi đã học hỏi được rất nhiều trong các sách của ông. Chúng tôi cũng chịu ảnh hưởng nhiều trong lối hành văn và cách diễn đạt tư tưởng của bậc Văn sĩ tài hoa ấy.

Bởi sách học trong nhà trường không dạy cho chúng tôi hiểu biết thêm mấy tý về các môn học thuật cao siêu của Đông Tây, nên chúng tôi đã noi theo gương của ông Phạm Quỳnh mà tìm cách tự học thêm với các sách cổ kim Âu Á. Nhận thấy ông Phạm Quỳnh đã trở nên nhà học giả hiểu rộng biết nhiều, tư tưởng và học thuật uyên thâm, nên bọn trẻ sinh viên của thế hệ chúng tôi đã say mê văn hóa, và theo vết chân của bậc tiền bối mà lo tự học, để làm giàu cho trí óc.

Về phương diện thuần túy học thuật và Văn hóa, chúng tôi đều biết ơn ông Phạm Quỳnh, cũng như ông Nguyễn văn Vĩnh vậy.

***

NĂM 1936, có dịp đi Huế, kẻ tiện sĩ nầy có đến thăm ông Phạm Quỳnh, Thượng Thư Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Nói đến yết kiến ông, nhưng sự thực là có mục đích hỏi ông tại sao ông lại sửa đổi chương trình giáo dục ở các lớp sơ học, làm đình trệ bước tiến của thế hệ thiếu niên mới.

Tôi đi lang thang vô thành nội, tìm đến cửa Hòa-Bình. Tôi ái ngại bước vô cửa, gặp một người lính lệ, liền đưa

danh thiếp. Chỉ e ông Thượng Thư kiêu hãnh không tiếp mình.

Nhưng ông cho mời vào. Ông mặc áo xa tanh đen, đeo thẻ ngà tòn ten trên ngực, chân vẫn mang đôi giày escarpin đen, mắt vẫn đeo đôi kính trắng gọng vàng. Và ông vẫn nói tiếng Pháp.

Nghe ông thuyết một hồi lâu, tôi có cảm tưởng rằng vị Học giả nay làm Đại thần bên cạnh nhà Vua, hình như không muốn cho thanh niên Việt Nam học giỏi như ông. Ông công kích những người học giỏi, du học ở ngoại quốc về, như Nguyễn Mạnh Tường, Lê văn Kim. Ông muốn có một nền Quốc học thu hẹp trong phạm vi Annam mà thôi. Ông muốn đem cái học Tống Nho, với mớ đạo lý Khổng Tử, Mạnh Tử, mà áp dụng theo môn học thuật đời nhà Tống, để đào tạo một lớp Tống Nho Việt Nam, dung hòa với một ít học thuyết Descartes... Ông muốn kéo thanh niên trí thức Việt Nam giật lùi lại vài ba thế kỷ, không cần tiến lên theo trào lưu Văn hóa Âu châu. Tôi hoàn toàn không đồng ý với ông về chủ trương phản tiến bộ ấy.

Tuy vậy, khi tôi nghe Phạm Quỳnh bị Việt Minh tàn sát ở Huế, tôi thật bùi ngùi cho số phận của con người tài ba lỗi lạc. Tôi quen nhiều với người rể của ông là Tôn thất Bình, chủ bút báo *LA PATRIE ANNAMITE* và giáo sư trường Thăng Long. Tôi quen biết con trai của ông là Phạm Bích, cử nhân luật, năm 1948 khi ông làm Bí thư của Bảo Đại, ở Đà lạt. Hai người nầy đáng mến, mặc dầu không biết tý gì về Văn học cả, nhưng người con trai khác của ông là Phạm Giao thì chỉ là một tay ăn chơi, không được tích sự gì.

Phạm Quỳnh chính là đúng vào câu châm ngôn « Cha làm thầy mà con bán sách ».

Nếu ông Phạm Quỳnh đừng xen vào chính trị, đừng hãnh diện làm kẻ tôi tớ của chính sách thuộc địa Pháp, nếu Phạm Quỳnh đem hết trí thông minh lớn lao và tài văn nghệ rất hoạt bát của ông để phụng sự hoàn toàn cho Văn Học Việt Nam, thì chắc là ông đã để lại một sự nghiệp Văn Hóa vĩ đại vô kể, và thanh danh của ông đâu còn bị một vết nhơ ?

Thật đáng tiếc thay !

SO-SÁNH
NGUYỄN-VĂN-VĨNH với PHẠM-QUỲNH

Giới trí thức Hà Nội Tiền Chiến thường so-sánh hai nhân vật này, vì họ hoàn toàn trái ngược nhau. Trên bình diện chính trị, ông Phạm-Quỳnh chủ trương *Bảo-Hoàng*, yêu cầu chính phủ thuộc địa áp dụng đúng đắn Hiệp ước Patenôtre (1884), trao trả quyền hành chánh cho Bảo-Đại ở cả Trung và Bắc-kỳ, theo một hiến pháp do Phạm Quỳnh soạn thảo, và được các báo Pháp đương thời gọi là « Constitution PhamQuynh. »

Nguyễn văn Vĩnh, trái lại, đòi thực hành cho Trung Bắc-kỳ một chính sách mà ông gọi là *Administration Directe* (trực trị), nghĩa là dẹp bỏ ngôi Vua, để Pháp trực tiếp cai trị với sự tham gia hành chánh trực tiếp của nhân dân do Thượng, Hạ Nghị Viện của Nhân-dân bầu cử.

Dĩ-nhiên, người Pháp theo thuyết Phạm-Quỳnh.

Cuộc « Bắc tuần » ra Hà-Nội của Bảo-Đại và, kế sau đó vài năm, của Nam Phương Hoàng hậu, đồng thời sự ban chức rất lố bịch cho viên Thống Sứ Pháp làm « Khâm sai Đại thần », đại diện uy quyền Bảo Đại ở Bắc-kỳ, chính là để khởi điểm cho chính sách Bảo hoàng của Phạm Quỳnh.

Chủ trương « Trực trị » của Nguyễn văn Vĩnh bị Phạm Quỳnh đả kích kịch liệt trong các bài xã-thuyết của ông đăng trong nhật báo Pháp *France-Indochine* ở Hà-Nội. Để « an ủi » Nguyễn văn Vĩnh, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo *L'Annam Nouveau*, Chính phủ Pháp tặng ông Bắc-Đẩu Bội Tinh (Légion D'Honneur) là huy chương cao quý nhất của Pháp, nhưng ông Vĩnh không nhận.

Vụ huy chương nầy hoàn toàn giữ kín, dư luận dân chúng không hay biết gì, nhưng các giới trí thức và cách mạng ở Hà-Nội đều biết rõ, và sự khí khái của ông Nguyễn văn Vĩnh cương quyết từ khước « Légion D'Honneur » của Pháp, được các giới ấy, nhất là giới trí thức thanh niên nhiệt liệt hoan nghênh.

Uy tín của Nguyễn văn Vĩnh càng được tăng cao từ vụ nầy.

Về phương diện thuần túy Văn học, Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh cũng hoàn toàn trái ngược nhau.

Nam Phong Tạp chí, nguyên là do tiền trợ cấp của Chính phủ thuộc địa Pháp, và người sáng lập là Giám đốc Chánh trị vụ của Phủ Toàn quyền Đông Dương, tức cũng như Tổng Giám đốc Mật thám Phủ Toàn quyền.

Phạm Quỳnh có một lối văn Hàn lâm viện (style académique) rất văn hoa, nhưng chững chạc, nghiêm nghị, bệ vệ, văn Pháp cũng như văn Việt, khác hẳn lối văn giản dị thiết thực hoàn toàn bình dân của Nguyễn văn Vĩnh. Văn Pháp cũng như văn Việt của ông Chủ nhiệm *L'Annam Nouveau* và cựu Chủ bút *Trung Bắc Tân văn*, *Đông Dương Tạp chí*, thật là lưu loát, và thường châm

biếm, đúng với truyền thống hài hước, của tinh thần dân tộc Việt Nam. Văn Phạm Quỳnh có rất ít điểm hài hước hóm hỉnh đó.

Thanh niên Tiền chiến ưa tìm học hỏi nơi trí thức uyên thâm và văn chương hoa mỹ của Phạm Quỳnh, gác ngoài lập trường chính trị của ông, cũng như họ thích những kinh nghiệm về Văn hóa tổng quát, khoáng đạt, cởi mở, bình dân của Nguyễn văn Vĩnh.

Cho đến nếp sống cá nhân, gia đình, xã hội của hai người cũng cách biệt nhau xa.

Phạm Quỳnh đeo kính trắng gọng vàng, ngồi chiếc xe-kéo nhà quý phái, đi đứng thong dong, nói cười mực thước, chỉ giao thiệp với hạng thượng lưu, vì vậy mà các giới tnanh niên trí thức Hà-Nội gọi ông là «Kính trắng Tiên sinh», và « Học phiệt ».

Trái lại, Nguyễn văn Vĩnh thích mặc sơ mi, quần « short », cỡi xe mô tô, giao du với đủ các giới, nói to, cười lớn, ưa đánh tổ tôm, săn bắn và có óc phiêu lưu.

Ông Vĩnh có hai vợ, một bà Bắc, một bà Đầm lai, cả hai đều phải lo giúp đỡ ông, và gia đình ông tuy thuộc về giới thượng lưu nhưng luôn luôn túng thiếu.

Công việc kinh doanh của ông về sách báo, xuất bản, rất là rộng lớn mà phương diện tài chánh lại không được dồi dào.

Phạm Quỳnh, trái lại, được sung túc, ra vẻ danh gia thế phiệt, đại trưởng giả.

Kết cuộc số phận, hai ông đều là nạn nhân của hai thái cực : Phạm Quỳnh ra làm quan, lên bực Đại thần được tín dụng bên cạnh ngai vàng, quyền cao chức cả tột bực, để rồi, sau cùng, bị Việt Minh thủ tiêu vô cùng thê thảm, như một tên Việt gian khốn nạn.

Nguyễn văn Vĩnh bị phá sản, vì sự nghiệp Văn chương rủ một người bạn Pháp, cũng có óc phiêu lưu văn nghệ như ông, đi qua Lào để tìm mỏ vàng ! Sau cùng, ông chết ở Lào vì bệnh sốt rét rừng, xa Quê hương, gia đình, bạn hữu, như một « bô-hê-miên » bất cần định mạng.

4.— Vũ-Trọng-Phụng

1937.— Đọc được 7 trang trong quyển « Lục Xì », tôi vứt sách xuống đất, bảo anh Minh Phượng, nhà xuất bản, ở ngõ Văn Tân, phố Hàng Đẫy :

— Sao lại có cái thứ Văn bần thỉu thế nầy ?

Minh Phượng cười :

— Anh đã đọc hết quyển sách chưa ?

— Đọc bảy trang cũng như đọc hết rồi.

— Thế là anh lầm ! Sách khác, đọc 7 trang có thể nói là đọc hết ; chứ sách của Vũ trọng Phụng, đọc hết quyển sách chưa chắc là đã đọc được trang nào ! Huống chi anh mới đọc có 7 trang !

Minh Phượng vừa pha xong trà « Chính thái » vào chén nhỏ, mời tôi. Hơi bay lên, mùi trà thơm phức. Hôm ấy là ngày giỗ Bà Cụ Thân Mẫu của anh Minh Phượng. Cúng xong, anh bưng đĩnh trầm để trên bàn khách. Tôi ngạc nhiên sao khách không có ai nữa mà chỉ có một mình tôi. Nhà xuất bản rung đùi, cất tiếng ồ ồ ngâm Kiều :

— « Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình !... »

Tôi cắt ngang :

— Giờ phút nầy, ngồi với anh, tôi chẳng nhớ và cũng chẳng có tình tự với ma nào cả !

Sự thật thì hôm ấy tôi có nhiều chuyện buồn, cực chẳng đã anh Minh Phượng từ chiều hôm trước, đã bảo tôi sáng nay đến dùng cơm với anh thì tôi mới đi.

Tôi lặng lẽ đưa mũi giày đá luôn quyển Lục Xì vào trong xó tường. Quyển sách mới xuất bản, hãy còn mới tinh nằm xác xơ bên chân tủ.

Nhà xuất bản Minh Phượng là một bạn thân. Anh cười:

— Hôm nay, tôi chỉ mời có hai người bạn tôi quý nhất, nhưng có lẽ hai anh chưa quen với nhau.

— Ai thế anh?

— Vũ trọng Phụng, tác giả quyển sách vừa được hân hạnh nếm cái mùi đôi giày há mồm của anh đó. Hình như anh chưa gặp Phụng lần nào, phải không?

— Chưa.

— Tôi biết thế nên muốn nhân dịp hôm nay có kỵ cơm bà Cụ tôi, và quyển Lục Xì của anh Phụng ra đời, tôi giới thiệu anh và Vũ trọng Phụng để xem hai người bạn khó tính nhất trong làng Văn, và lại là hai người bạn quý mến nhất của Minh Phượng, sẽ đón tiếp nhau như thế hào.

Tôi biết Minh Phượng thích khôi hài. Người anh cao ngòng, như chàng Double-Patte trong màn ảnh. Hai con mắt ốc bươu. Mỗi lần anh ngó tôi là tôi có cảm tưởng như anh sắp nuốt sống tôi trong hai cái ốc bươu ấy vậy. Anh ngồi nhìn quyển sách của Vũ trọng Phụng, do anh xuất bản, vừa mới in xong, và anh lấy về quyển đầu tiên, không dè bị tôi đá lăn cù vô xó nhà. Anh tủm tỉm cười:

— Tôi sẽ ghi trong quyển nhật ký của tôi câu chuyện xảy ra hôm nay về quyển Lục Xì để sau làm giai thoại.

Rồi anh ngó đồng hồ :

— Phụng cứ hay đến trễ, mỗi khi tôi mời ăn cơm. Tôi mời đúng 11 giờ, thì 11 giờ 30 hắn mới đến. Còn hễ khi nào hắn đòi tiền bản quyền sách, tôi hẹn đúng 11 giờ thì chín giờ hắn đã lót tót đến rồi.

Minh Phượng cười ngó tôi :

— Anh cũng thế chứ gì ! Hôm nọ về tiền bản quyền *ĐỨA CON HOANG*, tôi hẹn anh 6 giờ chiều, 2 giờ anh đã dời gót ngọc đến gõ cửa tệ xá. Làm tôi đang ngủ trưa, phải bò dậy để đi chạy tiền trả cho anh !

— Đồng hồ của tôi lúc ấy là 6 giờ !... Tôi cười bảo.

— Thôi đi bố ơi ! Đồng hồ của các bố nhà văn sao mà khôn thế ? Của người ta 2 giờ, mà đồng hồ nào của các bố cũng là 6 giờ tất. Bố, hay Bố Phụng, Bố Trương Tửu, đều thế cả !

Chúng tôi cười hà hà. Ngoài sân, một chàng xô cổng sắt đi vào. Chàng mặc áo quần cũ mèm cũng như tôi, tóc chải rẽ một bên, người dong dỏng cao và gầy, mặt hình chữ nhật, hốc hác, trông tiều tụy.

— Bác định cho tôi ăn cơm trưa nay phải không ?

— Vâng, hôm qua con đã mời bố ạ !

— Bác bảo với tôi là mấy giờ ?

— 11 giờ. Bây giờ là 12 giờ.

— Mình đã lỡ hẹn với Lê Cường là 11 giờ mình đến lấy món tiền...

— Đã lấy chưa ?

— « Moa » đến từ 9 giờ, hắn đi vắng thế chó nào mà mãi đến 11 giờ chưa về !

— Thì chiều hãy đến Lê Cường vậy ! Thôi, mời bố ngồi đây... Bố có biết ai đây không ?

Tôi đứng dậy bắt tay chàng và tự giới thiệu. Chàng nhã nhặn xưng tên :

— Thằng Vũ trọng Phụng đây !

Chàng nói mà không cười. Vũ trọng Phụng nghèo thì ai cũng biết, nhưng có ai biết là anh nghèo cả nụ cười không ?

Minh Phượng bảo :

— Quyển Lục Xì đã in xong. « Moa » có lấy về một quyển để « toa » xem.

— Đâu ?

Minh Phượng quày ngó xó tường tít đằng xa :

— Đấy !

— Sao nó nằm đấy ?

— Vỹ vừa mới bảo Văn chương Lục Xì bẩn hơn cái mũi giày há mồm của hắn. Hắn cho sách cậu vào nằm đấy đấy.

Vũ trọng Phụng điềm nhiên ngó tôi :

— Anh Vỹ nói thế thì tôi phục. Hôm nọ, tôi đưa bản thảo cho Lan Khai đọc, nó chỉ biết khen ninh tôi, là hay, là kiệt tác. Tôi bảo với Lan Khai là hắn không biết thưởng thức Lục Xì. Bảo như Nguyễn Vỹ, là văn chương Lục Xì bẩn, thế mới là biết thưởng thức Lục Xì. Thằng Phụng viết Lục Xì để tả cái bẩn, mà đứa nào bảo Lục Xì thơm thì đứa ấy ngốc. Thế là nó chửi ngòi bút của tôi đấy. Tôi tả cái

bẩn mà anh ghê tởm được cái bẩn ấy, thế mới là anh nhận chân được cái giá trị văn chương của Lục Xì.

— Tôi mới đọc có 7 trang...

— Cái xã hội nầy bẩn quá, Vỹ ơi ! Tôi biết đem những cái bẩn đó mà dồn vào một trăm trang sách thì chưa hết được cái bẩn của xã hội hiện giờ. Nhưng với tụi mình, 7 trang như thế cũng đủ chán. Anh không cần đọc thêm nữa.

Vũ trọng Phụng đứng dậy đi lượm quyển sách trong xó nhà. Anh hỏi Minh Phượng :

— Quyển nầy là quyển đầu tiên trong nhà in bác lấy ra đấy chứ ?

— Vâng.

— Để tôi biên mấy chữ tặng anh Nguyễn Vỹ hôm nay. Anh cho tôi quyển khác.

***

Hai giờ chiều ra về, Phụng bảo tôi :

— Hôm nào rỗi, anh đến nhà tôi chơi.

Gần hai tháng sau, tôi mới có dịp đến thăm anh. Một căn nhà chật hẹp ở phố Hàng Bạc. Anh ở trên gác, gác còn chật hẹp hơn. Tôi leo lên cầu thang gỗ, một cửa sổ vuông có dựng song, để lọt vào một vài thước khối ánh sáng vàng khè. Phụng đang ngồi viết nơi chiếc bàn con, trên bàn để các thứ đồ dùng : một cây đèn với một cái bóng đầy khói chụp lên một đốm lửa xanh gần như hấp hối, bát, đũa, vài ba lọ thuốc Tây, thuốc Tàu, bình mực, giấy, bút, hộp đồ may, cái áo trẻ con, một trái bưởi...

Tôi ngồi trên ghế dài, mở nắp bình tích tự rót nước

vối ra ly để uống, khỏi làm rộn đến chị Phụng Chị sắp sửa đi đâu với đứa con nhỏ. Phụng hỏi tôi :

— Anh có con chưa, anh Vỹ ?

— Tôi là con của tôi rồi, còn có con làm gì nữa ?

— Thế thì anh sướng. Tết Trung Thu sắp đến đây, anh khỏi phải sắm cái đèn con cá cho anh.

— Con của anh chưa có đèn Trung Thu à ?

Phụng chỉ vào tờ giấy đang viết dở trên bàn :

— Tôi viết bài nầy định đem cho Tiểu Thuyết Thứ Bảy để lấy tiền mua đèn con cá cho con tôi. Có con phải nuôi con, thế là thường, nhưng có con lại còn phải sắm đèn con cá cho nó chơi, nếu không, Tết Trung Thu nầy tôi không phải là cha của nó nữa ! Anh nghĩ thế có buồn không ?

— Nó đòi cái đèn con cá hả ?

— Nó không đòi. Con tôi chẳng bao giờ biết đòi tôi cái gì cả. Ấy thế mình mới đau lòng ! Anh nghĩ xem. Chung quanh hàng phố, tất cả con nít nhà người ta đều đã có đèn chơi Trung Thu. Duy chỉ con mình là không có. Cả ngày nó cứ ngắm nghía thèm thuồng các thứ đèn giấy của lũ con trong hàng phố được cha mẹ của chúng mua sắm cho. Nó mơ ước được một cái đèn như thế, để chơi như con người ta. Nó muốn quá cho đến đỗi nó buồn bã không chịu ăn cơm. Mẹ nó hỏi nó : « Con thích chơi cái đèn gì ? ». Nó vui mừng trả lời ngay : « Con thích cái đèn con cá ». Tội nghiệp cho nó, nó tưởng nó thích thế thì mẹ nó đi mua cho nó chơi. Nhưng mẹ nó làm gì có tiền ! Không có tiền mua một

con cá thật để ăn thì nó ăn rau với đậu phụ được, chứ một con cá bằng giấy mà cũng không có tiền để mua cho nó chơi, thì nó biết chơi cái gì trong ngày Tết Trung Thu với trẻ con hàng phố? Anh xem, có tội nghiệp cho nó không!

— Hôm nay chị Phụng dắt cháu đi mua đèn con cá phải không?

— Nếu thế thì tội gì tôi phải ngồi viết mấy trang giấy nầy! Tôi ốm mấy hôm nay, anh Vỹ à. Nếu anh đến lúc nãy thì anh đã thấy tôi sốt-rét nằm li-bì trêu ván ngựa, chắc là không thể ngồi dậy để tiếp anh. Nhưng chỉ còn hai ngày nữa là Tết Trung Thu, tôi thấy con tôi muốn cái đèn con cá chơi đáng giá năm hào chỉ, chứ có nhiều nhõi gì mà chúng tôi không có tiền để mua cho con chơi. Trông thấy nó buồn bã, thèm muốn cái đồ chơi ấy quá mà không dám đòi, tôi phải gượng ngồi dậy viết một bài này để lấy tiền mua cho con cái đèn con cá...

— Anh viết xong chưa?

— Vợ tôi không cho tôi viết. Nó dắt thằng nhỏ đến nhà bà chị họ ở phố hàng Cau để vay tiền... Nhưng tôi biết là không vay được, vì gia đình nhà ấy không ưa tôi.

— Thôi anh nằm nghỉ. Khoẻ rồi hãy viết.

— Nếu tôi nằm xuống là chắc chắn không dậy được nữa.

— Anh nằm xuống, đọc tôi viết cho. Anh đã viết được mấy trang? Còn mấy trang nữa?

— Cảm ơn anh. Nhưng tôi không thể đọc được.

Tôi rờ tay Vũ trọng Phụng. Nóng như lửa. Nhưng anh can đảm đứng dậy, lấy hai viên prémaline uống một lúc. Tôi ra về để cho anh viết.

Đêm Trung Thu tôi trở lại thăm Vũ trọng Phụng. Trước cửa nhà anh, một đoàn nhi đồng vui vẻ kéo đi diễu chơi qua phố, mỗi em cầm một cái đèn giấy. Thằng con của Vũ trọng Phụng cầm cái đèn con cá, đi hàng đầu. Nó giơ cái đèn lên thật cao, miệng cười hí hởn. Bên cạnh nó có hai đứa bé vừa đi vừa đánh trống theo sau con lân nho nhỏ, múa qua múa lại thật là cuộc vui náo nức của các em.

Tôi lên trên gác. Vũ trọng Phụng đang nằm trùm mền, người anh nóng ran, có đến 39 độ. Chị Phụng đã chạy đi mua thuốc chưa về.

***

1938.— Nhờ một người bà con giúp vốn, chị Phụng mở một cửa hàng nho nhỏ, bán sách báo ở đầu phố hàng Nón. Tôi không gặp Vũ trọng Phụng lúc nầy, nhưng có lẽ đạo ấy anh đã đỡ khổ.

Phụng ít có bạn bè. Anh thường chơi với Nguyễn triệu Luật, Vũ Bằng, Lan Khai, nhất là Lan Khai. Thỉnh thoảng tôi gặp anh với Lê tràng Kiều, Lưu trọng Lư. Anh không ưa các nhà văn nhóm *Phong Hóa*. Anh ghét nhất Thế Lữ và Nguyễn tường Tam, nhưng có cảm tình với Khái Hưng.

Anh nói chuyện khẳng khái, lại ưa mỉa mai chua chát. Thỉnh thoảng, anh thích nói khôi hài, nhưng tôi chưa thấy Phụng cười lần nào. Một hôm 10 giờ sáng, anh đến nhà Minh Phượng đòi tiền bản quyền sách mà

nhà xuất bản còn thiếu anh. Minh Phượng đã khất với anh ba bốn lần rồi. Lần sau cùng, anh đến gặp bà vợ Minh Phượng, Minh Phượng đi vắng, bà bảo anh đi chơi một lúc rồi độ 11 giờ trở lại. Anh tức mình viết mấy chữ trên miếng giấy để lại cho Minh Phượng :

« *Tôi đến mấy lần, vợ anh đều cho tôi đi chơi.* »

« Vợ anh cho tôi đi chơi », là Phụng nói theo tiếng pháp « *Votre femme m'envoie promener* » nhưng theo lối nói mánh lới của tiếng Việt thì chữ « chơi » có nghĩa tục.

Minh Phượng đưa giấy ấy cho tôi xem, mặt anh đỏ gay, anh bảo :

— Vũ trọng Phụng đểu giả thật !

Tôi cười :

— Tại vợ anh... cho hắn đi chơi, chứ đâu phải tại hắn.

ĐÁM MA VŨ-TRỌNG-PHỤNG

1939. — Tôi đi lang thang dọc theo bờ Hồ Hoàn Kiếm. Bóng tôi phớt qua chầm chậm dưới bóng rặng dương-liễu buông rủ mành tơ trên mặt nước. Tâm hồn tôi cũng chầm chậm phớt qua như con chim xanh kia, trên mấy ngọn lá vương mây. Nhưng con chim đã hót lên một bài thơ ấm áp mà tâm hồn tôi sáng sớm hôm nay không hát được một bài thơ.

Trời vẫn đẹp. Hà-Nội buổi mai khoác một chiếc áo nắng màu hồng, như chiếc áo cưới. Sớm mai nào tôi cũng yêu Hà-Nội duyên-dáng khoác chiếc áo cưới hoa lệ của nàng. Tôi yêu Hà-Nội, nàng thơ lãnh-đạm kiêu-căng của tuổi niên-hoa. Nhưng sáng nay tôi ghét Hà-Nội vô cùng. Tôi lánh xa trong bóng liễu, vì tôi không muốn nàng khoác chiếc áo hồng trơ trẽn trên tôi. Tâm hồn tôi u-ám lạ! Tôi ngồi xuống gốc liễu.

***

— Kìa! đứa nào ngồi kia phải hắn không?

Tôi nghe tiếng Lưu-trọng-Lư rủ-rỉ như tiếng gió:

— Vỹ ơi!

Chuyến tàu điện đậu ở Cầu-Gỗ hình như sắp chạy. Nguyễn-nhược-Pháp trên tàu nhảy vọt xuống, băng qua đường ra đến cây liễu, nắm tay tôi, kéo tôi đứng dậy. Tôi không sao quên được nụ cười ảm-đạm trên môi anh. Không nói năng một tiếng, tác giả bài thơ « Đi Chùa Hương » đưa tôi lên tàu điện. Đi đâu? Bốn người đã ngồi trên ghế, riêng một bên, có lẽ đã hẹn nhau từ hôm qua, như một âm-mưu của im-lặng. Lưu-trọng-Lư, nét mặt xương xương, đôi mắt đục ngàu, áo quần màu xám không ủi. Lan-Khai ủ-rũ với cặp kiếng cận-thị, hai má trắng bệch như vôi. Trương-Tửu mắt đỏ, tai đỏ, tóc như chiếc bàn chải muốn quét một bóng mây đen trên vòm trán của chàng. Mộng-Sơn với một con mắt có vảy, môi không son, má không phấn, mặc áo đen quần đen. Nàng đưa nét mặt buồn tuyệt đẹp, ngó tôi, nói rất nhỏ:

— Anh đã hay tin... Vũ-trọng-Phụng chưa?

Tôi không muốn trả lời, ngồi xuống cạnh nàng. Nhược Pháp ngồi cạnh Lan-Khai.

Từ một tuần lễ, tôi đã biết Vũ-trọng-Phụng đau nặng, chỉ chờ chết. Tôi không muốn đến thăm, vì tính tôi như thế. Trông thấy cảnh tượng đau đớn, tôi chịu không được. Tôi nhìn những đau khổ riêng của tôi, rất bình tĩnh, lạnh lùng, nhưng tôi không có can đảm chứng kiến đau-khổ của một người khác. Trông thấy bộ mặt âm-thầm lặng-lẽ của bốn người bạn nầy, tôi không cần trả lời câu hỏi bùi-ngùi của Mộng-Sơn. Tôi cúi mặt xuống, châm điếu thuốc hút. Hai dòng nước mắt tự nhiên chảy xuống đôi má tôi, rớt xuống hai giọt làm tắt điếu thuốc tôi đang cầm nơi tay. Cả năm người đều không nói.

***

Một chuyến tàu tên là Im-lặng...

Tàu điện chạy qua hàng Gai... Hàng Bông. Đến vườn hoa Cửa Nam, nó đỗ một phút. Nguyễn Tuân bước lên với một nụ cười. Chỉ có một Nguyễn Tuân cười mà thôi, nhưng nụ cười « *vang bóng một thời* », xa xăm từ vạn-cổ. Tuân ngồi cạnh Nguyễn nhược Pháp, với vẻ trịnh-trọng, không cười nữa.

Tôi không nhớ ai hỏi :

— Ai làm bài điếu-văn bây giờ nhỉ ?

Tôi cũng không nhớ ai trả lời, Một người trả lời, và tất cả đều gật đầu đồng ý. Tôi vẫn làm thinh,

Sáng nay, đi lang thang dưới bóng liễu, tôi có cái buồn riêng, chứ chưa biết là Vũ-trọng-Phụng đã chết ngày

hôm qua. Bây giờ anh em rủ nhau đi chuyến tàu điện buổi sáng sớm này, tôi mới biết là chúng tôi đi đưa đám ma. Nhưng ngồi trên tàu điện mà bảo tôi làm bài điếu văn, thay mặt mấy anh em bạn thân của Vũ-trọng-Phụng, để chốc nữa. 8 giờ, đọc cho Phụng nghe dưới huyệt mả, thì thật là...

Tôi bảo :

— Đến giờ phút nầy, các cậu mới sai tôi viết bài điếu văn khóc Vũ-trọng-Phụng ?

Nguyễn Tuân còn trào phúng lố lăng :

— Tàu đến croisement Thái-Hà-ấp, cho thằng Vỹ xuống đề nó lên Gò Đống-Đa ngồi viết, cho kịp chuyến tàu sau nó lên, thì quan tài của thằng Phụng cũng vừa đến nghĩa-địa, không trễ đâu, tụi bây.

Lan-Khai bảo :

— Ngồi ngay trên tàu này viết không được sao ?

Nguyễn nhược Pháp cười tủm tỉm, nụ cười mỉm mỏi bất hủ của chàng. Anh móc cây bút máy trên túi áo đưa tôi :

— Đây viết đi, cậu.

Lưu trọng Lư hỏi :

— Đứa nào có miếng giấy lộn nào đó không, đưa cho nó, chứ nó viết bằng gì ?

Lan-Khai thò tay vào túi áo, móc ra bốn tấm giấy nhầu nát trao tôi : đây là hai mảnh giấy của một bà

nào đó gởi đòi nợ anh, một mảnh thứ ba không biết anh làm bài toán gì mà viết dày đặc những bài toán cộng, toán trừ, có lẽ là tính tiền nhà, tiền cơm, còn mảnh giấy thứ tư là bức thư của một cô tình nhân gửi cho chàng hôm chủ nhật trước.

Tôi khẽ đập đầu cán bút vào hai răng cửa của tôi, kêu « cóc-cóc-cóc »... Mộng-Sơn mỉm cười quay lưng lại tôi.

— Để tôi cho mượn cái lưng làm mặt bàn.

Tôi đặt tờ giấy trên lưng nàng, nguệch ngoạc mấy câu trong lúc tàu đang chạy rầm-rầm :

« *Vũ-trọng-Phụng ơi !* »

Tàu chạy đảo qua đảo lại nghiến trên đường rầy. Cái lưng mặc áo hàng đen của Mộng-Sơn lắc lại lắc qua. Nàng thơ cố gắng ngồi thẳng lưng, tôi bảo :

— Khòm xuống một tý...

Cái lưng khòm xuống một tý. Tôi viết tiếp :

« *Chúng tôi, những nhà văn đứng xúm quanh huyệt mả của anh đây, — chúng tôi thề rằng linh hồn của anh...* »

***

Đám ma của Vũ-trọng-Phụng lặng lẽ đi vào nghĩa địa, ở giữa quãng đường tàu điện Hà Nội — Hà Đông. Vài hạt sương còn long lanh trong lòng cỏ hai bên vỉa đường. Tàu điện vừa đỗ, Lưu trọng Lư muốn giựt bốn tờ giấy trong tay tôi vừa viết xong.

Cả nhóm đều dừng bước, để xem bài văn tế...

Nguyễn-Tuân hỏi :

— Cậu viết xong chưa, ?

Tôi nhét bốn tờ giấy vào túi :

— Tao không cho đứa nào coi cả. Tao viết cho Vũ-trọng-Phụng, một mình Vũ-trọng-Phụng sẽ nghe trước mà thôi.

Lưu trọng Lư bảo :

— Mầy xoàng lắm, tàu chạy gần 10 cây số, mà mầy mới viết được bốn trang ?

Chúng tôi im lặng, không đùa được nữa. Sắp hàng hai, chúng tôi bước chậm-chạp theo sau đám ma vào nghĩa-địa. Đi sát cạnh quan tài, chị Phụng khóc nức nở. Mấy đứa con của Phụng, còn nhỏ quá, mặc đồ tang đi theo sau, khóc sướt mướt. Tim tôi rỉ-rả, âm thầm, chậm chạp, như đám-ma đi trong ấy.

Quan tài hạ huyệt, Nguyễn Tuân khẽ đẩy tôi ra để thay mặt anh em làng Văn, đọc bài vĩnh biệt.

Lần đầu tiên tôi nghe Nguyễn Tuân khóc. Anh khóc như người ta hút thuốc phiện, từng cơn, chậm rãi, đều đều...

Lưu trọng Lư cũng thút thít bên cạnh tôi, làm tôi đọc không được. Tôi quay lại khẽ bảo :

— Yên, cho tôi đọc chứ !

Tôi chỉ nói ấm ức mấy tiếng nữa rồi nghẹn luôn. Nước

mắt trào ra. Ông Vũ-đình-Long, chủ nhiệm « *Tiểu-Thuyết Thứ Bảy* » lấy xấp giấy của tôi, đọc tiếp ba trang chót...

Vũ trọng Phụng chết đêm Thứ Sáu 13-10-1939.

Trang đầu bài điếu văn:

« *Vũ trọng Phụng ơi!*

Chúng tôi, tất cả những nhà văn đứng xúm quanh mả anh đây, chúng tôi thề rằng Linh hồn của Vũ trọng Phụng và Linh hồn của các bạn đã qua đời, Nguyễn khắc Hiếu, Nguyễn văn Vĩnh,... sẽ được tôn sùng xứng đáng.

Thế hệ các Văn nhân còn sống sót lại đây sẽ tạc cho các anh một pho tượng.

Chúng tôi sẽ lập lên, để thờ các anh, một ngôi đền.

Chúng tôi sẽ ghi tên các anh bằng chữ vàng, trên đá cẩm thạch.

Chúng tôi sẽ gây lên một phong trào cho Quốc dân được biết, và yêu, và kính trọng tất cả những người thợ có chân tài đã đắp một viên gạch xây nền Văn học Quốc gia...

. . . . . .

Nguyên văn bài nầy, Ông Vũ-đình-Long có đăng lại đầy đủ trong Tạp chí *Tao-Đàn* của ông, số đặc biệt về Vũ-trọng-Phụng, số 14 tháng 11, 1939.

Câu đối của Tchya khóc Vũ trọng Phụng:

« *Trời hỡi! Ông sao ác quá chi, nặng nghiệp văn nhân, chết vẫn ngậm hờn chưa đạt chí,*

Phụng ơi! Anh nỡ bay vội mấy, đau lòng mặc hữu,
sống còn sợ nỗi khó an thân.»

Câu đối của Lan Khai chép trong nhật ký :

« Thằng Phụng chết rồi, đau nhé Lan Khai, ngồi nhớ
bạn, xem hình, lòng mủi lệ!

Bọn mình sống sót, nói như Nguyễn Vỹ, muốn lập đền,
xây tượng, túi không xu!»

TÁC PHẨM VŨ-TRỌNG-PHỤNG

Văn chương của Vũ trọng Phụng phản ảnh đặc biệt nếp sống và ngôn ngữ bình dân Miền Bắc, lối ngôn ngữ trào lộng, mỉa mai, lúc tế nhị thì thật tế nhị, nhưng khi chát chúa thì không gì chát chúa bằng.

Con người Vũ trọng Phụng không thể viết lối văn nào khác được. Nét mặt xương xương, đôi mắt sáng quắc, nhưng đôi môi khô khan ít khi nở được một nụ cười vui tươi chân thật. Có cười chăng, cũng chỉ là một nét cười mỉa mai chua chát.

Đôi khi cũng là một nụ cười cay cú. Cả trong những buổi tiệc mà ai nấy đều vui vẻ, Vũ trọng Phụng vẫn trầm ngâm, ít thông cảm, không cởi mở. Cho nên anh ít chơi thân với ai, trừ Nguyễn triệu Luật (anh nầy từ điệu bộ đến ngôn ngữ, giống na ná anh Lê ngọc Trụ

ở Sàigòn) và Lan-Khai, Vũ-Bằng. Hôm Phụng chết, Lan-Khai xúc động, sẵn bút máy, đứng vẽ chân dung tác giả « Số đỏ » nằm trên giường chết. Nét vẽ đó rất giống Vũ trọng Phụng.

Nhà văn của giới dân nghèo, dân thợ, Phụng lại không ưa làm chính trị và không thích giao thiệp với nhóm nhà báo Cộng sản, như Chất, Kính, Trần huy Liệu. Anh phê bình mấy người đó là « đầu cơ dân nghèo ». Một hôm trong toà soạn báo *Tương Lai* của Nguyễn triệu Luật, Chất đi đâu ghé vào chơi, và trong một câu chuyện về thời sự, anh nhà báo Cộng sản nầy phê bình *Phan* bộ Châu là *Phản* bội Châu, và chưởi cụ Phan thậm tệ. Vũ trọng Phụng ngồi im, chỉ hút thuốc lào. Một lúc, anh đứng dậy ra đi, bắt tay mọi người, không thèm bắt tay Chất. Cậu nầy mắc cỡ, gọi Phụng lại và đưa tay ra, nhưng Phụng bảo :

— Cậu đưa tay lên tát cái mồm cậu ba tát, rồi thằng Phụng sẽ bắt tay cậu.

Nói xong, Vũ trọng Phụng điềm nhiên bước ra cửa.

Vũ trọng Phụng kể lại cho tôi nghe vụ đó một hôm ăn tiệc tại Nhà Xuất bản Minh Phượng.

Văn cũa Vũ trọng Phụng không màu mè, hoa mỹ như văn của Lan-Khai. Phụng viết rất giản dị, rất bình dân nhưng vô cùng thấm thía. Đọc nhiều trang tiểu thuyết của Vũ trọng Phụng, tôi có cảm tưởng như đọc Jack London. Trong lúc nói chuyện, Lan-Khai thường nhắc lại một vài đoạn văn của « thằng Vũ trọng Phụng », và cười ồ ồ lên, để tỏ ý phục cái giọng văn bao biếm thấm thía của tác giả « Lục Xì ».

Vũ trọng Phụng chết, chúng tôi thấy một trống rỗng lớn trong làng văn Việt-Nam ở những ngày tàn của thời đại Tiền Chiến... Không khí chiến tranh đã bao trùm đất Thăng Long, « nghìn năm văn vật »...

5.— Lê-Văn-Trương

Mười một giờ đêm. Cả dãy phố cuối đường Khâm-Thiên, gần Ô Chợ-Dừa, đã đóng cửa hết. Trên gác trọ tiệm buôn nước mắm cạnh tiệm giặt ủi và trường học *Thanh-Niên*, tôi cũng vừa tắt đèn, lên giường nằm. Bỗng có tiếng từ dưới đường gọi vọng lên, rất to :

— Vỹ ơi ! Vỹ !

Tôi làm thinh, lắng nghe xem tiếng của ai. Gọi như thế, hẳn là người bạn thân lắm, mà trong đám bạn thân có ai kém lịch sự đến thế ?

— Vỹ ơi ! Vỹ !

Rồi lại liên tiếp :

— Vỹ !... Vỹ ơi !... Vỹ !

Tiếng gọi thật to, vang động cả dãy phố. Tôi đã ngồi dậy định ra mở cửa ngó xuống đường xem ai, thì kế tiếp vang lên một loạt văn chương chửi thề :

— Đ... mẹ mầy, sao hôm nay mày ngủ sớm thế, hả Vỹ ?... Vỹ !... Vỹ ơi ! Dậy đi hát ả đào với tụi tao mày !

Thôi, đích thị là LÊ VĂN TRƯƠNG rồi ! Cái giọng chửi thề oang-oác lên như thế, chẳng sợ ai cười, bất chấp cả phép lịch sự đối với bạn bè, và đối người thiên hạ, không đếm xỉa đến hàng xóm láng diềng đang ngủ, chỉ có LÊ VĂN TRƯƠNG mà thôi.

Đáng lẽ tôi tức giận lắm. Nhưng nhờ tập được tính bình tĩnh, tôi thong thả dậy đi mở cửa, ngó xuống đường. Vừa trông thấy tôi thò đầu ra, anh chàng lại reo lên :

— Nó kia rồi ! Gớm, ngủ gì mà giờ nầy đã đi ngủ hả cậu ? Vào mặc quần nhanh lên đi Ngã-tư-sở hát ả đào chơi ! Nhanh lên, tụi tao đợi xe đây !

Tôi đang mặc pi-gia-ma, sao Lê-văn-Trương bảo tôi vào mặc quần ?

Tôi xấu-hổ quá. Ai lại nói đùa gì mà tục-tĩu thế bao giờ, mà lại la to lên cho cả dãy phố đều nghe ? Nhưng tôi vẫn điềm tĩnh, đứng trên bao lơn, ngó xuống. Hai chiếc xe kéo Omic (loại xe kéo tân thời nhất ở Hà-nội lúc bấy giờ) chở ba người, đang đứng chờ. Tôi hỏi khẽ :

— Lê văn Trương đấy à ?

Lê Văn Trương vẫn rống to lên, chẳng kiêng nể ai :

— Ừ, tớ đây ! Có cả thằng Lan Khai, thằng Nguyễn Tuân nữa. Chúng nó đang chờ mày cả đây.

Tôi vẫn khẽ giọng :

— Xin lỗi các anh, tôi ốm không đi được. Cho phép tôi ở nhà.

Lan Khai cười khàn, nhưng không la to như chàng Trương.

— Ốm thì xuống Ngã-tư-sở có các em thoa-bóp cho.

Tuân nói :

— Thôi tụi mình đi. Đừng phá nó.

Tôi đưa tay lên vẫy chào :

— Cảm ơn. Xin lỗi các anh nhé ! Mình đi ngủ đây.

Tôi vào phòng đóng cửa mà cũng còn nghe tiếng Lê văn Trương nói oang oang trên xe, khi xe đã chạy :

— Đ... mẹ cái thằng, sao hôm nay nó ngủ sớm thế?

***

Lê văn Trương như thế đấy. Rất vui tính, rất tốt, ăn to, nói lớn, mà nói luôn mồm, chuyên môn nói phét, nói tục, nhưng thành thật, ngay thẳng, không làm hại ai cả.

Chơi với bạn, phải hiểu tinh nết của bạn, luôn luôn tha thứ những nhược điểm của bạn, lúc nào cũng mến bạn, đó là phương châm xử thế của chúng tôi. Có lẽ nhờ sự thông cảm lẫn nhau đó mà một số nhà văn chơi được lâu với Lê văn Trương, con người rất ồn-ào, « ba hoa thiên địa ». Những người điềm đạm như Họa sĩ Nguyệt-Hồ lại thường phê bình Lê văn Trương bằng một câu : Mửng ấy « nan-du » lắm ! (1)

Lê văn Trương nói chuyện thế nào, thì viết tiểu thuyết cũng y như thế. Có thể nhận xét rằng : Lê-văn Trương là một cái máy nói và một cái máy viết. Anh sang Gia Lâm ở nhà Trương Tửu, trong một tháng viết liên tiếp 3 quyển tiểu thuyết, không ngưng tay. Đó là Trương Tửu nói lại với tôi, và tôi cũng tin là đúng. Có lần tôi ngồi với Lê văn Trương, suốt trong hai tiếng đồng hồ tôi chỉ nói được một câu, còn thì Lê văn Trương nói cả. Nói liên miên, và liên miên...

Anh ta ưa dẫn chứng những câu triết lý của vài danh nhân xưa mà anh ta đã đọc. Câu chuyện của anh

(1) Khó chơi (tiếng nói đùa)

thường được tô điểm với các tư tưởng xô bồ, các danh ngôn lẫn lộn của Platon, Socrate, Vương dương Minh, Nguyễn Du, Musset, Goethe, Byron, Hồ Thích, Đỗ Phủ, Tolstoi, v. v... gặp đâu nói đấy, nhớ gì nói nấy, nhiều khi chẳng ăn nhập vào đâu với đâu cả.

Người ít học ngồi nghe Lê văn Trương, chẳng biết đâu mà rờ. Người có học ngồi nghe anh, cũng... chẳng biết đâu mà rờ! Vì anh nói lung tung, loạn xị xà bần, đến nỗi nhiều khi anh tự mâu thuẫn với anh mà anh không biết.

Tuy vậy, Lê văn Trương vẫn là một « người của nguyên tắc », ngồi vững trên nguyên tắc như ngồi trên yên ngựa, chứ không chịu phóng túng, không ưa lãng mạn, không vượt qua các thành kiến sẵn có của tập quán. Anh hào hoa, cương trực, có vẻ anh hùng mã thượng lắm, nhưng tính lại nhát như thỏ, mềm như sứa.

Hồi làm báo *ÍCH HỮU* của Vũ đình Long, Lê văn Trương hay phô trương « *triết lý sức mạnh* ».

Hình như anh có chủ trương « đánh nhau » một lần với « bọn PHONG HÓA » của Nhất Linh.

Hồi đó *ÍCH HỮU* và *PHONG HÓA* đang bút chiến với nhau kịch liệt. Lê văn Trương định dùng « triết lý sức mạnh » để thanh toán bọn Nhất Linh. Anh muốn đấu gươm nữa kìa. Nhưng anh nói mà không làm.

1937, một buổi tối Lê văn Trương có tiền xốc xếch trong túi, rủ Trương Tửu và tôi đi « nhà hàng Mỹ Kinh », một tiệm ăn sang nhất ở Hà Nội, phố Hàng Buồm. Trong khi

chờ dọn các món ăn, chúng tôi uống chút ít apéritif, và nói chuyện phiếm. Tôi để ý ngay trước mắt tôi bốn thanh niên, có vẻ sinh viên trường Cao Đẳng, ngồi quanh một bàn nơi góc phòng, đang ăn và cười đùa vui vẻ, bỗng im lặng nhìn chúng tôi và nói xầm xì. Tôi có cảm tưởng là họ biết chúng tôi.

Bỗng một chàng đứng dậy, tiến đến chúng tôi và đứng ngay cạnh Lê văn Trương, hất hàm hỏi :

— Ông là Ông Lê văn Trương có phải không ?

Tác giả « Ngựa đã thuần rồi... » đáp :

— Phải.

— Tôi yêu cầu ông, chàng trai nói tiếp, nhường chỗ này cho tôi.

— Vì lẽ gì ?

— Vì lẽ tôi muốn ngồi đây.

— Không được. Bởi vì tôi đã ngồi đây rồi.

Chàng thanh niên liền đưa tay đánh Lê văn Trương một tát nảy đom đóm.

Trương Tửu đứng dậy toan nắm lấy chàng thanh niên vũ phu, nhưng hắn lễ phép bảo :

— Xin lỗi ông, tôi chỉ áp dụng Triết lý sức mạnh của ông Lê văn Trương. Tôi đã thực hiện triết lý ấy trong nhiều trường hợp ở đời, và nay rất hân hạnh được dịp áp dụng nó ngay với Lê văn Trương tiên sinh.

Lê văn Trương đang ngồi yên, không nói, một tay ôm cái má bị đánh đau, bỗng nổi giận la lên oang oác :

— Thế thì con đ... hiểu cái triết lý sức mạnh của bố rồi ! (Lê văn Trương rất hay dùng tiếng tục tĩu trong

lúc nói chuyện). Này, bố bảo cho con nghe : triết-lý sức mạnh không phải là tự nhiên đánh bố một tát tai đau thấy ông thấy cha như thế đâu, con nhé ! Triết lý sức mạnh là khi con đánh bố một tát tai hỗn xược như thế, mà bố không đánh lại con. Đấy là triết lý sức mạnh. Triết lý sức mạnh không phải là thằng nhãi con tự nhiên vô sự dùng sức mạnh đánh người lớn tuổi đáng bố nó, triết lý sức mạnh không phải là người lớn tuổi ỷ mạnh đánh đứa trẻ con. Triết lý sức mạnh không phải như thế. Hiểu như thế là đ.. hiểu triết lý sức mạnh của Lê văn Trương...

Trương Tửu ngồi ngả lưng ra ghế, cười ồ ồ như Trương Phi. Tôi thì điềm nhiên xem chàng thanh niên phản ứng thế nào. Chàng cười hăng hắc, trả lời ngay :

— À ra triết lý sức mạnh của Lê văn Trương là thế đấy ! Thế thì xin lỗi ông Lê văn Trương, vì tôi đã ghi bốn chữ triết lý sức mạnh trên má của ông... Thực ra tôi chỉ thử xem chính ông có hiểu triết lý sức mạnh của ông là cái quái gì không, thế thôi. Và tôi thoả mãn thấy ông đã hiểu sâu xa lắm. Xin chào ông.

Chàng thanh niên trở về bàn của hắn. Hôm ấy tôi thấy Lê văn Trương nói gượng, và ăn cũng gượng. Anh chỉ uống rượu nhiều hơn mọi khi, nhiều hơn cả Trương Tửu...

***

Nghe tôi sắp cho ra tờ tuần báo Pháp văn Le Cygne, Lê văn Trương đi xe « Omic » đến nhà tôi, trong tay cầm một quyển truyện. Anh vứt quyển sách xuống bàn hỏi tôi :

— Vỹ, cậu xem quyển này của tớ chưa ?

Tôi cầm sách lên xem : « Trước cảnh điêu tàn Đế Thiên Đế Thích ». Lật trang trong có mấy dòng tác giả đề tặng bằng Pháp văn « À mon ami, le poète Nguyễn Vỹ, Hommage cordial de l'auteur. » Tôi cảm ơn anh và hứa sẽ xem.

Lê văn Trương bảo :

— Tôi cho cậu dịch ra Pháp văn để đăng làm feuilleton trong Le Cygne đấy.

Tôi do dự vì chưa đọc sách, nên chưa biết thế nào mà dịch. Lê văn Trương nói tiếp :

— Cậu cứ dịch đi, tôi cam đoan với cậu là truyện này hay lắm. Đây là bộ truyện mà tôi ưa nhất đấy. Cậu cứ dịch, tôi không bắt cậu phải trả tiền bản quyền tác giả đâu mà sợ. Hơn nữa, nầy... tôi cho cậu xem...

Lê văn Trương thò tay vào túi quần, móc ra một gói bạc, vừa bảo :

—:.. Hôm nay thằng Vũ đình Long vừa trả tao 300 đồng, tao cho mầy 50 đồng để mầy lấy tinh thần, dịch quyển Đế Thiên Đế Thích ra Pháp văn để đăng trong Le Cygne của mầy. Cậu dịch đêm nay độ vài ba trang đủ làm feuilleton số 1. Số 1, hôm nào ra ?

— Thứ năm.

— Ừ, thế còn kịp thì giờ chán ! Cậu dịch đêm nay hai trang đầu, cậu nhớ viết vài dòng giới thiệu tác giả và tác phẩm nhé. Sáng mai cậu đưa thợ sắp là vừa.

Tuần báo Le Cygne số 1 ra đời, có tiểu thuyết Devant les ruines d'Angkor của Lê văn Trương, do N. V. dịch ra Pháp văn. Có hình của tác giả do tác giả đưa cho để làm bản kẽm, và mười dòng giới thiệu đàng hoàng.

Một tháng sau, Le Cygne mới ra được số 4. Chín giờ đêm thứ bẩy, tôi đang ngồi viết bài, bỗng giựt mình vì tiếng la lối om xòm của Lê văn Trương từ ngoài cửa phóng vào :

— Le Cygne của mày bán chạy lắm. Mầy phải trả tiền bản quyền Đế Thiên Đế Thích cho tao. Hôm nay tao hết tiền rồi. Nhanh lên, đưa đây 200 đi hát Ả-Đào !

— Tớ chưa thu được đồng nào của Le Cygne cả, — tôi bảo — cậu hỏi Trương Tửu thì biết. Chiều nay tụi này nhịn đói. Tửu phải về Gia Lâm ăn nhờ ông bố.

— Còn mầy ?

— Cậu có tiền thì đưa đây cho mình 6 xu ăn phở ?

— Thôi, tôi đ.. chơi với cậu. Hôm nay tao đã cạn túi, đến mầy, mầy lại « pô xu » nữa thì còn làm cái con khỉ gì được. Thôi, vứt mẹ bút đi ! Mặc áo quần vào, đi Khâm Thiêm hát một chầu rồi muốn ra sao thì ra ! Nhanh lên đi, mầy !

Tôi không muốn đi, vì một lẽ là không có tiền, hai nữa là phải viết một bài để sáng mai đưa cho thợ sắp. Nhưng Lê văn Trương bảo :

— Ông nói đùa, chớ ông có khối tiền đây. Đi đập trống cho khoái cái rồi sáng về mặc sức viết.

Lê văn Trương nhất định lôi tôi đi. Dọc đường anh còn rủ thêm hai người bạn nữa.

Đêm ấy hát nhà cô Đào Phúc ở Ngã-tư-sở. Phúc có tiếng là hát hay nhất ở đây. Phúc tiêm thuốc phiện cho Lê văn Trương hút với hai người bạn kia. Tôi thì nằm nghe Đào Loan kể cuộc đời phiêu bạt của nàng từ một nữ sinh trường Tiểu học Nam-Định đến một cô đào hát.

Sáng tôi thức dậy đã 8 giờ. Các cô ả-đào đã dậy trước, đang ngồi chải tóc, hoặc ra vào uể oải. Lê văn Trương và hai người bạn đã lên về từ lúc nào rồi, để tôi làm « valise » ở lại. (Có những người không có tiền mà vẫn đi hát, song cuộc tìm cách trốn, để lại đó một người làm « con tin » — otage — để chịu đựng. Thường gọi người đó là làm « valise »). Bây giờ tôi mới biết rằng Lê văn Trương muốn « chơi khăm » tôi một keo, nhưng ác nghiệt thay, tôi đâu có xu nào để « thanh toán » chầu hát cho cô Phúc ? Tôi đành nói thật cho Phúc và Loan nghe, nhưng Phúc « nhã nhặn » yêu cầu tôi cho Loan đi với tôi về nhà tôi cho biết chỗ tôi ở. Rồi từ đó, cứ cách vài ba hôm là cô Loan đến « thăm » tôi để đòi nợ chầu hát của Lê văn Trương đêm ấy.

Hôm sau tôi kể lại chuyện đó cho Trương Tửu nghe. Tửu tức giận bảo Trương : « Sao cậu đùa dai thế ? ». Trương la lên oang oang :

— Mày bảo với N. V. là nó xoàng lắm ! Nó không tán được con đào Loan để Loan trả hộ cái món ấy cho nó được sao ?

***

1958.— Sàigòn 21 năm sau. Một buổi chiều gặp Lê văn Trương đi lang thang trên đường Bonard, tôi rủ anh vào Kim Sơn ngồi. Nói chuyện phiếm một lúc, bỗng Lê văn Trương hỏi tôi với vẻ mặt rất là nghiêm trọng :

— À này, V., dạo ấy cậu đã trả cái món nợ chầu hát nhà con Phúc chưa nhỉ ?

Tôi phì cười, làm văng xa điếu thuốc đang ngậm trong môi.

— Mình tưởng thế nào Phúc hay Loan cũng di cư vào Sàigòn, nên cố ý tìm để trả món nợ một đêm, nhưng không gặp.

***

Tôi mến Lê văn Trương lắm. Anh là một người bạn rất tốt và rất hiền lành. Có lần, trong một đám ma, tôi không nhớ rõ là đám ma của Nguyễn nhược Pháp, Vũ trọng Phụng hay Nguyễn khắc Hiếu, tôi thấy trên nét mặt đau đớn thật sự của Lê văn Trương hai dòng nước mắt từ từ chảy xuống. Tôi cảm động quá. Tôi nhớ lại như tôi đã cảm động khóc ròng rã khi đi coi chớp phim Bạch-Tuyết, thấy bảy anh Lùn khóc nàng Công Chúa. Không hiểu sao Lưu-trọng-Lư khóc trong hoàn cảnh ấy, hay Trương-Tửu, Nguyễn-Tuân, Lan-Khai, Mộng-Sơn khóc tôi không cảm động, mà thấy Lê-văn-Trương khóc, tôi đau xót vô cùng. Có lẽ tại vì con người hay la to hét lớn, nói cười ầm ĩ không bao giờ buồn rầu chuyện chi, đến khi đứng trước một cái tang bi ai não nuột, bỗng dưng, hai dòng lệ âm thầm tuôn ra trên mi mắt, để cho ta thấy phản ảnh lòng đau thương thấm thía của anh, mà xúc động lòng ta chăng ?

***

Năm 1936, Lê-văn-Trương ở đường hẻm Jacquin, phố Chợ-Hòm, với 2 bà vợ. Cả hai bà ở chung một nhà và cùng cưng yêu anh. Cứ tối, hai vợ vào buồng ngủ, thì Lê-văn-Trương thức ngồi viết tiểu thuyết một mình ở nhà

ngoài cho đến 10 giờ đêm. Đến đây, anh gác bút, vào buồng gọi vợ lớn dậy:

— Mình ra bàn, viết tiếp cái tiểu thuyết cho anh, 12 giờ vào gọi anh dậy nhé.

Thế là anh nằm ngủ với bà vợ hai. Đến 12 giờ khuya, vợ lớn viết tiếp được 4 trang rồi vào ngủ lại. Lê văn Trương dậy ra bàn viết tiếp theo đoạn văn của vợ lớn. Đến 4 giờ sáng, anh lại vào buồng ngủ, gọi bà hai:

— Em ra viết nốt cái tiểu thuyết cho anh chút nhé!

Lê-văn-Trương ngủ với vợ 1 trong lúc vợ 2 thay phiên viết tiếp đoạn văn của chồng.

Câu chuyện nầy được loan truyền trong anh em làng văn Bắc-Hà thời bấy giờ, làm câu giai thoại để cười chơi.

Năm 1955, tôi có gặp Lê-văn-Trương ở Saigon. Anh ở Hà-Nội di cư vào. Vẫn Lê-văn-Trương thao thao bất tuyệt của thời đại hoàng-kim ở Hà-Nội tiền chiến. Anh có cho tôi biết rằng một nhà xuất bản Anh hay Mỹ gì đó có mua bản quyền một quyển tiểu thuyết của anh để dịch ra Anh văn. Tôi niềm nở mừng cho anh được dịp phát tài to. Nhưng tôi chờ mãi không thấy quyển tiểu thuyết ấy ra đời!...

Có điều khiến tôi ngạc nhiên, là ở Hà-Nội tôi không thấy Lê-văn-Trương hút thuốc phiện, nếu có thì thỉnh thoảng một vài điếu xã giao với bạn bè mà thôi, nhưng ở Sàigòn Trương lại nhập tịch vào «làng bẹp». Không biết anh nghiện từ bao giờ, nhưng lần nào gặp anh ngoài phố, hay anh đến thăm tôi ở toà-soạn Phổ-Thông, tôi cũng thấy anh diện mạo bơ phờ, áo quần xốc xếch,

có lúc đôi mắt như lim dim mệt mỏi. Anh thú thật với tôi là anh đang cơn ghiền. Ở Hà-Nội tiền-chiến, Lê-văn-Trương là một tay phong lưu hào hiệp, áo quần bảnh bao, ăn tiêu rộng rãi. Từ di cư vào Sàigòn, anh nghèo túng, lại mang thêm bệnh ghiền. Anh không viết được một tiểu thuyết nào nữa, và cũng không cộng tác với một tờ báo hay một cơ quan văn nghệ nào được lâu. Khả năng sáng tác của anh đã hoàn toàn kiệt quệ.

Thuốc phiện và hoàn cảnh gia đình túng thiếu đã làm khô cạn nguồn cảm hứng văn nghệ của Lê-văn-Trương chăng?

Lê-văn-Trương chết trong một căn nhà hẹp ở Hẻm Bùi-Viện, Saigon, ngày 25.2.64, thọ 59 tuổi. Tôi có đến viếng anh lần cuối cùng vào buổi sáng ngay sau khi được ai tín. Xác anh còn nằm ngay đơ và lạnh ngắt trên giường, chưa liệm. Tôi giở tờ giấy đỏ đắp mặt anh, và đặt bàn tay trên trán anh, tôi thật bùi ngùi cảm xúc. Vợ anh, ôm lấy xác anh, khóc òa lên.

KHI LÊ-VĂN-TRƯƠNG VIẾT TIỂU THUYẾT

Lê-văn-Trương là một nhà văn sáng tác rất dồi dào. Anh viết rất nhanh. Đó là điều thú nhất mà tất cả những bạn quen thân với anh đều nhận thấy. Chính Trương cũng hãnh diện về điều đó. Quyển « Một người cha », anh viết tại nhà Trương Tửu ở Gia-Lâm, trong 10 ngày. Anh sáng tác tiểu thuyết hàng loạt, chú trọng về lượng

hơn là về phẩm. Vì thế, anh không có thì giờ săn sóc câu văn, anh không có kiên nhẫn ngồi sửa bản thảo.

Anh viết nhiều cũng như anh nói nhiều, cho nên văn của anh bị ảnh hưởng vì cái tật đa ngôn đó: rườm rà, luộm thuộm, xô bồ. Nhiều lúc, anh bốc đồng, viết lung tung, không kiểm soát lại tư tưởng của mình, cho nên phân tách được các tiểu thuyết của anh là một việc rất khó.

Chính Lê-văn-Trương cũng tự nhận như thế trong những câu chuyện thân mật về văn nghệ.

Vài ngày sau cái chết của Nguyễn-tường-Tam, Lê-văn-Trương đến thăm tôi tại toà soạn Phổ-Thông. Anh buồn bã gục đầu xuống. Tôi làm thinh, chờ xem anh muốn nói gì. Một lúc khá lâu, có vẻ trịnh trọng, Lê-văn-Trương cất tiếng:

— Thằng Nhất-Linh đi rồi, bọn cũ tụi mình ở đây chỉ còn mầy, với một vài thằng nữa thôi. Tao cũng sắp đi. Nhưng tao buồn là không để lại một tác phẩm nào xứng đáng với cuộc đời của tao.

Im lặng một lúc, Lê văn Trương nói tiếp:

— Tớ muốn cậu tự ý chọn một quyển truyện nào của tớ mà cậu ưng ý nhất, cậu viết một bài phê bình thật đầy đủ, cho tớ xem trước khi tớ làm cuộc du lịch cuối cùng và vĩnh viễn.

Tôi hỏi:

— Trong tất cả các truyện cậu đã viết, cậu thích quyển nào nhất?

Lê văn Trương trả lời liền không do dự :

— Tớ đ.. thích quyển nào.

— Ít nhất cũng có một vài quyển hay hơn các quyển khác chứ ?

— Tớ viết quyển nào cũng hay cả, mà chẳng có quyển đ.. nào hay cả ! Thế mới chó !

Câu nói mâu thuẫn đó tiết lộ tính chất sáng tác đặc biệt của Lê văn Trương. Tác phẩm nào cũng hấp dẫn, nhưng không có một kiệt-tác.

Tôi bảo :

— Cậu chọn một vài quyển tương đối nổi bật hơn hết, đưa đây tôi. Tôi sẽ viết một bài dài và thật khách quan.

Nhưng tôi đã chờ mãi Lê văn Trương cho đến ngày anh chết.

6.— Lan-Khai

« Nhà văn đường rừng » là biệt hiệu của anh em làng văn Bắc Hà đã tặng cho Lan Khai, vì anh chuyên viết các truyện về Mạn Ngược, nghĩa là về các vùng Thượng Du Bắc Việt.

Sinh trưởng ở Tuyên-Quang, là một tỉnh ở miền ấy, học ở Tuyên Quang, sau khi đỗ bằng Cao Đẳng Tiểu Học cũng về dạy học ở đấy, Lan Khai đã là một người con yêu dấu của lâm-tuyền. Anh bỏ nghề giáo viên, cũng chỉ vì anh mải nghe tiếng gọi của Rừng thẳm, tiếng gọi mà anh ghi chép say sưa thành bóng vang huyền bí trong các tác phẩm văn chương và trong các nét họa của anh.

Vì Lan Khai vừa là văn sĩ, thi sĩ, và họa sĩ. Văn sĩ hay họa sĩ anh cũng đều là « tài tử » theo nghĩa của anh em nhà văn chúng tôi đã cho nó hồi tiền chiến, là « không cầu lợi ». Anh làm thơ, viết truyện dài, truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, và vẽ những phong cảnh rừng núi thâm u, huyền ảo của các vùng Tuyên-Quang, Lai-Châu, Sơn-La, Cao-Bằng, những cô Thái Trắng, Thái Đen, cô Mường, cô Thổ, với nét đẹp diễm lệ mơ hồ, như hình bóng một thế giới mộng huyền trong tưởng tượng, trong tranh, trong thơ... Nhưng Lan Khai vẽ, hay viết, chính là để thỏa mãn một say mê gần như là một ám

ảnh huyền diệu, hơn là nghĩ đến việc đem bày bán những nét vẽ và câu văn của anh.

Nói đúng ra, thì một số văn sĩ, thi sĩ thời bấy giờ cũng đều bị lôi cuốn ít nhiều trong không khí say sưa Văn nghệ đang bồng bột, thịnh hành, nhưng tôi nhận thấy Lan-Khai là một trong số văn nhân chịu hy sinh cho lý tưởng nhiều hơn, và thích sống đời thanh-cao nho-nhã hơn.

Tại vậy mà anh thay đổi chỗ luôn. Thuê một căn nhà nào để ở, chừng năm ba tháng không vừa ý là dọn đi chỗ khác. Ở đường Đỗ-Hữu-Vị, rồi dọn đến chợ hàng Da, rồi dọn xuống ngoại ô Chợ Hôm, dọn về Bờ Hồ, ở trên một căn lầu rộng lớn, rồi dọn lên Hồ Trúc Bạch, làng Ngũ Xã... Tiền không có mà cứ dọn nhà hoài, và mỗi lần đổi chỗ là chở hằng năm sáu rương sách và một rương quần áo. Ngoài ra, không có gì nữa cả. Tôi đi tìm địa chỉ mới của anh có khi mất cả buổi. Và nhất là tốn tiền xe.

Có điều buồn cười nhất, và bí mật nhất mà lúc bấy giờ chỉ một số bạn rất thân với Lan Khai biết được mà thôi, là tác giả những truyện đường rừng lại thích đánh phấn thoa son như đàn bà. Vì Lan Khai hút thuốc phiện nặng, nên anh đánh phấn và bôi son để cho nét mặt có đôi chút hồng hào, che lấp những tàn phá của Phù dung tiên nữ. Nhưng anh điểm trang khéo tuyệt, còn khéo hơn chị Lan Khai nữa. Người ngoài nhìn vào mặt anh, không hề thấy có vết phấn son. Vì vậy nên nhiều bạn làng văn cứ bảo nhau : « Quái thật nhỉ ! Lan Khai hút thuốc phiện thế mà gương mặt của nó không mốc

meo chút nào ! » Anh rất diện, lúc nào cũng đẹp đẽ bảnh bao, ai mới trông thấy anh cũng tưởng đâu là một chàng nho sĩ phong lưu, một loại Kim-Trọng tân thời nhưng không có Thúy-Kiều, và trong túi thường không có một xu nhỏ.

Lan-Khai có một người bạn tâm phúc cũng lạ thường, là Đỗ-thúc-Trâm. Đỗ-thúc-Trâm người thấp nhưng mập, đỗ Tú Tài rồi ở nhà đọc sách, viết văn, chứ không thèm tiếp tục học trường Cao-Đẳng. Trâm viết Pháp văn thật hay. Có tư tưởng chống Pháp và kiêu căng, tự phụ, anh thường viết bài cho báo « *L'Annam Nouveau* » của Nguyễn văn Vĩnh. Cụ Vĩnh quý mến Trâm lắm.

Lan-Khai đi đâu là Đỗ-thúc-Trâm đi theo, như bình với bóng. Mỗi lần dọn nhà, là cả hai đều đồng ý dọn, và cả hai cùng lặng lẽ đi theo sau cỗ xe chở mấy hòm sách, nặng nề, chậm rãi, y như đi đưa một đám ma. Tôi có theo một lần đám dọn nhà kỳ quặc ấy, ôm giùm cho Lan-Khai cái bình tích đựng nước trà.

Lan-Khai và Đỗ-thúc-Trâm đều diện, và thích ở riêng biệt, không muốn có đàn bà bên cạnh. Đỗ-thúc-Trâm không có vợ và rất đố kỵ phụ nữ. Anh không có một người tình nhân nào cả. Còn Lan-Khai có hai vợ, nhưng anh cũng không thích ở với gia đình. Thỉnh thoảng chị Lan-Khai ở Tuyên-Quang xuống, với anh một vài tháng rồi lại về Tuyên Quang. Chị nầy là vợ hai, hiền lành lắm, và đẹp, rất yêu văn Lan-Khai và cũng bằng lòng để anh ở riêng tùy theo ý thích. Chi chiều anh lắm. Tôi sẽ kể các bạn nghe câu chuyện HỘT MẬN CỦA LAN-KHAI. Chuyện nầy đã xảy ra lúc Lan

Khai ở căn nhà Ngũ-Xã, với chị Lan-Khai số 2. Anh là người rất đa tình, lại được rất đông độc giả bạn gái mến phục. Nhưng có lẽ anh không có duyên với phụ nữ nên đời anh không có cuộc tình duyên nào lâu dài và tha thiết, nên thơ, nên mộng. Cũng có lẽ tại anh thích sống cuộc đời lý tưởng quá, nên đa số bạn gái không ưa. (tôi nói : thiếu nữ lãng mạn hồi đó). Anh lại là người đa cảm, có những tình cảm rất tế nhị. Một đêm, tôi đang ngủ, Lan Khai đến đập cửa. Tôi chưa kịp mở, chỉ nghe tiếng anh :

— Vỹ ơi, Đỗ-thúc-Trâm chết rồi nhé !

Tôi mở cửa ra, thì Lan Khai đã đi rồi. Tôi vội vàng mặc đồ đi đến nhà anh, người ta cho biết là Đỗ-thúc-Trâm chết trong nhà thương, vì bệnh thương-hàn.

Đám ma của Đỗ-thúc-Trâm đi trong một buổi chiều rét buốt của mùa Đông, rất đìu-hiu thê thảm Hân hạnh cho Trâm, là có ông Nguyễn-văn-Vĩnh đi theo sau quan tài. Ông Vĩnh bảo tôi : « Trâm, nó có tài lắm, nhưng đáng tiếc, nó không để lại được một tác phẩm nào cả vì chính nó lại coi rẻ cái tài của nó. »

Ông Vĩnh nói rất đúng. Đỗ-thúc-Trâm có thể là một nhà triết học, hay là một nhà phê bình rất có giá trị. Học thức uyên thâm, văn bài rất điêu luyện, Trâm bị cái chứng bịnh lười biếng, chán nản, khinh đời, khinh cả mình. Hồi đó anh 25 tuổi, lớn hơn tôi vài tuổi.

Hôm nay, tôi nhắc đến Đỗ-thúc-Trâm mà lòng tôi rất bùi ngùi nhớ tiếc Từ ngày anh chết, không có một bài báo nào, hay một chương sách nào, nhắc đến

tên người tài hoa bạc phận ấy. Kể ra, những bài Pháp-văn anh đã viết trong L'*Annam Nouveau* của Nguyễn-văn Vĩnh, và bằng Việt-văn trong tuần báo *Đông Phương* của Lan Khai, có thể gom góp in lại thành một quyển sách rất có giá trị về tư tưởng. Nhưng tiếc thay, không ai làm việc đó. Lan-Khai và tôi muốn làm, lại không có tiền.

Đỗ thúc Trâm đã thành một kẻ lạc loại trong truyền tích, như CHATTERTON, một thi sĩ Anh xấu số. Lan Khai rất buồn chán sau khi Đỗ thúc Trâm chết.

Tác giả những truyện đường rừng cũng là bạn thân của VŨ TRỌNG PHỤNG, NGUYỄN TRIỆU LUẬT, LƯU TRỌNG LƯ. Anh không chơi với THẾ LỮ, NHẤT LINH, ĐOÀN PHÚ TỨ, nhưng thỉnh thoảng đến với KHÁI HƯNG. Anh thích NGUYỄN CÔNG HOAN, VŨ BẰNG, TCHYA, NGUYỄN TUÂN.

Một hôm được tin bằng dây thép cho hay bà vợ cả ở Tuyên Quang đau nặng gần chết, (chị nầy bị tật què chân). Anh đến nhà xuất bản hỏi mượn trước một món tiền để về tỉnh nhà lo thuốc men cho vợ. Anh trao điện tín cho nhà xuất bản thấy sự thật đau đớn như thế. Nhưng nhà xuất bản, chủ một nhà in lớn ở Hà-Nội, trả lời không có sẵn tiền. Anh hết sức năn nỉ nhưng ông chủ nhà in, đã xuất bản ba bốn bộ sách của anh, quyển nào bán cũng rất chạy, vẫn một mực than thở : « không có sẵn tiền. »

Lan Khai rưng rưng nước mắt, ngó nhà xuất bản :

— Ông tàn nhẫn đến thế ư ?

— Không phải tôi tàn nhẫn với ông, nhưng thật là vì tôi không có sẵn tiền.

Lan Khai rút trong túi ra một xấp bản-thảo viết chưa xong, đưa nhà xuất bản :

— Tôi đang viết quyển nầy cho ông, ông không thể cho tôi mượn tạm trước vài ba chục đồng ư ? Vợ tôi đang hấp hối chờ tôi ở Tuyên Quang, sao ông nhẫn tâm đến thế được ?

— Tôi chia buồn với ông, nhưng còn việc mượn tiền thì ..

— Tôi chỉ mượn vài chục đồng đủ tiền xe thôi, ông ạ.

Do dự một lúc, nhà xuất bản vào nhà lấy ra đưa cho Lan Khai hai chục đồng :

— Ông viết quyển sách ấy nhanh nhanh lên nhé. Và xin chúc ông về Tuyên Quang lo lắng cho bà nhà ta chóng bình phục.

Lan Khai về nhà, gặp tôi vừa đến hỏi thăm tin tức của chị, anh đưa dây thép cho tôi xem và vứt xuống giường mấy tờ giấy bạc, nước mắt anh chảy tràn trề trên đôi má :

— « Toa » thấy không, Vỹ ? Mẹ cha cái kiếp chúng mình...!

***

Hôm tôi bị người Pháp bắt và bị còng tay đưa lên ga xe lửa Hà-Nội, trong đám bạn bè quen thuộc hình như biết tin trước nên có lên chực sẵn ở cửa ga để tiễn tôi, tôi thấy có mặt anh Lan Khai. Hôm ấy anh ốm quá,

mặt xanh xao gầy còm, không có đánh phấn như mọi khi. Tôi mỉm cười ngó anh. Anh đáp lại bằng một cái nhìn đắm chiêu tịch mịch.

Sau nầy, trong thời kỳ đồng bào Bắc di cư, tôi có tìm kiếm các bạn cũ Hà Thành. Một đôi bạn cho tôi biết là Lan Khai đã bị Việt Minh thủ tiêu ở Tuyên Quang. Tôi nghẹn ngào, không nói được. Tôi biết anh là người của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, bạn đồng chí rất thân của Nhượng-Tống. Đó là nguyên do Việt-Minh thù ghét anh. Tôi không muốn tìm biết anh bị giết chết cách nào.

TIỂU THUYẾT LAN-KHAI

Lan Khai có giọng nói khàn khàn hấp dẫn đáo để. Một hôm anh hỏi tôi :

— Vỹ, hôm nọ *toi* (1) nói *toi* chưa đọc quyển « Ai Lên Phố Cát » của *moi*, *toi* nói thật hay nói bỡn đấy ?

— Nói thật. Nhưng « chưa đọc « không có nghĩa là « không đọc ».

— Thôi, cậu lười đọc bỏ mẹ ! Để mình kể chuyện « Ai Lên Phố Cát » cho cậu nghe đêm nay. Như thế cậu khỏi làm cái corvée đó nữa nhé !

— Cậu kể cho tớ nghe, thì có phải cái corvée cho cậu không ?

— Ồ, trái lại. Chỉ sợ cậu không khoái nghe thôi.

---

(1) Lan Khai chuyên môn nói *toi*, *moi* trong câu chuyện thân mật với anh em.

— Khoái hay không, là do cái lối kể chuyện của cậu chứ.

— Cố nhiên là chuyện kể lại đâu bằng chuyện đã viết.

— Cậu cứ kể đi.

Thế là suốt đêm hôm đó, tôi nằm bàn đèn thuốc phiện với Lan Khai, nghe tác giả « Ai Lên Phố Cát » kể chuyện « Ai Lên Phố Cát ». Lan Khai vừa tự tiêm thuốc hút vừa kể chuyện. Tôi, không biết hút thuốc phiện, không hút được một điếu, nhưng nằm được bên cạnh bàn đèn, cũng như Vũ trọng Phụng, để trò chuyện vui chơi với anh em, có khi suốt đến sáng.

Đêm ấy, có cả Đội Tứ, một cựu Đội Nhất Linh Khổ-Đỏ của Tày, bạn thân của Lan Khai và chuyên viết chuyện nhà binh cho các báo hằng ngày, để kiếm tiền nuôi vợ. Đội Tứ cũng không hút nha-phiến, nhưng đã đọc truyện Ai Lên Phố Cát rồi.

Lan Khai bắt đầu kể, tôi bắt đầu nghe, nhưng dần dần tôi bị anh ta thu hút với giọng kể chuyện hăng say, bay bướm, lúc thì trầm trầm, lúc lại sôi nổi, làm tôi rạo rực như chính mình đang say thuốc phiện vậy. Anh kể đến 5 giờ sáng thì hết chuyện, nhưng cuộc thưởng thức nhận xét của tôi và Đội Tứ, trao đổi với tác giả, kéo dài mãi đến 7 giờ sáng. Chúng tôi kéo nhau ra phố Hàng Buồm, ăn điểm tâm, uống một ly cà phê đậm rồi mới bắt tay từ giã.

Về nhà, một tuần lễ sau, tôi đọc Ai Lên Phố Cát. Cảm tưởng của tôi là Lan Khai kể chuyện còn hay hơn

là anh viết — hay hơn nhiều. Trái lại với lời anh đã nói là viết thành văn hay hơn là kể bằng miệng.

Tôi có nói lại cuộc thí-nghiệm đó cho Lan Khai nghe, anh cười bảo :

— Tại anh đã nghe tôi kể hết rồi, anh đọc lại còn gì là thích thú nữa?

— Không phải. Văn anh viết không tự nhiên bằng lời anh kể. Đọc văn, tôi không còn thấy cái nhiệt hứng dào dạt, làm tôi hồi hộp, xúc-động, kích thích, như lúc tôi nghe anh nói. Anh sửa câu văn, anh gò ép, anh chải chuốt, mất cả tính chất man-rợ, rừng rú trong tiếng nói trực-nhiên, từ trong tim, trong máu, trong óc anh phát động ra.

— Anh nói cũng có lý. Có lẽ tại tôi viết Ai Lên Phố Cát không hăng say bằng mấy quyển sau này...

***

Nhưng đó chỉ là nhận xét chủ quan của tôi, có lẽ hoàn cảnh nghe chuyện ban đêm, trong không khí khói thuốc phiện mờ ảo lẫn lộn với sương-khói ảo-huyền của truyện Ai Lên Phố Cát của Lan Khai.

Thực ra, Lan Khai kể chuyện rất hấp dẫn, nhất là truyện đường rừng, nơi cương-thổ riêng biệt của Lan Khai. Không nhà văn nào viết truyện đường rừng kích thích bằng Lan Khai, kể cả TchyA. Điều đó không có gì lạ, vì Lan Khai sinh trưởng ở Mạn Ngược, quê hương của các giống dân Thổ, Mường, Mán, Thái, đầy dẫy huyền bí, ly kỳ, rừng rợn...

Nhỏ, Lan Khai là con đẻ của Rừng Rú Linh Thiêng. Trai tráng, Lan Khai là bạn của nguồn xanh hoa dại, của gió núi mây ngàn. Lớn lên, Lan Khai là văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ của lâm tuyền thơ mộng, đầy huyền ảo, thâm u, phảng phất truyền tích xa mờ như những kho tàng bí ẩn.

Lan Khai có làm khá nhiều thơ, hầu hết là Thơ Rừng Núi, vang bóng của đồi sim quạnh quẽ, của dòng suối réo rắt bên khóm nhà sàn, của tiếng cười trong veo trên đôi môi cô gái Mán... Thơ Lan Khai nhẹ nhàng, êm ái, huyền mơ như mây gió biên thùy. Nhưng rất tiếc, anh chú trọng về tiểu thuyết nhiều hơn, làm thơ chỉ để bạn làng thơ ngâm chơi, ký tên là « Lâm Tuyền Khách » và không bao giờ in trên sách báo.

Anh vẽ đẹp, nét bút tế nhị tinh vi, cũng toàn những cảnh núi rừng thơ mộng, nhưng không bao giờ triền lãm. Tôi thành thật vô tư nhận xét rằng những tranh thủy-mạc ngày nay thua những bức họa của Lan Khai nhiều lắm.

Phong trào cách mạng ngấm ngầm ở Bắc Kỳ từ khởi-điểm chiến tranh Nhật-Hoa, rồi Tây Âu, làm nổi dậy dòng máu cách-mạng của Lan Khai, một đồng chí của V.N. Quốc Dân Đảng. Lan Khai viết tiểu thuyết cách mạng, rồi nhè nhẹ bước sang tình cảm, một địa hạt mà anh không bỏ rơi được. Lan Khai là một tâm hồn thuần túy thơ mộng, rất đa cảm, đa tình, nhưng luôn luôn có ý thức về số kiếp văn chương. Trên báo Đông Phương

của anh, anh viết bài đăng đầy cả 8 cột trang đầu : « Tài hoa cái lụy nghìn đời ».

Tôi nhớ mãi hôm tôi và Trương Tửu đến khen anh về bài ấy, tôi không ngờ gặp Vũ trọng Phụng cũng đến bắt tay anh : « Lan Khai, mầy viết bài ấy, tao phục mầy. Tao đọc thích thú lắm. »

Lan Khai rất cảm động. Anh gọi người ở pha trà tầu, mời chúng tôi.

Trong lúc uống trà, Lan Khai chỉ vào tôi, và nói với Vũ trọng Phụng :

— Cu Vỹ vừa bảo tao : đọc bài đó, nó khóc !

Nói xong Lan Khai cười ồ ồ lên. Phụng không cười, khẽ giọng :

— Tao cũng muốn ứa nước mắt. Chú mầy viết bài đó, cảm động lắm.

Văn của Lan Khai hấp dẫn như thế đó. Trương Tửu viết trong báo LOA một bài khen Lan Khai thật là xứng đáng. Đọc bài phê bình của Trương Tửu, Thế Lữ nói với Vũ đình Liên :

— Văn Lan Khai có ra cái đếch gì mà Trương Tửu tâng bốc.

Chỉ có Thế Lữ là mạt sát Lan Khai như thế thôi.

Có điều lạ, là Lan Khai rất thích đọc các tiểu thuyết của Paul Bourget. Anh ta ca ngợi quyển Le Disciple lắm. Nhưng P. Bourget khô khan, quá nặng về tâm lý, không hiểu sao lại thích hợp với tâm hồn của Lan Khai được ?

Lan Khai có một quyển Album mà anh đề trang đầu là « Sổ Vàng », trong đó anh lấy chữ ký của nhiều nhà văn mà anh mến, và yêu cầu mỗi người viết vài dòng thủ bút trên trang chữ ký. Tôi thấy trong đó có : Vũ trọng Phụng, TchyA, Nguyễn triệu Luật, Khái Hưng. Nguyễn công Hoan, Lưu trọng Lư, Anh Thơ và vài người nữa. Tôi không nhớ mấy anh kia viết gì, vì chỉ xem sơ qua.

Lan Khai đưa bút máy cho tôi. Tôi viết :

Người ta ghét mình là ganh mình,
Chửi mình là đề cao mình,
Nói xấu mình là sợ mình,
Nhưng phớt tỉnh, là trả lời tất cả.

Anh Thơ sửa lại câu thơ trong « Bức Tranh Quê » của nàng, viết vào « Sổ Vàng » của Lan Khai :

Và đây đã có một đôi bươm bướm
Bay dập dìu như muốn phải lòng nhau.

dưới ký : Tuyết Anh Anh Thơ.

Lan Khai khoái hai câu đó, vì Anh Thơ là người yêu cũ của anh, thường đăng thơ trong báo Đông-Phương ký bút hiệu là Tuyết Anh...

HỘT MẬN CỦA LAN KHAI

Chị Lan-Khai (thứ hai) bảo tôi :

— Cái ông Lan-Khai nhà tôi, anh phải biết !

— Biết thế nào ? Lan-Khai cười hỏi lại vợ.

— Thế nào, thì cậu biết chứ ! (1)

Chị Lan-Khai cầm quyển sách lên xem lại. Rồi chị lại bỏ sách xuống, ngó tôi và tủm tỉm cười :

— Nhà tôi thì khoái các cô ấy lắm, anh à.

Lan-Khai cười rú lên. Tiếng anh ấy cười khàn khàn mà rất lẳng. Đôi mắt anh lại còn cười nhiều hơn cái miệng nữa. Cười ra tận hai đuôi mắt, cười dài đến hai mang tai. Anh bảo tôi :

— Này, anh Vỹ à, tôi hỏi anh nhá : Mình viết truyện đường rừng cho Nữ độc giả xem. Họ xem rồi họ viết thư về khen mình, thì mình làm thế nào ?

Tôi cười :

— Thì mình khen lại họ.

— Còn như họ yêu mình ?

— Thì mình yêu lại họ.

Lan Khai cười hả hả, đứng dậy nghiêng mình chồm qua bàn, chìa bàn tay xương đến tôi :

— Tôi bắt tay anh một cái. Bravo !

Quay sang chị Lan Khai ngồi trên bục gỗ, nhà văn đường rừng đắc chí, bảo vợ :

— Đấy mợ nghe không ? Anh Vỹ bảo thế đấy. (1)

Tôi phải đính chánh ngay :

— Tôi bảo cho anh, chứ không phải cho tôi. Tôi thì chẳng yêu ai cả.

---

(1) Vợ chồng Lan Khai gọi nhau bằng cậu mợ

Chị Lan-Khai cãi lại rất duyên dáng :

— Anh Vỹ thì chắc có nhiều người yêu, chứ cậu thì có ma nó yêu cậu !

Lan Khai cười rũ rượi :

— Phải đấy, trước nhất đã có *ma... femme* yêu tớ, rồi đến *ma chère X... ma chère Y...* một tá « *ma* », chỉ vì họ mê tiểu thuyết đường rừng của tớ, nhất là quyển « Hột Mận ».

Quay lại tôi, Lan Khai ngó tôi với đôi mắt cười ranh mãnh dưới cặp kiếng cận thị :

— Vỹ, *toa* đọc quyển « *Hột Mận* » của *moa* chưa ?

— Chưa !

— Sao *toa* không đọc ?

— *Moa* đợi cho tất cả các cô nữ độc-giả thân yêu của *toa* đọc hết, xong rồi *moa* mới đọc.

— Gớm ! Anh ninh-đầm vừa vừa chứ ! Anh lười đọc rồi anh khéo bào chữa lắm. Tôi bảo anh hôm nay hãy đọc quyển ấy nhé. Đọc xong chính anh cũng sẽ mê tôi, chứ đừng nói là các cô ấy.

— Sao anh đặt tên sách là « Hột Mận » ?

— Ấy thế mới hay ! Thế mới có khối các cô mê Hột Mận của tớ đấy, cậu à. Hôm nay về cậu phải xem nhé ?

Tôi cười, không hứa.

Mãi đến nay, nằm trên giường viết bài Hồi-Ký này,

tôi vẫn chưa đọc quyển « *Hột Mận* » của anh bạn « Đường Rừng ».

***

Ba hôm sau, Lan Khai gặp tôi. Anh không bắt tay tôi như mọi lần. Anh cười, thò tay vào túi áo, lấy ra một bao thư, đưa tôi :

— *Toa* đọc đi !

— Thư của anh mà..,

— *Toa* cứ đọc đi. *Moa* chỉ xin *toa* một điều là giữ kín hộ *moa* nhé ! Đừng bảo cho *ma femme* biết.

Tôi xem qua nét chữ ngoài phong bì : nét chữ của một cô gái. Bao thư xanh, đóng dấu nhà dây thép Hà-Nội.

Thưa ông Lan Khai,

Tác giả quyển « HỘT MẬN ».

Em xin gửi lời thành thật hoan nghênh tất cả các quyển truyện đường rừng của ông. Riêng quyển Hột Mận, ông vừa xuất bản, thật là một kiệt tác. Em ao ước được hân hạnh gặp ông để tỏ lòng ái mộ của em. Vậy, nếu ông không bận gì, thì 8 giờ tối thứ Bảy tuần này, xin ông vui lòng quá bộ đến Hồ Trúc-Bạch, khỏi chùa Trấn Quốc một tý. Em sẽ chờ ông tại đấy.

Thưa ông, ông sẽ trông thấy một thiếu nữ 18 tuổi, đứng chờ ông bên gốc cây, mặc áo màu bordeaux, tay cầm quyển Hột Mận. Em đấy ông ạ. Em sẽ đến đấy đúng 8 giờ, là lúc vắng người. Nếu quá 8 giờ 30 ông không lại, thì chắc là ông bận việc, em sẽ đi về.

Trời! Em ước mong sao được gặp nhà văn tài hoa mà em thường mơ tưởng!

Em xin dừng bút nơi đây với tất cả hy vọng tốt đẹp ngập tràn-trề lòng em. — Bella Nhung.

Tôi trao thư lại Lan Khai. Anh ta cười khoái trá:

— Nàng có chữ ký đẹp quá nhỉ. *Toa* xem chữ ký giỏi lắm và xem tướng số được, *toa* hãy xem hộ *moa* chữ ký ấy đi. Rồi hôm nào *moa* giới thiệu nàng cho *toa* để nhờ *toa* xem tướng hộ nhé.

— Chữ ký cô nầy... lãng mạn.

— Thế thôi à?

— Cô nầy 18 tuổi.

— Trong thư nàng có nói.

— Thế thôi, hết.

— Người tính tình thế nào chứ?

— Vui vẻ, trẻ trung. Người mập chứ không gầy, (vì nét chữ mập), đẹp chứ không xấu, nét chữ bay bướm...

— Cậu thật là...!

— Thật đấy mà. Nếu tối thứ Bảy anh gặp cô nào xấu chứ không đẹp, thì chắc là không phải cô Bella Nhung. Hoặc cô nào gầy chứ không mập, cũng không phải... Gặp gỡ như thế nào, rồi nói chuyện lại cho tớ nghe với nhé.

— *Toa* đừng cho *ma femme* biết, nghe chưa?

— Khỏi dặn.

***

Lan Khai chải tóc láng mướt. Chàng đã thắt cra-vát màu đỏ, mới tinh, vừa mua lúc chiều. Quen lệ, chải tóc xong là chàng đánh phấn. Chàng có tật đánh phấn như đàn bà, vì da mặt hơi ngăm ngăm đen, và đã có vết nhăn. Tôi nhớ năm ấy chàng đã lớn tuổi hơn tôi nhiều lắm, vả lại chàng bị bịnh ghiền thuốc phiện, cho nên mau già. Người gầy còm, lại dong dỏng cao, môi thâm. Nói thật, người không đẹp. Chàng đánh phấn phớt qua một lớp mỏng thôi mà chỉ đánh ban đêm. Chàng rưới nước hoa, diện quần áo tây mới may, đi giày tây đen, bóng lộn. Xong, ngó đồng hồ 8 giờ kém 5, chàng ra gọi xe kéo.

Chàng khấp khởi mừng vì chị Lan Khai đi vắng, chàng khỏi phải nói dối vợ.

Đến trước cổng chùa Trấn Quốc, Lan Khai trả tiền xe, rồi đi bộ một quãng đường trên đê hồ Trúc-Bạch. Chàng hồi hộp mừng thầm, xa xa, dưới bóng cây chàng đã thấy bóng « nàng ».

Chàng nghĩ thầm : « Ta sẽ nắm tay nàng, và nhoẻn một nụ cười duyên... » Nàng chưa thấy chàng, vì nàng quay lưng ra đường đê, đang đứng mơ màng ngó mặt nước hồ phẳng-lặng, phản chiếu một vòm trời lóng lánh muôn sao. Gió mát lạ!

Chàng cố ý đi mạnh, cho nàng nghe tiếng giày để nàng quay mặt ra. Chàng đã biết đích là nàng, vì dưới ánh điện lờ mờ chàng đã phân biệt màu áo bordeaux và tay nàng đang cầm quyển « Hột Mận », như đã dặn kỹ trong thư.

Chàng đi nhè nhẹ đến gần... Tuy chàng chưa thấy

mặt, nhưng dưới ánh đèn điện lờ mờ, bóng nàng uyển chuyển thướt tha tuyệt đẹp.

Chàng đến sát bên cạnh, nghĩ rằng nàng mắc cỡ, nên chàng đánh bạo đặt bàn tay dịu dàng trên vai nàng, và giọng nói run run cảm động:

— Em Bella Nhung?

Nàng quay lại.

Lan Khai hoảng hốt, biến sắc mặt ngay, bỗng giận dữ hét lên.

— Mợ đứng chờ ai đây?

Nàng, chính là... vợ Lan Khai, mỉm cười ngạo nghễ:

— Thưa ông, em chờ ông Lan Khai, tác giả Hột-Mận ạ.

— Mợ đánh lừa tôi hả?

Lan Khai giận run cả người lên, nghẹn miệng nói không được nữa. Chàng bỏ vợ đấy, đi thật nhanh ra đường Quan Thánh gọi xe về nhà. Chị Lan Khai mỉm cười đắc-chí, đủng đỉnh theo sau.

***

— Ai viết hộ thư cho mợ? Chứ nét chữ đâu phải của mợ?

— Nét chữ của con Mão đấy.

— Con Mão nào?

— Cháu của cậu, con gái của chị Phán, cậu không biết à? Tôi đọc cho nó viết đấy. Tôi phải năn nỉ mãi nó mới chịu viết đấy.

— Mợ mặc áo màu bordeaux của ai?

— Áo cũng của con Mão chớ còn của ai nữa.

— Mợ chơi xỏ tôi làm gì thế?

— Để cho cậu một bài học về Hột Mận đấy, cậu à! Quả mận chua lắm phải không cậu?

Lan Khai làm thinh, mãi ba tháng không nói với vợ một tiếng.

7.— Lưu-Trọng-Lư

Tôi không thấy một người nào có chất thi-sĩ đầy-đặc trong tâm-hồn và trên thể-xác như Lưu-trọng-Lư. Mỗi lần gặp, tôi có cảm-tưởng như Lư là một vong-hồn vất-vưởng, nay đây mai đó, như mây như gió, phiêu bạt giữa trần-gian.

Một buổi sáng, tôi đến rủ Lưu-trọng-Lư đi chơi. Lư mặc áo quần vào. Chúng tôi đi bộ, và dọc theo đường Đồng-Khánh chúng tôi thấy hình như khách qua lại đều ngó hai đứa tôi và cười khúc-khích. Lư quay lại hỏi tôi :

— Tụi họ cười mi hay cười tao ?

— Chắc tụi nó cười tao vì tóc tao dài quá, hai tháng nay chưa hớt. Mầy vô tiệm với tao, chờ tao hai-chục phút ?

Tôi hớt tóc xong, cùng Lư ra đi. Nhưng vẫn thấy bị kẻ đi đường ngó trân-trân và cười khúc-khích mãi. Lưu-trọng-Lư lại hỏi tôi :

— Đố mi biết lần ni tụi họ cười tao hay cười mi ?

Tôi ngó Lư từ đầu đến chân, rồi bảo :

— Chắc tụi nó cười mầy. Mầy mặc dư một cái quần.

Lư ngó xuống chân, mắc cỡ mặt đỏ bừng, rồi vội-vàng lôi tôi lên tàu điện về nhà. Tôi cũng không ngờ

rằng lúc ở nhà ra đi Lưu-trọng-Lư đã mặc cái quần đen lại lơ-đễnh mặc thêm chiếc quần trắng ra ngoài, quần trắng hơi cụt nên để lòi hai ống quần đen dưới chân.

Lưu-trọng-Lư bước vào làng Thơ Việt-Nam, gót chân lơ-đễnh, cặp mắt ngơ-ngác, nụ cười xa vắng, tay cầm một cuốn truyện mỏng của anh vừa in xong, nhan đề NGƯỜI SƠN NHÂN. Một quyển truyện ? Thật ra, không hẳn là một quyển truyện. Nhan đề NGƯỜI SƠN NHÂN cũng không hẳn là người Sơn-nhân. Có thể gọi đó là một bài thơ cũng được, và có thể đổi nhan đề là NGƯỜI THI-NHÂN cũng được.

Lưu-trọng-Lư đâu có biết Lưu-trọng-Lư là thi-sĩ. Lưu-trọng-Lư cũng không biết Lưu-trọng-Lư là Lưu-trọng-Lư. Anh mở quyển truyện NGƯỜI SƠN NHÂN kể cho tôi nghe. Anh kể một câu chuyện vẩn-vơ, đượm màu triết-lý vơ-vẩn. Dễ thương làm sao ! Tôi bắt đầu mến Lưu-trọng-Lư từ hôm anh kể cho tôi nghe chuyện NGƯỜI SƠN NHÂN, chuyện người Thi-nhân.

Nhà trọ của Lư ở Phố Hàm-long, ở chung với Lê-tràng-Kiều và Nguyễn-xuân-Huy. Một căn phòng hẹp, riêng biệt, bên cạnh, là của một chàng họa-sĩ. Trước sân là một giàn hoa ăng-ti-gôn trắng và đỏ, thật thơ mộng. Tôi thường đến đây chơi, nhiều khi ăn ngủ luôn ở đây. Một hôm Lư cao hứng ngâm lên :

Xin rước cô em bước xuống thuyền
Thuyền tôi sắp chẩy chốn thần tiên...

Tôi hỏi Lư :

— Cô em nào đấy ?

Lư kéo tôi lại giường, nằm kề cho tôi nghe một chuyện tình vẩn-vơ, đượm màu triết-lý vơ-vẩn. Chuyện tình không có, triết-lý không có, mà Lưu-trọng-Lư cũng không có nốt. Tất cả đều tưởng-tượng. Lưu-trọng-Lư tưởng-tượng ra Lưu-trọng-Lư.

Người gầy, hai má cóp. Tóc không bao giờ chải. Không biết diện, và không biết yêu. Anh có người vợ bán nước mắm Đồng-hới, nhưng không sống chung. Có lẽ tại Lưu-trọng-Lưu không ở gần được đàn-bà. Trong thời gian biết Lư, tôi không hề thấy Lư bên cạnh một thiếu-nữ, hay một thiếu-phụ, đẹp hay xấu. Lưu-trọng-Lư chỉ có Lưu-trọng-Lư một mình.

Tôi nghe người ta thường nói : Thi-sĩ là giống đa tình. Có thật thế không ? Sao mà Lưu-trọng-Lưu không có đa-tình ? Hànội hồi đó tha-thướt biết bao cô gái đẹp, thi-sĩ họ Lưu sao chẳng có yêu ai ? Tôi hơi ngạc-nhiên. Trong Tạp-chí Phổ-Thông số 17 ra ngày 15-8-1959, ông Nguyễn-hữu-Thứ, dự-thẩm Toà Sơ-Thẩm Huế, có kể rõ chuyện năm 1945 Lưu-trọng-Lư ở Huế có yêu và lấy một cô gái Huế đã có chồng. Chồng cô, một công-chức, đưa cô ra Toà xin ly-dị. Ông Nguyễn-hữu-Thứ có chứng kiến phiên toà nầy. Lưu-trọng-Lư đi qua đi lại trước sân Toà-án, chờ kết quả. Toà xử xong, thiếu-phụ bị ly-dị tên là Lê-Mừng, ra đi với Lưu-trọng-Lư. Đây là người đàn bà thứ hai trong đời Lưu-trọng-Lư. Tôi không tin rằng họ ở với nhau lâu.

Lưu-trọng-Lư là một ảnh-tượng lơ lửng trong thời-gian. Mảnh tim của anh bay vời-vợi trên khung xanh như con diều giấy, dính vào trần-gian bằng một sợi tơ mong-manh, chập chờn trong gió, vi-vu trong mây.

Cho nên thơ của Lưu-trọng-Lư cũng phảng-phất một hơi Thu, một nắng Hè dịu mát, một khói lam chiều, một thuyền mơ phiêu dạt, một hơi tiêu man-mác, một tiếng bước của con nai vàng xào-xạc trên lá vàng khô...

***

Lưu-trọng-Lư không thích chơi với Thế-Lữ, mà lại ưa ông Phan-Khôi, và các anh Lan-Khai, Nguyễn-triệu-Luật, Vũ-trọng-Phụng, Lê-tràng-Kiều. Với giọng nói trọ-trẹ đặc-biệt giọng Quảng-Bình, và nụ cười đôi khi khinh-miệt, đầy nét trào-phúng, Lư ngạo Nguyễn-công-Hoan là « văn chương gỗ đầu trẻ », cười bọn « thi-sĩ » hay tâng hót Thế-Lữ là lũ « chạy hiệu » và gặp giữa đường không bao giờ anh bắt tay họ.

Anh có kể cho tôi nghe anh gặp ông TẢN-ĐÀ Nguyễn-khắc-Hiếu một lần, ông ta đang say túy-lúy. Anh không chịu được cái say của Tản-Đà, nhưng rất yêu thơ của Tản-Đà.

Một đêm, vào cuối năm 1939, bắt đầu chiến-tranh, tôi đang ngủ trên một gác trọ của một người bạn ở phố Quan-Thánh. Lúc nầy tôi đang trốn tránh vì nghe tin mật-thám Pháp muốn kiếm bắt tôi. Bỗng dưng, gần 2 giờ sáng, có tiếng gõ cửa ầm ầm. Bạn tôi ra bao lơn ngó xuống đường cái, thấy một bóng người ngồi trên xe kéo, gục đầu vào thành xe. Bạn tôi lên tiếng hỏi :

— Ai hỏi gì đấy ?

Anh phu xe ngước mặt lên đáp:

— Có một ông say rượu, bạn ông muốn vào ngủ nhờ.

— Bạn tôi là ai ?

Anh xe không biết tên. Người ngồi gục đầu trên xe cũng không trả lời. Bạn tôi hỏi ý-kiến tôi, tôi bảo anh ấy cứ xuống mở cửa xem ai. Tôi đã đề-phòng mọi bất-trắc, thì một lúc lâu bạn tôi dìu lên cầu thang một xác người bèo nhèo, không cử-động. Tôi đến gần xem : Lưu-trọng-Lư.

Chúng tôi đỡ Lư nằm trên bục gỗ. Người anh lạnh như đá. Chúng tôi lấy chăn đắp cho anh, lấy dầu nóng xoa khắp thân-thể anh. Một lúc tôi khẽ gọi :

— Lư ! Cậu làm sao thế ?

Lư uể-oải, cố gượng trả lời từng tiếng, với giọng Quảng Bình trọ-trẹ ;

— Tao ăn... thịt... chó... tao hút... thuốc phiện... nhiều quá... cho tao cái chậu... để tao nôn... tao nôn... tao nôn...

Bạn tôi lật đật ra sân sau đem một cái chậu vào. Lưu-trọng-Lư cố níu lấy vai tôi để rán ngồi dậy...

Bấy giờ tôi mới ngửi thấy sặc mùi thuốc phiện. Tôi biết Lưu-trọng-Lư hút thuốc phiện nhưng tôi không ngờ anh ghiền nặng thế. Một bạn làng văn thường nằm hút với Lư ở trên gác một tiệm hút ở Chợ-Hôm, cho tôi biết rằng có đêm Lưu-trọng-Lư hút đến 100 điếu. Tôi không biết đúng hay không, nhưng tôi tưởng-tưởng 100 cuộn khói phù-dung mỗi đêm thấm vào tim phổi, thảo nào Lư không mỗi ngày mỗi gầy đét đi.

Tôi đã nói Lưu-trọng-Lư không có hiện hữu. Chỉ thấy có cái bóng của Lưu-trọng-Lư trong gió bụi mà thôi.

Chàng có lẽ là hiện thân của một Lý-thái-Bạch, một Đào-Tiềm, lạc loài xuống đất Việt chăng ?

Cho nên văn thơ của Lưu-trọng-Lư không có gì là thực-tế cả. Lư chỉ mượn những cảnh vật trên trần-ai mà chàng thấy có đượm đôi nét u-hoài của Tiên-giới, để làm khung-cảnh cho những giấc mơ của chàng. Ngoài ra, với Lư mọi vật đều hư-vô.

***

Lần đầu tiên tôi biết Lư là do bài thơ « *Qua đèo ngang* » của Bà Huyện Thanh-Quan.

Năm 1932, một tờ báo tên là *Phụ-nữ Thời-Đàm* mới mở ở đường Sông Tô-Lịch. Tôi hãy còn là sinh-viên, viết gởi đến báo ấy một bài phê-bình Văn-nghệ, phủ-nhận hoàn-toàn giá trị bài thơ « *Qua đèo ngang* ». Hôm sau, một người lạ, hình dáng ốm teo và nét mặt xương xương, tóc không chải, đến gác trọ tôi, đưa cho tôi xem bài báo đã đăng, và hỏi có phải tôi là tác-giả bài báo đó không ? Tôi xác nhận. Chàng xưng tên là Lưu-trọng Lư, phụ bút, đến biếu tôi tờ báo và ngỏ ý hoàn toàn tán thành những nhận xét của tôi về giá-trị của bài thơ. Lưu-trọng-Lư cười « như con nắc-nẻ » (1) nói giọng Quảng-Bình :

— Bài thơ dở như cứt thế nầy mà Dương-quảng-Hàm nó khen ! Thật là lọ !

Nhưng rồi chúng tôi ít gặp nhau. Tôi còn học thi, thỉnh-thoảng viết Văn, viết Báo chơi cho vui thôi, và chưa quen với các nhà Văn.

(1) Câu Lư thường dùng.

1934, Lưu-trọng-Lư đã nổi tiếng. Tiểu-Thuyết Thứ Bảy đăng thường-xuyên thơ và truyện dài, truyện ngắn của Lưu-trọng-Lư. Nhân vụ « *Tập Thơ Đầu* » của tôi ra đời, do Lưu-trọng-Lư giới thiệu in ở nhà in « *Tân Dân* », tôi mới rủ Trương-Tửu, giáo-viên trường Tiểu-Học Tư-thục « *Thanh-Niên* », (lúc bấy giờ Tửu chưa viết văn), đến thăm Lưu-trọng-Lư tại một ngôi chùa ở Trại Hàng Hoa.

Vừa đến, chúng tôi thấy vợ chồng ông Vũ-đình-Long, Chủ-Nhiệm *Tiểu-Thuyết Thứ Bảy* và chủ nhà in *Tân Dân*, đi xe hơi nhà đến thăm Lư và biếu Thi-sĩ hai hộp trái vải « conserve ».

Lưu-trọng-Lư đang đánh cờ tướng với một ông Sư tại sân chùa, mê cờ đến nỗi không đứng dậy tiếp vợ chồng ông Chủ-Nhiệm.

Vũ-đình-Long không muốn quấy rầy nhà thơ, mở bóp lấy tấm danh-thiếp, viết mấy chữ « Kính biếu Lưu-trọng-Lư Tiên-sinh », rồi hai vợ chồng rón-rén trở ra xe.

Trương-Tửu và tôi ngồi xem đánh cờ. Lưu-trọng-Lư không biết Trương-Tửu, tôi giới-thiệu. Lư cười, gọi một chú tiểu trong Chùa :

— Mang cây đờn nguyệt ra đây, Chú Huy, cho có đủ cầm, kỳ, thi, tửu !

***

1948, Tôi bị bắt vào nhà lao Mật thám Hà-nội, thì Lưu-trọng-Lư và Khái-Hưng cũng đã bị bắt trước tôi. Khái Hưng bị đưa đi an-trí tại Vũ-Bản.

Khái-Hưng bị bắt thì tôi có thể tin được, vì anh ấy đã lập ra Đảng Dân-Chính, một đảng thân Nhật. Còn Lưu-trọng-Lư ? Nghe nói Lưu-trọng-Lư được đưa về Huế, và sống tự do ở đây.

Năm 1947, một cô bạn gái tên là Thu, ngẫu-nhiên gặp tôi ở Sài-gòn. Trước cô làm Giáo-viên tại Đồng-hới và có quen thân với Lưu-trọng-Lư, và Võ-nguyên-Giáp. Cô kể cho tôi nghe những ngày đau-khổ của Thi-sĩ họ Lưu ở Huế vào khoảng 1943-44.

Theo cô bạn ấy thuật lại, thì Lưu-trọng-Lư ở trong một túp nhà lá lụp xụp ở ngoại-ô Huế. Tình cảnh của anh đói rách thật đáng thương. Mấy người bạn nào đó có cho anh một ít áo quần và tiền bạc. Nhưng anh bị đau ốm liên-miên, chính cô bạn ấy phải lo săn sóc giùm. Nhưng sự giúp đỡ của người ta có hạn, dần dần Lưu-trọng-Lư bị bỏ nằm chèo queo trong cảnh bần-hàn bịnh-hoạn. Anh không có con ? (ở Hà-nội tôi không thấy có). Còn chị vợ buôn nước mắm, không nghe ai nhắc đến.

Thời-kỳ Việt-Minh lên nắm chính-quyền, cũng theo lời cô bạn thuật lại, Lưu-trọng-Lư làm Cán-bộ Công-an đi bắt thuốc phiện lậu ở Huế ! Nếu thật đúng như vậy thì đáng tức cười quá !

1949, tôi có đọc mấy bài thơ ký tên Lưu-trọng-Lư trong vài tờ báo xuất-bản trong chiến-khu Miền Trung, tôi không tin của Lư. Mãi về sau nầy, tôi lại được đọc một bài của anh trong một tập sách của một cơ-quan Văn-hóa Việt-Cộng, xuất-bản tại Hà-nội. Tôi không ngạc-nhiên nữa nhưng hết sức buồn.

Trong bài thơ ấy, Thi-sĩ mơ mộng của Mùa Thu dịu lành lại ca ngợi sự chém giết, và say sưa hô-hào máu máu, máu.

Ngòi bút của anh trước kia chép vần thơ Tiên trong mây trong gió, bây giờ lại chấm vào máu viết trên đầu lâu, sọ dừa!

Than ôi! Thế cuộc đảo-điên! Cho đến nỗi Lưu-trọng-Lư hiền lành thân mến của tôi cũng không còn gì là Lưu-trọng-Lư nữa.

THƠ LƯU-TRỌNG-LƯ

Lư thích làm thơ hơn là viết truyện. Lúc viết một tiểu thuyết, Lư không hăng say như Lan Khai, không chăm chú như Vũ trọng Phụng, không cặm cụi như Nguyễn Tuân.

Những truyện dài, truyện ngắn của Lư đều giống như những bài thơ gượng ép, phải kéo dài thành nhiều chương, phải bố-trí các bối cảnh, tạo ra các nhân vật, phải sắp-xếp các hành động, và tất cả : nhân-vật, bối cảnh, hành động đều thêu dệt bằng thơ mộng. Nếu tiểu thuyết của Lưu trọng Lư hấp dẫn một phần nào chính là vì mầu sắc thơ mộng bề ngoài của nó hơn là vì những tình-tiết, bố cục ở nội dung.

Lưu trọng Lư lười biếng viết tiểu thuyết, tự bắt buộc viết để có tiền, phải viết truyện mới có tiền ăn tiêu hằng tháng. Chứ tiểu thuyết không phải là sở thích của Lưu trọng Lư.

Chơi với Lư lâu ngày tôi biết, nếu Lư giầu có, hoặc vợ có vốn liếng buôn bán khá giả có thể lo đầy đủ cho đời sống phong-lưu của anh, thì Lư không thèm viết tiểu thuyết đâu. Lư chỉ làm thơ, và lúc nào hứng mới làm. Không phải như Lan Khai, Vũ trọng Phụng, Nguyễn Tuân chẳng hạn, viết tiểu thuyết vì sở trường, vì thích thú, chứ không hẳn riêng vì sinh kế.

Lưu trọng Lư thuộc về hạng Thi-sĩ bẩm sinh, một giống người đặc biệt sống bằng mơ-mộng hơn là thực tế, nhiều khi quên cả thực-tế.

Cho nên Lư khổ tâm lắm, và ghét lắm, mỗi khi « phải viết bài đưa cho toà soạn ». Và luôn luôn ông Chủ-Nhiệm Vũ đình Long, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, hay ông Chủ-Nhiệm Lê Cường, Tiểu Thuyết Thứ Năm, chỉ giục thi-sĩ viết tiểu thuyết chứ không bao giờ giục thi sĩ làm thơ đâu ! Thơ là món hàng trang-trí, không bắt buộc, và không có tiền « nhuận bút ». Ông Chủ nhiệm cũng ít khi hăng hái bỏ tiền ra xuất bản một tập thơ của thi sĩ.

Thơ của Lưu trọng Lư đăng rải rác trên các tuần báo, các tạp chí văn nghệ khá nhiều từ 1932, mãi đến 1939 mới được nhà sách Tô văn Đức, ở phố Cầu Gỗ, xuất bản, dưới nhan đề TIẾNG THU.

Hôm Lư đem cho tôi một bản đặc biệt, anh nói riêng cho tôi biết rằng Tô văn Đức xuất bản tập thơ này là để trừ những món nợ lặt vặt mà Lư đã hỏi mượn trước, chứ Lư không nhận được tiền « bản quyền » bao nhiêu.

***

Có một lần ở tại nhà trọ của Lư ở phố Hàm Long, tôi cười hỏi Lưu trọng Lư :

— Lư ơi, bài thơ *TIẾNG THU* có phải thật của cậu không?

Có Nguyễn xuân Huy ngồi đấy, Lư « cười như nắc nẻ »:

— Thằng này mơ mộng thật! Mi tưởng bài đó của Thế Lữ à?

— Thế Lữ làm gì nổi một bài thơ như thế. Nhưng tao có đọc một bài thơ của một thi-sĩ Nhật Bổn, giống hệt bài thơ của mày, và bài thơ Nhật cũng tựa đề là *TIẾNG THU.*

Lưu trọng Lư ngó xuân Huy:

— Huy, mầy thấy thằng Vỹ nó điên không?

Huy bảo tôi:

— Mầy muốn chép, tao đọc cho chép. Đây là một bài *TANKA* nổi tiếng:

Oku yama ni
Momoji fumi wake
Naku shika no
Koe kiku toki zo
Aki wa kanashiki

Tác giả là Sarumaru, thế kỷ VIII.

Bài thơ này, Michel Revon có dịch ra Pháp-văn trong quyển « *Anthologie des poètes japonais* » — (Ed. Hachette)

Combien triste est l'automne
Quand j'entends la voix
Du cerf qui brame

En foulant et dispersant les feuilles des érables
Dans les profondeurs de la Montagne.

Karl Petit, trong quyển « *La poésie japonaise* (Ed. Seghers) lại dịch đảo ngược lại, nhưng đúng theo nguyên văn bài thơ Nhật :

Aux profondeurs de la Montagne
Ecartant et foulant les feuilles d'érable
Le cerf brame
Et à l'entendre ainsi,
Ah ! que l'automne m'est lourdement triste !

dịch đúng nghĩa ra Việt-văn :

Trong núi rừng sâu
Ta nghe tiếng xào-xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá bàng khô
Ôi buồn làm sao !

Bài Tiếng Thu của Lưu trọng Lư !

. . . . . .

Em không nghe mùa thu
Lá thu kêu xào-xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô.

Lưu trọng Lư cãi liền :

— Bài của tao còn đoạn trên :

. . . . . .

Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô-phụ.

Tôi cười :

— Cậu làm bài thơ này hồi năm nào ?

— Mới đây.

— Mới đây, và mấy năm nay trong nước mình làm gì có chiến tranh, có « kẻ chinh phu », có « người cô-phụ » ? Tôi cho rằng cậu ghép thêm ba bốn câu đó vào bài thơ của Saramaru để thay đổi đôi chút, nhưng cậu lấy trọn vẹn bản chính của Saramaru.

Lưu trọng Lư không cãi nữa, nhưng Nguyễn xuân Huy cười :

— Kết luận : les grands esprits se rencontrent ! (1)

Lưu trọng Lư cũng biết rằng Lư nổi tiếng là nhờ bài này, nên anh lấy tựa đề bài thơ TIẾNG THU làm nhan đề cho quyển thơ của anh.

Nhân vụ này, tôi cũng cho Lưu trọng Lư và Nguyễn xuân Huy biết là câu thơ :

Yêu là chết trong lòng một tí

của Xuân Diệu, là lấy nguyên vẹn câu của nhà văn Pháp Roland Dorgelès đề trên trang đầu quyển phóng sự hồi ký « Sur la route mandarine » :

Partir c'est mourir un peu

(đi, là chết trong lòng một tý)

chỉ đổi động-từ PARTIR thành YÊU mà thôi.

(1) — Những trí óc vĩ đại thường gặp nhau !

Cũng như tất cả những truyện ngắn của Đoàn Phú Tứ trong tập truyện « Những bức thư tình », đều dịch ra từ các truyện của các nhà văn Pháp : Jules Renard, Courteline, P. Benoit, Sacha Guitry.

Đoàn Phú Tứ dịch hẳn ra Việt-văn, chứ không phải phỏng tác, hay « phỏng dịch », mà anh ta lờ luôn « xuất xứ », tự đề tên tác-giả là Đoàn Phú Tứ ?

Cũng hôm ấy, Nguyễn xuân Huy và Lưu trọng Lư bảo tôi viết một bài trong Hà-Nội Báo, phê-bình tập truyện của Đoàn Phú Tứ, với câu kết luận là « trả lại César cái gì của César ». Bài đó có đăng hai trang Hà-Nội Báo của Lê tràng Kiều.

8.— Vi-huyền-Đắc

Trống trường tiểu-học THANH-NIÊN vừa đánh ba tiếng cho học trò ra chơi, thì thầy giáo Trương Tửu đi giày lốp bốp sang nhà tôi, ở ngay bên cạnh. Tửu tươi cười nhanh nhẩu :

— Có một ông thầu khoán sẽ đến chơi.

Tưởng Trương-Tửu nói đùa, tôi phì cười :

— Ông thầu khoán ? Họ muốn bán xi măng cốt sắt cho tụi mình hả ?

Trương-Tửu cười sặc-sụa, mặt đỏ như quả gấc :

— Một ông thầu khoán ở Hải Phòng, xây dựng nhà cửa và có dư thì giờ xây dựng những vở kịch. Kể ra, hắn cũng là một tay độc đáo đấy nhé.

— Tên là gì ?

— Vi-huyền-Đắc.

— Cái tên có mùi sân-khấu...

— Cậu phải đọc những vở kịch của anh ta. Ở Việt Nam không có một người thứ hai như Vi-huyền-Đắc đâu.

— Hắn ta đã viết những vở kịch gì ?

— Nhiều lắm. Cả kịch bằng Việt Văn, cả bằng Pháp Văn, đến năm sáu cuốn. Cậu phải bảo nhà sách Nam Ký gởi cho cậu xem.

— Một Corneille ? một Racine ? một Voltaire ?

— Không, một Vi-huyền-Đắc.

— Tôi không quan niệm được một ông thầu khoán mà lại là kịch sĩ. Một người cả ngày chỉ có việc làm những bài toán với mấy bao xi măng, mấy đống gạch, mấy cái bù lon, bao nhiêu thước đá và thước cây, thì làm sao có được tinh thần nghệ sĩ để viết những vở kịch nhỉ ?

— Vi Huyền Đắc không phải là một nhà thầu khoán làm kịch sĩ, mà là một kịch sĩ làm thầu khoán. Anh vừa xuất bản vở kịch bằng Pháp văn « Eternels Regrets » đem lên Hà Nội biếu các bạn trong làng Văn, sáng nay có gặp tớ và có nhờ tớ cho cậu biết trước rằng trưa nay nắn sẽ đến thăm cậu và biếu cậu một quyển.

Trống trường Thanh Niên lại đánh ba tiếng, hết giờ chơi. Nhưng Trương Tửu không trở lại lớp học nữa. Anh đã nhờ một người bạn dạy thế,

Chúng tôi uống trà, nói chuyện về môn kịch xứ ta, và ở Pháp, Anh, Nhật. Ở mấy nước kia cũng như ở nhiều nước khác, môn kịch rất thịnh hành. Không những người soạn kịch mà cả đến những người đóng kịch có tài cũng đều được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh, triều đình phủ trọng vọng. Còn ở xứ ta, những nhà Đại kịch sĩ của mấy thế kỷ trước đã soạn ra các tuồng hát bội danh tiếng thì ít ai biết đến tên. Văn học sử cũng không hề nói tới họ. Các người đóng kịch, thì bị mang tiếng là « xướng ca vô loại » !

Hồi đầu thế kỷ XX này, do ảnh hưởng của kịch Pháp nước ta có PHẠM QUỲNH, NGUYỄN VĂN VĨNH, và một đôi người nữa dịch vài ba vở bi kịch và hài kịch của Corneille và Molière, nhưng thiên về văn chương hơn là phương diện trình diễn... Tôi nhắc đến một kịch sĩ Pháp ở Sàigòn là CLAUDE BOURRIN có thí nghiệm một ban kịch Việt Nam chuyên diễn xuất những vở kịch ngắn (seynètes) theo loại Vaudevilles, trong những năm 1935-36-37, nhưng cũng thất bại, vì số khán giả Việt Nam không có bao nhiêu người. Ban kịch nầy có ra Hà nội nhưng cũng không thành công. Vả lại các kịch ngắn của Claude Bourrin tuy diễn bằng tiếng Việt, nhưng cũng chỉ mới là những hài kịch ngắn soạn bằng tiếng Pháp dịch ra tiếng Việt chưa được hay lắm. Kể về kịch chân chính, đại quy mô, thì chưa có mấy ai chuyên môn. Họa chăng bây giờ mới có VI-HUYỀN-ĐẮC.

Nhưng Vi-huyền-Đắc có phải thật là một kịch sĩ tiền phong mà chúng ta mong đợi hay không ? Ông có tà nghệ dồi dào về môn kịch không ?

Chính với hy vọng thiết tha đó mà buổi trưa hôm ấy tôi vui mừng chờ đón Vi-huyền-Đắc, tuy chưa hân hạnh biết anh.

***

Giữ Trương Tửu ở lại ăn cơm với tôi nhưng Tửu phải về Gia Lâm thăm ông cụ, tôi ngồi một mình nơ phòng khách hồi một giờ, đang xem một quyển sách thì một người vóc cao từ ngoài sân gác bước vào, mắt to mũi lớn, miệng rộng, nở một nụ cười mênh mông và tiếng nói rang rảng :

— Có chủ nhân ở nhà không ?

Tôi cười đứng dậy :

— Thưa có.

Tôi đưa tay ra bắt tay anh. Anh vẫn nói cười tự nhiên :

— Vi-huyền-Đắc đây.

— Rất hân hạnh.

Coi bộ anh đã lớn hơn tôi mười hay mười lăm tuổi là ít, và trông có vẻ nghệ sĩ nhiều hơn là thầu khoán lục lộ. Anh lấy một quyển ETERNELS REGRETS đã viết sẵn mấy dòng chữ tặng tôi. Tôi bối rối không biết nói câu gì để cảm ơn anh, vì mới lần đầu tiên quen nhau anh đã có hảo ý biếu tôi một quyển thuộc về loại sách đẹp, in trên giấy bouffant đắt tiền và ấn loát rất có mỹ thuật.

Chúng tôi nói chuyện rất lâu về môn kịch, và tôi cảm thấy rõ rệt là anh Vi-huyền.Đắc có rất nhiều triển vọng về môn sở trường của anh.

Vở kịch ETERNELS REGRETS đã chiếm được giải thưởng danh dự của Hàn Lâm Viện Nice, một giải thưởng xứng đáng vì với quyển ấy Vi-huyền-Đắc đã tỏ ra một nhà kịch sĩ có thiên tài. Kịch nầy sắp trình diễn ở Paris năm 1939 thì chiến tranh bùng nổ. Đề tài là cuộc tình luyên của An Lộc Sơn với nàng Dương qui Phi.

Sau đó, tôi có xem ba vở kịch khác của anh : CÔ GIÁO MINH, UYÊN ƯƠNG, THÀNH CÁT TƯ HÃN, mà giá trị về văn chương cũng như nghệ thuật đã đạt đến

một mức tinh vi hoàn hảo. Theo thiển ý của tôi, những vở kịch của Vi huyền Đắc đều có thể dịch ra ngoại ngữ bà trình diễn trên sân khấu ngoại quốc.

Buổi gặp gỡ anh Vi Huyền Đắc gây cho tôi được rất nhiều cảm mến. Sau đó tôi có viết hai bài bằng Pháp văn trong báo LA PATRIE ANNAMITE và LE CYGNE để giới thiệu anh và quyển ETERNELS REGRETS. Một người Tiệp-Khắc có Pháp tịch và rất thông thạo Việt ngữ, — làm cả thơ chữ Việt nữa — lúc bấy giờ làm Chánh lục sự ở toà án Hải Phòng, tên là EDMOND CHODZKO, quen với tôi từ ba bốn năm về trước có tỏ ý với tôi là ông muốn gặp anh Vi huyền Đắc. Tôi có cho địa chỉ của anh, nhưng không biết về sau hai người có gặp nhau không. Ông Edmond Chodzko muốn đem các vở kịch của Vi huyền Đắc qua trình diễn ở Paris và Prague.

***

Rất tiếc vì bận công việc riêng của mỗi người, và ở hai thành phố cách xa 100 kilômét, chúng tôi không có nhiều dịp gặp nhau. Chỉ có một lần Trương Tửu và tôi đi Hải Phòng, đến thăm anh Vi huyền Đắc tại biệt thự của anh ở bến Hạ Lý. Anh đang bận công việc thầu khoán ở đâu gần đó, chúng tôi ngồi phòng khách chờ một lúc, người nhà đi mời anh về.

Cuộc hội kiến nầy rất là vui vẻ thân mật, anh Vi huyền Đắc giữ ở lại chơi khá lâu, nhưng tiếc thay, từ đó chúng tôi lại không có cơ hội tiếp xúc với nhau nữa.

Mãi sau đình-chiến và thỏa-hiệp Genève, tôi mới được biết anh Vi huyền Đắc di cư vào Saigon, cuối năm 1954. Tôi chạy đi kiếm anh. Gần 20 năm xa cách, được gặp

lại anh, tôi hồi hộp sung sướng muốn khóc lên. Vẫn với cặp mắt thông minh to lớn ấy, hai lỗ mũi bự ấy; cái miệng rộng ấy, anh mừng rỡ đón tôi với một tiếng cười nồ như sấm.

Anh ở một căn nhà tĩnh mịch, mà anh đặt tên là HOÀNG MAI HIÊN, giữa một cảnh trí nên thơ ở miệt Ngã Năm Bình Hoà, ngoại ô Gia Định, có hai vợ chồng, với một u già. Bao nhiêu cơ đồ sự nghiệp ở Hải Phòng đều bỏ lại đất Bắc hết. Anh chị vào đây với hai bàn tay trắng. Bao nhiêu sách quý của anh, và các bản thảo, cả những tác phẩm của anh đã xuất bản hồi tiền chiến, đều bị mất sạch. Bấy giờ chị đi dạy học ở trường Tiểu học Đakao, và chị là một cô giáo rất được học trò quý mến, (1) còn anh thì ở nhà dịch tiểu thuyết Tàu cho vài tờ báo, sống cuộc đời nhà văn thanh cao yên tịnh.

Viết đến đây, tôi không khỏi bùi ngùi về thân thế và sự nghiệp văn chương của một nhà kịch sĩ có thiên tài.

Trong lúc ở ngoại quốc, nhất là ở các nước mà trình độ văn hóa của công chúng đi theo kịp lịch sử tiến triển mãnh liệt của văn học, các nhà kịch sĩ đang đưa lên sân khấu những sáng-tác-phẩm vô cùng sôi nổi, ảnh hưởng lớn lao trong quần chúng, thì ở nước Việt Nam một nhà kịch sĩ có rất nhiều khả năng, nghệ thuật điêu luyện tinh vi, đành xếp các vở kịch một bên, để dịch các tiểu thuyết Tàu bán cho vài tờ báo, cho qua ngày qua tháng.

---

(1) Chị Vị-huyền-Đắc đã từ trần năm 1966 tại Hoàng-mai-hiên.

Sân khấu thì để dành cho một số tuồng đề tài nhảm nhí, ý tưởng nghèo nàn, nghệ thuật hồ lốn, văn chương sơ đẳng. Một Năm Châu, một Kim-Cương, một Út Trà-Ôn dù có đầy đủ khả năng và thiện chí, cũng đành phải chạy theo sau lớp tuồng Vọng-cổ.

Một Vi huyền Đắc có thiên tài nhưng không có phương tiện, không có hoàn cảnh, làm sao xây dựng được một kịch trường xứng đáng với dân tộc nghìn năm văn hiến, để bành diện với kịch trường quốc tế ?

***

Tôi đã nhiều lần trình bày riêng một vài đề nghị với anh VI HUYỀN ĐẮC và anh ĐINH XUÂN HÒA, nay tôi xin phép nhắc lại : Các anh có thể nào CỘNG TÁC với nhau để gây ra một phong trào Kịch trường mới mẻ, tiến bộ, phấn khởi, để xúc tiến mãnh liệt và rộng lớn nghệ thuật Kịch trường Việt-Nam không ? Vì giá trị và danh dự của Văn Hóa Việt-Nam trước Văn Hóa ngoại quốc, tôi thiết tha mong mỏi có sự cộng tác ấy.

9.— Khái-Hưng

Tôi chỉ gặp Khái-Hưng vài lần. Một buổi sáng cùng đi với Từ-bộ-Hứa, nhà Thi-sĩ ho lao, tác-giả tập thơ bằng Pháp-văn « *POÉSIES GRISES* » mà báo *Phong-Hoá* ngạo là « THƠ XÁM-XỊT ».

Tôi muốn đến thăm Khái-Hưng để nói chuyện chơi và cảm ơn anh đã gởi cho mấy quyển tiểu thuyết « Lá mạ » của anh vừa xuất bản. Trong nhóm văn-sĩ của Phong-Hóa, thành thật tôi chỉ có cảm-tình với Khái-Hưng mà thôi, mặc dù trước đó chưa gặp anh lần nào.

Tòa Báo *Phong-Hóa* ở góc đường Quan-Thánh và đường hàng Bún, một biệt-thự thì đúng hơn, và có vẻ sang trọng.

Qua một sân trồng các thứ hoa, chúng tôi vào phòng khách. Nơi đây cách bài trí cũng có vẻ trưởng-giả. Giữa salon, có đặt một cái kệ thấp, trên để một chiếc mâm đồng lớn, chạm trổ theo lối mỹ thuật Bắc. Chúng tôi đưa danh-thiếp cho một người Tùy-phái, thì vài phút sau, một người đã lớn tuổi ra niềm nở bắt tay chúng tôi. Đó là Khái-Hưng.

Người gầy ốm, đôi má hơi cóp và nước da hơi tái, nhưng nụ cười rất tươi. Nụ cười ngụ nét hóm-hỉnh, nhưng hiền-lành khả-ái, chứ không hời-hợt đãi-bôi như Thế-Lữ và không trào lộng như Nguyễn-trường-Tam.

Khái-Hưng cũng không tự kiêu tự đắc, tỉnh điềm và tao-nhã, câu chuyện có vẻ thành-thật và lịch-sự. Tôi không đồng-ý về một vài quan-niệm của anh đối với tiểu-thuyết, nhưng cuộc thảo-luận vẫn thân-thiện, vui-vẻ. Có điều tôi phục anh, là anh thẳng thắn nhìn nhận rằng anh viết tiểu-thuyết tùy theo nhu-cầu và điều-kiện văn-nghệ của một thời-đại mà thôi. Anh bảo :

— Những Romans à thèse (1) của tôi (câu nầy, anh dùng tiếng Pháp) chỉ có mục-đích cải-cách một vài tập-tục trong xã-hội Việt-Nam hiện nay, những tập-tục mà ta thấy rõ ảnh-hưởng không tốt cho xã-hội. Một ngày sau những tập-tục đó sẽ không còn trong một xã hội tiến bộ hơn thì tiểu-thuyết của tôi sẽ mất giá-trị của nó.

Tôi bảo :

— Có lẽ vì anh chủ-trương cải tạo xã-hội nhất thời nên tôi có cảm-tưởng hình như anh không đi sâu vào tâm-lý các nhân-vật trong truyện. Tôi nghĩ rằng tâm-lý không bao giờ thay đổi.

— Tôi không có ý định viết một quyển « *Le Disciple* » như P. Bourget. Trái lại, tôi thấy trong quyển « Đứa Con Hoang » của anh, anh muốn phân tách tâm-lý của người trong truyện, cho nên anh gạt bỏ ra nhiều thực-tế quá.

— Quyển *Đứa Con Hoang* của tôi chỉ là một thí-nghiệm sơ-khởi. Dù sao, tôi rất thích quyển *Hồn Bướm Mơ Tiên* của anh hơn cả các quyển khác.

---

(1) Tiểu thuyết có chứa đựng một luận-đề.

Khái-Hưng lấy hai quyển *HỒN BƯỚM MƠ TIÊN* tặng Từ-bộ-Hứa và tôi, để làm kỷ-niệm buổi gặp gỡ lần đầu. Anh viết lời tặng bằng Pháp-văn.

Au Poète N.V.

Hommage Cordial de l'auteur.

Tên ký của anh giản-dị rõ-ràng, gần như tên viết thường.

Tôi có hỏi tại sao anh lấy bút-hiệu *Khái-Hưng*, anh bảo :

— Tên thật của tôi là *Trần-Khánh-Giư*, hai chữ *Khánh-Giư*, sắp xếp theo lối anagramme thành ra *Khái-Hưng*, chứ không có gì lạ. Còn bút-hiệu của anh là Lệ-Chi, có nghĩa gì ?

Anh hỏi lại tôi. Tôi cười không đáp, Khái-Hưng nói tiếp :

— Lê-tràng-Kiều bảo Lệ-Chi là Chị Lê, nhưng không nói rõ chị Lê là ai.

— Kiều nói đùa đấy. Không đúng... À, có người bảo anh có đi dạy học, phải không anh ?

— Vâng, trước tôi có làm instituteur. *Hồn Bướm Mơ Tiên*, chính tôi đã viết bản-thảo từ hồi còn dạy học. Sau nầy tôi mới sửa chữa lại để đăng vào Phong-Hóa.

— Văn anh gọn lắm, dễ-thương lắm.

— Có lẽ ảnh hưởng lối văn Thầy giáo cho học-trò. Vì tôi dạy về luận-văn, thường bảo học-trò viết câu văn xuôi cho gọn-gàng giản-dị. Tôi viết lối văn bay bướm và mơ-mộng như các anh không được. Tôi thích loại văn của Alphonse Daudet, hoặc Guy de Maupassant.

— Tôi lại thấy văn anh sung-túc như các tác-phẩm của Émile Zola.

Tuy ở chung một tòa-soạn, nhưng Khái-Hưng không thích chơi với Thế-Lữ. Trái lại, Khái-Hưng thân với Nguyễn-Tường-Tam và Tú-Mỡ. Anh ít nói, tinh điềm-đạm, nhưng thỉnh-thoảng khôi-hài đôi chút, và không làm mích lòng ai. Trong nhóm Phong-Hóa anh là người được đa số anh em nhà văn mến nhất.

Thi-sĩ Từ-bộ-Hứa, tác-giả tập thơ Pháp-văn « Poésies Grises », ho lao nặng, hài-hước một câu :

— Tôi thú thật không đọc tiểu-thuyết của anh, cũng như của những nhà văn khác. Tôi chỉ thích thơ, anh lại ít làm thơ. Nhưng tôi qui mến anh vì anh cũng một kẻ ho-lao khốn-nạn như tôi !

Khái-Hưng cười :

— Anh lầm rồi đấy. Ho-lao không phải là một tội-lỗi. Có lẽ hơn nữa, đó là một triệu chứng tài-hoa đặc-biệt của Thượng-Đế ban cho, tôi muốn nói : la marque d'un génie. Tôi rất tiếc không được hân-hạnh là người ho-lao.

Sự thật, Khái-Hưng không bị ho lao. Anh gầy có lẽ tại anh hút thuốc phiện nhiều và thức đêm nhiều. Theo lời anh cho chúng tôi biết, hầu hết các truyện dài của anh phải viết bên bàn đèn thuốc phiện. Mặc dù anh tốn rất nhiều tiền để tẩm bổ, nhưng bẩm chất của anh không được mạnh, lại bị làm việc quá sức. Anh thú thật rằng từ khi anh đi dạy học, sức khỏe của anh dồi-dào hơn nhiều.

***

Năm 1940, Khái-Hưng và Nguyễn-tường-Tam lập ra một đảng chính-trị, tên là « *Dân Chính Đảng* » mà Khái-Hưng là đảng trưởng. Một đảng có khuynh-hướng thân Nhật-Bổn, nhưng hoạt-động bí-mật. 1942, anh bị Mật-Thám Pháp bắt, đưa đi an-trí ở Vũ-Bản, bị bắt trước tôi mấy ngày.

1955, tôi được gặp nhiều anh em nhà văn Hànội di-cư vào Sàigòn, trong số có Vũ-Bằng, Tam-Lang, Thượng-Sỹ, Vi-Huyền-Đắc, v.v...

Hỏi về tin-tức Khái-Hưng, có mấy anh cho tôi biết Khái-Hưng bị Việt-Minh « quản-thúc » ở ngay làng anh. Nhân một buổi hội-họp tại trụ-sở ủy-ban Xã, Khái-Hưng có làm một bài thơ tán-dương Hồ-chí-Minh, nhưng ngụ ý châm-biếm. Sau đó, anh bị một cán-bộ Xã thủ-tiêu trên một đường làng gần nhà anh, vào khoảng nửa đêm.

Tin đó đúng hay không, tôi chưa được biết đích-xác. Tôi có hỏi Nguyễn-tường-Tam khi tôi gặp lại anh lần đầu tiên tại Sàigòn, năm 1952, ở nhà ông Nguyễn-tường-Phượng, anh của ông, là Công-chức Sở Bưu-Điện Sàigòn. Rất tiếc, anh Nhất-Linh cũng không hiểu rõ về những giờ phút cuối cùng của Khái-Hưng. Theo lời anh, cũng chỉ nghe người ta nói lại rằng Khái-Hưng bị Việt-Minh thủ-tiêu, thế thôi. Tôi hơi ngạc nhiên, vì đáng lẽ Nhất-Linh phải điều-tra đích-xác về cái chết của người bạn thân nhất của anh trong làng văn Việt-Nam. Dù sao Khái-Hưng cũng đã lìa đời một cách đau đớn và đột ngột, vào khoảng năm 1946, hay 47...

Tôi buồn-bã nhớ lại khuôn mặt xanh-xao và khả-ái của tác-giả « HỒN BƯỚM MƠ TIÊN ».

10.— Nhất-Linh Nguyễn-tường-Tam

TRƯỜNG THĂNG-LONG và BÁO PHONG-HÓA

Anh Phan-Thanh, cựu trợ-giáo người Quảng-Nam, nhân-viên « Đại Hội-Đồng Kinh-Tế và Tài-Chánh Đông-Dương » ; và Giáo-sư Trung-học Tư-thục Nguyễn-văn-Tòng, giới-thiệu tôi vào dạy Pháp-văn và Sử-ký ở trường ấy.

Nhưng mới dạy được hai tháng thì tôi nghỉ, anh Phan-Thanh cũng thôi dạy. Ông Hiệu-Trưởng Nguyễn-văn-Tòng vừa bán lại trường cho ông Nguyễn-tường-Tam, Cử-nhân Khoa-học, ở Pháp mới về.

Đó là năm 1930. Hầu hết những giáo-sư cũ đều nghỉ hoặc đi dạy các trường khác. Ông Nguyễn-tường-Tam, tân Hiệu-Trưởng, dùng những Giáo-sư mới của ông, trong số đó có thầy giáo Trần-khánh-Giư.

Trường cũng đổi tên là « ECOLE THĂNG-LONG », ở góc đường Hàng Cót (rue de TAKOU), và đường Cửa Bắc (Bd Carnot), ngó ngang bót Cảnh-sát Hàng Đậu (rue des Graines), tức là con đường chạy ra Cầu Sông Cái (Bờ Sông).

Một năm sau, người ta thấy rải rác trên các vách tường trong thành-phố dán một tờ quảng-cáo lớn loan

tin một tờ Báo hài-hước sắp ra đời, tên là « *Phong-Hóa tuần báo* », Chủ-nhiệm : *Nguyễn-tường-Tam*. Tòa-soạn và ban trị-sự đặt tại trường Thăng-Long, phố Hàng Cót.

Quảng-cáo nhấn mạnh là tuần-báo hài-hước chuyên-môn cười và làm cho độc-giả cười. Lần đầu tiên ở Hà-nội, một nhóm người làm Báo trào-phúng, chế-giễu « *những cái tệ-đoan của phong-hóa An-Nam* ».

Tuần-Báo Phong-Hóa số 1, trẻ con ôm đi bán rong, vừa chạy vừa la inh-ỏi, khắp các phố-phường Hà-nội. Thiên hạ tò mò mua xem, báo « bán chạy như tôm tươi ». Lý-do : báo *Phong-Hóa* đăng đầy những bức vẽ, những mục khôi-hài, chế-giễu tập-tục « phong-hóa An-Nam ».

Công-chúng bình-dân, từ cô sen, cậu bồi, đến các lớp học-sinh thanh-niên nam-nữ, và công-tư-chức đều rũ-rượi khi đọc những mẩu chuyện hóm-hỉnh và nhìn những bức vẽ rất tức cười, chế-nhạo nào ông *Lý-Toét Đình-Dù*, « ở nhà quê ra tỉnh » ngớ ngẩn trước các sự kiện « văn-minh », tân-tiến của thời-đại, nào các chuyến xe đò chở đầy nghẹt dân-quê lẫn lộn với heo gà, nào người mù đi không thấy đường, ngã tòm xuống lỗ cống trên bờ lề đường phố, v.v... Nhiều bức vẽ do nét bút khôi-hài của Nguyễn-tường-Tam. Mấy số đầu, được đàn bà và trẻ em thích đọc nhiều nhất. Dần dần báo Phong-Hóa vẽ và chế-giễu các nhân-vật trí-thức, trung-lưu và thượng-lưu có đôi chút tiếng tăm trong xã-hội đương-thời, khiến các giới ấy cũng phải mua *Phong-Hóa* để xem. Nào là ông Giáo-Sư Lê-công-Đắc bị báo Phong-Hóa

đặt cho biệt-danh là « Con gà ba chân » (1), nào ông Luật-Sư Lê-Thăng là « Con đĩ đánh bồng », nào Thi-sĩ Nguyễn-khắc-Hiếu, say rượu túy-lúy, Tiến-sĩ Khoa-học Nguyễn-công-Tiểu, chữa bịnh toi gà, ông Nguyễn-văn-Vĩnh, bụng bự, ông Nguyễn-văn-Tố, gọi là ông « Búi Tó », Nguyễn-tiến-Lãng, con ve sầu, v.v...

Ai đọc báo Phong-Hóa cũng không thể nhịn cười, và mỗi tuần ai cũng chờ đến ngày báo *Phong-Hóa* phát-hành để mua một tờ đọc cười chơi. Tuần-báo *Phong-Hóa* thật đã đem một không-khí « Cười nhộn » khắp thành-phố Hànội, một cố-đô cổ-kính nghiêm-nghị của « nghìn năm văn vật ».

Một số dư-luận trong giới trí-thức và cách-mạng Hànội phê-bình *Phong-Hóa* do một người Việt-Nam du học ở Pháp mới về, nêu lên tính chất hài-hước đả phá, có ác-ý hoặc vô-ý-thức, không có gì xây dựng « phong-hóa » cho nước nhà. Vô-ý-thức nhất là nhân-vật Lý-Toét, tượng trưng người « An-Nam » quê-mùa, ngớ-ngẩn, trước văn-minh Âu-Tây đang thịnh-hành. Báo Thực-dân Pháp ở Hànội thường trích đăng những bức vẽ khôi-hài của *Phong-Hóa* để chế-nhạo người « An-na-mít » mà họ gọi bằng một danh-từ khinh-bỉ là « nhaque » (đọc là nhắc-cờ) theo chữ « nhà-quê » bỏ dấu.

Nguyễn-trường-Tam đã thành-công với tiếng cười kích-động của ông. Báo *Phong-Hóa* vượt lên một số lượng phát-hành vô-địch. Và ông cũng nổi tiếng từ đó.

---

(1) Bà Bé-Tý, quả phụ của một ông Tây Chánh Chủ Sở Bưu-Điện Hànội, ở phố Hàng Bạc, đã nổi tiếng nhờ chuồng thú của bà có nuôi nhiều con vật lạ, trong số có một Con Gà Ba Chân. Phong-Hóa cho rằng Lê-Công-Đắc là một con quái vật như con gà ấy

Vài năm sau, ông bán trường Thăng-Long cho một nhóm Giáo-sư hùn-hợp, mà trong đó ông cũng có cổ phần: Ecole Thăng-Long đổi thành *Lycéum Thăng-Long*, và dời qua một đường hẻm gần Chợ Hàng Đa. Trong ban quản-trị mới của trường Thăng-Long có Hoàng-minh-Giám làm Directeur (Hiệu-Trưởng), Nguyễn-tường-Tam, Tôn-thất-Bình (Chủ-bút báo La Patrie Annamite, và con rể của Phạm-Quỳnh, Lại Bộ Thượng-Thơ Huế.) Hoàng-minh-Giám có giới-thiệu Võ-nguyên-Giáp (Chứng-chỉ năm thứ hai Cử-nhân Luật, 1939) vào dạy Sử-ký ở trường nầy, và Đặng-thái-Mai, dạy Pháp-văn.

Thầy giáo Trần-khánh-Giư, viết tiểu-thuyết cho báo Phong-Hóa, dưới bút-hiệu Khái-Hưng, đã nghỉ dạy từ lâu.

Trong thời gian nầy, Nguyễn-tường-Tam cũng có viết tiểu-thuyết trong *Phong-Hóa* với bút-hiệu Nhất-Linh, nhưng phải nhờ Khái-Hưng sửa chữa nhiều. Những tác-phẩm song-hành ấy đều ký cả hai tên: Khái-Hưng và Nhất-Linh, theo lời Nguyễn-Tường-Tam nói với tôi.

Cũng một đôi quyển truyện của Nguyễn-tường-Tam đã được Khái-Hưng sửa lại, nhưng Khái-Hưng không đề tên mình. Nguyễn-tường-Tam, Cử-nhân Khoa-học bắt đầu viết tiểu-thuyết dưới sự hướng-dẫn của nhà văn Khái-Hưng.

***

Là một trong số độc-giả trung-thành của báo Phong-Hóa, tôi rất thích đọc những mục vui cười và xem những tranh vẽ hài-hước. Tôi không đọc tiểu-thuyết. Vô-tư mà

xét, thì ngoài những tranh vẽ và những bài đả-kích có ác-ý hiển-nhiên, báo *Phong-Hóa* có nhiều câu chuyện khôi-hài và tranh vẽ trào-phúng thật vui, lôi cuốn số đông độc-giả.

Mặc dù chính tôi cũng đã là nạn-nhân của *Phong-Hóa*, bị họ vẽ khôi-hài, hoặc bị chế-giễu cách nầy hay cách khác, tôi vẫn cho đấy là những trò đùa bâng-quơ vô hại.

Trương-Tửu thì hoàn toàn không ưa *Phong-Hóa*, và nhóm nhà Văn của báo ấy. Tháng 10-1939, một tháng sau ngày Đệ-nhị Thế-chiến bùng nổ, có một cuộc hội họp của một « Nhóm Nhà-Văn chống Phát-xít ». Tôi hơi ngạc-nhiên gặp ông Nguyễn-tường-Tam. Ngạc-nhiên vì lúc bấy giờ ai cũng biết ông Tam có khuynh-hướng thân Nhật, và chúng tôi thì chống Nhật hoàn-toàn.

9 giờ đêm ra về, ông và tôi lại gặp nhau trên Bờ Hồ Hoàn-Kiếm. Sau vài câu chuyện về thời cuộc, ông hỏi tôi với giọng hài-hước bất-hủ của ông :

— Sao anh chống Nhật ? Nhật có làm gì hại anh mà anh chống họ ?

Tôi cười :

— Thế tại sao anh thân Nhật ? Nhật làm gì lợi cho anh mà anh thân nó ?

Hai câu hỏi làm quà trao đổi cho nhau biến thành một cuộc « đấu-khẩu » mà cả hai đều cố giữ phong-độ trào-phúng trong giới hạn vui đùa.

Sau buổi làm quen đầu tiên ấy, tôi không gặp Nguyễn-tường-Tam nữa.

Tôi bị Nhật bắt rồi Tây bắt... Mãi đến năm 1948... tôi gặp lại Nguyễn-tường-Tam ở Sàigòn.

NỬA GIỜ VỚI NGUYỄN-TƯỜNG-TAM VỀ VĂN-NGHỆ

(Trích PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ, SỐ 1, Bộ cũ, ngày 1 tháng 1 năm 1952)

Sau ngày 19-12-1946 chiến-tranh Việt-Pháp bùng-nổ, ông Nguyễn-tường-Tam lánh sang Tàu, mãi đến năm 1950, người Pháp đặt lại chủ quyền ở Bắc Việt ông mới về Hànội. Tháng 12-1952 tôi ở Đàlạt xuống Sàigòn gặp một ông bạn cho biết hiện giờ Nguyễn-tường-Tam ở nhà ông Nguyễn-tường-Phượng, anh của ông, công-chức sở Bưu-Điện Sàigòn, Tôi đến thăm lấy tình bạn cũ trong làng Văn Bắc-Việt. Tuy ở Hànội không quen nhau nhiều nhưng vẫn biết nhau lắm, sau mười mấy năm trời xa cách nhau vì thời cuộc nay gặp lại cả hai đều niềm-nở vui mừng.

Phút đầu trông thấy nhau, chúng tôi còn ngờ ngợ bởi lâu ngày ở trên rừng núi chung với đồng-bào thiểu-số Radhés da mặt tôi đã nhuộm một màu nam-nám, ông Tam trố mắt ngó rồi bắt tay cười :

— Sao bây giờ anh đen dữ vậy ?

Tôi hỏi lại ông :

— Anh để râu mép hồi nào ?

— Tôi để râu từ hồi làm Cách-Mạng.

Ông Tam lúc nầy chắc cũng trạc độ 45 hay 50 tuổi, nhưng nụ cười hài-hước của ông vẫn còn nguyên vẹn

như xưa. Tôi thấy ông có vẻ buồn nản, mặc dầu ông cố giấu, nó vẫn lộ ra khi ông hết cười. Đưa gói thuốc mời tôi, tay ông run run như muốn rụng, cái đầu ông hơi lắc qua lắc lại như không vững, đôi mắt nháy lia nháy lịa như thầy bói, mà ông lại hay cười. Nét cười tang-thương lạ !

Sau những biến cố mà Tổ-quốc đã trải qua từ 1945, tôi không muốn nói chính-trị với ông. Ông cười :

— Chúng ta nói chuyện văn-chương thích hơn nhiều chứ ?

Vả lại ông Tam đã tuyên-bố từ ngày hồi-cư rằng ông về đây để viết sách mà thôi. Từ nay ông nhất-định từ-giã chính-trị, để chuyên về nghệ-thuật văn-chương. Ông cho tôi biết ông đang viết một quyển tâm-lý tiểu-thuyết phải ba năm mới rồi.

— Anh định viết một bộ truyện dài lắm hả ?

— Vâng, tôi định viết một bộ tâm-lý tiểu-thuyết trường-giang đại hải mà tôi chưa biết nó sẽ đi tới đâu, và sẽ kết-thúc ra sao. Các nhân-vật trong truyện, tôi để cho họ tự-ý hành-động theo tâm-lý, rồi kết-cấu về sau thế nào tự nó sẽ hiện ra, tôi không sắp đặt trước. Bởi kết-cấu của truyện sẽ do kế-tiếp tự-nhiên của sự-vật tạo-thành.

— Anh coi chừng kẻo anh sẽ tạo ra một chàng Frankeinstein !

Nhưng ông Nhất-Linh quả-quyết rằng nghệ-thuật thuần-túy chính là sự phác-họa trung-thành các thực-tế linh-hoạt và vĩnh-viễn của cuộc đời, chớ không phải do một man-hứng viển-vông nhất thời của nhà văn. Nghệ-

thuật, theo ông, phải gồm cả thời-gian và không-gian. Nó phải chi-phối các chân-tướng của vũ-trụ, và như thế, nó mới bền bỉ lâu dài. Vì vậy, ông Nguyễn-tường-Tam cho rằng những quyển truyện mà chính ông đã viết hồi trước kia, đều dở lắm. « Tôi nhứt là quyển *Đoạn-Tuyệt* và quyển *Lạnh-Lùng*. » Chỉ trừ cuốn *Bướm-Trắng* sau mười năm ông đọc lại còn thấy giá-trị mà thôi.

Cả quan-niệm của Nguyễn-tường-Tam về Nghệ-thuật Văn-chương đều tóm lại thành một nguyên-tắc : Nghệ-thuật phải đi sát với thực-tế. Tất cả cái gì ra ngoài chân-lý căn-bản của nhân sinh, — và chỉ có chân-lý là tồn-tại trong thời-gian và không-gian, — tất cả các cái ấy đều phản nghệ-thuật.

— Anh muốn trở lại cuộc tranh-luận cũ-kỹ giữa hai phái « Nghệ-thuật vì Nghệ-thuật », « Nghệ-thuật vì Nhân-Sinh » ? Vậy đâu là nghệ-thuật thuần-túy ?

Nhưng ông Tam cho rằng nghệ-thuật thuần-túy không phân-biệt gì cả : nó bao quát tất cả thực-tế đang tồn tại trên đời...

Riêng tôi, tôi không đồng quan-niệm ấy. Nếu nghệ-thuật là sự biểu-diễn của thực-tế, dù là một nghệ-thuật tế-nhị đến đâu đi nữa, nó cũng chỉ là khô khan mà thôi. Phác-họa đúng màu sắc của sự-vật cũng chưa đủ là nghệ-thuật. Bởi vì nhà nghệ-sĩ chân chính không quên được màu sắc của tưởng-tượng, những màu sắc ấy ở ngoài không gian và thời-gian, và nó đẹp hơn nhiều.

Ai chối cãi rằng Jules Verne đã không phải là nghệ-sĩ ? Rằng Peter Cheney hay Walt Disney, không phải là

nghệ-sĩ ? Nghệ-thuật của Camille Flammarion cũng làm danh-dự cho một khoa-học cao-siêu là Thiên-văn-học, cũng như P. Bourget đã làm vinh-dự cho một khoa-học thâm-thúy khác là khoa Tâm-lý vậy...

Nhưng, đây mới đến chỗ thực-tế khôi-hài của cuộc gặp gỡ chúng tôi.

Chúng tôi đang nói chuyện về văn-chương, thì một dáng người từ ngoài cửa bước vào, đầu chải bóng mướt, mặt trắng nõn, quần áo âu-phục nghi-lễ, bảnh-bao, cầm một bó hoa sen trắng, cặp mắt lim dim. À, cái anh thi-sĩ Đông-Hồ đi đâu đây mà long trọng thế ? Anh mỉm cười chào tôi, rồi quay lại Nguyễn-tường-Tam :

— Tôi đem hoa đến để mừng cháu.

Cái gì vậy ? Tôi hỏi ra mới biết buổi sáng ấy ông Nguyễn-tường-Tam gả con gái lấy chồng. Hình như họ nhà trai sắp đến. Tôi tới chơi, thật là đột ngột quá, và không... hợp-thời !

Mặc áo sơ-mi cụt tay, đầu tóc không chải, đôi giày cùn, tôi vội-vàng đứng dậy, xin lỗi ông bạn, thế là chuồn ; mặc dầu Nguyễn-tường-Tam muốn giữ tôi lại.

Nguyễn-tường-Tam đứng trên cầu thang, còn gọi lại tôi, nhưng tôi đã cút thẳng ra đường cái lớn... Câu chuyện văn-chương và nghệ-thuật chúng tôi đã hẹn nhau sẽ thảo-luận một khi khác.

NGUYỄN-TƯỜNG-TAM Ở SÀIGÒN

Ở Hànội không quen nhau nhiều, nhưng ở Sàigòn tôi thường gặp ông, và hai người thân với nhau hơn Đi qua đường Phạm-ngũ-Lão, Nhất-Linh hay ghé vào tòa-soạn *Phổ-Thông*, ngồi trò chuyện một lúc về Văn-chương và thời cuộc.

Ông cũng thường ở chung với ông Gioãng ở Đàlạt bạn thân của ông. Ông có một trại riêng ở Finnom, cách quan lộ chừng 100 thước, trên đường đi Đàlạt, và cách Đàlạt 15 cây số. Ông có rủ tôi đến chơi đây một lần để xem các dò hoa Phong-lan của ông. Tôi thấy ông đã có triệu chứng đau thần-kinh, ngay hôm đầu-tiên gặp ở nhà ông Nguyễn-tường-Phượng. Ông hay run trong cử-chỉ cũng như trong giọng nói. Ông đã bỏ hút thuốc phiện, nhưng lại phải uống rượu nhiều, toàn là Martell.

Ở Sàigòn, Nhất-Linh không sáng-tác được mấy. Và quyển truyện dài « tràng-giang đại-hải » (roman-fleuve), như ông đã nói với tôi tại nhà ông Phượng, mà ông đã bắt đầu viết, định trong ba năm thì xong, tôi chờ mãi không thấy ra đời. Một hôm ông đến chơi ở tòa-soạn *Phổ-Thông*, tôi hỏi ông về quyển truyện ấy, ông cười bảo :

-- Tôi đã bỏ công-việc đó.

Một vài tiểu-thuyết ông khởi đăng trong tạp-chí « Văn-hóa Ngày nay » của ông, không được độc-giả hoan-nghênh. « *Văn-Hóa Ngày Nay* » phải tự đình-bản.

Tinh-thần và thể xác của Nhất-Linh bị suy-sút rất nhiều. Mấy năm sau cùng của đời ông hoàn toàn kém

vui. Với một giọng thiều-não, ông nói với tôi rằng ông « không tin-tưởng nơi đời sống nữa. »

Cũng như nhiều bạn khác, tôi kinh-ngạc nghe tin ông uống thuốc độc tự-tử. Bằng cái chết, ông phản đối vụ Tòa-án của Ngô-đình-Diệm sắp xử ông. Tôi rất xúc-động trước linh-cữu của ông, quàng trong nhà xác bịnh-viện Grall. Cũng nơi đây, tôi đã chứng kiến trước đó vài tháng cái chết buồn-thảm, cô-đơn của một người bạn khác, Bác-sĩ Diên-Hương, một Thi-sĩ Miền Nam, người sáng-lập Diên-Trì Thi-xã.

Một số rất đông người đi theo sau linh-cữu của Nguyễn-tường-Tam đến Chùa Xá-lợi. Nhưng người ta không hiểu và bàn tán rất nhiều về một tấm biểu-ngữ tuyên dương rằng Nguyễn-tường-Tam xứng đáng với Nguyễn-thái-Học.

Nguyễn-thái-Học đã can-đảm lên máy chém để chết vì Tổ-quốc, chứ đâu có uống thuốc ngủ tự-tử để tránh xiềng-xích của kẻ độc-tài ?

Giới Cách-Mạng ở Sàigòn đều chê cái biểu-ngữ đó, muốn tâng-bốc ông một cách quá-lố, và xuyên-tạc Lịch-Sử.

TÔI CÒN NỢ NHẤT LINH 5$

Tôi ngồi với Trương-Tửu, Lê-văn-Siêu và Vũ-Trang, trên gác trọ một nhà buôn nước mắm ở Khâm-Thiên, số 352, gần ô Chợ-Dừa. Vũ-Trang rung đùi ngâm thơ Đỗ-Phủ, hết Đỗ-Phủ đến Bạch-cư-Dị, hết Bạch-Cư-Dị đến Tô-Đông-Pha. Bốn tách nước trà đã nguội. Câu chuyện đã gần tàn.

Lê-văn-Siêu chỉ cười, tiếng cười vạn-cổ dội bốn vách tường lạnh. Trương-Tửu nhếch mép một tý, mặt cứ đỏ bừng. Anh hất hàm, đôi mắt sáng quắc nhìn tôi :

— Nghĩ gì thế, chàng ?

Một tiếng nói không thành tiếng, đáp lại một nụ cười không thành nụ cười, uể-oải :

— Lasciate ogni speranza !

Không hiểu tại sao tôi nhắc lại cho Trương-Tửu câu của Dante thấy trên cửa Địa-ngục ? Tôi đang nghĩ gì, mà « gạt bỏ hết hy vọng » như ý-nghĩa câu thơ ?

Hôm nay là ngày cuối cùng của một năm.

Nhà thơ La-Tinh đã vô tình hiện trong trí óc tôi rồi biến mất, bóng phớt trên mặt tường.

Trương-Tửu làm thinh, các Thi-sĩ đời Đường của Vũ Trang cũng im-lặng. Lê-văn-Siêu vẫn giữ nụ cười dĩ-vãng. Tôi ngả lưng trên ghế, nhắm mắt. Điếu thuốc nằm trong hai ngón tay của tôi thở ra một làn khói mỏng, gần vô-hình giống như một tư-tưởng âm thầm muốn thoát ngục.

Một bóng người từ dưới cầu thang ngoài sân hẹp, rảo bước lên thềm. Một người bạn quen mà không quen. Anh phát thơ của Bưu-Điện. Mỗi ngày, gần đúng giờ nầy, anh đã đem đến tôi vài cái vui, vài cái buồn, từ xa xăm, từ các nẻo trời. Những cái vui và cái buồn quen và không quen như anh phát thơ. Sáng nay, buổi sáng cuối cùng của tháng Chạp, anh đem đến tôi cái gì đây ? Anh mỉm

cười, nụ cười thông-cảm im lặng. Anh chỉ trao vào tay tôi một lá thư duy nhất. Một lá thư? Không phải. Một cánh hoa xanh phảng-phất một mùi thơm êm-dịu. Và một mảnh giấy xanh gấp lại kín-đáo, mà tôi phải ký vào sổ anh để nhận lãnh. Tại sao hai cái đều xanh-xanh, cùng một màu mơ?

Trương-Tửu lại đỏ mặt, tia mắt sáng ngời, và nụ cười không phải một nụ cười.

— Nàng thơ Phủ-lạng-Thương?

***

Tôi đã mở mảnh giấy xanh của nhà giây thép. Ba cặp mắt nhìn nó, và nhìn tôi. Nhưng tôi ngó mấy dòng chữ đánh máy trên rẻo giấy trắng dán lên tờ điện-tín, rồi thong thả gấp lại, để trên bàn. Trương-Tửu đã nhìn thấy nụ cười của Nàng Thơ Phủ-lạng-thương:

« Chiều nay em đến »

Nàng chưa hề gặp tôi, và tôi cũng chưa được gặp nàng. Điện-tín nàng gửi cho tôi sáng ngày Ba-Mươi Tết này sẽ chấm-dứt cuộc cách biệt thích-thú tuyệt vời của hai người yêu nhau mà chưa hề biết mặt nhau.

Tôi có cảm giác luyến tiếc trong giây phút, không biết rồi đây tờ giấy xanh hôm nay sẽ là trang đầu của một quyển sách hình-ảnh màu tuyệt đẹp, hay là câu thơ đầu của một trường-hận-ca?

***

Trước mặt tôi và chung quanh tôi vẫn im-lặng. Vũ-Trang ngồi rung đùi, khẽ cúi xuống bình-tích, lấy ấm trà châm vào bốn tách không. Lần-lượt bốn làn khói uyển chuyển và dịu-hiền, vươn lên như lời ca ấm-áp của các truyền-tịch xa xăm. Lê-văn-Siêu giữ luôn trên môi và trên mắt nụ cười vô-tận. Trương-Tửu cầm bức thư xanh-xanh và thơm ngát, trao tôi :

— Này đọc bản nhạc nầy đi. Có lẽ nó đem đến cậu mùi hương của một nghìn một đêm lẻ.

— Cậu cứ mở nó ra xem. Với tôi, chỉ một điện tín hứa hẹn một đêm cũng đủ rồi. Không cần một nghìn một đêm lẻ.

Trương-Tửu chưa mở. Cậu lấy mấy ngón tay rờ-rẫm bao thư, mặt cứ đỏ bừng :

— Cái gì trong nầy mà cứng cứng... ? Một thiệp mừng năm mới ?.. hay một tấm ảnh...?... Trong nầy có một nụ cười đang nở hoa ?

Trương-Tửu trịnh trọng xé dọc theo rìa bao thư, và khẽ rút ra... một tấm ảnh in trên carte postale. Mùi thơm của hoa tương-tư tràn khắp gian phòng, Trương-Tửu đọc ngay mấy dòng chữ Pháp viết sau lưng tấm ảnh:

« *Hommage d'une admiratrice* »

Rồi cậu lật qua xem hình, bỗng nổ lên một tiếng cười rộ. Vũ-Trang cười rúc-rích, Lê-văn-Siêu cười ào ào. Tôi ngạc nhiên lắm. Tấm hình nằm trên mặt bàn giữa một bản nhạc cười hòa-tấu xôn-xao náo-động. Tấm hình cũng cười hãnh-diện, như muốn bảo :

— Không phải cho các anh. Nàng gởi tặng tôi... cho chàng.

Tấm-hình một cô đầm ở Paris hoàn toàn lõa-thể, tuyệt đẹp, in màu. Người đẹp nằm trên nệm hoa, đang đọc một quyển thơ. Bên góc có in mấy câu thơ của Verlaine:

Les sanglots longs
des violons
de l'Automne...

***

Nàng tinh-nghịch gởi tặng tôi không phải tấm ảnh của Nàng, mà đây là hình-ảnh tượng-trưng của Sắc-Đẹp tinh-khiết, huyền mơ, của Thơ huyền-diệu. Nhưng tại sao nàng gởi đến tôi cậu thơ Verlaine:

Khúc đờn vi-vu
âm-u
của mùa Thu... ?

Phải mùa Thu đã qua rồi, là hết mùa Ly-biệt. Từ-giã ánh tà dương từ Phủ-Lạng-Thương, đêm nay Nàng đến. Nàng muốn đêm nay Nàng đem đến tôi một mùa Xuân, trước khi mùa Xuân đến.

Nàng gởi đến trước tặng tôi trong buổi sáng tinh-khiết cuối năm, hình-ảnh lõa-thể của một cô đầm trẻ đẹp, vì nàng muốn tinh-nghịch với tôi và nàng đã biết tôi hiểu nàng nhiều lắm. Đây không phải da thịt hồng-hào xao-xuyến, không phải cái mồi của dục-tình và truỵ-lạc. Nàng chỉ muốn nói khẽ với tôi: « Em yêu anh. Em tặng anh tình Thơ trong sạch của mười tám xuân xanh. »

***

Lê-văn-Siêu đã ra về. Vũ-Trang cũng đi dạo phố. Trong thâm-tâm tôi cảm ơn hai người bạn đã muốn để tôi một mình trong giấc mơ say. Nhưng tôi quay lại nói với Trương-Tửu :

— Cậu ở lại với tôi chốc nữa nhé ?

Trương-Tửu cười :

— Tôi biết cậu băn khoăn.

— Phải. Hôm nay tôi không có một đồng xu trong túi. Tội sẽ đón Sơn-Tiên bằng cách nào đây ? Tôi không có được một cành hoa để tặng Nàng.

— Sơn-Tiên cũng biết cậu nghèo Nhưng ít nhất cậu cũng phải có tiền để đi xe ra bến xe Bắc-Giang đón nàng, và mua vài gói mứt, vài gối hạt dưa, một gói trà.., một lọ hoa... Và cậu cũng phải có một gói thuốc thơm chứ chẳng lẽ đem giao-thừa ngồi ngâm thơ với người yêu mà cậu cứ hút mãi mấy điếu thuốc đắng chẳng nầy ư ? Và ba ngày Tết cậu ăn gì ? Cậu không có được một củ dưa hành trong nhà. Tôi sướng hơn cậu vì tôi không có một người yêu.

— Còn cậu lấy tiền đâu tiêu Tết ?

— Tôi cũng chẳng có xu nào tiêu Tết cả. Nhưng đã có ông Cụ. Nhà xuất-bản chưa trả tiền bản quyền cho cậu ư ?

— Chiều hôm qua mình đến Nam-Ký thì hắn đã về quê ăn Tết rồi.

— Sao cậu không đến sớm để lấy tiền ?

— Nó hẹn mình chiều hôm qua, chứ có hẹn sớm hơn đâu.

— Chó thật nhỉ !

Trương-Tửu đứng dậy, đưa tay bắt tay tôi.

Mặt cậu vẫn đỏ bừng. Cậu nhìn thẳng vào mắt tôi :

— Nhưng đêm nay cậu sẽ là người sung-sướng nhất trên quả Địa-cầu, cậu có biết không ?

— Cậu khỏi phải hỏi. Sáng mai, Mồng-một tết, tôi cấm cậu đến phá rầy tôi nhé. Tôi sẽ không tiếp một thằng bạn nào cả. Cậu có gặp Lưu-trọng-Lư, hay Lê-văn-Trương, bảo chúng nó đừng đến xông đất nhà tôi.

— Cậu khỏi phải cấm. Cậu cứ nhịn đói với người yêu của cậu cho đến chiều ngày Mồng-một, rồi tôi sẽ đem đến cho hai người cái bánh chưng ăn Tết.

Tôi nắm tay Trương-Tửu. Hai đứa cao hứng cùng nhau nhảy cà-tửng, và cười như hai đứa điên.

Tôi bảo :

— Nghèo hay giàu, mùa Xuân vẫn là một ân-huệ thiêng liêng của Thượng-Đế. Chúng ta không có quyền từ-chối nó, phải không Trương-Tửu ?

— Nhất là 18 cái Xuân !

Trương-Tửu cười ha hả, từ-giã tôi.

***

30 Tết, 1936.

Kính gởi ông Nhất-Linh Nguyễn-tường-Tam.

Thưa ông,

Tuy tôi chưa được hân-hạnh quen ông, nhưng chắc ông vui lòng cho tôi vay 5 đồng để tiêu Tết ? Tôi túng quá. Sang năm mới tôi sẽ trả lại ông. Xin ông trao tiền cho em bé cầm thư này. Mong ông miễn thứ, và thành thật cảm ơn ông.

NGUYỄN-VỸ

Tôi gấp thư lại, rồi mở ra bảy lần. Bảy lần tôi đọc lại những câu tôi vừa viết và bảy lần toan xé, không muốn gởi, nhưng rồi lại đút nó trở vào phong bì. Sau cùng, tôi dán thư và nhờ một em bé mười tuổi tên là Thi, con ông hàng xóm, cầm đến tòa Báo Phong-Hóa đưa ông Nhất-Linh. Tôi dặn nó chờ trả lời, hứa có tiền sẽ cho nó 5 xu.

Nguyễn-tường-Tam là người duy-nhất tôi viết thư vay tiền ngày cuối năm. Tôi hỏi ai nữa bây giờ ? Tất cả các bạn của tôi trong làng văn đều không có tiền. Họ đã xuất bản sách, thơ, tiểu thuyết, những sáng tác về tư-tưởng triết-học, lịch-sử, kinh-tế, khoa-học, văn-chương, tình cảm, nhưng họ đã tiêu sài sạch ráo các món tiền của mồ hôi trán. Đôi ba người còn chút ít, may lắm là vừa đủ huynh-hoang gọi là trong mấy ngày Xuân. Làm gì có dư cho tôi mượn ?

Tôi có gặp Vũ-Trọng-Phụng trước đó ba hôm. Anh ta đang chạy tiền để mua áo cho đứa con bốn tuổi. Tôi có gặp Lan-Khai đi đâu vội-vàng trên phố Hàng-Bông mà

diện rất bảnh. Anh nhe răng cười rất khả-ái, giọng nói thanh-thanh như cô Thái-trắng :

— Ê, Vỹ, « toa » có tiền tiêu Tết chưa, cho « moa » vay ?

Tôi đáp :

— Cậu có, cho tớ mượn ?

Hai đứa ngó nhau cười. Tôi vừa đi vừa suy nghĩ. Ông bạn Lan-Khai quên rằng mình vừa bị tòa kêu án phạt về vụ Báo Bạch Nga, ba ngàn quan, và chạy không ra tiền nộp cho tòa.

Tôi viết thư vay tiền ông Nhất-Linh, mà lúc đó tôi chưa quen biết, là sự vạn-bất-đắc-dĩ, vì trong làng văn hôm nay chỉ có ông có tiền.

Em nhỏ cầm thư đi hồi ba giờ. Tôi bình-tĩnh chờ nó về, nghĩ rằng nếu ông Nhất-Linh cho mượn tiền, dù 5 đồng hoặc 3 đồng, thì tôi sẽ đi chợ mua một lọ hoa glaïeul, một lọ hoa hồng, một gói hạt dưa, một gói mứt hạt sen, một gói trà tàu, để tối nay tôi cùng Sơn-Tiên ngồi trò chuyện say-mê trên gác trọ. Tôi sẽ hút thuốc thơm, như lời Trương-Tửu bảo. Tôi sẽ đốt một phong pháo để mừng năm mới Sơn-Tiên. Sáng mai, Mồng-một, tôi sẽ thuê xe Omic đưa Sơn-tiên đi Hồ-Tây, đi Chùa Láng, Bạch-Mai, Tràng-Võ... Tôi sẽ... tôi sẽ...

Còn nếu Nhất-Linh không cho mượn tiền, thì năm giờ tôi sẽ cuốc bộ từ Khâm-Thiên lên Bến xe ở đầu cầu Sông-Cái để đón Sơn-Tiên và tôi sẽ cuốc bộ lên vườn Bách-Thú ngồi chơi hết đêm giao-thừa. Sáng mồng một, nàng và tôi sẽ cuốc bộ đi Tây-Hồ, đi Chùa Láng, Bạch-Mai...

Sơn-Tiên là một Nữ Thi-sĩ mà văn thơ đã được đăng trên các tờ báo văn-học có danh tiếng. Nàng đã được công-chúng phục tài và các bạn làng văn cảm-mến. Tuy Nàng ở trên Núi-Rừng Phủ-Lạng-Thương, nhưng nàng vẫn ham học hỏi, đọc sách rất nhiều, có tư-tưởng độc-lập, tự-do, không nô-lệ thành-kiến, và có chí-hướng cách-mạng xã-hội.

Nàng và tôi đã trao đổi với nhau trên hai chục lá thư.

Nàng và tôi đã yêu nhau từ hai chục kiếp trước.

***

Bốn giờ em bé Thi về, cầm một phong-bì. Tôi mở ra xem: có tờ giấy bạc 5 đồng.

Tôi không biết cách nào trả ơn ông Nhất-Linh: Tôi đưa tấm giấy bạc rách lên môi, hôn nó.

Tôi cũng cúi xuống hôn em bé Thi để cám ơn nó, và hứa chốc nữa sẽ cho nó 5 xu.

Tôi vội vàng mặc đồ ra đi. Chỉ còn một tiếng đồng-hồ nữa Sơn-Tiên sẽ đến Hà-nội. Chiều 30 Tết nhiều dãy phố đã đóng cửa sớm hơn ngày thường. Tôi chạy hết đường Khâm-Thiên rẽ ra đường hàng Lọng, qua trước ga xe lửa, chạy thẳng hàng Lọng rẽ ra chợ Cửa-Nam. Tôi vừa chạy vừa thở hổn-hển. Tôi định vào chợ mua một gói thuốc thơm, thì gặp Lưu-trọng-Lư.

Lư đi đâu đây? Đầu tóc bơ-phờ, mặt mày xanh-xao gầy-còm, áo quần xốc-xếch, nhà thi-sĩ của mùa Thu và của con Nai Vàng, đi rạo-rực dưới nắng chiều tà như tìm mùa Thu

đã mất, giữa một thành-phố đang rộn-rịp đón Xuân. Lưu-trọng-Lư đon-đả hỏi tôi :

— Mầy có tiền không ?

Tôi cười vui-vẻ :

— Có. Của Nhất-Linh vừa cho tao vay.

— Bao nhiêu ?

— Năm đồng.

— Mầy đưa tao tiêu với.

— Mầy tiêu cái gì ?

— Tao cần đi hút ít điếu thuốc phiện, để quên hôm nay là ngày 30 Tết.

Tôi cười xòa :

— Tết nó đâu có nhớ mầy ! Không có Lưu-trọng-Lư, ba mươi Tết vẫn là ba mươi Tết. Đưa tiền cho mầy vô ích.

— Mầy để tiền làm gì nhiều thế ? Ồ, cái thằng nầy rõ thật ngu ! Ba-mươi Tết mà còn để tiền trong túi ? Ha ! Ha ! Ha !

Lưu-trọng-Lư cười « như con nắc-nẻ », rồi nói :

— Đưa đây tao nướng giùm cho !

— Thôi Lư, đừng níu áo tao. Để tao đi kẻo trễ.

— Mầy đi đâu bây giờ ?

— Tao đi đón Sơn-Tiên. 5 giờ Sơn-Tiên ở Phủ-lạng-Thương tới bến xe...

Lưu-trọng-Lư lại cười, giọng cười trọ-trẹ cũng như giọng nói :

— Sao mi ngốc thế ? Sơn-Tiên ở Phủ-lạng-Thương, nó xuống Hà-nội làm chi ?

— Sáng nay tao có nhận được điện-tin của nàng.

— Mầy thật thà như thế à ? Con nhỏ, nó đánh lừa mầy đấy ! Cuối năm nàng định cho mầy lên mây theo chân ông Táo, để nàng cười chơi, mà mầy cũng tin à ! Thôi, đưa tao vay 5$ của mầy đi ! Nếu mầy không muốn cho tao vay, thì mầy đưa tao 5$ ấy của Nguyễn-tường-Tam, rồi sang năm tao sẽ trả lại 5$ ấy cho Nguyễn-tường-Tam. Mầy khỏi mắc nợ !

— Tao tức cười thấy mầy nghĩ rằng mầy khôn hơn tao !

— Mầy phải biết chiều nay tao không có tiền hút thuốc phiện. Mày không biết hút thuốc phiện, thằng ngốc ! Mầy không biết hút thuốc phiện thì mầy giữ tiền trong túi để làm gì chứ ?

— Nếu mầy không có tiền tiêu Tết, thì tao đưa mầy 2$ để tao 3$.

— Mầy phải đưa tao 3$, mầy giữ 2$.

— Tao thương-hại mầy, mầy cũng phải thương-hại tao ! Mỗi đứa lấy một nửa vậy. Đây, 5$, tao vô chợ đổi tiền ra đưa mầy 2$50, tao 2$50.

— Đi nhanh lên nhé ! tao chờ.

— Nhưng bây giờ là mấy giờ rồi ? Mầy có đồng-hồ không ?

Lưu-trọng-Lư lại mỉm cười ha hả :

— Đồng-hồ là cái quái gì ? Thằng này mơ-mộng quá. Đồng-hồ là cái chi chi, hả mi ?

Vừa gặp một người đi qua, tôi hỏi. Người ấy móc một đồng-hồ trái quít trong túi áo ra, coi :

— 5 giờ 40, ông ạ.

— Ôi thôi chết tao rồi, Lư ơi ! Này, 5$ đây, mầy làm sao đổi đưa lại tao 2$50, nhanh lên !

— Mầy chờ tao.

— Nhanh lên ! Nhanh lên, Lư ơi !

Lưu-trọng-Lư cầm tấm giấy 5$ đi vào Chợ. Cậu đi đủng-đỉnh, làm tôi bực mình.. Tôi thấy cậu đến một bà bán hàng, bà ấy không đổi bạc. Lư đến bà thứ hai, bà nầy cũng không đổi. Lư đến bà thứ ba... Lư vào trong xa nữa.

Tôi sốt ruột nghĩ rằng Sơn-Tiên cũng đang sốt ruột chờ tôi ngoài bến xe.

Xe đò Phủ-Lạng Thương về đến bến đúng 5 giờ. Bây giờ đã 5 giờ 40. Tôi bỏ Lưu-trọng-Lư, tôi bỏ cả tấm giấy 5$ của ông Nhất-Linh ở lại chợ Cửa-Nam. Tôi chạy tìm Sơn-Tiên của tôi... Vâng, Lưu-trọng-Lư không phải của tôi. Tấm giấy 5$, không phải của tôi. Chợ Cửa-Nam không phải của tôi. Chỉ có Sơn-Tiên là của tôi mà thôi. Tôi không thể mất Sơn-Tiên được.

Tôi chạy qua trước tượng « Bà đầm xòe », đứng giữa vườn hoa Cửa-Nam, Bà nhắm đôi mắt cầm thạch

ngó tôi. Tôi chạy xuống phố hàng Bông, tôi chạy ra đường Henri d'Orléans, dọc theo đường xe lửa... Tôi chui dưới gầm cầu, tôi chạy riết ra phố Cửa Bắc, tôi băng qua bót hàng đậu, tôi chạy thẳng ra đầu cầu Sông Cái... Tôi chạy... Tôi chạy... Bến xe Bắc-Giang đã vắng tanh. Tất cả các xe đò đã về từ lâu rồi. Hành khách ai đã về nhà nấy. Tôi đứng tựa lưng vào gốc cây bàng, nhắm mắt không muốn nhìn thấy gì nữa cả.

Tôi không mỏi chân. Tôi không mệt. Tôi đã tê lạnh khắp người. Tôi đã tan-nát tất cả trong trái tim và trong đầu-óc.

Tôi chỉ còn những mảnh vụn tàn-niên.

***

8 giờ tối. Hà-nội 36 phố-phường hoang vắng. Các dãy nhà đã đóng cửa hết. Hình như có những tiếng vui cười nô-nức ở bên trong nhưng tôi không nghe. Ngoài phố hình như cũng có các bóng đèn, nhưng tôi không trông thấy. Sương mù, và gió rít lên, âm-u trong rừng cây. Tôi lê đôi giày da cũ, đã há miệng, kêu kịt-kịt trên lề đường Quan-Thánh. Mọi vật đều đen tối... Trong đầu óc tôi không còn một tia sáng nào cả.

Dòng máu của tôi không còn một hơi nóng. Tất cả đều hoang-vu băng giá. Không một ngôi sao nhỏ trên vòm trời. Và trên vòm trán của tôi, không một tư-tưởng.

« Lasciate ogni speranza ! »

***

Trước cửa đền Trần-Quốc, nơi thờ Ông Thánh Đồng Đen, một thiếu nữ đứng một mình ngó ra Hồ-Tây. Thoáng

thấy, nàng rất đẹp. Tôi không muốn đến gần, vì tôi không quen nàng. Nàng nhìn tôi và cũng không biết tôi.

Nhưng tim tôi hồi-hộp lạ thường.

Bóng nàng thiếu-nữ kia, nếu không phải là Sơn-Tiên, thì không có thiếu-nữ nào làm rung-động được tim tôi lúc đó. Hay có lẽ là Sơn-Tiên ? Tôi có một tấm ảnh của Nàng gởi tặng. Nhưng người nầy không thấy giống mà sao thấy giống ? Tôi bước đến gần. Tôi thấy nàng đẹp hơn người đẹp trong ảnh. Nàng đẹp hơn Sơn-Tiên của tôi. Nhưng đôi mắt nàng đang ngập lệ. Tôi không quen nàng nhưng hình như tôi quen nàng đã lâu. Nàng có lẽ không phải là Sơn-Tiên. chắc nàng không biết tôi, nhưng tại sao nàng đăm đăm ngó tôi từ lâu ? Nếu không phải Sơn-Tiên thì là ai đứng đây đêm 30 Tết ? Tôi đánh bạo hỏi :

— Cô chờ ai ? Có phải Sơn-Tiên không ?

— Sao ông biết tôi ?

— Ồ ! Đúng Sơn-Tiên rồi ! anh đây.

— Anh ?

— Sơn-Tiên ? Vâng, anh đây !

Nàng ôm chầm lấy tôi, không nói. Tôi gục đầu vào vai nàng. Một phút sau, nàng và tôi không còn nàng, và tôi. Hai chiếc bóng đã đính sát vào nhau trong rừng cổ-thụ.

Tiếng pháo giao thừa bắt đầu nổ, vang rền cả thành phố. Trên vòm trời nở một hoa trắng : sao Vệ-Nữ.

Đêm nay, Nàng và tôi ngồi trên ghế đá trong vườn Bách-Thú Hà-nội. Đêm nay, có ai ngồi như tôi với nàng trên một ghế đá, dưới ánh sao Vệ-Nữ ? Chúng tôi quên tất cả thế giới hiện tại, quên thành phố Hà-nội, quên đêm giao thừa. Chỉ thấy ngôi sao Vệ-Nữ lóng-lánh trên vòm trời.

Pháo tiếp tục nổ liên-miên, vang dậy. Đêm giao-duyên của một mùa xuân thơ mộng.

* * *

Bạn ơi, bạn đừng nghĩ điều gì oan cho tôi và oan cả cho nàng. Đêm giao duyên của chúng tôi trong trắng như ngôi sao Vệ-Nữ trên vòm trời. Đêm giao-duyên của chúng tôi chỉ là một đêm giao-hoan của hai tâm-hồn lý tưởng. Sơn-Tiên vẫn nguyên vẹn là nàng thơ trinh-bạch của Phủ Lạng Thương.

Sáng sớm Mồng-một Tết, khi mặt trời đầu tiên của mùa Xuân mới, đậu trên ngọn cây bàng, tỏa ánh sáng trong sạch và dịu-hiền xuống cỏ hoa, nàng và tôi nắm chặt tay nhau, mà kề má, nhìn mặt trời mà lòng không chút thẹn.

Nhưng nàng khẽ bảo tôi, giọng còn nhiều luyến tiếc :

— Anh ạ, em phải về nhà Cô em, để chốc nữa em đi Nam-Định.

— Em đi ư ?

— Em đã hứa với gia-đình.

— Rồi chừng nào anh với em lại gặp nhau ?

— Đêm giao thừa sang năm nhé ?

Hai đứa tôi nhìn nhau cười.

Đưa Sơn-Tiên đi bộ về nhà bà Cô ở ngay đường Quan-Thánh, rồi tôi đi bộ về Khâm-Thiên. Tôi đóng cửa gian phòng của tôi, mặc nguyên bộ đồ tây, với chiếc cravate cũ, và đôi giày há miệng, tôi nằm lên giường, nhắm mắt, mỉm cười sung sướng.

Tôi lại gặp Sơn-Tiên trong giấc ngủ mê-say : Nàng và tôi ngồi dựa lưng ghế đá, và trên đầu chúng tôi lấp lánh ngôi sao Vệ-Nữ.

***

Tôi thức dậy, vừa-vặn nghe đồng-hồ treo trên vách tường nhà bên cạnh đánh 5 tiếng.

5 giờ sáng hay 5 giờ chiều ? Tôi tự hỏi và không thể trả lời. Tôi vừa ở một thế-giới khác không có thời gian, trở về thế-giới nầy như kẻ lạc-loài, mọi sự-vật đều lạ cả.

Một lúc thật lâu tôi mới tỉnh hẳn. Tôi đói bụng quá. Trí nhớ của tôi dần dần đưa tôi trở về hiện-tại. Nhưng tôi còn thấy thoáng qua trước mắt tôi : Dante, thi sĩ La-Mã... Đỗ-Phủ, Bạch-cư-Dị, Tô-Đông-Pha, .. Lưu-trọng-Lư.

Tôi đứng dậy, không rửa mặt, áo quần, cravate và đôi giày tây há miệng vẫn còn nguyên trong người. Tôi mở cửa ra đi tìm Lưu-trọng-Lư. Tôi cuốc bộ lên mãi trên đường Hàm-Long, vào nhà trọ của Lưu. Chàng đi đâu ?

Chàng biến đâu mất, hai tháng sau tôi mới gặp lại !

Tôi đủng đỉnh cuốc bộ lên vườn Bách-thú, trời đã tối. Tôi ngồi trên chiếc ghế đá, một mình.

12 giờ khuya, lạnh quá, tôi trở về Khâm-Thiên. Mở cửa sổ tôi nhìn lên Trời, cám ơn ngôi sao Vệ-Nữ đã tiễn tôi về đến nhà. Một tràng pháo nổ vang trong im-lặng. Tôi từ-từ đóng cửa. Chiều Mồng-Hai Tết có tiếng giày bước mạnh lên hè. Trương-Tửu mang đến cho tôi hai chiếc bánh chưng.

***

Đêm nay tôi chép lại ký-ức nầy thì Sơn-Tiên không còn, Trương-Tửu không còn, Lưu-trọng-Lưu không còn. Hà-nội cũng không còn. Một thế-giới mới, hoàn-toàn khác lạ.

Tôi mở cửa sổ ngó lên trời, vẫn còn ngôi sao Vệ-nữ xưa. Nàng Thơ Kim-tinh mỉn cười nhắc tôi :

— Chàng còn nợ Nhất-Linh 5 đồng, có nhớ không?

— Ờ nhỉ !

30 Tết năm nay, tôi phải đem 5 đồng đến trả Nguyễn-tường-Tam...

HAI MƯƠI NĂM SAU...

Bài hồi-ký trên đây đăng trong tạp-chí Phổ-Thông Xuân. số 6, ngày 1-2-1959. Một tháng sau, đi ngang qua nhà Tổng-phát-hành Sách-Báo Nam-Cường, đại-lộ Nguyễn-Thái-Học, tôi nghe tiếng gọi tôi. Nguyễn-Tường-Tam đứng ngay nơi cửa, cạnh quầy hàng của ông chủ nhà sách. Với nụ cười hóm-hỉnh bất-hủ, và đôi mắt nhấp-nháy, Nhất-linh hỏi tôi :

— Hôm nay anh trả tôi món nợ 5 đồng ấy chứ ?

— Có đây, tôi cười đáp. Tôi định trả nợ anh chiều 30 Tết, nhưng mắc đi Huế.

Tôi móc túi lấy ra tờ giấy bạc 5 đồng trao Nhất-Linh. Anh không nhận :

— Tiền vay 5 đồng hồi đó, nay anh phải trả 5000 đồng mới được chứ.

— Tôi vay 5 đồng, nay trả lại 5 đồng là sòng-phẳng lắm rồi.

— Không được. Giá-trị đồng bạc hồi đó gấp 1000 lần hồi này.

Ông Nam-Cường cười xen vào :

— Thôi, tôi đứng giữa xin tính công-bằng để dung-hòa hai ông. Anh Vỹ phải trả anh Nhứt-Linh 500 đồng.

— Ử, ít nhất cũng 500, chứ 5 đồng đâu được.

— Nhưng, thật ra thì tiền của anh, Lưu-trọng-Lư xài hết. Nó có để cho tôi được đồng nào đâu. Lư bây giờ nó ở Hà-nội, anh ra ngoài đó mà đòi nó.

— Anh định quịt tôi hẳn ? Tôi cho anh vay chứ tôi cho Lưu-trọng-Lư vay hồi nào ?

Ông Nam-Cường lại giàn-xếp :

— Thôi, anh Vỹ phải trả anh Tam 500 đồng, đừng có lý-luận nữa.

— Tôi vay 5 đồng sao lại phải trả 500 ? Ở mà quên, giấy nợ đâu ? Anh phải trả lại giấy nợ, tôi mới trả tiền.

— Anh đã đăng nguyên-văn cái thư vay nợ, trên Phổ-Thông, còn hỏi giấy nợ nào nữa ?

Tôi cười, đưa ra giấy bạc 5 đồng :

— Anh cho tôi vay tờ 5 đồng rách, nay tôi trả tờ 5 đồng mới-tinh đây nè. Tiền anh là của Thực-dân Pháp phát-hành, tiền tôi là của Việt-Nam Cộng-hòa Tự-do Độc-lập, giá-trị khác nhau một trời một vực, anh còn đòi tiền lãi gì nữa ?

Nhất-Linh lấy 5 đồng bỏ túi :

— Thế này là tôi bị lỗ à ?

Ông Nam-Cường cười :

— Nhà-Văn cho Nhà-Văn vay tiền, lỗ cũng rán chịu chớ sao giờ ?

Hai ba hôm sau, tôi gặp ông Gioãng, chủ ga-ra đường Phạm-ngũ-Lão, là bạn thân của Nguyễn-tường-Tam. Anh Gioãng cười bảo :

— Anh Tam có cho tôi biết anh đã trả cho anh ấy cái nợ 5 đồng từ thời Tiền-Chiến. Anh ấy mua 5 đồng rượu để uống để kỷ-niệm một giai-thoại. 5 đồng bạc mà có cả một giai-thoại, cũng thích-thú đấy !

Anh Gioãng cười buồn, trước khi bắt tay từ-giã :

— Vườn Thú Hà-nội bây giờ không còn như hồi anh và Sơn-Tiên ngồi đêm Giao-thừa đó nữa đâu ! Tàn phá hết !

NGUYỄN-TƯỜNG-TAM
trong TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Nguyễn-tường-Tam là nhà văn mà tôi ít qnen biết nhất ở Hà-Nội, lại là người mà tôi gặp nhiều nhất ở Sàigòn. Tôi chưa có dịp nào đến nhà anh ở An-Đông, Chợ-lớn, nhưng chúng tôi thường gặp nhau ở tòa soạn *Tạp chí Phổ Thông* vì anh thường đi đường Phạm ngũ Lão.

Một lần, một đồng nghiệp ký bút hiệu Phong-Cầm (1) có viết một bài trong *Phổ Thông*, công kích Nguyễn-tường-Tam là « viết văn khiêu-dâm ». Anh dẫn chứng những đoạn văn trong truyện CÔ MÙI đăng trong tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay*.

Báo phát hành ra hôm trước thì hôm sau Nguyễn-tường-Tam đến trước cửa Tòa Soạn *Phổ Thông*, không vào. Nét mặt anh hầm hầm có vẻ tức giận lắm. Ngồi nơi bàn viết, trông ra thấy anh tôi thản nhiên vui mừng :

— Anh Tam, mời anh vào chơi.

Đứng nơi cửa, anh sừng-sộ to tiếng :

— Chơi gì với anh ? Tôi không chơi với anh nữa...

Tôi hiểu ngay, nhưng tính tôi lúc nào cũng điềm nhiên, tôi vui vẻ mời anh :

Anh hãy vào đây, nói chuyện gì thì nói.

---

(1) Tô Nguyệt Đình.

Nguyễn-tường-Tam vào. Thu-Minh, thư ký Tòa Soạn, vội kéo ghế :

— Dạ, mời bác.

Anh giận giữ không ngồi :

— Sao anh đăng bài nói tôi viết văn khiêu dâm à ? Thế, truyện con Loan trong « *Giây bí rợ* » của anh không khiêu dâm à ?

Nguyễn-tường-Tam vừa nói vừa run. Tôi nhã nhặn bảo :

— Bài công kích anh viết văn khiêu dâm, là của ông Phong Cầm. Tôi đăng với tính cách vô tư. Tôi không thể từ chối một bài phê bình khách quan được. Anh có tờ *Văn Hóa Ngày Nay*. Nếu anh không đồng ý với quan điểm của Phong Cầm, anh cứ viết bài phản đối. Hoặc anh muốn bài của anh đăng trong *Phổ Thông* tôi cũng xin sẵn sàng dành anh quyền trả lời.

— Tôi không cần trả lời... Vì phê bình văn tôi khiêu dâm là xuyên tạc, phê bình láo...

— Anh cứ trả lời trực tiếp ông Phong Cầm đi.

Nguyễn-tường-Tam lại nhìn tôi bằng đôi mắt trách móc, giọng anh càng run, tay anh cũng run. Nhưng anh đã bằng lòng ngồi :

— Anh đăng làm gì những loại bài phê bình bậy bạ như thế ? Tờ *Phổ Thông* còn giá trị gì nữa ?

Tôi không muốn kéo dài cuộc gây lộn. Tôi tủm tỉm cười :

— Tôi xin lỗi anh vì đã làm anh phiền lòng do một bài báo. Nhưng tôi xin nhắc lại anh là cửa Phổ-Thông mở rộng đón nhận tất cả những ý kiến, nhận xét, phê bình, miễn là khách quan và xây dựng Phổ-Thông không bao giờ có ác-ý với ai cả, huống-hồ với anh.

Nguyễn-tường-Tam dịu giọng :

— Phong-Cầm là ai ?

Tôi cười :

— Nói để anh đi úynh người ta à ? Thôi bồ ơi, về viết bài trong *Văn Hóa Ngày Nay* chửi hắn đi, để chứng minh rằng cô Mùi của anh không khiêu dâm. Rồi hắn sẽ trả lời anh.

— Tôi thấy trong « *Giây Bí Rợ* » của anh cả một chương về Cô Loan, hoàn toàn khiêu dâm.

Tôi không cãi lại, vì không muốn gây một trận khẩu chiến với Nguyễn-tường-Tam. Thu-Minh đem về hai ly xá-xị, theo thường lệ. Tôi mời ông khách của tôi và câu chuyện chấm dứt, xoay qua chuyện khác.

Tôi tưởng Nguyễn-tường-Tam giận tôi lắm. Nhưng những lần sau gặp tôi anh vẫn tươi cười thân mật trò chuyện vui vẻ.

Lúc anh đi rồi, có một người bạn Văn-Nghệ chứng kiến cái « pha » cụp lạc vừa rồi, liền bảo tôi :

— Sao bác không nhắc lại chuyện Thế-Lữ đăng bài công kích bác thậm-tệ trong báo *Phong Hóa* thời Tiền-Chiến ?

Tôi trả lời anh bạn :

— Cho qua thì hơn. Tôi không muốn khiêu khích Nhất-Linh. Tôi muốn giữ hòa khí.

Sau đó có người bạn Sinh viên Văn Khoa gởi đến một bài dài công kích Nguyễn-tường-Tam, tôi cũng không đăng vì không muốn làm phật lòng tác giả truyện « *Cô Mùi* » nữa.

Tôi nhớ lại có lần chính Nguyễn-tường-Tam nhắc lại để cười chơi những cái gì *Phong Hóa* đã chế-nhạo tôi. Một bức tranh số Đặc-biệt Trung Thu, vẽ chế giễu vài chục người nhà văn và nhà chính trị, trong đó vẽ tôi phân nửa người là đàn ông, một nửa là thiếu-nữ, dưới chua : « Nguyễn Vỹ — Lệ Chi ». Trong truyện hài hước số Xuân nhan đề « *Quần Tiên tụ Hội* » ngạo các nhân vật Hà Thành, tác giả là Khái-Hưng cho tôi làm một bài thơ « Một chân » để giễu thơ Bạch Nga. Bài thơ đọc thật tức cười nhưng không có ác ý. Nhất Linh có vẽ tôi nghiêng một bình tưới nước trên một cành hoa, dưới chua : « N. V. gieo những « hột nước mắt », v.v...

— Ở Sàigòn bây giờ có khối chuyện tức cười nếu anh tái bản tờ *Phong Hóa* chắc hốt bạc cắc !

Tam bảo :

— Dân Sàigòn không biết cười như dân Hà-Nội. Ngày nay người ta lại không biết cười như ngày Tiền chiến. Ra báo *Phong-Hóa* ở đây phí đi !

Tôi không đồng ý với anh, nhưng không muốn cãi.

Trong thời gian ở Saigon — Đà-lạt, Nguyễn-tường-Tam đã mất nhiều nhuệ khí và phong độ thời tiền chiến. Hết thuốc phiện rồi đến rượu, đã làm hại sức khỏe của anh cũng nhiều. Tôi có hỏi tại sao tay anh hay run, anh bảo anh đau gan. Tôi không hiểu, có lẽ anh không muốn nói anh bị đau thần kinh.

Anh mở nhà xuất bản « *Phượng Giang* » để in lại các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn chỉ vì mục đích thương mãi. Vì chính anh đã nói với tôi rằng anh phủ-nhận giá trị tất cả các tiểu-thuyết của anh thời tiền chiến, trừ một quyển « *Bướm Trắng* » là tác phẩm duy nhất mà anh ưng ý. Anh không sửa lại những tiểu thuyết của anh. Nhưng những gì anh viết sau này chắc anh cũng không thỏa mãn.

Tôi có hỏi về ý nghĩa của bốn chữ « *TỰ LỰC VĂN ĐOÀN* » anh giảng giải :

— Thời tiền chiến hầu hết các nhà văn như anh Lưu-trọng-Lư, Lan-Khai, Vũ-trọng-Phụng... đều bán bản quyền tác phẩm cho các nhà xuất-bản. Riêng chúng tôi tự bỏ tiền ra in, tự xuất-bản lấy, tự phát hành lấy, cho nên gọi là « TỰ LỰC » thế thôi. Chả có nghĩa gì khác.

— Hồi đó, anh là nhà Tư-bản, tụi tui là Văn sĩ nghèo, dĩ-nhiên là có các nhà xuất bản như Minh-Phương, Tân-Dân, Lê-Cường ủng hộ tụi tui.

— Họ bóc lột các anh, chứ ủng hộ gì !

— Cũng chả bóc lột mấy. Tính kỹ ra thì tụi tui cũng được hưởng 40% tiền lời của nhà xuất bản hồi đó, trừ bọn xuất bản bóc lột thật sự thì không kể. Nhưng bọn này tụi tui không chơi với họ. Như Nam-Ký chẳng hạn.

Tự Lực Văn Đoàn, nói đúng ra thì vốn liếng bỏ ra là của anh. Tụi tui cũng biết Khái Hưng được hưởng đầy đủ quyền lợi vật chất của Tự Lực Văn Đoàn. Còn như tụi Thế Lữ, Tú Mỡ, thì khác nào anh mua bản quyền những tác phẩm của họ. Tôi nghe nhiều anh em nói Thế Lữ nó vẫn than phiền rằng anh coi nó như « Parent pauvre » (1) anh và Khái-Hưng hất hủi nó phải không?

— Láo! Thế Lữ nó hưởng đầy đủ mọi thứ quyền lợi cũng như tôi và Khái Hưng. Nhưng tính nết của Thế Lữ không thích hợp lắm với tôi. Khái Hưng thường cãi nhau với hắn. Ngoài ra, chẳng có gì Thế Lữ hay Tú Mỡ phàn nàn bọn này cả. Sau Thế Lữ tách ra làm ban kịch với Đoàn phú Tứ, Tự Lực Văn Đoàn vẫn ủng hộ về tinh thần. Nhưng không phải của *Tự Lực Văn Đoàn* vì Khái Hưng không đồng ý kiến.

— Còn anh?

— Tôi cũng không thích ban kịch của Thế Lữ.

— Tại sao Thế Lữ nó đả-kích tôi trong *Phong-Hóa*?

— Thế Lữ đâu có ưa anh. Anh nên nhớ rằng trong *Phong Hóa*, Khái Hưng và tôi không có đả kích anh bao giờ nhé. Trừ những mẩu chuyện khôi hài và những trang vẽ đùa cho vui thôi.

— Ai cũng biết.

***

Nhiều người cho rằng Nguyễn tường Tam rất kiêu căng và tự phụ. Tôi không thấy thế. Trái lại, có lần

(1) — Người bà con nghèo.

dưới thời Ông Diệm, bảy tám tháng gì đó trước khi anh chết, anh gặp tôi trước cửa nhà Tổng Phát hành Nam Cường. Chúng tôi cuốc bộ ra Phạm ngũ Lão. Anh bảo tôi:

— Bọn nhà văn tiền chiến tụi mình, bây giờ chỉ còn anh.

— Ý, anh quên, còn nhiều.

— Ở Saigon nầy còn có anh là sáng tác được khoẻ, tôi vẫn theo dõi công việc của anh làm. Tôi thì hết tin tưởng vào đời sống và thế hệ ngày nay.

— Anh bi quan.

— Không bi quan. Tôi thấy văn học nước mình, bây giờ như một buổi chợ chiều. Mạnh ai nấy bán, bán đổ bán tháo để bưng thúng về. Tôi thấy thế, nên bỏ về trước. Anh rán ở lại, phục vụ cho văn hóa dân tộc. Đừng theo họ.

— Tôi chả theo ai. Tôi cứ mặc kệ, ai làm. gì thì làm. Tôi chỉ theo lý tưởng của tôi. Cũng như anh.

— Thế hệ trẻ ngày nay, họ không hiểu được tụi mình. Họ bảo tôi là kiêu ngạo, là tự cao tự đại, anh xem có vô lý không ? Tôi không chịu được họ, không có nghĩa là tôi tự cao, tự đại. Tôi nói thế, có phải không ?

— Tôi, thì tôi nghĩ rằng văn hoá là trường cửu, phi thời-gian không-gian. Những người văn hóa chân chính bất cứ ở thời đại nào, và ở dưới kinh-tuyến nào đều hiểu nhau.

— Chính thế, nên ở trên mảnh đất loạn-ly, thời văn hóa xuống dốc, những phần tử mạo danh văn hóa, không

hiểu được mình, lại còn quay lại chửi mình. Anh thấy không ? Tôi chán văn hóa đời nay là vì thế. Bây giờ tôi muốn buông trôi, không muốn sáng tác nữa, sáng tác làm chi !

. . . . . .

Hôm Nguyễn tường Tam chết, tôi cầm một thẻ nhang đến thắp trước linh-cữu anh trong nhà xác bệnh viện. Tôi không lạy, chỉ vái anh ba vái, nhưng đứng im lặng gần mười phút, nhớ lại những lời anh nói. Tôi bị cảm xúc mạnh hơn và thấm thía hơn là trước quan tài của Tản Đà, Vũ trọng Phụng, Nguyễn văn Vĩnh, Nguyễn nhược Pháp, Đỗ thúc Trâm, Từ bộ Hứa... Những lời Nhất Linh nói trên lề đường Saigon bây giờ còn văng vẳng như là lời trối của một bạn đồng hành còn sống sót, lưu lạc ở Miền Nam...

Tôi chỉ tiễn quan tài Nhất Linh đến trước cổng chùa Xá Lợi. Nhiều bạn văn nghệ và trong giới cách mạng muốn tôi đọc một bài điếu văn, với tư cách một bạn làng văn thời tiền chiến ở Hà-nội. Tôi từ chối. Tôi muốn im lặng. Như Tacite : Saigon Vasta silentio !

11.— Thế-Lữ

Tôi không quen biết Thế-Lữ, không gặp chàng lần nào, mãi đến hôm chàng đến thăm tôi, với một máy hình xách tay.

Một thời gian trước đó khá lâu, Thế-Lữ đã viết hai bài trong báo *Phong Hóa*, kích-bác tôi hết sức tàn-nhẫn. Trong tuần-báo *Đông-Phương* của Lan-Khai, tôi có đáp lại về quan-điểm THƠ, còn những lời Thế-Lữ mạt-sát, thì tôi gác ra một bên, không đề-cập đến. Tôi không muốn gây với Thế-Lữ một cuộc bút-chiến, vì trong các bài đả-kích tôi Thế-Lữ có chủ-tâm rõ-rệt là « đập cho chết không cho ngóc đầu dậy được nữa », chứ không cố-tình trao-đổi quan-điểm văn-chương.

VI-HUYỀN-ĐẮC, một nhà soạn kịch ở Hải-Phòng, hiện nay ở Saigon, và quen thân với Thế-Lữ, có kể chuyện cho tôi nghe rằng một hôm Thế-Lữ xuống Hải-Phòng thăm anh, anh hỏi chàng : « Vì sao công-kích Nguyễn-Vỹ như thế ? » thì đại-khái Thế-Lữ trả lời « Đập cho nó chết ». Vi-Huyền-Đắc liền bảo : « Trong vườn Văn-học nước ta hiện đang khô-khan nghèo-nàn, Nguyễn-Vỹ cũng là kẻ đã gieo hạt giống mới như các anh, sao anh không để cho hạt giống ấy mọc lên mà lại muốn nó chết đi ? »

Vi-Huyền-Đắc lúc bấy giờ chưa quen biết tôi, tôi càng cảm-động khi nghe anh kể lại câu chuyện ấy. Nhưng nói

với Thế-Lữ về triết-lý xã-hội, hay lý-tưởng văn-học, thật chẳng ích-lợi gì.

***

Tôi vẫn chưa hiểu với mục-đích gì bữa trưa hôm ấy Thế-Lữ đến thăm tôi.

Bấy giờ gần 3 giờ, một buổi chiều Chủ-nhật nắng gắt. Tôi ở một mình trên gác trọ một nhà buôn nước mắm ở Khâm-Thiên gần Ô Chợ Dừa. Cửa phòng tôi vẫn mở toang ra, nắng và gió lùa vào ngập cả căn phòng quạnh-quẽ. Tôi đang ở trần, ngồi xem sách.

Bỗng một chàng từ dưới cầu thang bước lên, tiến vô cửa. Đi với chàng có một cậu, trán dồ. Chàng là ai, tôi chưa quen: mặt lưỡi cày, màu da bệnh-bệch, vai hơi gù, người gầy, không cao không thấp, đôi mắt ranh-mãnh. Tôi thấy khách lạ, vội-vàng chạy vào sau màn, bức màn ngăn phòng khách và bàn viết của tôi, mặc áo ra tiếp. Chưa kịp hỏi, chàng đã cười, tự giới-thiệu:

— Thế-Lữ.

Tôi mỉm cười, đưa tay bắt tay chàng:

— Hân-hạnh.

Chàng quay lại giới-thiệu chú trán dồ:

— Anh Vũ-đình-Liên, Cao-đẳng Luật,

Tôi mời khách ngồi.

Câu chuyện hàn-huyên về gia-đình, đời sống, rồi nói chuyện văn-nghệ, kéo dài độ một tiếng đồng-hồ. Thế-Lữ

cho tôi biết anh là cựu học-sinh trường Bách-Nghệ Hải-Phòng (như trường Kỹ-Thuật Cao-Thắng ở Saigòn hiện giờ). Tên anh là Nguyễn-thứ-Lễ, nói lái thành ra Thế-Lữ. Chữ « Lễ » là Lê-ngã, thành ra « Lệ-Ta ». Trước, anh có đăng thơ rải-rác trên vài tờ báo nhưng ít ai để ý. Anh nổi tiếng nhờ báo *Phong-Hóa* « lancer », do một bài của Nhất-Linh giới-thiệu. Lúc gặp Thế-Lữ, tôi mới 23 hay 24 tuổi gì đó. Thế-Lữ lớn hơn tôi 4, 5 tuổi, theo lời anh nói.

Ngồi ghế đối-diện với tôi, chính là kẻ đã nói xấu tôi và chửi thơ tôi tơi-bời trên báo *Phong-Hóa*, nhưng tôi muốn quên chuyện khó chịu đã qua, để tiếp một người khách có nhã ý đến gặp mình và hôm nay nói với mình toàn những lời vui-vẻ, bông-đùa, lịch-sự. Thế-Lữ không ngần ngại khen vài ba bài thơ của tôi vừa đăng trên hai tờ báo *Văn-Học tạp-chí và Phụ-Nữ*...

Tôi cảm-kích đáp lại :

— Cảm ơn anh quá khen. Tôi làm thơ giải-trí, đâu hay bằng thơ anh được.

— Thơ Pháp-văn của anh, các bạn tôi và tôi cũng công-nhận có mấy bài hay.

— Tôi chỉ làm bậy-bạ chơi chớ người mình làm sao làm thơ Tây ! Vả lại dạo nầy tôi hết làm thơ Tây rồi.

Trương-Tửu tới. Cậu cũng tình-cờ lần đầu tiên gặp Thế-Lữ. Tôi vừa giới-thiệu xong, mặt Trương-Tửu bỗng đỏ bừng lên như người vừa uống một hũ rượu. Nhưng chàng cũng ngồi ghế, vui-vẻ chuyện trò.

Không được một tách trà đãi khách, Trương-Tửu khát nước, ra chum đựng nước mưa ngoài sân, múc vào một bình đầy, rót ra bốn tách, ai nấy uống ngon lành.

Tôi không đá-động đến hai bài của Thế-Lữ chửi tôi trên Báo *Phong-Hóa*. Nhưng Trương-Tửu cười khàn-khàn, với giọng hơi khiêu-khích, bảo Thế-Lữ rằng tên tôi không phải *Vĩ* là *đuôi*, mà *Vĩ* có *bộ nhân đứng một bên*, có nghĩa khác. *Phong-Hóa* xuyên-tạc cả cái tên của người để mà cười thì có ý-nghĩa gì ?

Thế-Lữ bào-chữa :

— Trong *Phong-Hóa* vẽ khôi-hài cũng như chế-giễu để đùa chơi cho vui thế thôi, không có ác-ý. Đối với nhân-vật nào cũng thế. Nguyễn-văn-Vĩnh, Nguyễn-khắc-Hiếu, Nguyễn-tiến-Lãng, Cụ Nguyễn-văn-Tố, cũng bị *Phong-Hóa* chế-nhạo, các ông ấy có giận chúng tôi đâu.

Trước khi ra về, Thế-Lữ tỏ ý muốn chụp vài tấm hình Trương-Tửu và tôi để dán album của chàng, nhưng Vũ-đình-Liên xem máy ảnh thấy hết phim.

Tuần-lễ sau, nhân buổi sáng đến nhà trọ của Lưu-trọng-Lư chơi, ở một ngôi Chùa trên trại Hàng Hoa, lúc về, Tửu rủ tôi ghé thăm Thế-Lữ, để trả lễ xã-giao. Tôi đồng-ý. Vì không có đồng-hồ và đi chơi lang thang không biết giờ khắc gì cả, nên hai đứa tôi đến nhà Thế-Lữ, thấy cả nhà đang ngủ trưa. Có lẽ đã 1 giờ, hay 1 giờ rưỡi. Chúng tôi cũng quên rằng chúng tôi chưa ăn cơm trưa. Theo lời Thế-Lữ đã chỉ nhà, ở gần sở Thú, nơi góc đường Sơn-Tây, ngó qua Kho Đạn của Nhà Binh. Thế-Lữ ở trên gác. Hai đứa tôi leo cầu thang vừa lên đến gác, ngó phía

tay phải, thấy ba bốn chàng nằm dài trên bục gỗ, ngủ ngáy khò khò. Tôi biết mặt trong đám có một cậu học trường Cao-đẳng Luật-Khoa, tên là Vũ-đình-Hoè, trước đó là bạn học Anh-Ngữ, cùng lớp với tôi, ở nhà một bà người Anh, Bà Guezemec.

Thế-Lữ nằm lim-dim trên bục, nghe tiếng giày tây cồm-cộp của tụi tui (Trương-Tửu đi mạnh lắm), anh ngồi dậy, vồn-vã ra đón tiếp. Salon kê nơi góc phòng, ngay chỗ cầu thang bước lên. Nhưng bây giờ mình đến chơi giữa giấc ngủ trưa của người ta, bất-tiện quá, tụi tôi nói chuyện qua-loa rồi cáo-từ. Thế-Lữ cố giữ lại, để lấy máy hình chụp chúng tôi ba tấm, và chụp riêng cho tôi một tấm.

Tấm hình nầy, Thế-Lữ có gởi biếu tôi một, chính là tấm hình mang kính đen, mà Hoài-Thanh in trong quyển *THI-NHÂN VIỆT-NAM*. Tôi ngạc-nhiên khi thấy bức ảnh đó trong sách của Hoài-Thanh.

Có điều mâu-thuẫn buồn cười, là trong sách, ông Hoài-Thanh chê tôi « y-phục lố-lăng » mà chính tấm hình in trong sách ông thì đầu mới hớt tóc, chải Brillantine láng bóng, áo quần bằng nỉ serge màu nước biển (do một ông bạn ở Khâm-Thiên may cho) và cravate mới, không có gì lố-lăng.

Không hiểu sao Hoài-Thanh thấy « lố-lăng » ? Trong tấm hình đó, tôi mang kính đen, vì hôm đi với Trương-Tửu ghé nhà Thế-Lữ, trời nắng chói chang, chúng tôi đứa nào cũng có mang kính đen.

***

Thế-Lữ và tôi gặp nhau lần ấy là lần thứ hai và cũng là lần chót.

Phong-Hóa không viết bài mạt sát tôi nữa, tuy thỉnh-thoảng vài trang, vài số đặc-biệt Xuân, báo ấy vẫn vẽ tôi, bằng nét hài-hước để độc-giả Phong-Hóa cười chơi.

Đến khi tôi xuất-bản quyển sách Pháp-văn « Grandeurs et Servitudes...» (1937) các báo Việt và Pháp ở Hà-nội đều có lời giới-thiệu rất tử-tế, riêng trên báo Phong-Hóa tuyệt-nhiên không có một dòng giới-thiệu.

Tôi có gởi hai quyển tặng riêng Thế-Lữ và Khái-Hưng để tỏ lòng cám ơn Thế-Lữ và Khái-Hưng đã đề tặng tôi các quyển thơ và tiểu-thuyết của hai ông. Nhưng Thế-Lữ không hề có một lời, một chữ, dù là giới-thiệu qua loa sách tôi trên báo *Phong-Hóa*. Chỉ có Khái-Hưng viết thơ riêng cảm ơn và khen tặng.

Ngồi ăn chả cá với tôi ở Phố Hàng-Cân, Trương-Tửu đỏ mặt, nốc hai ly rượu đế, rồi hét lên như Trương Phi :

— Bọn « Văn-Phiệt » ấy thật là tồi !

BÀI PHÊ BÌNH CỦA LÊ-TA (1)

(bài này, nhiều người nói đến lắm, nhưng ít ai được đọc vì đã lâu quá. Nay tôi xin trích ra nguyên văn trong *Phong-Hóa* số 127 ngày 7.12.1934).

(1) *Lê-Ta* là bút hiệu của Thế-Lữ, mà trong bài này Thế-Lữ không dám công khai nhìn nhận.

« Nhà thi-sỹ Nguyễn Vỹ, tác giả *Tập thơ đầu* là một nhà thơ có nhiều tài, nhiều tình-cảm, mà lòng tự-ái lại nhiều hơn. Cho nên, khi ông ra mắt quốc-dân, mắt đầy lệ, cây bút cầm tay, ông không muốn ai khinh ông cả. Ấy thế mà Nhất-Linh lại bảo *Tập thơ đầu* của người tên là « *đuôi* » kia không có *ruột* !

Muốn khỏi mất lòng thi-sĩ, tôi phải nói chữa hộ Nhất-Linh, thơ ông Nguyễn-Vỹ có ruột đấy chứ, chã tin cứ giở quyển sách của ông ra mà xem. Chỉ tiếc cái ruột ấy đặc quá, mà khốn một nỗi là người ta lại không biết nó đựng những gì.

Về phần thơ Pháp thì tôi thấy Nàng Thơ của ông là một chị chàng sướt mướt, ẻo lả, khóc khóc, mếu mếu như con mẹ điên, mà lại nói ngọng nữa. Bởi thế khi nàng ấy ca, người Nam không ai chịu được, còn người Tây thì... tôi khuyên cả nàng lẫn ông đừng có chớ họ nghe.

Đến phần thơ ta, nàng thơ của ông Vỹ khi nói tiếng ta thì ngô-nghê, ngớ ngẩn, mà lải nhải nhiều lời... chẳng khác gì một cô « đầm » lắp bắp nói tiếng dân bản xứ :

Các người đã biết cái hôn yêu đầu tiên chưa ?
Cái hôn dịu-dàng vô-hạn, mà nơi vắng vẻ,
Cặp môi âu-yếm hãy còn rụt rè e-lệ,
In lên trên mắt các ngươi ?

(Những đêm trằn-trọc).

Tôi chưa thấy vị thánh-thần nào to lớn như ngài!

Ngài ngồi giữa gian chùa chật, cao-nghiêm, chễm-chệ trên ngai!

Trong cung vắng mờ tối ấy, không ẩn mình một con muỗi!

Da thịt ngài đều bằng đồng, Ngài trạc năm sáu mươi tuổi.

. . . . . .

Mũi ngài lớn, miệng ngài to, đầu bóng nhoáng và đen mun,

Răng đỏ san-sát dưới nửa làn môi, thêm vẻ hãi hùng.

(Đức Thánh Đồng Đen)

Cả một vần thơ của ông Nguyễn Vỹ đều một giọng như thế hết. Không biết nhà thi-sĩ của tôi định chế ai? Nếu đem chắp những tiếng kỳ-quặc như thế mà thành nhà thơ được, từ năm xưa tôi cũng là « thi sĩ » đứt đi rồi, Vì năm xưa tôi ngứa làm thơ cũng có bài thơ nghe tương tự như thế. Bài thơ ấy đây này:

CÁI ĐỒNG HỒ

Một tháng về trước, tôi có một cái đồng hồ

Cái đồng hồ ấy là của người anh mua cho

Tôi xem ra nó là vật tốt lắm,

Và nó cũng không nhanh, và nó cũng không chậm.

Nhưng tôi không dám đem xuất bản, và khi đọc nó cho người bạn nghe, thì anh ta bò ra cười, rồi ghé tai tôi nói thầm, bảo tôi rằng: « Anh nên tìm chỗ nào rất kín mà chôn nó đi, không thiên hạ hóa điên mất ».

***

PHONG HÓA số 129
ngày 28.12.1934, Lê-Ta chế giễu :

« Ông Nguyễn Vỹ là một nhà học rộng, Bàn về thi ca, ông đã cho chúng ta biết nhiều điều mới lạ. Ông hiểu rõ được hết các âm điệu thơ, khuôn phép thơ, mỹ thuật của thơ, tuy ông không hiểu thơ là cái gì, và tuy ông thấy mình là thi sĩ.

Ông lại khéo nói nữa. Khéo nói lắm, khéo nói quá! Ông bênh vực ông một cách rất có duyên, rất chu đáo, mà không phản đối ông lại còn chu đáo gấp đôi, *Tập thơ đầu* của ông là một tập thơ có khuynh hướng cải cách bằng lối riêng của ông. Ông bỏ cái gông cùm biền-ngẫu với phép hạn chế phá, thừa, trạng, luận, kết, của bài thơ Tàu, để mang cái gông cùm mới của luật thơ Tây.

Thơ của ông Nguyễn Vỹ thiếu cái gì kia, chứ « chân thơ » (pieds) thì đủ lắm. Xin đọc ít câu sau này :

Những cặp môi xinh đẹp, mà ta thấy thoáng qua
Ban ngày, lúc ta thủng-thỉnh đi trên đường phố,
Bây giờ một mình ta trằn-trọc trong đêm tối,
Lại hiện ra, yêu-kiều, duyên dáng, trước mắt ta...
(Lối thơ mười chân)

. . . . . .

Hai bàn chân linh-thiêng ấy ! Những ngày rằm và ngày hội,

Tôi được nhìn rất cảm-động, những trẻ mồ-côi vô-tội,

Những bà già, và những cô thiếu nữ xinh đẹp ngây-thơ

Hôn-hít hai bàn chân Thánh, hoặc lấy tay vuốt ve sờ,

Hay với chiếc khăn mùi-soa, vạt áo, miếng nhung, miếng vóc,

Mà họ áp hôn vào môi hoặc họ xoa lên đầu tóc

. . . . . .

(Lối thơ 12 chân)

Soi đến kính hiển vi cũng không thiếu một chân nào. Thơ ông quả thật không phải thơ què. Nhưng quả thật là ngô-nghê.

Đem so sánh thơ ông Vỹ với bài thơ Đồng Hồ của tôi ông không bằng lòng là phải, vì nó không đủ chân.

Tôi lấy hết can đảm để đọc đi đọc lại, lúc thì lầm nhầm, lúc thì cất giọng ngâm nga, mà buồn thay cho tôi, tôi nghe nó vẫn làm sao ấy. Nhưng đối với tác giả thì nhiều thi vị lắm. Nó có một thú thi vị ngầm, cũng như người đà bà xấu số ở trong phong dao có duyên thầm được chồng yêu quí :

Lỗ mũi em tám gánh lông

Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho.

Đêm nằm thì ngáy o o...
Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.
Đi chợ thì hay ăn quà
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.

Ông Vỹ có quyền yêu thơ của ông lắm.

Am hiểu âm-luật, biết nói đến những chữ trật tự, qui tắc, biết chế sự hỗn độn, hồ-đồ, tại biết ghét những cái ngớ ngẩn, ngây ngô, mà viết ra những thơ như trên kia thì viết làm gì.

Tôi là người bạn ham đọc thơ, mà chỉ mong đợi được đọc thơ hay. Không hay lắm thì vừa vừa cũng được. Lúc trông thấy tập sách xinh xinh, bìa in sạch sẽ của ông Vỹ tôi có bụng mừng rằng sẽ được hoan nghênh một tác-phẩm có giá-trị. Vì xin thú thực, ngòi bút bông đùa của tôi cũng đã chán ngấy sự châm chích những văn chương không ra gì rồi. Có phải lỗi ở tôi đâu.

Ông bảo tôi có ý mạt-sát ông. Ông lại bảo Thế-Lữ muốn dìm ông. Tôi cũng như Thế-Lữ, không bao giờ mạt sát riêng ai. Giá người ta cứ làm văn hay đi. Thơ văn người ta viết không lúng túng ở trong cái thể văn chật hẹp, buồn cười, thì tôi là người đầu tiên hết lòng ca tụng. Còn như ý muốn dìm ông, trời ơi! Đời nào chúng tôi lại đang tâm thế. Vả lại còn dìm ông thế nào được nữa. Văn thơ kia chưa đủ nói xấu ông rồi ử?»

Lê-Ta

Hai bài trích trên đây được đăng trên báo *Phong-Hóa* liên-tiếp hai kỳ. Mục-đích, như chính Thế-Lữ đã nói với Vi-Huyền-Đắc, là «đánh cho chết Nguyễn-Vỹ.»

Nhưng Thế-Lữ không ngờ phản-ứng của hai bài đó rất mạnh trong giới văn-nghệ Hà-Thành và giới Sinh-viên Cao-đẳng. Dư-luận xôn-xao, chờ bài trả lời của tôi. Tôi viết trong tuần-báo *Đông-Phương* của Lan-Khai một « lời phi-lộ », trong đó tôi chỉ trình-bày quan-điểm của tôi về Thơ, — ngoài ra không đả động tới những lời kích-bác và mạt-sát của Thế-Lữ. Đồng-thời, trong *l'Annam Nouveau* của Nguyễn-văn-Vĩnh, trong *Văn-học Tạp-chí 1935* của Dương-Tụ-Quán, *Hà-Nội báo* của *Lê-Tràng-Kiều*, cũng có những bài đả-kích lại luận-điệu « phê-bình » của Thế-Lữ. Sau đó, Thế-Lữ im luôn.

Tôi xin trích một bài của Lê-Tràng-Kiều trả lời Thế-Lữ, trong *Hà-Nội báo*.

BÀI CỦA LÊ-TRÀNG-KIỀU ĐÁP LẠI THẾ-LỮ

Kể bây giờ mà nói đến Nguyễn Vỹ đã là chậm lắm rồi, người ta nói đến Nguyễn Vỹ nhiều lắm, nhiều quá...

Chỉ một cái được người ta nói tới nhiều, cũng đủ vinh-dự cho nhà thi-sĩ, vì vô duyên nhất, đau đớn nhất cho kẻ hao tổn không biết bao tâm-trí, biết bao ngày giờ để làm nên một bài thơ, in nên một cuốn sách mà không ai nói tới. Đã đành rằng những lời nói tới đó chẳng đẹp lòng ông Nguyễn Vỹ, nhưng... « Người ta công kích ta, chỉ chứng rằng ta sống ».

Thơ ông Nguyễn Vỹ đã là một cái đầu đề cho người ta viết, một câu chuyện cho người ta bàn, thơ Nguyễn Vỹ đã sống một cách đầy đủ ở trên mặt các tờ báo...

Quyển *TẬP THƠ ĐẦU*, mới ló đầu ra đã bị ông Lê Ta ở Báo *Phong-Hóa*, công kích một cách tàn tệ... Cũng lại chỉ vì ông Lê Ta Thế-Lữ cũng làm thơ mà ông Nguyễn Vỹ cũng làm thơ đó thôi ! Chứ công-kích như cái kiểu ông Lê Ta, trong cái thời kỳ văn-học đang phôi-thai này, có nhà văn nào, có tác-phẩm nào là không đáng công kích ? Cứ theo cái phương-pháp phê-bình của ông Lê Ta Thế-Lữ, thì ông Thái-Can, ông Lưu trọng Lư, ông Huy-Thông, cả ông Thế-Lữ, trong những văn thơ của các ông ấy, ta cũng thấy nhan nhản những điều đáng công-kích, nếu người ta muốn công kích. Phê bình mà chỉ tìm một vài cái kém, cái dở chưa hẳn là phê bình. Một nhà phê bình có tiếng đã nói : « Cố yêu để mà hiểu lấy tác giả... » Vì lẽ rằng không có cái gì hoàn toàn ở đời này, ta hãy tìm lấy trong cái thiếu kém một viên gạch, một miếng vôi để mà góp vào sự xây đắp cái toà lầu Nghệ-Thuật, cái toà lầu ấy không thể do độc một người mà xây nổi, vì nó phải dầu dãi nhiều mưa gió, chịu sự vùi dập bao thế kỷ. Cái toà lầu ấy phải là công xây-dựng của quá khứ, của hiện tại, của tương lai. »

Ông Nguyễn Vỹ đưa lại cho sự xây đắp ấy, một mảnh vôi nhỏ, cũng đã là nhiều lắm rồi.

Thật là không biết người biết của vậy ! Giá như tôi đưa cả quyển *Mấy vần thơ* của ông Thế-Lữ, tôi bỏ ra ngoài vài ba bài thơ « được », rồi tôi lại cứ đưa những bài « lủng ca lủng củng » đầy dẫy ở trong sách ra mà bắt, mà bẻ (điều ấy khó gì mà không làm được), thì chừng ấy, ông Thế-Lữ còn gì mà lên mặt « thi sĩ » với đời?

***

Ai đã thấy Nguyễn Vỹ một lần rồi, đã có gặp ông ấy một lần nào ở trong cái nhà ấy, thì sẽ không ngạc-nhiên chút nào, khi thấy văn thơ của ông ấy nhiễm đầy một vẻ buồn não-nùng! Cái cuộc đời buồn thảm của ông đi qua, để lại trên cái mặt ông cũng như ở trong văn thơ của ông, những vết sầu, những nếp răn đã đánh dấu hiệu cho ông ở trong đám người chen chúc ở chợ trần, đám người mà ông mang một lòng khinh-thị không bờ bến...

Cứ mỗi hôm, lối 9, 10 giờ đi qua xóm Khâm-Thiên, vừa khỏi những phố có đầu rực-rỡ ánh điện, và lộng lẫy những cô tiên, gần đến Ô Chợ-Dừa, ta ngẩng lên sẽ thấy một cái gác nhỏ... mù mờ dưới một ngọn đèn liu-hiu. Trong cái gác ấy có một bóng đen đi đi lại lại, cầm một cái que gõ vào tường như muốn làm nảy ở trong cái vật vô-tri, một cái tư tưởng linh động, mấy câu thơ, một cái linh hồn.

Cái bóng ấy là cái bóng của một thi sĩ.

Cái que ấy là cái quản bút thân yêu của thi sĩ.

Cái gác nửa sáng nửa tối ấy là cái tâm hồn của thi sĩ.

Cái tâm hồn ấy là một bể sầu não.

Những «giọt thơ» từ đấy rơi ra là những giọt sầu não, những tư-tưởng ở đấy bay ra đều có đôi cánh đen, đen một mầu đen thảm đạm, như đôi cánh quạ.

Con quạ đen ấy đã hơn một lần, đưa lại sự buồn não cho thi sĩ đương triền miên trong giấc mộng ái tình:

Lần đầu hai ta hôn nhau,
Đứng so đôi trên cành dâu,

Một cặp bồ câu trắng gáy,
Em buồn... và em ngẩn ngơ.
Hỏi anh: « Mình yêu em ơi,
Ngày ta yêu nhau được mấy ? »

***

Hai ta yêu nhau lần đầu,
Lần đầu hai ta hôn nhau,
Một cặp bồ câu trắng gáy,
Ái tình ru bên tai ta,
Ta sẽ yêu nhau đến già,
Như cặp bồ câu trắng ấy.

(Nguyễn Vỹ — TIẾNG QUẠ KÊU)

Đương vui, đương say sưa trong cái lạc thú êm ái của ái tình, cặp tình nhân ấy bỗng giật mình và nghĩ đến chuyện đâu đâu, cõi lòng đương sáng bỗng tối lại:

Nhưng em vẫn cứ không vui,
Em bảo anh: « Mình yêu ơi,
Ái tình sẽ tang thương lắm.
Em không muốn cặp bồ câu
Cùng nhau gáy trên cành dâu,
Lúc hai ta yêu đằm-thắm ! »

***

Rồi khi hai ta biệt ly,
Ôm vào nhau và lâm ly
Em khóc, mà anh cũng khóe,
Đầu non nước cách nghìn trùng,

Hai tâm hồn vẫn ở chung
Khăng khít một lời tơ tóc.

Vì đâu mà mộng tình vơ vẩn. Phải chăng là vì chợt thấy cái bóng quạ đen vừa liệng trong trí... Cái bóng ấy đã ấn mạnh vào tâm linh một vết đen không còn nhìn được nữa.

... Từ hôm ấy đến hôm nay,
Cặp bồ câu trắng đã bay.
Anh chờ mà chim không lại,
Hôm qua, tự nhiên anh buồn.
Thầm thì suối lệ ứa tuôn
Như tràn cả ra sơn-hải !

***

Bây giờ anh đã hiểu rồi,
Ôi vong-hồn Lang em ôi !
Lời em thiêng chi lắm nhé !
Anh không ngờ cuộc tình duyên
Rất khắng-khít của chúng mình,
Cũng đảo điên như dâu bể !

(Nguyễn Vỹ — TIẾNG QUẠ KÊU)

Rồi từ đó cái bóng đen ấy không còn rời nhà thi sĩ ra nữa, nhà thi sĩ đi đâu nó cũng đi theo, làm gì nó cũng làm với. Sự lãng mạn của Nguyễn Vỹ có lẽ quá đáng, nhưng biết làm thế nào được ? Ta có quyền gì cấm một người khác đừng buồn, đừng khóc, nhất là khi người ấy là một nhà thi sĩ ? Nhà thi sĩ ngồi trước mắt ta, đương cười cười, nói nói vui vẻ, hai giọt nước

mắt, lẻn tuôn ra trên đôi má, mà nhà thi sĩ cũng như ta có hay những giọt nước mắt ấy đã ứa ra tự hồi nào!

Sự buồn thảm ấy không phải là vô lý mà cũng không phải là vô cớ. Cái cớ làm cho Nguyễn Vỹ phải buồn thảm vẫn là cái cớ đã làm bận lòng biết bao thi sĩ.

Đấy là một sự vô lý đã làm cho nhà thi sĩ luẩn quẩn mãi với những cái luẩn quẩn. Mặc dầu nhà thi sĩ đặt tay lên trán, gõ quản bút vào vách, cái vô lý ấy vẫn là một sự « vô lý », nhà thi sĩ vẫn thấy mình sống ở đời như một đứa trẻ con, khóc những cái biết rằng sẽ tan như bột xà-phòng, mà vẫn cứ yêu, cứ khóc!...

Trong cái khoảng trời đất bao la, thi sĩ không muốn đi vẫn cứ đi. Giờ nào, phút nào, cũng như có vẻ trầm tư mặc tưởng, muốn tìm một cái gì... Cái gì đó, hoặc là một mảnh tro tàn, hoặc là một cái hương thừa, hoặc một chút ái ân đã nguội, hoặc một quãng đời quá khứ vừa qua... Nhưng là một huyễn-tượng! Nhà thi sĩ bao giờ có tìm thấy một cái gì đâu:

— Hỡi thi sĩ! đêm khuya mưa gió,
Ta tìm ta trong đám cỏ xanh.
Mỗi chiều tan cuộc ái ân,
Chút xuân ta cũng tan dần mất thôi.
Cùng người yêu ta vui chốc lát,
Mãn cơn vui xờ xạc cơn buồn!
Còn gì trên cỏ xanh um
Mà ta chẳng để lệ tuôn luôn dòng?
Vừa lúc chiều ta cùng tri-kỷ
Trên cỏ xanh rủ rỉ gần đêm

Những lời tình tự êm đềm,
Bây giờ phút ấy còn tìm thấy đâu?
Bàn tay yêu, nưng niu ve vuốt,
Nụ hôn yêu dính ướt trên môi,
Lả lơi bộ đứng dáng ngồi,
Lúc chiều gần đấy mà giờ đâu xa?
Một ngày xuân của ta rơi rụng.
Bao lệ xuân ứa đượm trên cành.
Ngó qua đã thấy, khô tàn,
Nhìn đến chỉ thấy mơ màng tình duyên.
Sáng ngày mai xuân còn tươi lại,
Nhưng xuân nay tê tái cả rồi!
Mấy lần xuân nữa thì thôi!
Thì tan tác nốt cái đời xuân ta?

(Nguyễn Vỹ — TÌM GÌ)

Nếu chỉ có thế thì sự buồn não của thi sĩ nó thanh thú biết bao! Khốn nỗi, nhà thi sĩ ngày ngày còn phải chung đụng với người thế, sống giữa một chốn đông đúc mà bao giờ cũng hiu quạnh, lạnh lẽo như kẻ bị đầy, bao giờ cũng tưởng như mình lạc loài vào một chốn hang hùm nọc rắn. Đời khbông bạc bẽo mà nhà thi sĩ cứ nhất định tưởng đời là bạc bẽo. Đời không xấu xa, nhà thi sĩ vẫn tưởng nó xấu xa!

Thật là một cảnh thương tâm, đau đớn. Nhưng biết thế nào mà lột hết cả những cái thành kiến ấy cho nhà thi sĩ?

Làm thế nào được?

. . . . . .

« Ta không mong ai thương ta, vì ta buồn bã khốn cùng

Lê-la trong sương, trong gió, trong bóng lạc-
mịch mông lung,
một tâm hồn vô thừa nhận...

(Nguyễn Vỹ — HỎI NGƯỜI YÊU KHÔNG QUEN BIẾT)

Biết mình khổ cho nên nhà thi sĩ mang một lòng khinh dể vô hạn đối với những cảnh yên-ấm giầu sang bên mình, những cảnh đang mai mỉa nhà thi sĩ một cách cay độc.

Cảnh khốn cùng hay tìm đến cảnh khốn cùng.

Cảnh buồn não hay tìm đến cảnh buồn não :

Thương thay ! Bây giờ đêm đã khuya vắng,
Mà tiếng ăn-mày còn kêu văng vẳng !
Bây giờ mà còn lê-la ngoài đường,
Bây giờ còn ai thừa chút lòng thương !
... Nín im đi thôi, hỡi người cơ-khổ !
Ta đã nghe thấy tiếng người nức nở,
Bi đát, não nùng, vụt lên một hơi,
Chạm phải cái vòm u-khí của trời,
Rồi vỡ nát tan, tả tơi, từng mảnh,
Và rơi trong im, và trong đêm lạnh !
Trên đầu nhà ngươi, một vùng sương mù
Trong lòng nhà ngươi, một hố thâm-u,
Tiếng kêu của ngươi xé tim bay bổng.
Để trong lòng người vết thương trống rỗng.
Rồi ngươi, than ôi ! ngã lăn trên đường
Mà tiếng của ngươi cũng tắt trong sương !

. . . . . .

(Nguyễn Vỹ — NGƯỜI ĂN MÀY TRONG SƯƠNG LẠNH)

Cái buồn não của những kẻ bất hạnh, của kẻ nghèo khổ ở đời này thật là vô cùng, đến nỗi khi ta thấy một kẻ ăn sung mặc sướng trước mắt ta, kẻ ấy biến thành một tội-nhân.

Không những Nguyễn Vỹ là tri-kỷ của nghèo đói lang thang ở dọc đường xó chợ, cái nghèo đói mỏi miệng kêu gào mà chẳng kẻ đoái hoài. Nguyễn Vỹ còn là thi sĩ của cái nghèo đói lê-la ở cái thế giới những người chết : thân xác chết mà cái nghèo đói vẫn theo bên u-hồn.

Nguyễn Vỹ là thi sĩ của những vong hồn cơ khổ dắt nhau từng đàn, từng lũ, thất thểu trong đêm tối, trong các miếu đền, trong gò cây, bên lạch nước... để kiếm miếng ăn :

Đến ngày nay cảnh non sông đã phủ mấy lớp sương mù,
Mà còn rên dưới rễ cỏ những vết hận lòng lai láng !
Ta hãy bước vào khe-khẽ trong cái im-lặng nặng-nề,
Của nấm mả, của gò cây, của đền đài lăng miếu cũ,
Ta sẽ gõ đầu quản bút trên miếng gạch, trên cành tre,
Gọi nỗi bi-tình mênh-mông của những linh-hồn vô chủ.
Ta hãy ngồi ven lạch nước đò nghe những tiếng véo von,
Của lòng đá, của bọng cây, của những khe mồ, kẽ núi,

Mà một hơi gió thoáng qua làm gãy nát bao điệu đờn,
Và động lớp sóng âm-ba đang gợn đùa trong nắng bụi...

(Nguyễn Vỹ — GỬI MỘT THI SĨ CỦA NƯỚC TÔI)

Một người như thế, bảo họ không buồn não thì họ còn biết làm gì được ? Ta có trách người ấy làm gì, vì trời sinh hắn ra như vậy. Để cho hắn khóc, thì thuận lẽ Trời. Buộc hắn phải cười thì hắn sẽ điên mất.

Đêm đã về khuya. Vài hạt sương gieo nặng ở trên cành... theo điệu sương những cái mảnh lòng của nhà thi sĩ cũng rơi vào trong cái rỗng không vô đề...

Sương rơi
Nặng chĩu
Trện cành
Dương liễu...

***

Nhưng hơi
Gió bấc
Lạnh lùng
Hiu hắt
Thấm vào
Em ơi
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương !...

***

Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng,
Tả tơi
Em ơi!
Từng giọt
Thánh thót,
Từng giọt
Điêu tàn
Trên nấm
Mồ hoang !...

***

Rồi sương
Cành dương
Liễu ngả
Gió mưa
Tơi tả
Từng giọt
Thánh thót
Từng giọt
Tơi bời
Mưa rơi
Gió rơi
Lá rơi,
Em ơi.

(Nguyễn Vỹ — SƯƠNG RƠI)

Đó là những hạt sương ư ?
Những mảnh lòng tan vỡ ư ?
Những hạt lệ rơi thánh thót ư ?

Không, đó là tất cả !

Đó là cái nhạc điệu thiên nhiên của những vật vô hình và hữu hình ở trong vũ-trụ lúc đêm khuya, những vật ấy, nối tiếp nhau mà tan vỡ thành từng giọt.

« Từng giọt thánh thót
từng giọt điêu tàn »...

***

Một người đã tìm được một cái nhạc điệu mới như thế, há chỉ « xứng » để cho người ta dìm xuống ? Làm ra được một bài như bài SƯƠNG RƠI cũng đã nhiều lắm rồi, cũng đủ cho ta quên hết những cái sơ-xuất của nhà thi sĩ trong lúc mới ra đời.

LÊ TRÀNG KIỀU

(Hà-Nội - Báo số 26, ngày 1.7.36)

12.— Trương-Tửu

Mười-hai giờ trưa, trên gác trọ của tôi ở đường Général Bichot, vào khoảng tháng 8-1928, một người bạn quen, anh Trương Lâm, đưa đến tôi một người bạn không quen tên là Trương Tửu. Chàng mặc áo dài thâm, tóc bàn chải, đi guốc, cũng rạc tuổi với tôi, và cũng thấp như tôi. Cái tên của chàng đối với tôi lúc đầu tiên gặp nhau ấy, có lẽ không có nghĩa-lý gì. Nhưng nụ cười của chàng cứng rắn, trung-trực, nụ cười của một thanh-niên tự tin nơi một sứ-mạng huyền-bí nào đó mà tự mình nhận thấy số-kiếp đã gán cho đời mình.

Một người bạn khác, đã nói chuyện nhiều về Trương-Tửu cho tôi nghe trước khi tôi quen biết chàng, là anh Nguyễn-ngọc-Lễ. Anh nầy, người Quảng-Nam, là đồng-hương và đồng-nghiệp với Trương-Lâm, lúc bấy giờ hai anh đều làm lính Thủy trên chiếc tàu S/S CANTON chạy đường Hải-phòng — Hong-kong. Nguyễn-ngọc-Lễ là người đã lén đưa tôi xuống tàu trốn sang Quảng-Châu năm 1927-1928 để gặp vài nhà Cách-mạng V. N. ở bên đó. Sau, anh Lễ trở về làm lính Khố-đỏ cho Pháp đến bậc Trung Tá, rồi năm 1948 làm Đại-Tá Chỉ-huy-trưởng Vệ-binh-Đoàn cho Bảo-Đại, và sau cùng làm Trung-Tướng của Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa. Sau ngày đảo-chính đạp đổ chế-độ Ngô-đình-Diệm, Nguyễn-ngọc-Lễ và Trương-Lâm là hai bạn cố-cựu nhất của Trương-Tửu, và cũng là hai người

đã cho tôi biết Trương-Tửu lần đầu-tiên, lúc Tửu hãy còn là một cậu thư-sinh xuất-sắc, đang nghiên-cứu về Học-thuật Âu-Tây. Và tôi là một cậu thư-sinh Miền Trung mới ra ở Hànội.

Nguyễn-ngọc-Lễ bảo tôi :

— Trương-Tửu là một thiên-tài. Tôi có nói về anh cho Trương-Tửu nghe. Tửu muốn làm quen với anh. Anh muốn gặp Tửu không ?

— Ồ, muốn lắm chứ. Một bạn trẻ có thiên-tài mà không gặp thì uổng biết mấy !

— Nếu anh muốn gặp thì tháng sau, tụi tui đi Hồng-Kông về, Lâm sẽ đưa Trương-Tửu đến nhà anh.

Mãi ba tháng sau, Trương-Lâm mới đưa Trương-Tửu đến gặp tôi.

Quen nhau chưa đầy 15 phút, anh chàng mặc áo dài thâm với gương mặt gân-guốc, cặp mắt sáng quắc đầy vẻ thôi-miên, tiếng nói khàn-khàn, nhưng rất lôi cuốn, đã xổ cho tôi nghe một tràng triết-lý lẫn lộn siêu-hình-học, thần-kinh-học, tâm-lý-học, sặc một mùi Paul Janet, pha-trộn với NIETZCHE và FREUD. Tôi mỉm cười ngồi nghe... Tiếng của chàng vang nhịp-nhàng trong tai tôi... « *Voir, pour prévoir, prévoir pour pourvoir...* » Chàng chêm thêm câu tiếng Pháp.

Tôi còn giữ trọn-vẹn hình ảnh của Trương-Tửu như thế, hôm mới bắt đầu quen nhau, trong tiếng đồng-hồ đầu-tiên của cuộc thâm-giao gắn bó hai tâm-hồn một phần tư Thế-kỷ. Gần hai giờ, anh ra về. Tôi đưa anh xuống cầu thang đến cửa. Hai nắm tay siết chặt nhau, bốn mắt nhìn nhau, hai nụ cười im lặng.

Cuộc gặp-gỡ đầu tiên nầy đã in ngay trong trí-óc của chúng tôi mối cảm-giác rõ-rệt là hai người thông cảm-nhau bằng hai thái-cực. Cảm giác ấy được xác-nhận không sai lầm suốt những năm về sau, trên quan-điểm Văn-học cũng như chính-trị, tôn-giáo, triết-học, xã-hội. Hai tâm-hồn và hai tính-chất khác hẳn nhau, nhưng lại hòa-hợp với nhau rất dễ-dàng, rất tự-nhiên, rất trực-nhiên.

Trương-Tửu có khiếu ngôn-ngữ và lý-luận. Lời nói của anh là một sản-phẩm của máy móc, lý-luận của anh là một dây chuyền ngôn-ngữ phối-trí chặt-chẽ, liên kết mạch-lạc, và rèn giũa với một nghệ-thuật tinh-vi tế-nhị. Anh là một nhà hùng-biện bẩm-sinh. Không do một học đường nào đào-tạo cả.

Với rất ít, anh xây dựng rất nhiều. Với một chấm nhỏ nầy ra từ hình-thức của sự vật, anh kéo một đường thẳng tới tư-tưởng vô-cực. Anh là một nhà toán-học chống giáo-lý, đi tìm một bài toán cho nhân-sinh, với những công-thức do tự anh chế-biến ra ; không theo công-thức điển-hình nào cả. Và không bao giờ anh làm đúng, ít khi anh nói phải, nhưng luôn luôn anh có lý. Trương-Tửu không phải là một hiện-tượng. Nhưng anh là một trí-óc thông-minh đặc biệt. Với anh, sai lầm chống chân-lý, và luôn luôn sai lầm thẳng chân lý. Đôi khi tôi có cảm-tưởng như anh đã ngẫu-nhiên lạc hướng theo Emmanuel Kant, anh cũng chống lại Lý-trí Thuần-túy. Anh cũng bình phẩm nghiêm-khắc Lý-trí thực-tế. Anh luôn luôn tự mâu thuẫn với anh một cách rất là hợp lý. Tôi tiếc quá, giá sử Trương-Tửu mơ-mộng một tý, thì những ý-tưởng của anh sẽ đượm đôi chút tinh hoa của Lý trí thiêng liêng. Thì sẽ đẹp biết bao !

Nhưng không! Trương-Tửu chống mơ-mộng, chống cả Thiêng-liêng.

***

Trương-Tửu sinh-trưởng trong một gia-đình trung-lưu ở ngoại-ô Gia-lâm, trong một thôn nằm dài theo con sông Hồng-hà, bên kia Hà-nội. Nhà anh ở cách phi-trường Gia-lâm chừng 1 km. Tôi có đến đấy bốn năm lần Lê-văn-Trương có khi ở đấy cả tháng để viết tiểu-thuyết. Xuất thân từ trường Bách-nghệ Hải-phòng, — một loại trường Kỹ-thuật Cao-thắng ở Sài-gòn hiện nay, — và nơi đây anh học nghề thợ tiện (tourneur), tiện cây sắt. Nhưng anh bỏ học, và không làm thợ bao giờ.

Trương-Tửu thuộc về loại nhà-văn tự-học, nhờ đọc sách nhiều. Có lẽ một phần nhờ trường Bách-Nghệ huấn luyện mà Trương-Tửu có sẵn thiên-tài Văn-nghệ lại tự đào tạo được một tinh-thần máy móc cứng rắn. Lý-luận của anh rất đanh thép, câu Văn của anh cũng như búa, như kềm. Lời nói của anh vang ra như tiếng đập sắt trên đe. Lúc nào cũng nẩy lửa, nghe lâu chát cả tai, có khi rùng-rợn như tiếng cười trong địa-ngục của Dante, có khi xôn xao kinh-khủng như lửa cháy thành Roma.

Mẹ chết sớm, Trương-Tửu còn ông Thân-sinh, một nhà Nho thủ-cựu. Tửu không có anh em trai, chỉ có một người chị đã có chồng, làm nghề thợ Bạc. Ông Thân-sinh không hiền lành, nét mặt nghiêm-khắc nhưng ông để Trương-Tửu muốn làm gì thì làm, không bó buộc. Thỉnh-thoảng tôi tự hỏi : Ông Cụ có linh-tính gì về nghiệp-chướng của con trai mà đặt tên cho chàng như thế ?

Đã là họ Trương cùng họ với Trương-Phi mà lại tên Tửu, cho nên chàng rất nóng tính và rượu « một cây » !

Lúc nào cũng như say : cười đỏ mặt, nhiều khi suy-nghĩ một việc gì cũng tự-nhiên mặt đỏ bừng bừng. Tửu chơi thân với Lê-văn-Siêu ở phố Tientsin, vì anh nầy cũng ở trường Bách-Nghệ Hải-Phòng ra cùng một khóa với Tửu. Hồi đó, Lê-văn-Siêu buôn bán các đồ thêu, dentelles, và không viết văn. Suốt thời kỳ tôi ở Hànội 1928-1941, tôi không hề thấy Lê-văn-Siêu viết văn.

Trương-Tửu có thương một cô gái may, con gái ông chủ tiệm may ở đường Tientsin, gần nhà Lê-văn-Siêu và sau Tửu cưới làm vợ. Nhưng Tửu không có tình-yêu tha-thiết : ái-tình đối với anh cũng là một hình-thức của lý-luận, một bài toán mà anh tìm giải đáp, thế thôi. Đến khi cưới vợ rồi, anh không còn biết yêu là gì nữa. Khi giải đáp đã tìm được, dĩ-nhiên là bài toán không còn.

Có lần, nhân lễ Trung-Thu, trường Thanh-Niên tổ-chức tiệc thưởng Trăng rất thơ-mộng trên sân thượng. Trương-Tửu cho biết Tửu sẽ đưa vị hôn-thê đến dự tiệc. Nhưng sự thật thì 9 giờ, cặp uyên-ương dắt nhau đến ngồi trong lớp học ở lầu hai để « thảo-luận về Lễ cưới sắp cử-hành ». Thảo-luận xong, Tửu đưa cô ả về nhà, rồi một lát sau, chàng trở lại dự tiệc một mình. Tôi bảo thật với Tửu rằng tôi không thể quan-niệm tình-yêu khô khan như thế được. Tửu cười đỏ mặt :

— Tình-yêu là cái quái gì ?

Trong suốt thời gian tôi quen thân với Tửu, tôi chưa hề biết Tửu có một người yêu nào. Chỉ có một lần, xảy

ra một « Scandale » làm xôn xao dư-luận trong giới nhà văn Hànội.

Chúng tôi quen thân với một chàng làm nghề xem chỉ tay khá nổi tiếng thời bấy giờ. Tây Đầm đến xem đông. Chàng làm được nhiều tiền. Chàng có một cô vợ đẹp. Trương-Tửu và tôi thường được vợ chồng anh thầy tướng mời đến ăn cơm. Bỗng dưng một hôm, cô vợ bỏ nhà đi mất. Anh thầy tướng hoảng-hốt chạy đi tìm rối-rít khắp nơi. Anh đến nhà tôi, báo tin cho tôi biết và hỏi Trương-Tửu. Tửu cũng đi vắng từ đêm hôm trước, chưa về. Tôi nghĩ rằng Tửu về Gia-Lâm thăm ông Cụ.

Cô vợ anh thầy tướng đi nửa tháng biệt vô âm-tín. Tôi cũng không có tin tức gì của Trương-Tửu trong nửa tháng ấy ! Bỗng một hôm anh thầy tướng gặp tôi, bảo : « Anh ơi, có người cho tôi biết vợ tôi với Trương-Tửu đang ở ngoài Đồ-Sơn...

Tôi cười :

— Thật à ?

Hôm sau tôi đi xe đò xuống Hải-Phòng, tìm đến nhà anh Vi-huyền-Đắc. Tôi nghĩ rằng nếu Trương-Tửu đi bãi biển Đồ-Sơn thế nào cũng có ghé chơi nhà Vi-huyền-Đắc. Quả nhiên đến đấy, tôi gặp Tửu. Tôi giấu mục-đích đi Hải-Phòng của tội. Sau khi trò chuyện với Vi-huyền-Đắc một lúc lâu, tôi rủ Trương-Tửu đi dạo phố chơi. Ra đường tôi hỏi thật, và Tửu cũng nói thật hết cho tôi nghe : Chính vợ của anh thầy tướng rủ Tửu đi Đồ-Sơn, và nàng bỏ tiền ra để hai người sống một tuần « phiêu-lưu tình-cảm » trên bãi biển. Tửu bảo tôi :

— Chứ moa làm gì có tiền để đi chơi lang bang như thế ? Toa biết chứ, moa làm gì có tiền ?

— Cậu có yêu nó không ?

Tửu đỏ mặt, cười :

— Yêu là cái quái gì ?

— Dù sao nó cũng là vợ của thằng bạn, cậu làm thế không thấy kỳ sao ?

Tửu cười, mặt càng đỏ bừng lên :

— *Moa* tưởng Y-S. nó biết vợ nó đi Đồ-Sơn chứ ? Nếu nó không biết thì nó ngốc !

Chúng tôi ra ga mua vé xe lửa về Hànội. Sau một tuần lễ được thỏa mãn, cô vợ của anh thầy tướng cũng đã trở về căn nhà nhỏ hẹp của anh, ở đường Văn-Thánh, bên cạnh đền thờ Khổng-Tử !

Anh thầy tướng « ngốc » thấy vợ về mừng quá, ôm vợ khóc nức-nở. Cô vợ phớt tỉnh hỏi :

— Anh nhớ em lắm hả ?

Trương-Tửu và tôi vẫn đến chơi nhà anh thầy tướng một đôi lần nữa. Anh ta vẫn sốt sắng niềm-nở mời chúng tôi dùng cơm, như không có chuyện gì xảy ra. Anh không bao giờ dám nhắc lại chuyện vợ anh với Trương-Tửu đi Đồ-Sơn, sợ vợ giận. Nhưng chính Trương-Tửu không muốn đến nhà đó nữa, và không muốn gặp người đàn-bà ấy nữa. Tôi bảo với anh thầy tướng :

— Anh nên dẹp cái nghề tướng bói của anh cho rồi !

Y-S. dắt vợ vô Sàigòn, mở phòng xem chỉ tay ở xóm Nancy.

Một thời gian, Trương-Tửu sống với tôi và một người bạn thôi-miên mê thơ Đỗ-Phủ và Bạch-Cư-Dị, tên là Vũ-Trang. Thời gian nầy, Tửu và và tôi cùng dạy học ở trường « Thanh-Niên », bên cạnh nhà tôi ở Ô Chợ-Dừa. Vũ-Trang thì đi chữa bịnh các cô gái điên bằng phép thôi miên.

Vũ-Trang, con một ông danh-y ở đường Alexandre de Rhodes, hiện nay là đường Lục-Tỉnh, Chợ-Lớn, gần đồn Cây-Mai. Nho-học khá, anh nổi tiếng về khoa thôi-miên từ khi anh chữa bịnh cho một cô gái điên, con của một gia-đình giàu sang ở Đà-Nẵng. Anh ra Hànội ở trên gác trọ Khâm-Thiên với Trương-Tửu và tôi. Mỗi sáng về mùa đông, anh thường dậy sớm, đun nước pha trà tàu, rồi gọi chúng tôi dậy. Ba đứa ngồi trùm ba cái chăn bông, trên ba ghế ở phòng khách, uống trà, nói chuyện văn-chương, Trương-Tửu và tôi nghe Vũ-Trang ngâm thơ Đỗ-Phủ, Bạch-Cư-Dị. Anh ngồi rung đùi, ngâm say-mê, và tụi tui phê-bình mỗi bài, so-sánh với các thơ Đông Tây, Kim Cổ.

Nhiều tháng chúng tôi không có tiền, Vũ-Trang đi biểu-diễn thôi-miên, ở các tỉnh, đem tiền về tiếp-tế cho chúng tôi. Có lần tôi được tiền nhuận-bút 10 đồng, Trương Tửu lấy 4 đồng đi uống rượu đế và ăn thịt chó ở hàng thịt cầy bên cạnh. Vũ-Trang lấy 4 đồng đi Nam-Định để biểu-diễn thôi-miên.

Trương-Tửu thôi dạy học và bắt đầu viết bài phê-

bình Văn-nghệ. Bài đầu tiên phê-bình LAN-KHAI, đăng trên báo *LOA*. Lan-Khai đọc bài nầy, cảm-động quá, vui sướng quá. Anh không ngờ Trương-Tửu khen anh bằng một bài đặc biệt như thế. Lan-Khai bảo tôi giới thiệu anh với Trương-Tửu. Hôm ấy Trương-Tửu về chơi ở nhà bà chị làm nghề thợ Bạc ở phố Hàng-Buồm Tôi đưa Lan-Khai đến đấy. Tửu tiếp Lan-Khai niềm-nở, nhưng sau câu chuyện xã-giao thân-mật nhà Văn đường rừng rủ Tửu và tôi đi nằm tiệm thuốc phiện. Chúng tôi cười và từ chối, vì chúng tôi không phải là « dân làng Bẹp ». Từ đó về sau, Tửu ít thân-thiện với Lan-Khai. Tôi hơi ngạc-nhiên vì Tửu không phải là con người câu-nệ.

Sau Lan-Khai, Trương-Tửu phê-bình Vũ-trọng-Phụng, Nguyễn-công-Hoan, Lê-văn-Trương,... cũng trong tuần báo *LOA*. Làng Văn bắt đầu chú-ý đến Trương-Tửu vì loạt bài phê-bình văn nghệ ấy. Lần đầu tiên người ta phục giọng văn cứng-cỏi, khúc-chiết, cô-đọng, tư-tưởng thâm-trầm và sáng sủa của một nhà văn hoàn toàn mới lạ. Sau đó, Trương-Tửu cộng-tác với tôi trong tờ tuần-báo Le Cygne — Bạch-Nga. Để trả lời dư-luận chống báng trường thơ Bạch-Nga, do Thế-Lữ gây ra trong tuần-báo *Phong-Hóa*, một nhóm bạn nhà văn và trí-thức Hà-nội đề-nghị chúng tôi lên diễn-đàn hội-quán Khai-Trí Tiến-Đức (AFIMA) ở Bờ Hồ Hoàn-Kiếm. Tôi nhường vinh-hạnh ấy cho Trương-Tửu.

Đề tài diễn-thuyết là « *Thơ Bạch-Nga* » thu hút một số rất đông công-chúng trí-thức, văn-nghệ-sĩ và sinh-viên học-sinh, đến đỗi chật-ních cả Hội-quán. Lần đầu tiên một số rất đông phụ-nữ và thanh-niên đi dự-thính tại

Hội-quán AFIMA là hội trường cổ-kính và phong kiến mà họ ít thích lui tới. Buổi diễn-thuyết của Trương-Tửu khởi đầu từ 9 giờ tối kéo dài đến 10 giờ 30, được thính-giả nhiệt-liệt hoan-nghênh. Trương-Tửu càng nổi tiếng về tài hùng-biện của anh.

Tôi không đi dự, nằm nhà trùm chăn tán gẫu chuyện Văn Thơ Đường Tống với Vũ-Trang. 11 giờ Trương-Tửu về, tường-thuật lại cho chúng tôi nghe.

Trương-Tửu không làm thơ, không bao giờ làm thử một bài, chỉ nghiên-cứu và nhận-xét, phê-bình chặt-chẽ, và ngâm thơ rất hay. Anh có giọng ngâm trong-trẻo và đầm-ấm, khiến nhiều thiếu-nữ nghe mê.

Dĩ-nhiên là mấy anh bên tuần-báo *Phong-Hóa* nhất là Thế-Lữ (Khái-Hưng và Tú Mỡ không bao giờ hùa theo) luôn luôn tìm cơ-hội để nhạo báng tôi và Trương-Tửu. Nhưng chúng tôi không phản-ứng.

Sau đấy, Trương-Tửu viết nhiều báo *Văn-Hóa*, *Ích-Hữu*, *Tao-Đàn*... nhưng anh cũng tránh những cuộc bút chiến với nhóm *Phong-Hóa*.

Trương-Tửu không có một thú giải-trí nào, không thích đánh cờ, không thích du-lịch, không ưa xem phong-cảnh. Anh cũng không uống rượu lu bù, say túy-lúy như kiểu Nguyễn-khắc-Hiếu.

Anh chỉ có một dục-tính : ham-mê đọc sách. Anh sung-sướng mỗi khi đọc được một quyển sách hay, và để hằng giờ nói chuyện về quyển sách ấy. Anh nghiên-cứu rất kỹ về Truyện *Thúy-Kiều* và Thi-sĩ Nguyễn-Du. Anh

rất khách quan, và có nhiều khám-phá tài-tình về nghệ-thuật thơ của các Thi-sĩ đời hậu Lê. Anh nghiền-ngẫm các sách văn-học, triết-học, và lịch-sử của Nguyễn-văn-Tố Đào-duy-Anh, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh.

1937, Tửu vào Sài-gòn, diễn-thuyết ở nhà hội Samipic cũng được hoan-nghênh. Vào đây, anh có tìm gặp Phan-văn-Hùm, Năm-Châu, và Phùng-Há. Về Hànội, nói chuyện lại với tôi, anh tỏ không có cảm-tình nhiều với giới trí-thức và văn-nghệ ở Miền Nam.

Ngoài những khảo-cứu văn-nghệ và triết-học, Tửu cũng viết truyện. Truyện dài đầu tiên của Trương-Tửu nhan đề « *Thanh-Niên S.O.S* » (*1938*) là tiếng kêu cứu của một thế-hệ thanh-niên đang suy-sụp vì phong-trào lãng-mạn. Kế tiếp là « *Một Chiến-Sĩ* » và « *Khi chiếc yếm rơi xuống* » (1939). Cả ba đều do nhà Minh-Phương xuất-bản, 15A cư-xá Văn-Tân, phố hàng Dầy.

Bắt đầu đệ-nhị thế-chiến, ba quyển nầy đều bị nha Thông-Tin và Báo-chí Pháp (I.P.P.) cấm, vì đả-kích xã-hội An-Nam thối-nát dưới chế-độ thực-dân.

***

Nhờ người vợ có vốn liếng, mở tiệm Tạp-hóa ở đầu phố hàng Điếu, gần tiệm thợ may của cha vợ, Trương-Tửu mở nhà xuất-bản Hàn-Thuyên và suốt ngày ở trên gác xép viết văn khảo-luận về Văn-học và triết-học. Tửu vẫn say mê triết-lý, chăm-chỉ nghiên-cứu các học-thuyết Hy-Lạp, La-mã và Pháp. Từ học-thuyết nầy qua học-thuyết khác, Tửu rơi vào triết-lý Mác-xít, nhưng không thiên

hẳn về một chủ nghĩa quốc-tế nào vì nguyên-tắc của Trương Tửu là chống giáo-lý. Tửu không phải là một người trung kiên với một tín-điều. Đúng hơn, anh là một người tự-do tư-tưởng, và, trước hết, là một nhà hùng-biện hoàn-toàn độc-lập.

Một đêm trong kỳ HỘI-NGHỊ ĐÔNG-DƯƠNG do các nhà Báo ở Hànội và Sàigòn tổ-chức tại câu-lạc-bộ Thể-thao của Pháp ở Hà-nội, dưới thời Mặt-trận Bình-dân năm 1936, trong danh sách các diễn-giả đêm ấy có ba người kế-tiếp nhau, Tửu, tôi và Amédée Clémenti, người Pháp chống chính-sách Thực-dân, chủ báo *ARGUS INDOCHINOIS*, chủ-trương Việt-Nam độc-lập. Theo thể-lệ của Ban Tổ-Chức, mỗi diễn-giả chỉ được phép nói 15 phút thôi, Thời-gian quá ít-ỏi, nhưng Ban Tổ-Chức hạn-chế vì diễn-giả đông. Trước khi lên diễn-đàn, Tửu thông-đồng riêng với tôi.

— Anh cho tôi 15 phút của anh nhé ? Tối mai anh nói được không ?

Tôi không do-dự :

— Ừ !

Khi Trương-Tửu nói được 14 phút, chủ-tịch ngó đồng-hồ rồi ngó anh :

— Còn một phút thôi nhé !

Tửu giả vờ không nghe, cứ nói mãi, nói mãi. Giọng hùng-hồn của anh làm cho thính-giả rạo-rực say mê. 15 phút, chủ-tịch rung chuông và gọi tôi.

Tôi ngồi dưới ghế, làm thinh không trả lời. Tửu vẫn thao thao bất-tuyệt. Chuông lại rung, lại có tiếng gọi :

— Anh Vỹ đâu ? Mời anh Vỹ lên !

Tôi vẫn làm thinh ngồi yên lặng để cho Trương-Tửu nói... Anh chủ-tịch níu áo anh, anh vẫn không nhúc-nhích cứ nói hoài, nói mãi, càng nói càng hăng, càng hăng càng nói, mặc kệ người níu áo. Trương-Tửu nói hết 30 phút rồi mà vẫn còn nói nữa...

Nhưng Clémenti sợ mất phần, chạy lên diễn-đàn bảo Trương-Tửu :

— Et alors ?

Tửu mỉm cười quay lại ông :

— Une minute seulement, s'il vous plait ! (Xin anh một phút nữa thôi).

Trương-Tửu nói vừa đúng thêm một phút nữa, đ xuống. Cả phòng vỗ tay như sấm dậy. Anh và tôi cười khúc-khích, dắt nhau ra về. Tôi gọi Trương-Tửu là Mirabeau.

***

1938-1939, Trương-Tửu chuyển-hướng nhiều về chính-trị và xã-hội. Anh có tư-tưởng tiến-bộ, nhưng không chấp nhận Cọng-sản Đệ-Tam Quốc-Tế.

Từ ngày tôi bị bắt lần thứ hai, vì lập-trường chống Phát-xít Nhật và Thực-dân Pháp, thì tôi không còn cơ-hội gặp lại Trương-Tửu. 1954, tôi ngạc-nhiên nghe tin anh dạy ở Đại-học Văn-Khoa Hànội (?), nhưng không ngạc nhiên sau đó khi nghe anh bị chính-quyền Hànội khủng-bố. Anh không phải là một con chiên ngoan trong chuồng cừu cộng-sản.

13.— Mộng-Sơn

Bước chân vào làng văn một lượt với Anh Thơ, nàng lớn hơn tác giả BỨC TRANH QUÊ vài ba tuổi.

Con gái thứ hai của một ông quản lý đồn điền ở Chũ (Phủ Lạng Thương), và có một căn bản học thức tạm đầy đủ, Vũ-thị-Mai tuy còn là một cô gái trẻ trung nhưng thích ở miền rừng núi hoang dã hơn là ở thành thị, thích văn thơ và tư tưởng triết lý hơn là trang điểm và các thú vui vật chất nơi phồn hoa. Lúc đầu lấy bút hiệu là Sơn Tiên, Vũ-thị-Mai đổi tên lại là Mộng Sơn sau khi đã đăng vài ba bài thơ khả ái trên báo ĐÔNG PHƯƠNG của Lan Khai.

Nàng có vẻ đẹp rắn rỏi, ưa những cử chỉ và hành động tinh nghịch và cương quyết hơn là điệu bộ tha thướt ẻo lả của phần đông thiếu nữ « lãng mạn » thời bấy giờ. Nàng rất mê đọc sách, và tuy ở giữa miền rừng núi Phủ-Lạng-Thương nhưng sách gì mới xuất bản ở Hà-nội Mộng-Sơn đều có nhờ người mua về đọc hết cả.

Rất thông minh, — một thông minh thấu triệt được nhiều trạng thái thâm thúy của sự vật, — và một khiếu nhận xét tế nhị mọi khía cạnh khúc chiết của tư tưởng, Mộng-Sơn hai chục xuân xanh mà tinh thần đã cứng rắn và bao quát rộng tầm suy cứu hơn một phụ nữ trên ba mươi tuổi đã đỗ vài ba văn bằng.

Mộng-Sơn không lãng-mạn phóng túng. không giản dị ngây thơ như Anh-Thơ. Mộng-Sơn không đùa cợt với ái tình và không để tình cảm làm chủ lý trí. Lý tưởng của nàng là đem nữ tính đa cảm phụng sự cho tình yêu nhân loại. Văn-Chương của nàng cũng thấm nhuần tình thương ấy. Mộng-Sơn có những sở-thích kỳ-lạ hơn các thiếu nữ khác. Nửa đêm, nàng phi ngựa trên các núi đồi, dưới một trời ngập sương-mù rét buốt, cho đến sáng mới về. Tắm biển, nàng bơi ra xa, để cho sóng đập xuýt chết chìm nếu cậu nàng, một Luật-sư ở Pháp về, không bơi ra kịp để cứu nàng. Gia-đình theo Đạo Thiên-Chúa, riêng nàng đêm Noël không đi lễ nhà-thờ, ở nhà làm thơ và đọc sách. Nàng biết khiêu-vũ, nhưng không ham-mê. Mộng-Sơn khác hẳn các thiếu nữ « lãng mạn » của thế hệ Tiền-chiến là ở chỗ đó.

***

Hai bài liên tiếp của Thế-Lữ công kích thơ của tôi trong hai số báo *PHONG HÓA* vừa ra được hai tuần lễ, gây một dư luận xôn xao trong Thi Đàn Bắc Việt, thì Mộng-Sơn là cô gái đầu tiên và xa lạ từ trên rừng núi Phủ-Lạng-Thương gởi bài về công-kích Thế-Lữ và bình vực tập thơ của tôi. Từ đó tôi quen với Mộng-Sơn, nhưng chỉ giao thiệp cùng nhau bằng thơ từ gần một năm trời mà chưa biết mặt. Và cũng từ đấy, người ta trông thấy rải rác trong các tờ báo văn học ở Hà Nội những bài thơ của Mộng-Sơn làm theo lối thơ Bạch Nga. Không cần đếm xỉa đến những lời công kích và mạt sát, Mộng-Sơn ngồi ở trên núi rừng xanh của Chũ, hăng hái diễn tả những tư tưởng dồi dào của nàng trong các bài thơ Bạch Nga gởi về đăng trong các báo Hà-Thành.

Một năm sau, Mộng-Sơn về ở luôn Hà Nội, và làm chủ bút tờ tuần báo VIỆT-NỮ. Về đây, do sự tiếp xúc với các giới cách mạng, Mộng-Sơn dần dần từ bỏ làng Thơ, bước sang lĩnh vực học thuyết chính trị. Nàng khao khát cách mạng vô sản và hình như khuynh hướng theo Đệ-Tứ Quốc tế (trotskysme). Vào khoảng 1939-40, Mộng-Sơn không còn là con Bạch-Nga duyên dáng kêu vang dưới ánh nắng hồng trên hồ Hoàn-Kiếm nữa. Nàng đã trở thành một nữ sĩ rất hăng-hái của một nhóm chính trị.

Từ đó, trên đường tranh đấu cách mạng, Mộng-Sơn dần dần xa tôi, vì tôi chủ trương cách mạng Dân tộc, chống Đế quốc và phát xít ; đoàn kết tất cả các lực lượng không chia rẽ giai cấp và không đấu tranh giai cấp, còn Mộng-Sơn thì theo chủ trương tranh đấu giai cấp nhưng lại cũng không theo đúng đường lối của Cộng Sản Đệ tam quốc tế của nhóm « Staliniens ».

Tuy vậy, mối thông cảm văn nghệ giữa chúng tôi vẫn còn. Khi được tin của Trương Tửu cho hay rằng tôi bị bắt và bị giam ở Lao, thì Mộng Sơn đến thăm và đem cho tôi một chiếc bánh mì và một kí chả lụa... Tôi không sao quên được nét mặt cứng cỏi nhưng buồn bã đau đớn của cô gái 22 tuổi, Nữ sĩ Cách mạng, đứng yên lặng nhìn tôi.

Rồi tôi bị đi an trí Trà-khê, không được tin Mộng Sơn nữa.

Mãi đến 1952, ở Sàigòn tôi đột nhiên vui mừng được đọc một quyển sách mới xuất bản từ Hà Nội gửi vào

tặng tôi. Quyển sách nhan đề là *VƯỢT CẠN* với tên tác giả là Bà MỘNG-SƠN.

Tôi chưa thấy một Nữ Sĩ Việt-Nam nào viết được một quyển sách về phụ nữ mà cảm động thấm thía và sâu sắc như quyển *VƯỢT CẠN* của Mộng-Sơn.

Đây là một tiếng kêu vừa não nuột, vừa mỉa mai chua chát, và đầy uất hận cho số phận của người đàn bà phải sinh đẻ trong các trường hợp đau thương. Mộng-Sơn diễn tả cũng cảm động không kém PEARL BUCK.

Năm 1953, chị Thụy-An, tác giả quyển *ĐÔI VỢ CHỒNG* và *HAI MỚ TÓC* đi Hà-Nội về, có cho tôi hay rằng Mộng-Sơn viết rất nhiều và sắp xuất bản mấy quyển sách khảo luận về triết học và văn-học-sử.

Nhưng, tháng 8-1959, tôi được đọc tạp-chí *Việt-Nam* tranh ảnh của Việt-Cộng xuất bản ở Hà-Nội hồi đầu năm 1959, thấy có một bức hình Mộng-Sơn đang làm lao công trong nhà máy sợi Nam-Định.

Thế là đời sống Văn Nghệ và tư tưởng của một nữ sĩ tài hoa đã bị nghiến nát trong guồng máy của một chế độ độc tài.

Tôi ngắm tấm hình của Mộng-Sơn, — vẫn diện mạo của Mộng-Sơn hồi nào, mà ngẫm nghĩ buồn bã lan-man...

14.— Nguyễn Tuân

Hồi tôi chưa gặp NGUYỄN TUÂN, tôi đã biết vài ba người bạn chơi thân với anh đều có cảm tưởng chung về anh như thế này :

— Nguyễn Tuân gàn lắm !

Cho đến Lưu trọng Lư, là anh chàng mơ mộng nhất trong làng thơ làng văn lúc bấy giờ, — mơ mộng cũng gần như là gàn rồi còn gì ! — mà cũng phê bình Nguyễn-Tuân :

— Thằng ấy gàn thật.

Một buổi tối, Lư hỏi tôi :

— Mầy muốn gặp Nguyễn Tuân không ? Đi đến nhà nó chơi đi !

Tôi hỏi Lư :

— Có phải nó gàn lắm không ?

Lư cười ranh mãnh :

— Nó bảo nó không gàn. Nó bảo mầy gàn.

— Nếu thế thì đến xem đứa nào gàn.

Lư đi với tôi. Hai người đi tàu điện từ chợ Hôm lên đến giữa phố Hàng Bông, xuống ngay đầu phố Nhà Thờ.

Lư bảo :

— Nó ở nhà thằng Nguyễn Đàm là em ruột của nó, ở con đường nầy đây.

— Đàm là ai ?

— Đã bảo Nguyễn Đàm là em ruột Nguyễn Tuân, mà còn hỏi ! Thế là đích thị mầy gàn rồi.

— Nhưng Nguyễn Đàm làm nghề gì chứ ?

— Nó là con rể của Vũ đình Long, chủ nhiệm Tiểu-Thuyết Thứ-Bảy. Nếu không phải là con rể thì là em rể. Nếu không phải em rể thì là cháu rể... Nếu không phải cháu rể nữa thì thôi, tao chịu !

— Chính chú mầy mới thật là gàn đấy ! Làm rể ông Vũ đình Long mà cũng là một cái nghề à ?

Lư cười sặc-sụa, chỉ ngón tay ốm teo vào mặt tôi :

— Mi gàn mà mi bảo tao gàn ! Làm rể ông Vũ đình Long thì mới được làm quản lý nhà in và nhà báo của Vũ đình Long chứ !

Hai đứa tôi vừa đi vừa cãi đùa chưa hết câu chuyện thì đã đến trước một căn nhà thắp đèn « manchon » chiếu một màu sáng xanh xanh.

Lư vào trước, nắm tay một chàng đang đứng trong nhà và cười ngó ra tôi. Tôi vừa bước vào. Lư nắm cả tay tôi, bảo chàng kia :

— Nó bảo mày gàn, mày bảo nó gàn, thế là đứa nào gàn ? Tôi chưa biết chàng ấy là ai, chỉ nhận thấy một điều ngay trước mắt, là chàng có một đầu tóc bờm

xòm kinh khủng. Giống hệt cái đầu của Jean Cocteau, thi sĩ Pháp. Chàng mập mạp, coi bộ to lớn rềnh rang hơn tôi nhiều, và chắc chắn là nhiều tuổi hơn tôi. Chàng có một nét cười chúm chím rất hóm hỉnh, và đôi mắt ranh mãnh lạ thường, nhưng nụ cười và đôi mắt vô cùng khả ái. Tôi có cảm tình ngay khi chàng nhìn tôi :

— Cho mình biết tên, thì mình sẽ biết ngay là đứa nào gàn !

Tôi cười :

— Tụi mình cứ chơi với nhau mà không cần biết tên có được không ?

— Được lắm. Mình cũng thích như thế đấy.

Lưu trọng Lư cười hả hả :

— Đích thị hai đứa bây đều gàn-bát-sách cả hai !

Thế là Nguyễn Tuân và tôi quen nhau và mến nhau từ tối hôm ấy trong một trận cười rồn rảng, mà chưa đứa nào được giới thiệu cho biết tên đứa nào.

***

Nửa giờ sau, Nguyễn Tuân mặc áo đen, đeo ca-vạt, đi chơi với chúng tôi, lang thang trên phố hàng Gai rồi rẽ ra hồ Hoàn Kiếm. Chúng tôi ngồi chung quanh bàn nhỏ ăn kem bên một mành liễu từ trên cung trăng buông xuống. Chàng kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện kỳ thú hồi đời xửa đời xưa... Câu chuyện tình duyên trắc trở giữa một nghệ sĩ mù và một nàng công chúa. Tiếng

nói trầm trầm như mặt nước hồ thu, thỉnh thoảng nổi dậy một đợt cười xao xác như làn sóng chập chờn khẽ tạt vào bờ.

Khuya rồi, khách thừa lương đã tản mác, ba đứa tôi còn ngồi dưới gốc liễu, duỗi chân trên cỏ, nhìn xuống mặt hồ. Nguyễn-Tuân bảo :

— Tiếc rằng tớ không biết làm thơ như hai cậu. Nhưng cần gì biết làm thơ nhỉ ? Mình cho rằng thưởng thức được trọn vẹn những ý thơ của gió trăng, hòa mình vào với hồn thơ của cây cỏ, ấy là biết làm thơ rồi... Người đời xưa, đã mấy ai làm thơ, nhưng họ toàn sống trong cảnh thơ và cảnh mộng. Mình tiếc không làm được người nghệ sĩ mù. Mình tiếc không gặp được nàng Công chúa, nhưng mình biết chuyện họ, mình sống lại với họ, thế là mình tạo ra chàng nghệ sĩ cho mình và nàng Công chúa cho mình... Hai anh chắc đã có hai nàng công chúa, còn tôi, tôi chỉ sống trong vang bóng một thời... Tôi chỉ yêu những nàng công-chúa ở tận đời xửa đời xưa...

Lưu trọng Lư bỗng phá tan giấc mộng của anh chàng có đầu tóc bờm xờm :

— Đi lên Khâm Thiên ăn thịt chó chơi, tụi bay !

Nguyễn Tuân cười chúm chím (Nụ cười quen của chàng) :

— Ừ, đi !

Tôi bảo :

— Hai anh đi, tôi về.

— Không ăn được chó à ?

— Tớ không có duyên với thịt chó.

Tuân bảo:

— Khỏi lo. Gắp một miếng chả chó bỏ vào miệng, nhai thong thả để thưởng thức cho hết mùi thơm của nó, rồi hớp một ngụm rượu, nuốt cái ực vào là có duyên với thịt chó ngay.

— Nhưng tớ cũng không uống được rượu.

Lư ngó tôi:

— Cứ đi, rồi mình dạy cho cách uống rượu.

— Thì... đi!

Đêm ấy, ở quán bán thịt cầy nơi góc Ô Chợ Dừa, Lưu trọng Lư và Nguyễn Tuân ra về say khướt. Mặc dầu Nguyễn Tuân bảo « Mùi thịt chó rất nên thơ », tôi cũng không làm sao chịu nổi mùi thơ thịt chó.

***

Sau đó, tôi có gặp Nguyễn Tuân bốn năm lần. Nguyễn Tuân uống rượu thật nhiều, nhưng tôi chưa thấy Nguyễn Tuân nói bậy bạ như Lưu trọng Lư lúc say mèm. Tuân, người Thanh Hóa, tính nết hay nghiêm nghị, và làm gì cũng dẫn đo nhưng rút cuộc không làm được theo ý mình. Chất nghệ sĩ của Nguyễn Tuân là mơ, nhưng không phải cái mơ huyền-ảo bông lông, mà chỉ là cái mơ ước thực tế, giản dị, gần gũi nhưng vẫn ít khi thực hiện được. Mơ một cuộc du lịch, mà không có tiền, rồi xách va li ra ga xe lửa để tưởng tượng là đi du lịch. Mơ có một nàng công chúa để yêu, nhưng không có nàng công chúa, rồi lấy bút vẽ ra một mỹ nhân để tưởng tượng đó là nàng công chúa. Những quyển tùy bút của Nguyễn

Tuân hầu như là những trang giấy ghi chép các giấc mơ không thành của con người văn nghệ ưa phiêu lưu ấy. Cần nên nói nhiều một chút về tính ưa phiêu-lưu của Nguyễn-Tuân. Anh thường nói câu tiếng Pháp nầy với bạn bè : « J'aime la vie des Bohémiens », (tôi thích đời sống của những người Bô-hê-miêng). Anh cũng đã viết trong một tác-phẩm của anh, đại khái: « Bàn viết của tôi đặt ở giữa thiên-nhiên, giữa trời mây non nước không nhất định nơi nào cả ». Tôi chỉ nhớ Đại-ý như vậy, mà đó là đúng với sở-thích của Nguyễn Tuân. Dù anh theo Đàm-quang-Thiện sang Hồng Kông để đóng phim « *Cánh Đồng Ma* » hay anh xách va-li đi nơi nầy nơi khác, mục-đích vẫn là thỏa-mãn óc phiêu-lưu của Nguyễn-Tuân, chứ không chú-trọng đặc-biệt về một công-tác nào.

Nguyễn Tuân còn có một tính khác nữa, là bao-biếm. Anh ưa công-kích với giọng khôi hài nhưng không có ác-ý hiểm-độc như Thế-Lữ hay Nhất-Linh, mà khôi-hài công-kích để cười chơi thế thôi. Vì thấy đời không làm anh thoải-mái nên anh thường chán đời. Anh có rất nhiều giờ phút chán-nản, muốn buông trôi hết để đi biến mất một nơi nào vắng vẻ. Anh thích « tu tiên », và khoái nghe những chuyện thần-tiên. Anh có khá nhiều khuynh-hướng về Lão-Tử, và có lần muốn nghiên cứu Kinh Dịch. Trong quyển CHIẾC LƯ ĐỒNG MẮT CUA loại giấy tốt của anh gởi tặng tôi, anh có đề một câu sau đây, mà tôi vẫn chưa quên được :

« Chúng ta là những con người ta của người ta.
Chỉ có giấc mơ của mình là của mình.
Phải không Nguyễn Vỹ ? »

— Phải lắm, Nguyễn Tuân ơi!

Ngày nay, tôi biết anh còn sống ở đất Bắc nhưng tôi biết anh đã chết rồi. Vì cái « con người ta » của anh, anh đã biết là không phải của anh, cũng như « giấc mơ của mình » đâu còn là « của mình » nữa?

Than ôi! Nguyễn Tuân! Tôi thương Lưu trọng Lư ít, mà tôi thương anh nhiều. Vì Lư vẫn không bao giờ tin tưởng nơi cái gì cả và cả nơi Lư, chứ Nguyễn Tuân... Xưa kia... Chàng còn tin tưởng nơi giấc mơ xinh đẹp của con người Văn nghệ.

Có gì thê-thảm bằng sự tan-rã của một giấc mơ xinh-đẹp?

TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN TUÂN

Muốn hiểu những đặc tính của văn-chương Nguyễn Tuân, nên so sánh Nguyễn Tuân với Lê văn Trương, hai người hoàn toàn trái ngược nhau, từ cử chỉ, điệu bộ, ngôn-ngữ đến lối hành văn và tinh-thần văn-nghệ.

Lê văn Trương nói năng thô lỗ, cục mịch, ồn ào nóng nẩy, đôi lúc nghênh-nghênh có vẻ « cao bồi ». Nguyễn Tuân, ngôn ngữ nhỏ nhẹ, đàng hoàng, từ tốn như một chàng thư-sinh Nho-giáo, chậm rãi và điềm nhiên.

Lê văn Trương hay khoác lác, ba-hoa thiên địa, biết ít mà làm như biết nhiều. Nguyễn Tuân dè dặt đến mức độ ngờ-nghệch ngây-thơ, biết mà làm như không biết.

Cho đến cách ăn-mặc, đi đứng cũng thế. Lê văn Trương vội vàng, cẩu thả bao nhiêu, thì Nguyễn Tuân đủng đỉnh

cẩn thận bấy nhiêu. Từ cái lối thắt cra-vát, chải mái tóc, mang đôi giầy, đến lúc ra đi, bước đi, một mình hay trong đám đông người, Nguyễn Tuân cũng mực thước.

Trong văn-chương cũng thế. Văn Lê văn Trương có những đoạn dài như rau muống, những trang rườm rà lẫn lộn triết-lý, luân lý, không đầu không đuôi, đôi khi mâu-thuẫn lẫn nhau. Viết một mạch rồi đưa in, không bao giờ sửa lại. Nhiều khi không coi lại.

Văn Nguyễn Tuân, trái lại, thuần-thục, điều hòa, mạch lạc. Như các nhà văn có ý-thức về giá-trị văn-chương của mình, Nguyễn Tuân sửa bản thảo thật kỹ, nhiều trang sửa đi sửa lại ba bốn lần.

Nhưng, dù thêm bớt thế nào đi nữa, giọng văn của Nguyễn Tuân vẫn còn y nguyên đặc chất trầm tĩnh của nó. Cho nên đọc Nguyễn Tuân, người ta bị lôi cuốn dịu dàng, êm ái, bởi câu chuyện của Tuân kể, nhưng không bị cảm xúc mạnh. Văn của Nguyễn Tuân y như lời của Nguyễn Tuân trong lúc nói chuyện : người nghe thích thú nhưng không cảm động.

Vì thế mà Nguyễn Tuân đã đôi ba lần làm thơ, nhưng không đăng lên báo : thơ Nguyễn Tuân không cảm-xúc tâm hồn người đọc, không thấm thía vào tim gan người ta.

Một hôm, Tuân đọc cho tôi nghe một bài thơ anh mới làm, theo Đường-luật thất-ngôn bát cú. Anh hỏi :

— Cậu thấy thế nào, nói thật mình nghe.

Tôi cười :

— Đạo mạo cộng với hài-hước, trừ bớt nụ cười, nhân với 7, chia ra 8.

Nguyễn Tuân cười tủm tỉm :

— Nghĩa là một bài toán thất ngôn bát cú ?

— Đúng luật, đúng điệu, thế cũng được.

— Mình đọc cho thằng Lưu-trọng-Lư nghe, nó biểu : « Con chim boon-boon nó chạy về hòn núi Thái Sơn » !

— Cậu đọc cho ai nghe nữa ?

— Lan Khai.

— Nó bảo sao ?

— Nó cười ồ-ồ rồi khen mình : « Thơ Nguyễn Tuân hay hơn thơ Nguyễn Tuân ! »

Đúng ra, Nguyễn Tuân có tâm hồn thơ mộng, có ý thơ, nhưng anh diễn tả ra thì nó không phải là thơ nữa.

Tại anh lý-luận nhiều quá, cái lãng mạn của Tuân chỉ nảy nở trong một khuôn khổ công-thức nào đó, không vượt ra ngoài, không vút lên cao.

Nhưng Nguyễn Tuân phê bình thơ : anh không ưa thơ Nguyễn Bính, bảo là « vè học trò ». Anh bảo thơ Thế Lữ là « chỉ có bài CON HỔ, nhưng bài đó hoàn toàn ăn cắp ý thơ trong bài thơ ngụ-ngôn của La Fontaine », còn mấy bài kia ăn cắp ý thơ Tầu.

Nguyễn Tuân không tha-thiết với tình yêu. Anh cho rằng : « Tình yêu phải lãng mạn mới đẹp, nhưng lãng

mạn thì mất thời giờ, rồi rốt cuộc phải có một người khóc, một người cười, hay là cả hai người cùng khóc, Chẳng bao giờ hai người cùng cười ».

Nguyễn Tuân có nhiều nhận xét tế-nhị, như trong các tác-phẩm của anh.

15.— Phạm-huy-Thông và Nguyễn-nhược-Pháp

Tôi muốn đề hai anh Thi Sĩ nầy vào chung một bài, vì họ là một đôi bạn rất thân mà tôi thường gặp đi chung với nhau luôn hoặc khi vắng mặt người nọ thì người kia cũng thường nhắc đến tên người nầy.

Đó là một điều hơi lạ, vì Nhược Pháp và Huy Thông không có những điểm gì tương-đồng với nhau cho lắm: đôi bạn Thi sĩ nầy có nhiều điểm dị-đồng thì đúng hơn Huy Thông ít nói, có kẻ kiêu kỳ, mắt đeo đôi kiếng cận-thị rất nặng (3 diopteries), càng tăng vẻ mặt lạnh lùng, như kiêu hãnh, Không hiểu sao, về sau nầy cứ mỗi khi tôi trông thấy ảnh của nhà văn Mỹ Arthur Miller, với đôi kiếng dày cộm của chàng, là tôi sực nhớ tới Huy Thông. Hai khuôn mặt cũng dài dài và gầy ốm như nhau, hai đầu tóc cũng bờm xờm như thế. Chỉ khác là Arthur Miller cao, mà Huy Thông thấp, thế thôi. Lúc bấy giờ, Huy Thông, Nguyễn nhược Pháp, Trương Tửu và tôi đều cùng xuýt xoát một lứa cả, đã đo thử đều cùng cao 1m52, không ai hơn ai kém.

Nhược Pháp không cận thị, và trái với Huy Thông, anh ta hay nói, hay cười, tuy chỉ cười mỉm, và rất ưa

nói khôi hài, giọng nói rủ rỉ dịu dàng như cô gái bến lên trên đường đi chùa Hương.

Còn Huy Thông thì tôi chưa thấy anh cười lần nào. Anh nhếch mép một tí thôi khi mà những người khác cười nổ vang lên.

Nhiều người bảo rằng Huy Thông kiêu căng, vì tự phụ mình là Thi sĩ, lại là con một nhà kim-hoàn giàu có nhất ở phố Hàng Bạc lúc bấy giờ. Nhưng tôi không tin lời phê bình ấy là đúng. Quen với Huy Thông nhiều và hiểu anh nhiều, tôi chỉ thấy anh ta rất nhã nhặn, lịch sự, và rất tốt đối với bạn. Có điều không chối cãi được là khi anh khinh một kẻ nào bất tài, hạng thi sĩ ba lăng nhăng thích làm ra vẻ « ta đây » thì anh ta tỏ vẻ khinh ra mặt, trông thấy không thèm chào, không thèm hỏi. Nhược Pháp theo phép xã giao, bề ngoài lịch thiệp hơn, với tất cả mọi người.

Tôi mến Huy Thông từ khi xảy ra giai thoại sau đây :

Năm 1933, một năm sau khi Bảo-Đại vừa ở Pháp về lên ngôi Hoàng Đế, ông được người Pháp đưa ra Hà Nội với mục đích tuyên truyền. Cuộc Bắc tuần nầy được chính phủ thuộc địa sắp đặt tỉ mỉ và đã gây ra được một không khí tưng bừng náo nhiệt vô cùng.

Đám thanh niên học sinh còn ngây thơ và nhất là Nữ sinh lãng mạn, đại đa số là độc giả những tiểu thuyết « ba xu », đã bị quyến rủ đê-mê bởi hình ảnh « một vị hoàng tử trẻ đẹp trai » chưa có vợ, được người Pháp

quàng cho một hào quang rực rỡ, huyền ảo, uy nghi. Theo chương trình viếng thăm Hà Nội, Hoàng đế Bảo Đại đi viếng các đường phố giữa một buổi chiều tưng bừng hoa lệ. Lúc ba giờ, xe Bảo Đại ngừng trước cửa nhà buôn Chấn Hưng là tiệm kim hoàn lớn nhất ở phố Hàng Bạc, để xem các đồ thủ-công nghệ vàng bạc Việt Nam. Gia đình ông Chấn Hưng, thân sinh của Huy-Thông, rất vinh hạnh được « Ngài Ngự » chiếu cố đến tiệm vàng bạc của mình. Mọi người đều y phục chỉnh tề, cung kính đón vài long nhan. Riêng Huy-Thông ở trên lầu mặc bộ pyjama sọc xanh ngồi bàn làm thơ. Chàng thi sĩ trẻ tuổi, sinh viên trường Luật, không thèm xuống đón vua Bảo Đại.

Mấy hôm sau, Nhược Pháp và tôi đến chơi trên căn lầu ấy. Huy Thông không hề đả động đến chuyện Bảo Đại có vào xem các đồ kim hoàn trong tiệm. Chàng chỉ đọc cho chúng tôi nghe bài thơ dài sáu bảy chục câu mà chàng đã làm xong hôm ấy.

Tôi siết chặt tay Huy Thông, trong lúc Nhược Pháp cười hóm hỉnh nói một câu tiếng Pháp khôi hài.

Lúc bấy giờ Nhược Pháp cũng đang học năm thứ Nhất Cử nhân luật, cùng lớp với Huy Thông.

Hôm Huy Thông sang Pháp để tiếp tục học ở Đại-học Luật khoa Paris, anh có đãi một tiệc trà long trọng ở nhà Thủy-tạ Bờ Hồ, mời các bạn thân. Mặc dầu hôm ấy tôi đang bị bịnh, đã viết giấy đến xin lỗi và chúc Huy Thông hôm sau thượng lộ bình an, Nhược Pháp cũng đến nhà tôi kéo đi cho được.

Rồi từ đó, chúng tôi biệt tin. Mãi đến 1953, Huy Thông đã đỗ Thạc-sĩ Văn-chương ở Pháp bị trục xuất

nói khôi hài, giọng nói rủ rỉ dịu dàng như cô gái bến lên trên đường đi chùa Hương.

Còn Huy Thông thì tôi chưa thấy anh cười lần nào. Anh nhếch mép một tí thôi khi mà những người khác cười nổ vang lên.

Nhiều người bảo rằng Huy Thông kiêu căng, vì tự phụ mình là Thi sĩ, lại là con một nhà kim-hoàn giàu có nhất ở phố Hàng Bạc lúc bấy giờ. Nhưng tôi không tin lời phê bình ấy là đúng. Quen với Huy Thông nhiều và hiểu anh nhiều, tôi chỉ thấy anh ta rất nhã nhặn, lịch sự, và rất tốt đối với bạn. Có điều không chối cãi được là khi anh khinh một kẻ nào bất tài, hạng thi sĩ ba lăng nhăng thích làm ra vẻ « ta đây » thì anh ta tỏ vẻ khinh ra mặt, trông thấy không thèm chào, không thèm hỏi. Nhược Pháp theo phép xã giao, bề ngoài lịch thiệp hơn, với tất cả mọi người.

Tôi mến Huy Thông từ khi xảy ra giai thoại sau đây :

Năm 1933, một năm sau khi Bảo-Đại vừa ở Pháp về lên ngôi Hoàng Đế, ông được người Pháp đưa ra Hà Nội với mục đích tuyên truyền. Cuộc Bắc tuần nầy được chính phủ thuộc địa sắp đặt tỉ mỉ và đã gây ra được một không khí tưng bừng náo nhiệt vô cùng.

Đám thanh niên học sinh còn ngây thơ và nhất là Nữ sinh lãng mạn, đại đa số là độc giả những tiểu thuyết « ba xu », đã bị quyến rủ đê-mê bởi hình ảnh « một vị hoàng tử trẻ đẹp trai » chưa có vợ, được người Pháp

quàng cho một hào quang rực rỡ, huyền ảo, uy nghi. Theo chương trình viếng thăm Hà Nội, Hoàng đế Bảo Đại đi viếng các đường phố giữa một huồi chiều tưng bừng hoa lệ. Lúc ba giờ, xe Bảo Đại ngừng trước cửa nhà buôn Chấn Hưng là tiệm kim hoàn lớn nhất ở phố Hàng Bạc, để xem các đồ thủ-công nghệ vàng bạc Việt Nam. Gia đình ông Chấn Hưng, thân sinh của Huy-Thông, rất vinh hạnh được « Ngài Ngự » chiếu cố đến tiệm vàng bạc của mình. Mọi người đều y phục chỉnh tề, cung kính đón vài long nhan. Riêng Huy-Thông ở trên lầu mặc bộ pyjama sọc xanh ngồi bàn làm thơ. Chàng thi sĩ trẻ tuổi, sinh viên trường Luật, không thèm xuống đón vua Bảo Đại.

Mấy hôm sau, Nhược Pháp và tôi đến chơi trên căn lầu ấy. Huy Thông không hề đả động đến chuyện Bảo Đại có vào xem các đồ kim hoàn trong tiệm. Chàng chỉ đọc cho chúng tôi nghe bài thơ dài sáu bảy chục câu mà chàng đã làm xong hôm ấy.

Tôi siết chặt tay Huy Thông, trong lúc Nhược Pháp cười hóm hỉnh nói một câu tiếng Pháp khôi hài.

Lúc bấy giờ Nhược Pháp cũng đang học năm thứ Nhất Cử nhân luật, cùng lớp với Huy Thông.

Hôm Huy Thông sang Pháp để tiếp tục học ở Đại-học Luật khoa Paris, anh có đãi một tiệc trà long trọng ở nhà Thủy-tạ Bờ Hồ, mời các bạn thân. Mặc dầu hôm ấy tôi đang bị bịnh, đã viết giấy đến xin lỗi và chúc Huy Thông hôm sau thượng lộ bình an, Nhược Pháp cũng đến nhà tôi kéo đi cho được.

Rồi từ đó, chúng tôi biệt tin. Mãi đến 1953, Huy Thông đã đỗ Thạc-sĩ Văn-chương ở Pháp bị trục xuất

về Saigon với người vợ đầm. Vợ chồng anh bị chính quyền Pháp ở đây bắt giam lỏng tại một căn nhà ở đường Paul Blanchy (Bây giờ là đường Hai Bà Trưng). Tôi đang làm chủ nhiệm nhật báo *Dân ta*. Một hôm, tôi ngạc nhiên nhận được một bức thư của Huy-Thông gởi đến tôi tại tòa báo, bức thư viết tay, đúng nét chữ của anh. Tôi biết lúc bấy giờ Huy-Thông đã theo Cộng-Sản và tôi không thể nào tưởng tượng được sự biến đổi ấy.

Bức thư anh nhờ một người cầm tay đem đến tôi, có mấy lời thăm tôi và nhờ tôi viết bài trên các báo phản đối việc giam lỏng anh ở Saigon, và yêu cầu Pháp cho anh được tự do về Hà Nội. Tôi rất tiếc chế độ kiểm duyệt báo chí thời bấy giờ không cho phép tôi làm được công việc mà Huy-Thông đã nhờ tôi.

***

Huy Thông ngày nay không còn là Thi sĩ Huy Thông nữa. Tôi viết bài nầy cũng chỉ là nhắc đến Huy Thông một Thi-Sĩ rất đáng mến, một người bạn thơ rất dễ thương của hồi tiền chiến mà thôi.

Tiếc thay ! Bao giờ tôi gặp lại được Huy Thông hiền lành, mơ mộng của thuở xưa, Huy Thông lãng mạn của làng thơ Việt, Huy Thông đáng yêu của Tần-Ngọc say-mê ?...

***

Nguyễn Nhược Pháp tính ưa khôi hài, ham mê tự do, độc lập, cũng như cụ Nguyễn văn Vĩnh là thân sinh của anh vậy. Tuy tính nết thực thà, và bặt thiệp, nhưng anh rất trọng những tư tưởng tự do của anh, không chịu để ai nắn bóp được cả.

Tôi không quên được tập thơ « *Ngày xưa* » của anh xuất bản trong trường hợp hơi lý thú. Nhược-Pháp không có thi cảm nồng-nhiệt và thấm-thía như Huy Thông, cũng không có thi tứ dồi dào bao quát như Huy Thông. Anh chỉ ưa cái gì phảng-phất nhẹ-nhàng thôi. Cho nên anh chỉ làm những bài thơ phơn phớt bề ngoài. Chính anh cũng đã bảo với tôi : Thơ của mõa « superficielle. » (1)

Bài thơ *CHÙA HƯƠNG* là bài khá nhất trong tập thơ *Ngày Xưa*, có một lai lịch kỳ thú không ngờ. Chuyến đi chùa Hương ấy, Nhược Pháp đi với tôi và hai cô gái nữa, đều là nữ sinh cả. Hai cô có mang theo hai máy chụp hình, còn Nhược Pháp và tôi đều đi tay không. Trèo lên đến Rừng Mơ bỗng chúng tôi gặp một bà cụ vừa bước lên đèo, đường đá gồ ghề lởm chởm, vừa niệm : « Nam-Mô Cứu-Khổ Cứu-Nạn Quan-Thế-Âm Bồ-Tát... » Cô gái quê có lẽ là con của cụ, cũng đang niệm câu ấy nhưng nửa chừng trông thấy chúng tôi là hai chàng trai nhìn cô trân-trân thì cô bẽn-lẽn làm thinh không niệm Phật nữa. Cô đang đọc : « Nam-Mô cứu-khổ cứu-nạn... » rồi cô im. Đôi má cô đỏ bừng, cô cúi mặt xuống. Hai đứa tôi hỏi cô : Tại sao trông thấy chúng tôi, cô không niệm Phật nữa ? Cô gái quê có vẻ đẹp ngây-thơ bỗng tỏ vẻ bối-rối muốn khóc.

Không ngờ hai cô bạn nữ sinh lén chụp được tấm hình hai đứa tôi đang hỏi chuyện cô gái quê, rồi có lẽ không bằng lòng chúng tôi nên hai cô lén đi trước, và đi lúc nào chúng tôi không hay biết, cũng chẳng nói

(1) Có bề mặt, không có bề sâu.

năng gì với chúng tôi cả, bỏ chúng tôi ở lại với cô gái quê. Chúng tôi mê nói chuyện với cô nầy, một lúc sực nhớ lại hai cô bạn chúng tôi vội vàng đi theo nhưng không kịp. Hai cô đã lên đến Chùa Ngoài, rồi lên đến Chùa Tiên-Sơn, lẫn trong đám đông người, biến mất dạng. Đêm ấy ngủ trong Chùa Hương, sáng hôm sau ra về, chúng tôi mới gặp lại hai cô bạn đồng hành. Tôi phải xin lỗi mãi, nhưng Nhược-Pháp cứ tủm tỉm cười không nói. Về Hà Nội, hai hôm sau, Nhược-Pháp đem đến tôi bài thơ CHÙA HƯƠNG, mà trong bản chép ra đầu tiên Nhược Pháp đề là « Cô gái chùa Hương ». Nhược Pháp lấy cuộc gặp gỡ lý thú của chúng tôi với cô gái quê để làm đề tài và tưởng tượng thêm ra, thành bài thơ đẹp, giọng thơ-ngây, y như cô gái chùa Hương hôm ấy...

Trong tuần ấy, anh góp-nhóp các bài thơ của anh, thành một quyển. Anh đưa tôi và hỏi :

— Có nên xuất bản không?

— Nên.

— Nhưng tiền đâu ? Nhược Pháp cười mỏm-mém.

— Xin ông Cụ.

— Thôi, tôi mà đưa ông Cụ xem cái của nợ này, thì chắc chắn là ông Cụ sẽ vứt nó vào sọt rác.

— Đưa bà Cụ vậy.

— Ừ, phải đấy !

Một tháng sau, quyển thơ *NGÀY XƯA* ra đời. Sách in xong mà Nguyễn Nhược Pháp vẫn rụt rè, chưa dám đưa cụ Nguyễn văn Vĩnh xem vội, chỉ sợ Cụ vứt vào sọt rác.

NGUYỄN-NHƯỢC-PHÁP VÀ NÀNG TIÊN ÁO ĐEN

Trên chuyến xe lửa Hà-nội — Yên-Báy, Mộng-Sơn đưa ra một lời nhận xét mà nàng tưởng là đúng :

— Bọn mình đi có hai chàng thi-sĩ, một chàng thì muốn cười mà không cười, một chàng thì muốn nói mà không nói. Chỉ có ba đứa mình là cười nói lung-tung-thiên !

« Ba đứa mình » của Sơn-Tiên là nàng, cô Thanh-Tú, và một cô... gì nữa, tôi quên tên. Cả ba đều ở bộ Biên-tập tuần-báo *Việt-Nữ*.

Lúc ở ga xe lửa Hà-nội, chúng tôi đã đồng-ý lên Yên-Báy chơi ba ngày. Ai có chuyện riêng thì cứ đi riêng. Sơn-Tiên nhứt định tận hưởng cuộc du-lịch trong ba ngày, tôi thì muốn tách riêng ra một ngày có chuyện riêng của tôi. Nguyễn-Nhược-Pháp thì làm kỵ-mã hầu cạnh cô Thanh-Tú và cô gì tôi quên tên. Chương trình đi chơi là trèo lên mấy ngọn núi Yên-Báy, bơi thuyền trên bến Âu-Lâu, dạo xem các ngoại-ô thành-phố, và một vài di-tích lịch-sử...

Lúc mới ngồi trên xe lửa, đứa nào cũng vui vẻ cả, chuyện trò ríu-rít như một đoàn học-sinh được đi nghỉ Pâques ở xa.

Nhưng qua khỏi Việt-Trì, nghe Sơn-Tiên phê-bình, Nguyễn-Nhược-Pháp kề tai hỏi khẽ tôi :

— Cậu suy tính gì mà bộ mặt trầm-ngâm thế ?

— Tôi đang có một ý-nghĩ ở trong đầu.

Nhược-Pháp mỉm cười :

— Tôi thì đang có một ý nghĩ trong con mắt.

Tôi ngước lên ngó vào mắt hắn. Hắn bảo :

— Cậu ngó ngay nơi dãy ghế đối diện kìa.

Tôi ngó sang dãy ghế đối diện :

— Cô áo xanh ?

— Không.

— Cô áo trắng ?

— Không.

— Cô áo đen ?

Nguyễn-Nhược-Pháp mím chặt môi... Mặt cậu đỏ bừng. Rõ thật một chàng trai nhút nhát.

Hai đứa tôi nói rất khẽ, rồi bỗng nhiên im-bặng.

Mộng-Sơn vỗ vai tôi :

— Anh với anh Nhược-Pháp nói gì mà bí-mật thế ?

Tôi mỉm cười quay lại nàng :

— Đã biết là chuyện bí-mật sao em còn hỏi ?

— Em hỏi cho hết bí-mật.

— Không có gì bí-mật cả.

— Thì em không hỏi gì cả.

Hai đứa nhìn nhau cười. Chiều tối tàu đến Yên-Báy. Nguyễn-Nhược-Pháp khẽ bấm tay tôi. Tôi ngó cô Áo Đen vừa bước xuống sân ga. Anh chàng nhìn theo, mím chặt môi.

Cô Áo Đen đã ngồi xe kéo chạy xa, thật xa, biến trong sương hôm tỏa khắp các nẻo đường.

Chúng tôi đi bộ về nhà thầy me cô Thanh-Tú.

***

Hai đứa tôi nằm riêng một phòng, chắc giấc ngủ sẽ ngon lắm sau một ngày đi xe lửa. Tôi thì buồn ngủ quá rồi. Vừa đặt lưng xuống nệm nhắm mắt ngủ liền. Nguyễn-Nhược-Pháp còn rầm-rì bên tai tôi :

— Cậu có thấy Cô Áo Đen đẹp không ? Cậu nói thật đi.

Tôi nghe văng-vẳng câu hỏi, rán trả lời :

— Đẹp.

— Đẹp lắm chứ ?

— Hả ?... Ừ... đẹp lắm.

— Đẹp lắm như thế nào ? Cậu tả hình-dung lại cho tôi xem có đúng không nào ?

— Hả ?... Đẹp lắm hả ?

— Cậu đã ngủ rồi à ?

— Chưa.

— Chưa, thì cậu cho tôi biết cậu thấy cô Áo Đen đẹp như thế nào ?

— Cô... Áo Đen... hả ?

— Ừ.

— Ừ... thì... tôi đã bảo là cô ấy đẹp lắm rồi... cậu còn hỏi mãi.

— Đôi mắt nàng như hai ngôi sao ấy nhỉ!... Nước da trắng mịn... như ngà... Cái mũi Ai-cập như mũi Cléopâtre... Khuôn mặt Tây-Thi... Cái thân-hình... Ồ, cái thân-hình.. Vỹ à!... Vỹ! .. Vỹ ơi!...

— Hả?

— Cậu ngủ rồi ư?

— Hả?

— Có phải không, cậu? Cái thân-hình uyển-chuyển của nàng... với những đường cong... diễm tuyệt nhỉ! Còn bộ ngực...! Ô... là... là! *Moa* chưa thấy cô thiếu-nữ nào có bộ ngực đẹp lạ đẹp lùng như thế:... Vỹ ơi!... Vỹ!... Cậu có thấy cô nào có bộ ngực đặc-biệt như thế không?... Vỹ!. . Vỹ ơi!... *toa* ngủ rồi ư?

— Hả? cái gì?

— Cái bộ ngực của nàng ..

— Bộ ngực của ai?

— Cửa Nàng Tiên Áo Đen ấy mà! *Toa* thấy cô thiếu-nữ nào có bộ ngực... thiêng liêng và... và...

— Coi chừng kẻo bộ ngực giả đấy nhé! Thôi ngủ với chứ!

— Bộ ngực vĩ-đại .. vĩ-đại...

— Hả? Sao cậu cứ gọi tên tôi mãi thế?

— Moa bảo bộ ngực vĩ-đại...

— Ồ, cậu cứ lấy cái tên của tôi dán lên bộ ngực của người ta! Cậu có cho tôi ngủ không thì cậu bảo?

— Ồ, Đức Thượng-đế thật là tài-tình!... Làm sao mà bàn tay của ngài nắn được cái bộ ngực... cái bộ ngực vĩ-đại đến thế! Vĩ-đại kinh-khủng!

***

Tôi btết từ lâu rằng Nguyễn-Nhược-Pháp không yêu cô Thanh-Tú, Thanh-Tú thì yêu Nguyễn-Nhược-Pháp gần như say mê. Chính Thanh-Tú tổ-chức cuộc du hành này để được mời Nhược-Pháp lên nhà cô. Vả lại ông cụ của cô với ông Nguyễn-văn-Vĩnh lại là đôi bạn thân, và ông cụ cũng muốn gả Thanh-tú cho con trai ông Nguyễn-văn-Vĩnh. Nhưng Nhược-Pháp đã bảo khẽ với tôi nhiều lần;

— Thanh-Tú không có ngực, làm sao tôi yêu được, hở giời?

— Thế ra tình yêu ở trên ngực à? Tôi hỏi.

— Nhưng chính ở trên bộ ngực ấy ta mới rờ được tình yêu chứ, không đúng ư?

Tôi kính-trọng quan-điểm của Nguyễn-nhược-Pháp về ái-tình, và làm thinh, không cãi lại. Hôm nay đi Yên-Báy, tôi hiểu rõ vì lẽ gì Nguyễn-nhược-Pháp tỉnh-cờ trông thấy cô Áo Đen không quen biết, đã say như điếu đổ.

Đêm nay chàng bùng-biện khác thường chung quanh đề-tài « Bộ ngực vĩ-đại » của « Nàng Tiên Áo Đen ». Và cả đêm chàng cứ mơ-tưởng đến bộ-ngực vĩ-đại của Nàng Tiên Áo Đen.

Ba ngày ở Yên-Báy, không gặp Nàng Tiên Áo Đen, Nguyễn-nhược-Pháp nhìn thấy mọi vật đều đen tối. Tôi

hái một bông chuối đỏ tươi đẹp mọc ở sườn núi, đưa chàng. Chàng vứt xuống rãnh sâu.

Sơn-Tiên kéo tôi đi riêng, khẽ hỏi :

— Sao Nhược-Pháp cáu-kỉnh thế, anh ?

— Tại Thanh-Tú sáng nay mặc áo đen quần đen.

— Em không hiểu.

— Nếu được gặp một cô khác mặc áo đen quần đen, hắn sẽ tưng-bừng rực-rỡ ngay !

— Ai thế ?

— Cái bí-mật mà em hỏi anh hôm kia trên tàu lửa.

— Thế mà hôm kia anh bảo không có gì bí-mật cả.

— Hôm nay cái bí-mật ấy mới thật là bí-mật.

— Bí-mật gì, hả anh ?

— Nàng Tiên Áo-Đen.

— Là ai ?

— Bí-mật.

— Ở đâu ?

— Bí-mật.

— Mà sao ? Có gì lạ ?

— Bí-mật.

***

Trên chuyến xe lửa Yên-Báy — Hà-nội hôm trở về, Nguyễn-nhược-Pháp mím chặt môi, mặt đỏ hơn bông chuối

rừng. Chàng chợt thấy ở toa bên kia không ngờ có cô Áo-Đen hôm nọ. Cô ngồi với chiếc va-li con để bên cạnh, mặc áo đen quần đen.

Từ Yên-Báy đến Hà-nội, cô chỉ liếc ngó Nguyễn-nhược-Pháp một lần. Nhược-Pháp đứng-đắn và rụt-rè, vẫn ngồi yên một chỗ. Chàng chỉ lầm-bầm bên tai tôi : — Vỹ-đại ! Xuống ga Hà-nội, bỗng dưng Nhược-Pháp biến đi đàng nào mất.

Một tháng sau, tôi gặp cậu trước cửa trường Cao-Đẳng. Cậu mím môi để cười, rồi ấp-úng hỏi :

— Toa còn nhớ Nàng Tiên Áo-Đen trên chuyến tàu Yên-Báy ?

— Quên rồi.

— Không thể tưởng-tượng được ?

— Cái gì không thể tưởng-tượng được ? Bộ ngực của Nàng Tiên Áo-Đen ?

Nhược-Pháp mím chặt môi cười, rồi nhảy lên xe máy phóng đi. Tôi còn nhớ gương mặt của anh chàng rực-rỡ, có vẻ yêu đời lắm.

Nguyễn-nhược-Pháp đeo-đuổi Nàng Tiên Áo-Đen hơn một năm. Hắn thú thật hết với tôi tất cả, những khó-nhọc, kiên-nhẫn, say-sưa, tìm cho được chỗ ở của nàng và làm quen với nàng, rồi thân với nàng. Con-một của một gia-đình trưởng giả, giàu sang ở Hà-nội. Năm ấy nàng 22 tuổi, nét mặt rất hiền lành, cử-chỉ ngôn-ngữ rất dịu-dàng thùy-mị.

Nhưng cũng rất lạnh-lùng, nàng cương-quyết từ-chối

tình yêu nồng-nàn của Thi-sĩ. Tuy nhiên, nàng vẫn thích thơ và phục tư-cách cao thượng của chàng. Trừ Nguyễn-nhược-Pháp ra mà lòng nhẫn-nại trung kiên phi-thường và tình yêu chân-thật, say-mê, đã rung-cảm được trái tim của nàng, nàng không còn muốn quen biết một người đàn ông nào khác nữa. Với tất cả các bạn trai trẻ ngắm-nghé nàng, nàng tỏ vẻ hờ hững kiêu-căng. Trên gương mặt kiều-diễm vô cùng phúc hậu của nàng, lạ thay, không bao giờ có một nụ cười đon-đả. Gương mặt hoàn-toàn bí-mật mà chính Nguyễn-nhược-Pháp cũng không khám phá được một phần nào. Tuy là người duy nhất được quen thân với nàng, nhưng mối tình của chàng cũng gần như tuyệt vọng.

Hai năm qua, một hôm chàng Thi-sĩ mới biết yêu lần đầu tiên, và yêu say-mê đắm-đuối làm sao, quỳ bên chân nàng để van xin một lời hứa hẹn. Nàng lặng-lẽ nhìn chàng, rồi gục đầu xuống vai chàng, thổn thức khóc :

— Anh tha lỗi cho em... Em không thể yêu anh được.

— Tại sao thế? Tôi không xứng đáng với cô ư?

— Không phải thế, anh ạ... Anh tha lỗi cho em...

— Thế thì tại sao?... Tại sao ?...

Nàng nấc lên một tiếng, ngã xỉu vào tay chàng, và khóc nức-nở...

Chàng rầm-rì như người mất trí :

— Tôi sẽ tự-tử mất thôi ! Tôi không thể sống được trong tình trạng nầy.

Cô gái Áo Đen ngẩng mặt nhìn chàng. cả hai người đều ràn-rụa nước mắt :

— Em van lạy anh !... Chúng ta không nên gặp nhau nữa.

Nàng bỏ chạy vào buồng, đóng cửa lại.

***

Giao chìa khóa cửa phòng tôi cho Nguyễn-nhược-Pháp, tôi bảo :

— Cậu đừng làm chuyện gì dại dột nhé.

Nguyễn-nhược-Pháp mím môi, cười :

— Cậu cứ tin tôi.

Tôi hơi ngạc-nhiên. Nguyễn-nhược-Pháp là người con trai nhút-nhát nhất ở Hà-nội, e-lệ như cô gái 18, nhưng tình yêu đã biến-đổi hẳn con người cô-đơn ấy. Anh đã viết thư mời Nàng Tiên Áo-Đen đến nơi căn phòng riêng của tôi mà hôm nay tôi nhường cho anh làm nơi hẹn hò.

Nhà thi-sĩ đau-khổ quyết định một lần cuối cùng xin cưới mỹ-nữ Áo-Đen làm vợ. Trái lại với sự lo ngại ngày trước, nay Nguyễn-nhược-Pháp vui mừng tin-tưởng sẽ thành công.

Ngồi ghế, nàng bảo :

— Em nhận lời đến đây, để cảm tạ anh đã yêu em, đã thành-thật yêu em... Anh là tình yêu đầu tiên của em, và tình yêu duy nhứt, vô cùng cảm-động .. Nhưng anh ạ, em van anh... em khẩn-khoản anh một lần cuối cùng... anh đừng yêu em nữa...

— Tại sao thế ?

— Em lạy anh... đừng hỏi em tại sao.

— Anh muốn hiểu lý-do...

— Không bao giờ em nói được.

— Em có tâm sự gì khuất-khúc... sao không cho anh biết ?

— Anh chỉ nên biết rằng chúng ta không thể yêu nhau được. Và từ nay chúng ta không thể gặp nhau nữa. Em đến đây hôm nay... để vĩnh biệt anh.

Nàng đứng dậy. Nguyễn-nhược-Pháp vẫn ngồi lặng-lẽ cúi mặt xuống bàn lầm bầm một mình :

— Anh không thể nào sống được nữa... nếu không có em...

— Em cũng thế, anh ạ...

— Nếu thế thì tại sao...

— Tại vì không thể được, anh ạ... Thôi, em chào anh... Vĩnh biệt anh !

Nàng Áo-Đen chạy vụt ra ngoài đường, nước mắt chảy ràn-rụa...

***

Đọc báo thấy một thiếu-nữ mặc áo đen quần đen tự-tử trên Hồ Trúc-Bạch, xác được vớt chở vào nhà thương Phủ Doãn, Nguyễn-nhược-Pháp chạy đến tôi, mặt mày xanh nhợt. Anh kéo tôi đến bịnh-viện, tại đây tôi có quen thân với một nữ y-tá.

Cô bạn đưa Nhược-Pháp vào nhà xác để nhận mặt. Lúc ra, chàng khóc :

— Chính nàng... Nàng đẹp hơn bao giờ... Tội nghiệp nàng tiên Áo-Đen .. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao nàng từ chối hạnh phúc và đời sống... ? Tại sao nàng tự tử ?... Tại sao ?

Cô y-tá khẽ bảo :

— Lúc mới đem vào đây, chúng tôi đã khám-nghiệm thi thể. Chính cô ấy đã nhảy xuống nước tự tử, không bị thương-tích gì khả nghi. Nhưng có điều khác thường... là... cô không phải hoàn toàn một... người phụ-nữ.

Nguyễn-nhược-Pháp mím chặt môi, trố đôi mắt kinh ngạc ngó nữ y-tá. Chàng càng không hiểu. Cô bạn kéo riêng tôi ra xa, bỏ nhỏ :

— Trường-hợp người con gái như thế danh-từ thông thường gọi là ái-nam ái-nữ... Cái chỗ mà đáng lẽ tự-nhiên phải là... cơ-quan của giống cái, thì cô ấy chỉ có... một cái lỗ tròn, to bằng đầu chiếc đũa...

Tôi kéo Nguyễn-nhược-Pháp ra về.

Đi đường tôi nói lại cho anh nghe sự khám phá kỳ-dị của cô nữ y-tá.

Nguyễn-nhược-Pháp mím môi, im lặng. Nét mặt cậu ngơ-ngác như bị tiếng sét đánh bên tai.

Mấy tháng sau, anh chết. Nguyễn-nhược-Pháp chết vì bịnh thương-hàn.

Buổi chiều hôm trước, tôi có đến thăm anh trên giường bịnh. Trong phòng chỉ có anh với tôi. Nhược-Pháp nóng nực, đôi mắt đỏ ngầu. Anh nắm bàn tay tôi, khẽ bảo :

— Vĩnh-biệt anh... anh Vỹ... Anh đừng buồn... Tôi vui vẻ... đi về thế-giới bên kia... để gặp... Nàng Tiên... Áo Đen...

Nguyễn-nhược-Pháp mím chặt môi lần cuối cùng.

Đám ma Nguyễn-nhược-Pháp đi âm-thầm, lặng-lẽ, một buổi chiều mưa phùn, lạnh thấu xương. Tôi khóc thật nhiều.

16.— Anh-Thơ

Một cô nữ sinh mới có 15, 16 tuổi, học trường Sơ-Đẳng Tiểu-Học Pháp-Việt Thái-Bình gởi cho nhà văn Lan Khai một bài thơ mới tập làm, ký tên là Tuyết-Anh. Bài thơ đó Lan Khai sửa chữa vài ba chữ, rồi đăng lên một tờ báo để khuyến khích « cô em ».

Một thời gian sau, người ta lại đọc trên một vài tờ báo một vài bài thơ ký tên là Hồng-Anh. Thơ còn hơi vụng về, tỏ ra người học thức còn kém, ý tứ không dồi dào, tình cảm không sâu đậm, nhưng có những nhận xét đặc biệt, phô diễn một trí óc tưởng tượng tuy giản dị nhưng rất tế nhị và rất dễ thương.

Lan Khai đưa một bài cho tôi coi, và bảo:

— Hồng Anh với Tuyết Anh là một. Con bé mới có mười mấy tuổi.

— Học đến đâu ?

— Thi « primaire » (tiểu học) hỏng.

Tôi bảo với Lan Khai:

— Cô bé nầy có tài, phải không anh ?

Rồi tôi quên mất câu chuyện đó, quên mất luôn cả cái tên của « cô bé có tài ».

***

Tôi đang ngủ. Trưa mùa Hè nắng gắt, mà cái gác xép của tôi ở đường Tientsin lại thấp và chật, tôi ở trần nằm lăn trên chiếc chiếu trải trên sàn ván, ngủ như chết. Cửa cầu thang tôi đã khép kín. Có một mình tôi. Không biết mấy giờ và không biết tại sao, bỗng dưng tôi quấy cựa vài cái rồi tỉnh giấc, mở mắt ngó chung quanh. Một tiếng cười rang rảng ngay bên cạnh. Tôi quay lại, thấy một thiếu nữ lạ. Tôi ngạc nhiên :

— Ủa !

Thiếu nữ cười nghiêng ngả, cô ngồi dựa vào lan can, nét mặt hóm hỉnh rất tự nhiên. Cô cười ngặt nghẹo, không nói gì cả. Tôi cũng vẫn nằm yên, vẫn ở trần, nhìn cô, và điềm nhiên hỏi :

— Cô là ai ?

Thiếu nữ lại cười, không trả lời. Tôi cũng tức cười, không hỏi nữa. Tôi ngắm cô : Trạc mười tám tuổi, không đẹp nhưng có duyên, mặt nhiều mụn. Cô mặc áo màu hồng, mang đôi giày cườm, ngồi cắn hạt dẻ, tự nhiên. Tôi cứ nằm như thế mà ngó cô. Cô cũng cứ ngồi dựa vào lan can, trong tay cầm một quyển tập. Cô cười để lộ hai hàm răng trắng nõn :

— Đố anh biết tên tôi ?

— Tôi biết.

— Tên gì nào ?

— Hồ-xuân-Hương.

Thiếu nữ cười hăng-hắc :

— Chả phải. Hồ xuân Hương mặt rỗ cơ mà !

— Mặt Hồ xuân Hương cũng có mụn.

Cô thò tay vào túi áo trong, hốt ra một nắm hạt dẻ cắn vỏ rồi ăn. Cô hỏi tôi, vẫn tự nhiên như quen từ lâu :

— Anh cắn hạt dẻ không ?

— Cắn.

Cô đứng dậy, đến gần tôi, cúi xuống để nắm hạt dẻ trên chiếu, trước mặt tôi. Tôi lấy một hột, cắn vỏ, vừa nhai vừa hỏi :

— Cô có lầm nhà không ?

Thiếu-nữ ngồi xuống chiếu, cạnh tôi :

— Lầm thế nào được.

— Cô muốn gặp ai ?

— Gặp anh.

— Ai bảo cô đến đây ?

— Tôi bảo.

— Ai chỉ cái gác nầy cho cô ?

— Anh Lan-Khai, bạn của anh.

Tôi làm thinh. Tôi đã quên mất cái tên của « cô bé » rồi.

***

Tay tôi cầm quyển tập, nhưng tôi lăn trên chiếu, cười ha hả :

— Hay tuyệt !

Thiếu nữ vẫn ngồi, hai chân co lại dưới tà áo hồng, hai tay ôm hai đầu gối :

— Câu nào hay hả anh ?

— ....

Và lại có cả một đôi đom đóm,
Bay dập dìu như muốn phải lòng nhau.

Tôi lật sang trang bên kia.

— Câu nầy cũng hay lắm :

..... hai cô nàng yếm thắm
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

Cúi, cuốc, cào, cỏ : parfait !

— Parfait là gì hả anh ?

— Là tuyệt ! Là hay tuyệt ! Khéo tuyệt !

— Anh coi có câu nào chưa được gọn, anh sửa hộ em.

— Chẳng có một câu nào là chưa được gọn. Câu nào cũng đẹp như bức tranh quê.

— Anh liệu xem em có nên xuất bản nó không ?

— Rất nên.

— Cái nhan đề « *Bức tranh quê* » có được không anh ?

— Được lắm.

— « *Bức tranh quê* » hay « *Những bức tranh quê* » anh nhỉ ?

— Khỏi phải « *những* ».

Tôi đã xem hết tập thơ viết tay của thiếu nữ mà tôi chưa biết rõ tên, nét chữ cứng rắn, gọn gàng. Tôi rất thỏa mãn, rất thích thú. Nhưng tôi xem lại ngoài bìa, hỏi :

— Sao không đề tên tác giả ?

Thiếu nữ cười :

— Đố anh biết tên em ?

— Tên cô là *THƠ*.

Thiếu nữ nhìn tôi chăm chăm, cô ngó vào mắt tôi, cô ngó vào mũi tôi, cô ngó vào môi tôi. Bỗng cô rú lên một tiếng cười. Rồi cô bảo :

— Em có hai tên : TUYẾT ANH và HỒNG ANH. Em còn do dự, chưa quyết định đề tên nào trên bìa tập thơ. Bây giờ thì em quyết định rồi. Em sẽ lấy tên là ANH THƠ.

***

Anh Thơ rủ tôi ra phố. Tôi ngồi dậy đi rửa mặt :

— Tôi xin lỗi Anh Thơ nhé. Từ nãy giờ tôi rất là vô lễ, tiếp Anh Thơ mà nằm, và không mặc áo.

— Bây giờ anh mặc áo, thì anh hết vô lễ với em.

Chúng tôi ra đi. Ra đến hàng Ngang, thấy một cụ ngồi bán bắp nướng, Nữ sĩ dừng bước mua hai trái, đưa tôi một. Tôi không quen ăn quà ngoài đường phố, nên tôi đút trái bắp còn nóng hổi vào túi quần. Nhưng một lúc thấy Anh Thơ ăn ngon lành, vừa đi vừa ăn,

vừa nói chuyện, tôi cũng thò tay vào túi quần, lôi trái bắp ra đưa lên mồm, gặm ngon lành..

— Tên thật của em là gì?

— Tên em là THƠ, anh đặt ra, anh còn hỏi?

Thiếu nữ luôn luôn cười nói vui vẻ. Tôi lại hỏi:

— Em học đến đâu?

— Em vừa thi trượt xéc-phi-ca. Em bị thầy em đánh một mẻ vì tội lười.

« Thầy » tức là ba của cô, làm Thừa-lại tỉnh đường Thái-Bình.

— Em mấy tuổi?

— Đố anh biết!

— Mười tuổi.

— Em còn bé thế cơ? Thế mà em cứ tưởng em lớn tướng rồi đấy!

— Nhưng thơ em đã lớn rồi.

— Lớn được mấy tuổi hả anh?

— Không có tuổi. Thơ em sẽ sống mãi mãi. Em làm thơ từ hồi nào?

— Từ hồi em biết làm thơ.

***

BỨC TRANH QUÊ ra đời. Các báo đều giới thiệu với rất nhiều cảm tình. Tất cả làng văn Hà Nội đều khen ngợi. Nhưng chưa mấy ai biết Anh Thơ là một cô bé 18, thi « trượt xéc-phi-ca ».

Một buổi chiều Thu, Anh Thơ lại đến thăm tôi. Mặt nàng vẫn đầy mụn. Nàng lại đưa tôi coi một tập thơ, bản thảo thứ hai, tựa đề là « *MÊ-MẢI* ». Bài thơ đầu cũng nhan đề là *MÊ-MẢI*, tả một cuộc khiêu vũ mà mỗi câu là một màu đèn xanh đỏ, mỗi chữ là một tiếng nhạc rung rinh, mỗi dòng là một vòng quay cuồng nhiệt trên vũ đàn. Cả bài thơ xôn xao rạo rực đê mê.

Nhưng rồi sau đó tôi đi ở tù. Suốt mấy năm mê mải trong nhà lao, tôi không quên được những dòng thơ khiêu vũ rất tài tình dưới ngòi bút mê mải của TUYẾT ANH, HỒNG ANH, ANH THƠ...

Và ANH THƠ hiện nay ở đâu, làm gì tôi không nghe ai nói nữa. Tôi chỉ còn nghe thơ của nàng thỉnh thoảng réo bên tai :

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình hai cô nàng yếm thắm,
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

. . . . . .

Mấy cánh bướm chập chờn trôi trước gió
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

. . . . . .

Và lại có cả một đôi đom đóm
Bay dập dìu như muốn phải lòng nhau...

17.— Vũ-Bằng

Anh chàng mập tròn quay ấy, nước da ngăm-ngăm đen, đôi mắt hí hí thật ranh mãnh, nụ cười mỉa mai và trào lộng nở trên đôi môi thâm xì, là người tinh-nghịch nhất của làng văn Bắc-Hà thời Tiền chiến.

Tôi không hiểu tại sao Vũ-Bằng viết thật nhiều mà lại được ít người nhắc đến ? Anh viết chuyện ngắn, chuyện dài, văn trào phúng, đã xuất bản ba bốn quyển sách, làm chủ bút *Tiểu-Thuyết Thứ-Bảy*, thư ký tòa soạn *TRUNG-BẮC CHỦ-NHẬT*, tổng thơ ký tờ *TRUYỀN-BÁ*, chủ nhiệm tờ *VỊT-ĐỰC*, tác giả những phóng sự rất vui, như *HỘI LIM*, những truyện ngắn rất hấp dẫn, những quyển hồi ký vô cùng lý thú như *TÔI CAI THUỐC PHIỆN*, v.v... Anh có lối văn tả chân đặc biệt và trào-phúng chuyên môn, có khi rất nhẹ nhàng khả ái như Alphonse Daudet, có khi cầu kỳ lý thú như Courteline.

Tôi không nói Vũ-Bằng là một văn hào, nhưng chắc chắn anh là một nhà văn Việt-Nam độc-đáo trên lĩnh vực tả chân trào phúng, trước kia và bây giờ.

Con trai của một nhà xuất bản ở phố Hàng Gai (nhà sách Quảng Thịnh, chuyên môn ấn hành những quyển truyện cũ về *Tú Xuất*, *Ba Giai*, *Tấm Cám*, v.v...), Vũ Bằng có học ở Lycée Albert Sarraut, trường Trung học Pháp lớn nhất ở

Hà-Nội vào thời ấy và đã xuất bản đầu tiên một tập văn trào phúng nhan đề là *LỌ-VĂN* lúc anh chưa được 18 tuổi.

Hơn hai mươi tuổi, Vũ-Bằng ghiền thuốc phiện. Ở Hà Nội rét, anh mặc một lúc hai chiếc áo « ba đờ xuy » dày mo, tay cầm can, khệ nệ như ông cụ, đi đến tiệm thuốc phiện nằm hút sáng đêm. Đi hát cô đào, anh ở luôn nhà cô đào, ăn cơm, nghỉ, viết, có khi liền một tháng không về nhà. Chơi thân với Vũ-trọng-Phụng, Nguyễn triệu Luật, Ngô tất Tố, Nguyễn doãn Vượng, anh vẫn là người bạn « khó chịu » nhất vì ưa châm biếm và chọc ghẹo các bạn, đến đỗi Ngô-tất-Tố đã phải bảo : « Vũ Bằng là đồ vô-lại », và tuyệt giao với anh một thời gian khá lâu,

Một hôm *NGUYỄN-TUÂN* hỏi tôi :

— Sao *toa* có thể chơi với Vũ-Bằng được ?

Tôi cười đáp :

— Tôi thì chơi với ai chả được !

Tôi không ngạc nhiên nhiều vì câu hỏi của Nguyễn Tuân bởi Nguyễn Tuân tuy cũng là một cây bút trào lộng, nhưng Nguyễn Tuân châm biếm theo lối nhà Nho, kín đáo hơn và có vẻ hiền lành hơn, (Nguyễn Tuân chịu ảnh hưởng Nho học rất nhiều) còn Vũ Bằng thì châm biếm theo lối Tây, khúc khuỷu và tàn nhẫn. Lưu-trọng-Lư cũng không ưa Vũ-Bằng, nhưng Vũ-trọng-Phụng lại thích người bạn mà anh thường gọi là « con quỷ » ấy.

Lan Khai cũng gọi Vũ-Bằng là đồ « tiểu yêu ». Hễ Vũ-Bằng xen vào đâu, là cãi nhau ở đó. Tính bướng bỉnh, hay châm chọc, anh ta ít khi biểu đồng tình với

ai về một việc gì, và không bao giờ nhượng bộ dù là đuối lý. Sự thực như tôi đã chứng kiến nhiều cuộc đấu lý của Vũ Bằng với mấy bạn khác trong làng văn, ít khi Vũ Bằng đuối lý lắm. Vì anh ta có cái lý mạnh nhất, là cái lý trào lộng của anh. Tôi đã nói : Vũ Bằng là một nhà văn châm biếm (un écrivain satirique) gần như độc đáo từ Tiền-chiến đến nay.

Có lần, Vũ Bằng đến nhà tôi ở Ô Chợ Dừa, rủ tôi đi coi bói. Lúc bấy giờ tại đây có một ông thầy bói danh tiếng lừng lẫy, trước nhà ông có dựng một bia đá, cho nên người ta thường gọi là ÔNG THẦY BIA ĐÁ, cách ngã ba Khâm Thiên — Hàng Bột chừng 50 thước.

Vũ Bằng đang hết sức lo lắng về một cuộc tình duyên ngang trái giữa anh với một thiếu phụ nào đó,.. Tôi biết rõ chuyện ấy. Cho nên khi Vũ Bằng rủ tôi đi xem bói, tôi nhận lời ngay. Cũng một dịp để coi ông thầy Bia Đá có quả thật xứng đáng với uy danh lừng lẫy của ông không ?

Ông thầy ngự trên sàn gác cao, như một tiên ông, giữa trầm hương, hoa lá. Hai đứa tôi bò lên một cầu thang chật hẹp mới đến ông. Sau khi gieo quẻ và lầm bầm một hồi, ông bảo Vũ Bằng :

— Cậu đang vướng một mối tình ngang trái... Gia đình không bằng lòng, nhưng rồi hai người cũng sẽ lén lút ăn ở với nhau...

Vũ Bằng cố cãi lại nhưng ông thầy Bia Đá quả quyết :

— Tôi bảo thế đấy. Cậu không tin quẻ thánh dạy thì thôi, mặc cậu.

Nói về tôi, thì ông thầy Bia Đá bảo :

— Nội trong năm nay cậu sẽ bị bắt giam, nhưng không hề gì.

Phần tôi, tôi không biết đâu mà tin vì chuyện chưa xảy ra nhưng tôi rất khâm phục ông Thầy Bói mù-lòa, đã thấy rõ nỗi thắc-mắc trong lòng một nhà văn sĩ. Cuộc tình duyên của Vũ-Bằng về sau cũng xảy ra đúng y như lời Thầy Bia Đá. Còn phần tôi thì quả nhiên gần cuối năm ấy tôi bị bắt, và bị đày đi Trà-Khê.

Ở nhà thầy bói ra, Vũ Bằng bảo tôi :

— Ông thầy nói hay quá, tớ phục sát đất.

Chỉ có một lần đó là tôi nghe Vũ Bằng « phục sát đất » một người, và anh chàng không dám cãi bướng lại.

***

Hồi mới quen nhau, một buổi tối, Vũ Bằng rủ tôi với nụ cười bí mật của anh :

— Tớ dắt cậu đến một nơi thần tiên mơ mộng lắm, cậu sẽ say mê tha hồ làm thơ... Cậu ở đấy với tớ đến sáng nhé !

Tôi thực thà đi theo anh, đến một đường phố chật hẹp, bên cạnh chợ Hàng Da, hình như phố Bourret. Anh đưa tôi lên lầu, một căn lầu dài và rộng thênh thang, tối mù tối mịt, chỉ leo lét mấy ngọn đèn dầu lạc, và năm ba bóng người. Té ra đây là tiệm thuốc phiện, nơi « đi mây về gió » của anh chàng họ Vũ. Mặc dầu anh cố giữ,

tôi cũng nhất định ra về, vì tôi chịu không được mùi thuốc phiện. Tôi bảo Vũ Bằng : « *Toa* lại hỏng mất rồi ». Nhưng năm sau tôi rất ngạc nhiên thấy Vũ Bằng bỏ hẳn thuốc phiện và người béo tốt hẳn ra. Từ 39 kí, anh cân nặng lên gần 60 kí. Nhiều bạn cho rằng quyển hồi ký *TÔI CAI THUỐC PHIỆN* của Vũ Bằng là bịa đặt, nhưng tôi có thể tin rằng câu chuyện « cai » của Vũ Bằng chín phần mười là sự thật hoàn toàn. Quyển sách ấy viết có nhiệt hứng, khiến người đọc « say mê » và được các báo ở Hà Nội nói đến nhiều nhất.

Vũ Bằng chơi những cái rất lầm-cầm đối với tuổi trẻ: Chơi đồ cổ, chơi núi Non Bộ, chơi cây thế (arbres nains), ưa thân với chó, mèo và rùa.

Có một lần anh ta nuôi một con mèo con từ lúc nó mới mở mắt. Đến khi con mèo lớn lên, nó có mang rồi đẻ khó. Con mèo kêu la thảm thiết và cố rặn mãi nhưng đứa con không ra. Vũ Bằng chạy cuống lên, mời một ông Bác Sĩ Việt đến cứu con mèo. Bác sĩ bảo :

— Tôi khuyên ông về bắt con mèo làm thịt là xong chuyện.

Vũ Bằng tức mình, đi mời một cô đỡ đến đỡ đẻ cho mèo.

Tôi có kể lại cho Mộng-Sơn nghe câu chuyện con mèo của Vũ-Bằng. Mộng-Sơn cảm động có viết một chuyện ngắn rất hay về đề tài ấy, tôi không nhớ là đã đăng trong báo Việt-Nữ hay báo nào...

Vũ Bằng thích viết văn khôi hài, nhưng về « miếng ăn » anh ta không khôi hài chút nào cả. Anh thích ăn ngon và rất háu ăn. Vừa rồi, tại Saigon đây, anh có xuất bản quyển *MIẾNG NGON HÀ NỘI*, được nhiều báo khen ngợi. Có thể nói rằng cuốn sách ấy là kết quả của mấy chục năm ăn của Vũ Bằng.

Tiện đây, tôi muốn hỏi Vũ Bằng : Cả một đời Văn nghệ của anh, có lẽ nào sẽ kết cục bằng một quyển sách về « *miếng ăn* » thôi ư ?

VŨ-BẰNG TRONG VĂN-HỌC-SỬ VIỆT-NAM

Người ta phải nói đến Vũ Bằng. Trong Văn-học-sử Việt-Nam thế kỷ XX, Vũ Bằng phải có một địa vị xứng đáng. Cứ đọc hết các tác phẩm của Vũ Bằng, thì ai cũng phải công nhận rằng Vũ Bằng để lại cả một sự nghiệp văn-học nếu không nói là thật lớn lao, thì cũng là nổi bật thời Tiền chiến.

Tôi hết sức ngạc nhiên : trong « 3 chàng họ Vũ » ở Hà-Nội thời bấy giờ, người ta chỉ nhắc mãi đến Vũ-trọng-Phụng, người ta còn nói đến Vũ-đình-Chí (tác giả quyển phóng sự *TÔI KÉO XE*), mà ít ai nhớ đến Vũ Bằng. Tại sao ? So về tài thì Vũ Bằng còn hơn Tam Lang Vũ-đình-Chí về nhiều phương diện. So về văn-nghiệp thì Vũ-Bằng trước-tác cũng nhiều hơn. « *TÔI KÉO XE* » của Tam Lang là một phóng sự giả tạo, không có một căn-bản thực tế nào cả. Sáng-tác-phẩm của Vũ Bằng, trái lại, rất dồi-dào,

phong phú, chú trọng rất nhiều đến những khía cạnh phong-hóa xã-hội, và đôi khi thuần-túy văn-nghệ.

Tôi chơi thân với Vũ Bằng cũng như với Tam Lang Vũ đình Chí, tôi không có một cảm tình thiên-vị nào riêng đối với Vũ Bằng cả. Trái lại, trong tờ báo *VỊT ĐỰC*, Vũ Bằng thường chế giễu tôi. Nhưng đứng trên lĩnh vực văn-nghệ, tôi rất khó chịu thấy các nhà phê-bình cố ý hay vô tình bỏ rơi Vũ Bằng. Đó là một sự bất công đáng phàn nàn.

Tôi mong rằng sẽ có một nhà văn-học-sử nào đó ở thế-hệ Văn-học Hậu-chiến sẽ tìm đọc hết những tác-phẩm của Vũ Bằng và nhận xét khách quan về anh.

Đến nay, tôi chưa thấy một nhà văn trào-phúng nào có biệt-tài, và phong phú như Vũ Bằng.

18.— Từ-bộ-Hứa

Tôi nói tới TỬ BỘ HỨA, mặc dầu không ai nói tới anh, và chính vì không ai nói tới anh. Tôi nói tới TỬ BỘ HỨA, bởi vì anh là một thiên tài hiếm có. Tôi nói tới chàng thi sĩ đau khổ ấy bởi vì chàng là một nạn nhân của những kẻ tàn-ác đã hãm-hại một cuộc đời tài hoa.

Thế kỷ XVIII, ở Anh Quốc, có một thi sĩ tên là THOMAS CHATTERTON. Chàng mới có 18 tuổi, xuất bản được một tập thơ rồi vì nghèo đói mà uống thuốc độc nằm chết giẫy giụa ở một xó đường trong kinh thành London. Chàng chết, khiến cho cả dân chúng Luân đôn đều rơi lệ.

Sáu-mươi-lăm năm sau, thi sĩ Pháp ALFRED DE VIGNY, cảm thương số kiếp thê thảm của chàng, có soạn một vở bi kịch « *Chatterton* », lấy tên chàng làm nhan đề, và một quyển tiểu thuyết lãng mạn *STELLO*, để ca ngợi một thiên tài còn son trẻ đã sớm chán cảnh đời bội bạc, lìa cõi phong trần.

Nước Pháp cũng có một thi sĩ, ANDRÉ CHÉNIER, mới 32 tuổi, đã bị chết trên đoạn đầu đài. Chàng cũng là một thiên tài chớm nở, lúc chết có nhiều bài viết chưa xong. Lăn-xả vào các cuộc hoạt động cách mạng giữa lúc lịch sử Pháp quốc đang chìm ngập trong máu lửa oán

thù, chàng đã bị chết oan, dưới lưỡi dao độc ác của một bọn người khát máu. Tuy nhiên, chàng chưa để lại tác phẩm nào hoàn-thành, nhưng Văn học sử Pháp đã ghi tên chàng chói lọi trên Thi Đàn Thế kỷ XIX, và đôi bài thơ còn để dở dang đến ngày nay, như *LA JEUNE TARENTINE*, *L'AVEUGLE*, ta đọc lại càng bùi ngùi xúc động.

Thi sĩ TỪ BỘ HỬA của Việt-Nam cũng chung số kiếp não nùng bi thương ấy.

***

Trường Luật-khoa Hà-Nội, lúc bấy giờ ở trong hệ-thống « Trường Cao Đẳng Đông-Dương », là một nơi đào tạo nhiều nhân tài, và cũng như trường Đại học Sư phạm, là nơi qui tụ nhiều phần tử trí thức thanh niên lảng mạn nhất, thích đời sống tự do, độc lập, ham mê sách báo, văn chương, và cũng chơi bời phóng túng không ai bằng. Phần đông là những bạn trẻ tài hoa, có tâm hồn nghệ sĩ, gần như lang bạt giang hồ, sẵn sàng tự đeo vào mình chiêu bài « Bohémiens ». Cả giáo sư cũng thế. Giáo sư toàn là người Pháp, các Thạc sĩ và Tiến sĩ lừng danh, nhưng mang nặng tâm hồn của Thế kỷ, triết học theo kiểu Jean-Paul Sartre, thi sĩ theo kiểu Paul Eluard,(1) vượt ngoài lề lối mô phạm cổ điển, ôm ấp những chân trời phóng đãng, đầy nhựa sống hoan mê và đầy cả nhựa... thuốc phiện !

(1) Sinh viên, và thanh niên trí thức Hà nội đã đọc Paul Eluard và Jean-Paul Sartre từ thời Tiền-Chiến.

Chính trong thế giới thần ảo say sưa đó mà một chàng thi sĩ hoa niên nẩy nở, âu sầu hiu hắt, như một ánh hào quang nhạt mờ.

Những bạn thân của chàng cũng như các vị giáo sư trường Luật đã thấy nơi chàng một thiên tài, nhưng sẽ chỉ là một thiên tài yểu mệnh.

Tên chàng là Từ Bộ Hứa, con trai của ông Từ Bộ Thực, Bố-Chánh ở một tỉnh Bắc-Việt. Chàng bị ho lao ngay từ hồi còn đi học ở trường Trung-học. Vào Cao-đẳng Luật-khoa, Từ-Bộ-Hứa đã mang bịnh rất trầm trọng, nhưng chàng ham sống quá, ham mơ mộng quá, nên chàng đã đem hết hồn thơ mãnh liệt của chàng để chống chọi kiếp đời đen tối.

Mới 21 tuổi, chàng không được hưởng một lạc thú nào của cuộc đời huyên náo, dù là một lạc thú ngây thơ vô tội. Căn bịnh tàn ác, độc địa, hiểm nghèo, không cho phép chàng bái những cảm giác tươi xanh hoặc ửng chín trên cành đời, những cảm giác chứa đựng đầy vị ngọt tê nồng nơi đây đáng lẽ chàng được nếm đầy đủ nguồn sống say sưa của tuổi trẻ.

Rồi những đêm lặng lẽ cô đơn, trong một căn phòng lạnh lẽo của một biệt thự tối ngày đóng kín cửa ở đường Général Bichot (phố Cửa Đông), Từ bộ Hứa ca ngợi cái Buồn và cái Chết ! Chàng ca tụng những đôi mắt âm u, những nụ cười ớn lạnh. Chàng ca tụng màu sắc không men, ánh sáng không hồn. Chàng trỗi lên tiếng nhạc thiêng liêng của U-sầu, của « Spleen », để chào những bình minh

loang máu, những ngôi sao thất thểu đi lạc hướng trong trời Mơ.

***

Tập thơ *POÉSIES GRISES* bằng Pháp văn của Từ bộ Hứa ra đời, khiến cho cả làng thơ chú ý. Các giáo sư trường Đại học Luật khoa rất ngạc nhiên, không ngờ chàng sinh viên ho lao kia yếu như cây sậy, lại là một thi sĩ tuyệt vời. Chàng viết bằng Pháp văn vì đã tìm thấy trong Pháp ngữ đang thịnh-hành lúc ấy những chữ và những ý thích hợp với tâm hồn chàng.

Với tập thơ nầy, Thi-sĩ họ Từ đã hiển-hiện ra trên Thi-đàn Việt Nam như một lời hứa hẹn cao xa và đột ngột. Chàng còn viết những bài thơ Việt — chưa xuất bản — với nguồn rung cảm cuồn cuộn trong tâm hồn lở lói đau thương nhưng lúc nào cũng mãnh liệt.

Chàng đang say sưa với nàng Thơ thì một hôm chàng đọc được một bài « phê-bình » của Thế Lữ trên báo *PHONG HÓA*. Thế Lữ chế nhạo là « *THƠ XÁM-XỊT* », và « phê bình » với một giọng chanh chua ganh-ghét. Từ Bộ Hứa không trả lời, nhưng khinh-bỉ, chàng không thèm làm thơ nữa.

Mấy tháng sau, bổng dưng các báo Hà-Nội đăng một cái tin mà ai đọc cũng động lòng thương xót : Thi sĩ Từ Bộ Hứa uống 15 viên thuốc ngủ để trút nợ trần.

Người ta liên tưởng ngay đến thi sĩ Chatterton tự-tử với 10 viên độc dược.

Nhưng Từ Bộ Hứa chưa kịp chết. Người ta đã đem chàng đi bệnh viện và cứu sống lại.

Phần thì bịnh lao đã ăn sâu vào xương vào tủy, phần thì bị đời đen bạc cướp hết những phấn khởi cuối cùng, Từ bộ Hứa chỉ còn sống những ngày úa héo, để cho quên lãng được phần nào trong công việc hằng ngày, chàng vào làm sở Thương-chánh Hải-Phòng. Chàng làm Tham-tá và không còn trở lại làng thơ nữa.

***

Tình cờ tôi gặp Từ-bộ-Hứa, một buổi chiều tàn. Hai đứa ngồi dựa vào một bức tường rêu của chùa Láng, giữa cánh đồng tịch mịch. Đàn cò trắng độ năm con bay xà xa về phía sương mù. Chàng ngó tôi với đôi mắt đục ngầu, đọc cho tôi nghe gần chục bài thơ chàng làm ở Hải-Phòng mà không gởi đăng báo nào cả. Mấy dòng thơ Việt đau thương lạ lùng, mà chàng làm trong các chuyến đò bơi ngao du trên dòng sông Cấm, những « cơn thuyền say » của chàng.

Tôi hỏi chàng :

— Chừng nào anh xuất-bản mấy bài thơ đó ?

Từ-bộ-Hứa lắc đầu :

— Không bao giờ, anh ơi !

Chàng thêm bằng tiếng Pháp :

— J'en suis dégoûté ! (Tôi chán ghét lắm rồi !)

Tôi hỏi :

— Anh chán-ghét cái gì ?

— Tôi sắp chết anh ạ. Tôi không còn nhiều nhựa sống như anh, như Huy-Thông, Nhược-Pháp... Con đường của các anh là tương lai, con đường của tôi là CHẾT. Và tôi muốn chết yên tĩnh, không muốn nghe văng vẳng bên tai tiếng khóc của những người thương xót và tiếng cười ngạo nghễ của những kẻ bất lương. Tôi còn làm Thơ, không phải để tặng cho đời Sống, mà để tặng cho đời Chết. Tôi làm thơ cho mau về với đời Chết, vì tôi cảm thấy chỉ có cái Chết là nên thơ hơn cả.

Trên đường bộ về Hà Nội, màn đêm đã bao phủ. Sao Bắc Đẩu đã lóng lánh trên vòm trời.

Hai bóng người bước âm thầm trong bóng tối. Hai tiếng nói rì rầm trong tiếng gió. Từ bộ Hứa khẽ cười :

— Bác sĩ đã bảo cho tôi biết tôi chỉ còn sống được hai ba tháng nữa thôi. Lâu quá ! Lâu quá !...

Tôi nghĩ đến Ánh-sáng của sao Bắc-đẩu để bốn mươi sáu năm rưỡi mới chiếu xuống đến cõi Trần. Đêm nay thi-sĩ là một ngôi sao của thiên tài, sắp tắt, nhưng sẽ tắt luôn trong đêm tối âm-u mù-thẳm của thời gian, ánh sáng của chàng sẽ không bao giờ chiếu về ta nữa...

Đêm ấy, ngẫu-nhiên tôi được tiễn Từ-bộ-Hứa đi cuộc du lịch cuối cùng trên cõi thế !...

***

Tôi có giữ nguyên-vẹn tập thơ *Poésies Grises* của Từ-bộ-Hứa đã xuất bản. Tôi định sẽ dịch ra thơ Việt. Tập thơ có chữ ký run-run của anh trong lúc anh ho khàn

vài tiếng, rồi dừng bút. Tôi có giữ những bài thơ Việt của anh viết trên những mảnh giấy rời-rạc.

Nhưng năm 1941 tôi bị Nhật bắt, xét nhà, lấy hết hồ sơ và sách báo của tôi, trong đó có cả những bản thơ của Từ-bộ-Hứa. Tôi không làm sao tìm lại được những kho châu báu vô-giá ấy, mặc dầu tôi có nhờ nhiều người vận-động để lấy lại những hồ-sơ văn-nghệ của tôi bị nằm trong tay Kampétaï Nhật.

Nhiều bản thảo thơ và tiểu thuyết, phê-bình của tôi cũng mất luôn trong lúc tôi ở tù.

19.— Thâm-Tâm và Sự thật về T.T.Kh.

Năm 1936-37, có xuất-hiện ở phố Chợ-Hôm, ngoại-ô Hànội, một nhóm văn-sĩ trẻ với bút hiệu là Trần-huyền-Trân, Thâm-Tâm và một vài người khác nữa. Ít ai để ý đến họ. Có lẽ vì họ là những người còn quá trẻ: Huyền-Trân và Thâm-Tâm đều mới 18, 19 tuổi, và mới bắt đầu viết văn, chưa có gì đặc-sắc. Lớp văn-sĩ đi trước không chú ý đến họ.

Nhưng họ dễ thương, vui-vẻ, hồn-nhiên, an-phận ở một vị-trí khiêm-tốn, chẳng thân với ai, cũng chẳng làm phiền lòng ai. Họ sống một thế-giới riêng của họ, không chung đụng với những nhóm đã nổi tiếng ít nhiều trong làng Văn, làng Báo lúc bấy giờ.

Họ có một tờ tuần báo nhỏ, tên là *Bắc-Hà* ở phố Chợ-Hôm, nơi đây họ làm văn-nghệ với nhau, với lối tài tử hơn là chuyên nghiệp. Tờ báo *Bắc-Hà* bán không chạy lắm tuy có vài mục hài-hước vui nhờ mấy bức vẽ của Tuấn-Trình và nhiều cố gắng hứa-hẹn trên bình-diện văn-chương. Hăng-hái nhất và đóng vai chủ-động trong tuần báo *Bắc-Hà* là Trần-huyền-Trân. Thâm-Tâm, biệt-hiệu của Tuấn-Trình, vẽ nhiều hơn là viết, thỉnh-thoảng đăng một vài bài thơ, vài mẩu chuyện ngắn. Đôi khi thấy xuất

hiện trên mặt báo vài ba bài thơ có tính-cách ca-dao ái-tình của Nguyễn-Bính, học-sinh lớp Nhất, trường tiểu-học Hà-Đông. Nguyễn-Bính thi rớt, nghỉ học luôn.

Tuy không chơi thân, tôi quen biết Trần-huyền-Trân khá nhiều, vì anh ta ở trọ một căn nhà trong ngõ Khâm-Thiên, phía sau chợ. Tôi ở một gác trọ cuối đường Khâm-Thiên, gần Ô Chợ-Dừa. Thường đi một con đường nên chúng tôi thường gặp nhau và quen nhau. Đôi khi Trần-huyền-Trân nhờ tôi viết bài cho tuần báo *Bắc-Hà* « cho vui » vì không có tiền nhuận-bút. Để tỏ tình thông-cảm văn-nghệ, tôi có viết một chuyện ngắn khôi-hài và chỉ có một lần. Trong một số báo đặc-biệt Mùa Hè, Tuấn-Trình có vẽ một cặp Bạch-Nga bơi trên Hồ Hoàn-Kiếm và ghi ở dưới :

« Nguyễn-Vỹ và Mộng-Sơn »

Tôi quen biết Tuấn-Trình là do Trần-huyền-Trân giới thiệu. Nhà anh ở Chợ-Hôm, cách chợ độ ba bốn trăm thước. Anh đẹp trai, y-phục lúc nào cũng bảnh-bao, người có phong-độ hào-hoa, lịch-thiệp. Tôi thấy ở Sàigòn có Anh Hoàng-trúc-Ly, nhà văn, giống na-ná Tuấn-Trình về dáng điệu cũng như tính tình, tư-cách. Nhiều khi gặp Hoàng-trúc-Ly trên đường Bô-Na, Sàigòn, tôi quên lửng, cứ tưởng gặp Tuấn-Trình trên phố Chợ-Hôm, Hànội.

Một buổi chiều gần tối, Tuấn-Trình đi lang-thang gần chợ Khâm-Thiên. Tôi từ Hànội về nhà, tưởng anh ta đến Trần-huyền-Trân, nhưng anh bảo : « Thằng Huyền-Trân nó đi đâu, không có nhà ». Tôi rủ anh về gác trọ của tôi ở cuối phố. Hôm ấy tôi có vài chục bạc trong túi, có thể

làm một tiệc bánh giò chả lụa với Tuấn-Trình. Tôi bảo anh ở lại ngủ với tôi cho vui.

Đêm ấy cao-hứng, Tuấn-Trình ngà-ngà say rượu Văn-điển, kể chuyện tình của anh với cô Khánh cho tôi nghe.

Trần-thị-Khánh là một cô học-trò lớp Nhất trường tiểu-học Sinh-Từ. Thi hỏng, cô ở nhà giúp mẹ làm việc nội-trợ. Nhà cô cũng ở đường Sinh-Từ, ngay cạnh Thanh giám, nơi đền thờ Khổng-Tử. Thanh-giám là một thắng-cảnh Hànội, đã liệt vào cổ-tích Việt-Nam, xây cất từ đời nhà Lý, tu bổ dưới đời nhà Lê, hình chữ nhật, chung quanh xây tường đá ong, cao độ hai thước. Đền thờ ở trong cùng, trước đền có Hồ Tròn, hai bên hồ có dựng nhiều tấm bia ghi tên các Tiến-Sĩ đời nhà Lê. Vào Thanh-giám, có cổng Tam-quan lớn, trước cổng có tấm bia đề hai chữ Hán : « *Hạ mã* », và hai trụ cao. Trong vườn trồng rất nhiều cây cổ-thụ và các cây kiểng, nơi đây rất yên-tĩnh và mát-mẻ, cũng là nơi các cặp trai gái hẹn-hò tâm-sự. Trước kia có một bầy quạ chiều tối bay về đây ngủ, cho nên người Pháp cũng gọi là « *Pagode des Corbeaux* » (chùa Quạ) ngoài danh-từ lịch-sử « Temple de Confucius ».

Cô nữ-sinh Trần-thị-Khánh là một thiếu-nữ đẹp, nét đẹp mơn-mởn của cô gái dậy thì, thùy-mị, nết-na, nhưng không có gì đặc-biệt. Tuấn-Trình có người cô, nhà ở phố chợ Cửa Nam, gần Sinh-Từ. Anh thường đến đây và thường trông thấy cô Khánh đi chợ mỗi buổi sáng. Lúc ấy vào khoảng tháng 2, năm 1936, họa-sĩ Tuấn-Trình (tên gọi hồi đó) mới 19 tuổi, và cô Khánh 17 tuổi, thi rớt Tiểu-Học và đã nghỉ học từ Mùa Hè năm trước. Tuấn-Trình cũng

mới bắt đầu vẽ và viết chút ít trong tờ tuần báo Bắc-Hà của Trần huyền Trân vừa xuất-bản.

Sau một vài tháng theo dõi, Tuấn-Trình làm quen được với cô Khánh và gởi báo *Bắc-Hà* tặng cô. Cô gái 17 tuổi, cảm mến người nghệ-sĩ tài-hoa, tình-yêu chớm nở như cành hoa Antigone trắng cũng vừa chớm nở trong tháng đầu Hè trước sân cô.

Antigone là loại hoa của người Pháp đem qua hồi đầu Thế-kỷ, không thơm nhưng đẹp. Nó là loại hoa dây, lá giống như lá nho, cho nên ở Miền Nam, nhiều người gọi là hoa nho. Nó có hai loại, loại hoa trắng và hoa hồng. Hoa nở vào đầu Mùa Hè, thành những chùm rất dễ thương, nụ hoa giống hình trái tim nho nhỏ. Ở Hà Nội người ta trồng rất nhiều và bán cũng rất nhiều trong chợ Đồng-Xuân, cũng như ở chợ Hoa, bờ hồ Hoàn-Kiếm Cắm nó vào lọ để phòng khách, nó buông ra một vẻ đẹp lãng-mạn, khả-ái lắm. Người Bắc gọi tắt là hoa Ti-Gôn. Ở phố Sinh Từ, Antigone mọc rất nhiều, như trước sân nhà ông Nguyễn-văn-Vĩnh và Nguyễn-nhược-Pháp. Nhà trọ của Lưu-trọng-Lư và Lê-Iràng-Kiều ở phố Hàm-Long có cả một giàn hoa trắng và hồng. Nhưng mùa đông lá rụng, hoa tàn, thì không cảnh nào tiêu-sơ quạnh quẽ bằng.

Tình-yêu của Tuấn-Trình và Trần-thị-Khánh chớm nở ngay lúc những chùm Antigone vừa hé nụ, và chết trong những ngày giữa mùa Đông năm đó, trong lúc giàn hoa Ti-gôn úa tàn, rụng ngập đầy sân.

Thời kỳ mơ-mộng ngắn ngủi trong mấy tháng Hè,

sang hết Mùa Thu, không đem lại chút thỏa mãn nào cho tâm-hồn khao khát của Tuấn-Trình. Chính lúc nầy Tuấn-Trình lấy bút-hiệu là Thâm-Tâm và cho cô Khánh biết : « *Hình ảnh của em, anh ghi sâu vào thâm-tâm anh* ». Trong bài « *Màu máu ti-gôn* », cũng có câu :

Quên làm sao được thuở ban đầu,
Một cánh ti-gôn DẠ khắc SÂU !

Một vài bài thơ tình thức đêm làm tặng cô Khánh, những bài thơ đầu tiên đăng trên tuần báo *Bắc-Hà*, đều ký là THẨM-TÂM, nhưng các tranh vẽ trong báo vẫn ký Tuấn-Trình. Nhưng cô gái 17 tuổi, dè-đặt theo lễ giáo nghiêm-khắc của gia-đình, chưa thật bao giờ đáp ứng đúng với tình yêu tha-thiết của Tuấn-Trình Thâm-Tâm Đó là điều đau-khổ triền-miên của chàng nghệ-sĩ 19 tuổi. Trong lúc những cặp tình-nhân trẻ-trung dắt nhau đi dạo-ngoạn khắp nơi thơ mộng ở Hànội và ngoại-ô : Hồ Tây Chùa Láng, Bạch-Mai, Phúc-Trang, Đền Voi-Phục... thì Trần-thị-Khánh cứ phải từ chối những lời mời của Thâm-Tâm. Cô thường nói : « Thầy mẹ em NGHIÊM lắm, gia-đình em NGHIÊM lắm... » Lần nào cô Khánh cũng lặp lại chữ NGHIÊM gia-giáo ấy để trả lời kỳ-vọng khát-khao của người yêu.

Chỉ được hai lần Khánh đến nơi hẹn, nhưng không được lâu. Lần thứ nhất, một đêm trăng, Khánh lẻn băng qua đường, vào vườn Thanh-giám. Tuấn-Trình đã chờ người yêu nơi đây, dưới bóng cổ thụ. Nhưng cô Khánh run cả người (theo lời Tuấn-Trình kể lại) cậu cũng lính quýnh, tất cả những câu bay bướm cậu sắp sẵn để nói

với nàng, bấy giờ cậu quên mất hết. Một lúc lâu, Tuấn Trình mới nói được mấy lời tình-tứ, nhưng lại trách móc, nghi-ngờ, nàng không yêu mình. Nàng bảo : « Em không yêu anh sao dám ra đây gặp anh ? Nhưng vì Thầy Me em nghiêm lắm, anh ạ. »

Tuấn-Trình hỏi chua-chát : « — Giờ phút nầy chỉ có thơ và mộng, chỉ có anh với em, ánh trăng đẹp của hai đứa mình có *nghiêm* không nhỉ ? ». Có lẽ vì bất-bình câu nói mỉa mai của người yêu, Khánh lặng yên một phút rồi đáp : « Ánh trăng đẹp, nhưng vẫn nghiêm đấy, anh ạ. »

Cuộc gặp gỡ đêm đấy, chỉ lâu không đầy một tiếng đồng-hồ. Tuấn-Trình đặt một chiếc hôn âu-yếm trên bàn tay của Khánh trước lúc nàng vội vã chạy về nhà.

Lần thứ hai, hai cô cậu cũng gặp nhau trong vườn Thanh (nhiều người sau nầy nói Thanh là Thanh-Hóa, là hoàn toàn sai sự thật). Vườn Thanh-Giám đêm ấy cũng ngập ánh trăng Thu. Nhưng thái-độ của Khánh lạ-lùng khó hiểu. Hình như Khánh muốn nói với Tuấn-Trình một điều gì, nhưng ngại ngùng không nói. Chàng lặng-lẽ vuốt mái tóc huyền của Khánh rồi khẽ bảo : « Ước gì anh được yêu em như thế nầy mãi mãi... »

Nàng buồn bã hỏi : « Anh định bao giờ đến xin Thầy Me cho chúng mình... » Chàng họa-sĩ bối rối trước câu hỏi bất ngờ. Chàng lơ-đễnh bảo : « Anh chưa nghĩ đến việc ấy, vì... »

Câu chuyện bị bỏ dở nơi đây. Khánh không hỏi gì hơn nữa. Chàng nắm tay nàng đi dạo quanh hồ nước

xanh rì lăn-tăn gợn sóng. Chàng đứng lại, khẽ kéo Khánh vào lòng, nhưng nàng khẽ buông ra. Tuấn-Trình âu-yếm nhìn nàng : « Em ! » Khánh mãi cười : « Anh bảo gì ? »

— Hình ảnh của em, nụ cười của em, sẽ mãi mãi ghi sâu vào lòng dạ của anh, vào thâm tâm anh.

Trần-thị-Khánh bẽn lẽn cười như để tạ ơn và xin từ giã

Tuấn-Trình trằn trọc suốt đêm. Khánh muốn giấu chàng một điều gì quan-trọng chăng ? Tình-yêu giữa hai người vẫn nguyên-vẹn, thư-từ qua lại vẫn âu-yếm, nhưng Tuấn-Trình bắt đầu thấy lòng buồn bã băn khoăn khi giàn hoa ti-gôn bắt đầu héo rụng trong nắng úa tàn Thu.

Thế rồi một hôm, chàng họa-sĩ đa-tình nhận được một bức thư của người yêu —, không, của người hết yêu, — báo tin nàng sắp lấy chồng.

Thư viết bằng mực tím, trên bốn trang giấy học-trò, xé trong một quyển vở Nam-Phương Hoàng-hậu (loại vở học-trò rất thông dụng lúc bấy giờ). Thư do một cô bạn gái của Khánh đem đến tòa báo *Bắc-Hà* trao tận tay Tuấn-Trình. Cô bạn gái hỏi « ông Tuấn-Trình » chứ không gọi Thâm-Tâm.

Ngoài bao thư cũng đề : *Monsieur Tuấn-Trình* (chữ Mr bằng tiếng Pháp), nét chữ quen thuộc của T.T Khánh. Đại-khái Khánh nhắc lại tình-yêu « thơ-mộng » của cô với người « nghệ-sĩ tài hoa son trẻ » (những chữ cô dùng trong thư), tình-yêu rất đẹp, nhưng vì Thầy Me của cô rất « *nghiêm* », theo lễ-giáo, nên dù người vị hôn-phu

của cô là một người chỉ mới biết sơ thôi, nhưng cô vẫn có bổn phận « giữ tròn chữ hiếu, không đám cãi lời Thầy Me đặt đâu ngồi đấy, v.v... » Cô nói cô buồn lắm vì tình-yêu dang-dở, « em vẫn yêu anh mãi mãi ! không bao giờ quên anh, nhưng « van » anh đừng giận em, thương-hại em, chứ đừng trách móc em v.v... » Cô than thở đời cô khổ nên tình-duyên ngang trái, cô khóc suốt đêm, v.v...

Khánh không nói một câu nào về người vị hôn-phu không cho biết ngày cưới, và cuối thư ký tắt : KH.

Bức thư của KH. chấm dứt một cách đột ngột cuộc tình-duyên thật sự không mấy « thơ mộng » của Họa-sĩ Tuấn-Trình và cô Trần-thị-Khánh.

***

Sau do sự dọ hỏi vài người quen ở phố Sinh-Từ, Tuấn-Trình được biết chồng cô Khánh là một nhà buôn giàu có ở phố Hàng-Ngang, 39 tuổi, góa vợ và không có con. Trong câu thơ « — *Bên cạnh chồng Nghiêm luống tuổi rồi* » chỉ sự cách biệt tương-đối giữa tuổi 39 của người chồng với tuổi hãy còn vị-thành-niên của cô Khánh. Đó chỉ là nhận-xét chủ-quan và mỉa mai của Thâm-Tâm, so sánh tuổi mình 20 với người đàn ông được diễm phúc làm chồng cô Khánh, nhưng trên thực-tế và theo lời những người hàng xóm ở phố Sinh-Từ nói với Tuấn-Trình thì người chồng cô Khánh « giàu sang và trẻ đẹp » chứ không phải một ông già. Tuấn-Trình cũng nhìn nhận rằng một người nhà giàu 40 tuổi, đẹp trai, không thể là một ông già.

Đám cưới đã nhờ mối lái qua lại từ lâu, và đồ sinh lễ có kiềng vàng, xuyến, nhẫn, vòng, kim-cương, quần-áo hàng lụa quí giá cả. Rước dâu bằng 10 chiếc xe Citroen mới, cô dâu đeo nữ-trang rực-rỡ, mặc chiếc áo cưới màu đỏ tươi, lộng-lẫy ngồi trong xe hoa như nàng công-chúa ngồi cạnh người chồng mặc áo gấm xanh. Đêm trước hôm cô Khánh lên xe hoa, Thâm-Tâm có tổ-chức tại tòa báo *Bắc-Hà* một tiệc thịt chó, uống Mai-quế-Lộ, mời Trần-huyền-Trân, Nguyễn-Bính và Vũ-trọng-Can tham dự. Họ say sưa, ngâm thơ, làm thơ, cười đùa cho đến khuya rồi lăn ra ngủ trên đất.

Người đau khổ trong cuộc tình-duyên dang-dở nầy không phải là cô Khánh. Trái lại, cô có đầy đủ hạnh-phúc với người chồng rất chiều chuộng cô. Trần-huyền-Trân đã gặp cô đi hí-hởn với chồng vào ăn kem ở tiệm Blanche-Neige (kem Bạch-Tuyết), Bờ Hồ, hai lần. Hai ông bà nhìn nhau và cười với nhau ra vẻ âu-yếm lắm. Khánh đã có thai, được chồng săn sóc nâng đỡ lện chiếc xe nhà Citroen, lúc ra về, còn đi một vòng quanh Hồ Hoàn-Kiếm. Trần-huyền-Trân kể lại cảnh âu-yếm đó cho Tuấn-Trình nghe và kết-luận : « Con Khánh nó cho cậu leo cây, cậu còn si nó làm gì nữa, thêm tủi nhục. »

Người đau-khổ dĩ-nhiên là Tuấn-Trình THÂM-TÂM.

Chàng yêu nhớ đơn-phương với mặc cảm của một nghệ-sĩ nghèo bị người yêu bỏ rơi, lại còn bị mấy thằng bạn trẻ chế nhạo đùa bỡn, nhất là Vũ-trọng-Can.

Vì một chút tự-ái văn-nghệ, đối với mấy người bạn kia, Tuấn-Trình đã phải thức một đêm, theo lời anh,

làm một bài thơ đề là « *HAI SẮC HOA TI-GÔN* » ký *T.T. KH.* với thâm-ý đề Trần-huyền-Trân và Vũ-trọng-Can tin là của Khánh làm, để thương-tiếc mối tình tan vỡ. Muốn giữ tính-cách bí-mật, Tuấn-Trình dán kín bao thư rồi nhờ cô em họ, con gái của người cô ở phố Cửa Nam, mang thư đến tòa báo. Cũng chính cô em họ đó đã chép giùm bài thơ với nét chữ con-gái dịu-dàng của cô, để khỏi bị nghi ngờ. Cho nên giọng thơ hoàn toàn là giọng thơ lãng mạn của Tuấn-Trình, và lời thơ khác hẳn những lời tâm-sự trong bức thư cuối-cùng của KH. báo tin sắp lấy chồng. Cô Khánh không biết làm thơ. Cô chưa bao giờ làm thơ cả ! Và cô ghét những bài thơ của Thâm-Tâm nữa là khác. Tuấn-Trình đã nói quả-quyết với tôi như vậy, sau khi nhận được một bức thư của Khánh, bức thư cuối cùng, tỏ ý KHÔNG BẰNG LÒNG anh mượn tên cô để làm thơ kể chuyện tình duyên cũ, có thể làm hại đến cuộc đời của cô. Trong thư PHẢN-ĐỐI đó, Khánh xưng TÔI chứ không xưng EM như những thư trước, để chấm dứt trò chơi vô ích ấy. Thâm-Tâm lấy những lời nghiêm-khắc giận dữ của người yêu cũ để làm ra « *BÀI THƠ CUỐI CÙNG* » :

TRÁCH AI mang cánh ti-gôn ấy,
Mà viết tình xưa ĐƯỢC ÍCH GÌ ?
. . . . . .
BÀI THƠ đan áo nay RAO BÁN,
CHO KHẮP NGƯỜI đời thóc mách xem.

LÀ GIẾT ĐỜI nhau đấy, BIẾT KHÔNG ?
Dưới giàn hoa máu, tiếng mưa rung.

Giận anh tôi viết dư giòng lệ,
Là chút dư-hương điệu cuối-cùng.

Từ nay anh hãy BÁN THƠ ANH,
VÀ ĐỂ YÊN TÔI với một mình.
Những cánh hoa lòng, HỜ ĐÃ BỎ,
Còn đem mà ĐỔI LẤY HƯ-VINH.

Cô Khánh « TRÁCH » người cũ không những đem chuyện tình xưa ra viết chẳng « ĐƯỢC ÍCH GÌ » lại còn làm BÀI THƠ đi « RAO BÁN » cho người đời THÓC MÁCH mua xem. Như thế là ANH « GIẾT ĐỜI TÔI, anh CÓ BIẾT KHÔNG ? » Anh đem BÁN THƠ để kiếm chút « HƯ VINH », nhưng chuyện xưa ĐÃ BỎ rồi, anh hãy ĐỂ TÔI YÊN !...

Thâm-Tâm lấy gần hết chữ và nghĩa trong bức thư đoạn-tuyệt tàn-nhẫn của Trần-thị-Khánh làm bài thơ *CUỐI CÙNG* đó mà vẫn ký *T.T.KH.*, một lần cuối cùng. Rồi, để đáp lại, chàng làm một bài ký tên THÂM-TÂM và cũng là bài cuối cùng, mỉa mai, chua-chát :

. . . . . .
Đây bài thơ chót KÍNH DÂNG TẶNG BẠN.
Và thành chúc đời em luôn tươi sáng,
Như mộng kiều đầm-ấm tuổi xuân-xanh,
Như hương-trinh bát ngát ý dịu-dàng.
Hoa nhạc mới triều dâng tơ Hạnh-phúc.
. . . . . .

Trên phương-diện văn thơ cũng như tình-cảm, ta chỉ thương-hại Thâm-Tâm, nhà thơ trẻ, hãy còn ngây thơ

với tuổi 19, đầy thơ-mộng, cứ tưởng rằng cô Khánh vẫn thành-thật yêu chàng, rằng cô bị cha mẹ ép gả cho một « ông già », nhưng cô vẫn giữ mối tình thiêng-liêng chung thủy với người nghệ-sĩ tài-hoa. Cho nên tưởng làm vui lòng người yêu, chàng lấy tên nàng để ký dưới bài thơ thương-tiếc, với những câu tình-tứ như :

Từ đấy thu rồi thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ ?
Chồng tôi vẫn biết tôi thương-nhớ,
Người ấy cho nên vẫn hững-hờ.

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi, người ấy có buồn không ?
Có thầm nghĩ tới loài hoa vỡ,
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng ?

. . . . . .

Cho tôi ép nốt dòng dư-lệ,
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.

. . . . . .

Nhưng chàng thi-sĩ si-tình có ngờ đâu không những cô Khánh không hề tỏ chút gì cảm-động vì mối tình đau-khổ, thủy-chung của chàng, hoặc cảm ơn những bài thơ an-ủi của chàng, mà trái lại cô còn gởi một bức thư vô cùng tàn-nhẫn, hằn-học, nào là : « Anh giết đời tôi, anh biết không ? » nào là anh mang chuyện cũ ra viết « chẳng ích gì », cô lại còn tỏ ý khinh rẻ : « từ nay anh cứ đem thơ anh đi bán rao để kiếm chút hư-vinh, nhưng anh hãy để tôi yên », v.v...

Bấy giờ Thâm-Tâm mới thức tỉnh, tìm lời bào chữa cho mình ! Nào là :

...Anh biết cái gì xưa đã chết,
Anh càng buồn, càng muốn viết thành thơ.
Nhưng thôi,
Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.

Thâm-Tâm tự hạ mình viết « *kính dâng tặng bạn* » có ý xin lỗi chua chát người không phải là người yêu của mình nữa, và chàng đã viết :

Chim muốn bay, cũng giữ chẳng được nào !

(Nàng đã không muốn yêu nữa, thì giữ làm sao được ?)

Và :

Có gì đâu, khi bướm muốn xa cành !

Thâm-Tâm không những đã tỉnh ngộ, mà lại còn uất-hận vì thái-độ khinh bạc của cô Khánh :

Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá,
Nhưng lòng ANH đã BÌNH-THẢN lại rồi,
Hết đau-buồn và cảm thấy sục-sôi,
Niềm UẤT-HẬN của một thời lạc lối.
Lấy nghệ thuật làm trò hề múa rối,
Đem tài-hoa cung-phụng sóng mắt huyền,
Để khẩn cầu xin một nụ cười duyên.

Thâm-Tâm tự thú nhận : LẤY NGHỆ-THUẬT VĂN THƠ để làm trò hề múa rối, (vì sự thật chẳng có gì cả)

trong mấy bài thơ ký tên T.T.KH. với mục-đích « *Đem tài hoa cung-phụng sóng mắt huyền, để khẩn-cầu xin một nụ cười duyên* ».

Để rồi, mỉa mai thay, nhận những lời khinh khi ngạo-mạn, và hằn-học của nàng. Đó là « *Niềm uất-hận* » của Tuấn-Trình trong một thời « lạc lối » (lầm đường lạc lối).

Nhưng : « Thôi, em nhé, từ đây anh cất bước,
Em yên lòng vui hưởng cuộc đời vui... »

Chàng hứa chấm dứt « *trò hề múa rối* » về văn thơ. Và nàng không mong gì hơn.

Để tôn-trọng thực-tế của những sự-kiện đã qua trong Lịch-sử hay trong Văn-học, để đừng xuyên-tạc những chuyện không có, phải nói ngay rằng tên T.T.KH. không hề gợi một dư-luận nào « xôn xao » ở thời Tiền-chiến, và cuộc tình-duyên của Tuấn-Trình (Thâm-Tâm) với cô Trần-thị-Khánh không hề gây một xúc-động nào về tâm-lý cũng như về Văn-chương trong giới Văn-nghệ và giới Trẻ thời bấy giờ.

Tôi chắc rằng những nhà Văn Thơ Tiền-chiến ở Hà nội hiện còn sống tại Sàigòn, như các anh Vi-huyền-Đắc, Lê-Tràng-Kiều, Tchya, Vũ-Bằng, v.v... (cả các anh Nhất-Linh và Lê-văn-Trương vừa tạ thế mấy năm trước) đều phải hết sức ngạc-nhiên thấy một vài người của thế-hệ Hậu-chiến ở Sài-gòn bỗng dưng tôn-sùng ba tên T.T.KH. thành một thần-tượng, và biến mối tình rất tầm thường, có thể nói là quá tầm-thường, của cô học-trò cũ trường Tiểu-học Sinh-Từ, thành một thảm-kịch của tình-yêu !

Nguyễn-nhược-Pháp, nhà ở gần nhà cô Khánh, chỉ cách 5, 6 căn, mà cũng không hề nghe nói đến cô nầy, và cũng không biết một tí gì về mối tình của một Họa-sĩ kiêm Thi-sĩ, Tuấn-Trình hay Thâm-Tâm, xảy ra cùng dãy phố với anh.

Cũng như người đàn bà tên Mộng-Cầm, hiện là vợ một Giáo-chức ở Phan-rang, đã phủ-nhận những chuyện người ta thêu dệt về mối tình bạn của Bà, lúc còn là nữ-y-tá, với Thi-sĩ Hàn-mạc-Tử (Phổ-Thông tạp chí, số 63, ngày 15-8-1961.)

« Tôi không thể yêu được một người bị bịnh cùi ! » Bà Mộng-Cầm đã thẳng thắn nói thế, không thể trách bà được.

20.— Vũ-ngọc-Phan

VŨ-NGỌC-PHAN thuộc về một nhóm thiểu số mà các giới văn nghệ Tiền chiến thường gọi là « Nhà văn trưởng giả », và chính nhóm ấy cũng không phải không hãnh diện tự nhận mình là « Nhà văn trưởng giả ».

Thi đỗ Tú Tài toàn phần xong, anh cưới con gái ông LÊ-DƯ, ở phố Hàng Bông. Lê-Dư là một nhà Nho-học Quảng Nam, theo cụ Phan-Bội-Châu xuất-dương sang Tàu để làm cách mạng. Nhưng không bao lâu, Lê-Dư phản bội các đồng chí, trở về nước đầu thú với chính phủ thuộc địa, và được cho vào làm việc ở trường Viễn-Đông Bác-Cổ Hà Nội. Ông Lê Dư có cô con gái lớn, tên là LÊ THỊ HẰNG-PHƯƠNG, được ông dạy chút ít chữ Hán ở nhà, rồi đi học chữ Pháp tới lớp Nhứt, thi Tiểu-học rớt ở nhà luôn. Vũ-ngọc-Phan quen với cô nầy hồi còn đi học. Khi cưới xong, hai vợ chồng dọn về ở một biệt-thự xinh-xắn tại Huyện-lỵ Hoàng-Long, phía sau dinh Hoàng-Cao-Khải, gần ấp Thái-Hà. Những người quen biết Vũ ngọc Phan đều không ai ngờ rằng anh trở thành nhà văn, vì ngay từ lúc còn đi học anh không tỏ ra sốt sắng ham chuộng nghề ấy tý nào. Nhưng vì sức khỏe kém lắm, người anh ốm teo, và hình như có triệu chứng ho lao, cho nên thi đỗ Tú Tài xong, anh không vào làm việc các công sở. Ông Lê-Dư xin cho anh vào giúp việc trong

tạp chí « *Revue Franco-Annamite* » của ông ERNEST BABUT « *tạp chí Pháp-Việt* » mỗi tháng ra một kỳ, ở phố Hàng Bông.

Ông Babut là một người Pháp ở đảng Xã-hội, bạn thân với ông MARIUS MOUTET, và cụ PHAN CHÂU TRINH. Chính ông đã vận động cho cụ Phan châu Trinh khỏi bị tội xử tử theo bản án của triều đình Huế, và sau khi cụ Phan bị đày đi Côn-đảo, chính ông đã vận động cho cụ được trả tự do và sang ở bên Pháp. Ông Babut cũng là bạn của cụ PHAN BỘI CHÂU và tất cả các nhà chí sĩ xuất dương sang Tàu và Nhựt. Do đó mà ông cũng chơi thân với ông Lê Dư, mặc dầu ông nầy đã về quy thuận và hợp tác với chính phủ Bảo hộ.

Nhờ nhạc-phụ tiến dẫn, cậu Tú-Tài ốm yếu mảnh khảnh Vũ-ngọc-Phan được ông Ernest Babut nhận vào làm việc trong tòa soạn của ông. « *Revue Franco-Annamite, — Pháp-Việt tạp chí* » là một nguyệt san chính trị, xã hội, kinh tế và văn học, viết một nửa bằng Pháp ngữ, một nửa bằng Việt ngữ. Vũ ngọc Phan coi về phần Việt ngữ, dịch bài luận thuyết của ông Babut ra Việt văn, dịch một tiểu thuyết của Tolstoï ANNA KARÉNINE, phê bình sách, và viết tin tức trong tháng. Ngoài ra, anh không sáng tác gì nữa.

Ngày hai buổi, anh ngồi trên chiếc xe kéo nhà sơn đen, do một anh phu xe kéo từ huyện Hoàng-Long xuống Hà-Nội, xa chừng 16 cây số, Anh vào tòa báo ngồi làm việc như một ông Tham, ông Phán. Đến giờ, xe kéo anh về. Do đó, các giới văn nghệ Hà-Thành gán cho anh cái chiêu bài « Nhà văn quan-liêu ». TRƯƠNG TỬU

phê bình sách Vũ-ngọc-Phan một câu lý thú là « Ecrivain malgré lui », cũng như thời nay gọi là Nhà văn « Nhảy dù ». Tuy vậy, tôi thấy anh « nhảy dù » đúng địa-điểm.

Ít nói, tánh tình điềm đạm, tư cách nho nhã, tư tưởng hoàn toàn bảo thủ, anh ít giao thiệp với các bạn làng văn, ít đi chơi bời với họ. Ngoài giờ làm « công chức » ở tòa báo ông Babut, anh về nhà với vợ, sống cuộc đời bình thản, an phận, ít đọc sách, không viết văn. Chị Hằng Phương, vợ anh, hồi còn con gái, có làm vài ba bài thơ tình, tặng Vũ-ngọc-Phan. Từ khi thành hôn với « cậu », — chị không làm thơ nữa và cũng không bao giờ viết văn.

Thỉnh thoảng đến nói chuyện chút ít về chính trị với ông Ernest Babut tại tòa báo, tôi gặp Vũ-Ngọc-Phan, nói chuyện qua loa thế thôi. Có một lần, anh ở tòa soạn về buổi trưa, đỗ xe kéo trước cổng nhà tôi ở Nam-Đồng. Anh ghé vào hỏi tôi quyển tiểu-thuyết « *Đứa con Hoang* » tôi vừa xuất bản, để anh giới thiệu trong *PHÁP VIỆT TẠP CHÍ*. Một lần khác, ANH THƠ vừa xuất bản *BỨC TRANH QUÊ*, có đưa tôi một quyển để trao tặng Vũ-ngọc Phan và muốn tôi nhờ anh viết bài phê bình hộ. Hôm ấy nhằm ngày chủ nhật, tôi rủ Anh Thơ đi với tôi vào nhà anh. Nhưng Anh Thơ nhút-nhát, không dám gặp họ Vũ. Chiều mát, tôi một mình vào anh, gặp cả hai vợ chồng. Chị Vũ-ngọc-Phan xem vài bài trong tập *BỨC TRANH QUÊ*, rồi hỏi tôi :

— Sao không có thơ lục bát nhỉ ?

Thấy tôi cười tủm tỉm, Vũ ngọc Phan bảo vợ :

— Đây là thơ mới.

Tôi có cảm tưởng cặp vợ chồng trẻ nầy đã già hơn thời-đại

Vũ-ngọc-Phan phê bình tập thơ của Anh Thơ như thế nào, tôi không thường xem *PHÁP VIỆT TẠP CHÍ*, nên không được biết.

Vũ-ngọc-Phan càng ngày càng ốm. Ở Hà-Nội lúc bấy giờ tôi thấy Nguyễn-Tiến-Lãng đã ốm teo, mà Vũ-ngọc-Phan lại còn ốm hơn tác giả « *INDOCHINE LA DOUCE* ». Nhiều bạn bảo rằng Vũ-ngọc-Phan đã gầy còm như thế mà còn hút thuốc phiện nữa. Tôi không tin, vì anh ta coi bộ ho-lao chắc không dám làm bạn với nàng Tiên Nâu.

Theo tôi, có lẽ chính tại vì anh viết báo, trong PHÁP VIỆT TẠP CHÍ, mỗi kỳ anh phải dịch một bài luận thuyết về chính trị của ông Babut ra Việt văn, và một hai bài thời sự. Ngoài ra, anh còn phải dịch đăng sáu bảy trang bộ truyện ANNA KARÉNINE, rồi còn « phê bình » sách, viết tin tức, v.v... Một mình anh phụ trách cả phần Việt ngữ, chắc là không lợi cho sức khỏe của anh.

Sau nầy, nghe nói anh có gom góp các bài phê bình đã đăng trong PHÁP VIỆT TẠP CHÍ, xuất bản thành sách. Theo những bài mà tôi đã đọc trong báo thì tôi nhận thấy anh phân tách các Văn-phẩm theo phương-pháp máy-móc quá, Điều đó, không có chi lạ, nếu biết rằng anh đã đỗ Tú-Tài Toán. Anh không có tinh-thần văn-nghệ. Mặc dầu anh có thiện-chí và vô-tư. Vũ ngọc Phan có lương-tâm nghề-nghiệp (Conscience professionnelle) nhưng ông thiếu lương-năng nghệ-thuật (Conscience artistique).

Về tài-năng phê-bình, anh thua Trương Tửu rất xa, cho nên anh không muốn nói đến Trương Tửu trong những bài « phê bình » của anh.

Vũ-ngọc-Phan dịch bộ truyện ANNA KARÉNINE của LÉON LOLSTOI (anh dịch là KHA-LỆ-NINH) hết sức công phu. Nhưng anh làm công việc ấy không có hứng thú, theo như lời anh nói. Vì anh chăm chỉ dịch cho sát nghĩa, nhiều đoạn theo đúng như văn Pháp, chú trọng đến cốt chuyện mà không diễn tả hết tư tưởng sâu đậm của tác giả. Tolstoï viết văn rất duyên dáng, dù là những giải phẫu tâm lý, triết lý, cũng vẫn phơn phớt màu sắc văn hoa, tế nhị, êm đềm. Vũ ngọc Phan không sao lột hết những màu sắc ấy được.

Cho nên, theo nhận xét riêng của tôi, dù anh có dịch hết bộ truyện ANNA KARÉNINE, anh cũng chỉ dịch được một nửa mà thôi.

Cả đến bộ sách « phê bình » của anh cũng thế.

Danh-từ tổng quát « *Nhà văn hiện-đại* » anh dùng làm tên sách của anh, đã là một sai-lầm quá lớn lao. Sách anh chỉ « phê bình » một số nhà văn Tiền-chiến từ 1920 đến 1940 mà thôi. Vả lại, anh chỉ « phê bình » nhà văn theo một vài khía-cạnh nào đó, theo nhận-xét của anh, mà không nghiên-cứu toàn-diện.

« Nhà văn hiện-đại » phải bao gồm văn-học sử của cả Thế-kỷ XX, chứ không phải 1 phần năm Thế kỷ. Cho nên giá-trị phê-bình của anh cũng chỉ tương xứng với một phần nhỏ trong Văn-học Hiện Đại.

Sự-nghiệp « phê-bình » của Vũ-ngọc-Phan giống như một bài luận làm dở-dang của một cậu học trò vội nộp cho thầy giáo vì thiếu khả-năng và thiếu thì-giờ.

21.— Trần-tuấn-Khải

Tôi đọc « *Bút Quan Hoài* » của Trần tuấn Khải từ lúc còn nhỏ, thuộc lòng hai bài :

Hỡi cô bán Nước kia ơi,
Dừng chân đứng lại cho tôi nhủ cùng.
Trời hè đương lúc nấu-nung,
Nước đâu cô nỡ dứt lòng bán rao ?
Bây giờ thiên hạ khát khao,
Khô gan ráo cổ kêu gào Nước luôn.
Thế mà cô cậy có khôn,
Thừa cơ đem Nước bán buôn kiếm lời.
Nước là của quý, cô ơi,
Xưa nay không Nước, dễ đời còn cô ?
Một mai cỏ cháy Nước khô,
Thân cô chết héo thì cô bán gì ?

. . . . . .

Và bài :

Em bước chân ra, con đường xa tít,
Con sông mù-mịt,
Hai vai kĩu-kịt,
Nặng gánh em trở ra về.
Em ngoảnh cổ trông,

Sông rộng trời khuya,
Vì chưng Nước cạn, nặng nề, em có dám kêu ai.
Em nghĩ tiếc công cho bà Nữ-Oa đội đá vá trời,
Con Dã Tràng lấp bể, biết đời nào xong.
Cái bước đêm khuya thân gái ngại ngùng,
Nước-Non gánh nặng, cái đức ông chồng hay hỡi có hay?
Em trở vai này...

***

Đầu óc con nít học trò, cảm thấy hai bài thơ chứa đựng tư-tưởng thâm trầm và bi thương về Nước, của người dân mất Nước, tự nhiên chiêm-ngưỡng tác giả như một thần tượng.

Rồi lớn lên, lúc ở Hà-Nội, cứ muốn gặp mặt thi sĩ Á-Nam Trần tuấn Khải để tỏ lòng kính phục. Nhưng trong các bạn làng văn lúc bấy giờ ít người giao du với Trần tuấn Khải. Tôi không bao giờ gặp ông ở nhà một người bạn nào trong làng Văn, hay làng báo, hoặc ở tòa soạn một báo nào. Ông thuộc về thế-hệ Đàn Anh, không quen nhiều với bọn nhà văn trẻ mới ra đời từ khoảng 1930. Có thể nói rằng giữa thi sĩ Trần-tuấn-Khải với hầu hết anh em văn nhân thi-sĩ Hà thành thời Tiền-Chiến, không có một liên lạc nào cả. Ông như ở ẩn một nơi nào đó. Đến đỗi *Phong-Hóa* là tờ báo của Nhất-Linh chuyên mai mỏc các giới văn nghệ và trí thức, chế nhạo Tản-Đà luôn, cả đến nhà học giả Nguyễn văn Tố, nhà khoa học Nguyễn-công-Tiểu họ cũng không trừ, thế mà họ không hề đá động đến Thi sĩ Á Nam Trần tuấn Khải

Riêng tôi, đọc thuộc lòng thơ ông từ lúc bé, nhớ đến ông và kính mến ông vô cùng suốt thời gian ở Hà Nội mà mãi đến năm 1958, nghĩa là trên ba mươi năm sau, tôi mới gặp ông ở Saigon ! Tôi không biết ông di cư vào Miền Nam năm 1954. Các bạn nhà văn di-cư Vi-huyền-Đắc, Tam-Lang, Vũ-Bằng, Nhất-Linh, Lê-văn-Trương... không ai nhắc đến Trần tuấn Khải. Bỗng một hôm, một ông cụ già, tóc bạc lưa-thưa, da đồi-mồi, thân-hình ốm yếu, đến Toà Báo *Phổ-Thông* trao tôi một bài viết về Lương-Khải-Siêu. Tôi rất vui mừng được ông cụ cho biết ông là Á-Nam Trần-tuấn-Khải. Từ đó, mỗi ngày tôi mỗi quen thân với cụ. Cụ tặng tôi hai tập thơ « *Bút Quan Hoài* », tôi cảm động vô cùng khi thấy lại trong đó hai bài thơ « *Cô bán nước* » và « *Đêm khuya thân gái...* » mà tôi đã đọc say mê lúc mới 10 tuổi. Cụ ngồi cười tủm-tỉm rất khả ái, nghe tôi ngâm thuộc lòng hai bài thơ ấy mà không xem trong sách.

Khi bộ tiểu-thuyết « *Hai Thiêng-Liêng* » của tôi xuất bản gặp lúc ông Tổng-thống Ngô-đình-Diệm đặt ra Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc lần đầu tiên, một hôm cụ Trần tuấn Khải ghé đến toà soạn báo tôi :

— Bộ truyện *Hai Thiêng-Liêng* của ông, được ban giám khảo đề nghị giải nhất, tặng 60.000$.

Tôi ngạc nhiên vì không hề tự tôi tham gia Giải thưởng Văn Chương. Tôi từ chối, mặc dầu đang nghèo, hằng tháng cứ phải đi vay tiền để in báo *Phổ-Thông*.

Cụ Trần tuấn Khải, nhân viên ban giám khảo, bảo tôi :

— Ông cứ nhận đi, 60.000$ đâu phải ít.

Nhưng tôi từ chối, và gọi điện thoại cho ông chủ tịch ban giám khảo biết tôi không tham gia, và không nhận giải thưởng, của Ông Tổng Thống Ngô-đình-Diệm.

Từ đó, cảm tình giữa thi sĩ lão thành và tôi càng khắng-khít hơn. Cụ tiếp tục hợp tác với *Phổ-Thông tạp chí* một thời gian rất lâu.

Năm 1960, tôi lại ngẫu nhiên được quen biết con gái của cụ là nữ sĩ Trần thị Tuệ-Mai, tác giả một vài tập thơ. Sự giao thiệp giữa Tuệ Mai và tôi cũng tốt đẹp trong phạm vi Văn nghệ. Tuệ-Mai cho tôi biết là ông cụ năm nay (1966) đã 75 tuổi và ở Bình Thới với bà thứ-thất, bà này nguyên là một danh ca từng nổi tiếng ở Bắc Hà. Tuệ-Mai là con bà cả. Tôi hỏi lúc ở Hà Nội, ông cụ ở đâu, Tuệ Mai cho biết cụ ở Thái-Hà-ấp. Thì ra cùng một ấp với thi sĩ Tản-Đà. Hai nhà thơ, đồng thời, đồng lứa ấy tuy ở gần nhau nhưng không chơi với nhau. Văn thơ và tính tình của hai ông cũng khác nhau xa.

Từ lúc di cư vào Saigon, thi sĩ Á Nam không làm thơ nữa. Đời sống của cụ cũng không lấy gì làm sung túc lắm. Cụ vẫn giữ nền-nếp nho-phong, và rất được các bạn làng Văn kính phục.

Thằng học trò 15 tuổi ở Qui-Nhơn năm 1925 vẫn hãnh diện được trở thành người bạn nhỏ của thi lão « Bút Quan-Hoài ».

22.— Ưng-Bình

Năm 1958, một hôm hình như khoảng tháng 3 d.l., nhà bác-học Bửu-Hội ở Paris về, ngẫu nhiên gặp tôi, có đưa tôi xem một bài thơ nhan đề : « *Xuân Mậu Tuất tự thuật* » và tác giả ký tên là ƯNG BÌNH THÚC GIẠ THỊ. Bài thơ như sau đây :

Phước của trời cho, lộc của trời,
Lần lên tuổi thọ tám mươi hai,
Coi con bướm liệng từng quen mắt,
Nghe tiếng oanh chào chẳng lạ tai,
Son phấn trò hề, năng kể lại.
Bút nghiên nghề mọn, vẫn khoe chơi.
Cứ ngâm nga mãi quên đầu bạc,
Quên cuộc tang thương trải mấy đời.

Tôi đọc thơ lấy làm thích thú vô cùng. Thơ của một ông cụ già 82 tuổi mà vẫn còn nhẹ nhàng bay bướm, thi tứ sâu đậm, thi cảm dồi dào, thật là hiếm có. Và thật là đẹp.

Tôi đọc thơ của cụ Ưng-Bình đã lâu rồi, do một ông bạn người Huế cho coi từ hồi tôi còn học ở Hà-Nội. Nhưng tôi không ngờ rằng tác giả là cháu nội của thi-sĩ Tuy-Lý-Vương, và bác của nhà bác-học Bửu-Hội.

Cụ sinh ở Vỹ-Dạ, Huế, năm 1877, con cụ Hồng Thiết, có cả tây-học (cụ tốt nghiệp trường Quốc-Học Huế, đỗ đầu kỳ thi kỷ lục năm 1904) và Hán-học (cụ đã đỗ Cử-nhân Hán-học năm 1909).

Làm quan ở Triều Nguyễn, cụ đã trải qua các cấp bực từ Tri-huyện lên tri-phủ, Viên Ngoại, Thị Lang, Bố Chánh, Tuần vũ, Phủ Doãn Thừa Thiên, và được thăng Thượng-Thư năm 57 tuổi, Hiệp tá Đại-học-sĩ năm 67 tuổi.

Về hưu, cụ được lòng yêu kính và cảm mến của nhân dân Huế, và được bầu làm Hội trưởng Hội Truyền-bá Quốc-Ngữ Trung-Kỳ, Viện trưởng Viện Dân-biểu Trung-Kỳ năm 1940.

***

Nhưng trước hết, cụ Ưng Bình là một thi nhân và một nhạc sĩ tài ba lỗi lạc. Cụ có phong độ thanh cao của một nhà Thơ quý phái, theo nề nếp phong lưu của giòng dõi thi-sĩ nho-gia : Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Nguyễn công Trứ, và chính Tuy-Lý-Vương, nội tổ của cụ. Yêu cảnh nước biếc non xanh, cụ cũng là một hình bóng những thi sĩ truyền thống của đời Đường, những Lý Bạch, Tô Đông Pha, Đỗ Phủ, hòa mình trong gió mát trăng thanh, thả thuyền theo hồn thơ sóng mộng. Cụ tả cảnh Thu thì tuyệt :

Xa xa bóng nhạn giữa trời thu,
Nước biếc mây xanh lẫn một màu.
Quốc-quốc tìm sâu trên vạc cỏ.
Le-Le nhởn sóng cạnh bờ lau

Lẹ làng nốt ruồi bơi qua đó,
Êm thắm thuyền tình đậu ở đâu ?
Lưu thủy, hành vân thành điệu cổ,
Trên sông nghe vắng đã từ lâu !

Nhưng hay hơn hết là những bài thơ tâm sự của cụ, những bài tự thuật, hoặc mượn cảnh mà ám chỉ việc đời, với một nhận xét mỉa mai rất tế nhị :

Cảm thương danh lợi cả hai thằng,
Kẻ chống, người chèo, bộ xí-xằng
Ghét cụm bèo trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành trăng.
Chim khôn nhát bẫy nhìn không đậu,
Cá dại ham mồi thấy phải ăn.
Câu hát bên sông thêm chạnh nỗi,
Ông chài lơ lửng có nghe chăng ?

Cụ làm bài thơ này hồi năm 1932, tức là năm Bảo-Đại vừa ở Pháp về, lên ngôi Hoàng Đế, và chung quanh nhà vua bù-nhìn trẻ tuổi ấy, có bao nhiêu kẻ « chầu rìa » hám danh vụ lợi, và cũng có những người chán ghét phường tục-tử, lũ nịnh thần.

Phong độ quân tử và thi nhân của cụ Ưng Bình cũng phảng phất dịu dàng trong mấy vần thơ sau đây :

KHUYÊN HỌC PHẬT

Đường danh nẻo lợi ngó đông đông,
Chen chúc nhau chi đám bụi hồng.

Kìa bóng bạch câu qua chẳng lại,
Nọ tranh thương cẩu có rồi không.
Dở cười dở khóc bao sân khấu,
Khi nở khi tàn mấy cụm bông.
Sao kiếp phù-sinh cho khỏi lụy,
Quyển kinh câu kệ chớ nài công!

(1934 — 58 tuổi)

VIỆC ĐỜI

Kể từ năm Dậu đến năm nay,
Xuân lại Xuân qua cũng thế này.
Trắng đỏ cuộc cờ đi đủ nước,
Xanh vàng mối chỉ nhuộm nhiều tay.
Hoa vườn Thượng-Uyển không ai ngắm,
Rượu chốn sa-trường có kẻ say.
Hàng lệ non sông rơi đã khắp,
Tấm lòng trời đất rõ chăng đây!

(Kỷ Sửu 1949 — 73 tuổi)

Thân thế của nhà thi-sĩ lão thành chứng kiến bao nhiêu cảnh vật tang thương, nhân tình điên đảo, kể cũng đã chứa chan biết bao rung động, biết bao cảm sầu, cô đọng trong mấy vần thơ!

Chỉ đọc đôi ba bài tuyệt diệu, cũng thông cảm được hết nỗi lòng hồi hộp băn khoăn của thi-sĩ, dù là một tiếng thở, một lời than, ký thác trong âm điệu của mỗi dòng, mỗi chữ.

Thơ của cụ Ưng Bình Thúc Gia Thi vừa nhẹ nhàng, trang nhã, vừa hàm súc bao ý nghĩa. Cụ kế tiếp được những truyền thống thi cảm Tuy Lý Vương, truyền thống nho phong mà chúng ta cảm thấy như không còn ai tiếp nối nữa.

Một bài thơ như bài sau đây của cụ Ưng Bình viết năm 1946, có thể nói là một kiệt-tác :

BẢY MƯƠI TUỔI TỰ THUẬT

Ngưỡng mong ơn Phật với ơn Trời,
Tuổi thọ nay đà đến bảy mươi.
Rượu có mùi hương nên uống mãi,
Thi là thuốc bổ cứ ngâm chơi.
Thuở ra sân khấu không làm rộn,
Khi hạ vai tuồng ít hổ người.
Giở tấm gương vàng soi tóc bạc,
Sương pha tuyết điểm lại càng tươi.

Thơ Đường-luật điêu-luyện đến mức nghệ thuật toàn thiện toàn mỹ như thế, xin hỏi cả một thế kỷ có được bao nhiêu bài ?

Ưng Bình Thúc Gia Thị là một thi-nhân cổ-điển tóc bạc thơ vàng, khó kiếm được nữa trên mảnh đất Việt-Nam ở thời đại này.

***

Trong mấy năm gần đất xa trời, cụ Ưng Bình thường gửi thơ đăng trong tạp chí *Phổ-Thông*. Đọc thơ cụ và

ngắm bức ảnh của Cụ gửi biếu, tôi nhớ ngay đến hình ảnh cụ Nguyễn Khuyến, nhà thơ Bắc Hà ở làng Yên-Đổ. Lạ thật, hai bức hình giống nhau quá, cũng chòm râu lưa thưa, cũng đôi mắt mơ sầu dĩ vãng, cũng ly rượu kề môi. Và cũng giọng thơ vừa chải chuốt, vừa mai mỉa nhẹ nhàng cuộc thế.

Nhiều lần tôi dự định đi Huế thăm thi sĩ Thúc-Giạ, nhưng vì bận rộn nhiều công việc, chưa đi được, bỗng vào đầu năm 1961, tôi được tin cụ đau nặng, rồi cụ mệnh chung ngày 4-4-1961, hưởng thọ 85 tuổi.

Xem những bức ảnh chụp đám tang, do cô con gái út của cụ, Công-Tằng-Tôn-Nữ Hỷ-Khương — cũng một nữ sĩ tài hoa hiện có gia-thất ở Sàigon, — gởi biếu, thì đám tang rất là trọng thể. Có rất nhiều thi nhân khắp nơi gởi thơ, đối, liễn về phúng điếu.

Năm 1964, nhân dịp đi Huế, tôi có đến viếng nhà cụ ở Vỹ-Dạ. Một dinh thự cổ kính của vị quan cựu-thần, nhưng vắng bóng thi-ông chỉ còn lại một cảnh tiêu sơ quạnh quẽ, như một bức tranh hoang-dã dưới bóng trời chiều. Thế-kỷ đã đi qua trên khu vườn tịch mịch ấy.

23.— Tương-Phố

Cầm trong tay quyển sách xinh-xắn, trang nhã, trình bầy và ấn loát có mỹ-thuật, tôi mở trang đầu, băn khoăn thấy mấy dòng chữ của tác giả :

Nguyễn Vỹ ơi !
Mưa gió sông Tương thơ đẫm lệ
Đoạn trường ai cảm khách qua cầu ?

Tương-Phố

(cuối mùa sen năm Canh Tý
ở Nha-thành — 2 - VIII - 1960).

Tôi khoá kín cửa phòng văn nhỏ hẹp, dặn mấy bạn ở toà-soạn hễ có ai hỏi tôi thì bảo tôi đi vắng. Tôi ngồi đọc hết quyển thơ, say mê cả một buổi chiều mưa gió...

Nơi chân trời của một thế-giới đầy huyền-linh của sấm-ngữ, một nàng Polymnie với cây đàn ảo-não trên đỉnh núi Thi-sơn, một công-chúa Brancovan, nữ Bá-tước De Noailles, phơi « *trái tim vô số* » trong « *bóng những ngày* », một Yosano bên cành hoa anh đào đang rụng những tuyết hồng, một sương-phụ diễm-kiều bước trên cầu sương gió của sông Tương...

Tất cả là những hình ảnh của một thời pha-lê cổ kính.

Một thiên tài đã được đúc, nắn, gọt giũa bởi những ngón tay Ngọc-Nữ, với những nét tuyệt diệu, tuyệt mỹ, sáng ngời như một tia phong thần, như một lời cầu nguyện, tinh khiết đến đỗi người ta chỉ đứng ngắm say mê mà không dám rờ mó vào, thì hẳn là một biến cố thiêng liêng trong lịch-sử loài Người và lịch-sử các Thần Linh.

Tôi yêu và tôi thờ Nàng Thơ tinh-anh huyền-diệu từ hồi tôi còn là một đứa bé ngây thơ, thấy cái chi đẹp là mê, mê một giọt mưa, một giọt lệ.

Đã hiểu gì đâu, một cậu học trò mười tuổi nghe cha đọc trong một quyển *Nam-Phong*, một bài thơ của Tương-Phố :

Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vì lau san sát, hơi may lạnh lùng.
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu cảnh bạn cùng thu tâm !

Nhưng « *giọt lệ thu* » với hơi gió vi-vu, đã rơi tí-tách trong cõi lòng hoang dại... Rồi từng lớp lá vàng rụng ngập cả lòng thu, từng giọt lệ thu cứ rơi trên những mồ lá úa.

Bao độ thu về. Mấy độ thu qua. Đứa bé đâu có ngờ « *giọt lệ thu* » của một nàng sương-phụ mà nó chỉ mơ thấy trong hào-quang rực rỡ của truyền-kỳ, đã nhuộm màu thu trong tâm hồn trẻ thơ, như nắng nhuộm lá thu vàng.

Một vết màu thâm-đậm, mà Anna de Noailles có thể nói như « vết răng của đứa trẻ cắn vào trái pomme ».

Tim tôi đã thuộc về mùa Thu, mà hình ảnh của Tương Phố vẫn còn nguyên vẹn trong Hào-quang của Thần-kỳ, trong pha-lê cổ kính, như những pho tượng nữ-thần còn ngự trị trong đền Parnasse.

Một *giọt lệ thu*, không phải là dĩ-vãng nữa : nó là trường-cửu hiện tại, nó là châu báu của thời-gian. Nó không còn là gia tài riêng của loài người, nó đã được vào kho phong phú, bao la của vũ-trụ.

Giọt lệ thu đã đọng lại trên vòm trời, một ngôi sao ngọc sáng ngời muôn thu.

Người ta không hái được nó. Chỉ ngước mắt lên, ca ngợi.

***

Rồi bỗng dưng chiều nay ở Saigon mưa gió, tôi ngồi nghe tiếng *MƯA GIÓ CỦA SÔNG TƯƠNG*. Pho tượng cổ kính chắp cánh bay khắp trời, non nước.

Sông Tương ở đâu ? *Nàng* không còn là người của gió bụi, trên cõi đất này không có sông Tương đâu cả. *Nàng* hiện ở đâu, ở đó là Sông Tương của bến lệ. Mỗi độ Thu về, đó là mưa gió của Sông Tương.

Hãy nghe văng vẳng tiếng *Nàng* trong thơ, tiếng *Nàng* trong mơ :

Ngàn trùng non nước nào ai,
Bâng khuâng một mối viễn-hoài năm canh
Khúc tương-tư giữa đêm thanh
Giọt ba-tiêu khéo, bên thành điểm mau !
(trên bến kỳ-giang — 1916)

Ngàn trùng non nước có ai đâu? Chỉ có chàng, mà chàng không có ! Vắng bóng người yêu, tất cả còn gì trong hiu quạnh ? « Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé » (1). Suốt năm canh có mỗi một niềm thương nhớ, nghe tiếng mưa rỉ-rả trên lá chuối mà bâng khuâng một khúc tương tư. Nàng thành thật lắm mới thở ra giọng buồn ảo não trong văn-thơ, giọng buồn đặc biệt Việt-Nam trong văn thơ phụ nữ.

Bước đầu sang ngưỡng cửa thế-kỷ XX, hiện ra bóng dáng thướt tha của một thiếu phụ mới 20 tuổi đã khóc thảm thiết mối tình đầu ! Nếu không có Tương Phố, thì vòm trời của Văn học Việt-Nam cận-đại mở màn quang đãng biết bao ! Tản Đà đang mơ mơ mộng mộng, với cặp mắt trong xanh :

Nước trong xanh, lơ lửng con cá vàng

Nhưng mùa thu vừa đến là Tương Phố bước vào vườn thu, như vào một « *thiên đường thất lạc* » của Milton, đem đến mối tình ngây thơ đau khổ. Sao *nàng* đau khổ sớm thế, mới ngần ấy tuổi bước vào thế-kỷ, đã dội vang lên tiếng ai oán thảm sầu ?

. . . . . .

(1) của Lamartine trong bài *Le Lac.*

Thu qua, Đông lại sang rồi,
Lạnh lùng gió bấc, mấy hồi mưa bay,
Bên lòng, một mối sầu tây,
Nhớ ai muôn dặm nước mây quê người.
Biệt ly chốc mấy năm trời,
Chén tương-tư nhấp hồ vơi lại đầy.

. . . . . .

(1916)

Nàng mải nhớ, mải thương. Trời sinh ra kiếp nàng để thương cùng nhớ, năm trước tương tư, năm nầy tương tư, chỉ mưa và gió trên bến tương giang.

Xum họp cùng nhau vừa tròn mười tháng chàng đi xa, không tương tư sao được ? Nhưng chàng đã về, chưa kịp gặp mặt nhau thì chàng lại chết ! *Nàng* rú lên tiếng khóc bi đát não nùng :

Chết hỡi chết ! Sao tàn nhẫn thế !
Dở dang người vợ trẻ con thơ !
Từ đây, biết lại bao giờ
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này
Áo xanh thấm ở đầy ngấn lệ,
Mối sầu này ai đề cho nhau !
Già nua kia, bạc mái đầu
Kẻ còn người khuất, cũng đau đớn lòng ;
Nữa đôi ta đương vòng tuổi trẻ,
Ái ân còn mới mẻ say sưa !

. . . . . .

Chính cái đau khổ của Tương phố toát ra cảm xúc mãnh liệt là bởi cái đau khổ lâm ly của tuổi trẻ. Desbordes

Valmore, nữ thi sĩ Pháp, thế kỷ thứ XIX, cũng có khóc như Tương-Phố, nhưng ta nghe nàng khóc mà ta không thấm đậm. Nàng cũng khóc sướt-mướt suốt cả một tập thơ, không phải không ai-oán, đến nỗi Verlaine cũng ứa lệ, nhưng giọt lệ của Desbordes Valmore như những nốt đàn rơi đọng tuyết, nặng chĩu đêm đông. Những giọt lệ của một trái tim đã héo hắt từ chiều, những giọt lệ u sầu tàn tạ. Ta say mê hơn, nước mắt của Tương-Phố, những hạt sương còn xao-xuyến bình minh, những thổn thức lỏng trong tim hoa. Cho nên tiếng khóc của Tương-Phố dễ cảm được lòng ta, tiếng khóc của tuổi hoa niên não nùng tang tóc. Nàng đang chờ người yêu, bỗng dưng :...

Tin vụt đến, ngờ đâu sét đánh,
Mảnh giấy xanh là mảnh báo tang !
Tin đâu tin xé can tràng,
Tin đâu tin đề hai hàng lệ sa !
Khóc lại khóc chan hòa nước mắt,
Thở than thôi lời thật không lời,
Anh còn trẻ quá anh ơi !
Mới ba mươi cũng một đời thông minh !

(Một đêm cuối thu ở Trường Nữ Sư Phạm Hànội — 1920)

1920, Tương-Phố là một nữ-sinh trường Sư Phạm Hà-Nội. Một nữ sinh 20 tuổi : biết bao nhiêu mộng, biết bao nhiêu tình. Nhưng nàng đâu có biết nàng đã mang trong số kiếp tài-hoa hạt giống của đau khổ : nàng đau khổ ngay từ lúc vui sướng, từ lúc yêu chàng, hiến cả cho chàng trái tim đầy mưa gió ! Bao nhiêu mộng, bấy nhiêu tình, đều gieo rắc cả trong vườn thu, để nắng thu về, nở thành hoa lệ.

Nàng có ngờ đâu ! Tiễn chồng xuống tàu sang Pháp :

Buông lời, xiết chặt tay nhau,
Hôn con, anh vội bước mau xuống thuyền.
Em ngồi ngẩn, như điên như dại,
Trông theo anh, trông mãi đến giờ !
Mất anh, là chuyện không ngờ,
Lòng em năm tháng vẫn chờ đợi anh !

. . . . . .

(1922)

Hận của Tương Phố là hận của mùa Thu. Ai bảo lấy chồng vào mùa Thu, xa chồng mùa Thu, chết chồng cũng mùa Thu, để cho Mưa Gió Sông Tương chỉ là mưa gió mùa Thu, tràn trề thu hận ?

. . . . . .

Chàng đi buổi thu sơ năm ấy
Thu năm về nào thấy chàng về !
Chàng đi, đi chẳng trở về,
Thu về, thiếp những đê mê dạ sầu.

. . . . . .

Kể từ độ phong-trần lạc bước,
Mười lăm năm mặt nước cánh bèo,
Gieo lòng theo ngọn thủy-triều,
Lênh đênh thôi cũng mặc chiều nước sa !

. . . . . .

(1931)

Ta nghe thoang thoảng làn gió *chinh phụ ngâm* thổi về Tương-thủy. Và Tương Phố chính lại là nàng chinh phụ, vì chồng nàng sang Pháp hồi Âu-châu đại chiến 1914-1918.

Thật tội nghiệp cho nàng, một Pénélope đợi chàng Ulysse, ngồi nhà dệt lệ.

. . . . . .

Nỗi ly hận mây chiều gió sớm,
Tình tương tư khoảng vắng đêm trường,
Gió mưa tâm sự thê lương,
Chỉ kim ai vá đoạn trường nhau đây!

. . . . . .

(1931)

Rồi : « sau cơn mưa gió » nàng ngồi chép mấy dòng tự bạt :

Vũ sơ tình hề, phong khởi sầu.

. . . . . .

Má hồng phận mỏng cay son phấn,
Nước loạn canh tàn khóc bể dâu.
Mưa gió Sông Tương thơ đẫm lệ,
Đoạn trường ai cảm khách qua cầu?

Thật buồn thấm thía !

Má hồng đã bạc phận, tài hoa cái lụy nghìn đời, nàng đã biết lắm rồi chứ, hỡi nữ-sĩ của Tương-giang ! Dù khách đã qua cầu, nhưng mưa gió Sông Tương là giọt lệ của tài hoa, mối độ thu về đâu hết cơn mưa gió ?

Bài trên đây đã đăng trong tạp chí *Phổ-Thông* ra ngày 1.9.1960. Từ trước cho đến ngày đó, tôi chưa hề gặp Tương Phố một lần nào. Và từ ngày đó cho đến nay, tôi cũng chưa gặp Tương-Phố.

Quyển *MƯA GIÓ SÔNG TƯƠNG* mở đầu một cuộc trao đổi thư và thơ, thường xuyên giữa nữ-sĩ và tôi, và một cảm tình thân hữu chân thành liên tục cho đến nay, nhưng không ai muốn gặp ai !

Gặp nhau làm chi ? Lần đầu tiên đọc thơ và mê thơ « *giọt lệ thu* », tôi mới 11 tuổi, cậu học trò lớp Ba, trường Huyện. « Tương Phố phu nhân », như Phạm Quỳnh viết trong bài tựa, đã 20 tuổi, và giáo-sinh trường sư-phạm Hà Nội. Giả sử bà thi đỗ ra đi dạy học và được đổi vào trường tiểu học Mộ-Đức, tỉnh Quảng-Ngãi thì bà có thể là cô giáo của tôi. Hơn thế nữa, cảm tưởng của một cậu học trò 11 tuổi ở nhà quê, đọc thơ của một nữ sĩ « phu nhân » đăng trong tạp chí *Nam-Phong* ở Hà Nội, cảm tưởng hồn nhiên của nó là bà như một « Thần Tượng » đáng tôn kính cùng một bực với Bà Huyện Thanh Quan, bà Đoàn thị Điểm, mà nó học trong các sách Việt-văn giáo khoa thư lớp sơ-đẳng.

Đồng thời có Ngọc-Anh nữ-sĩ, vợ của Quan án sát Sơn-tây, và tác giả bài thơ « *Tích niên lang chủng song đào thụ, Kim kiếm đào hoa bất kiếm lang...* » cũng đăng trong *Nam-Phong* dạo ấy, nhưng nó lại không thích mấy.

Cái tên « Tương Phố » lại có vẻ thơ mộng lạ thường và hình ảnh huyền mơ tuyệt vời càng ám ảnh trong đầu óc non nớt của đứa bé đa cảm say mê *Giọt lệ Thu*, đọc

thuộc lòng nhiều câu thơ *Giọt lệ Thu*, đôi khi vẩn vơ thương khóc tác giả *Giọt lệ Thu*.

Lớn lên, ra Hà Nội, nhiều khi muốn tìm đến thăm Nữ sĩ Tương Phố, để « biết mặt » và để tỏ lòng cảm phục. Nhưng tìm đến Tản Đà, tìm đến Nguyễn văn Vĩnh mà không dám đến Tương Phố. Hỏi thăm Lan Khai, tác giả « *Ai lên Phố cát* » cười hóm hỉnh :

— Tương Phố đã tái giá rồi, cậu hỏi làm gì nữa ?

Lan-Khai nghĩ bậy. Tôi muốn tìm ngắm cái ổ mộng của Thiên-thần Tương-Phố.

Tôi bị một mặc-cảm : tôi yêu thơ một nữ sĩ nào, thường không dám gặp người làm thơ, trừ một vài trường hợp. Vì tôi biết trước rằng gặp nhau thì một là nàng sẽ yêu tôi, và tôi sẽ đau khổ. Hai là tôi sẽ yêu nàng thì nàng sẽ đau khổ. Cả hai đều đau khổ.

Tôi đã yêu thơ Tương Phố từ hồi 11 tuổi. Tình yêu thơ mộng hồn nhiên và viển-vông còn mãi trong tâm trí. Lớn lên tưởng tình yêu đó đã chết, không ngờ nó cũng lớn lên với tôi. Tôi thấy không hại, cứ yêu thơ Tương Phố, miễn là đừng gặp Tương Phố.

Nhờ cuộc di cư 1954, tôi biết Tương Phố vào ở Nha Trang. Tôi có đi Nha-Trang nhiều lần nhưng không tìm đến thăm Nữ-sĩ. Đôi lần Tương Phố vào Saigon, nhà thơ Đông-Hồ có tin cho tôi biết nhưng tôi cũng không đến gặp Tương Phố.

Sau khi nhận được « *Mưa gió sông Tương* » ấn bản

đặc biệt do Tương Phố gởi tặng ngày 2-8-1960, tôi viết bài giới thiệu tập thơ mà tôi đã yêu từ hồi 11 tuổi, mà tôi vẫn còn yêu say mê 40 năm sau.

Ngày 5-9-1960, để cảm ơn bài giới thiệu trong *Phổ-Thông*, Nữ sĩ gởi tặng tôi một quyển « *Giọt lệ Thu* » ấn bản đặc biệt, tuyệt đẹp, với mấy câu ghi trên trang đầu quyển thơ : *N. V. ơi, tác giả chỉ còn một tập độc-nhất nầy thôi. Nhưng đối với Vũ, làm sao mà tiếc sách được. Chao ơi, lời văn phê bình M.G.T.T. đẹp quá !!!*

Chao ơi, N.V.! N.V. ơi, hãy lùi lại dĩ vãng đi ! Cùng lùi lại dĩ vãng để khách thơ buổi ấy tặng cậu học trò mười mấy tuổi những năm nào, một giọt lệ trước khi biến thành mưa gió...

Tương Phố

Ngay đêm hôm nhận được quyển « *Giọt lệ thu* », tôi nằm mê thấy chồng bà Tương-Phố hiện hồn về bảo tôi : « Quyển *Giọt lệ Thu* độc nhất của Tương Phố còn giữ để kỷ niệm tôi, N.V. gởi về Nha-Trang trả lại cho Tương Phố nhé ».

Sáng dậy tôi ghi giấc mộng vào quyển sổ con, rồi bận nhiều việc không nghĩ đến nữa. Không dè tuần sau, tôi nhận được thư của Tương Phố : « *N. V. ơi ! Chao ôi, N.V. có thấy gì lạ không ? Có xảy ra chuyện gì không từ hôm N V. nhận được Giọt lệ Thu của Tương Phố ? Thật lạ N.V. ơi !...* » Tương Phố không nói rõ, nhưng tôi đoán rằng có lẽ đêm tôi nằm mê thấy chồng nữ sĩ hiện về tôi, thì ông cũng hiện về Tương Phố ?... Có lẽ ông trách Tương-Phố sao lại còn một bản « *Giọt lệ thu* » độc-nhất để kỷ niệm ông, lại gởi cho N.V. ?

Tôi viết thư trả lời Tương Phố và kể rõ giấc chiêm bao của tôi. Nhưng Tương Phố không đòi lại quyển thơ, tôi cũng không gởi trả lại.

Tương Phố tiếp tục làm thơ gởi đăng trong tạp chí *Phổ-Thông*. Chúng tôi thường trao đổi thư như đôi bạn thơ thân ái. Nhưng tôi nhất định không gặp Tương Phố. Rồi một dịp Tết, tôi lại định đi Nha-Trang thăm Tương Phố, và viết thư báo tin trước. Suy nghĩ kỹ, tôi xé thư không gởi. Tôi viết thư cho Quách-Tấn, Bửu-Đáo, Trịnh-Tiên, ba bản thơ ở Nha Trang, nhưng cũng không gởi, sợ các bạn sẽ báo tin cho Tương Phố biết. Tôi đến Nha-Trang bằng xe lửa như một khách du lịch vô danh, ra Nha Trang thuê khách sạn ở gần bãi biển. Tự nhiên sáng hôm sau tôi thuê xe lên đường Trịnh Phong, tìm nhà Tương Phố! Dọc đường tôi cứ tự bảo : « Lạy trời, đừng gặp Tương Phố », chốc chốc lại tự bảo : « Lạy trời, đừng gặp Tương Phố ». Nhưng vẫn ngồi xe tìm đến nhà Tương Phố. 10 giờ đến đúng số nhà 36A. Cửa đóng. Tôi do dự không xuống xe. Xuống xe, tôi do dự không vào nhà. Đi bộ trở về, đi bộ trở lại nhà Tương Phố. Có cậu bé hàng xóm chơi ngoài sân gần đấy, tôi hỏi, bé bảo : « Bả đi Đàlạt ăn tết ».

Tôi vui mừng thất vọng. Mồng-một Tết gặp Quách Tấn, anh xác nhận bà Tương Phố đi nghỉ Tết ở Di-Linh.

Về Saigon, một tháng sau tôi viết thư cho Tương Phố : « Tết, tôi có ở Nha Trang 7 ngày, không gặp Tương-Phố ». Tác giả « *Mưa gió sông Tương* » trả lời : « N. V.

ơi, gặp nhau làm gì ? Thôi, ta cứ giữ cảm tình trong thơ mộng, đẹp hơn nhiều, phải không N. V. ? Cảm tình ta đẹp biết bao, còn sống mãi với thời gian... »

1919 - 1969, 50 năm mưa gió sông Tương !

24.— Phan-bội-Châu & Huỳnh-thúc-Kháng hai nhà thơ Cách-mạng

Một buổi chiều mùa Hè 1936, một người thanh niên ở Hà-Nội vừa xuống xe lửa ở ga Huế lúc sáng, đến nơi gốc cây da bến đò Gia-Hội, đứng chờ đợi ai... Chàng chăm chú ngó những chiếc thuyền ra vô trên bến có hàng trăm chiếc, nhưng chiếc nào là của ông Già đã cùng chàng hứa hẹn một đêm trăng?

Khách qua lại chăm chú đến chàng, và mặc dầu đèn điện đã bật đỏ, những tia nắng vàng đã phai lạt trên cảnh vật Huế-đô, tan hòa vào ngọn gió tà-dương, chàng vẫn còn đứng đấy, mái tóc phất phơ trong gió dịu...

Một lúc sau, một chiếc thuyền nan từ dưới cửa Thuận chèo lên, lách vào giữa rừng thuyền, từ từ cập bến. Ông cụ già, trán cao, mặc áo dài nâu, trong khoang thuyền chui ra, đứng ngó vào gốc cây. Cụ mỉm cười trông chàng thanh niên. Những đàn ông, đàn bà ở các thuyền chung quanh đều cung kính cúi đầu chào Cụ. Cụ bảo anh lái chèo thuyền sát bến, để đón chàng. Chàng bước xuống thuyền và nghiêng mình trước mặt ông Già của Lịch-sử:

— Lạy Cụ.

Cụ Phan-bội-Châu bảo người thanh niên ngồi xuống với Cụ. Thuyền tách khỏi bến, chui qua gầm cầu vào sông Đông-Ba... đậu ngay trước cửa toà báo « Tiếng Dân ».

— Tôi muốn mời cụ Huỳnh uống rượu với chúng ta đêm nay cho thêm vui. Ông nghĩ sao ?

— Dạ, hân hạnh cho cháu lắm.

Cụ Phan lấy bút mực tàu thảo mấy câu chữ Nho trên tấm giấy rồi đưa người hầu cận đem lên bờ. Trong lúc đợi cụ Huỳnh-thúc-Kháng, chủ-nhiệm báo *Tiếng-Dân*, cụ Phan nói chuyện :

— Lúc nãy ông chờ tôi lâu lắm ?

— Thưa cụ, cháu cũng vừa đến.

— Tôi mắc chở gạo đem bán dưới cửa Thuận nên về muộn.

Người hầu cụ trở xuống thuyền, cầm trong tay một miếng giấy.

— Thưa Cụ, cụ Huỳnh chiều nay bị khó ở...

Cụ Phan xem giấy, hơi không vui :

— Cụ Huỳnh làm việc nhiều quá, dạo này hay mệt luôn, giá đêm nay có cụ đàm-đạo thì vui lắm.

Chiếc thuyền lại quay mũi ra sông Hương. Trời đã tối. Đêm nay là đêm rằm, trăng lên tròn rực rỡ, toả một vùng ánh sáng êm dịu xuống Thần-Kinh. Hai bên bờ sông, đèn điện treo lăng-tăng như những dây sao giăng hai bên dòng Ngân-thủy. Chiếc thuyền con lướt trên gợn sóng nhẹ nhàng, gió thổi hiu-hiu hòa lẫn với mấy giọng hát chèo của một cô gái Huế...

Cụ bảo:

— Sông Hương đêm trăng đẹp quá nhỉ! Ông đến đây, đã cảm-hứng làm bài thơ nào chưa?

— Thưa cụ, chưa. Nhưng từ khi cháu đã được đọc một bài thơ bằng Pháp văn mà người ta truyền tụng là của vua Duy-Tân làm ra, thì cháu không còn muốn làm bài thơ nào trên Sông Hương nữa cả.

— Bài thơ Pháp văn của vua Duy Tân hay lắm ư?

— Thưa cụ, bài ấy đề là « Bài hát ban đêm trên Sông Hương ». Cháu có dịch ra thơ Việt, theo đúng y điệu thơ Pháp. Cháu có tự tiện sửa đoạn sau một đôi chữ cho hợp ý-tưởng riêng của mình mà thôi.

— Ông đọc cho tôi nghe...

— Dạ.

Chàng đọc xong bản dịch, Cụ Phan gật đầu tỏ vẻ khoái chí, bảo chàng đọc lại một lần nữa, rồi rót rượu mời. Bình thường chàng không thích uống rượu, nhưng đêm ấy, ngồi hầu chuyện với cụ, chàng không dám chối từ. Mỗi lần cụ dốc cạn một chén, chàng cũng nâng ly kề môi, nhấp một tí, theo lễ phép mà thôi.

Cụ uống cạn một chén, ngồi rung đùi, bỗng lên giọng ngâm một câu thơ. Cụ thật là thơ thần, thơ thánh. Cụ xuất khẩu thành thi, hình như thi-tứ đã có chứa đầy trong vòm trán mênh mông cao rộng ấy. Cụ ngâm một câu, giọng ngân dài, theo lối các nhà Nho, có vẻ thiêng liêng lắm:

Vừa có đêm nay một bạn hiền...

Cụ ngâm giọng Nghệ-An, tiếng cụ ngâm vang trong thuyền nghe thật hay.

Dốc cạn một ly rượu nữa, cụ ngâm tiếp:

Sông Hương lai láng một con thuyền...

Cụ cầm đũa gắp một miếng mực nướng, đủng đỉnh nhai, vừa nhìn trời, nhìn nước, nhìn mây. Cụ suy nghĩ, hớp rượu, rồi ngâm tiếp:

Gió trăng khéo léo trời đưa khách,
Non nước tình cờ đất gán duyên.

Cụ rung đùi khoái chí lắm.. Cụ mời chàng thanh niên một ly rượu nữa. Nhưng ly của chàng còn đầy... Trăng rơi vào ly rượu, trăng bơi trong ly, trăng mơ trong lòng ly... Chàng thanh niên tuy chỉ nhấp chút ít ở bờ môi, nhưng mặt cũng đã gay-gay đỏ. Chàng mỉm cười:

— Thưa Cụ, cháu xin cạn ly sau cùng ạ.

— Ông uống rượu kém thế ư?

— Bẩm, vâng.

— Tôi đã mần hết nửa chai.

Cụ dốc cạn một ly nữa, có lẽ là ly thứ mười, rung đùi rồi lên giọng ngâm tiếp câu thơ vừa khởi hứng:

Người chẳng kẻ Nam hay kẻ Bắc,
Tình không ai lạ với ai quen...

— Ông uống hết đi, tôi muốn rót mời thêm ông một ly. Ít nhất cũng vài ba ly chứ! Nầy!..

Cụ cầm chai, chàng thanh niên nâng ly lên uống, nhưng chỉ được một hớp nhỏ. Cụ Phan cười, rồi kề chai rót đầy ly chàng. Cụ quây chai rót đầy vào ly cụ. Cụ rung đùi ngâm tiếp :

Hương-Bình, Nùng-Nhị bao dâu bể,
Lịch sử nghìn năm há dễ quên!

Cụ gọi người hầu cận :

— Anh Lãng mô rồi ? Anh lấy bút mực chép lại bài thơ để tôi tặng ông bạn trẻ.

— Dạ, thưa cụ, con đã chép rồi ạ.

— Anh đọc lại tôi nghe.

Anh Lãng, người hầu cận và là thư ký của cụ, đọc lại cả bài.

Cụ Sào Nam lấy bút tự viết trên đầu bài một câu chữ Nho để tặng chàng trẻ tuổi. Rồi cụ cười :

— Ông muốn tôi kể hết câu chuyện vận động cách-mạng của tôi ở bên Tầu, bên Nhật và bên Xiêm trong 25 năm cho ông nghe, thì trước hết, ông hãy họa vận bài thơ này, để chúng ta cùng giữ một kỷ niệm đêm rằm trên sông Hương... Ông cạn ly này đi đã...

— Dạ.

Chàng thanh niên nâng ly rượu lên môi, uống hết. Cụ rót thêm. Chàng thật là sợ rượu, bình nhật không uống được bao nhiêu, nhưng đêm nay, ngồi với cụ Sào-Nam, chàng thấy nhấp tí rượu, gọi là một tí của cụ ban cho, cũng là một vinh-dự vô cùng. Thuyền trôi lơ lửng

trên sông Hương. Tiếng cô gái chèo đò tận nơi mờ mịt xa xăm, văng vẳng đưa lên giọng Nghệ-thường, như lời ca thoang thoảng của cung trăng. Chiếc thuyền trôi nhẹ nhàng trong gió mát, trên sông bỉ bỗm những mái chèo. Giữa Đế đô đang ồn ào náo nhiệt, và trong chiếc thuyền nan, một đầu bạc của Lịch-sử, một mái tóc xanh của hậu-sinh, một ngọn đèn dầu leo lét, với hai chén rượu đầy vơi tâm sự... Chàng kính cẩn dâng bài thơ của chàng họa lại :

Hơn đọc ngàn đêm sách Thánh Hiền,
Một đêm với Cụ, một con thuyền.
Trời, mây, trăng, gió, Dân đành phận,
Thành-quách, lâu-đài, Nước tủi duyên !
Chén rượu thừa-lương cười rướm lệ,
Câu thơ tâm phúc, lạ thành quen.
Nước Non, Non Nước, tình lai láng,
Một nét quan-hoài, chẳng dám quên.

Cụ lặng lẽ nghe bài thơ họa vần, cụ bảo anh Lãng chép lại, và ngâm lại cả hai bài của cụ và của chàng cho cụ nghe... cụ cầm ly rượu uống, bỗng cụ rưng rưng hai hàng châu lệ...

Chàng thanh niên bị cảm xúc trong tâm trí, bởi cảnh đêm trăng gió mát, và cụ Phan bội Châu, người đã bôn-ba 25 năm hải-ngoại nay ngồi trong chiếc thuyền nan trên sông Hương, với cậu thanh niên 25 tuổi, khiến cụ nghĩ đến thân thế của mình, nghĩ đến vận mệnh của Nước, không cầm được ngấn lệ trước mặt chàng thanh niên buồn bã ngồi bên...

Đêm gần khuya. Gió lạnh. Sương rơi nhè nhẹ, ướt chiếc chiếu ngoài mui thuyền. Kèn lính đồn vừa thổi chín giờ. Cụ bảo chàng trẻ tuổi :

— Mời ông vào trong thuyền. Đêm nay tôi xin kể hết chuyện cho ông nghe vì ông muốn biết.

Cụ Phan-bội-Châu nằm xuống chiếu, gối đầu trên chiếc gối gỗ. Bảo chàng nằm bên cạnh, nhưng chàng lễ phép, im lặng ngồi nghe.

***

Bài trên đây, tôi có đăng trong tuần báo Bạch-Nga, Hà-Nội, tháng 7-1936, với bức hình chụp chung với cụ và cụ Huỳnh thúc Kháng và có gởi biếu cụ một số theo lời cụ dặn. Cũng có biếu cụ Huỳnh thúc Kháng, chủ-nhiệm kiêm chủ-bút báo *Tiếng Dân*.

Đêm được gặp cụ, tôi nghe cụ nói chuyện cách mạng lẫn lộn với văn thơ. Cụ nói về thơ-phú nhiều hơn, và hầu hết là văn thơ cách mạng. Tôi không hiểu tại sao có mấy người viết về Văn-Học-Sử Việt-Nam cận-đại, lại không nói đến hai nhà Thơ Phan bội Châu và Huỳnh thúc Kháng?

Hoài Thanh, viết quyển « *Thi Nhân Việt Nam* » ở Huế, cũng không nói đến Ưng-Bình, Phan-bội-Châu, Huỳnh-thúc-Kháng, ba thi-sĩ rất nổi danh nhất ở Huế thời bấy giờ.

Tập « *Hải Ngoại Huyết-Lệ-thư* » của Phan-bội-Châu là một bài thơ kiệt tác. Ngoài ra, tác phẩm thi văn của cụ rất nhiều, truyện dài như « *Dây và Dao* » có đăng trong báo *Tiếng Dân*, khảo cứu triết học như « *Khổng học Đăng* »

v.v... là những tác phẩm biểu lộ học thức uyên thâm của nhà Đại Nho đất Nghệ, và một nhà văn sôi động nhất thời bấy giờ khắp xứ Việt-Nam.

Gác chính-trị ra một bên, chỉ đứng trên lĩnh vực văn chương, Phan-bội-Châu là một đại thi-nhân, thi-tứ thật dồi dào, thi tài quán xuyến, cảm xúc mãnh liệt, với một nhiệt hứng vô cùng quyến rũ, ảnh hưởng rất sâu rộng, trong các giới trí thức và bình dân.

Nghiên cứu và phê-bình Văn chương Việt-Nam tiền chiến mà không nói đến Phan-bội-Châu, là một khuyết-điểm không thể dung-thứ được. Khác nào không nói đến Lương-khải-Siêu trong Văn Học Trung Hoa cận kim, hay Joseph Chénier trong văn-học Pháp thế kỷ XIX, Maurice Barrès thế kỷ XX, hay Petofi trong văn học Hung-gia-lợi. Đấy là văn thơ cách-mạng nằm trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa dân tộc, tiếp nối truyền thống của Nguyễn Trãi, Lý thường Kiệt, Trần Hưng Đạo.

Liệt kê Phan bội Châu trong Văn Học Sử. cần phải viết riêng một quyển sách dầy về Thi Văn-sĩ ấy, phân tách từng tác phẩm và văn thơ của Ông.

Đêm gặp cụ Phan-Bội-Châu trên sông Hương, là một đêm văn nghệ. Tôi biết từ khi cụ Phan bội Châu về xứ Huế, có vài dư luận, do mật thám Pháp loan truyền ra, hoặc do những kẻ thù ghét cụ trong giới quan-lại phản động của triều đình Huế, phỉ-báng mạ-lỵ nhà thơ cách mạng lão thành. Dư luận bất lương còn đồn đãi nào là cụ Phan-bội-Châu ngủ với cô bé học trò 12 tuổi, bị cha mẹ nó « chửi bới » trước cổng nhà cụ, nào là cụ có bệnh

hoa liễu phải chữa thuốc mỗi ngày, nào là cụ Phan bội Châu lãnh tiền của mật thám Huế, v.v...

Thật là ghê tởm. Tôi có đến thăm cụ hai lần, và có hỏi dò dư luận đồng bào Huế nhất là ở xóm Bến Ngự. Tôi thấy cụ ngồi bán từng lon gạo cho đồng bào nghèo ở quanh vùng, chòi bán gạo cất nơi góc sân, gần cổng nhà. Cụ bán giá rẻ, gạo cụ đi thuyền mua tận các vùng Hòa vang, Cửu-Thuận. Tôi thấy cụ dùng những bữa cơm rất giản dị, bình dân, và tôi được cụ cho phép ngồi dùng cơm với cụ. Cụ chỉ uống rượu trắng và trà Huế. Cả ngày cụ làm thơ, viết văn, do những thư ký của cụ làm việc không lương, phần nhiều là học sinh tình nguyện đến ghi chép các văn thơ do cụ sáng tác thường xuyên, bản thảo chất từng chồng trên bàn cụ. Cụ viết tiểu thuyết đăng trong báo *Tiếng Dân*, « *Dây và Dao* » chẳng hạn, và cụ Huỳnh thúc Kháng trả nhuận bút bằng các thực vật, bằng thuốc men, bằng các thứ tiếp tế hằng ngày, chỉ vừa đủ đôi chút tiện nghi bình sinh của cụ mà thôi.

Tôi được ở bên cạnh cụ ba ngày, như bên cạnh một Thánh nhân, một Thi Nhân vĩ đại, trong một không khí nghèo nàn thanh cao, giữa đế-đô đầy phong kiến, a-tùng nịnh bợ, sặc mùi « quan lớn, cụ lớn » Tây, An-Nam

Sau đêm sông Hương, hừng sáng chiếc đò nan của cụ chèo về Bến Ngự. Tôi theo cụ về căn nhà tranh ba gian cạnh chùa Từ-Đàm. 8 giờ cụ Huỳnh thúc Kháng đến, tay cầm cái quạt giấy. Cụ xin lỗi vì đêm hôm qua cụ bị cảm gió, không xuống đò được. Tôi ngồi hầu chuyện hai nhà thơ tiền-bối lão-thành. Cụ Huỳnh nhắc đến thi phẩm « *Thi tù tùng thoại* » của cụ, trong đó cụ có trích đăng một

bài thơ của bác ruột tôi, ông tú-tài Nguyễn Tuyên, thường gọi là ông Tú Tân-Hội (tên làng tôi trước khi đổi thành làng Tân-Phong). Bác tôi có tham gia phong trào Duy-Tân ở Quảng Ngãi với Thầy tôi. Bác bị đày vô Côn-Nôn, ở đấy 9 năm cùng một lần với cụ Huỳnh thúc Kháng. Thầy tôi bị tù ở Quảng-Ngãi.

Khi tôi gặp cụ Huỳnh thúc Kháng thì bác tôi đã qua đời. Cụ đọc cho tôi chép nhiều bài thơ thích thú xướng họa giữa cụ và các bạn đồng tù, toàn là danh nho Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Hai điểm đặc biệt nhất nơi cụ Huỳnh là đầu tóc cúp « carré » của cụ, mái tóc vuông-vức và bạc-phơ trên một vòm trán vuông, và hàm răng giả của cụ. Hàm răng vàng mà mỗi lần cụ nói lớn và cười mạnh thì nó rớt cái « đóp » xuống bàn, hay xuống tà áo của cụ. Cụ điềm nhiên nhặt lên cắm lại vào lợi. Cụ đang nói chuyện với cụ Phan-bội-Châu và tôi, hàm răng giả của cụ bị rớt ba lần. Hai ông cụ vẫn điềm nhiên tiếp tục nói chuyện, như không cụ nào để ý đến hàm răng lắt-léo lỏng-chỏng của cụ Huỳnh-thúc-Kháng. Còn tôi, thì tôi cố hết sức nhịn cười. Cụ Huỳnh cho tôi biết là cụ làm hàm răng giả đó tại một tiệm sửa răng của Hoa-kiều ở phố hàng Bông, Hà-Nội.

Cụ Huỳnh-thúc-Kháng nói nhỏ-nhẻ, không oang-oang như cụ Phan-bội-Châu, và ít khi cười lớn. Trái hẳn cụ Phan-bội-Châu, văn thơ cụ Huỳnh-thúc-Kháng từ-tốn và nhẹ nhàng. Ngay những bài văn hăng-nhất của cụ cũng có giọng lý-luận chặt-chẽ và thận-trọng. Có đôi chút tây học, do cụ tự-học với những người giỏi Pháp-ngữ ở Lao Côn-Nôn, thỉnh thoảng cụ ưa đệm một câu tục ngữ Pháp

trong bài văn của cụ. Cụ thường nhắc đến những câu : « Manger pour vivre et non pas vivre pour manger », « la lutte pour la vie », « La raison du plus fort est toujours la meilleure », v.v...

Những bài văn xuôi của cụ gói ghém chặt chẽ lắm. Cụ lý luận theo lối biền ngẫu Pháp, và tránh lối văn « rau muống », theo lời cụ nói — hoặc « chi hồ dã giả » của nhà Nho. Cụ thuộc về thế hệ Nho học tiến bộ, dung hòa với văn hóa Tây-Phương.

Thơ của cụ Huỳnh-thúc-Kháng cũng không mạnh mẽ như thơ của cụ Phan-bội-Châu và không thanh-thoát bằng thơ cụ Ung-Bình Thúc-Gia Thị. Thơ của cụ Huỳnh thật là cổ điển, nhưng một sắc thái cổ điển tinh vi tế nhị, không nặng nề, không rườm rà, không câu chấp. Đến như thơ Hán văn của cụ cũng thế, không văn hoa hùng dũng như cụ Phan, nhưng ý tứ thâm trầm trong một cấu tạo tuyệt hảo.

Trước bữa cơm trưa đạm bạc hôm ấy, Cụ Phan bội Châu muốn chụp một bức hình với cụ Huỳnh thúc Kháng (đứng giữa) và tôi bên trái cụ. Tôi còn giữ tấm hình quý-báu ấy.

Về Hà-Nội, tôi có viết một quyển sách bằng Pháp-văn để cho người Pháp xem « *La vie tourmentée de Phan-bội-Châu racontée par lui-même* ». Tôi đã rao trước trong các báo, nhưng chưa kịp xuất bản thì bị hiến-binh Nhật tịch thu, ở Hà-Nội, năm 1941, cùng các sách khác trong tủ sách của tôi. Bây giờ không thể nào viết lại được nữa.

25.— Phan-Khôi

Có những người lúc chết để lại cho toàn thể xã hội đương thời một luyến tiếc buồn bã đau thương vô hạn, một cái tang não nuột trong tất cả những con tim, nhất là khi những người ấy còn mang xuống tuyền đài một mối hận chung của cả một thế hệ.

Giả sử Phan-Khôi tạ thế trong hoàn cảnh bình thường, vì già yếu, bịnh hoạn, như Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, như Hồ-biểu-Chánh, thì chắc hẳn chúng ta sẽ thương tiếc một văn-sĩ kỳ-cựu có chân tài, duyên dáng, một kiện tướng trong làng báo Việt Nam, một trong những đại diện cuối cùng và lỗi lạc nhất của phái Nho học đã tàn. Tuy vậy, chúng ta sẽ được an ủi phần nào, khi nghĩ đến cái chết tự nhiên, không tránh khỏi của tuổi già, và vong linh người bạc mệnh vẫn được an vui nơi chín suối.

Nhưng, đây không phải là trường hợp của Phan Khôi. Tiên sinh đã chết tại Hà-Nội năm 1959, trong lúc đã 73 tuổi mà còn đem hết sức lực tinh thần và thể xác để chống chỏi một chế độ độc-tài đàn áp tư tưởng của con người. 73 tuổi còn hậm hực chiến đấu trên trường văn trận bút, với một nhóm bạn trẻ tài hoa, can đảm, để bênh vực lý tưởng Tự Do và Công Lý. Than ôi, chết mà không thấy thực hiện được Lý tưởng ấy, chết mà

còn căm hờn, uất hận, ngậm ngùi, thì cái chết của Phan-Khôi thật là một tử-tiết, một bài học rất đau đớn cho chúng ta, bởi chúng ta tất cả đều là nạn nhân của một thảm kịch bi đát nhất của thời đại.

Lý tưởng của Phan Khôi chính là lý tưởng của thế hệ chúng ta, vì ông đã dùng ngòi bút để bênh vực, không phải bản thân của ông mà là đời sống tinh thần của cả một dân tộc, không phải cái tự do riêng của ông mà là cái Tự Do quý báu chung của con người. Ông đã nêu cao gương chiến đấu cho Tự Do Tư Tưởng, Tự Do Văn Hóa, không có nó đời sống tinh thần của con người sẽ không còn giá trị gì nữa cả.

Trong Văn-học-sử Việt-Nam, Phan Khôi chiếm một địa vị riêng biệt. Ông là một nhân vật độc đáo của phái nho học hồi đầu thế kỷ, độc đáo bởi vì cùng một lớp với ông có những nhà Nho lỗi lạc như Lê-Dư, Hoàng-tăng-Bí, Dương-bác-Trạc, Đoàn-như-Khuê... nhưng ít có ai như ông đã cương quyết thoát ra ngoài khuôn khổ học thuyết của Khổng giáo, và tự tìm cách hấp thụ tân học Âu-tây mà ông đã sáng suốt và kịp thời nhận xét rất cần thiết cho đời sống mới. Học chữ Hán từ thuở bé, ông đỗ Tú Tài hồi 19 tuổi, về sau nhờ có tự học mà ông đã thấm nhuần được phần nào các Triết lý và Văn chương Pháp của thế kỷ XVIII và XIX, và đã trở thành một kiện tướng tiên phong của tân trào Âu-học trong phái Nho-gia.

Sinh năm 1887 tại làng Bảo-An, phủ Điện-Bàn, tỉnh Quảng-Nam, Trung Việt, Phan-Khôi mới được 2 tuổi khi

Hoàng-Diệu, Tổng-Đốc Hà-Nội, là ông ngoại của ông, phải tuẫn tiết vì kinh thành Bắc Việt bị người Pháp chiếm đóng.

13 năm sau, thi đỗ Tú tài Hán-học xong, Phan Khôi rời tỉnh Quảng Nam, ra Hà Nội bắt đầu viết báo. Trước hết ông viết cho tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* là một trong vài tờ báo đầu tiên xuất bản tại Hà-Nội, cơ quan tuyên truyền của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Tờ báo này bị cấm, Phan Khôi trở về Quảng Nam, tham gia phong trào Văn Thân, hoạt động chống Pháp, cùng với cụ Huỳnh-thúc-Kháng và cụ Phan-chu-Trinh. Phan Khôi bị bắt và bị tù đến 1914 mới được trả lại tự do. Rời khỏi ngục thất Quảng Nam, ông trở ra Hà Nội tiếp tục hoạt động trên Văn đàn. Ông cộng tác với tạp chí *Nam-Phong* trong một thời gian, nhưng bất đồng ý kiến với Phạm-Quỳnh, ông bỏ Hà-Nội vào Saigon để giúp tờ *Lục Tỉnh Tân Văn*. Thấy tờ này có tính cách thông tin nhiều hơn là nghị luận, ông bất mãn trở ra Hà Nội, hợp tác với tờ *Thực Nghiệp Dân Báo*. Ông cũng có viết trong tạp chí *Hữu-Thanh* của cụ Nghè Ngô-đức-Kế, một nhà cách mạng ở Côn Đảo mới về. Nhưng ông chuyên chú về văn học hơn là chính trị. Năm 1928, *Hữu-Thanh* bị đóng cửa, Phan Khôi lại chạy vô Saigon tung hoành ngòi bút một dạo khá lâu trên những tờ *Đông Pháp Thời Báo*, *Thần Chung*, *Trung Lập*, *Phụ Nữ Tân Văn*. Phan Khôi bắt đầu nổi tiếng từ đây, nhờ những loại bài bút chiến, trong đó ông đã chứng tỏ một trí thức uyên thâm về nho-học, dung hòa rất khéo léo với những tư tưởng rất mới của Âu tây, và diễn tả với một lối văn giản dị, bình dân và nhất là với một giọng trào phúng duyên dáng

vô cùng hấp dẫn. Chính làng báo Sài gòn là đất dụng võ thích hợp nhất với tài năng hoạt bát của Phan Khôi, trong những năm 1929-30-31. Nhưng rồi không hiểu tại sao (theo lời ông nói với tôi ở Hà Nội thì hình như tại vì ông giận dỗi mấy ông bà chủ báo hồi đó muốn lợi dụng tên tuổi và tài năng của ông), năm 1933 ông lại xách va ly trở ra Hà Nội làm chủ bút tờ *Phụ Nữ Thời Đàm*. Ông ở đây cũng không bền Năm 1936, người ta lại thấy tên Phan Khôi trên báo *Tràng An* ở Huế, rồi sau đó trên tờ *Sông Hương* mà ông là chủ nhiệm kiêm chủ bút. Nhưng không bao lâu, tờ *Sông Hương* bị đình bản, Phan Khôi lại quay vào Saigon. Ông chán nản với nghề văn nghiệp báo, báo hại ông cứ phải vác cây bút phiêu lưu chạy ra chạy vào bao phen Hà nội — Sài gòn, Sài gòn — Hà nội, mà nghèo vẫn cứ nghèo, nợ vẫn cứ nợ, nhưng khí-phách vẫn còn nguyên khí-phách.

Năm 1939, người ta gặp Phan Khôi ở Sài gòn dạy học và không viết báo nữa.

Chiến tranh Thái-bình-Dương mỗi ngày mỗi bành trướng, Sài gòn bị oanh tạc dữ dội, Phan Khôi nhất định lần này trở về nương náu nơi quê nhà ở tỉnh Quảng Nam. 1945, Việt-Minh nắm chính quyền. Ngay buổi đầu ông đã tức bực về những hành động quá tàn bạo của cán bộ địa phương đối với nhân dân trong tỉnh. Đến khi họ định đập phá nhà thờ cụ Hoàng-Diệu, thì Phan Khôi phản đối nhiệt liệt. Nếu lúc bấy giờ không có thần thế mạnh mẽ thì có lẽ Phan Khôi đã bị thủ tiêu rồi, như trường hợp những nhà văn có tinh thần quốc gia và yêu chuộng tự do, công lý như Khái-Hưng, Lan-Khai.

Nhưng Phan Khôi may mắn có người con trai, trên là Phan Thao, lúc bấy giờ là một cán bộ cao cấp trong ủy-ban Trung-bộ ở Huế. Phan Khôi lại có người em họ là Phan-Bôi, tức Hoàng-hữu-Nam là Ủy viên ở trung ương đảng-bộ, và thứ trưởng bộ Nội vụ ở Hà Nội. Hơn nữa, bạn đồng môn và đồng chí của ông là cụ Huỳnh-thúc-Kháng, đang giữ chức Bộ trưởng Nội vụ trong chính phủ Việt Minh. Phan Khôi lén nhờ người cầm thư ra Hà Nội cho cụ Huỳnh-thúc-Kháng để nói rõ tình hình trong tỉnh Quảng Nam. Cụ Huỳnh lập tức đánh điện mời Phan-Khôi ra Hà Nội, định che chở cho cụ. Nhưng ở Hà Nội, Phan Khôi vẫn bị công-an Việt Minh theo dõi từng bước và họ giao ông cho chính em họ của ông là Phan-Bôi, tức Hoàng-hữu-Nam, thứ trưởng bộ Nội vụ, quản thúc.

Vì tính cương trực, không muốn để mất tự do hành động của mình, ông không chịu ở nhà Phan-Bôi, mà tự ý đến ở nhà Khái-Hưng, tại trụ sở V. N. Quốc-Dân-Đảng, phố Quan-Thánh. Việt Minh đến bắt Khái-Hưng tại nơi đây, và bắt luôn Phan Khôi. Khái-Hưng thì họ đưa về làng quê quán để rồi cán bộ địa phương thủ tiêu trong một đêm tối trên một bờ đê trong làng Còn Phan Khôi thì bị đưa lên chiến khu Việt-Bắc. Con trai của ông là Phan Thao, lúc bấy giờ đã ra Hà-Nội làm chủ nhiệm *báo Cứu Quốc* cũng không can thiệp gì được. Nhưng vì được nhiều thân thế ở thượng cấp, nên Phan Khôi bị giam lỏng và được giao công tác phiên dịch sách chữ Hán.

Suốt chín năm kháng chiến ở Việt Bắc, Phan Khôi, một nhà văn độc lập, không đảng phái, không quy-luỵ

ai, không phục tùng sức mạnh nào, chỉ phụng sự cho công lý, tự do, dân chủ. Phan Khôi vẫn công kích chế-độ cộng-sản, mặc dầu ông triệt để ủng hộ cuộc kháng chiến của toàn dân chống Pháp.

Năm 1954 sau hiệp định Genève, Phan Khôi trở về Hà Nội. Để mua chuộc ông, Việt Minh cử ông vào phái đoàn Bắc Việt đi Bắc Kinh dự lễ truy niệm nhà văn Lỗ-Tấn của Trung-cộng.

Nhưng đi Bắc Kinh về, Phan Khôi vẫn tiếp tục chống chính sách cộng sản. Ông lại trở về làm báo, quyết dùng tờ báo để làm nơi diễn đàn công khai, bênh vực tự do tư tưởng, tự do văn nghệ, và chống đối nhiệt liệt với đảng và chính phủ.

Cùng với Phan Khôi có một số văn nghệ sĩ thanh niên hầu hết là những cán bộ đã có nhiều thành tích chiến đấu vẻ vang trong chiến khu, bắt đầu từ mùa Xuân năm 1956 ngay từ Hà Nội, mở ra chiến dịch chống độc tài chuyên chế. Đầu tiên là một tập văn nhan đề *GIAI PHẨM 1956* ra đời đầu tháng 5.

Ngày 29 tháng 8 năm 1956, lại có *GIAI PHẨM MÙA THU* tập 1, Trong đó Phan Khôi viết bài « *Phê bình lãnh đạo Văn Nghệ* » làm cho nhân dân Hà Nội xôn xao náo động, vì Phan Khôi thẳng tay đả kích các cấp lãnh văn-nghệ Việt-Minh.

Ngày 25.9.56, tờ báo *NHÂN VĂN* ra đời, rồi kế tiếp là tờ *ĐẤT MỚI* của sinh viên đại học, và tờ tuần báo *TRĂM HOA* của Thi sĩ Nguyễn Bính, là những tờ báo công kích chế độ cộng sản kịch liệt.

Nhưng chỉ được vài tháng thôi, đến ngày 15.12 56, tất cả các báo ấy đều bị bóp chết và các nhà văn kia đều bị đấu tố. Phan Khôi già yếu bị hoàn toàn cô lập như nhà văn Nga Sô Boris Pasternak, và chết như Pasternak, ôm một khối căm hờn về nơi thiên cổ.

***

Từ 1887 là năm sinh của Phan Khôi, đến 1959 là năm Phan Khôi chết, tính theo tuổi Việt thì ông thọ được 73 tuổi, nhưng tính theo ngày tháng dương lịch là 72 năm, trong suốt cả thời gian đằng đẵng ấy, Phan Khôi đã trải qua hai thế hệ văn hóa, và dưới thời đô hộ Pháp cũng như dưới chế độ chuyên quyền của Việt Minh, Phan Khôi vẫn giữ vẹn khí tiết cao thượng, tự do, bất khuất của con nhà văn, 20 tuổi cũng như 72 tuổi, ông viết báo chống nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, khinh thị triều đình Huế, nhạo báng quân chủ bù nhìn, cũng như viết báo, làm thơ, viết truyện ngắn, đề đả kích cộng sản, tấn công chế độ độc tài, Phan Khôi vẫn luôn luôn là một nhà văn trung thực, chỉ biết có một lý tưởng trong đời, một nhiệm vụ của con nhà cầm bút : là phụng sự văn hoá thuần túy và tự do tư tưởng, bởi không có hai yếu tố đó thì không làm sao đạt được Chân, Thiện, Mỹ.

Là nhà văn chân chính, có tài năng quán xuyến và học thức uyên thâm, tự thấy mình có một sứ mạng cao cả đối với Dân tộc, Phan Khôi không bao giờ chịu để ngòi bút của mình làm nô lệ cho một uy quyền nào. Tuy ông chưa xuất bản được mấy quyển sách, nhưng

tất cả những bài văn của ông đã viết trên các mặt báo ở Hà Nội, Huế, Saigon trong 50 năm trời, đều để lại cho chúng ta ngày nay bài học quý giá ấy.

Ai cũng nhớ những cuộc bút chiến sôi nổi của Phan khôi trong các báo *Thần Chung, Phụ Nữ Tân Văn, Phụ Nữ Thời Đàm*, hồi tiền chiến, như những bài « Cảnh cáo các nhà Học phiệt », « Duy tâm và Duy vật » và những bài phê bình văn nghệ như « Đọc cuốn Nho giáo của Trần trọng Kim », v.v... Trong những bài ấy, Phan Khôi đứng trên địa hạt văn nghệ thuần túy, và văn nghệ hoàn toàn dân tộc. Ông nhiệt liệt đả kích một vài kẻ muốn dựa vào một uy thế nào đó, để thao túng văn đàn, hoặc những nhà học-giả ngoan cố, bám chặt lấy những thành kiến cổ hủ hoặc xuyên tạc một vài chân lý, làm trở ngại bước tiến tinh thần của Dân tộc.

Với lối văn hết sức giản dị, tự nhiên, thường hay trào lộng duyên dáng, Phan khôi nói thẳng thắn những điều ông suy nghĩ, viết thẳng thắn những lời ông nói. Cho nên tư tưởng của ông rất chân thật, văn của ông rất hấp dẫn, và ảnh hưởng sâu rộng trong giới thanh niên.

Những bạn trẻ được hân hạnh quen biết Phan Khôi vào khoảng 1930 — 40, đều nhận thấy nơi nhà học cũ ấy một nhân vật rất ngộ-nghĩnh. Có lần tôi đi với Lưu trọng Lư đến thăm ông tại toà soạn *Phụ Nữ thời đàm* ở phố Hàng Bồ, tôi nói đùa với ông :

— Tên ông là Phan Khôi, hèn chi ông viết báo cừ khôi lắm.

Phan Khôi cười to lên và bảo :

— Nói tôi là « cừ khôi » thì không phải, nói tôi là « kỳ khôi » thì đúng hơn.

Phan Khôi nói chuyện cũng thật có duyên y như ông viết văn. Quả thật, Phan Khôi là một nhân vật kỳ khôi và ngộ nghĩnh. Bởi lẽ ông là người gốc ở Hán học, ông là một ông nhà Nho chính tông, ấy thế mà ông đã âm thầm tự học, không ai biết rõ là từ hồi nào, bỗng dưng thành ra một ông Đồ Tây chẳng kém ai !

Các nhà nho học đồng thời đều ngạc nhiên thấy ông tú Phan Khôi giỏi cả chữ Pháp, còn bọn thanh niên tây học thì khâm phục ông Tú nhà Nho đã già mà thỉnh thoảng nói tiếng Pháp thật có duyên. Vì thế, Phan Khôi chiếm một địa vị độc đáo giữa hai thế hệ.

Chính lối văn hấp dẫn của Phan Khôi là kết quả trực-nhiên của hai trào lưu văn hóa, mà ông đã kết nạp điều hòa với một nghệ thuật rất tài tình.

Hai câu nói bất hủ của nhà văn Pháp Buffon : « *Le style est l'homme même* » và của Sénèque, nhà Triết học La-tinh : « *Talis hominibus fuit cratio, qualis vita* » đem áp dụng vào trường hợp Phan Khôi đều rất thích đáng. Người của Phan Khôi thế nào thì văn của Phan Khôi cũng giống y như thế, và nếu những ý tưởng của Phan Khôi là tổng quát, và tóm tắt những đại cương của các môn học-thuật cổ điển, thì lời văn diễn đạt đặc sắc của Phan Khôi chỉ có Phan Khôi có mà thôi, và sẽ còn lưu truyền mãi mãi.

Phan Khôi làm thơ cũng thế. Thỉnh thoảng, khi nào

cao hứng, ông mới làm một bài, để ngâm chơi theo sở thích của ông, chứ không làm nhiều. Gom góp hết các thơ của Phan Khôi, không đến 10 bài. Ông lại không ưa làm thơ chữ Hán như hầu hết các nhà Nho học.

Vài nhà chép văn học-sử cho rằng Phan Khôi là người đề xướng ra phong trào Thơ Mới đầu tiên, hồi 1931-32. Nhưng chính Phan Khôi nói quả quyết với tôi rằng ông không hề chủ trương « lối thơ mới » hồi bấy giờ, và ông cho rằng bất cứ lối thơ nào diễn tả được hết tư tưởng của mình là mình áp dụng chứ không có « thơ mới » và « thơ cũ », và không cần đặt ra « thơ mới » để bỏ « thơ cũ ». Bài thơ « *Tình Già* » của Phan Khôi, chính ông không gọi nó là « thơ mới », và ông bảo rằng lối thơ câu dài câu ngắn như thế, từ đời nhà Tống bên Tầu đã có rồi, như loại cổ phong có từ trong Kinh Thi nữa kia ! Ông bảo « Gọi là « thơ mới » thì phải mới trong cái ý thơ, hoặc trong cách diễn đạt cái ý thơ, chứ không phải mới ở khuôn khổ bài thơ. »

Phan Khôi ít thích làm thơ Đường luật, chính vì tính ông phóng túng, không chịu bó buộc, dẫu làm thơ cũng vậy.

Ngoài bài « *Tình già* » và bài « *Hai cảnh trên xe hỏa* », ông làm chơi cho vui theo lối kể chuyện bằng văn xuôi có vần (prose rythmée). Phan Khôi làm thơ theo các thể Lục bát, bát cú, tứ tuyệt. Mãi về sau này, hồi thời kháng chiến, Phan Khôi cũng còn ưa làm thơ tứ tuyệt, để nói ít mà nói nhiều. Như bài sau đây, ông làm ở Việt Bắc năm 1952, sau khi ở bệnh viện ra đi bớt tóc :

Tuổi già thêm bệnh hoạn,
Kháng chiến thấy thừa ta.

Mối sầu như tóc bạc,
Cứ cắt lại dài ra!

Đại khái thơ của Phan Khôi, ít nhưng cô đọng lại thành nhiều, chỉ có bốn câu, nhưng ngụ bao nhiêu là ý nghĩ. Nếu gọi là thơ mới, thì những câu thơ kia đâu có phải là mới, nhưng diễn tả ý tứ của nhà thơ là mới vậy.

Phan Khôi là một nhà văn và một nhà thơ châm biếm rất tài tình. Dĩ nhiên một người như ông, sống với thực tế chứ không bao giờ biết mơ mộng, luôn luôn nhìn vào thực tế chứ không lý thuyết bông lông, cho đến làm thơ cũng dùng lời văn thực tế, không mầu mè hoa lệ, thì làm sao ông chịu được những cảnh giả dối tàn nhẫn, trái với trật tự thiên nhiên, trái với lương tâm loài người, trái cả với chân lý ?

Sống trên 10 năm trong xã hội cộng sản, bao nhiêu điều mắt thấy tai nghe, từ lúc còn ở ngoài chiến khu Việt Bắc, được Hồ-chí-Minh tặng cho một chiếc áo blouson mặc ấm, cho đến khi về ở Hà-Nội trong sáu năm 1954-59, Phan Khôi hẳn đã nếm đủ các mùi vị của Đảng và của Chính phủ Việt cộng đã tặng cho ông. Kết quả 15 năm chung đụng ấy là một thái độ cương quyết chống đối với chính quyền Việt cộng và một mớ văn thơ hậm hực, mỉa mai, chua chát, phô bày công khai trước Lịch sử.

Tôi xin trích một đoạn văn của Phan Khôi trong bài *PHÊ BÌNH LÃNH ĐẠO VĂN NGHỆ*, trong « *Giai Phẩm Mùa Thu* » tập I, ra ngày 29 tháng 8 năm 1956 ở Hà-Nội. Trong bài này Phan Khôi nói thế nào là văn nghệ tự do. Ông viết :

«... Các ông có nghệ thuật của các ông, còn tôi có nghệ thuật của tôi. Trong nghệ thuật ngụ cái cá tính của mỗi người một khác, do đó cái nghệ thuật tính của văn nghệ của mỗi tác giả cũng một khác. Có như thế thì mới có cái quanh cảnh « trăm hoa đua nở ». Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra bông vạn thọ hết ! và nếu cứ thế này mãi, than ôi, cái ngày ấy cũng chẳng xa đâu !

« Mới đây, trước ngày 20 tháng 7, nhà báo Tổ Quốc viết thư cậy tôi « viết một bài về chuyện Miền Nam », như thế là đã ra đề cho tôi « làm bài » đó. Trong thư, ông Đại-chủ-bút còn « dàn bài » sẵn cho tôi nữa, như là « yêu cầu » thế này, « mục đích » thế nọ, và hạn từ một ngàn rưỡi đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá (có lẽ vì tôi tự ái, đáng kiềm thảo !) bèn kiếm cách từ chối. Cụ Đồ Chiểu ! ở thời cụ, cụ đã kêu :

Ở đây nào phải trường thi
Ra đề, hạn vận, một khi buộc ràng ?

« Thế mà ngày nay, bảy tám mười năm sau cụ, người ta còn ra đề, dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó, cụ ơi ! Tôi còn làm ăn gì được nữa, cụ ơi ! Tôi còn là tôi đâu nữa, cụ ơi ! »

Những người đã đọc văn của Phan Khôi viết ở Sàigòn từ trước đây 30 năm, trong báo *Phụ Nữ Tân Văn* hay trong *Thần Chung*, chắc nhớ lại giọng văn bình dân giản dị, và chân thật ấy thốt ra từ trong tim trong óc của Phan Khôi.

Phan Khôi tức giận vì các cấp lãnh đạo Văn nghệ ở Hà Nội buộc ông phải viết một đề tài về Miền Nam, mà phải viết theo cách thức và đường lối của họ đã vạch sẵn, thì dĩ nhiên, một nhà văn tự do, một nhà văn có lương tâm văn nghệ, đâu có thể nào viết được.

Phan Khôi đã phản đối cái chính sách bắt buộc nhà văn đem ngòi bút của mình mà làm nô lệ tư tưởng của kẻ khác. Ông lại còn kêu gọi hương hồn cụ Đồ Chiểu ở Miền Nam để phân bua ? Thật là mỉa mai ! Chua chát ! Thật là đau đớn !

Trong những giai phẩm mà tôi đã kể xuất bản giữa kinh đô Hà Nội, Phan Khôi đã thẳng thắn tố cáo chính sách độc tài, và hăng hái bênh vực cho tự do văn nghệ và tự do tư tưởng. Có đôi người lo sợ cho ông viết như thế sẽ bị « làm sao » chăng, thì ông làm bốn câu thơ sau đây để trả lời :

Làm sao cũng chẳng làm sao
Dầu có thế nào cũng chẳng làm chi.
Làm chi cũng chẳng làm chi,
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao !

Ông đã cương quyết đấu tranh cho tự do dân chủ, thì dù có gì đi nữa ông cũng trơ như đá vững như đồng, chẳng ai làm gì được ông, mà cho có làm gì đi nữa ông cũng không cần. Với ý chí cứng rắn ấy, Phan Khôi đã tiếp tục đấu tranh bằng ngòi bút sắc bén, bất chấp uy quyền.

Ông tự ví ông như ánh nắng chiều, sức nắng đã gần tàn, nhưng ông quyết đấu tranh cho đến tia nắng cuối cùng, như ông đã nói trong bốn câu thơ sau đây làm năm 1956 :

Nắng chiều tuy có đẹp,
Tiếc tài gần chạng vạng,
Mặc dầu gần chạng vạng,
Nắng được thì cứ nắng.

Quả thật Phan Khôi đã bền bỉ đấu tranh. Cùng với ông có một nhóm nhà Văn, nhà Thơ, giáo sư, và sinh viên đại học, hầu hết là những cán bộ thanh niên có thành tích vẻ vang trong 9 năm kháng chiến.

Nhưng Phan Khôi là nhân vật điển hình của một thế hệ văn sĩ đã tha thiết yêu tự do, và không thể chấp nhận được rằng dưới một chế độ mệnh danh là dân chủ, tự hào là đại diện cho ý chí của một dân tộc độc lập và tự do, mà văn nghệ và tư tưởng lại bị kềm hãm gắt gao hơn là dưới chế độ phong kiến.

Mỉa mai thay, câu chữ Hán « *Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh* », ca ngợi thời đại văn học phồn thịnh của Đông-Chu ở Trung Quốc, mà đem phiên dịch ra Việt ngữ thành ra « *Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng* », mỉa mai vì dưới bàn tay sắt bóp nghẹt tư tưởng của con người, trăm nhà không hề dám kêu lên một tiếng khóc, trăm hoa không dám nở ra một nụ cười.

Nhưng làm thế nào được ? Cái tính chất và lý do tồn tại của các chế độ độc tài, độc tài cộng sản cũng

như độc tài phong kiến, là bắt muôn ức triệu người phải sùng bái một người, muôn ức triệu gia đình phải tuân theo một mệnh lệnh, muôn ức triệu đầu óc phải rập theo một khuôn khổ.

Cho nên dưới thời Néron, một vị hoàng đế tàn ác nhất của lịch sử La Mã và lịch sử loài người, ở thế kỷ I sau J.C., khắp cả đế quốc to rộng nhất của Âu châu, nhân dân không hề dám hé môi than thở một lời, các thi sĩ không ca hát một câu thơ. Néron hỏi nhà sử học Tacite chỉ trả lời có ba tiếng : *Roma vasta silentio* (La Mã mênh mông im lặng).

Nhưng, cái im lặng đó là cả một sức mạnh gớm ghê, tiềm tàng, ẩn khuất, trong giòng máu, trong hơi thở, trong trí óc của nhân dân, để rồi Néron vừa mới chết là toàn thể dân chúng Roma reo hò nổi dậy, đập đổ hết các pho tượng của kẻ độc tài, của cả vợ con hắn, và làm sụp đổ tan nát một triều đại chuyên quyền.

Ba thế kỷ trước Néron, Tần thủy Hoàng bên Tàu lại còn tàn bạo hơn nữa đối với văn hóa và học thuật. Nghe lời một tên thừa tướng ngu xuẩn, nịnh bợ, muốn bám chặt lấy địa vị, y đã truyền lệnh đốt hết tất cả các kinh sử từ đời nhà Chu để lại và chôn sống 460 nhà văn sĩ đã đem văn chương đạo lý của thời xưa mà chỉ bảo cho đời nay. Nhưng chính sách của Tần thủy Hoàng bóp nghẹt tư tưởng, giết chết văn hóa, có lâu bền được không ? Nhà Tần chuyên quyền không quá 15 năm, rồi chỉ một người dân quê là Trần Thắng đi làm thuê cuốc mướn, biết lợi dụng lòng uất hận của muôn dân, cũng có thể phất cờ nổi dậy, kéo hàng vạn thanh

niên theo chàng để chống lại cả một triều đại. Sau đó Lưu Bang mới khởi binh ở đất Bái, đánh đổ nhà Tần và lập nên nhà Hán.

Chính sách nô lệ hóa văn học của Tần-thủy-Hoàng có lợi riêng cho họ nhà Tần được 15 năm, nhưng 2000 năm lịch sử về sau vẫn nguyền rủa họ.

Từ xưa đến nay, trên trái đất biết bao nhiêu văn thơ bị cấm, sách vở bị đốt, văn sĩ, thi sĩ bị tù, bị đày, bị chém giết, nhưng rốt cuộc rồi văn hóa tự do vẫn thắng, và các kẻ thống trị độc tài, chuyên chế, đã bị lịch sử kết án mãi đến muôn đời muôn kiếp.

Napoléon III, hoàng đế nước Pháp, bắt đầy thi sĩ Victor Hugo ra một hòn đảo ngoài Đại-tây-Dương, Hugo trả thù lại, chỉ gọi nhà vua một câu « *Napoléon le Petit* » là đủ để lại cho hậu thế một bản án nhục nhã nhất cho vị Hoàng đế chuyên quyền.

Victor Hugo ca ngợi văn nghệ tự do với những câu thơ hùng vĩ :

L'art, c'est la pensée humaine,
Qui va brisant toute chaîne !
L'art, c'est le doux conquérant !
A lui, le Rhin et le Tibre !
Peuple esclave, il te rend libre !
Peuple libre, il te rend grand !

Xin tạm dịch :

Nghệ thuật, tư tưởng của người,
Bẻ tan xiềng-xích, chiếm trời mông-lung,

Nước non Âu Á nghìn trùng !
Say sưa nghệ thuật, vang lừng nhịp ca !
Câu văn giải phóng sơn hà !
Lời thơ tô điểm nước nhà vinh quang !

Những nhà cầm bút chân chính, những nhà văn có ý thức về nhiệm vụ của mình đối với dân tộc, đối với Nghệ thuật cao cả, không hề bao giờ sợ xiềng xích, sợ tù tội, hay sợ giết chết. Không ! Nhà văn luôn luôn có đôi chút hãnh diện với trách nhiệm của mình và không bao giờ đầu hàng trước một thế lực, hay một uy quyền nào cả

Từ khi toà án Hy Lạp kết tội nhà triết học Socrate trước đây 2400 năm, từ khi tòa án La Mã kết tội nhà bác học Galilée trước đây 300 năm, chúng ta đã thấy rằng chính trị là tạm thời, và sớm hay muộn rồi cũng bị vùi trong bụi bậm thời gian, chớ chân lý và văn hóa cứ trường tồn bất diệt.

Nếu bàn tay đẫm máu giết người của Lady Macbeth mà tất cả các thứ nước hoa và dầu thơm của xứ Arabie cũng không thể nào rửa sạch được, thì chúng ta cũng có thể nói rằng không có một lưỡi gươm nào có thể giết được chân lý và nghệ thuật của loài người. Không có lớp máu nào có thể làm mờ ám được những tư tưởng thiêng-liêng của Thượng-Đế ban cho nhân loại.

Thi sĩ Friedrich Schiller của nước Đức, thế kỷ XVIII đã nói : « Những quyền tự do của dân tộc, tự do sinh tồn và tự do tư tưởng, là bất diệt như các vì tinh tú. »

Chúng ta mong rằng những kẻ muốn đàn áp văn nghệ tự do, những kẻ có dã tâm bóp nghẹt tư tưởng của nhà cầm bút, những kẻ quyết dùng chính sách khủng bố đối với văn nghệ sĩ, hãy nên nhớ lại những bài học của lịch sử.

Một bài thơ « *Talpra Magyar* » của Alexandre Pétofi, nhà thơ Hung gia Lợi, đã làm nổi dậy cuộc cách mạng của một dân tộc quyết thoát khỏi ách nô lệ của kẻ bạo tàn. Một bài « *Hymne à la Libertés !* » của nhà thơ Hy Lạp, Dionys Solomos, đã đưa cao nhân dân Hy Lạp lên đài vinh quang.

Chỉ thỉnh thoảng có một nhà thơ quá đau khổ vì căm hờn im lặng, như thi sĩ Nga sô Dimir Maiakowsky, người đã quá tin tưởng nơi lý thuyết Mác-xít, nơi chế độ Bolchevik, nhưng sau rồi thất vọng, uất ức đành phải tự tử năm 1930 để khỏi thấy những cảnh trái ngược xảy ra chung quanh mình.

Nhưng, những nhà thi sĩ khác có can đảm ở Nga Sô như Essenine, như Boris Pasternak, vẫn điềm tĩnh viết ra cho nhân loại những bài thơ và những lời văn tỏ uất hận của mình.

Ở Bắc Việt, nếu hai nhà văn Khái Hưng và Lan Khai đã chết oan uổng, nạn nhân của chế độ ngoài ấy, thì vẫn còn một Phan Khôi cương quyết dùng ngòi bút để bảo vệ cho tự do của nhân dân, và tự do văn hóa. Một Phan Khôi và một nhóm bạn trẻ, không chịu quỵ lụy trước uy quyền, không chịu nhắm mắt phục tùng những mệnh lệnh trái hẳn với lương tâm văn nghệ, đã chồi dậy, đã kêu lên tiếng nói làm xáo động cả nhân dân, làm lung lay cả hệ thống lãnh đạo.

Phan Khôi chết, nhưng chúng ta tin rằng tiếng nói của Phan Khôi đã vọng trong tâm não của quần chúng và đã ngấm ngầm in sâu trong tư tưởng của mọi người.

Rừng núi bao la, non sông cách trở, chúng ta ở miền Nam này, cách một con đường máu rạch đôi sơn hà, nhưng tiếng nói của Phan Khôi cũng đã bay qua không gian và thời gian, vang dội đến lòng ta.

Cho nên hôm nay, nhớ Phan Khôi, chúng ta không khỏi ngậm ngùi đau đớn. Chúng ta không khỏi thương tiếc một nhà văn kỳ cựu đã quen thuộc với Saigon mà phong độ hiên ngang, lời văn trung thực đã để lại trong ký ức của chúng ta một mối tình sâu đậm, một niềm cảm phục chân thành.

***

Lần đầu tiên tôi gặp Phan Khôi ở Hà-Nội thật là bất ngờ và buồn cười. Một buổi sáng vào khoảng 11 giờ, tôi đang đi phố Hàng Cót, gặp Lưu trọng Lư. Anh ta dắt tôi đi ăn phở « Nghi Xuân » phố Hàng Nón, xong dắt tôi đến tòa báo *Phụ Nữ Thời Đàm* gần đấy mà không cho tôi biết đến đấy làm gì. Vào tòa soạn, tôi trông thấy một người đàn ông lớn tuổi, mắt sáng, mặt xương, mặc áo Tây mầu đen hơi cũ. Lưu trọng Lư giới thiệu tên tôi cho chủ nhân. Ông này niềm nở bắt tay tôi, xong Lư cười hỏi tôi :

— Còn ông này là ai, đố N. V. biết ?

Tôi bảo :

— Ông Phan Khôi, nếu tôi không lầm.

Lư « cười như con nắc nẻ » tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Ủa, thế ra mi biết ông ni là Phan Khôi à ? Biết hồi mô ?

— Lần đầu tiên tôi được hân hạnh biết mặt một người mà tôi đã biết tên từ lâu, điều đó không có gì lạ. Ông đúng là người mà tôi đã tưởng-tượng những khi đọc văn ông trong các báo.

Phan Khôi chỉ ghế mời chúng tôi ngồi. Tôi nói tiếp:

— Ông là một nhà viết báo *cừ khôi*, đúng như tên ông.

Phan Khôi lắc đầu :

— Tôi *kỳ khôi* thì có, chứ không *cừ khôi*.

Câu chuyện hoàn toàn về nghề làm báo, làm thơ. Ông ngó Lưu trọng Lư :

— Anh bảo tôi là « tiên phong thơ mới », là láo. Tôi ít làm thơ. Thỉnh thoảng làm chơi, do ảnh hưởng của thơ Tàu thì có. Tôi ghét thơ đời Đường quá bó buộc, tôi làm thơ đời Tống. Cũ rích, có gì là mới. Loại thơ đó, nhà Nho ai mà không làm, đâu phải riêng tôi ? Thơ Cổ phong trong *Kinh-Thi* thời Khổng-Tử đã có rồi. Gần đây, ông Huỳnh thúc Kháng cũng ưa làm thơ điệu Trúc-Chi-từ, theo Cổ-Phong Tàu. Tản-Đà cũng làm thơ cổ phong. Ông Trần-tuấn-Khải làm toàn thơ theo thơ Tàu. Nếu làm thơ câu dài câu ngắn, không theo Đường Luật mà bảo là « thơ mới », thì Tản-Đà, Trần-tuấn-Khải, đã

làm « thơ mới », trước tôi nữa chớ. Đừng có nói tầm bậy mà rồi sau này người ta viết Lịch-sử văn-học người ta cười cho thúi cả đám. Một đứa nói bậy, rồi mấy đứa nói bậy theo cho mà coi.

Lưu trọng Lư cãi :

— Chính ông đề xướng « thơ mới », nay ông còn chối à !

Phan Khôi trợn mắt :

— Phan Khôi này « đề xướng » thơ mới hồi nào ? Câu nói chơi là khác, lời nói thiệt là khác. Tôi « đề xướng thơ mới » thì tôi phải có lời phi lộ hẳn hoi chớ, tôi phải làm cái campagne de presse tuyên chiến với « thơ cũ » chớ. Tôi có làm những việc đó hồi nào đâu ? Người học Nho, chịu ảnh hưởng thơ Tàu, làm thơ theo Tàu. Người học Tây, chịu ảnh hưởng thơ Tây, làm thơ theo Tây. Chẳng có thơ nào mới, thơ nào cũ cả. Đừng có nói bá láp, sai hết. »

— Ông viết trong báo *Phụ Nữ Tân Văn*...

— Láo ! Tôi viết báo là để viết báo. Tôi không phải là thi sĩ như các ông, mà bầy đặt đề xướng thơ mới, bỏ thơ cũ. Chính tôi khi nào cao hứng làm thơ chơi, tôi cũng làm thơ cũ đó. Nói phải cho có logique chứ.

Câu chuyện giữa Phan Khôi và Lưu trọng Lư kéo dài gần đến 12 giờ. Nếu chưa đến giờ đóng cửa, thì cũng chấm dứt. Vì Lư cãi để mà cãi chớ không lý luận nổi với ông Phan Khôi. Tôi thì làm thinh nghe.

Sau đó, tôi ít có dịp gặp lại Phan Khôi.

Vào khoảng 1958, 59, 60, 61... tôi thường nhận được thư và truyện ngắn của cô Phan thị Mỹ-Khanh, con gái của ông Phan Khôi, làm nghề nông, ở Tam Kỳ (Quảng Nam). Tôi thường liên lạc bằng thư với cô, và đăng nhiều truyện ngắn của cô trong *Phổ Thông*. Tôi hứa với cô sẽ gom góp những truyện ngắn ấy, độ 15 bài, để in thành sách và xuất bản. Nhưng chưa có phương tiện để thực hiện ước vọng ấy của cô. Tôi vẫn ân hận.

Lối văn của Phan thị Mỹ-Khanh khác hẳn lối văn của ông thân sinh cô. Cô viết truyện rất giản dị, hiền từ, và duyên dáng như lời nói của cô gái Quảng. Cô không có giọng « Quảng Nam hay cãi » như ông Tú Phan-Khôi.

Cô có viết một bài trong *Phổ Thông* : « *Cha tôi, ông Phan Khôi* », kể lại những chuyện lúc cô còn nhỏ, rất hấp dẫn, lộ ra càng rõ những tính tình của ông Phan Khôi.

Từ 1965, tôi không có tin tức của Mỹ Khanh nữa.

trước nữa. Có mấy bạn sinh viên Văn-khoa hỏi tôi : « Bác nhận xét về lập-trường của ông Thiếu Sơn như thế nào ? ». Tôi đáp : « Hơi khó trả lời, vì ông Thiếu Sơn không có một lập-trường duy nhất. Ông có vẻ thành thật khi ông nghiêng về bên tả, cũng như ông đã thành thật khi ông nghiêng về bên hữu. Tính chất thành-thật đó, dù là bề ngoài, cũng là điều đáng khen của ông ! »

27.— Song-Thu

Tôi muốn dành một mục nói đến một bà cụ đã trên 70 tuổi, nổi tiếng trong giới trí-thức Nho-học và Cách-mạng : Bà Phạm-Xuân-Chi, bút-hiệu *Song-Thu*.

Có thể nói hiện nay ở nước Việt-Nam, rất hiếm có một người đàn-bà uyên-thâm Nho-học, và Văn-thơ đặc-sắc như Bà Song-Thu.

Bà là người Quảng-Nam, sinh ở làng Đông-Bàn, Phủ Điện-Bàn, Thân-sinh Bà là Phạm-phú-Lẫm con thứ bảy của Phạm-phú-Thứ, một vị Đại-thần chí-sĩ Triều Tự-Đức. Thân-mẫu bà là Nguyễn-thị-Cầm, cũng một nhà Nho-học. Bà có hai người anh cũng nổi tiếng trong giới Nho-sĩ : Phạm-phú-Thuần và Phạm-phú-Tiết. Bà là cô ruột anh-hùng phi-công Phạm-phú-Quốc.

Thuở bé, bà có học trường Nữ-học Huế, cùng lớp với Anh-Chi con gái ông Thượng-Thơ Hồ-đắc-Trung, và sau làm Hoàng-Hậu, vợ Vua Khải-Định. Bà nầy, theo lời bà Song-Thu, hiện ở nhà thương điên Biên-hòa. Năm 14 tuổi, Phạm-Xuân-Chi thi « primaire » rớt về khẩu-vấn.

Bà học chữ Nho từ lúc 5 tuổi, và tiếp-tục học chữ Nho sau khi thi rớt bằng tiểu-học Pháp-Việt. Thầy học của bà là ông Cử-nhân Lê-bá-Trinh, một tay cách mạng

ở Đà-Nẵng. 18 tuổi, bà ra Hànội thuê gác ở phố Hàng Bông. Nơi đây bà giao-thiệp với các nhóm cách-mạng Quảng-Nam và gặp Nguyễn-bá-Liên, Lê-Dư, Đỗ-Hùng, nhóm nầy ở Tàu về đầu-thú với Pháp.

Bà Phạm-Xuân-Chi trở về tỉnh nhà, lấy chồng người Huế, Nguyễn-viết-Liên, làm Tri-phủ, bổ-nhiệm vào Vĩnh-long. Bà theo ông nầy vô Miền Nam, từ đó. Sau, bà lên Sàigòn, ở nhà Trương-cao-Động (cũng một tay cách mạng). Bà đi dạy học, làm thư-ký tiệm cầm-đồ, làm kế-toán hãng xe-hơi, và viết báo. Bà cọng tác với Trần-kim-Đỉnh (*Đông-pháp thời-báo*) Nguyễn-chánh-Sắc (*Báo Nam-nữ giới chung*), và hoạt-động chính-trị.

Tri-phủ Nguyễn-viết-Liên, chồng bà, bị Việt-Minh giết năm 1946 khi về thăm lúa ở Rạch-Giá.

Bà Song-Thu Phạm-Xuân-Chi đã đem hai cô con gái lên Sàigòn ở luôn. Bà đã nổi tiếng là một nhà Nho-học uyên-bác, và một nhà thơ sâu-sắc. Bà giỏi cả thơ chữ Hán và thơ Việt. Bà viết chữ Nho rất đẹp, và giao thiệp với các nhà trí-thức Trung-Hoa, Nhật-Bản, Triều-Tiên toàn bằng bút-đàm Hán-tự.

Năm 1942, Bộ Tổng-Tham-Mưu Nhật ở Sàigòn, do Tùng Tỉnh chỉ-huy, liên-lạc với bà, và từ đó bà đã trở thành một tay kiện-tướng trong giới cách-mạng Miền Nam, liên-lạc với các đảng-phái Cao-đài, Hoà-hảo, Phục-quốc. Bà đóng một vai trò tối quan-trọng trong vụ Nhật đảo-chính Pháp ở Sàigòn năm 1945. Bà là bạn đồng-chí với Huỳnh phú-Sổ, Phạm-Công-Tắc, Trần-văn-Ân, Nguyễn-văn-Sâm,...

Dưới thời Ngô-đình-Diệm, bà bị bắt giam một vài lần, rồi sau được trả tự-do, bà đi ở ẩn luôn. Hiện nay, bà ở với cô con gái lớn đã có chồng, nữ-sĩ Phương-Đài, ở Phú-Nhuận. Bà không hoạt-động về chính-trị nữa, nhưng bà vẫn hăng-say thơ phú. Bà vẫn làm thơ chữ Hán và Thơ Việt. Đôi khi bà còn tiếp-xúc với vài nhà Ngoại-giao Nhật, Trung-Hoa, Đại-Hàn, bằng bút-đàm.

Có lần, vị đại-sứ Đại-Hàn rất ngạc-nhiên về Hán-học uyên-thâm và nét chữ rất đẹp của bà, thốt ra lời khen ngợi:

— Tôi rất kính-phục phụ-nữ Việt-Nam ngày nay có một nhà thông-thái về Hán-học như Bà.

Nữ-sĩ Song-Thu mỉm cười đáp:

— Việt-Nam còn nhiều vị phụ-nữ giỏi hơn tôi.

***

Tôi được biết bà Song-Thu từ năm 1952, khi bà còn ở trong một căn nhà sàn nghèo khổ ở xóm Nancy, vào nhà phải qua một chiếc cầu tre gập-ghềnh. Xóm ấy hiện nay đã được lấp đất và cất nhà lầu, phố lớn, ở phía sau Nha Thanh-Tra Lao-động. Chúng tôi không phải âm-mưu một cuộc cách-mạng chống Pháp, hay chống Bảo-đại theo lời tình-báo xuyên-tạc hoàn-toàn vô căn-cứ của Đệ-Nhị-Phòng Pháp thời bấy giờ. Tôi gặp nữ-sĩ Song-Thu chỉ để bàn-luận về văn-chương thi-phú mà thôi.

Bà học cao, hiểu rộng về văn-hóa Trung-quốc, nhất là về thời nhà Tống, nhà Chu, nhà Đường.

Chúng tôi thường họa thơ với nhau và đã đăng vào báo những bài xướng họa đắc-ý nhất. Thơ bà làm rất nhiều có đến trên 100 bài, chữ Hán và chữ Việt. Nhưng rất tiếc bà không có tiền để xuất-bản thành tập, tôi cũng không có tiền in giùm cho bà. Bà làm thơ với nhiệt-hứng say mê, nhưng vứt bừa-bãi, không chú-ý đến sự gom-góp để dành, và bị thất-lạc nhiều.

Đại-khái thơ bà Song-Thu như vài bài sau đây, chưa đăng báo :

LÌA CẢNH CŨ

Một bước ra đi một bước ngừng,
Đoái nhìn cảnh cũ lệ rưng rưng.
Nghiêng bầu tâm sự, nghiêng khôn cạn,
Gạt lệ ly-sầu, gạt khó lưng.
Non nước thương ai màu ủ-dột,
Cỏ hoa mến khách vẻ bâng-khuâng.
Ô hay cảnh cũng trêu người nhỉ !
Gánh nợ trần ai nặng quá chừng !

TỰ TRÀO
(thơ trào-phúng)

Ta nghĩ khen ta cũng có tài
Hai bàn tay trắng kém gì ai ?
Gặp cơn nguy-biến không hề sợ,
Phải bước phong-ba chẳng chút nài.
Tiền của tiêu pha vừa bữa một,
Cháo cơm lếu-láo đủ ngày hai.
Phong-trần dù đến bao nhiêu nữa,
Son sắt lòng nầy vẫn chẳng phai.

Nhà bà là nơi gặp gỡ thường-xuyên của Tao-nhân mặc-khách bốn-phương. Bà có tham-gia vào « Quỳnh Dao Thi-Xã », một hội-thơ của phụ-nữ đủ người Nam, Trung, Bắc, trong đó có bà Mộng-Tuyết, và một bà vợ của vua Khải-Định mà Nữ-sĩ Song-Thu thường gọi là « Bà Vua ». Các bà đều kính phục bà Song-Thu như một thi-bá trong Tao-đàn.

Thơ của bà Song-Thu rất thanh-thoát, lả-lướt, thi-tứ dồi-dào, như thơ của Cụ Ưng-Bình Thúc-Giạ-Thị. Thi-hứng của bà mạnh hơn của Bà Huyện Thanh-Quan. Tuy là Thơ Đường-luật, nhưng lời thơ của Bà Song-Thu chuyển động dễ-dàng, phấn-khởi, ý-nhị, không gò-ép, không khô-khan.

Nay bà đã trên 70 tuổi, đau ốm thường-xuyên, nhưng nguồn thơ không cạn. Các bạn làng Thơ đến thăm, Nữ-sĩ Song-Thu ngồi trên giường bịnh, vẫn vui-vẻ đàm-đạo về thơ, đọc thơ, phê-bình thơ hàng giờ đồng-hồ, không thấy chán.

Tôi mong rằng gia-đình của bà Song-Thu sẽ sớm lo xuất-bản một Thi-tập của bà để khỏi mất đi một gia-sản quý-báu của Nữ-lưu Văn học-sử Việt-Nam ở thế-hệ hiện-đại.

***

Nữ-sĩ Song-Thu mất ngày 10-3-1970, hưởng thọ 71 tuổi, tại tư-thất đường Nguyễn-Huệ, Gia-Định, giữa sự mến tiếc ngậm-ngùi của rất đông-đảo thi-nhân mặc khách của hai thế-hệ.

28.— Đông-Hồ & Mộng-Tuyết

Lúc ở Hà-Nội, thỉnh thoảng đọc một ít văn thơ của Đông-Hồ Lâm-tấn-Phác đăng trong mấy quyển *Nam-Phong* tạp chí cũ, tôi tưởng tượng ông là một đồ Nho già lạc-loài nơi một kẹt núi ở « Nam-kỳ », bên hông xứ Cao Miên.

Thực tình, tôi đã không say-mê văn thơ đó. Các thi nhân Hà-Nội cũng không mấy chú-ý đến anh thi-sĩ hơi « quê mùa » ở đất Mạc-Cửu. Chỉ có Lê-tràng-Kiều thỉnh thoảng viết báo nhắc đến Đông-Hồ và Mộng-Tuyết trong vài tạp chí văn nghệ, có lẽ vì văn thơ của Mộng Tuyết linh-động hơn là thơ của Đông Hồ. Nhưng danh từ « Mộng-Tuyết thất tiểu-muội » để cho chúng tôi ngạc nhiên vì có vẻ « Cổ Trung-Quốc ».

Đó là nhận xét chân thật của tôi cũng như của một số đông anh em làng thơ Bắc-Hà thời Tiền-chiến. Nhiều anh phủ-nhận hẳn giá trị của thơ Đông Hồ, cả về tư-tưởng lẫn nghệ-thuật. Nhưng Đông Hồ săn sóc nét chữ viết rất bay bướm. Tập thơ nào của ông xuất bản cũng có một kỹ-thuật ấn-loát rất công-phu.

***

Năm 1948, tôi ở trọ nhà anh Nguyễn-như-Cảnh, sau nhà thờ Huyện-Sĩ, với Tam-Ích. Một buổi chiều chúng tôi ngồi trước hè, có một chàng mặc âu phục đạp xe máy cũ kỹ vào sân. Tam-Ích giới thiệu tôi :

— Ông Đông-Hồ, nhà thơ Hà-Tiên.

Tôi hết sức ngạc nhiên thấy ông mặc âu phục và không giả. Ông cười ngó tôi :

— À, anh N. V. đây hả ? Bây giờ mới biết mặt nhau.

Tôi hỏi :

— Anh ở Hà-Tiên mới xuống ?

— Tôi xuống hoài chớ ! Tôi tính xuống ở luôn Saigon đây.

Sau đó tôi ít gặp Đông-Hồ. Khi tôi có tờ nhật báo *Dân-ta* thì Đông Hồ và Mộng Tuyết đã có nhà sách *Yiễm-Yiễm thư trang* ở đường Nguyễn Thái Học. Tôi bắt đầu giao thiệp với gia đình này nhiều hơn. Tôi thích văn của Mộng-Tuyết. Nhất là văn xuôi. Mộng Tuyết viết rất ngọt ngào, chải chuốt, ảnh hưởng rất nhiều bởi những chuyện Tàu, loại chuyện Dương-quí-Phi nhẹ-nhàng thơ-mộng.

Mộng Tuyết trẻ, đẹp, mặt hơi rỗ như Hồ xuân Hương, càng thêm duyên dáng. Văn của Mộng Tuyết lãng-mạn và nghiêm-chỉnh, với một cảm giác nhẹ nhàng man mác như *La Mare au diable* của George Sand. Thơ của Mộng Tuyết cũng khác thơ của Đông Hồ, anh rể của cô. Thơ Mộng Tuyết gói ghém nhiều thi tứ hơn, ý vị hơn.

Mộng Tuyết có dịch cả thơ của Baudelaire, và có cho tôi xem. Nhưng tâm hồn của Mộng Tuyết khác xa tâm hồn Baudelaire, tôi e bản dịch không thấm thía sâu xa. Theo thiển ý của tôi, phải có tư tưởng chán đời bi-đát

lắm mới lột được hết ý thơ « *Les Fleurs du Mal* ». Chính Jean Paul Sartre có viết nhiều về Baudelaire mà ông cũng tự thú thật là không nhận xét hoàn toàn đích xác được về nhà thơ *Spleen*. Thơ của Baudelaire, đọc, phân tách, mổ xẻ, nhưng không nên dịch, nếu không có tâm-hồn như Baudelaire.

Đông Hồ và Mộng Tuyết có một nếp sống khá thi vị. Có lần tôi đưa nữ sĩ Tôn-Nữ Hỷ-Khương, con gái của cố thi sĩ Ưng-Bình Thúc Gia Thị, đến để cô cảm ơn ông Đông Hồ đã giúp nhiều về kỹ-thuật ấn loát quyển thơ của cụ Ưng Bình vừa mới xuất bản tại nhà in Thư-Lâm của con gái và con rể ông. Chúng tôi ngạc nhiên phải ngồi chờ khá lâu nơi phòng khách. Nhưng một lúc thấy bà Mộng Tuyết bưng ra một đỉnh trầm khói bay thơm ngát, đặt giữa bàn, rồi một lúc ông Đông Hồ mặc y phục tề-chỉnh bước ra niềm nở đón tiếp chúng tôi. Tôi thật tình cảm động vô cùng. Cảm động vì lối tiếp khách tế-nhị cổ-kính của nhà thơ.

Đông Hồ rất hiền lành, và tích cực tôn trọng các truyền thống gia-đình và xã hội. Tôi không quên hôm anh mặc âu phục trắng, trịnh trọng ôm bó hoa glaïeul đến nhà ông Nguyễn-tường-Phượng, nơi trú ngụ của Nguyễn tường Tam, để mừng Nhất-Linh sắp gả con gái lấy chồng. Cử chỉ trịnh trọng của Đông-Hồ trái ngược hẳn với thái độ gần như điềm-nhiên vô-tư-lự của Nhất Linh hôm đó. Trong một vài trường-hợp khác, tôi thấy Đông-Hồ bị nhiễm đôi chút cái lầm-cầm đáng yêu của nhà Nho nhưng không thích-hợp với Văn-nghệ thời-đại.

Đông Hồ không được khỏe mạnh lắm. Cái chết của anh quá đột ngột, và quá buồn tẻ. Tôi bùi ngùi cảm động thấy cháu ngoại của anh, và cũng là thừa-tự của anh hãy còn trẻ tuổi, thắp ba thẻ hương trao tôi khi tôi đứng mặc-niệm trước linh-cữu nhà thơ Hà-Tiên trong biệt thự của anh, đường Lam-Sơn, Gia-định.

29.— Quách-Tấn

Trước kia, tôi không ngờ Quách-Tấn có làm thơ. Tôi biết anh lúc anh còn học ở Qui-Nhơn, tôi nhớ anh còn có người em tên là Quách-Tạo, cùng học một trường.

Sau, anh thi đậu « diplôme », được bổ đi làm việc tại các tòa Sứ miền Trung. Không có cái gì nơi anh tiết-lộ anh là một Thi-sĩ. Công-chức rất tận-tụy, đời sống rất mực-thước, gia-đình vợ con rất nề-nếp, tinh-nết rất đàng-hoàng, Quách-Tấn là một người kiểu-mẫu trong gia-đình, trong công-sở, ngoài xã-hội. Một người trung-bình về mọi phương-diện. Anh thuộc về hạng đàn ông đạo-đức, giản-dị, không se sua, không bần-tiện, không làm phiền ai, mà cũng không quỵ-lụy ai, một người công-dân có ý-thức trách-nhiệm, một người bạn hiền-lành, vui-vẻ, khả-ái, một người cha rất tốt trong gia-đình, một người chồng rất thủy-chung.

Lúc còn đi học, Quách-Tấn cũng thường được sắp vào hạng bình. Con người của anh cũng thế, không thấp, không cao. Anh không say-sưa cái gì cả, rượu mạnh, thuốc phiện, gái, anh đều ghét. Anh không đa-tình, đa-cảm, không lãng-mạn, không phiêu-lưu. Anh làm thơ, không bồng-bột, không hăng-say, không bay-bướm. Anh là một nhà thơ bảo-thủ, ngoan-ngoãn, bình-dị, mực-thước, không lả-lướt và phóng-đạt như Ưng-Bình, không thâm-trầm, thiết-tha như Thanh-Tịnh.

Lần đầu tiên, đọc mấy bài thơ Đường-luật, hoàn-toàn thơ cổ-điển, ký tên Quách-Tấn, in bằng chữ Romain chân-phương trong một vài tờ báo thủ-cựu xuất-bản ở Miền Trung, thật tình tôi không chú-ý đến mấy.

Loại thơ « Bát-cú » đại-khái tả cảnh núi rừng, sông biển, chiều hôm nhớ nhà, v. v... bằng những vần nghiêm-chỉnh, những chữ và những câu đối chọi nhau với một nhịp điệu đều-đều, như tiếng dệt-vải trên một khung cửi, thật ra không có gì làm xao-động được tâm hồn.

Đối với những người đã quá quen thuộc với các bài thơ Đường-luật đăng đầy dẫy trên khắp các báo-chí Bắc Trung Nam, mà tác-giả là những vị Thầy-Giáo, Cô-Giáo, những ông Quan về hưu, những Thầy Thông, Thầy Ký, đến cả những nhà buôn, những ông Hương-chức Làng-xã, những ông Thầy Chùa, những ông Cai, ông Đội, và đủ các giới khác, thì những bài thơ « bát-cú » của ông Thông-phán Quách-Tấn không có mãnh-lực tân kỳ để cho tao nhân mặc khách các nơi đặc-biệt lưu-ý đến.

Đồng-thời với Quách-Tấn, còn biết bao nhiêu người làm thơ Đường-luật, bát-cú, không kém anh, hoặc đăng trên báo *Tiếng-Dân* của Cụ Huỳnh-thúc-Kháng, báo *Tràng-An* của Quan-lại Nam-Triều, (chỉ nói riêng ở Huế thời bấy giờ), hoặc họ làm rồi chép trong quyển tập để đọc chơi với bạn-bè, không thích đăng báo. Nhiều bài còn hay tuyệt trong những thi-tập không xuất bản ấy.

Thơ Quách-Tấn không thoát khỏi khuôn-khổ cổ-điển rất còn thông-dụng ở Việt-Nam ngày nay. Anh chưa phải là nhà thơ cổ-điển tiêu biểu nhất của giao-thời, sau Ưng-Bình và Song-Thu.

Thơ anh bình-dị, đúng-đắn, mực-thước, như cá-nhân anh vậy thôi.

*
* *

Lâu lắm, từ khi giã-biệt mái trường Qui-Nhơn, gần 10 năm sau, tôi mới gặp lại Quách-Tấn, lúc anh làm Thông-phán Toà-sứ Nha-Trang. Anh sẵn-sàng tổ-chức một buổi diễn-thuyết để tôi lên nói chuyện với đồng-bào, và các giới trí-thức, trong đó có một số anh em bạn học cũ ở Qui-nhơn. Nhưng tôi chỉ tính ở đây vài ngày nên không có hứng thú diễn-thuyết. Tôi rất cảm-động trước sự niềm-nở của anh đối với một bạn cũ.

Từ khi làm Tạp-chí *Phổ-Thông*, tôi được có nhiều dịp gặp lại Quách-Tấn, ở Sàigòn, hoặc Nha-Trang. Cuộc đời Công-chức của anh vẫn không thay đổi. Thơ của anh cũng vậy. Anh không ra ngoài cái truyền-thống « Thất-ngôn bát-cú » với khung-cảnh ngàn năm cổ-kính.

Tôi rất mến phục anh vì phong-độ thanh-nhã trung-thành và từ tốn ấy.

Anh hãnh-diện được sinh-trưởng nơi đất của Quang-Trung. Mấy năm sau nầy, anh hăng hái trong công việc trùng tu đền thờ bậc anh-hùng Tây-Sơn. Anh viết những bài văn-tế hùng-hồn cảm-động để tưởng-niệm vị Hoàng-đế, đồng-hương với anh. Anh có đủ tư-cách hơn ai hết để làm công việc thành kính ấy.

Những bóng thoáng qua...

Những nhà Thơ sau đây, tôi được gặp rất ít, một đôi lần ngắn ngủi, nhưng còn để lại trong ký-ức tôi một vài kỷ-niệm sâu-đậm. Tôi không thể quên được những chiếc bóng thoáng qua ấy trong hành-trình Văn-nghệ.

30.— TchyA
Đái-đức-Tuấn

Một buổi sáng tháng 10-1959, tôi đang ngồi trong tòa-soạn Tạp-chí *Phổ-Thông* thì một người cao, gầy, tóc hoa râm, mặc âu phục lớn màu xanh nước biển, bước vào, bắt tay tôi thân-mật như quen biết đã lâu. Tôi điềm-nhiên vui-vẻ mời ngồi, tưởng là một trong những « bạn đọc thân-mến », mà tôi thường đón tiếp hàng ngày. Khách lạ tự giới thiệu :

— Thằng TchyA.

— À, Anh !

Tôi cười xòa lên.

Tôi mừng rỡ được giáp mặt lần đầu tiên người bạn làng Văn đã nghe tên từ hồi ở Hànội.

Sau 15 phút hàn-huyên, TchyA bảo :

— Tôi có một loạt bài về Ca-kịch Việt-Nam vừa viết xong, muốn đưa anh đăng vào *Phổ-Thông* cho vui.

— Rất hoan-nghênh,

— Ngày mai tôi sẽ mang lại.

— Vâng.

— Hôm nào rảnh, mời anh quá bộ đến tệ-xá uống rượu chơi, Martell, Whisky, có sẵn.

— Vâng, tôi sẽ đến thăm anh, nhưng không uống được rượu đâu nhé.

— Thật à ? Thế sao... lại có thơ « *Nay ta thèm rượu nhớ mong ai... Một mình rót uống chẳng buồn say.* » ?

— Ở Hànội, thỉnh-thoảng bị Trương Tửu ép, uống với hắn chút xíu thôi, nhưng say đứ đừ !

— À, lạ nhỉ ! Tôi cứ tưởng N. V. cũng là một cây Lưu Linh chớ ! Thôi thì uống trà Tàu nói chuyện Văn-Thơ cũng vui chán,

— Vâng, chắc chắn tôi sẽ đến thăm anh.

Một chiều nào đó, tôi đến thăm TchyA trong một ngõ hẻm đường Huỳnh-quang-Tiên. Một dãy phố ngang, độ 5, 6 căn. TchyA ở căn đầu. Trần-Quốc-Bửu ở căn cuối. Bửu là bạn cũ thâm-niên của tôi lúc còn đi học ở Qui-Nhơn. Nguyễn-Ang-Ca ở căn giữa. Không ngờ 3 người bạn Trung Nam Bắc cùng ở chung trong một hẻm.

Như cái máy, TchyA niềm nở lấy chai Whisky ra để lên bàn, rồi sực nhớ, hỏi tôi :

— À, mà quên... Hay là, một ly vậy ? Biết nhau từ dạo ở Thăng-Long, 20 năm sau mới có ngày tao-ngộ ở Bến-Nghé, chúng ta chẳng lẽ không « fêter » cái biến-cố vĩ-đại nầy à ?

Tôi cười :

— Vâng, đồng-ý, để vui lòng anh. Nhưng anh cho một giọt thôi nhé. Và một chai soda.

TchyA cười to lên :

— Ít nhất cũng nửa ly hoặc một phần tư ly chứ.

Tôi đành chiều theo ý bạn. Tôi ngồi chơi khá lâu. TchyA làm cạn hết 2 ly. Anh « tâm-sự » về hoàn-cảnh nước nhà bị phân-qua, anh em làng Văn cũng bị ngăn cách Bắc Nam. Nét buồn lộ ra trên mặt TchyA, làm tôi xao-xuyến lạ. Tôi cảm thấy thân mến anh nhiều hơn.

Hai giờ sau, tôi ra về, mặt đỏ bừng. Thế là đêm đó tôi ngủ li-bì, chẳng viết lách gì được.

Một lần nữa, một buổi tối thứ Bảy, tôi đi với hai cô bạn gái, ngang qua Câu-lạc-bộ Báo-Chí, đường Lê-Lợi. TchyA đang ngồi uống rượu trong đó, trông thấy tôi liền chạy ra kéo tôi vào. Tôi giới thiệu hai cô bạn Sinh-viên Văn-Khoa và Dược-Khoa. Hai cô quyết từ chối rượu. Tôi cũng không uống. TchyA gọi 3 ly Bireley's. Thế rồi anh chàng thao-thao bất-tuyệt, thuyết cho hai cô bạn nghe văn-chương, triết-lý Việt, Tây, Tàu. Anh lôi ra hàng tràng chữ Nho, từ đời nhà Tống, Nhà Chu, nhà Đường, rồi bước qua nói chuyện ca-kịch Đông-Phương, Tây-Phương, Hy-Lạp, La-Mã... Hai cô cứ tủm-tỉm cười ngồi nghe. Tôi cũng im-lặng nghe, thỉnh-thoảng mới đáp-ứng vài câu. TchyA nói rất có duyên và hiểu biết rất nhiều. Lúc ra về, đi đường, Thanh Tân bảo Cúc :

— Tao sợ người Bắc lắm. Họ nói hay ác, nhưng đều cũng sốt-dách mầy ơi.

Cúc cười :

— Sức mấy! Giáo-sư của tao cũng địa không thua gì ông TchyA nầy, nhưng khi tụi tao muốn coller ổng về một điểm nào, ổng ú-ớ, tụi nầy cười muốn chết!

Hai hôm sau, TchyA đến toà-soạn bảo tôi:

— Hai cô hôm nọ đẹp quá nhỉ. Cô Thanh Tân học Dược có vẻ thông-minh hơn cô học Văn-khoa.

— Sao anh biết?

— Cô ấy chăm-chú nghe, ra chiều say-mê. Còn nhà cô gì Văn-Khoa chỉ cứ ngáp.

Tôi cười :

— Chính cái cô hay ngáp đó mới là chì lắm đấy. Chuyên-môn « coller » giáo-sư.

— Chiều thứ Bảy nào, tôi cũng đến ngồi Câu-lạc-bộ. Thứ Bảy nầy, anh đưa hai cô sinh-viên đến nói chuyện cho vui.

— Ừ, để xem. Tôi chưa dám hứa chắc.

Nhưng, sáng thứ Bảy, tôi phải gọi điện-thoại cho TchyA biết tôi có mời nhưng chiều thứ Bảy, Thanh Tân và Cúc bảo mắc đi ciné, xin hẹn với anh hôm khác.

Tiếng TchyA ồ-ồ trong ống nói :

— Anh cũng đi với hai cô ấy chứ ?

— Dĩ-nhiên.

— Ô, thế thì anh sướng nhất trên trần-gian nầy rồi. Nhưng anh đi ciné một mình với cô Cúc, và anh đưa cô Thanh-Tân đến Câu-lạc-bộ uống rượu với tôi cho vui chứ. Anh để tôi ngồi đấy một mình à ?

— Vâng, tôi sẽ hỏi lại và sẽ trả lời anh sau nhé.

Tôi chuyền lời đề-nghị của TchyA đến Thanh-Tân và tôi muốn chính Tân trực-tiếp trả lời nhà Thơ đa-sầu, đa-mộng. Bốn giờ chiều, Tân gọi điện-thoại cho TchyA để... từ-chối rất nhã-nhặn.

9 giờ tối, ở ciné ra, tôi mời hai cô bạn gái đến Câu-lạc-bộ. Tôi hy-vọng thầm rằng TchyA còn ngồi đấy. Tôi không muốn TchyA buồn. Tân và Cúc cũng không muốn trái ý tôi. Nhưng đến Câu-lạc-bộ, người ta cho biết TchyA đã đi về nhà lúc 9 giờ 30. Trong lòng tôi tự-nhiên xót-xa, khổ-sở, boăn-khoăn. Tôi đoán chừng TchyA buồn lắm, đêm nay...

Hai tối thứ Bảy kế-tiếp, tôi đi ngang Câu-lạc-bộ, không thấy bóng TchyA...

31.— Thanh-Tịnh

Một buổi sáng mùa Hè, năm 1936. Thi-sĩ Thanh-Tịnh, nhân-viên Sở Du-Lịch Huế, và một người bạn của anh, là con trai ông Lê-thanh-Cảnh, có nhã ý lấy chiếc xe Citroen của Sở, đưa tôi đi thăm các Lăng-Tẩm. Tôi ở Hànội mới vào.

Trong lúc đi bách-bộ trên con đường phía sau Lăng Tự-Đức, Thanh-Tịnh đứng lại, bảo tôi :

— Chính trên đường nầy, trước đây hai năm, tôi đưa hai du-khách Tây-phương, hai vợ-chồng trẻ, đi xem phong-cảnh, sau khi đi xem Lăng. Chính chỗ chúng mình đang đứng đây, tôi cũng phải dừng bước, và đề-nghị với cặp vợ chồng du-khách quay trở lại. Vì ngẫu-nhiên và may-mắn, tôi trông thấy một con trăn lớn, đang quấn mình vào một cành cây cổ-thụ bên vỉa đường ở phía trước kia, cách chỗ nầy vài chục bước. Con trăn đang thòng đầu xuống, có lẽ chờ chúng tôi vô ý đến gần, nó sẽ tuột xuống quấn lấy chúng tôi. Nó đã thè ra hai cái lưỡi móc nhọn. Ông Tây bà Đầm không trông thấy nó. Nếu tôi chỉ cho họ thấy, tôi sợ rằng bà Đầm sẽ té xỉu tại chỗ, vì khiếp sợ. Tôi biết tỉnh các thiếu-phụ Tây-phương hay nhạy cảm. Tôi phớt tỉnh, giả vờ nói chuyện về Lịch-sử Vua Tự-Đức cho họ nghe, trong lúc quay trở về Lăng.

Trưa hôm đó, về Huế, vợ chồng Ông Tây có nhã ý mời tôi dùng rượu khai-vị với họ. Bà Đầm trẻ đẹp, độ chừng 24 tuổi, rất sung-sướng vui-vẻ được đi xem các Lăng-Tẩm cố-đô mà bà cho rằng tôn-nghiêm, tráng-lệ.

Thấy hai ông bà đang trầm trồ khen ngợi thắng-cảnh cố-đô, tôi mới chậm-rãi bảo :

— Chắc ông bà còn nhớ lúc chúng ta đang đi thích-thú trên con đường sau Lăng Vua Tự-Đức, đang xem phong-cảnh tuyệt đẹp, bỗng-nhiên, tôi lại đề-nghị với ông bà quay gót trở về. Ông Bà có hiểu tại sao không ?

Ông Tây bảo :

— Ồ, tôi cũng thắc mắc về điều đó, nhưng tôi không dám hỏi ông.

Bà Đầm hỏi :

— Tại sao thế, hở ông ?

Tôi thấy lúc nầy có thể nói hết sự thật cho họ rõ, không sợ hận-quả tai-hại gì :

— Vì lúc đó, may-mắn quá, thưa bà, tôi trông thấy trên một cành cây cổ-thụ bên lề-đường, chỉ cách chỗ bà đứng không quá 20 mét, một con trăn to tướng, dễ sợ quấn trên cành cây, và đang thò đầu xuống, sắp nuốt một trong ba chúng ta.

Bà Đầm hoảng-hốt hỏi :

— Ông nói sao ? Con trăn ? Con trăn bự ?

— Vâng.

— Chúa ơi !

Bà hét lên một tiếng như thế rồi té xỉu xuống đất, nằm chết giấc luôn.

Chúng tôi vội-vàng vực bà vào phòng khách-sạn, và tôi gọi điện-thoại mời gấp Bác-sĩ đến. Gần hai giờ sau, người thiếu-phụ trẻ đẹp Tây-phương mới dần dần hồi tỉnh lại.

Tôi không ngờ, câu chuyện con trăn kể lại ba giờ sau khi tai nạn đã tránh được trên rừng, bây giờ trước hè khách-sạn ở giữa thành-phố nhộn-nhịp vui-vẻ, chỉ nghe tôi thuật lại mà nàng còn bị xúc-động đến nỗi từ ghế té xỉu xuống đất. Giả sử tôi không hiểu tâm-lý phụ-nữ Tây-phương, và không bình tĩnh, tôi chỉ ngay con trăn cho bà ta thấy lúc ở Lăng Tự-Đức, có lẽ bà ta bị quá khủng-khiếp chết luôn cũng nên !

Đó là câu chuyện con trăn của nhà Thơ Thanh-Tịnh kể cho tôi nghe bằng một giọng điềm-tĩnh. Đó cũng tiết-lộ đúng tâm-tính của Thi-sĩ, con người rất trầm mặc, thơ rất điềm-đạm, thật thích-hợp với chính cái tên « Thanh-Tịnh » của anh.

***

Tôi chỉ gặp Thanh-Tịnh ở Huế, trong thời gian vài ba ngày đó thôi. Và tôi cũng không biết gì nhiều về anh nữa, mặc dầu sau đó chúng tôi có thư-tín trao đổi vài ba lần.

20 năm sau, khoảng năm 1958, hay 1959 gì đó, một hôm Nữ-sĩ Trinh-Tiên, ở Nha-Trang, vợ nhà văn Bửu-

Đáo, và thân-mẫu của Nữ-sĩ Công-Huyền Tôn-Nữ Thanh-Nhung, vào Sàigòn, ghé thăm tôi ở toà soạn. Sẵn điện-thoại, bà gọi bà Tỉnh-Trưởng Long-An. Xong, Trinh-Tiên mỉm cười hỏi tôi:

— Anh có biết bà Tỉnh-Trưởng Long-An nầy là ai không?

— Tôi không quen.

— Vợ của anh Thanh-Tịnh đấy.

— Ủa, Thi-sĩ Thanh-Tịnh bây giờ làm Tỉnh-Trưởng Long-An sao?

— Không, Thanh-Tịnh đã chết lâu rồi. Chị ta mới tái-giá mấy năm nay với cái ông mà bây giờ làm Tỉnh-Trưởng Long-An đó.

— Thế à!

***

Sau đó ít lâu, không hiểu vì vụ gì, ông Tỉnh-Trưởng Long-An bị cách-chức. (Thời Ông Diệm). Người vợ cũ của Thi-sĩ Thanh-Tịnh đến thăm tôi, kể câu chuyện của ông chồng Tỉnh-Trưởng, để nhờ tôi viết bài binh-vực trên báo *Dân-Ta*, bày tỏ sự thật ông bị oan-ức, hay bị xuyên-tạc sao đó. Tôi yêu cầu bà cho tôi xem đầy đủ hồ-sơ và hứa can-thiệp sau.

Năm 1963, một thiếu-nữ đến toà-báo xin làm thư-ký. Cô cho tôi biết:

— Cháu tên là M. L., con gái của Thi-sĩ Thanh Tịnh, bạn của Bác đó. Cháu đang thất-nghiệp.

Vì chỗ quen biết Thanh-Tịnh trong tình bạn văn-nghệ, tôi nhận cô M. L. con gái của anh vào giúp việc trong toà-soạn. Mấy anh ký-giả cho tôi biết rằng M. L. có chồng là một giáo-sư, đã bị tù về tội quỵt tiền học-trò sao đó... Các báo đã đăng rõ-ràng tin ấy.

Báo *Dân-Ta* lại bị đóng cửa lần thứ hai. Người vợ cũ của Thi-sĩ Thanh-Tịnh, sau vụ không may của ông chồng Tỉnh-Trưởng, nhờ có chút ít vốn liếng dành dùm được, mở một tiệm cơm Huế ở Sàigòn, M. L. ở nhà giúp mẹ trông nom cửa tiệm.

Sau vụ V. C. tấn-công Sàigòn trong dịp Tết Mậu-Thân, nhà của tôi ở khu Nguyễn-tri-Phương bị hư hết, sách báo bị cháy rụi, tôi phải thuê một gác trọ ở Sàigòn để ở tạm. Chị chủ nhà trọ biết tôi, và một hôm chị kể cho tôi nghe về người chồng trước của chị, làm giáo-sư, hiện bị tù về tội quỵt tiền.... Tôi sực nhớ một chuyện cũ, liền hỏi chị:

— Chị có biết cô M. L. không ?

— Dạ, biết cô ấy lắm chứ. Chính vì ông giáo-sư mê cô M. L. nên tôi mới bỏ ảnh, rồi mới gặp chồng tôi bây giờ đây.

Tôi nằm võng, gác tay lên trán, nghĩ buồn cười câu chuyện lẩn-quẩn của vợ con anh Thi-sĩ Thanh-Tịnh.

Đối với hai người đàn bà nầy, Thanh-Tịnh cũng chỉ là chiếc bóng thoáng qua.

32.— Chế-lan-Viên

1936, nhân chuyến du-thuyết cho Tuần-báo Văn-nghệ Phụ-nữ của bà Nguyễn-thị-Thảo từ Hànội vào Huế và đến Sàigòn, tôi có ghé Qui-Nhơn để thăm ông thân-sinh của bạn Trần-quốc-Bửu. Ông ở nhà bạn Trần-Thống, (tức là Trần-Kiên-Mỹ, Chủ-bút Tuần-báo Pháp-ngữ Essor Indochinois, Hànội). Nhà anh ở gần lao-xá Qui-Nhơn.

Ông thân-sinh của Trần-quốc-Bửu giới thiệu tôi một cậu học trò 17 tuổi, học lớp Đệ-tam-niên trường Trung-học Qui-Nhơn :

— Nó nghe tin anh về đây, nó muốn gặp anh và nhờ tôi giới-thiệu. Nó cũng làm thơ, khá lắm.

Tôi hỏi cậu học-trò :

— Tên anh là gì ?

— Dạ, Chế-Lan-Viên.

Cậu học trò đưa tôi xem một tập thơ nhan đề « Điêu Tàn ». Tôi đọc một bài, hai bài, rồi dần dần đọc hết. Chế-Lan-Viên ngồi ghế đối-diện tôi.

Đọc xong bài cuối cùng, tôi để tập thơ trên bàn, nhìn Chế-Lan-Viên :

— Anh là người Chàm ?

Tác giả 17 tuổi cười e-lệ, không trả lời. Ông thân-sinh của Trần-quốc-Bửu cũng cười tủm-tỉm, như đồng-lõa với một bí-mật. Tôi không nhấn mạnh về điểm đó nữa, và bảo :

— Nhưng điều đó không quan-hệ. Tôi nhận thấy thơ của anh độc-đáo, nhiều bài cảm-động. Nếu Chế-Lan-Viên là con cháu của họ Chế-Bồng-Nga, Chế-Mân, thì thơ nầy là tiếng gọi của Máu và Nước mắt đầy bi-hận của dân-tộc Chàm. Nếu anh là người Việt mượn tên Chàm để khóc dân Chàm, thì đây là những lời thanh-cao tuyệt-vời, đáng ghi vào lịch-sử Thi-ca.

Chế-Lan-Viên cởi mở, nhưng vẫn còn rụt-rè ;

— Thưa anh, tôi mới làm thơ lần đầu tiên.

Tôi cắt ngang, và nhắc hai câu thơ trong *Le Cid :*

« Je suis jeune, il est vrai, mais aux âmes bien nées,

La Valeur n'attend pas le nombre des années... »

Chế-Lan-Viên cùng cười với tôi. Chàng Thi-sĩ trẻ tuổi lúc bấy giờ chưa được ai biết đến. Tôi tự nhủ về Hànội tôi sẽ viết một bài về tập thơ « *Điêu Tàn* » và tác-giả của nó. Tôi mừng thầm rằng trong chuyến đi nầy tôi đã khám-phá một thi tài mới lạ của miền Trung.

Chế-Lan-Viên ra về. 6 giờ chiều chàng lại đến. Tôi rủ chàng ra bờ biển chơi. Chàng bảo :

— Thưa anh, 8 giờ 30 tối nay anh sẽ diễn-thuyết Câu-lạc-Bộ, anh không ở nhà sửa soạn sao ?

— Không có gì phải sửa soạn. Sáng mai tôi phải từ giã Qui-Nhơn để đi Sài-gòn sớm. Tôi muốn ra chơi bờ bể để nhìn lại mấy cây phi-lao và sống lại trong vài giờ những kỷ-niệm của tôi trên bãi biển Qui-Nhơn trước đây 9, 10 năm. Tám giờ ta đến câu-lạc-bộ cũng vừa.

Chúng tôi đi bộ ra Lò-Bò, từ đó đi trên bãi cát dọc theo bờ biển đến trước nhà Bưu-Điện, chỗ gọi là « cầu-tàu ». Chúng tôi ngồi nơi đây, nhìn ra mỏm núi Phương-Mai, và cù-lao xa tít ngoài khơi.

Chế-Lan-Viên lúc bấy giờ còn trẻ quá, vóc người cũng nhỏ, nhưng tôi chỉ lớn hơn chàng 7, 8 tuổi thôi, Chàng còn giữ nguyên-vẹn phong-độ của một cậu học-trò chất-phác. e-ngại trước cuộc đời. Trong câu-chuyện tâm-sự, tôi thấy rõ Chế-Lan-Viên bị ảnh-hưởng hoàn-toàn bởi những Tháp Chàm ở rải-rác khắp Bình-Định, ở ngay Tỉnh-lỵ Bình-Định, ở gần Qui-Nhơn, chứng tích của một văn-minh cổ-kính oai-hùng vừa sụp đổ. Nếu Chế-Lan-Viên không phải là dòng dõi người Chàm, thì Chế-Lan-Viên cũng là sản-phẩm của những Điêu-tàn bi-hận mà Lịch-sử vẻ-vang của dân-tộc Chàm còn để lại trên đất nước thiêng-liêng của Po-Nagar.

Chúng tôi, hai bóng người trong bóng đêm, ngồi nghe sóng biển ào-ạt đánh vào bờ như hãy còn nghe tiếng hận thiên-thu của muôn vạn oan hồn vong-quốc.

Chúng tôi không ai có đồng-hồ. Chế-Lan-Viên giựt mình bảo :

— Thưa anh, bây giờ chúng ta lên câu-lạc-bộ kẻo trễ. Chắc cũng gần 8 giờ 30 rồi.

Hai người đủng-đỉnh đi bộ lên thành-phố. Đường phố vắng teo, lơ-thơ mấy ngọn đèn điện. Đến gần Câu-lạc-bộ, thấy thính giả lô-nhô, kẻ đứng, người ngồi, chật ních trong phòng, ngoài sân, đang chờ « diễn-giả ». Mấy ông nhân-viên Quản-trị Câu-lạc-bộ hầu hết đều là Giáo-sư cũ và bạn học cũ của tôi ở Collège Qui-Nhơn, Ông Lê-Ấm (rể Cụ Phan-Châu-Trinh), Ông Lê-Thích, Ông Hảo, Anh Hoàng, Anh Phùng, đang ngong-ngóng trước cửa. Đèn điện sáng trưng.

Đồng-hồ Câu-lạc-bộ vừa điểm 9 giờ.

***

Từ buổi đó đến nay, tôi không có dịp nào gặp lại Chế-Lan-Viên. Về Hànội, tôi có viết một bài dài giới-thiệu Chế-Lan-Viên, có lẽ là bài đầu-tiên nói đến Chế-Lan-Viên trong Văn-học-sử. Nhưng từ đó, Chế-Lan-Viên hết làm thơ Chàm, điều đó chứng tỏ rằng anh không phải là dân Chàm.

Tập thơ « *Điêu Tàn* » của anh còn để lại một chiếc bóng trong Văn-học-sử Việt-Nam, giống như những Tháp Chàm trên đất nước Đồ-Bàn, còn văng-vẳng tiếng nức-nở ngàn thu Chiêm-nữ hận.

33.— Hàn-mặc-Tử

Sau buổi diễn-thuyết ở Câu-lạc-bộ Qui-Nhơn, Chế-Lan-Viên lại gặp tôi ngoài cổng lúc tôi ra về. Anh nắm tay tôi đi mấy bước rồi khẽ bảo :

— Có Hàn-Mặc-Tử trong đám thính-giả của anh. Anh ta cũng muốn nói chuyện với anh.

Nhưng ông thân-sinh của Trần-quốc-Bửu nắm tay tôi :

— Thôi, 10 giờ khuya rồi. Ở nhà trẻ có làm cháo gà. Để ảnh về nhà nghỉ cho khoẻ, sáng ảnh còn đi sớm. Lần khác gặp nhau lâu, vui hơn.

Ông Cụ lôi tôi đi, hình như không muốn để tôi gặp Hàn-Mặc-Tử, không biết vì lý-do gì.

Sau, vào Sàigòn, trong bữa tiệc của hội A.J.A.C. (Association des Journalistes Annamites de Conchinchine), Hội Các Nhà Báo An-Nam ở Nam-Kỳ, do ông Nguyễn-văn-Sâm làm Hội-Trưởng, mời tôi, có đông các nhà Báo Sàigòn. Thi-sĩ Thúc-Tề, ở báo *Công-Luận* (*Impartial*), giới-thiệu tôi với một người :

— Hàn-Mặc-Tử.

Tôi mới niềm-nở bắt tay anh, thì Bùi-thế-Mỹ, Chủ-bút báo *Điện-Tín*, đến kéo tôi đi để gặp cô Lịch là cô gái 17 tuổi sắp tiên-phong đi xe máy từ Sàigòn ra Hànội.

Thúc-Tề cho biết anh và Hàn-Mặc-Tử cũng ở trọ trên căn gác ở đường Espagne (nay là Lê-thánh-Tôn) với một số anh em Văn-Thi-Sĩ Miền Trung. Tôi đến đấy một lần nhưng chỉ gặp Thúc-Tề và vài bạn khác.

Hàn-Mặc-Tử đã thoáng qua trong đời văn-nghệ của tôi như một bóng ma, ngay thời-kỳ mà nhà Thơ bạc-phước đã bắt đầu bị hung-bệnh tàn-phá trong xương, trong máu.

***

Do một chút liên-hệ giữa Hàn-Mặc-Tử và Mộng-Cầm, và Ngọc-Sương là chị ruột của Thi-sĩ Bích-Khê, tôi muốn ghi vào đây một bài viết về Mộng-Cầm của ông Châu Hải-Kỳ, đã đăng trong Tạp-chí *Phổ-Thông* số 63, ngày 15 tháng 8 Năm 1961.

Bài nầy, Mộng-Cầm đã đọc sau khi số *Phổ-Thông* phát-hành, và không hề đính chánh, đã giải-đáp dứt-khoát một nghi-vấn thường bị nhiều người xuyên-tạc. Mộng-Cầm là cháu ruột của Thi-sĩ Bích Khê, gọi Bích Khê bằng cậu.

***

TÔI ĐÃ GẶP MỘNG-CẦM,
« Người yêu » của Hàn-Mặc-Tử

* *Châu-Hải-Kỳ*

Tôi được biết Bà Mộng-Cầm hiện còn sống ở Phan-Thiết, và là thứ-mẫu của một em nam-sinh, học với tôi 2 năm trước đây. Bà muốn sống êm-thắm, vui với chồng con hiện tại mà không muốn đá-động đến « mối-tình hồi

con gái », cho nên bà từ-chối mọi cuộc gặp-gỡ hỏi-han về « mối duyên văn-nghệ xa-xưa », dù là người quen thuộc cho mấy đi nữa.

Tôi đi ngang nhà bà mấy lần, mấy lần nhà đóng cửa im-ỉm ; hỏi người ở thì : « chủ-nhân vắng nhà. »

Tôi không chán nản, chờ em học-sinh cũ đi học Sài gòn về, nhờ em giới-thiệu...

Nể tôi là thầy dạy con bà, bà nhận lời. Và một chiều thứ Bảy nọ, tôi đi với em học-sinh đến nhà.

Tôi ngồi nơi phòng khách chờ, một lát thì chủ-nhân ở phòng bên đi ra. Tôi đứng dậy chào. Bà khuôn mặt đầy đặn, nước da dù đã trắng-trẻo, mịn-màng, cũng được trang điểm qua-loa một làn phấn lợt thêm hồng đôi má, bên cặp môi cũng một màu hồng. Nếu không để ý đến cái thân-thể cùng những cử-chỉ, dáng-điệu trang-trọng xứng hợp với một nữ-trung-niên khuê-các, mà chỉ nhận diện bằng « khuôn mặt nép bên hoa » thôi thì mặc dù bà đã 40 có lẻ, trông bà hãy còn đẹp-đẽ, duyên-dáng như một cô con gái vừa quá tuổi trăng tròn.

« Nhân-diện hào-hoa tương ánh hồng ». Câu thơ của Thôi-Hiệu tự dưng đến trong não tôi. Tôi thầm nói trong não : khuôn mặt ấy, bảo xưa kia Hàn-Mặc-Tử không cảm sao được ?

Bà mời tôi ngồi. Bây giờ tôi mới để ý thấy tay bà cầm một cái lẵng bằng mây đựng ít lá trầu, đôi trái cau, một ve con đựng vôi hồng, và miệng bà đang lúng-búng miếng trầu ăn dở. Bà mặc quần lãnh đen, áo

ngắn hàng mau trang — thứ áo khách mỏ bụng của người Miền Trung, — mà không áo dài hoa-hoè trịnh-trọng. Ở bà thể-hiện con người của hai thế-kỷ vừa mới vừa cũ « vừa Tây vừa Ta », nửa quê nửa tỉnh, nửa đài-các nửa bình dân. Mặt hoa da phấn, môi bôi son, mà bới tóc, nhai trầu. Tuy vậy bà rất tự-nhiên và lịch-sự. Trong trí tôi lúc bấy giờ nảy ra không biết bao nhiêu ý-tưởng hay hay, vừa lạ-lùng, vừa thích-thú. Bà tiếp tôi với tính cách một người thân trong gia-đình, nhờ đó, câu chuyện khởi đầu niềm-nở, thân-mật ngay.

Sau đôi ba câu xã-giao vì sao mà biết được bà là thứ mẫu của em học-sinh, tôi đề-cập ngay đến mục-đích cuộc thăm viếng. Đầu tiên tôi hỏi trường-hợp nào đã khiến bà quen thân Hàn-Mặc-Tử ?

Bà với tay lấy cái ống nhổ, nhổ hết miếng trầu, xong bà điềm-nhiên kể cho tôi nghe :

— « Năm ấy tôi 17 tuổi — tính đến năm nay thì cách 27 năm — tôi học lớp Nhứt trường Nam Phan-thiết. Tuy học lớp nhất nhưng tôi rất ham văn-chương. Đêm đêm, tôi thường đến học thêm Việt ngữ với cậu Bích-Khê tôi. Cậu có mở một lớp đêm cho những ai muốn học thêm và chỉ dẫn làm thơ văn. Những bài thơ tôi làm ra toàn là thơ Đường-Luật, tôi gởi đăng báo *Công-Luận* trong Nam. Một hôm, đến trường, tôi tiếp được một bức thư do nhà giây thép đưa lại. Đó là bức thư đầu tiên của H.M.T. gởi cho tôi. Trong thư, H.M.T. cốt-ý cho biết để giao-thiệp trao luyện văn thơ. Tôi có gặp trên báo tên Hàn-Mặc-Tử đôi lần, nhưng không biết Hàn-Mặc-Tử

là ai và cũng không biết bằng cách nào H.M.T. biết được địa-chỉ của mình. Vì lúc nầy, theo trong bức thư H.M.T. gởi cho tôi, Hàn-Mặc-Tử đang làm sở Đạc-điền ở Qui-Nhơn.

Tôi bận học thi tiểu-học, cho nên một tháng sau tôi mới trả lời. Bắt đầu từ đấy, chúng tôi thường có thư đi lại cho nhau, nhưng chỉ toàn nói chuyện văn-thơ.

Nhân nghe bà dì tôi bị bắt, H.M.T. có gởi vào tôi một bài thơ để tặng bà. Đó là bài thơ đầu-tiên H.M.T. gởi cho tôi... »

— Xin bà đọc tôi nghe bài thơ.

Bà Mộng Cầm nghĩ ngợi trong giây phút, đưa tay bỏ miếng trầu cau vào miệng nhai, rồi quay mặt ra đường, đôi mắt hơi trầm ngâm ngó xuống như để nhớ lại, một chặp bà quay lại và tiếp :

— Tôi quên mất hai câu đầu, chỉ còn nhớ 6 câu dưới :

. . . . . .

Ghen tương trời nỡ đem đi giãi
Yếu ớt ông đành bắt bỏ giam
Ôi lũ con đen nhìn bất nhẫn
Thương cô má đỏ cực vô-vàn
Ai xui cớ sự ra nên nỗi,
Mưa khóc lu-bù gió thở-than.

« Chúng tôi giao-thiệp như thế được chừng 5, 6 tháng thì tôi phải về Quảng-Ngãi. Cuộc giao-thiệp gián-đoạn. Về

Quảng-Ngãi gặp một người bạn học cũ, mới hay chính chị bạn tôi quen với Hàn-Mặc-Tử, đã giới thiệu tôi với Hàn và cho Hàn địa-chỉ. Chị cũng cho tôi biết Hàn-Mặc-Tử vừa thôi làm sở Đạc-điền, vào Sàigòn viết giúp cho các báo *Sàigòn-Mới* và *Phụ-Nữ Tân-Văn*.

Ở Quảng-Ngãi mấy tháng, tôi lại trở vào Phan-Thiết. Tôi ra Mũi-Né (cách Châu-Thành Phan-Thiết cây số ngàn) ở học « cô-đỡ » với cậu tôi là ông Lê-quang-Thuần, (anh lớn của Bích-Khê).

Tình cờ, đọc *Sàigòn-mới*, cậu tôi thấy Hàn-Mặc-Tử nhắn trong mục Thư-tín : « *Chị Mộng-Cầm ở đâu cho biết địa chỉ* », ông mới hỏi tôi : « Hàn-Mặc-Tử là ai mà cứ nhắn hỏi cháu hoài, sao cháu không trả lời ? »

Bà nghỉ nói, cầm ống nhổ lên nhổ cổ trầu. Nước trầu quyến đỏ tươi. Tôi để ý thấy bà nhai chậm rãi, gọn gàng, nước trầu không vệt ra ngoài môi. Nhưng tôi thấy đôi môi bà như hồng thêm và đôi má cũng ửng thêm. Bà đứng lên mở đôi cánh cửa sổ, ngoài trời những chòm mây đã tan dần, để lộ những quãng trời xanh quang-đãng. Chút ít ánh nắng lợt lạt theo một luồng gió lạnh ùa vào phòng đậu trên khuôn cửa. Em học-sinh mang nước trà vào. Bà ngồi lại mời tôi uống nước, rồi tiếp :

— « Tôi kể chuyện quen biết trong mục-đích trao-luyện văn-chương cho cậu tôi nghe. Cậu tôi cho phép tôi viết thơ cho Hàn-Mặc-Tử.

Thư-từ đi lại mật-thiết trong mấy tháng, thì một chiều thứ Bảy nọ, vào khoảng tháng 4, 5, Hàn-Mặc-Tử

ra Phan-Thiết. Anh mướn đò đi Mũi-Né tìm đến bệnh-xá. Tôi đang làm thuốc cho bịnh-nhân, ông phu nhà thuốc đưa cho tôi một tấm danh-thiếp có đề mấy hàng:

HÀN-MẶC-TỬ

chez Cercle d'Etude

Qui-Nhơn

Tấm danh-thiếp nầy tôi còn giữ làm kỷ-niệm cho đến lúc gần đây mấy tháng, vì đứa em họ tôi nó xin khẩn-thiết quá, tôi mới cho nó. Hiện nó giữ bo bo và ai xin coi nó cũng không cho, chỉ sợ mất.

Tôi bảo ông phu thưa chờ tôi một chút. Tôi làm thuốc cho người bịnh xong, đi ra thì thấy một chàng thanh-niên mặc âu-phục xoàng-xĩnh đang đứng trước cửa bệnh-xá.

Sau khi chào hỏi, tôi mời vào nhà, giới-thiệu với cậu Thuận tôi. Cậu tôi để cho chúng tôi nói chuyện tự-nhiên. Kể ra, vào thời đó, nam nữ phải cách-biệt mà được như vậy cũng đã là tự-do lắm rồi. Hàn-Mặc-Tử xin cậu tôi sẵn có đò cho tôi đi Phan-Thiết chơi, luôn tiện nhờ tôi giới-thiệu để gặp Bích-Khê mà anh hằng ao-ước tìm gặp. Cậu tôi bằng lòng và tối hôm đó chúng tôi xuôi đò về Phan-Thiết.

Gặp hôm có trăng, nhưng chúng tôi không ngồi trên mui thuyền để ngắm sông nước mà ngồi trong khoang để nói chuyện. Hàn-Mặc-Tử không đẹp, nhưng nhỏ-nhẹ, dễ-thương. Hồi nầy anh mới 24 tuổi, song trông người anh yếu tướng, tôi in trí thế nào anh cũng không thọ.

Nhờ ngọn đèn sáng dưới đò, tôi đã ngờ ngay từ hôm đó là anh có bịnh phong, 2 trái tai anh hơi đỏ mà dày dày. Vì có học ở nhà thương nên tôi biết triệu-chứng, nhưng tôi chưa dám chắc. Đến sau nầy tôi được gặp anh Nguyễn-Thông, bạn học cũ của tôi, cũng làm sở Đạc-điền với Hàn-Mặc-Tử ở Qui-Nhơn cho biết : « Chị có biết Hàn-Mặc-Tử bị phung không? » (thời-kỳ còn nhẹ) tôi mới chắc-chắn... »

Tôi xin phép ngắt lời bà và hỏi một câu :

— Như vậy xin lỗi bà, bà có đi Lầu Ông-Hoàng và có gặp mưa không?

— Tôi nhận có đi chơi Lầu Ông-Hoàng với Hàn-Mặc-Tử, có gặp mưa, có ngồi ở nghĩa địa, nhưng không phải vì đó mà Hàn-Mặc-Tử bị phung như anh Quách-Tấn đã viết. Nếu Hàn-Mặc-Tử bị phung sao tôi không hề-hấn gì cả? Hai người cùng ngồi núp mưa một chỗ kia mà.

Rồi bà trở lại « chuyến đò Mũi-Né » : « Đoán Hàn-Mặc-Tử có phung, song tôi không nói ra, tôi vẫn một lòng kính trọng anh. Đò đến Phan-Thiết, tôi đưa Hàn-Mặc-Tử đến trường Hồng-Đức, cậu Bích-Khê tôi dạy tại đây. Ở đó suốt buổi sáng chủ-nhật, chiều anh đáp chuyến tàu suốt về Sàigòn.

Sau ngày ấy, cậu tôi bảo tôi ra dạy ở trường Hồng-Đức, lẽ đó mà Hàn-Mặc-Tử ra vào thường, thứ bảy nào anh cũng có mặt ở Phan-Thiết, chiều chủ-nhật lại vào. Một dịp thứ bảy đi chơi Lầu Ông-Hoàng, anh thố lộ mối tình với tôi.

Tôi có trả lời anh: « Chắc là không thể đi đến chỗ trăm năm được, tôi nói trước để anh đừng hy-vọng. »

Anh hỏi lý-do. Tôi viện lẽ tôn-giáo khác nhau. Nhưng thật ra vì biết Hàn-Mặc-Tử mang chứng bịnh hiểm-nghèo, không thể sống lâu được, ý tôi muốn một người chồng mạnh-khoẻ, tráng-kiện..., Tuy vậy chúng tôi vẫn giao-thiệp thân-mật một hai năm như thế. Trong thời-gian nầy, có nhiều lần, Hàn-Mặc-Tử năn-nỉ tôi dẫn về Quảng-Ngãi thăm nhà và trong nhiều bức thư anh đề-cập đến vấn-đề hôn-nhân. Tôi vẫn trả lời, nhưng luôn luôn nguỵ-biện để từ-chối :

« Em thiết nghĩ chúng ta sống như thế nầy thanh-cao hơn, tôn-giáo bất-đồng, chữ hiếu bắt buộc em phải nghe lời thân-mẫu em ! ! ... »

Tôi xin lỗi ngắt lời bà :

— Tôi xin hỏi thật bà : bà không muốn đến hôn-nhân, nhưng đối với Hàn-Mặc-Tử bà có lúc nào cảm thấy yêu không ? Và trong những cuộc giao-du thân-mật đã có lần nào thi-sĩ có thái-độ suồng-sã với bà chưa ?

— Chúng tôi rất mến nhau. Nhưng đó là mối tình văn thơ, còn xác thịt thì hoàn-toàn không nghĩ tới, cha mẹ đã cho giao-thiệp tự-do, chúng tôi phải giữ-gìn cho xứng-đáng. Vả lúc bấy giờ tuy tôi đã lớn tuổi nhưng còn khờ lắm. Tôi xin kể cho ông nghe một trường-hợp thi-vị. Hàn-Mặc-Tử in tập « *Gái Quê* », anh đem sách ra nhượng cho các tiệm, nhưng không một tiệm nào chịu mua cả. Anh đem về cho tôi. Tôi nhận đi làm cái công

việc ấy. Tôi đem ra các tiệm, chỉ nội trong buổi sáng, tôi bán xong 50 tập. Tôi hí-hửng về khoe với anh. Tôi khờ quá, anh ạ. Tôi tưởng rằng hễ bán rẻ là người ta mua. Mà người ta mua thiệt. Giá sách 0$35 một cuốn mà tôi chỉ bán có 0$28 hay 0$30.

Nghe tôi thỏ-thẻ : em bán rẻ hơn anh nên người ta mua.

Hàn-Mặc-Tử cười bảo :

— Anh bán thơ chứ anh đâu bán giấy.

***

Đồng-hồ gõ 5 giờ. Tôi định hỏi sang những bài thơ, những bức thư tình của Hàn-Mặc-Tử gởi cho bà, mà hiện bà còn nhớ và cất ở đâu không, thì chồng bà về. Bà giới-thiệu tôi là thầy của em học-sinh và cũng cho ông biết lý-do cuộc thăm viếng của tôi.

Thấy như vậy cũng tạm đủ, tôi ngồi chuyện vãn cùng ông trong mấy phút, rồi đứng dậy xin kiếu từ.

(*Phổ-Thông số 63 ngày 15.8.1961*)

34.— Thao-Thao

Đầu năm 1935, xuất-hiện ở Hànội một nhà thơ khá độc-đáo, khá bí-mật, nhưng không mấy ai chú-ý đến. Vì hai lý-do : Một là tính anh ta hơi gàn dở, một chút kiêu-hãnh, lại không ưa giao-thiệp nhiều với làng thơ, nên hai tác-phẩm của anh xuất-bản gần một lúc, cách nhau không lâu, đều không được mấy ai biết đến. Đã vậy, hai tập thơ đầu tiên của anh : « *Bờ Suối* » và « *Dưới Trăng* » trình bày nơi các tiệm sách đều bị anh bọc một lớp giấy bóng gián kín mít, khách hàng muốn xem không mở ra được. Do tính-cách biệt-dị đó mà Thi-tập phơi bày ở các tủ kiến hiệu sách hàng năm không bán được quyển nào.

Tôi gặp Thao-Thao một hôm đang đi trên đường phố bị anh chận lại đột-ngột :

— Anh phải V.N. không ?

— Phải.

— Tôi tặng anh hai tập thơ đây. Anh ở Khâm-Thiên xa quá, định lên anh nhưng không có tiền đi xe.

Anh ôm một chồng sách, bọc giấy bóng, kín mít. Cái tên tác giả « Thao-Thao », hãy còn mới lạ. Nhưng nụ cười khả-ái, lời nói chân-thành của anh khiến tôi mến anh ngay. Tôi hứa sẽ đọc và sẽ giới-thiệu trong một tờ báo văn-nghệ. Anh bảo ngay :

— Mỗi quyển gom-góp không quá 10 bài, và toàn là thơ 8 chữ. Tôi chỉ thấy thơ 8 chữ là hợp với thơ mới ngày nay. Tôi tin rằng trong tương-lai thơ Việt-Nam sẽ toàn là thơ 8 chữ.

Tôi cười :

— Anh chủ-quan thế ?

— Thơ Đường-luật, Lục-bát, Song-thất lục-bát thì cũ rồi, gò ép quá. Thơ gọi là mới thì câu dài câu ngắn, loại thơ Tản-Đà thì lại càng cũ-rích. Thơ Bạch-Nga của anh từ hai chữ đến 10 chữ thì hay, nhưng 12 chữ dài thườn-thượt. Chỉ có thơ 8 chữ là thích hợp nhất, anh không thấy sao, Thơ-Mới bây giờ đã hướng về những câu 8 chữ rồi đấy.

— Chúng ta sẽ bàn chuyện Thơ-Mới trong một dịp khác. Thao-Thao là tên thật của anh ?

— Tên thật là Cao-Bá-Thao. Tôi là cháu ba đời của Cao-Bá-Quát.

— Thế à ? Thế là anh có giòng máu Đại-Thi-Nhân !

— Liên-hệ gia-tộc là một ám-ảnh với tôi. Tôi có linh-tính rằng tôi cũng sẽ bị chết chém như Cụ ấy !

— Anh khởi-nghĩa làm một trận « Giặc Châu-chấu », thì sẽ thấy thực-hiện được hoài-bão ấy khó gì ?

Hai đứa cười rồ lên. Thao-Thao trầm-ngâm một lúc nói tiếp :

— Tôi cũng muốn làm một cú như Nguyễn-thái-Học, nhưng ông Cụ tôi không cho.

— À ! Cứ làm đi ! Nguyễn-thái-Học làm cách-mạng đâu có xin phép ông cụ, bà cụ nào ?

— Ừ, nhưng dòng dõi họ Cao-Bá nghiêm với con cháu lắm, từ khi cụ Cao-Bá-Quát bị chết chém.

— Thế thôi, anh cứ làm thơ thật hay, để nối-nghiệp Cao-Bá-Quát, cũng tốt vậy. Đừng nghĩ nữa đến chuyện được thiên-hạ chém đầu mình.

Trong vài lần gặp Cao-Bá-Thao, và nói chuyện với anh, tôi thấy tinh anh hơi gàn thật. Thỉnh-thoảng anh bốc-đồng, nổi máu anh-hùng theo kiểu Cao-Bá-Quát. Anh rất kiêu-hãnh. Phê-bình Thế-Lữ là « loài giun-dế », gọi Khái-Hưng là « Hương-Xã », chê Nhất-Linh, chê Tú-Mỡ. Anh thích Lan-Khai và Trương-Tửu.

Có lần tôi hỏi Thao-Thao :

— Thơ anh hay, nhưng bọc giấy bóng kín mít, làm sao bán được ? Tôi thấy trưng-bày ở các quày sách, úa vàng hết.

— Mỗi thi-tập của tôi chỉ có 16 trang, độ hơn 10 bài. Nếu không bọc kín lại, họ mở ra xem 5 phút là hết, còn ai mua làm gì nữa.

— À ra thế ! Nhưng bọc kín lại, họ không mở được ra xem cái gì ở trong ruột, thì ai mua làm gì ? Tôi có cảm-tưởng như ông nhà giàu có cô con gái đẹp, nhưng ông ấy đặt cô trong thùng kiến, đóng kín-mít, để bày trước nhà, thì tôi sợ rằng cô ấy sẽ ế chồng. Mỹ-nhân kín cổng cao tường xưa nay mấy ai dám mó đến ?

— Thôi thì cứ coi như búp hoa còn phong-nhụy, nắng mới nó sẽ nở, hương càng ngát, nhụy càng nồng. Chả sao !

Không biết những năm sau, Thơ của Thao-Thao đã bán được quyển nào chưa? Nhưng hình như trong mấy năm Tiền-Chiến, người đời được mấy ai biết đến hương-nhụy thật nồng-nàn của « *Bờ-Suối* » « *Dưới Trăng* » ?

Thao-Thao có hồn Thơ mãnh-liệt. Đôi khi tôi nhận thấy anh có lý khi anh tin-tưởng vào loại thơ 8 chữ của anh.

Rất tiếc, tôi chỉ gặp Thao-Thao một vài lần trong những năm 1935-36. Thỉnh thoảng có thấy anh thoáng qua như chiếc bóng, trên đường phố Hànội, không biết anh ở đâu, không biết anh đi đâu ?...

Anh xuất-hiện trong vòm trời Thi-ca Việt-Nam như một vì sao chổi.... Những kẻ quáng mắt như Hoài-Thanh. Hoài-Chân, làm sao thấy được những ngôi sao huyền-diệu ấy ?

35.— Ngân-Giang

Không giống như Mộng-Sơn, Anh-Thơ, Ngân-Giang Nữ-sĩ sống rất nhiều về tình-yêu, mơ-mộng rất nhiều về tình-yêu, đau-khổ rất nhiều về tình-yêu.

Nhưng chẳng bao giờ nàng có hạnh-phúc với tình-yêu cả.

Tôi không nhớ rõ lần đầu tiên quen biết với Ngân-Giang như thế nào. Hình như do Lê-Tràng-Kiều giới thiệu trong một cuộc gặp gỡ ngẫu-nhiên nào đó. Từ 1930 đến 1940, thời-kỳ vàng son của Thi-Văn Tiền-Chiến, Nhân-Giang ít đăng thơ trên các báo, nhưng Ngân-Giang đã làm thơ rất nhiều. Chỉ có một số rất ít thi-sĩ được quen biết Ngân-Giang, được nghe thơ Ngân-Giang, và yêu thơ Ngân-Giang.

Không hiểu vì lý-do gì, Ngân-Giang không thích đăng thơ trên báo, nhưng thỉnh-thoảng được nghe thơ Ngân-Giang, chúng tôi cảm-động, khoái-trá, bởi phong-vị sầu-mơ ra-riết, ngào-ngạt trong thơ.

Nàng sống cuộc đời âm-thầm đau-khổ, tuy trẻ đẹp, nét đẹp diễm-lệ sầu tư che giấu một niệm-hoài-thiên-cổ-luy. Lúc tôi quen biết Ngân-Giang, nàng vào độ 18, 19 tuổi, và nghèo khổ. Không biết Ngân-Giang làm gì, Ngân Giang ở đâu, chỉ biết Ngân-Giang làm thơ rất thâm-trầm

cảm-xúc. Chỉ biết thơ Ngân-Giang là tiếng nỉ-non xao-động của một tâm-hồn tràn đầy nhạc-mộng.

Mùa Xuân năm 1935, một chàng trai trẻ, nhà giàu, có nhà lầu rất sang ở miệt ngoại-ô Hà-nội, chuyên-môn sống về nghề đánh cá ngựa, mở một tờ tuần-báo thể-thao, mời Lê-Tràng-Kiều làm Chủ-Bút. Kiều bảo tôi :

— Thằng ấy có nhiều tiền quá, không biết vứt vào đâu cho hết, nên nó mở báo. Nó dốt đặc cán mai, chẳng hiểu gì về văn-nghệ, nên phải làm báo thể-thao. Tôi đã nhận lời trông nom tờ báo cho nó, nếu anh viết giúp được thì hay.

— Tôi có biết khỉ mốc gì về thể-thao mà viết ?

— Kệ mẹ nó. Anh có thể làm Thơ-Thể-Thao, bịa ra vài chuyện ngắn thể-thao, viết dăm ba câu trào-phùng thể-thao, dựng lên một nền văn-nghệ thể-thao để có tiền tiêu, tội đếch gì !

Tôi nhận lời, và dự-tính viết mỗi kỳ một chuyện ngắn thể-thao, một chuyện khôi-hài thể-thao « để có tiền tiêu ». Lê-Tràng-Kiều bắt buộc thằng chủ báo nhà giàu đó phải trả tiền nhuận-bút thật cao, vì « toà-soạn toàn những nhà Văn danh-tiếng ! »

Một hôm, đến họp tại « toà-soạn », tôi hết sức ngạc-nhiên thoáng thấy bóng Ngân-Giang Nữ-sĩ ngoài bao-lơn, dưới giàn hoa Antigone. Hình như nàng có thai... Trong một phút tâm-sự, Ngân-Giang thốt ra.

— Không có gì lạ đâu anh. Tôi đang ở trong cảnh nghèo. Gặp anh ấy tại nhà một người bạn. Bạn giới-thiệu tôi

là Nữ-sĩ. Anh ta xin được nghe vài bài thơ. Tôi đọc vài bài. Anh ta mê thơ... Rồi mê tôi... Anh ta giúp tôi tiền, mua sắm các thức tặng tôi... thờ tôi như một thần-tượng... Thế rồi... một đêm, nơi gác lầu nầy... sau một bữa tiệc anh ấy đãi tôi... tôi hơi say sượu... thế là tôi sa ngã..

Tôi khẽ hỏi :

— Tình-yêu ?

Ngân-Giang Nữ-sĩ khẽ nhún vai ; với một tiếng thở ra :

— Tình-yêu ?

Một nụ cười chua chát.

Báo Thể-thao, mặc dầu nhờ tài sắp xếp rất hấp-dẫn của Lê Tràng-Kiều, vẫn không sống. Độc-giả Hà-Thành không mấy thích thể-thao.

Tôi không đến tòa báo từ buổi họp mặt đầu-tiên. Và lâu lắm, tôi không nghe nói đến Ngân-Giang Nữ-sĩ.

Một hôm, vào khoảng năm 1938, tôi đến thăm ông Cụ Lang quen thân từ lâu, lúc cụ còn ở phố hàng Hỏa (rue des pipes). Sau, gia-đình ông cụ vừa mới dọn đến một căn gác phố hàng Bông. Tôi hỏi cô Mão, con gái lớn của cụ, thuê cái gác bao nhiêu tiền. Cô bảo chỉ thuê một nửa bên trong, còn căn ngoài, có người khác thuê. Cô Mão nói tiếp :

— Gác ngoài, cô Nữ-sĩ Ngân-Giang ở. Ông biết cô ấy chứ ?

Tôi lại bị một cú ngạc-nhiên mới.

— Nữ-sĩ Ngân-Giang ở đấy từ bao giờ ?

— Tôi không biết. Chúng tôi dọn đến thì cô đã ở đây lâu rồi. Cô ấy thường qua chơi bên nầy luôn.

Tôi để ý thấy hai căn gác chỉ cách nhau bằng một vách ván, có chừa một cửa thông, treo bức màn. Trong lúc tôi nói chuyện với Cụ Lang va cô Mão, thì em cô là cô Dậu đã chạy qua bên căn nhà kế-cận. Tôi nghe tiếng cô Dậu mách-lẻo :

— Chị ạ, có Ông N.V. đến thăm thầy em, đang ngồi chơi bên gác nhà em đấy ạ.

Tiếng Ngân-Giang :

— Thế à ?

Một phút sau, Ngân-Giang bước qua, chào hỏi niềm-nở :

— Anh có quen với Cụ Lang đây à ?

Tôi mỉm cười. Ngân-Giang mời tôi qua bên gác nàng.

Nữ-sĩ pha trà, rồi đọc mấy bài thơ...

Thơ Ngân-Giang bây giờ càng buồn, càng thấm-thía, càng xao-xuyến u-hoài... tôi nhận-xét như thế, sau khi nghe ba bài và hỏi tiếp :

— Sao Ngân-Giang đến ở đây nhỉ ?

— Chứ ở đâu bây giờ, anh ? Chuyện cũ chỉ là chuyện cũ, chẳng có gì thành vấn-đề.

— Ừ, tất cả chỉ là cái bóng, là mơ,

— Chưa hẳn tất cả. Phải là đẹp mới gọi là Mơ. Phải in vào tim ta mới là Bóng chứ, phải không Anh ?

— Đúng thế, nhưng bao-la sầu-mộng luôn luôn trong sắc đẹp tài-hoa.

— Vâng. « Tài-hoa cái luỵ nghìn đời », anh Lan-Khai chả nói thế là gì !

Tôi từ-giã Ngân-Giang sau khi uống cạn một chén trà Chính-Thái.

Nhưng Ngân-Giang chưa cạn những suy-tư ngập tràn số kiếp tài-hoa...

Rời từ đấy, Ngân-Giang phiêu-bạt nơi nào ? Mấy thi-phẩm diễm-tuyệt của Nữ-sĩ đã xuất-bản trong thời Chinh-Chiến, chỉ là giấc mơ trong « *Tiếng Vọng Sông Ngân* », là chiếc bóng một Bracovan trong con tim Thế-Kỷ...

ĐỂ KẾT-THÚC CHƯƠNG I

NHƯ đã nói trước, tôi chỉ có ý định trình bày cùng Quý Bạn MỘT CHỨNG DẪN CỦA THỜI TIỀN CHIẾN, thời kỳ mà tôi đã được may mắn sống chung đụng cùng một số các bạn làng Văn ở Bắc-Việt.

Nếu hiện nay các bạn ấy còn sống đông đủ ở Miền Nam thì loạt bài nầy rất vô ích, hoặc chưa hợp thời.

Nhưng, than ôi, một số rất đông là nạn nhân của bao nhiêu năm chiến cuộc ! Nhiều bạn đã chết hoặc vì súng đạn, gươm đao, hoặc vì bịnh hoạn. Nhiều bạn còn sống nhưng chúng ta không sao gặp lại được nữa, vì một đường ranh máu đã rạch đôi non nước Lạc-Hồng.

Kẻ ngồi chép lại những kỷ ức nầy may mắn còn sống ở miền Nam nước Việt, cùng với một số bạn cũ rất hiếm hoi không quá năm ba người.

Các bạn kia đã mất, tuy vậy, còn để lại cho thế hệ ngày nay một danh thơm với ít nhiều di sản quý báu : Thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, khảo cứu, phê bình... Một số đông các bạn ngày nay đang thừa hưởng gia tài văn học ấy, muốn bảo tôi, là một kẻ sống sót, kể lại chút ít kỷ niệm của hồi nào. Thể theo ý muốn của các bạn, và nhớ lại các bạn xưa (30 năm, nay đã xưa rồi) tôi cầm bút chép loạt bài nầy với tất cả nhiệt thành lưu luyến

của một kẻ đã ở, « đã thấy, đã sống »... Một kẻ làm chứng của thời đại đã qua, không hơn không kém.

Cho nên tôi chỉ viết một quyển chứng dẫn, gồm toàn những sự-kiện xác thực, trong đó dù tác giả muốn gác bỏ cái thẳng tôi ra ngoài cũng không làm sao được, chính vì lẽ đây là một quyển Hồi-ký cũng như TẤT CẢ NHỮNG HỒI KÝ CỦA BẤT CỨ TÁC GIẢ NÀO, Ở BẤT CỨ NƯỚC NÀO, TỪ XƯA ĐẾN NAY.

Nếu có bạn nào phê bình rằng không nên nói đến chữ « tôi », vì chữ « tôi » là khả ố (1), thì xin các bạn ấy đọc các quyển hồi ký, ký ức, các « mémoires » của hầu hết các Văn sĩ, Nữ sĩ ngoại quốc và các nhân vật trong các giới khác của Âu Mỹ và Á đông, — có đến hàng muôn vạn quyển, — chắc là các bạn cho rằng các tác giả kia đều là « khả ố » hết sao ?

Nếu vậy thì Descartes, J. J. Rousseau, Chateaubriand, Mme de Staël, Pierre Mille, Gœthe, Dostoisky, Lamartine, D'Annunzio, Rabindranath Tagore, Gandhi, Nguyễn khắc Hiếu v.v... « nói dóc » biết bao nhiêu ! « Khả ố » biết bao nhiêu ! Đó là chỉ kể năm bảy người ở Âu Á để dẫn chứng mà thôi. Trong Văn học sử Đông Tây kim cổ còn hằng nghìn, hằng vạn quyển « Hồi ký về đời sống cá nhân » của mỗi nhà Văn, nhà Thơ, nhà Chính trị, nhà Kỹ nghệ, nhà Nghệ sĩ, nhà Thể thao, Nhạc sĩ, Bác sĩ, Luật sư, v.v... đọc sao cho xiết ! Và những quyển Hồi ký của « cái tôi » ấy bổ ích xiết bao cho kinh nghiệm và hiểu biết của đoàn hậu sinh chúng ta ngày nay !

(1) Câu « Le moi est haïssable » của Pascal phải hiểu nghĩa rộng theo trong toàn bài của nhà văn Pháp.

Trong quyển *VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN*, cái thằng tôi rất tầm thường nầy chỉ nhắc lại một vài mẩu chuyện về đời sống của các bạn làng Văn Tiền-Chiến, kể lại một vài ký ức riêng của nó với các Văn sĩ, Thi sĩ kia, theo những chuyện nó biết, để các bạn càng hiểu họ hơn.

Tôi đã thú thật rằng tôi viết loạt bài THI-SĨ VĂN-SĨ TIỀN-CHIẾN là theo lời yêu cầu của một số đông bạn đọc thân mến của *Phổ Thông Tạp chí* muốn biết thêm về đời sống của các Văn sĩ của thời vừa qua. Đến đây, Chương Một của tập Hồi ký nầy chấm dứt, tôi đã nhận được rất nhiều thư của quý bạn bày tỏ cảm tình. Tôi xin cảm ơn. Nhưng tôi cũng có nhận được một hai bức thư của vài bạn học sinh chỉ trích theo như tôi đã trình bày thẳng thắn trên kia. Tôi cũng cảm ơn các bạn ấy, vì các bạn đã cho tôi cơ hội để minh xác một quan điểm văn học, chung của tất cả các văn học sử thế giới.

Trái lại, nhiều bạn lại muốn tôi viết nhiều hơn, như nói cả ngày sinh tháng đẻ và quê quán, đời tư của các văn thi sĩ Tiền chiến, trong đó các bạn muốn tôi nói cả về đời sống của tôi nữa. Nhưng tôi không thể làm công việc ấy được vì tôi xin nhắc lại một lần nữa : đây là một quyển sách chứng dẫn về Văn Sĩ Thi Sĩ Tiền Chiến, chứ không phải một quyển Văn học sử. Quyển « *Văn Chương và Tư Tưởng Việt-Nam, qua các Thời đại* » và Quyển « *Thơ Việt-Nam ở Thế kỷ XX* », mà tôi đang soạn, sẽ là những quyển Văn học sử. Trong quyển nầy, dĩ nhiên là tác giả sẽ hoàn toàn đứng về phương diện nhận xét các tính chất của lịch sử tiến triển của Văn chương và tư tưởng Việt-Nam, không có xen vào những ký ức cá nhân.

Còn đã viết Hồi ký thì không làm công việc tham khảo tài liệu lịch sử được.

Văn sĩ Thi sĩ của Việt-Nam hồi Tiền Chiến còn đông lắm. Nhưng tôi chỉ nhắc đến một số ít là những người mà tôi đã hiểu biết nhiều, hoặc chơi khá thân, hoặc tiếp xúc khá lâu. Còn nhiều bạn khác rất quen mặt, quen tên, nhưng vì ít có dịp gần gụi, thân thiện, nên tôi không thể nói đến.

Những anh bạn rất đáng mến như ĐÁI ĐỨC TUẤN (TchyA), NGUYỄN TRIỆU LUẬT, TAM LANG v. v... vẫn thường gặp nhau, nhưng ít có dịp chơi chung với nhau, hoặc ăn chung, ngủ chung, hoặc cùng nhau trò chuyện dông dài, lang thang đây đó, nên tôi không biết gì nhiều về các anh ấy.

Bạn học cũ của tôi ở Trung-Việt như QUÁCH TẤN, hoặc quen biết một đôi lần như CHẾ LAN VIÊN, HÀN MẶC TỬ, tôi cũng không biết viết gì hơn được về các anh, vì kẻ ở Bắc, người ở Trung, xa xôi muôn dặm, có được tiếp xúc với nhau mấy khi đâu.

Một trường hợp đặc biệt nhứt là anh LÊ VĂN SIÊU. Chúng tôi quen biết với nhau lâu lắm, chơi với nhau rất thân, có thể nói chúng tôi là bộ ba, vì Lê văn Siêu là bạn thân của TRƯƠNG TỬU (hai người nầy cùng học trường Kỹ nghệ thực hành Hải-Phòng, và do Trương Tửu mà tôi thân với anh), nhưng suốt thời gian gần gụi với nhau ở Hà-Nội cho đến khi tôi đi ở tù, năm 1941, tôi không thấy Lê văn Siêu viết văn. Anh không hề nói đến văn chương. Ở trường Kỹ nghệ Thực hành Hải-Phòng ra,

anh về Hà-Nội mở tiệm bán đồ thêu rồi anh buôn bán các thứ khác, bị lỗ lã thất bại luôn luôn. Anh là người tốt, tính tình hiền lành vui vẻ, và khéo xoay xở buôn bán, nhưng bị xui xẻo trong các việc sinh kế, làm đâu hỏng đó, chật vật quanh năm, lại có bầy con đông đúc.

Bỗng dưng từ sau khi anh di cư vô Sàigòn tôi thấy anh viết văn. Tình cờ tôi thấy ở một tiệm sách Sàigòn có bán một quyển sách về *VĂN HỌC VIỆT-NAM ĐỜI NHÀ LÝ* của Lê văn Siêu, tôi hết sức ngạc nhiên. Đến nỗi tôi cứ tưởng là một Lê văn Siêu nào khác. Té ra chính là Lê văn Siêu ở Hàng Cót, Hà-Nội độ nào !

Thành thử, Lê văn Siêu là người Hà-nội ở thời Tiền Chiến mà lại thành ra một nhà Văn của thời Hậu Chiến, ở Sàigòn !

***

LÊ TRÀNG KIỀU, VŨ TRỌNG CAN, THAO THAO...

Trước khi chấm dứt chương sách nầy, tôi muốn nhắc đến một nhà văn đã tham gia hăng hái nhất vào phong trào phát triển báo chí văn nghệ ở Hà Nội thời tiền chiến, là *LÊ TRÀNG KIỀU.*

Tên thật là Lê-Tài-phúng, anh đã học trường Trung-học Nam Định và đã ham hoạt động văn nghệ ngay từ khi ra khỏi trường.

Anh không làm thơ bao giờ và cũng không chuyên sáng tác về các loại văn tiểu thuyết hay nghiên cứu, nhưng ai cũng phải nhận thấy rằng Lê trang Kiều có biệt tài phê bình và viết báo. Biệt tài ở điểm anh biết trình

bày một tờ báo cho hấp dẫn, linh hoạt, hợp với thị hiếu của quần chúng, nhất là thanh niên. Anh biết tổ chức một bộ Biên tập thích ứng, và gây được không khí trẻ trung, sôi nổi trong văn giới và báo giới. Anh viết văn phê-bình rất hấp-dẫn. Con người yêu văn nghệ, tính tình vui vẻ, ưa hoạt động không ngừng, được cảm tình của một số đông nhà văn, Lê tràng Kiều đã chủ trương nhiều tờ báo còn để lại thành tích tốt đẹp : *Tiểu thuyết Thứ Năm, Hà Nội Báo, Văn Học tạp chí, Thời Thế, Bạn trẻ,* là những nơi tụ họp những cây bút xuất sắc: LƯU TRỌNG LƯ, VŨ TRỌNG PHỤNG, PHẠM HUY THÔNG, NGUYỄN XUÂN HUY, THÁI CAN, TRƯƠNG TỬU, TRẦN BÌNH LỘC v.v...

Lê tràng Kiều đã góp phần xứng đáng trong công cuộc xây dựng nền văn nghệ phồn thịnh và đẹp đẽ thời Tiền-chiến.

***

Tôi ngạc nhiên không thấy một quyển Văn Học Sử nào nhắc đến một số Văn sĩ, Thi sĩ khác của thời Tiền Chiến đã sáng tác nhiều văn phẩm rất có giá trị trong các bộ môn chẳng hạn như :

— *VŨ TRỌNG CAN*, với những vở kịch đặc sắc, đã được đem ra diễn nhiều lần và rất được công chúng hoan nghênh. Anh là một nhà soạn kịch có duyên dáng mà tài nghệ không kém một vài kịch sĩ Pháp đầu thế kỷ. Tiếc rằng anh chết sớm quá.

THAO-THAO, một thi sĩ triệt để chủ trương lối « Thơ tám chữ » trong hai thi phẩm đã được các báo nói đến

nhiều lúc bấy giờ. Anh là một trong những nghệ sĩ tiền phong của làng thơ MỚI, đáng lẽ phải được chú ý đến. Anh bị nhiều người ghét vì tính hơi gàn, lại hay tự phụ, nhưng anh thật có tài, và thơ anh mới mẻ, ý tứ dồi dào, lời văn rất đẹp.

PHAN TRẦN CHÚC, một sử gia đã viết những sách khảo cứu đầy đủ về sử học Việt Nam. Anh có cộng tác với RENÉ CANDELON, một nhà Văn Pháp lai Việt, rất chú trọng đến lịch sử nước ta. Hai quyển « *Minh Mạng* » và « *Hàm Nghi* » của anh chứa đựng nhiều tài liệu lịch sử rất quý báu.

***

Tôi đã kể một số các nhà Văn và nhà Thơ của thời kỳ chúng tôi đang vẫy vùng tự do, vui vẻ ở Hà Nội.

Như tôi đã trình bày trước với quý bạn đọc, tôi chỉ nói đến các các bạn làng văn mà tôi đã được hân hạnh quen biết nhiều.

Còn một số khác, chỉ được biết tên, biết tiếng, mà ít có cơ hội gặp gỡ chuyện trò thân mật, hoặc chỉ tiếp xúc qua loa một đôi lần, thì dĩ nhiên tôi không nói đến.

***

QUYỂN « THI-NHÂN VIỆT-NAM » của Hoài-Thanh và Hoài-Chân

Hoài-Thanh (Nguyễn-đức-Nguyên) và Hoài-Chân (Nguyễn-đức-Phiên) là hai anh em ruột, làm Trợ-giáo (instituteur) ở Huế. Họ được biết tên từ khi họ cho ra đời quyển

« Thi-Nhân Việt-Nam » ở Huế năm 1942. Đây là một quyển sách biên-khảo về Thi-nhân Tiền-Chiến. Rất tiếc công việc làm của hai ông « Thầy Giáo » (1) nầy không đáp-ứng với những đức-tính cần-thiết của một nhà biên-khảo chân-chính, dù là biên-khảo khoa-học hay văn-học. Đã biên-khảo thiếu-sót, mang tính cách cá-nhân quá rõ ràng, lại còn thêm vào việc phê-bình mà thiếu hẳn khả-năng phê-bình khách-quan và xác-đáng.

Về biên-khảo, những nhà Thơ đã nổi danh của thời-đại, và có chân tài, như Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, và Bà Tương-Phố (Bắc-Việt), Ưng-Bình Thúc-Giạ-Thị, Huỳnh-Thúc-Kháng, và Phan-bội-Châu, (Trung-Việt), hai ông « biên-khảo gia » kia hoàn toàn không nói đến. Sơ sót cẩu thả hay cố ý bỏ quên? Trái lại, hai ông ấy giới-thiệu một số người, phần đông ở Huế, mà những bài thơ tuyển chọn đã để cho kẻ thức-giả bàng-quang thắc mắc, không hiểu lý-do tuyển-chọn của hai ông.

Người ta thấy hai ông Thầy Giáo ở Huế muốn làm một nhà biên-khảo và phê-bình Văn-học; mà thiếu tự trọng, thiếu khả-năng, và thiếu cả lương-tâm Văn-nghệ.

Họ phê-bình rất là chủ-quan theo hiểu biết cá nhân của họ quá đơn sơ giản-dị về nghệ-thuật Thơ. Chính những nhận-xét của họ thường tự mâu-thuẫn nhau, bởi không dựa trên tiêu-chuẩn khảo-luận vô-tư và xác-đáng.

---

(1) Thời Tiền-Chiến, người ta chỉ gọi Giáo-Sư là những vị xuất thân từ trường Cao-đẳng (Đại-học) và dạy các lớp Trung-học. Còn Trợ-giáo có bằng (Diplôme) dạy các lớp Tiểu-học thì gọi là Thầy Giáo.

Chẳng hạn phê-bình một thi-nhân, ở đoạn đầu họ công-kích kịch-liệt, công-kích đến mức độ mạt sát người ta, rồi ở đoạn dưới, họ lại không tiếc lời khen ngợi chính những cái mà họ bêu xấu, hoặc phủ-nhận ở đoạn trên !

Vì thế nên thế-hệ sau nầy có quyền nghi ngờ giá-trị của một công việc « biên-thảo » không có căn-bản.

Văn Thơ Tiền-Chiến rất sôi nổi, vẻ-vang, mà không có một quyển sách biên-khảo và phê-bình xứng đáng với thời-đại. Đáng tiếc thay !

CHƯƠNG HAI

Văn-sĩ Việt
Văn-chương Pháp

I.— CÁC NHÀ BÁO

Trước hết xin nói về vấn đề danh từ. Hồi Tiền Chiến ở Hà Nội, hai chữ « ký giả » chưa được thông dụng như ngày nay. Trong một tòa báo, ngoài Chủ nhiệm, có Chủ bút và các Trợ bút, hoặc Bình bút. Tất cả các cộng sự viên của một tờ báo đều được gọi bằng một danh từ chung : Nhà Báo, đúng theo tiếng Pháp là Journalistes. Chủ nhiệm thường thường là người có tiền bỏ vốn ra làm tờ báo, và chịu trách nhiệm trong việc điều khiển tờ báo về mặt vật chất và tinh thần, cả đối với Pháp luật nữa. Những viên Chủ nhiệm bỏ tiền ra làm báo với mục đích duy nhất là khai thác thương mãi, thì họ mời một Nhà Báo chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong nghề và có học thức làm chủ bút, như trường hợp ông BÙI XUÂN HỌC, chủ nhiệm tờ « *Hà Thành Ngọ Báo* » hằng ngày, và tờ tuần báo *Việt-Nữ*, ông PHẠM LÊ BỒNG, chủ nhiệm hai tờ tuần báo *LA PATRIE ANNAMITE* (Pháp-văn) và *NAM CƯỜNG* (Việt văn), ông LÊ CƯỜNG, chủ nhiệm tờ *TIỂU THUYẾT THỨ NĂM* v.v... Những ông nầy không bao giờ viết báo cả, vì không phải nghề nghiệp của họ : Phạm lê-Bồng là một nhà kỹ nghệ sản xuất pháo (Pháo hiệu Tường-Ký của ông đã khét tiếng), Lê Cường là chủ nhà thuốc Hồng-Khê chế tạo các loại thuốc cao-đơn-hoàn-tán, và nổi tiếng nhất là thuốc lậu Hồng-Khê. Hầu hết họ là những nhà tư bản, có óc kinh doanh, họ coi tờ báo

là một xí-nghiệp có thể khuếch trương to lớn được. Tôi không nói về phương diện địa vị trong xã hội, vì phần nhiều các nhà tư-bản kia cho rằng làm chủ nhiệm một tờ báo được danh giá hơn là làm chủ một nhà buôn pháo, hoặc một nhà thuốc cao-đơn-hoàn-tán. Đó là quan niệm của họ giữa một Xã hội còn đương thời phong kiến.

Thường thường, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút trong các tòa báo thời tiền chiến, là người vừa là chủ nhân của tờ báo vừa điều khiển thật sự bộ Biên Tập. Trường hợp nầy rất nhiều như cụ HUỲNH THÚC KHÁNG, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân* ở Huế, NGUYỄN VĂN VĨNH, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *L'ANNAM NOUVEAU* (Pháp văn) ở Hà-Nội, và *Trung Bắc Tân Văn*, HOÀNG TÍCH CHU (*Tuần báo Đông Tây*), NGUYỄN KHẮC HIẾU (*An-Nam Tạp Chí*), PHẠM QUỲNH (*Nam Phong Tạp Chí*) v.v... Hầu hết những ông nầy vừa là nhà báo, vừa là nhà văn. Họ trông nom tất cả các bài đăng báo của Bộ Biên tập thường xuyên, của các vị Trợ bút bất thường, cũng như lai cảo của các bạn Độc giả gởi về. Họ điều khiển tất cả đời sống tinh thần và vật chất của tờ báo.

Trái lại, nhiều vị Chủ nhiệm không viết bài và không thể điều khiển được Bộ Biên tập, bởi nhiều lý do (hoặc bận lo việc kinh doanh khác nữa, hoặc không phải chuyên nghiệp làm báo, hoặc sức khỏe yếu, v.v...) thì họ lại mời một chủ bút để trông nom Bộ biên tập. Chủ bút thường thường phải là người có nhiều kinh nghiệm làm báo, nhiều khả năng, và có uy tín. Chủ bút có thể là Nhà

Văn hoặc một nhà báo chuyên nghiệp. Chúng ta có thể kể vài ba trường hợp như :

Báo *ĐỒNG-PHÁP* ra hằng ngày : chủ nhiệm là NGÔ VĂN PHÚ, chủ bút là NGÔ VĂN ; *NGỌ BÁO* : chủ nhiệm BÙI XUÂN HỌC, chủ bút, có một dạo là HOÀNG TÍCH CHU (chủ bút hay thay đổi luôn) ; *VĂN HỌC TẠP CHÍ* : chủ nhiệm DƯƠNG TỤ QUÁN, chủ bút LÊ TRÀNG KIỀU ; *VIỆT NỮ*, chủ nhiệm BÙI XUÂN HỌC, chủ bút Nữ sĩ MỘNG SƠN ; *LA PATRIE ANNAMITE* : chủ nhiệm PHẠM LÊ BỔNG, chủ bút TÔN THẤT BÌNH ; *NAM PHONG TẠP CHÍ*, sau khi PHẠM-QUỲNH vào Huế làm Thượng Thơ thì đổi lại chủ bút NGUYỄN TIẾN LÃNG. *Tờ L'ANNAM NOUVEAU*, sau khi NGUYỄN VĂN VĨNH không còn làm nữa, được trao lại ông LÊ THĂNG làm Chủ bút (ông Lê Thăng hiện làm Trạng Sư ở Sàigòn) ; tờ *PHỤ NỮ THỜI ĐÀM* : chủ bút ông PHAN KHÔI ; *ÍCH HỮU* : chủ nhiệm VŨ ĐÌNH LONG, chủ bút TRƯƠNG TỬU, v.v...

Không có trường hợp nào Chủ nhiệm không viết bài hoặc thỉnh thoảng mượn người khác viết giùm, mà đề tên trên mặt báo là « Chủ nhiệm kiêm Chủ-bút ».

Ở các nước Văn minh khác, như ở Âu Mỹ hay Ấn Độ, Nhật Bản cũng không bao giờ có trường hợp ấy. Chủ bút phải là người có trách nhiệm thường xuyên về tinh thần tờ báo, phải trông nom các bài của Bộ biên tập và xem các lai cảo, thư từ của bạn đọc gởi về liên quan đến Tòa soạn. Ông chủ tọa các cuộc hội nghị nội bộ của Tòa soạn, và đưa ra các chỉ thị quan hệ mật thiết với hoạt động của tờ báo mà ông có nhiệm vụ giữ gìn đúng

theo tôn chỉ và xu hướng. Vì thế, ông phải viết bài xã luận, — (Hồi tiền chiến gọi là xã thuyết) — để hướng dẫn tờ báo theo mục đích nhất định của nó. Một tờ báo có căn bản nghề ngóiệp, bất cứ hằng ngày hay hằng tuần, luôn luôn được tổ chức theo một hệ thống chặt chẽ, chứ không bao giờ bừa bãi được.

Nó là một cơ quan, dù là của tư nhân, nhưng vẫn có tính cách công cộng vì ảnh hưởng của nó trong quần chúng rất rộng lớn. Cho nên nó phải theo một kỷ luật nội bộ như thế nào để giữ được không những giá trị riêng của tờ báo mà cả uy tín của quốc gia và dân tộc mà nó là đại diện dư luận, hay là tiêu biểu cho văn hóa, nghệ thuật, văn minh.

Đi từ nguyên tắc ấy, một số lớn báo chí ở Hà Nội và ở Huế hồi tiền chiến, (tôi không nói đến tình hình báo chí ở Saigon thời bấy giờ vì không được biết rõ ràng), đã gây được ảnh hưởng rất lớn trong quần chúng Việt Nam về mọi phương diện. Vai trò của *Nam Phong Tạp chí, Tiểu thuyết Thứ Bảy, Phong-Hóa, Đông Phương, Tri Tân, Văn học tạp chí v v...* đối với văn học, và của *L'Annam Nouveau, Tiếng Dân, Thực Nghiệp dân báo, Le Peuple v v...* đối với chính trị, ảnh hưởng của *Đông Tây tuần báo, Loa, Tiểu thuyết Thứ Năm*, và của cả một đôi tờ báo Pháp văn của một nhóm sinh viên lãng mạn du học ở Pháp mới về, như báo *Le Misogyne* in bằng mực tím, v.v... đối với thanh niên, đã để lại trong xã hội Việt Nam thời tiền chiến những vết sâu đậm, mà mấy năm đầu của Thế chiến cũng không thể xóa nhòa được.

Trái lại, cái gì giả tạo, không thích hợp với lịch trình tiến triển tự nhiên của Thế hệ, hoặc do chính quyền thuộc địa

chủ mưu, đều hoàn toàn thất bại, chỉ có rầm rộ bề ngoài rực rỡ trên lớp vỏ nhất thời, mà không có ảnh hưởng tý gì trong quảng đại quần chúng cả trí thức lẫn bình dân. Như báo *NAM CƯỜNG* của PHẠM LÊ BỔNG, ở Hà Nội, *TRÀNG AN, GAZETTE de HUẾ*, của Bùi Huy Tín (chủ nhiệm), và NGUYỄN TIẾN LÃNG (chủ bút) ở Huế, đều bị dân chúng coi như những cơ quan nịnh bợ chính quyền, và không gây được một ảnh hưởng nào đáng kể. Những tờ báo ấy cũng nói đến Văn học, Khoa học, tra cứu Lịch sử, Văn hóa, v.v... và in trên giấy tốt, chữ đẹp, giá bán rẻ, nhưng ít người mua.

Sự cạnh tranh báo chí, có thể nói là không quá hung dữ như ngày nay. Nói đúng hơn, là không có sự cạnh tranh bất chính, bất chấp lương tâm nghề nghiệp. Báo hằng ngày có độ ba bốn tờ Việt Ngữ: *Trung Bắc Tân Văn, Đông Pháp, Tin mới* (Tờ nầy mới ra đời từ khoảng 1938-39 của một nhóm thanh niên trí thức). Nên kể cả mấy tờ Nhật báo Pháp (để làm tài liệu) : *L'Avenir du Tonkin, La Volonté Indochinoise, France — Indochine, L'Indépendance Tonkinoise, L'Ami du Peuple Indochinois*, và một tờ tuần báo Pháp, chống chính phủ thuộc địa, *L'Argus Indochinois* của AMÉDÉE CLÉMENTI. Ông nầy có người vợ Việt Nam, làm giáo sư, quê ở Thái Bình. Cả hai vợ chồng đều nghiện thuốc phiện (và nghiện nặng) nhưng báo *L'ARGUS INDOCHINOIS* (tòa soạn chỉ có hai vợ chồng) có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng trong giới trí thức và sinh viên cách mạng Việt Nam. Amédée Clémenti là người Pháp chính tông, nhưng có tư tưởng cách mạng triệt để theo thuyết Nhân quyền và Dân quyền, chủ-trương Việt Nam độc lập. Phải nói rằng Amédée Clémenti là người Pháp duy nhất ở Hà

Nội luôn luôn đả kích chính phủ thực dân và đòi cho Việt Nam được Tự do và Độc lập. Ông là « con vật đen » của sở Mật thám Pháp, nhưng chính quyền thuộc địa không làm gì được ông cả. Có lần người ta chỉ bắt cóc người xếp thợ sắp chữ của ông để trả thù vặt mà thôi. Ông viết bài chửi sở Mật thám thậm tệ, thì họ cho phao tin rằng anh thợ sắp chữ của báo *L'Argus* có lẽ bị « Me mìn » bắt đưa đi Nouvelle Calédonie rồi. AMÉDÉE CLÉMENTI là bạn thân của NGUYỄN VĂN VĨNH. Ngoài ra, trong làng Báo Pháp ở Hà Nội còn ông ERNEST BABUT, chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ *LA REVUE FRANCO-ANNAMITE* (Pháp Việt Tạp Chí).

ERNEST BABUT là người Pháp, có chân trong hội Nhân quyền và Dân quyền Pháp ở Paris (Ligue des Droits de L'Homme et du Citoyen), ông là bạn thân của cụ PHAN CHÂU TRINH. Theo lời ông nói với tôi, thì chính ông đã trực tiếp vận động với chính phủ Pháp, để phản đối quyết liệt việc triều đình Huế toan kết án tử hình Phan châu Trinh, và để trả lại tự do cho cụ, sau khi cụ bị đày vô Côn-Lôn. Thời kỳ Đại chiến 1939 — 1945, Ernest Babut vẫn ở Hà-Nội, cho đến tháng 12 năm 1946, khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ tại Thủ Đô Bắc Việt, thì — cũng theo lời ông Babut thuật lại — ông bị lính Pháp bắt được dưới hầm của Bắc-bộ phủ nơi trụ sở của Hồ-chí-Minh, trong lúc họ kéo tới chiếm đóng lâu đài nầy. Ông nói ông bị lính Pháp lấy báng súng đập vào ông như tử, may nhờ có Cao-ủy Pháp kịp đến can thiệp. Ông được đưa phi cơ vào cư trú tại Đà-Lạt. Năm 1948, tôi gặp ông Ernest Babut ở Đà-Lạt với bà vợ Đầm của ông. Ông là người của đảng Xã-hội Pháp (SFIO), và lúc nào cũng công kích chính sách thực dân, mà lại sống nhờ tiền phụ cấp của thực dân.

Ông Babut cũng quen thân với ông LÊ DƯ, bố vợ của nhà văn VŨ NGỌC PHAN. Chính nhờ sự quen thân nầy mà Vũ ngọc Phan sau khi đỗ Tú Tài Pháp, được vào giúp việc cho ông Babut, và giữ mục Văn học ở phần Việt ngữ của Pháp Việt tạp chí. Phần nhiều các bài trong quyển « Nhà văn hiện đại » của Vũ ngọc Phan đều đã đăng trong quyển *Revue Franco-Annamite* của Ernest Babut.

Từ 1948 đến 1955, tôi thường gặp ông Babut ở Đà-Lạt, chúng tôi chỉ nói toàn chuyện chính trị. Ông vẫn luôn luôn chống chính sách thực dân Pháp và nhiệt liệt chống Bảo Đại. Có lần tôi hỏi ông về Vũ ngọc Phan, ông phê bình họ Vũ như sau đây : « Tôi không đọc được những bài phê bình văn học Việt-Nam của Phan, nhưng tôi không tin rằng một chàng thanh niên ốm yếu bệnh hoạn như Phan mà có thể có trí óc nhận xét lành mạnh và đúng đắn. Về chính trị cũng thế. Tôi biết Vũ ngọc Phan trên mười năm chứ ít sao ? ».

Năm 1958, tôi có nhận được thư của ông Babut báo tin bà Babut chết. Tội nghiệp quá, hai vợ chồng nghiện thuốc phiện, mà lại nghèo khổ. Hồi đó ông Babut còn sống ở Đà-Lạt, đã già quá rồi, gần 90 tuổi, trơ trọi một mình ! Có thể nói rằng ông Babut là người Pháp kỳ cựu nhất còn sống ở Việt-Nam, và ông là nhà báo Pháp được hầu hết các nhà báo và nhà văn Việt-Nam mến phục.

SÁCH BÁO PHÁP-NGỮ

Vì có những báo viết bằng Pháp ngữ, nên có một số nhà Văn chuyên viết Pháp văn, như TRẦN VĂN TÙNG,

LÊ TÀI TRƯỜNG trong *L'Annam Nouveau*; LÊ TÀI TRIỂN, NGUYỄN TIẾN LÃNG, TÔN THẤT BÌNH, TIÊU VIÊN NGUYỄN ĐỨC BÍNH trong *La Patrie Annamite*; VŨ ĐÌNH DY, ĐINH XUÂN TIẾU trong *L'Effort Indochinois*, v. v... Ấy là những báo Pháp văn do người Việt chủ trương. Trong số những Văn sĩ chuyên môn viết Pháp văn, ít người viết Việt văn, và nếu họ cố gắng viết một đôi bài, họ cũng không thành công, như Nguyễn đức Bính, Nguyễn tiếng Lãng.

TRẦN VĂN TÙNG bây giờ ở Pháp, viết tiểu thuyết Pháp. Một vài quyển của anh vừa mới xuất bản ở Paris dạo nầy chứng tỏ rằng nhà Văn Việt-Nam có chân tài ấy hiện giờ không còn thông cảm được nữa với các biến đổi rõ rệt và toàn diện của dân tộc Việt-Nam từ 20 năm nay. Đó là một điều rất đáng tiếc.

LÊ TÀI TRƯỜNG và NGUYỄN TIẾN LÃNG hiện nay cũng ở bên Pháp. Cũng như PHẠM VĂN KÝ, một thi sĩ có biệt tài, tác giả tập thơ *UNE VOIX SUR LA VOIE* xuất bản ở Sài-gòn vào khoảng năm 1937.

Mấy anh nhà Văn đi lạc đường nầy chắc chắn bây giờ xa lạ lắm đối với nước Việt-Nam, hoặc giả chỉ còn liên lạc mỏng manh về tinh thần mà thôi. Các anh không còn là con người Văn nghệ của Việt-Nam nữa.

Tiêu Viên NGUYỄN ĐỨC BÍNH là anh họ của HOÀI THANH. Hai người nầy nguyên là trợ giáo (instituteur, ngày nay người ta đề cao lên một bậc, là giáo sư). Tiêu Viên là chồng cô trợ giáo NGUYỄN THỊ DU ở Quảng Ngãi, cũng là một nữ sĩ nổi danh một dạo ở một vùng Trung-Việt.

NGUYỄN TIẾN LÃNG viết quyển « *Indochine la Douce* » một quyển phóng sự hồi ký du lịch theo gót viên toàn-quyền René Robin là người đỡ đầu cho anh ta. Anh còn là tác giả một truyện ngắn *Eurydice*.

Muốn cho tài liệu đầy đủ, chúng ta có thể kể thêm một vài nhà báo và văn sĩ viết Pháp văn như TÔN THẤT BÌNH, ĐÀO ĐẶNG VỸ, LÊ THĂNG, v.v... Mấy ông nầy ít viết văn Việt-Nam.

Các nhà văn Việt-Nam không nhìn nhận nhóm ký giả trên kia là những đồng nghiệp văn nghệ. Văn-học sử Việt-Nam cũng không công nhận họ, có lẽ vì họ chuyên môn viết sách và viết báo bằng Pháp văn, đó là chưa nói đến cái giá trị về văn chương Pháp của họ. Về thực tế, giữa họ với Văn sĩ thuần túy Việt Nam, vẫn có sự cách biệt rõ rệt, — không phải một hố sâu chia rẽ vì bất đồng văn tự, nhưng một sự lãnh đạm thờ ơ gần như hoàn-toàn xa lạ, không cần có lý-do.

Về Khoa học, có một cơ quan được người ta đặc biệt chú ý, là « *Khoa học tạp chí* » của NGUYỄN-CÔNG-TIỄU, cử nhân Khoa học, ở Pháp về. Bài vở của tạp chí nầy có tính cách khảo cứu về y học và khoa học khá đầy đủ, và được công chúng hoanh nghênh. Tuy vậy, thứ thuốc chữa bệnh toi gà (Atoiga) do ông Nguyễn công Tiểu sáng chế, và phương pháp diệt trừ loại ve-ve (ve sầu) hình như không được kết quả khả quan và đã bị một vài tờ báo, như *Chanteclair* của Pháp, chế giễu.

Nếu có một số người Việt chuyên-môn viết văn Pháp, thì trái lại cũng có một số người Pháp chú trọng đến

Văn-chương Việt-Nam. Đứng đầu là RENÈ CRAYSSAC, công-sứ Pháp, chủ tỉnh Vĩnh-Yên (Bắc Việt), là người đã dịch quyển *KIM VÂN KIỀU* của NGUYỄN DU ra thơ Pháp theo lối thơ alexandrins, 12 chân. Bản dịch truyện *Kiều* của René Crayssac rất công phu, trên 10 năm trời mới xong, kể hay thì cũng có hay theo quan niệm nghệ thuật văn chương Pháp, nhưng không lột được hết tinh thần của áng thơ Việt. Dịch giả cố gắng một cách rất đáng khen trong việc diễn tả câu văn và tư tưởng Việt-Nam, nhưng vẫn không sao gói ghém trọn vẹn linh hồn dân tộc phảng phất cả trong âm điệu và ý nghĩa của những câu thơ lục bát trong truyện Kiều. Dù sao, bản dịch truyện *Kiều* ra thơ Pháp của RENÉ CRAYSSAC là một sáng kiến rất táo bạo mà nhà thi sĩ Pháp đã thực hiện được một cách làm vinh dự cho ông.

Ngoài ra, có ALBERT DE POUPOURVILLE lấy bút hiệu « Mặt Giăng », và EDMOND CHODZKO, người Tiệp Khắc nhập Pháp tịch, làm thông ngôn ở tòa án Hải Phòng. Ông nầy thỉnh thoảng có làm đôi bài thơ Việt nhưng không có gì xuất-sắc. Tôi còn nhớ một đoạn trong bài của ông đã đăng trong một số báo *BẠCH-NGA — LE CYGNE*, tựa là « Ngày xuân ở Hà Nội » như sau đây :

. . . . . .

Mấy cô tân thời,
Mang giày cao gót
Mặt mũi xanh tươi
Nhi nha nhi nhót
Nói nói cười cười
Thánh thà thánh thót

Xinh thật là xinh,
Tốt thật là tốt !

. . . . . .

E. CHODZKO

Edmond Chodzko lại còn muốn cải cách lối viết chữ Quốc ngữ giản dị hơn. Ông có đăng hai ba bài nói về vấn đề nầy trong một tờ báo Pháp, nhưng không mấy ai để ý vì phương pháp của ông càng làm lối viết phiền phức thêm. Về vấn đề nầy, NGUYỄN VĂN VĨNH, VI HUYỀN ĐẮC và nhiều người khác, cũng đã thử trình bày mỗi người một lối viết cải cách, mà rốt cuộc vẫn không có người theo. Có lẽ tại vì chữ Việt Ngữ theo hình thức hiện tại của nó, đã thông dụng quá rồi, và cũng không có khuyết điểm gì lắm.

Nói về báo Pháp ngữ do người Việt chủ trương, còn phải kể thêm *ESSOR*, mà chủ bút là một thiếu nữ mới thi đỗ Tú-Tài nhưng rất giỏi Pháp văn, là cô TÂM KÍNH. Tâm-Kính, người Bắc-Việt, không đẹp như các thiếu nữ khác, nhưng có duyên và đầu óc đầy những tư tưởng cách mạng xã hội. Những bài của cô Tâm-Kính viết bằng một lối văn đanh thép, rất lưu loát và cũng hùng hồn, thường thường là những lời kêu gọi Nữ giới giải phóng. Tờ *ESSOR* bị đóng cửa, Tâm-Kính đi dạy học tại một trường Nữ-học tư-thục ở phố Hàng Trống. Một thời gian sau, Tâm-Kính nhảy vào phong trào cách mạng.

Ngoài những báo Pháp-văn do người Việt chủ trương như vừa kể trên, có một số ít báo chí viết bằng hai

thứ tiếng một nửa Việt-ngữ, một nửa Pháp-ngữ, như *Nam Phong, Revue Franco-Annamite, Le Cygne — Bạch-Nga. Nam Phong* của PHẠM QUỲNH cũng như *Revue Franco-Annamite* của ERNEST BABUT (đã nói ở đoạn trên) đã sống được rất lâu. Sau PHẠM QUỲNH vào Huế làm Thượng-thư thì NGUYỄN TIẾN LÃNG kế tiếp làm chủ bút *Nam Phong*. Còn VŨ NGỌC PHAN luôn luôn là Tổng thư ký của *Revue Franco-Annamite*. Báo *Le Cygne — Bạch Nga* của NGUYỄN-VỸ và TRƯƠNG-TỬU ra được 6 số, rồi vì một bài xã-thuyết chính trị chống chính sách thuộc địa, N. V. bị 6 tháng tù, 1000 quan tiền phạt, và tờ báo bị Tòa án bắt đóng cửa luôn.

Do đó, trong báo « *L'Avenir* » của người Pháp, luật sư EMILE TAVERNIER viết một câu phê bình : « *Le Cygne est un coq de combat* » — (*Bạch-Nga là một con gà đá*).

***

Trở về báo chí thuần túy Việt ngữ (Báo và tạp chí) ở Hà Nội hồi Tiền chiến không có nhiều như ở Saigon ngày nay. Trừ một số nhà báo chuyên môn làm báo chứ không viết sách (chủ bút, trợ bút các báo hằng ngày và phóng viên), còn hầu hết là các nhà văn quy tụ nơi các tòa soạn Tuần Báo và Tạp Chí. Các nhóm nhà văn tuy là lẻ tẻ nhưng vẫn đoàn kết với nhau thân mật, chứ không chia rẽ, không ganh tị lẫn nhau, kính trọng văn tài của mỗi người. Duy có nhóm *PHONG HÓA NGÀY NAY* của « Tự Lực Văn Đoàn » là tách riêng ra. Nhận thấy họ tự phụ và phách lối quá mức, nên đa số các nhà Văn và nhà Báo ít chơi với họ, trừ một vài kẻ theo đóm ăn tàn, để mong họ nâng đỡ cho. Người ta có thể đếm trên đốt

ngón tay những báo chí văn học và các « nhóm » văn sĩ như sau đây, từ khoảng 1935 đến 1940.

TIỂU-THUYẾT THỨ BẢY và TAO-ĐÀN TẠP-CHÍ : Lưu trọng Lư, Lê văn Trương, Nguyễn công Hoan, Nguyễn triệu Luật, Thanh Châu, Ngọc Giao, Nguyễn Tuân, Tchya, v.v...

ÍCH HỮU : Trương Tửu, Lê văn Trương.

TIỂU THUYẾT THỨ NĂM : Lưu trọng Lư, Lê tràng Kiều, Nguyễn xuân Huy, Đồ Phồn, Nguyễn Vỹ (bút hiệu Lệ Chi).

ĐÔNG PHƯƠNG : Lan Khai, Đỗ thúc Trâm, Vũ trọng Phụng.

NHẬT TÂN : Vũ Bằng, Nguyễn triệu luật, Vũ trọng Phụng.

VĂN HỌC TẠP CHÍ : Lê tràng Kiều, Huy Thông, Nguyễn nhược Pháp, Lệ Chi Nguyễn Vỹ.

VIỆT NỮ : Mộng Sơn, Thanh Tú.

LOA : Lan Khai, Trương Tửu, Côn Sơn, v.v...

Và tờ *BẮC HÀ* ở phố Chợ Hôm, quy tụ một nhóm bạn trẻ : Trần huyền Trân, Thâm Tâm, Nguyễn Bính.

Đại khái cảnh tượng tổng quát của báo chí Hà Nội hồi Tiền chiến là như thế.

Muốn thấu triệt sâu xa tâm lý của giới trí thức và Văn nghệ Việt Nam chuyên môn viết Pháp văn thời Tiền chiến, và để phác họa tạm đầy đủ quang cảnh văn hóa tổng quát của xã hội thời bấy giờ, tôi thiết tưởng nên

nói qua về trường hợp cá nhân của một vài đại diện nổi bật trong giới ấy.

Phải nói ngay rằng thoạt tiên được biết một người V. N. du học ở Paris vừa đỗ Thạc sĩ Văn chương tên là PHẠM DUY KHIÊM (nói đúng hơn là Thạc-sĩ Văn-Phạm — Agrégé de Grammaire) và một người tên là NGUYỄN MẠNH TƯỜNG đỗ hai bằng Tiến-sĩ Văn khoa và Luật Khoa, giới trí thức và sinh viên Đại học Hà Nội rất hãnh diện, bởi lẽ dễ hiểu là hai ông này vốn đã xuất thân từ trường Trung-Học Hà Nội, và là những sinh viên Việt Nam đầu tiên đã qua du học ở Paris, giựt được mảnh bằng cao quý nhất của Đại-học Pháp một cách vẻ vang nhất. (Đây tôi chỉ nói riêng về Trung và Bắc Việt).

Thanh niên trí thức Việt Nam ở Hà Hội và Huế hy vọng rất nhiều nơi hai ông này. Nhưng rồi họ bị thất vọng, dần dần chán nản, và trở lại công kích nhiệt liệt hai ông, nhất là Sinh Viên đại học và các nhà văn. Sự công kích ấy đã trở nên gần như một phong trào, từ 1933 đến 1940. Người ta nhận thấy rằng tài năng và học thức sâu rộng của các ông ấy không đem lại một đóng góp ích lợi nào cho văn hóa và học thuật Việt Nam. Hơn nữa, các ông đã hầu như khinh miệt hẳn văn hóa dân tộc. Thái độ kém khiêm nhượng và sáng suốt của họ đã chạm mạnh vào tinh thần quốc gia và lòng tự ái của giới trí thức và văn nghệ nước nhà. Đành rằng một vài văn sĩ Pháp văn như NGUYỄN TIẾN LÃNG, có một phản ứng quyết liệt và không kém ngạo nghễ, nhưng sự đối phó của « giới ở Pháp về » thường gọi là « Les Retour-de-France » nhất là NGUYỄN MẠNH TƯỜNG, đã gây ra

một dư luận không tốt đối với ông nầy và cả với thiểu số du học hồi hương lúc bây giờ. Nguyễn mạnh Tường đã khinh miệt Nguyễn tiến Lãng là « sơ học » — primaire — sự khinh miệt ấy không phải là không đúng, vì chỉ nói về trình độ học vấn thì cậu Tú tài Nguyễn tiến Lãng làm sao sánh kịp với ông Tiến sĩ Nguyễn mạnh Tường, nhưng, dù sao, tác giả quyển *Indochine la Douce* đã chứng tỏ được một văn tài lỗi lạc khá sớm và khá nhiều hứa hẹn.

Trong cuộc bút chiến gay gắt giữa một văn sĩ vừa mới lĩnh cấp bằng Tú tài của trường Trung học Hà Nội, với một bậc Tiến sĩ Luật khoa và Văn khoa xuất thân ở Đại học Paris, lẽ dĩ nhiên là dư luận các giới trí thức và văn nghệ sĩ Việt-Nam trong nước không có ủng hộ cậu Tú tài quá phách-lối, quá tự phụ với chút tài năng mới chớm nở của mình, nhưng dư luận cũng không cho ông Tiến sĩ một cảm tình tốt đẹp gì hơn.

Tôi đã được hân hạnh quen biết cả hai người, và thành thật mến tài năng và trí thức của họ. Nhưng, cũng như tất cả các bạn thanh niên trí thức lúc bấy giờ, nhận xét khách quan về tác phong của Nguyễn mạnh Tường hay Nguyễn tiến Lãng, tôi thấy rõ ràng họ chỉ ganh tỵ với nhau về đôi chút tài năng và danh dự cá nhân mà thôi, chứ không đứng trên lập trường văn học. Cả hai đều có tham vọng bước cao lên đài danh lợi, — thật là điều rất đáng tiếc, vì không ai nghĩ đến việc đem chút ít sở trường của mình mà bồi đắp cho nền văn học của Đất nước đang được xây dựng trong thời kỳ phồn thịnh.

Học vấn của họ, tài năng của họ mà không ai chối

cãi được, đã trở thành vô ích cho quốc gia xã hội. Cũng như PHẠM DUY KHIÊM, con trai của PHẠM DUY TỐN (một nhà văn học lão thành ở Bắc Hà), đã hoàn toàn bị chi-phối bởi Văn-học Pháp, không còn một chút thông cảm nào với văn hóa dân-tộc Việt Nam.

Năm 1948-49, tôi có gặp lại ông PHẠM DUY KHIÊM ở Đà Lạt và có đôi lần bàn luận với ông về vấn đề văn hóa Việt Nam. Tôi ngạc nhiên thấy rằng sau những biến cố quan trọng đã làm đảo lộn cả tình trạng tinh thần của xứ sở, ông Thạc sĩ Phạm duy Khiêm vẫn không bỏ được thành kiến văn hóa của ông hồi Tiền chiến. Một hôm, gặp tôi đi ngoài phố ở Đà Lạt, ông cho tôi biết rằng đêm trước ông có bỏ quên một xấp bản thảo của ông và cây bút máy trong phòng xi-nê Eden (Đàlạt). Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Bản thảo gì cơ ?

— Bản thảo một quyển tiểu-thuyết bằng Pháp văn tôi mới viết được vài chục trang.

— Đi coi chớp bóng mà ông mang bản-thảo theo ?

— Tôi viết trong lúc họ chưa chớp phim.

— Ở nhà ông không có đủ thì giờ để viết sao ?

— Đi đâu tôi cũng mang nó theo, hễ thích lúc nào tôi viết lúc ấy.

— Thôi bây giờ đành phải viết lại vậy, chứ mất rồi làm sao kiếm lại được. Hoài của !

Phạm duy Khiêm đi với tôi đến rạp chiếu bóng Eden

để tìm lại và hỏi người giữ rạp. Câu trả lời của người nầy, mãi hôm hay tôi cũng chưa quên :

— Ối ! Văn tuồng rồi thì văn chương nghệ thuật gì cũng cho vô thùng rác tuốt !

Ông Phạm-duy-Khiêm không viết Việt văn được, cho đến cả quyển « *Légende des Terres Sereines* » của ông, tôi khuyên ông nên dịch ra Việt ngữ, ông cũng từ chối. Theo nhận xét thô sơ của tôi thì văn Pháp của ông Thạc sĩ Phạm duy Khiêm quả thật là lối văn cổ điển tuyệt tác, « lối văn Hàn lâm viện » không chê vào đâu được, nhưng không cảm động, không hấp dẫn không làm xao xuyến tâm hồn người đọc, bởi vì nó thiếu cái chất mà chính tác giả của nó thiếu : là nhựa sống của dòng máu Việt Nam.

Cho nên khi Ngô-đình-Diệm, Tổng thống Cộng hòa Việt Nam cử ông Phạm duy Khiêm sang làm Đại-sứ Việt-Nam cạnh chính phủ Paris, để nối lại tình hữu nghị với người Pháp, tôi tự nghĩ rằng sự lựa chọn ấy rất thích hợp, nhưng không chắc là có lợi. Ông thạc-sĩ Phạm duy Khiêm là một người thân Pháp không ai bằng, nhưng với địa vị Đại-sứ Việt Nam của ông, tôi không tin rằng ông làm được gì lợi ích cho Quê Hương.

Trong đám « ở Pháp về » chúng ta phải thành thật khen ngợi một người khác, là HOÀNG XUÂN HÃN. Tôi không nhớ rõ ông đã đỗ bằng cấp gì, Tiến-sĩ, Thạc-sĩ, Kỹ-sư, nhưng ông đã tỏ ra có rất nhiều khả năng văn học, và có tinh thần dân tộc rất mạnh, rất sáng suốt, đáng làm gương cho các bạn sinh viên Việt-Nam du học ở hải ngoại.

Hoàng Xuân Hãn đỗ tiến sĩ Toán
Nhưng viết Khảo cứu Lịch sử văn chương
Việt Nam

Ông không phải như một số người ở trong nước, học thức chưa có gì uyên thâm, tài năng không có gì xuất sắc, viết năm mười bài báo, góp nhặt tư tưởng vụn vặt trong vài ba quyển sách Pháp, sách Tàu rời rạc, linh tinh, đã tự phụ phô danh « nhà học giả ». Nhưng văn học sử và dân chúng không chú ý đến mớ trí-thức tạp-nhạp của họ, bởi nó chẳng ích lợi cho ai. HOÀNG XUÂN HÃN biết đem sở trường và thiện chí văn hóa của ông mà phụng sự thiết thực cho Văn học nước nhà. Ông tra cứu tài liệu để viết vài ba quyển sách có ích lợi cho học vấn, cho sự bồi bổ giá trị tinh thần của dân tộc. Ông là một nhà học giả chân chính, theo đuổi một mục đích tốt đẹp : phụng sự văn chương và tư tưởng thuần túy Việt Nam.

Nhưng, một điều đáng buồn là những người trí thức du học ở Hải ngoại về, biết lo lắng và đóng góp thành phần xây dựng cho nhân dân, như Hoàng xuân Hãn, rất là hiếm hoi. Dĩ nhiên đây tôi nói về thời Tiền chiến.

Nếu một người như Phạm duy Khiêm làm mất uy tín rất nhiều cho giới trí thức du học Việt nam thì, trái lại, danh dự của giới ấy đã được bảo vệ và tăng cường vẻ vang với một người như Hoàng xuân Hãn.

Tôi còn nhớ mùa thu năm 1960, nhân dịp ông Gustave Meillon, giáo sư sinh ngữ Á Đông ở Đại học đường Paris, sang viếng Việt-Nam và có đến thăm tạp chí Phổ-Thông, trong câu chuyện thân mật, tôi hỏi ông về các nhà văn Việt-Nam ở Paris, ông Giáo sư này có bày tỏ vài ba cảm tưởng đại khái không lấy gì làm lạc quan lắm. Văn sĩ Việt-Nam ở Pháp không phải không có, nhưng phần nhiều họ viết Pháp văn chứ ít viết

Việt văn. Như TRẦN VĂN TÙNG, hồi tiền chiến là một sinh viên trường Cao-Đẳng Luật Khoa Hà-Nội thường có bài đăng trong báo *L'Annam Nouveau* của Nguyễn văn Vĩnh, rồi sang Pháp ở luôn bên đó, chuyên viết về Pháp văn. PHẠM VĂN KÝ, NGUYỄN TIẾN LÃNG đều thế cả. Trừ ra một số ít viết sách và báo Việt ngữ như Nguyễn văn Cổn, Võ quang Yến, Đặng trần Huấn, và một số sinh viên. Có cả một vài bạn gái, Nữ sinh viên các trường Đại học, viết một vài bài trong một vài cơ quan chuyên môn, hoặc làm thơ, nhưng không thành phong trào khích lệ và đề cao văn hóa Nước nhà.

Vừa rồi, tôi được hân hạnh đọc một quyển tiểu-thuyết bằng Việt ngữ, của một giáo sư Việt ở Pháp gởi tặng, tôi ngạc nhiên nhận thấy rằng có nhiều câu tác giả viết mà tôi không hiểu nghĩa. Và nhiều danh từ mới bị dùng sai lạc, nhiều câu văn đảo lộn theo cú pháp của Tây phương một cách quá táo bạo không thể nào thích hợp với văn chương và ngôn ngữ Việt Nam. Dù sao, các nhà văn mới ấy đã tỏ ra một thiện chí rất đáng mừng và đáng khích lệ. Các bạn đã cố gắng rất nhiều, và nếu các bạn theo sát tình hình tiến triển của Việt ngữ ngày nay và hòa mình vào với nó, thì tôi tin chắc rằng trí thức đại học và kinh nghiệm của các bạn ở Hải ngoại sẽ góp phần bồi đắp quan trọng cho công cuộc xây dựng văn hóa mới của Việt Nam hậu chiến.

Sẵn đây, tôi xin thân mến nhắn những bạn làng văn cũ hồi Tiền chiến hiện ở Paris, nhất là những anh PHẠM VĂN KÝ, NGUYỄN TIẾN LÃNG, TRẦN VĂN TÙNG... Các anh nay là giáo sư, Tiến sĩ Luật Khoa, Văn Khoa, ở

đất khách quê người. Nhưng tôi hy vọng các anh hãng hái trở về với Văn học Việt Nạm. Chúng tôi mong mỏi được đọc những tác phẩm bằng Việt ngữ của các anh hơn là những tiểu thuyết viết bằng Pháp văn. Các nhà Văn học Pháp khó mà thâu nhận các anh trong hàng ngũ của họ, — vả lại, Văn sĩ của họ đã đầy nghẹt các ngã ba đường, còn chỗ đâu cho các anh chen chân? Các anh chỉ nên dùng Pháp-ngữ làm lợi-khi phục vụ cho Quê Hương Việt-Nam.

Các anh chắc đã đọc lịch sử văn học các nước Đông Nam Á. Chúng ta đã thấy hồi đầu Thế kỷ XX nầy, một số văn sĩ Phi Luật Tân chẳng hạn, sang du học bên Espagne, thấm nhuần văn hóa và không khí Âu châu, như họ vẫn sản xuất ngay ở Madrid những tác phẩm Văn chương rất có giá trị bằng tiếng bồn-xứ Phi Luật Tân, làm giàu cho văn học sử của nước họ.

Những nhà văn danh tiếng của Phi Luật Tân sanh ở Espagne và viết sách bằng tiếng Phi (*tagalog*) ở ngay Thủ đô Madrid như JOSE RIZAL, (những tác phẩm : *Filipinas Dentro de Cien Anos*, tiểu thuyết *Noli Metangere*, *v.v...*) LOPEZ JAENA (tác phẩm *Discursos...*), MACELO DEL PILAR, MARIANO PONCE, v.v... đã đóng góp vào Văn học sử Phi Luật Tân một gia tài phong phú và quý giá biết bao!

Thi sĩ danh tiếng của Nhật, NISHIWAKI JUNZABURO, cũng như các bạn, đã sống ở ngoại quốc nhiều hơn, ở London, Paris, cũng chịu ảnh hưởng Văn hóa Âu tây rất sâu đậm, tuy thỉnh thoảng có làm chơi vài bài thơ Pháp, thơ Anh, nhưng mấy tập thơ có tiếng tăm nhất của ông xuất bản ở Paris, đều là thơ Nhật, viết bằng

tiếng Nhật, và hiện nay được các giới Tri-thức và Văn học ở Nhật rất tán thưởng.

Nữ sĩ Nhật FUKAO SUMAKO là người đã dịch các sách của Nữ nĩ Pháp COLETTE, cũng ở Paris và làm thơ Nhật, xuất bản thơ Nhật gởi về phát hành ở Tokyo, vẫn được người Nhật nhiệt liệt hoan nghênh.

Những nhà Văn nhà Thơ Nhật và Phi luật Tân mà tôi vừa kể trên làm thí dụ, mặc dầu ở ngoại quốc, có quên gốc văn tự của nòi giống họ đâu?

Tôi gởi lời thân ái nhắn nhủ mấy anh Phạm văn Kỷ, Nguyễn tiến Lãng, Trần văn Tùng mà tôi đã được quen hồi Tiền Chiến và được biết là những bạn văn sĩ có học rộng tài cao. Bởi tiếc cái tài của các anh đem dùng không đúng chỗ nên tôi tha thiết kêu gọi các anh quay về Văn học Việt-Nam.

***

Cuộc tranh luận nói trên giữa NGUYỄN MẠNH TƯỜNG và NGUYỄN TIẾN LÃNG không có một tác phong đáng kể, vì xét kỹ thì chẳng qua là một cuộc đấu khẩu lố lăng giữa hai nhà trí thức thanh niên kiêu căng, một người tự-phụ là mới 21 tuổi mà đã đỗ hai bằng Tiến-Sĩ ở Pháp về, một người không kém tự-phụ là cũng còn trẻ tuổi mà đã được một số người Pháp ở Hà Nội, mà cầm đầu là viên toàn-quyền RENÉ ROBIN, nâng cao lên như một văn tài chớm nở của Việt Nam lỗi lạc nhất về Pháp văn.

Cuộc đấu khẩu có tính cách cá nhân và không được khiêm tốn lắm, và tư cách không được tốt đẹp của Nguyễn

tiến Lãng đã khiến cho hầu hết thanh niên và trí thức Việt Nam dần dần xa lánh hai người kia, và về thực tế, họ không đem lại một ảnh hưởng nào đáng kể trong lịch trình biến cố văn-học.

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG tiếp tục làm giáo sư Trung-Học, nhưng ông rất bất mãn với một số lương ít ỏi kém cả lương của một giáo sư Pháp chỉ có bằng Brevet Supérieur. NGUYỄN TIẾN LÃNG nhận chức bí thư của toàn quyền RENÉ ROBIN, rồi từ đó bước sang các cấp bực quan liêu của triều đình Huế. Kết hôn với một cô con gái của PHẠM QUỲNH lúc bấy giờ đã làm Thượng thơ của Bảo Đại, Nguyễn tiến Lãng được tiến mau lẹ trên đường hoạn lộ. Làm bí thư của NAM PHƯƠNG HOÀNG HẬU, rồi làm Án-Sát, Phủ-Doãn Thừa Thiên, Nguyễn tiến Lãng dần dần say mê bả danh vọng, không còn tha thiết với sự nghiệp văn chương nữa.

Thoát khỏi vùng Việt Minh ở Hà Đông, năm 1950, anh ta sang Pháp và tiếp tục viết Pháp văn. Nhưng loạt bài Hồi ký « *J'ai choisi l'amour* » (Tôi chọn tình yêu) của anh đăng trong Tạp chí *France-Asie* không còn hương vị thơ mộng hồn nhiên như trong các tác phẩm của anh hồi Tiền chiến. Do một ngẫu nhiên, tôi gặp lại Nguyễn tiến Lãng ngay hôm anh đáp phi cơ từ Paris về Đà Lạt, một buổi chiều năm 1952. Tôi tò mò muốn biết anh có biến đổi gì không? Tôi nói chuyện với anh trong vài chục phút và đi với anh một quãng đường cũng đã nhận thấy rằng Nguyễn tiến Lãng đã trở thành một người khách xa lạ đối với thế hệ Văn sĩ và thanh niên Việt Nam ngày nay. Thành thực, tôi rất tiếc. Trước sự kiện một

thanh niên Việt Nam rất thông minh có thiên tài, có học thức khá sâu rộng biến thành một người gần như «mất cội rễ» — déraciné, — chúng ta không thể nào đổ lỗi cho nước Pháp, hoặc người Pháp, bởi vì nước Việt Nam đã độc lập rồi, không có gì ngăn cản người trí thức Việt Nam, nhất là con nhà Văn, trở lại vị trí của mình giữa cộng đồng quốc gia, ở giữa dân tộc, dù rằng mình đã tiêm nhiễm khá nhiều văn hóa Âu tây.

Tôi có cảm tưởng rằng khi Nguyễn tiến Lãng ở Paris đọc bài nầy, có lẽ anh sẽ nghĩ ngợi nhiều lắm. Nhưng tôi tin rằng anh không giận tôi, vì đây là một người bạn cũ trong làng Văn nói chuyện với anh, cũng như với anh Phạm-văn-Ký, anh Trần-văn-Tùng, là những bạn văn-nhân cùng tuổi cùng lứa, mà tôi thành thật cảm mến.

PHẠM VĂN KÝ là nhà Thơ nhiều hơn là nhà Văn. Tôi muốn nhấn mạnh điểm nầy: Phạm văn Ký là thi sĩ Việt-Nam đầu tiên đã đem lối thơ «huyền bí» của Pháp sang văn học Việt Nam. Mặc dầu viết bằng Pháp ngữ, quyển thơ *Une voix sur la Voie* của Phạm văn Ký xuất bản ở Saigon năm 1936 là tiếng thơ «huyền bí» trước nhất đã được nghe trên Thi đàn Việt Nam. Chịu ảnh hưởng lẫn lộn các Thi sĩ Apollinaire, Rimbaud, Lautréamont, có lẽ của Louis Beydts nữa, Phạm văn Ký quê quán ở Trung Việt, học tại Saigon, đã được một giáo sư Triết học và Văn chương Pháp ở Saigon là BARQUISSEAU giới thiệu cho giới trí thức Việt Nam. Người ta đã tiếp đón anh với một nụ cười ngơ ngác, hoài nghi, như đứng trước một bức tranh «cubique» của Picasso vậy. Chúng ta phải công nhận rằng trên địa hạt Thi văn Việt Nam,

Phạm văn Ký là tiên phong và đại diện độc đáo của Thi-phái Siêu-thực (Surréalisme) ảnh hưởng của Pháp, giữa lúc Thi ca Việt ngữ mới bắt đầu thoát ra khỏi Thơ Đường-luật và áp dụng cú pháp của Âu tây, mà người ta gọi là THƠ MỚI.

Nếu tôi thử dịch đúng theo nguyên văn một vài câu thơ, của Phạm văn Ký, như sau đây, chắc nhiều bạn độc giả sẽ không hiểu là tác giả muốn nói gì :

Un tout petit	*Một nụ hôn*
Baiser, ici	*Ti-xiu,*
Pour vous	*Nơi đây, thưa bà*
Calmer	*Để bà*
Madam...	*Êm dịu.....*
.....	.....
Madame,	*Thưa bà,*
La route	*Con đường*
Est longue,	*Còn dài,*
Ma rame	*Mài chèo của tôi*
Oblogue	*Dài thon-thon*
Est toute	*Đã gãy*
Brisée...	*Tất cả...*

(N. V. dịch)

Một bài thơ khác cũng trong tập thơ *Une voix sur la Voie* của Phạm văn Ký, có hai câu sau đây còn để lại trong ký ức của tôi một giai thoại buồn cười :

Le triangle d'encens
Où voguent trois galères

Xin dịch đúng theo nguyên văn :

Hình ba góc của hương trầm

Nơi đó bơi lướt ba chiếc thuyền xưa...

Nhân một hôm, tôi nhận được tập thơ của Phạm-văn-Ký ở Saigon gởi ra tặng, in trên giấy vergé baroque crême tuyệt đẹp, tôi vội vàng mang đến đưa Nguyễn nhược Pháp coi. Nhiều bài, chúng tôi đọc đi đọc lại, không hiểu gì cả. Chúng tôi say sưa tranh luận, vẫn không tìm được ý nghĩa của mỗi câu thơ. Chợt cụ Nguyễn văn Vĩnh ở toà báo về, trong tay cụ cũng đang cầm một tập thơ của Phạm văn Ký. Tôi liền chỉ hai câu trên kia trong bài nói về người đàn bà đẹp, và hỏi ý kiến cụ Vĩnh, nhờ cụ chỉ giáo cho :

Hình ba góc của hương trầm

Nơi đó bơi lướt ba chiếc thuyền xưa...

Cụ hỏi lại tôi, tôi đáp :

— Dạ, theo như cháu hiểu, thì có lẽ tác giả tả đôi vú thơm và đẹp của người đàn bà trong lúc tác giả tưởng tượng mình với người đẹp ngồi trong galère bơi trên sông Venise...

Cụ Vĩnh cười ngất :

— Không ! Tác giả khêu gợi cái « hình ba góc thơm tho » là tác giả tả « cái ấy » của người đàn bà !

Nguyễn nhược Pháp và tôi cười đỏ mặt, (tụi tôi hãy còn con nít), cụ Vĩnh thì cười ồ ồ và lấy bút máy vẽ « cái hình ba góc » của người đàn bà theo lối cubisme

của Picasso và ba chiếc thuyền xưa bơi trong đó ! Rồi cụ đưa ngón tay chỉ bức vẽ và bảo :

— Đấy ! Hai câu thơ của Phạm văn Ký như thế đấy !

Xong, cụ nhún vai bảo :

— Một là chúng mình chế nhạo chàng thi-sĩ điên, hai là chàng thi sĩ ấy chế nhạo chúng mình ngốc ! Cô Hồ-xuân-Hương cũng tả cái hình ba góc, nhưng cô tả khéo léo hơn mà không cần phải có mùi thơm !

Nguyễn nhược Pháp và tôi cười suốt cả buổi trưa vì hai câu thơ « bí hiểm » của Phạm văn Ký do cụ Nguyễn văn Vĩnh giảng giải.

Sau đó mấy tháng, tôi có dịp đi Nam, ghé qua Huế. Phạm văn Ký lúc bây giờ không ở Saigon và đang làm chủ bút một tờ báo ở Huế (tờ Tràng-An), có gặp tôi trên cầu Trường Tiền và rủ tôi về nhà trọ của anh dùng cơm tối. Nhà anh ở vùng Gia hội, một biệt thự trang hoàng xinh đẹp như Phủ một ông hoàng, nhưng ở trong một con đường hẻm lối om-om không có đèn điện. Tôi được dịp may hỏi anh về mấy câu thơ tối tăm như căn nhà vương giả của anh. Nhưng Phạm văn Ký ranh mãnh, chỉ cười ngất mà không trả lời. Tôi thuật lại lời giảng giải của cụ Nguyễn văn Vĩnh cho anh nghe, anh cũng cứ cười mà không xác nhận là đúng, không đính chính là sai. Hình như anh muốn bảo vệ thành trì bí hiểm của thơ anh, cả cái hình ba góc thơm tho hiểm hóc của anh nữa.

Mãi đến bây giờ, tôi thú thật rằng đọc lại tập thơ của Phạm văn Ký, tôi vẫn không hiểu gì hơn. Về phương

diện đó, tôi xác nhận rằng tác giả *Une voix sur la voie* đã thành công vậy.

Tôi nhắc đến Phạm văn Ký và tôi nhận thấy hiện nay có vài người làm thơ « tự do » theo lối bí hiểm sau Phạm văn Ký hai ba chục năm ! Tôi không muốn phê bình lối thơ ấy, vì đây chỉ là một thiên Hồi ký về các Văn-thi-sĩ Tiền chiến. Nhưng đọc Phạm văn Ký sau nầy, trong các sách báo Pháp xuất bản ở Paris từ hậu chiến, tôi thấy anh đã tiến bộ rất nhiều. Những bài thơ như của cô bé MINOU DROUET, (nếu thật là của cô) hoặc của LUC BÉRIMONT, JEAN BOUHIER, hay là của PHẠM VĂN KÝ hiện nay không còn cái « bí hiểm siêu thực » quá giả tạo nữa. Cũng như người ta có thể phân biệt cái bí hiểm hội hoạ của những tay thầy như Picasso, Braque, với cái bập bẹ quái gở của những kẻ không phải là Braque, Picasso...

Rất tiếc, Phạm văn Ký cứ tiếp tục làm thơ Pháp văn mãi. Tôi ước mong có một ngày nào đó ở Paris, anh xuất bản một tập thơ Việt xem ra sao.

Phạm văn Ký đọc bài nầy, chắc sẽ mỉm cười nhớ lại kỷ niệm vui thú ngày nào, và có lẽ cảm hứng anh sẽ chuyển hướng ngòi bút tài tình của anh xoay về văn chương dân tộc chăng ? Tôi rất mong, và thân ái hứa với anh rằng chúng tôi sẽ để dành một cuộc đón tiếp nồng hậu một thi phẩm đầu tiên của anh bằng tiếng Việt từ hải ngoại gởi về đây. Có lẽ nào anh để một người bạn thân mến của anh trong làng văn tiền chiến, thất vọng hay sao ?

***

Tôi đã đề cập đến một số nhà văn Việt Nam Tiền-chiến chuyên viết Pháp văn.

Để cho bản danh sách được đầy đủ, riêng về Bắc và Trung Việt, tôi muốn nhắc đến một nhà văn khác, ở Nha-Trang, là CUNG-GIỤ-NGUYÊN. Hồi tiền chiến, ông đã chủ trương một tập san Văn-nghệ bằng Pháp văn ở Nha-Trang, nhan đề là « *Les Cahiers de la Jeunesse* » hay một tên khác na ná như thế. Ông hợp tác với RAOUL SERÈNE, một văn sĩ Pháp cùng lứa với ông, lúc bấy giờ là Giám đốc Hải Học Viện Nha Trang. Cung-giụ-Nguyên là một nhà văn có chân tài và khiêm tốn. Cách đây bốn năm, tôi có nhận được một tác phẩm của ông gởi tặng. quyển tiểu-thuyết bằng Pháp văn *Le Fils de la Baleine* do nhà sách Arthème Fayard ở Paris xuất bản.

Pháp văn của ông rất thanh thoát và gọn gàng. Ông có một nét bút linh động uyển chuyển, vô cùng hấp dẫn. Ông kể chuyện duyên dáng về đời sống chất phác, dịu hiền rất đáng mến của một gia đình thuyền chài ở một làng duyên hải Trung phần Việt Nam. Tôi chắc rằng độc giả Pháp đã thưởng thức lối văn rất thi vị nhẹ nhàng và thanh thú của truyện *Le Fils de la Baleine* (Người con của Cá Ông).

Một quyển truyện như quyển nầy có một tác phong không phải là không đáng lưu-ý : nó khiến cho người ngoại quốc cảm mến người dân Việt Nam rất nhiều qua những đức tính tốt đẹp của những nhân vật trong truyện.

Tuy nhiên, tôi cũng không khỏi thắc mắc vì sao ông Cung-giụ-Nguyên, hiện bây giờ dạy học ở Nha-Trang, Không sản-xuất những tác phẩm bằng Việt-Văn?

Theo dõi những hoạt động văn chương của ông trên lĩnh-vực Pháp văn từ hồi Tiền-chiến, tôi nhận thấy ông là một tài ba lỗi lạc. Chính vì thế mà tôi không hiểu tại sao ông không sử dụng tài năng đáng quý mến của ông trong lĩnh-vực văn-chương thuần-túy Việt-Nam ? Chắc chắn ông Cung-giụ-Nguyên có những lý do riêng của ông, nhưng dù sao cũng là một việc đáng tiếc rằng một văn tài của quốc gia đã có những bằng chứng về sự linh hoạt và lịch duyệt lại tự đặt ra ngoài phần trách nhiệm trí-thức của mình giữa lúc văn học Việt Nam cần sự đóng góp của những nhà Văn lương thiện có đôi chút sở-trường.

Ngoài các nhà văn chân chính của Pháp văn, tôi muốn thêm vào thiên ký ức nầy một đôi chi tiết về các nhà báo Việt-Nam thời tiền chiến cũng chuyên viết Pháp văn, mà tôi đã kể như trên : ĐINH XUÂN TIẾU, VŨ ĐÌNH DY (báo *l'Effort Indochinois*), TIÊU VIÊN NGUYỄN ĐỨC BÍNH, ĐÀO ĐĂNG VỸ, LÊ TÀI TRIỂN (Báo *La Patrie Annamite*), LÊ THĂNG (*L'Annam Nouveau*). Về TIÊU VIÊN tôi muốn ghi vào đây một giai thoại mà các bạn trẻ mới bước chân vào làng văn có thể dùng làm một bài học kinh nghiệm không kém lý thú.

Hồi tôi còn học năm thứ ba trường Trung-Học Bổ-túc Qui-Nhơn, lúc bấy giờ gọi là *Collège Complémentaire*, một trong ba trường Trung-Học Pháp Việt của Trung-Phần. Một hôm bọn học sinh chúng tôi được tin cô trợ giáo NG. THỊ DU độ 19, 20 tuổi, hiệu-trưởng trường nữ tiểu học Quãng-Ngãi, vào chấm thi Tiểu Học ở Qui-Nhơn. Bọn học trò Trung-Học, quê quán Quảng-Ngãi, hãnh diện có

một cô trợ-giáo đồng hương, trẻ tuổi, lại rất xinh đẹp, được vào Ban Giám Khảo kỳ thi Tiểu Học tại Collège Qui-Nhơn.

Nhưng trái lại, học trò quê các tỉnh khác, nhất là anh em Bình-Định, Quảng-Nam và Huế, lại nhạo báng tụi học trò Quảng-Ngãi, vì họ thấy cô trợ Du đi chấm thi ở Qui-Nhơn đến ở trọ nhà một ông giáo sư Việt-văn của chúng tôi, ông giáo sư cũng là người Quảng-Ngãi, cho nên họ đồn rằng cô trợ Du là « nhân tình nhân ngãi » của ông Giáo sư đã có vợ.

Dư luận nhôn nhao ấy chạm vào lòng tự ái địa phương của bọn học trò quê ở Quảng-Ngãi, Chúng tôi càng tìm cách bào chữa cho cô trợ Du, càng bị mấy anh kia dèm pha chế nhạo. Các lớp Trung học lại đang thi Lục cá nguyệt (composition semestrielle), theo thông lệ mỗi niên khóa có hai kỳ thi lục cá nguyệt để sắp hạng các học sinh được phần thưởng cuối năm và được lên lớp trong niên khóa sau. Không dè, đến giờ thi Việt Văn, ông Giáo sư Quảng-Ngãi đáng lẽ phải cho một đề tài thi về các tác giả trong chương trình chính thức, lại bắt học trò làm một luận đề ngoại lệ, về một bài thơ của cô trợ Du làm đề tặng ông. Tôi chỉ còn nhớ bốn câu trong bài thơ ấy :

Riêng mình tựa án nghĩ rồi lo,
Tậm sự nào ai đáng chuyện trò.
. . . . . .
. . . . . .

Cù lao chín chữ lưng trời vọi,
Duyên nợ ba sinh đáy biển dò,
. . . . . .
. . . . *ruột tơ vò.*

Ông giáo sư bảo chúng tôi giảng nghĩa từng câu, từng chữ, và chỉ bài thơ hay như thế nào, ý tứ cao siêu thâm thúy ở chỗ nào, v.v...

Cả lớp khúc khích cười. Nhưng muốn được nhiều điểm anh nào cũng khen lấy khen để bài thơ là « hay tuyệt » theo lời ông giáo sư, và kết luận cho cô Trợ Du là một Đại Nữ-sĩ, ngang hàng với Bà Huyện Thanh-Quan, theo như ý-kiến của ông giáo sư.

Riêng có hai đứa trong lớp, Phan Quỳnh và tôi, ngồi kề nhau ở bàn cuối cùng, thầm thì với nhau rằng ông giáo sư đưa bài thơ nầy ra để làm đề thi, tức là ông làm một việc đề cao cá nhơn người bạn gái của ông một cách lố bịch và bất hợp pháp, bêu xấu cho cả quê hương Quảng Ngãi. Chúng tôi nhất định công kích bài thơ để tỏ ý phản đối, và để bảo tồn thanh danh tỉnh nhà. Do đó, hai đứa tôi, mạnh đứa nào nấy viết bài đả đảo.

(PHAN QUỲNH cũng là người Quảng-Ngãi, sau học Đại-học Dược khoa, rồi làm Bào-chế-sư, mở tiệm thuốc Tây lớn nhất tại Qui-Nhơn. Năm 1945, bị Việt Minh giết chết tại Quảng-Ngãi). Bài luận đề của tôi gồm mấy điểm : phân tích bài thơ, công kích từng chữ từng câu, rồi kết luận như sau đây :

1.— Bài thơ của cô trợ Du hoàn toàn vô giá trị.

2. — Câu « *tâm sự nào ai đáng chuyện trò* », *tỏ ra người* con gái kiêu ngạo, phách lối.

3.— Cô trợ Du không phải là một nữ sĩ tài hoa, không đáng làm học trò Bà Huyện Thanh-Quan.

4.— Bài thơ của cô trợ Du không đáng nêu ra làm đề thi cho lớp trung học Đệ tam niên.

Vì chúng tôi chỉ còn học một năm Đệ tứ niên nữa, thi đỗ bằng Thành Chung, rồi cũng sẽ ra làm trợ giáo như cô vậy.

Kết quả bài đả kích của tôi, là tôi bị ông giáo sư cho ăn một hột vịt to tướng. Phan Quỳnh cũng thế. Và riêng về bài thi Việt Văn đệ tam niên ở trường Trung-học Qui-Nhơn, hai đứa tôi bị sắp vào hạng bét.

Tuy vậy, hai bài luận đả kích của chúng tôi và hai cái trứng vịt được ông giáo sư ban thưởng, đã làm đầu đề cho những câu chuyện hài hước vui đùa cho các lớp học sinh và các giáo sư trường Trung học Qui-Nhơn suốt mùa Thi và kỳ nghỉ hè năm ấy.

Đối với bọn học trò quê ở Quảng-Ngãi, tuổi trẻ bồng bột ngày ngò đã thỏa mãn vì đã rửa được một chút hận con con cho học sinh tỉnh nhà. Một cậu học sinh ở lớp đệ nhất niên lại tìm cách ăn cắp được bài luận thi của tôi trong hồ sơ nhà trường, để chép ra mấy bản phổ biến lén lút trong các lớp.

Nhưng tôi thật không dè việc xảy ra trong lớp học Qui-Nhơn năm 1927, lại có hậu quả khác nữa. Chín năm sau, năm 1936, tôi cộng sự với vài tờ báo Việt văn và

Pháp văn ở Hà-Nội, trong số đó có tờ *La Patrie Annamite* của Phạm lê Bổng, mà chủ bút là Tôn thất Bình, con rể ông Thượng thư Phạm Quỳnh. Một hôm tại tòa soạn, Tôn thất Bình giới thiệu với tôi một bạn đồng nghiệp cùng cộng sự trong tờ báo, biết tên nhau đã lâu nhưng chưa có dịp nào gặp nhau, là Tiêu-Viên NGUYỄN ĐỨC BÍNH. Anh nầy lúc bấy giờ hình như dạy học ở Thanh Hóa hay Quảng-Bình, Hà-Tĩnh gì đó, thỉnh thoảng mới ra Hà-Nội. Anh chuyên viết Pháp văn, giữ mục « kinh tế » trong báo *La Patrie Annamite*. Tôi phụ trách mục văn chương và phụ nữ. Khi nghe Tôn thất Bình giới thiệu tên tôi, Nguyễn đức Bính cau mày tỏ vẻ khó chịu. Anh ta bắt tay tôi một cách rất lạnh nhạt, có vẻ oán ghét, rồi quay lại nói chuyện với Tôn thất Bình, không hề trao đổi với tôi một lời nói xã giao. Tôi rất ngạc nhiên.

Tôi chỉ gặp Nguyễn đức Bính có mỗi một lần ấy thôi, nhưng sự ngạc nhiên nan giải cứ ám ảnh tôi hoài. Tình cờ một hôm Nguyễn Tuân cho tôi biết rằng Tiêu Viên NGUYỄN ĐỨC BÍNH chính là chồng cô trợ Nguyễn thị Du, Quảng Ngãi !

Theo lời Nguyễn Tuân có biết Nguyễn đức Bính, thì ô trợ Du không quên bài luận văn của cậu học trò ở ớp Đệ tam niên trường Trung học Qui-Nhơn, và mấy năm au đó cô lấy chồng, chồng cô cũng hoàn toàn bình vực ô mà cho rằng cậu học trò kia là một đứa dốt nát, ngu uẩn, dám công kích bài thơ tuyệt bút của cô nữ sĩ, vợ anh.

Mãi về sau nầy, tôi không ngạc nhiên nữa khi có ấy bạn trong làng văn cho tôi biết đích xác HOÀI THANH, 'c là NGUYỄN ĐỨC NGUYÊN, tác giả quyển *THI NHÂN*

VIỆT-NAM là em của Tiêu-Viên Nguyễn-đức-Bính ! Thảo nào trong quyển « *Thi nhân Việt Nam* », Hoài-Thanh cố nói xấu tôi cho được.

Tất cả những chuyện đó ngày nay chỉ còn là một ký ức, nhắc lại thành câu giai thoại cho vui đó thôi.

***

Trong số ký-giả chuyên nghiệp viết bằng Pháp-văn và có biệt tài, phải kể ĐINH XUÂN TIẾU. Tôi không được rõ anh học ở trường nào ra, và học lực thế nào, nhưng đọc các bài của anh lần đầu tiên bằng Pháp văn trong tuần báo *l'Effort Indochinois* của Vũ đình Dy, chú trọng về các vấn đề kinh tế ở Đông Dương, tôi thành thật cảm phục anh. Anh viết về kinh tế rất trôi chảy, khúc chiết, với những tài liệu dồi dào, xác thực, và đứng trên một lập trường tiến bộ rất vững vàng. Có lần tôi gặp anh ở Huế, anh rủ tôi về chơi một buổi tại nhà anh, một căn phố xưa, ở đường Đông Ba, cách tòa báo Tiếng Dân không xa mấy,

Nhưng sau đó không lâu, tôi lại nghe tin anh bị truy-nã về một tội « làm tiền » một bà nhà giàu ở Hải-Phòng. Đinh-xuân-Tiếu có « làm tiền » bà nhà giàu kia hay không, tôi không được biết, nhưng trong một chuyến đi phiêu-lưu lang-bạt của tôi trên mấy làng sơn cước Ba-Tơ, tình cờ một buổi sáng xem chơi tập hồ-sơ của viên Lý-trưởng làng Tân-An bỏ trên bàn nước, tôi rất ngạc nhiên thấy một cái giấy châu-tri của sở Mật thám Quãng-Ngãi truy nã « Đinh xuân Tiếu, nhà báo ở Hà Nội, về tội tống tiền một bà quả phụ ở Hải Phòng ». Tôi cười tủm tỉm một mình nghĩ thầm rằng : « Anh chàng

Đinh xuân Tiếu nầy kể cũng gan thật ! Trông điệu bộ bé nhỏ và mảnh khảnh như cậu thư sinh hiền lành thật thà, thế mà dám bày mưu mẹo tống tiền một bà góa ở Hải Phòng, rồi trốn đi đâu để cho bây giờ mật thám gởi giấy truy nã khắp trong xứ ! » Cho đến cả ở một nhà lý-trưởng nghèo nàn của một làng hẻo lánh trong một xó núi Ba-Tơ, trên một vùng sơn lâm cùng cốc của Quảng Ngãi, cũng có tờ giấy châu tri kia tình cờ hiện ra dưới mắt tôi, một bạn đồng-nghiệp của anh, vừa mới đi chơi với anh ở Huế cách đó mấy tháng ! Tôi cầm tờ giấy mỏng xem mấy dòng chữ bằng Pháp văn đánh máy như sau đây : « *Mandat d'arrêt contre le nomné Đinh xuân Tiếu, journaliste à Hà-Nội pour chantage et escroquerie...* » và con dấu xanh của Sở Mật thám Quảng Ngãi đóng phía dưới. Thừa lúc viên lý-trưởng không để ý, tôi nhét lẹ tờ giấy kia vào túi quần tôi.

Mãi đến năm 1947, sau hai lần vào tù ra khám, rồi phiêu lạc vào Saigon, một buổi sáng tôi đi qua đường Aviateur Garros nay là Thủ-Khoa Huân sau chợ Bến-Thành, tôi rất kinh ngạc nghe tiếng người gọi tên tôi. Ngửng mặt lên thì vừa trông thấy Đinh-xuân-Tiếu từ trong một căn nhà giàu lộng lẫy bước ra đến cửa. Anh vui mừng nắm tay kéo tôi vào nhà. Một bức bình phong bằng sơn mài to lớn thật đẹp, đáng giá 20.000 đồng, chắn ngang phòng khách và phòng ăn. Phòng khách cũng rất sang, kê toàn bàn ghế bằng gỗ gụ. Anh gọi người nhà pha trà ướp hoa sen, lấy thuốc lá thơm *Craven A* mời tôi, và hỏi tôi có uống được rượu *Whisky* không ? Anh lại cho tôi biết một cách rất khiêm-tốn rằng anh vẫn nghèo như hồi ở Hà Nội.

Tôi mỉm cười, moi trong túi ra một tờ giấy nhèo nát và làm bộ bí-mật bảo :

— Nhân danh Lý-trưởng làng Tân-An, quận Ba-Tơ, ở miền núi Quảng-Ngãi, tôi bắt anh...

Tôi đưa Đinh xuân Tiếu xem cái giấy Mật-Thám truy nã anh từ hồi 1937, mà tôi vẫn còn giữ mãi trong cái bóp rách của tôi.

Đinh-xuân-Tiếu cười ngất, và không cần hỏi tôi, anh gấp tờ giấy cất trong túi áo anh :

— Để giữ làm kỷ niệm chơi !

Anh thành thật cho tôi biết anh làm giàu từ hồi Nhật-Bổn, anh có một tên Nhật mà tôi không nhớ, và đang làm chủ xưởng máy sợi ở Gia-Định. Anh có một nhà in lớn ở đường Frères Louis, nay là Võ-Tánh sắp sửa ra một tờ báo hằng ngày. Anh có mỹ ý mời tôi làm chủ bút, nhưng tôi từ chối, vì tôi đang có tờ tuần báo *DÂN-CHỦ* ở Đà-Lạt.

Một hôm Đinh xuân Tiếu đang ngồi uống rượu, với năm sáu người bạn, có một anh thầy tướng đi ngang qua. Tiếu gọi người xem tướng. Anh nầy xem chỉ tay, mặt, mũi, tai, trán của Đinh xuân Tiếu rồi bảo :

— Thầy nầy, thế nào cũng bị chết bất-đắc kỳ-tử. Bây giờ thì nhà cao cửa rộng ngồi xe hơi Huê-Kỳ, uống rượu Whisky, giàu sang lừng lẫy như thế đó, nhưng rồi sẽ chết nơi đầu đường xó chợ cho mà coi !

Đinh-xuân-Tiếu cười ngất. Cả mấy nhà báo ngồi uống rượu với anh cũng cười ngất. Ai mà tin chuyện vô lý

như thế được? Để thưởng cho anh chàng thầy tướng nói tầm bậy, Đinh xuân Tiếu rót mời anh ta một ly rượu mạnh Martell. Anh ta uống cạn ly còn bảo một câu trước khi bắt tay từ giã : « Rồi thầy coi tôi nói có đúng không nhé ! »

Mấy tháng sau, quả nhiên Đinh xuân Tiếu bị kẻ lạ mặt ám sát ngay lúc anh đang ngồi uống rượu với vài người bạn ở bên lề đường... Xác anh bỏ nằm nơi vỉa đường cả một buổi sáng.

Được tin ghê gớm ấy, tôi bị xúc cảm mãnh liệt. Tôi thương tiếc Đinh xuân Tiếu vô cùng. Anh là người thao lược tay trắng làm nên sự nghiệp nhờ tài kinh doanh, chí khí lớn. Nhưng than ôi, tài cao mà mệnh yếu ! Anh bị kẻ thù chính-trị thủ tiêu trong lúc anh đang hăng hái phụng sự chính nghĩa quốc gia dân tộc. Khác hơn một số chủ báo giàu tiền nhưng ít học, Đinh xuân Tiếu đã có óc doanh nghiệp lại có học thức uyên thâm. Mất anh, làng Báo Việt-Nam mất một tay chủ báo cừ khôi, có rất nhiều khả năng.

Hồi Tiền chiến làm báo ở Hà-Nội, ĐINH XUÂN TIẾU ở trong nhóm *Offort Indochinois* của VŨ ĐÌNH DY. Vũ Đình Dy là một thanh niên trí thức cách mạng luôn luôn triệt để chống Pháp. Anh là người Nam-Định. Trong vài ba lần tiếp xúc với anh ở Hà-Nội và Nam-Định tại nhà anh, tôi nhận thấy nơi anh, một đức tính mà lúc bấy giờ tôi rất khâm phục, là điềm đạm. Mình còn thanh niên, đang bồng bột hung hăng, tính nết hơi lao chao, mà gặp một bạn thanh niên trí thức như mình (anh chỉ lớn hơn tôi độ ba hay bốn tuổi) lại điềm đạm hơn, bình tĩnh hơn, tôi thành thật cảm phục anh vô cùng.

Có lần tôi bảo anh:

— Trông gương mặt của anh na ná giống vua Duy-Tân!

Anh mỉm cười rất dễ thương. Trông anh có vẻ con người nho nhã, cốt cách phong lưu, hơn là một thanh niên cách mạng.

Có lẽ vì vậy nên anh được một cô đào hát ở Khâm Thiên yêu say mê và về ở với anh. Cô đào đẹp nhất ở Khâm Thiên, tiếng tăm lừng lẫy thời bấy giờ, tên là MỘNG-HOÀNG, đờn hay, hát giỏi, lại có biệt khiếu về thi-văn. Vũ đình Dy chỉ là nhà báo cách mạng, và chỉ viết Pháp văn, không làm được thơ Việt, nhưng cốt cách nho nhã và gương mặt điềm đạm của anh đã chiếm được dễ dàng trái tim của một cô đào hát có tiếng là đẹp nhất và khó tính nhất ở nhà hát cô Đốc Sao. Theo dư luận thì thầm trong làng báo Bắc Hà lúc bấy giờ, thì chính cô MỘNG-HOÀNG bỏ tiền ra cho Vũ đình Dy làm báo chống Pháp. Nhưng Dy lại thân Nhật. Anh là một đại diện của Cường-Để trong « *Việt Nam Phục quốc hội* », ở Bắc-Hà. Một buổi sáng đầu năm 1941, ít tháng sau khi Nhật đã đổ bộ ở Hải Phòng và trấn lên Hà Nội, Vũ đình Dy mặc binh-phục Sĩ-quan Nhật với đôi kiếng trắng cổ truyền, ngồi chễm chệ trong một chiếc xe Traction của Nhật chạy vụt qua đường Hàng Cỏ. Trông thấy tôi bách bộ trên lề đường gần miếu Đức khổng Tử, ông Quan Ba Nhật Vũ đình Dy tủm tỉm cười chào tôi.

Vài tháng sau, tôi bị Hiến-Binh Nhật bắt ở Nam Đồng, tôi định nhờ anh Vũ Đình Dy can thiệp giùm, nhưng

suy nghĩ kỹ, tôi lại làm thinh cam chịu số phận. Sau này, tôi nghe tin Vũ đình Dy chết, nhưng không rõ là anh chết trong trường hợp nào, và chết vì ai. Dù sao cái chết của anh cũng rất đáng tiếc. Anh là một phần tử ưu-tú của trí thức cách mạng Việt Nam thời Tiền Chiến. Anh có để lại một quyển sách viết bằng Pháp văn : *SOUVENIRS DE PRISON* (Ký ức ở Tù), đăng trong báo *L'Annam-Nouveau* của Nguyễn-văn-Vĩnh.

Trong nhóm *Effort Indochinois*, còn một anh bạn khác cũng phi thường, và tôi thấy nên nhắc đến là BÙI NGỌC ÁI. Anh cũng là một thanh niên tri thức thuộc về thành phần cách mạng, có tài và có chí lớn, nhưng hơi mơ mộng và cũng ưa sống cuộc đời *bohêmien* lang bạt như bọn chúng tôi. Gia đình anh giàu có và thuộc vào hàng quý tộc. Anh có người anh ruột làm công chức cao cấp trong hành chánh thuộc địa. Nhưng ít khi BÙI NGỌC ÁI ở cái biệt thự sang đẹp của anh ở miệt Chợ Hòm. Anh ưa lang thang ở các nhà bạn hữu, nay nhà nầy mai nhà khác. Anh viết những bài báo cách mạng bằng Pháp văn rất có duyên, và rất hăng hái. Có thể so sánh Bùi ngọc Ái ở Hà Nội lúc bấy giờ với Nguyễn-An-Ninh ở Saigon. Mấy anh Cộng sản bên Đệ-tam quốc-tế như Võ-nguyên-Giáp, Nguyễn văn Phú, Đặng xuân Khu, cũng hay o-bế Bùi-ngọc-Ái và cố lôi kéo anh về hàng ngũ với họ. Nhưng Ái bảo thật với tôi : « Tui mình quen tự-do vẫy vùng, theo chúng nó sao được nhỉ ! » Tôi còn nhớ hai giai thoại về Bùi ngọc Ái, rất là buồn cười. Một đêm các bạn bè rủ anh đi hát ở nhà một cô đào hát ở Ngã-Tư-Sở. Bùi-ngọc-Ái thường ngày không thích phụ-nữ, nhưng lại thích nằm trong nhà hát . đào, nghe đập trống và để cho chị em nô đùa giải

trí. Đêm ấy, các người bạn chơi khăm, đi hát ả đào mà không có tiền, nửa đêm lẻn chuồn đi mất cả, bỏ Bùi-ngọc-Ái nằm lại « làm va-li » (1). Ông chủ bút báo *Effort Indochinois* trong túi cũng không có một đồng xu, đành ở lại nô đùa với chị em, và hứa hẹn sáng hôm sau sẽ về nhà lấy tiền đem đến trả đêm hát. Mấy cô ả đào không tin được ông khách lạ, nhưng biết làm sao bây giờ ?

Bùi-ngọc-Ái ngủ một mạch cho đến 10 sáng hôm sau mới lóp ngóp ngồi dậy thì cũng vừa được một anh bạn đến, hớt hơ hớt hải, nói thầm cho anh biết rằng đêm qua mật thám có đến nhà anh, tìm bắt anh nhưng không gặp. Mật thám truy nã anh vì một vụ đình công trong ngày hôm trước mà họ nghi là chính anh xúi-giục.

Được anh bạn cho biết tin, Bùi-ngọc-Ái đi trốn luôn mười hôm sau nhờ bạn bè vận-động anh khỏi bị bắt, anh mới trở về. Nhờ anh « bị nằm làm va-li » ở nhà ả-đào đêm ấy mà anh khỏi bị bắt giam vào lao mật-thám.

Một lần nữa, hồi phong trào « Mặt trận bình dân », Bùi-ngọc-Ái đang diễn thuyết rất hùng hồn trong sàn hội chợ Hà-Nội, cổ động học sinh và thợ thuyền biểu tình chống chính-phủ. Anh đứng diễn-thuyết, nhưng trong tay vẫn cầm chiếc mũ nỉ của anh. Chợt viên Chánh mật thám Arnoux và một đoàn thám tử lù-lù từ ngoài cổng Hội-chợ nhảy xổ vào, hung hăng cầm ma-trắc giải-tán đám biểu-tình. Arnoux đuổi Bùi-ngọc-Ái chạy quanh trong Hội-Chợ, anh chạy thật lanh chân, Arnoux tuy bụng phệ

(1) Làm con tin, otage

nhưng cũng rán đuổi theo quyết bắt cho được Bùi-ngọc-Ái.

Trong lúc kẻ đuổi người chạy, giữa đám đông công chúng ồn-ào tán-loạn, Bùi ngọc Ái làm rớt chiếc mũ của anh và ông cò Arnoux cũng làm rớt chiếc mũ của ông. Không dè, Bùi ngọc Ái lượm được mũ của Arnoux, còn Arnoux lại lượm được mũ của Bùi-ngọc-Ái. Thấy vậy, Bùi ngọc Ái đứng lại xa xa, cười bảo :

— Chúng ta hãy ngưng lại một phút để trao đổi mũ cho nhau, rồi sẽ tiếp tục đuổi bắt nhé ?

Viên chánh mật-thám Arnoux phải phì cười, thở hổn-hển đáp :

— Đồng ý.

Thế là Bùi-ngọc-Ái đem mũ của Arnoux trả lại cho ý, đổi lấy mũ của anh.

Hai người bắt tay nhau nhìn nhau cười, không đuổi bắt nhau nữa.

Chuyện nầy, chính Bùi-ngọc-Ái kể lại cho tôi nghe. Tôi tin rằng anh không bịa-đặt, vì Bùi-ngọc-Ái ít khi bịa đặt những chuyện như thế.

***

Trong nhóm « *Effort Indochinois* », hiện nay còn sống sót ở Saigon một người, một tay kỳ cựu dẻo dai nhất, là anh NGUYỄN ĐẮC LỘC. Năm nay anh đã gần 70 tuổi, cựu chủ nhiệm tờ tuần báo *TÂN-DÂN*. Ngay hồi tiền chiến

ở Hà-Nội, anh em cũng đã gọi anh là « Lộc già », vì anh đã lớn tuổi hơn chúng tôi nhiều, và già giặn kinh nghiệm hơn. Anh đã ở Pháp, dự vào « Hội Kín » ở Paris, thời kỳ các cụ PHAN VĂN TRƯỜNG, PHAN CHU TRINH. Nguyễn đắc Lộc được anh em quý mến vì anh triệt để trung-thành với lý tưởng cách-mạng quốc gia, có phong độ của người quân tử, gặp biến cảnh cũng nhiều, tù tội cũng có, nhưng không bao giờ thay đổi chí-hướng. Anh là một chiến sĩ trong hàng ngũ quốc gia cách mạng thời tiền chiến, nghĩa là quốc gia thuần túy. Ngày nay anh vẫn giữ nguyên vẹn lý tưởng tranh đấu của mấy chục năm xưa.

Đề cập đến các nhà báo cách mạng, tôi còn muốn nhắc tên anh ĐẶNG THÁI MAI. Nguyên là giáo sư, và là con một nhà cách mạng tiền bối, anh Mai ở Hà-Nội dạy trường Thăng Long, và viết báo *Le Peuple*. Học giỏi, tính tình điềm đạm, bạn thân của Võ nguyên Giáp, anh là người trong nhóm Cộng Sản « Staliniens » — chúng tôi thường gọi là nhóm « Đệ Tam » để phân biệt với nhóm Đệ-Tứ, « Trotskystes ».

Nhưng Đặng-thái-Mai vẫn còn phong độ « nhà Nho », có thành kiến trưởng giả, và tự-tôn mặc-cảm. Cho nên cùng là trong đảng Cộng Sản, nhưng anh không thích chơi thân với những đảng viên ít học, hoặc học kém hơn anh. Hồi tôi ở phố hàng Cót, thỉnh thoảng anh ghé chơi, luôn luôn dắt theo đứa con gái nhỏ lúc bấy giờ độ 12 tuổi. Em bé nầy chuyên môn đọc truyện kiếm hiệp và Đặng-thái-Mai lại khuyến khích sự ham đọc loại sách ấy. Anh muốn nó lớn lên sẽ là một nữ tướng, thông

thạo những thủ đoạn phi thường như các vai nữ anh hùng trong tiểu thuyết kiếm hiệp. Sau nầy có vài bạn ở chiến khu Việt-Bắc về Saigon cho tôi biết rằng thời kỳ 1950-54 em bé đó đã thành vợ của Võ nguyên Giáp. Tôi hơi ngạc nhiên và không khỏi hồi tưởng lại lúc tôi biết cô em 12 tuổi, học trường tiểu-học, hãy còn kẹp tóc, thường ôm trong cặp một mớ truyện kiếm-hiệp 3 xu, mà mười hai năm sau lại làm vợ Võ nguyên Giáp, là bạn thân của ông thân-sinh cô ? Tuy nhiên tôi muốn nói rằng câu chuyện con gái của Đặng thái Mai lấy vị thủ-lãnh của Việt-Minh là do vài bạn ở chiến khu Việt-Bắc về kể lại, đúng hay không, tôi không thể biết được. Tôi chỉ ghi vào tập hồi-ký nầy làm một tài-liệu mà thôi, sau này lịch-sử sẽ xác-nhận hay đính-chính tùy theo thực-tế.

Tuy không đồng tư tưởng cách mạng, lập trường chính trị hoàn toàn trái hẳn nhau, nhưng tôi vẫn có cảm tình với Đặng thái Mai, vì tính nết điềm đạm và khôn khéo của anh. Anh phê bình văn thơ của tôi một cách rất vô tư. Anh cho rằng tôi quá mơ mộng, không chịu nhìn thực-tế trên đời. Đó là quan điểm của riêng anh, mặc dầu anh rất thành thực, nhưng tôi cũng thành thực không tán thành quan điểm ấy.

Giữa Đặng Thái Mai và tôi, cũng như giữa Trương Tửu và tôi, vẫn còn giữ được mãi chút thiện cảm cá-nhân, cho đến khi các biến cố thế chiến xảy ra, mỗi người thất lạc đi mỗi ngả. Đặng thái Mai viết Pháp văn rất hay, lời văn cứng rắn, và dễ quyến rủ. Trái lại, cô con gái 12 tuổi của anh, (tôi quên mất tên) đã tập tễnh

làm thơ Đường-luật và viết những mẩu chuyện ngắn bằng Việt văn khá trôi chảy nhưng đã nặc mùi Cộng-sản của ông bố.

Đặng thái Mai đã chết ở chiến khu Việt Bắc, theo lời vài bạn tin cho tôi biết. Tôi rất buồn và thành thật nhớ anh.

Trong bộ Biên tập báo *Le peuple* (ở góc đường Henri d'Orléans và Carnot) còn có anh PHAN THANH. Anh là một trợ giáo (Instituteur, vì anh chỉ đỗ bằng Thành Chung) nhưng tự học, viết Việt văn và Pháp văn đều được cả. Anh dạy trường Thăng Long ngay từ hồi trường mới mở ở phố Hàng Cót, đối diện với bót Cảnh sát Hàng Đậu. Tôi biết anh từ lúc nầy, và chính anh đã giới thiệu tôi vào dạy trường Thăng Long trước khi NGUYỄN TƯỜNG TAM ở Pháp về mua lại trường nầy. Phan Thanh, người Quảng Nam, là một ông thầy giáo hơn là một nhà cách mạng. Nhưng nhờ viết báo, và do một số anh em ủng hộ, anh được đắc cử vào Hội đồng Kinh Tế và Tài Chính Đông dương (Conseil Economique et Financier de l'Indochine), là một Hội Đồng tối quan trọng cho đời sống của thuộc địa lúc bấy giờ. Phan Thanh không phải là không có tài. Anh nói năng hoạt bát, và tuy không hùng hồn như TẠ THU THÂU, PHAN VĂN HÙM, nhưng anh có lối viết và nói thanh thoát, nhẹ nhàng, rất quyến rủ người nghe. Anh yểu điệu, nhỏ nhẹ, vui vẻ, như người đàn bà xứ Quảng, nhưng cũng rất cương quyết như nàng, và khi cần phải binh vực một quan điểm anh cũng hăng hái không vừa.

Anh chết vì bịnh, và đám ma của anh được tổ chức cực kỳ long trọng tại Hà nội.

***

Về các nhà Văn và nhà Báo Việt-Nam chuyên viết Pháp văn thời Tiền chiến ở Hà-Nội, tôi tưởng tôi đã kể khá nhiều. Còn một số ít nữa tôi không được quen lắm, nên không biết gì nhiều về họ.

Tôi muốn thêm vào đây, để bạn đọc có một khái-quan tổng-quát đầy đủ hơn một chút về tình hình sinh hoạt trong phạm vi văn hóa ở Hà-Thành lúc ấy, một tờ báo đặc biệt cũng bằng Pháp văn, tên là *Le Misogyne* (Ghét-đàn-bà). Chủ trương báo nầy là một nhóm thanh niên du học ở Pháp về, rất hoạt động, rất vui tính, và nhất là rất không... ghét đàn bà. Nhưng họ xuất bản tờ báo kia, cốt để đả kích đám phụ nữ lố lăng, mà lúc bấy giờ dân chúng thường gọi mỉa mai là « *đám tiểu thư tân thời* ». Đám nầy hầu hết là ít học, phần nhiều là con quan, con nhà giàu, ham chơi bời, trang điểm, mà lại thích lấy chồng « Cao đẳng ». Đó là mấy cô kén chồng « *Phi cao đẳng bất thành phu phụ* », ưa lãng mạn theo lối hạ cấp, tự đề cao phẩm giá phụ nữ tân thời về phương diện vật chất, nhiều hơn là phương diện tinh thần và đức hạnh.

Tờ báo nầy, mỗi tuần xuất bản một lần, in toàn bằng màu tím trên giấy láng đẹp mà bán giá rẻ. Thanh niên học sinh và sinh viên Cao đẳng đọc rất nhiều. Tôi không nhớ được các người biên tập, chỉ còn giữ lại trong ký ức tên một người hoạt động nhất, là CH. MAU'S.

Chính là một người Việt Nam, tên thật là CHU MẬU, anh ta đổi ra tên ngoại quốc như thế, có lẽ để cho lạ chơi, và gợi tánh hiếu kỳ của công chúng mà thôi. Hiện nay hình như anh ở Saigon, vì có lần tôi trông thấy một tiệm buôn đề hiệu là CH. Mau's tại một đường lớn ở Thủ đô.

Thanh niên hoan nghênh tờ báo nầy lắm vì hai lẽ: một là nó gây được một không khí mới lạ, linh động, trẻ trung, hai là nó trêu ghẹo, bao biếm các cô « *Tiểu thư tân thời* » một cách rất là dí dỏm, rất khó chịu, hài-hước cay-chua.

Nhưng báo *Le Misogyne* chỉ ra được mấy số, rồi không hiểu vì lẽ gì tự nhiên đóng cửa. Tuy vậy, nó vẫn còn để lại một tiếng vang không ít trong giới thanh niên nam nữ Hà thành.

Viết đến Đặng thái Mai tôi muốn viết tiếp về nhóm « Đệ Tam » của anh nầy, nhưng suy nghĩ lại thấy có điều không tiện nên xin nói sơ lược, gọi là cho đầy đủ quyển sổ các nhà văn nhà báo thời Tiền chiến mà thôi. Nhóm nầy chia làm hai « équipes » một chuyên viết Pháp văn trong hai cơ quan của họ: *Le Travail* và *En Avant*, một phụ trách hai tờ báo Việt ngữ: *Thời Thế* và *Tân-Tiến*.

Le Travail do TRỊNH VĂN PHÚ và NGUYỄN VĂN TIẾN chủ trương, có tính cách ôn hoà với sự tham gia của một số trí thức có tư tưởng xã hội, nhưng không phải là Cộng Sản, như BÙI NGỌC ÁI. Những cây bút chủ chốt của báo *Le Travail* chính là người của đảng

Cộng Sản Đông Dương: VÕ NGUYÊN GIÁP và ĐẶNG THÁI MAI, ký dưới nhiều bút hiệu khác nhau, chớ không bao giờ ký tên thật. *En Avant* là cơ quan chiến đấu, hoàn toàn do đảng Cộng Sản điều khiển.

Những anh viết Pháp văn không được như: TRẦN HUY LIỆU (Nho học), ĐẶNG XUÂN KHU, ĐÀO DUY KỲ v.v... thì phụ trách hai tờ báo Việt ngữ kể trên. Tất cả báo nầy đều ra hằng tuần, hoặc mỗi tuần hai kỳ. Cộng Sản ở Hà Nội lúc bấy giờ không có báo hằng ngày, và đảng viên của họ cũng không len lỏi vào các báo khác. Họ hoạt động riêng trong báo của họ mà thôi.

Tôi muốn ghi lại nơi đây một câu chuyện nhỏ mọn đã làm sôi nổi dư luận báo giới Hà Thành năm 1936, — Kể cả các báo Cọng Sản và không Cộng Sản.

Mùa hè năm ấy, MAURICE HONEL, một nghị sĩ của đảng Cọng Sản Pháp, sang Việt Nam để « điều tra về tình hình chính trị » Ông được các đồng chí của ông ở Hà Nội đón tiếp nồng nhiệt. Đó là lẽ dĩ nhiên. Người trẻ tuổi, lanh lợi, nói năng hoạt bát diễn thuyết hùng hồn, Honel tiếp xúc với các nhà Văn nhà Báo tại Trụ sở báo *En Avant* của Cộng Sản, góc đường Henri d'Orléans và Hàng Vải thâm. Để gây cảm tình, ông không ngớt ca ngợi dân tộc Việt Nam, một dân tộc thông minh, lương thiện, v.v...

Nhân lúc bấy giờ hạt Đáp-Cầu ở tỉnh Bắc-Ninh bị lụt lớn, Honel tuyên bố với các báo là ngày hôm sau ông sẽ đi Đáp Cầu để viếng thăm đồng bào ta bị lụt và sẽ tặng họ một ngàn đồng bạc và mười bao gạo. 6 giờ sáng hôm

sau, Honel khởi hành từ Hà-Nội đi Đáp Cầu, có ĐẶNG XUÂN KHU đi theo để làm thông ngôn.

Tại Đáp Cầu, Honel tiếp xúc thân mật với các gia đình bị nạn, hầu hết là anh chị em lao động. Bỗng dưng trên đường về, viên Nghị sĩ Cộng Sản hoảng hốt kêu mất chiếc bóp trong túi quần. Ông lại nhất định nghi rằng kẻ bất lương đã lấy cắp cái bóp của ông không phải ai xa lạ mà chắc ở trong đám người lao động rách rưới, nghèo khổ mà ông đã niềm nở ủy lạo trên bờ đê sông Đáp Cầu, lúc chín mười giờ sáng. Ông cho biết rằng trong bóp có một tập ngân phiếu của Đông-dương ngân-hàng và một số giấy tờ quan trọng. Honel tỏ vẻ hết sức bất-bình và có nói đôi lời phê phán chạm đến danh dự chung của dân tộc Việt Nam. Anh em ký giả Cộng-Sản nhất là ĐẶNG XUÂN KHU và VÕ NGUYÊN GIÁP rất áy náy, lo ngại về vụ nầy và nói rằng có lẽ kẻ cắp là người của Sở Mật-thám Pháp theo dõi, chen lẫn trong đám người bị nạn lụt, và tìm cơ hội rút lén chiếc bóp ở túi quần sau của viên Nghị sĩ Cộng Sản Pháp để lấy các giấy tờ bí mật Honel lại không tin như thế. Còn anh em nhà báo và nhà văn không Cộng Sản thì rất khó chịu về mấy lời phê bình của Maurice Honel bêu xấu dân tộc Việt-Nam, và trong một cuộc hội họp báo chí sau khi Honel ở Đáp Cầu về Hà-Nội, chúng tôi, anh em nhà văn thuần-túy quốc gia, kịch liệt phản đối những câu nói của Nghị sĩ Cộng Sản Pháp.

Sau đó, Honel trở về Paris, nhưng câu chuyện mất bóp của ông vẫn còn là một bí mật hoàn toàn, mặc dầu có cuộc điều tra gắt gao của mấy nhà báo Cộng-Sản, và của nhà chức trách thuộc địa.

Lâm Tâm, vụ mất bóp kia hãy còn để lại trong báo giới Hà Thành một dư âm nặng nề.

Tôi xin nói thêm rằng năm 1940, sau khi chiến-tranh bùng nổ, Staline ký hiệp-ước thân-thiện với Hitler, và đảng Cộng Sản Pháp tuân theo lệnh của Moscou, hoan hô hiệp-ước Nga Đức và ca tụng Hitler, thì có một số nghị sĩ Cộng-Sản Pháp tuyên-bố ly-khai đảng. Trong số « đồng chí bất mãn » nầy có tên của Maurice Honel.

Tôi muốn chép một ký ức khác không kém phần lý thú, là vụ anh TRẦN HUY LIỆU, bị đảng bắt buộc phải từ bỏ người yêu của anh là chị Thu-Tâm.

Thu-Tâm, người không đẹp, gầy ốm, là một cô đỡ có bằng cấp Nữ-hộ-sinh của Trường Cao-Đẳng Y-khoa Hà-Nội. Trước đó, chị có một nhà Hộ sinh ở Saigon, đường Pellerin, nay là đường Pasteur. Hồi Trần-huy-Liệu viết báo và hoạt động chính trị ở Saigon, chị Thu Tâm là người giúp đỡ anh rất nhiều. Lúc Liệu bị tù ở Khám lớn, chính Thu-Tâm lo lắng cho anh, đến thăm nom và đem các thức ăn uống cho anh. Chị săn sóc Trần-huy-Liệu, hy sinh cho Trần-huy-Liệu như một người vợ chính thức, đảm đương và tận tụy.

Mãn tù, Trần huy Liệu về Hà-Nội. Anh làm chủ bút tờ báo Cộng Sản *Tân Tiến*, và là một cán-bộ cao cấp của đảng. Chị Thu-Tâm cũng bán nhà Hộ sinh ở Saigon, dọn về ở Hà-Nội, để được gần anh Liệu.

Nhưng không hiểu vì lý do gì, năm 1937, đảng bắt buộc Trần huy Liệu phải từ bỏ Thu-Tâm. Một buổi sáng

chúa nhật, có một phiên nhóm sôi nổi của các đảng viên cao cấp trên lầu tòa báo En Avant, mà Đặng-xuân-Khu (Trường-Chinh) chủ tọa.

Trần huy Liệu, nhiệt liệt bào chữa cho tình yêu vô tội của anh và Thu-Tâm, nhưng rốt cuộc bị các đồng chí của anh chỉ trích và lên án, anh đành phải tuân lệnh. Anh gục đầu xuống bàn khóc.

Lúc bấy giờ tôi ở trọ một mình trên một gác phố Hàng Cót. Sáng hôm sau, tình cờ anh gặp tôi ngoài đường, bảo tôi đưa anh đến nhà tôi chơi. Anh đóng cửa phòng, cho tôi nghe sơ qua câu chuyện, rồi trao tôi một quyển sổ con.

Anh bảo :

— Đây là tập thơ của tôi chép lại đủ hết các bài thơ của tôi xướng họa với Thu-Tâm, những bài tôi đã làm tặng nàng, và những bài nàng làm trao tôi, từ lúc Thu-Tâm và tôi bắt đầu quen nhau rồi yêu nhau cho đến bây giờ.

— Anh đưa tôi quyển nầy để chi ? Tôi hỏi Trần huy Liệu.

— Để anh xem chơi cho vui, rồi anh cứ giữ lấy, đừng trả lại tôi.

— Sao thế ?

— Giữa Thu-Tâm và tôi, một kỷ niệm nhỏ mọn cũng không thể còn được nữa.

Tôi lật xem qua loa đôi bài. Tôi mỉm cười :

— Anh là Cộng Sản mà anh cũng làm thơ lãng mạn thế này cơ?

— Paul Vaillant-Couturier không có lãng-mạn như thơ của anh. Một thi sĩ Nga sô chính cống, là Mafakovski, làm thơ lãng mạn chút ít rồi phải uống thuốc độc tự tử, anh không biết à?

Hôm sau tôi gặp Trường Chinh Đặng xuân Khu tại nhà báo *En Avant*. Tôi thản nhiên hỏi:

— Sao các anh bắt buộc anh Trần-huy-Liệu phải từ bỏ chị Thu Tâm? Theo tôi, các anh quyết định như thế tàn-nhẫn quá!

Khu cười, vỗ vai tôi:

Toa thi-sĩ, *toa* không hiểu vụ ấy đâu. Đừng hỏi.

Thu Tâm phải từ giã Hà Nội, về quê quán ở Thái Bình. Tôi có chép để cất riêng mấy bài thơ mà tôi cho là hay nhất của chị và của anh Liệu, rồi tôi gởi cho Thu-Tâm quyển carnet của anh để chị cất làm kỷ niệm.

***

Ồ! Ước gì tôi chép lại được tất cả những ký ức trong đời sống văn-nghệ, nhiều chuyện rất buồn, nhiều chuyện rất vui, trong những buổi tiếp xúc rất tự do giữa mấy anh kia và chúng tôi, cuộc sống chung chạ lý thú ở một khía cạnh này và ở những khía cạnh khác thì phận ai lo phận nấy!

Viết trên sách, báo, người nào cũng có quan điểm riêng của mình, ngồi nói chuyện với nhau thì cãi lộn ầm ĩ, thuyết nầy chọi nhau đôm đốp với thuyết kia,

đập bàn đập ghế, trợn mắt phùng mang, câu chuyện có khi kéo dài hàng hai ba tiếng đồng hồ. Đến khi chấm dứt cuộc đấu khẩu hùng hồn, không ai chịu thua ai, nhưng đứa nào cũng thấy đói bụng, đều đồng ý gọi gánh phở làm mỗi đứa một tô... Ăn no nê, móc túi trả 3 xu, nhìn nhau cười ha hả.

Rồi, ra về, anh đi đường anh, tôi đi đường tôi sau khi bắt tay nhau tạm biệt trong mưa phùn, gió bấc, giữa đêm đông.

Ôi, Hà-Nội ! Hà-Nội tự do lãng mạn của ngày nào ! Hà-Nội duyên dáng hiền hòa, Hà-Nội yêu quí của tôi ơi !...

CHƯƠNG BA

1. Sinh-khí văn-nghệ tiền-chiến

2. Đời sống tinh thần và vật-chất của văn-thi-sĩ tiền-chiến

I.— SINH-KHÍ VĂN-NGHỆ TIỀN CHIẾN

Xét về phương diện lịch sử, hầu hết các hoạt động văn nghệ của Việt Nam hồi Tiền chiến đều tập trung ở Hà-Nội, thủ đô Văn học, phát xuất mạnh mẽ nhất nơi đây và tiến triển phồn thịnh nhất nơi đây.

Do dĩ vãng lịch sử vẻ vang của nó, với những di tích cổ truyền vỹ-đại, với đền Ngọc-Sơn, với Tháp-Bút, với Văn-Miếu thờ Khổng-Tử, với những tấm bia của các ông Nghè từ đời nhà Lê ; do trường Cao-đẳng đồ sộ và duy-nhất của nó, và Viện Bác Cổ Viễn Đông, một kho sách quý giá vô ngần, Hà-Nội, cựu kinh đô Thăng-Long, đã gây ra được một thần bí thu hút những trí óc, và rực rỡ một hào quang mà thời gian càng làm hồi sáng thêm mãi. Cả uy tín gần như thiêng liêng ấy đều gom trong một câu thơ :

« *Nghìn năm văn vật đất Thăng-Long* »

Mà người Hà-Nội không mấy ai là không hãnh diện gâm nga.

« Sông Nhị » từ bên Tàu chảy về đến Hà-Nội chia ra thành hai con sông nước đỏ ngầu và cuồn cuộn. « Núi Nùng », theo lời các cụ bô-lão cho biết, là một mô đất vỉ cao chừng mười thước ở trong vườn Bách-Thú, nhưng tên tiến *SÔNG NHỊ NÚI NÙNG* đã khêu gợi cho người Việt-Nam cả một thần bí vẻ vang thơ mộng. Nó đã

thành một tượng trưng của hồn thiêng Đất Nước, đầy nhựa sống vô tận, đầy phấn khởi bất ngờ, chứa đựng trong lòng đất cả một kho tàng của tinh hoa bất diệt.

***

Tuy nhiên, có một điều mà chúng ta không khỏi ngạc nhiên là Hà-Nội, kinh đô văn hóa, nơi tập trung của đa số các tao nhân mặc khách thời Tiền Chiến, lại không phải là quê hương chính của họ. Hầu hết các Văn nhân Thi sĩ hoạt động văn nghệ ở Hà-Nội đều quê quán ở các tỉnh Bắc Việt hay Trung Việt, còn chính sinh trưởng ở Hà Nội thì không có mấy người. Kể đại khái như TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU là người ở Sơn Tây, NGUYỄN VĂN VĨNH quê ở Hà Đông, NHẤT LINH quê ở Quảng Nam, NGUYỄN TUÂN ở Thanh Hóa, TRƯƠNG TỬU ở Bắc Ninh, LAN KHAI ở Tuyên Quang, VI-HUYỀN-ĐẮC ở Hải Phòng, LƯU TRỌNG LƯ ở Quảng Bình, XUÂN DIỆU ở Hà Tĩnh, ANH THƠ ở Bắc Giang, NGUYỄN CÔNG HOAN ở Nam Định, MỘNG SƠN ở Nam Định, v.v...

Sinh trưởng ở Hà-Nội, chỉ có VŨ BẰNG, VŨ TRỌNG PHỤNG, NGUYỄN NHƯỢC PHÁP... PHẠM DUY THÔNG cũng sinh trưởng ở Hà-Nội, nhưng quê ở Hải-Dương.

Như vậy Hà-Nội « *Nghìn năm văn vật* » không sản xuất được nhiều nhân tài Văn nghệ, nhưng lại là nơi nung đúc các văn tài trong thời Tiền chiến.

Thời Tiền chiến, ảnh hưởng của văn hóa Pháp rất sâu rộng trong các giới trí thức, cho nên hầu hết các nhà văn nhà thơ Việt-Nam thời kỳ ấy đều hấp thụ văn

hóa Pháp và tất cả đều chịu ảnh hưởng của văn hóa ấy, không nhiều thì ít.

Ảnh hưởng của văn hóa Tàu có thể nói là đang lúc suy tàn : một vài nhà nho chính tông như cụ cử DƯƠNG BÁ TRẠC cụ Nghè NGÔ ĐỨC KẾ, v.v... chỉ viết báo và thiên về chính trị nhiều hơn. TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU là một trường hợp đặc biệt. Nguyên gốc Nho-học, ông biết tiếng Pháp chút ít thôi, cho nên văn thơ của ông theo cảm hứng hoàn toàn Việt Nam, với một ít phong độ của con nhà Nho « ngông nghênh ». Chính ông tự cảm thấy như cô độc giữa một « chợ văn » hầu hết là mang sắc thái của Văn hóa Âu Tây đang thịnh hành. Ảnh hưởng của văn hóa mới đã tràn ngập trong các báo sách của PHẠM QUỲNH, NGUYỄN VĂN VĨNH, NGUYỄN VĂN TỐ, TRẦN TRỌNG KIM, NGUYỄN VĂN NGỌC, BÙI KỶ, là những người thuộc về thế hệ tiền bối. Lớp thanh niên từ 1925 chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp càng nhiệt thành hơn. Mở đầu phong trào văn nghệ lãng mạn theo ảnh hưởng Pháp là một sinh viên trường Cao-đẳng Sư-phạm HOÀNG NGỌC PHÁCH. Quyển tiểu thuyết lãng mạn đầu tiên ra đời trong lúc ấy nhan đề *TỐ TÂM*, do ông viết ra, có một sức mạnh hấp dẫn vô cùng mãnh liệt và mau chóng, lôi cuốn cả một thế hệ thanh-niên nam nữ vào một đời sống tình cảm mới lạ. Quyển *TỐ TÂM* ngày nay không còn hấp dẫn nữa, vì nó đã bị các lớp trào lưu khác vượt quá nhanh, nhưng lúc bấy giờ nó là quyển truyện gối-đầu-giường của tất cả các tầng lớp thanh-niên ở các học-đường.

Ấy là thời kỳ mà sinh viên trường Cao-đẳng Hà-Nội

được coi như là đại diện cho lớp trí thức mới, được trọng vọng kính nể và âu yếm.

Ấy là thời kỳ mà một câu chữ Nho được truyền tụng trong đám nữ-sinh Trung-học và các thiếu nữ trong các gia đình thượng-lưu, quý-phái :

« Phi Cao đẳng bất thành phu phụ ».

(Không phải sinh viên trường Cao đẳng thì không thành vợ chồng).

HOÀNG HGỌC PHÁCH, tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm ra làm giáo sư, rồi không viết tiểu thuyết nữa. Tôi không được biết về sau nầy ông còn viết gì nữa không, nhưng dù có, cũng không còn tiếng vang, và tôi không có cơ-hội gặp ông để dò hỏi xem vì duyên cớ gì

Hầu hết các văn sĩ, thi sĩ kế tiếp Hoàng ngọc Phách cho đến năm 1939 là khởi sự chiến tranh, đều có trình độ học thức căn bản là « Cao đẳng tiểu học Pháp Việt » tức là Diplôme d'Etudes primaires supérieures franco-indigènes (quen gọi là bằng Thành Chung) hoặc Baccalauréat local (tú tài bản xứ) hay Baccalauréat métropolitain (Tú-tài Tây).

Một số nhà văn là cựu trợ giáo (Instituteur), hoặc đang dạy học, đã đỗ bằng Thành-Chung, như LAN KHAI NGUYỄN TRIỆU LUẬT, NGUYỄN CÔNG HOAN, KHÁI HƯNG. TÚ MỠ làm công-chức Sở Tài-chính Pháp,... hoặc cố sức học tương đương với bằng ấy, như NGUYỄN TUÂN, LƯU TRỌNG LƯ, LÊ VĂN TRƯƠNG, VŨ TRỌNG PHỤNG v.v.. NGUYỄN TƯỜNG TAM đỗ Cử-nhân Khoa học. Một số nhà văn khác có bằng Tú Tài Pháp, như VŨ BẰNG, VŨ NGỌC

PHAN hoặc là sinh viên trường Cao đẳng Luật khoa, như NGUYỄN NHƯỢC PHÁP, HUY THÔNG (lúc chưa du học sang Pháp), TỪ BỘ HỨA...

Một vài trường hợp đặc biệt ra ngoài thông lệ nầy, như NGUYỄN BÍNH, chưa học đến trình độ Thành Chung, MỘNG SƠN không có học trường nào hết, ANH THƠ thi rớt bằng Sơ học (Certificat d'Études primaires élémentaires).

Phần nhiều các nhà Văn đều có tự học thêm, mặc dầu đã thi đỗ được bằng cấp ở học đường, hoặc chưa đỗ đạt gì như Mộng Sơn có thầy dạy riêng cả Pháp Văn và Hán văn, Trương Tửu, nghiên cứu các sách Triết lý và Xã hội học, Nguyên Tuân nghiên cứu về sách cổ, Lưu trọng Lư ưa những sách Pháp dịch thơ Ấn Độ và thơ Nhật, Lan-Khai chuyên đọc các sách về khoa tâm lý và các tiểu thuyết của Paul Bourget và Pierre Benoît, Vũ trọng Phụng chuyên môn nghiền ngẫm các tiểu thuyết của Jack London và Maxime Gorki, v.v...

Hầu hết các nhà văn Tiền chiến đều ham mê đọc sách Pháp, nhất là các văn thơ Pháp từ Moyen-âge (Trung cổ) đến Thế kỷ XX.

Nhờ thông thạo Pháp ngữ, họ đọc được cả các sách dịch ra Pháp ngữ của các tác phẩm Hy Lạp, La Mã, Anh, Đức, Ý, Nga, Mỹ, Nhật, v.v... Những người có học Anh ngữ (từ Tú Tài trở lên đều) có đọc ít nhiều nguyên văn các tác phẩm của Anh, Mỹ, Ấn Độ, A Rạp.

Đó là đại đề căn bản văn hóa của một số đông các Văn sĩ, Thi sĩ thời Tiền chiến.

Do đó mà từ lối hành văn cho đến các nguồn cảm

hứng trong Văn thơ của họ đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của Văn học Âu Tây, nhất là Văn học Pháp của thế kỷ XIX và XX.

***

Hình như tiếng Pháp, với cách thức diễn đạt lời nói rõ ràng và tế nhị của nó, có một sức hấp dẫn khá mạnh mẽ đối với các từng lớp dân chúng Việt Nam hồi Tiền Chiến, từ những các anh em nam nữ học sinh Tiểu học cho đến các Tiến Sĩ, Thạc Sĩ văn chương, cho nên nó đã được gần như thông dụng khắp nơi. Cho đến cả trong ngôn ngữ thông thường nhiều tiếng Việt đã bị tiếng Pháp thay thế, bị tiếng Pháp chi phối, với sự đồng lõa lặng lẽ và gần như tự nhiên của mọi người. Cho đến đỗi không còn ai ngạc nhiên nữa khi người ta nghe một chị bán hàng rau ngoài chợ ưa nói chữ « *légumes* » mặc dầu đôi khi nói sai thành ra « *la ghim* », hơn là nói « rau », anh phu xe nói chạy một « *course* » (*một cuốc*), một « *tour* » — hơn là « chạy một chặng, một vòng » v.v...

Nhưng ham mê tiếng Pháp hơn hết, nhất là văn chương và tư tưởng Pháp, là các nhà trí thức, trong số đó dĩ nhiên có các nhà văn nhà thơ. Hầu hết các văn sĩ thi sĩ Tiền chiến tuy viết văn bằng Việt ngữ, nhưng vẫn thích chêm nhiều tiếng Pháp trong câu nói Việt Nam. Không kể những bậc tiền bối PHẠM QUỲNH, NGUYỄN VĂN VĨNH nhất là Nguyễn văn Vĩnh, chuyên môn nói tiếp Pháp cả trong những câu chúc mừng năm mới, trong những ngày Tết ta, mà đến cả Thế hệ các nhà văn trẻ tuổi 1925-1940, cũng ưa dùng tiếng Pháp trong khi trò chuyện với nhau.

Những nhà văn đã học đến bậc Tú tài và Đại học (phần nhiều là ở trường Cao đẳng Sư phạm và Cao đẳng Luật khoa) đều viết cả Việt văn và Pháp văn, như PHẠM HUY THÔNG, NGUYỄN NHƯỢC PHÁP, VŨ NGỌC PHAN, VI HUYỀN ĐẮC v.v... Một số người chuyên viết Pháp-văn như NGUYỄN TIẾN LÃNG, NGUYỄN MẠNH CƯỜNG, LÊ TÀI TRIỂN, NGUYỄN ĐỨC BÍNH, VŨ ĐÌNH DY v.v...

***

Như đã nói trên, hầu hết các nhà văn Tiền chiến, dù là đã viết Việt văn, đều thích nói Tiếng Pháp, chỉ khác là nói nhiều hay ít, thường xuyên hay thỉnh thoảng mà thôi. Đó là một căn-bệnh của thời-đại.

KHÁI HƯNG, LAN KHAI, LÊ VĂN TRƯƠNG, TRƯƠNG TỬU, NGUYỄN TUÂN, v.v... một đôi khi nói chuyện toàn bằng tiếng Pháp. Cho đến đổi tặng sách cho nhau cũng đôi khi đề bằng chữ Pháp. Thí dụ như hầu hết những quyển tiểu thuyết của Khái Hưng, Lan Khai, Nguyễn Tuân, Lê văn Trương gởi biếu các bạn trong làng văn, đều đề trên trang đầu một câu tiếng Pháp, đại khái :

Hommage cordial de l'auteur (do tác-giả thân ái tặng)

Cả Vũ trọng Phụng, Lưu trọng Lư cũng thế. Đó là một thời thức, thành ra một thói quen. Nếu các bạn cho rằng đó là một thói xấu, thì kẻ viết bài nầy xin thú nhận rằng chính nó cũng đã không tránh được thói xấu ấy.

Nhưng lúc bấy giờ vì tiếng Pháp đã được coi như là một mỹ-phẩm thông-dụng, nên các nhà văn tiền chiến

đã dùng nó cũng gần như một xa-xỉ phẩm của tinh thần, một món trang trí ngoại-quốc để tô điểm thêm phần thẩm mỹ đó thôi.

Đôi khi lạm dụng hình thức ấy cũng thành ra lố bịch thật, thí dụ như nữ sinh ANH THƠ, tác giả tập thơ *BỨC TRANH QUÊ*, chữ Pháp rất kém (thi rớt Tiểu học) mà cũng đề tặng tập thơ Việt rất có giá trị của nàng, bằng một câu chữ Pháp viết sai chính tả : « Homage cordial... » Chữ « Homage » nàng chỉ viết có một m. Nhưng đó là trường hợp hi hữu.

***

Đó là về hình thức. Nhưng hình thức ấy chính là tượng trưng tinh thần ham chuộng Pháp văn.

Ham chuộng Pháp văn cho nên hầu hết các nhà văn, nhà thơ thời Tiền chiến đều thích đọc sách Pháp. Những tác giả Pháp được các Văn sĩ, Thi sĩ Việt-Nam yêu nhất lúc bấy giờ là ở Thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX : Về thơ thì Hugo, Lamartine, Musset, Vigny, Chénier, Sully Prudhomme, Leconte de l'Isle, Verlaine, Baudelaire v.v... Về tiểu thuyết, thì Alexandre Dumas, P. Bourget, P. Benoît, Maxime Gorki, Anatole France...

Về kịch : Racine, Corneille, Sacha Guitry, Jules Renard, Courteline .. Về tác giả ngoại quốc khác, Virgile (Latin), Homère (HyLạp) Dante (Ý), Goethe (Đức), Schiller (Đức), Tolstoï (Nga), Dostoïewsky (Nga), Shakespeare (Anh), Edgar Poe (Mỹ), Tagore (Ấn-Độ), Omar Khayyam (Ba-Tư), Firdowsi (Ba-tư)...

Người ta thường thấy các nhà văn LAN KHAI, LƯU TRỌNG LƯ, VŨ BẰNG... nằm trong các tiệm thuốc phiện với những quyển sách Pháp, tiểu thuyết hoặc thơ, mới mua hoặc mượn trong Thư viện với tên sách in bằng chữ vàng trên gáy da ; LÊ VĂN TRƯƠNG, NGUYỄN TUÂN, NGUYỄN CÔNG HOAN, v.v... nằm trong các nhà hát ả-đào ở Khâm Thiên, Ngã tư sở, Vạn Thái, đầu thì gối trên bắp đùi mềm mại của mấy cô ả-đào mơn-mởn duyên tơ, tay thì cầm một quyển tiểu thuyết đạo đức của Anatole France, hay của Léon Tolstoi...! Sự thật không phải các nhà văn ấy muốn « vây » với « các em », nhưng vì họ mê một trang văn chương bướm bầy của Pháp cũng như mê nụ cười hoa lệ của các cô « tiểu thư », họ say sưa một vài câu thơ của Firdowsi, Virgile, cũng không kém một vài hơi mây gió ảo-huyền của nàng Tiên-Nàu vậy.

Tuy nhiên xin đừng tưởng rằng tất cả các nhà văn nhà thơ Tiền chiến đều ghiền thuốc phiện, hay ả đào, hay rượu. Đại khái có những nhà văn không bị « nhiễm » chứng ấy như NGUYỄN NHƯỢC PHÁP, PHẠM HUY THÔNG, VŨ BẰNG (anh nghiện thuốc phiện một thời gian rồi bỏ hẳn), VŨ TRỌNG PHỤNG, v.v... Có những người chỉ ghiền rượu nhưng rất ghét ả đào và thuốc phiện như TRƯƠNG TỬU. KHÁI HƯNG nghiện thuốc phiện nhưng không ưa ả đào NHẤT LINH cũng vậy. Thời kỳ chiến tranh, Nhất Linh bỏ thuốc phiện lại ghiền rượu. Rồi vài năm sau anh đã bỏ hẳn cả rượu. PHẠM QUỲNH không ghiền gì cả. NGUYỄN VĂN VĨNH ưa đánh tổ tôm, tài bàn. THẾ LỮ nghiện thuốc phiện. NGUYỄN TUÂN thì rượu. Một vài nhà văn rất thích đánh cờ tướng như LƯU TRỌNG LƯ, NGUYỄN TUÂN. Nhưng tuyệt nhiên, theo tôi biết, ít có nhà văn nào

ưa m' . khiêu vũ, trừ Tchya. Họ không thích trụy lạc vời mấy cô gái nhảy. Và lạ nhất là phần đông cũng không ham xi-nê. Thỉnh thoảng có phim nào thật hay, thật cảm động, có ý nghĩa về xã hội (*như LA MATERNELLE, QUEL EST LE COUPABLE ?...*) có ý nghĩa về hòa bình, nhân đạo (như *A l'OUEST RIEN DE NOUVEAU* của Erich Maria Remark, *L'AIGLON* của Ed Rostand) hoặc có nghệ thuật kỳ diệu (*như BLANCHE NEIGE* của Walt Disney, *LA RUÉE VERS L'OR* của Chaplin) thì họ mới đi coi. Chủ nhật, các nhà Văn thường đi chơi ngoài châu thành Hà-Nội như Chùa Láng, Nghi Tàm, Ô Cầu Giấy, Đền Voi phục, Hà Đông, Bạch Mai, Bưởi v.v... Họ chỉ đi chơi lang thang từng nhóm vài ba bạn thân thiết nhất trong làng Văn để chụp hình hoặc để bàn luận về Văn chương và ngắm phong cảnh. Hoặc họ đi với vài ba bạn gái, phần nhiều là các nữ sinh yêu mến văn thơ của họ. Những cuộc ngao du tâm tình nầy thường rất say sưa mơ mộng, có vẻ tiểu thuyết hơn là thực tế. Nhưng thường hơn hết là họ gặp gỡ thăm viếng lẫn nhau để trò chuyện về văn chương. Thỉnh thoảng mới bàn về chính trị. Những người hút thuốc phiện, thường không có bàn đèn ở nhà (trừ một số có tiền), nên họ nằm trong các tiệm quen ở các phố Hàng Buồm, Mã Mây, Hàng Gạch, Chợ Hôm và chỉ nằm ban đêm thôi. Ban ngày thường có những cuộc gặp gỡ thân mật tại các toà báo hoặc ở nhà riêng, nơi đây có rất nhiều các cuộc bàn bạc, phê bình, về các tác phẩm văn học mới xuất bản, hoặc trao đổi cảm tưởng về các tác phẩm của ngoại quốc mới qua. Hầu hết các nhà văn tiền chiến đều rất ghét ngồi nơi các tiệm ăn để nhậu nhẹt say sưa, nói chuyện nhảm nhí. Những kẻ ghiền rượu thì mua rượu về nhà uống với vài ba bạn đồng nghiệp. Có

những người thích uống rượu với thịt chó, như LƯU TRỌNG LƯ, NGUYỄN XUÂN HUY, LAN KHAI... TRƯƠNG TỬU thường say mèn bên mâm chả cá. NGUYỄN TUÂN thích uống rượu với thịt chuột. Còn TẢN ĐÀ thì bất cứ gặp món gì, lạc rang, nem, ớt, củ kiệu, thịt chim đều thích dụng được cả.

Có thể nói rằng Văn sĩ, Thi sĩ tiền chiến ở Hà Nội chia ra vài ba nhóm, nhưng không phải vì chủ trương Văn nghệ khác nhau, mà đúng hơn là vì sự giao du thân mật riêng biệt nhaa. Trừ ra nhóm TỰ LỰC VĂN ĐOÀN với KHÁI HƯNG, NHẤT LINH, THẾ LỮ, TÚ MỠ, HOÀNG ĐẠO..., mấy anh nầy muốn tách hẳn ra, không chơi chung với ai hết, còn thì không có « Văn đoàn » nào khác cả.

Đôi khi người ta gọi nhóm TIỂU THUYẾT THỨ BẢY chỉ vì một số nhà văn viết truyện dài truyện ngắn bán cho ông chủ nhiệm tập san *TIỂU THUYẾT THỨ BẢY* chứ không phải các nhà văn ấy quy tụ lại thành một văn phái. Viết cho *TIỂU THUYẾT THỨ BẢY* thì nhiều cây bút lắm, nhưng thay đổi bất thường như LAN KHAI, LƯU TRỌNG LƯ, TCHYA, THANH CHÂU, VŨ BẰNG, NGUYỄN CÔNG HOAN, NGUYỄN TRIỆU LUẬT v.v... hễ gặp báo nào thuận tiện thì viết cho báo ấy, được nhà xuất bản nào mua bản quyền khá hơn thì bán bản thảo cho nhà xuất bản ấy. Thế thôi. Nhưng theo sự giao du thân mật và riêng biệt, người ta có thể đếm đại khái những « nhóm » như sau đây : Nhóm Lan Khai, Đỗ thúc Trâm, Vũ trọng Phụng ; Nguyễn triệu Luật... Nhóm Lưu trọng Lư, Lê tràng Kiều Nguyễn xuân Huy, Nguyễn Tuân... Nhóm Phạm huy Thông, Nguyễn nhược Pháp v.v...

Dĩ nhiên là làng văn đều quen thân với nhau tất cả nhưng những nhà văn ở mỗi nhóm chơi thân mật với nhau hơn, tri kỷ với nhau hơn, cùng nhau hội họp, hoặc đi chơi với nhau thường xuyên hơn. TRƯƠNG TỬU thì thường ở với tôi hoặc đi với LÊ VĂN TRƯƠNG.

Viết văn cũng mỗi người có mỗi lối viết, TRƯƠNG TỬU lúc viết rất nghiêm nghị, trầm mặc hằng giờ, viết xong mới nghỉ. Trái lại, LƯU TRỌNG LƯ viết một lúc, rồi bỏ bút đi lang thang, rồi trở lại viết nữa. Có khi anh trở vào bàn thì tờ giấy đang viết dang dở đã bị gió cuốn bay đâu mất, anh lục lọi vài nơi, la hét vài câu rồi ngồi xuống viết lại trên tờ giấy khác. Lưu trọng Lư những lúc làm thơ y như người mất trí, nhìn vơ vẩn, cười ngơ ngẩn, đi thơ thẩn... có khi nói lảm nhảm trong mồm. LAN KHAI cứ viết vài trang phải bỏ bút xuống đi hút một hơi thuốc lào cho đã nghiền. PHẠM HUY THÔNG ngồi làm thơ, đầu tóc bờm xờm, với cặp kiếng cận thị đóng chặt trên tờ giấy, như Jean Cocteau. NGUYỄN NHƯỢC PHÁP vừa viết vừa tủm tỉm cười một mình, với cái miệng như móm.

Viết mà xóa bỏ nhiều nhất là LAN KHAI, và NGUYỄN TUÂN. Tôi đã thấy một trang nháp của Lan Khai, sửa chữa rậm rì rậm rịt, đọc không ra chữ. Nguyễn Tuân có cho tôi mấy trang bản thảo thứ nhất của *VANG BÓNG MỘT THỜI*, tôi cũng không đọc trôi một câu nào. Viết mà không sửa chữa gì mấy, nhiều trang cứ suôn đuột một mạch từ trên xuống dưới không chấm câu là LÊ VĂN TRƯƠNG. Còn VŨ TRỌNG PHỤNG thì có nét chữ lý tý, lý tý, và đều đều, thỉnh thoảng mới xóa bỏ vài chữ, vài

câu. Anh ấy đang ngồi viết mà ai đột ngột bước vào nhà thì anh đến ghét, không thèm chào hỏi. Có khi anh bỏ khách ngồi trong xó, ngồi chán rồi đứng dậy đi ra. Mặc kệ.

Về tình cảm, có thể nói tổng quát rằng số đông văn thi sĩ Tiền chiến đều lãng mạn nhưng không trụy lạc, không bị đời sống bê bối làm cho con người hư hỏng, về tư cách cá nhân cũng như về tinh thần hay thể chất.

Trừ một số Nhà Văn có chức nghiệp khác, công chức, giáo viên, hoặc có gia đình hẳn hoi, hoặc sống trong một khuôn khổ trưởng giả nào đấy, như NGUYỄN VĂN VĨNH, NGUYỄN CÔNG HOAN, TÚ MỠ, VŨ NGỌC PHAN, PHẠM HUY THÔNG v.v... còn đa số thích sống cuộc đời tự do phóng túng, xa gia đình, hoặc không thích ở trong khuôn khổ gia đình, như LAN KHAI, VŨ BẰNG, LƯU TRỌNG LƯ, NGUYỄN TUÂN, TRƯƠNG TỬU v.v... Họ thích sống lang thang, nay đây mai đó, « lang bạt kỳ hồ », đời sống của những kẻ mà anh em thường gọi là « Bohémiens » phiêu-lưu tử. TRƯƠNG TỬU lặng lẽ theo gót một người yêu (đã có chồng làm nghề xem tướng số) từ Hà Nội, xuống Hải Phòng, đi Đồ Sơn, biệt tích hơn một tháng trời, gia đình và bạn làng Văn chẳng ai biết anh đi đâu. Nhưng lúc trở về Hà Nội, anh đem theo về bản thảo một quyển sách nghiên cứu văn học mà anh viết trong một chòi lá ở bãi biển Đồ Sơn, bên cạnh « người yêu của một tháng ». Và chỉ một tháng thôi. VŨ BẰNG gắn bó khá lâu với một bà tình nhân lớn tuổi hơn anh, và cũng nhờ đó mà đã viết ra nhiều chuyện ngắn rất hay. NHƯỢC PHÁP đeo đuổi một cô nàng mà anh chỉ say mê vì một

chiếc áo đen và đôi mắt đen như hai hạt huyền. Vì nàng mà anh có viết mấy bài thơ tuyệt diệu.

Xét kỹ, thấy rằng đại đề những cuộc tình duyên của Văn Thi Sĩ Hà-Nội hồi Tiền chiến gần như hình ảnh của những cuộc tình duyên lãng mạn của các Văn Thi Sĩ Âu châu hồi thế kỷ XIX, như LAMARTINE, HUGO, MUSSET, ALEXANDRE DUMAS, BALZAC, G. SAND, CHATEAUBRIAND chẳng hạn. Những cuộc tình duyên ấy lý kỳ, lý thú, có vẻ « tiểu thuyết », thơ-mộng nhiều hơn là thực tế.

Một bài thơ, một quyển truyện của các anh ấy phần nhiều là đầu dây mối nhợ của những gặp gỡ ngẫu nhiên, mà chính họ cũng không ngờ. TẦN-NGỌC của HUY THÔNG, THANH của NHƯỢC PHÁP, MỘNG HOÀNG của VŨ ĐÌNH DY, TUYẾT ANH của LAN KHAI, ANGÈLE của TCHYA, LAN của NGUYỄN TUÂN v. v... và v.v... đều là những nhân vật xinh đẹp tuyệt trần mà người ta chỉ có thể gặp được trong văn chương mà thôi, vì họ lộng lẫy như Tiên, ảo huyền như Mơ, rực rỡ như Sao, vì họ là hình ảnh của Văn thơ, và họ chỉ có thể là những người yêu của Văn sĩ Thi sĩ mà thôi. Đến khi chạm phải các khía cạnh của thực tế, các cuộc tình duyên kia dù phải tan vỡ, nhưng bóng dáng yêu kiều của ai ai, nụ cười duyên dáng, đôi mắt mộng huyền, vẫn còn mãi mãi trong Thi văn của Thời đại.

Các bạn cứ tin rằng đa số các nhân vật phụ nữ đáng yêu nhất mà các bạn gặp trong các quyển tiểu thuyết của thời Tiền chiến và trong những bài thơ du dương thuở ấy, đều không phải hoàn-toàn do ngòi bút

của các văn thi sĩ thêu dệt ra đâu. Các hình ảnh diễm lệ kia hiện lên trong nét chữ, trên vần thơ, là bởi Thượng đế đã đặt họ vào đấy, để cho nhà Văn nhà Thơ, trong giấc mơ say huyền linh của Văn nghệ, nhìn họ mà ca ngợi những cảnh đẹp trên trần ai, và cũng nhìn họ mà than khóc những đau khổ của loài người, những đoài đoạn bi thương của xã hội.

ANGÈLE, TUYẾT ANH, MỘNG HOÀNG, TẦN NGỌC... và các nàng Thơ khác, cũng như Elvire, như Mme de BOVARY, đâu có phải là người yêu của các Văn sĩ, Thi sĩ. Họ chính là hồn thiêng liêng của Thượng đế. Họ chính là ngấn lệ sầu bi hoặc nụ cười an ủi của thế-gian.

Xét về Văn học sử, người ta có thể nói chung rằng thời kỳ 1925-1940 là Thời kỳ văn chương lãng mạn, theo đúng nghĩa « lãng man » trong văn học Pháp, Anh, Ý, Đức, hồi Thế kỷ XIX. Điều đó rất dĩ nhiên, vì thế hệ văn nhân thi sĩ Việt Nam ra đời sau đệ nhất Thế chiến đã chịu ảnh hưởng của văn học Âu Tây rất sâu đậm của Thế kỷ trước. Vả chăng, không những riêng ở Việt Nam mà cả văn học sử của các nước Á Đông vừa tiếp xúc với Âu Tây. nhất là Nhật Bổn, Nam Dương, Trung Hoa, Thái Lan, Ấn Độ, đều chịu ảnh hưởng của văn chương và tư tưởng Âu Tây đồng một loạt như nhau cả. Thời kỳ mà nước ta nẩy ra phong trào « THƠ MỚI » và Tiểu thuyết lãng mạn thì văn học sử Nhật Bổn cũng đang trải qua phong trào *SHINTAISHI*, ở Nam Dương phong trào *PUDJANGGA BARU*, ở Xiêm đã có từ Thời đại *NARAI*, chịu ảnh hưởng Văn học Pháp của thời Louis XIV. Bởi làn sóng văn chương lãng mạn của Thế kỷ XIX Âu Tây

không riêng gì của Pháp, mà cả Anh, Ý, Đức, Hòa-Lan tràn qua Á đông trễ gần một Thế kỷ, đến khi nó ào ạt ngập cả địa hạt văn chương và tư tưởng Việt-Nam và Đông Nam-Á, thì sức lôi cuốn của nó vô cùng mãnh liệt.

Hậu quả là sự xuất hiện thế hệ văn sĩ thi sĩ lãng mạn giữa hai Thế chiến.

Lãng mạn trong văn thơ, lãng mạn trong tư tưởng, lãng mạn cả trong đời sống tinh thần và vật chất của Văn nhân.

***

Tuy nhiên, sinh trưởng nơi nguồn gốc Nho-giáo và Phật-giáo, các nhà văn nhà thơ Việt-Nam vẫn còn giữ được phong độ con nhà Nho. Có điều rõ rệt là Thế hệ văn-sĩ thi-sĩ Việt Nam thời Tiền Chiến không chịu ảnh hưởng của Thiên-Chúa-Giáo.

Trừ một số rất hiếm trong đó đặc biệt có HÀN MẶC TỬ ở Qui Nhơn (Miền Trung) là người Thiên Chúa Giáo, còn thì hầu hết làng văn ở Hà Nội thời bấy giờ đều là những người có gốc Nho giáo và Phật giáo.

Bởi vậy, không những trong văn thơ mà cả trong đời sống tinh thần và vật chất, làng văn ở Bắc Việt vẫn dung hòa được tư tưởng lãng mạn, phóng đãng, trong văn chương Pháp với nề nếp lễ giáo cổ truyền của dân tộc ta.

Hai chữ LÀNG VĂN rất là thông dụng thời bấy giờ, « làng » chính là ngụ ý đại gia đình, ý nghĩa anh em

thân thuộc, Cho nên, trong sự thù tiếp xã giao, anh em trong làng văn làng thơ Bắc-Hà vẫn giữ được một chút tình thân thiện rất quý. Thí dụ như việc đổi báo và biếu sách cho nhau.

Một bạn chủ trương một tờ báo bất luận hằng tuần hay hằng tháng, là rất sẵn sàng vui vẻ trao đổi với tờ báo khác của bạn đồng nghiệp, mặc dầu không đồng một khuynh hướng hay một tôn chỉ. Không so đo giá tiền hơn thua. Không câu nệ vì tổn phí lặt vặt. Chỉ giữ tình đồng nghiệp cho tốt đẹp là được rồi. Nhờ vậy các báo vẫn được trao đổi lẫn nhau, hoặc biếu cho những bạn không có báo, và tình thân hữu văn hóa vẫn duy trì được mãi mãi giữa anh em làng văn. Mặc dù có cuộc bút chiến về lý tưởng, về văn nghệ, về tôn chỉ, hai tờ báo vẫn không vượt qua lễ độ của « con nhà văn ».

Đó là nói về phần đông. Dĩ nhiên cũng có vài ba người đứng hẳn ra ngoài vòng xã giao thanh nhã ấy, và đối với anh em, họ vẫn muốn « riêng biệt » trên một địa điểm để họ tự phụ với bộ mặt kiêu căng, mặc dầu trình độ học thức và tài năng của họ cũng chẳng hơn ai.

Về việc biếu sách cũng thế. Mỗi khi một bạn làng văn vừa xuất bản một quyển sách, thì hầu hết các nhà văn nhà thơ đã quen biết nhau và thân nhau, đều nhận được một quyển sách tặng. Ít khi do nhà xuất bản biếu. Chính tác giả viết lời tặng đàng hoàng thân mật, trân trọng ký tên, rồi mới nhờ nhà xuất bản gởi đến tận tay các nhà văn. Vì thế, một quyển sách ra đời, là được anh em sốt sắng giới thiệu ngay và được nhiều báo nói đến, phê bình, khích lệ.

Lối biếu sách mà gởi đến các báo, với mỗi một con dấu đóng «sách biếu», chớ không có một lời đề tặng ân cần, không có chữ ký của người gởi tặng, như người ta thấy hiện nay, tuyệt nhiên không bao giờ có trong thời Tiền chiến. Và các nhà Văn của các nước văn minh tân tiến cũng không bao giờ tặng tác phẩm của mình theo kiểu đó.

Trong các hợp đồng xuất bản giữa tác giả và nhà xuất bản, đều có ghi rằng, ngoài số tiền bản quyền, tác giả còn được một số sách đặc biệt để tặng các bạn làng văn, và các thân hữu.

Thường thường số sách tặng nầy đều được in trên các loại giấy đẹp, glacé, surglacé, vergé baroque crême, alpha, impérial, Japon, bouffant, v.v...

Thời tiền chiến, nhà văn ít khi gởi tặng những quyển sách in trên giấy thường là những sách để bán. Ngày sách được phát hành là một ngày long trọng. Thường thường nhà xuất bản mời tác giả và một số văn hữu thân nhất của tác giả đến nhà dự một bữa tiệc kỷ niệm. Chính trong bữa tiệc ấy, tác giả ký tên để tặng sách của mình. Ấy là những giờ phút cảm động đón mừng đứa con tinh thần được ra chào đời, và trình diện với các bạn Thi Văn.

Rồi ngày hôm sau chính các bạn ấy niềm nở giới thiệu nó với công chúng.

***

Có thể nói rằng làng văn Việt Nam hồi Tiền Chiến không có đông lắm. Nguyên nhân cũng dễ hiểu. Vì đại đa số người trí thức đều vào làm việc trong các công sở, được lương bổng tương đối khá đầy đủ so với nếp sống chung của dân tộc.

Chỉ còn lại những người nào quá ham chuộng văn chương mới tách ra ngoài để viết văn. Trừ một vài ngoại lệ, như Anh Thơ, Nguyễn Bính, còn thì đa số các nhà văn thơ hồi bấy giờ đều có căn bản học thức và văn hóa khá vững vàng.

Như các bạn đã biết, ảnh hưởng của văn chương và tư tưởng Pháp đã đóng một vai trò quan hệ trong việc nẩy nở các tài năng văn nghệ hồi tiền bán thế kỷ XX.

NGUYỄN KHẮC HIẾU là một trong thiểu số đại diện cuối cùng của văn chương Việt-Hán. Nhiệm kỳ lịch sử của phái nầy đã mãn, nhường bước cho lớp thanh niên Âu học đã được ít nhiều tẩm nhuần văn chương tư tưởng Âu Tây, hăng hái đem vào thi văn của dân tộc một thời thức mới về cách phô-diễn, về cảm tình, về tư tưởng.

Đám người mới nầy rất say sưa với văn nghệ. Hầu hết đã gạt bỏ những hào nhoáng vật chất, những thích thú tầm-thường về tiền tài, danh vọng, để xả thân vào lý tưởng phục vụ cho trí óc. Họ không phải là những kẻ đã thất vọng ngoài đời thực tế, những kẻ đã hư hỏng hoặc những chàng thất nghiệp không nơi nương tựa, ôm cây bút mà nhảy đại vào làng văn để kiếm chỗ dung thân.

Nói thực ra bởi vì làng văn là một địa hạt phiếu diễn mênh mông, mở rộng ra bốn gió, tiếp đón nhân tài bốn phương không có hàng rào, không có biên giới, cho nên cũng có một số người vào đấy để lập thân, nhưng dần dần bị thời gian sa thải, hoặc bị hất trong bóng tối, bị chìm rơi trong quên lãng. Có lẽ tại vì những người ấy thiếu các khả-năng văn hóa chăng? Dù sao, lịch sử văn học cũng đã chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng luật đào thải thiên nhiên không thu nạp những kẻ kém tài năng và kém căn-bản văn hóa trong địa hạt thanh cao của văn chương và tư-tưởng.

Như các bạn đã biết, hầu hết các nhà Văn Thơ Tiền Chiến đều có một trình độ học thức có thể gọi là khá cao. Nhờ sự cố gắng tự học thêm sau khi thi đỗ các bằng cấp, và cố gắng trau giồi văn hóa ngoài chương trình học vấn của học đường, đọc nhiều các sách báo ngoại ngữ, hiểu biết khá sâu rộng về các môn văn học, sử học và triết học Đông Tây, rút được một số kinh nghiệm mới về nghệ thuật viết văn, nghĩa là nghệ thuật phô diễn tư tưởng. Các nhà Văn Thơ ấy đã tỏ ra thèm khát các món ăn tinh thần đến cao độ, và đã hấp thụ được khá nhiều các tinh túy văn hoa kim cổ. Đó là những hạt giống quý báu mà họ đã lượm được qua mấy nghìn năm văn hóa của loài người. Tài năng chỉ là một miếng đất thiên nhiên của Thượng đế đã ban riêng cho họ, để họ gieo rắc những hạt giống kia vào, để rồi chúng ta được thấy nẩy nở cả một mùa Văn Thơ phong phú, bất diệt, phảng phất bao nhiêu hương sắc đậm đà, bát ngát, thơm tươi, trong vườn hoa văn nghệ của giống nòi.

Họ say mê lý tưởng Văn nghệ, cho đến đỗi một số đông các Văn Thi sĩ Tiền chiến đã sẵn sàng gạt bỏ hết những xa hoa của danh vọng, của chức tước, và khinh mạn cả uy quyền của chế độ đương thời. Người ta thấy, thí dụ như NGUYỄN NHƯỢC PHÁP, PHẠM HUY THÔNG thi đỗ Cử nhân Luật, mà vẫn không đi làm việc cho chính phủ ; KHÁI HƯNG, LAN KHAI, NGUYỄN TRIỆU LUẬT bỏ nghề giáo viên, NGUYỄN TUÂN từ chối hết các chỗ làm v. v... để phụng sự hoàn toàn cho Văn nghệ.

Mặc dầu hồi tiền chiến cuộc sinh hoạt chung trong nước không đến nỗi khó khăn lắm, và nghề xuất bản sách tương đối còn khá hơn ngày nay nhiều, nhưng ngòi bút vẫn không sao nuôi được nhà văn và đa số Văn sĩ, Thi sĩ chỉ biết sống ngày nào là hay ngày nấy.

Tuy nhiên, hình như các nhà văn thích sống như thế hơn. Đời sống tinh thần, tự do phóng túng, đầy thi vị, thích hợp với tâm tình của họ và lý tưởng của họ hơn. Quan niệm chung của các lớp Văn Thi sĩ Tiền chiến, về tư cách của « con nhà Văn », là giữ tinh thần được thanh cao trong lãng mạn, thanh cao trong tự do phóng đãng, thanh cao cả trong truy lạc vật chất nữa.

Vì thế nên chính quyền thuộc địa của người Pháp không bao giờ mua chuộc được các Văn Thi sĩ hồi Tiền chiến. Trừ ra một vài cá nhân hầu như đã cam kết phục vụ cho chính sách của « Nhà Nước Bảo Hộ », — như PHẠM QUỲNH, NGUYỄN TIẾN LÃNG... còn thì tất cả các nhà văn khác, đều đứng biệt lập trên một địa điểm

hoàn toàn Văn hóa. Nghèo như NGUYỄN-VĂN-VĨNH, nợ nần lung tung, nhà cửa bị hăm dọa tịch biên mấy lần, ấy thế mà ông chủ nhiệm báo *L'ANNAM NOUVEAU và Đông Dương tạp-chí* vẫn cương quyết từ chối một mề đay vẻ vang nhất của Pháp, là « Bắc đẩu Bội tinh » mà chính phủ Pháp tặng ông, và một món tiền phụ cấp.

NGUYỄN KHẮC HIẾU, suốt trong thời kỳ cơ cực, vẫn không hề ngửa tay nhận lấy một ân huệ gì của Phủ Toàn Quyền. Mãi sau khi Thi sĩ đã chết rồi, bà vợ của ông mới nhận một môn bài bán rượu do Nguyễn-tiến-Lãng, là em ruột của bà, xin Phủ Toàn Quyền cấp dưỡng cho.

Không hề có những nhà văn chạy theo « bợ đít » Chính quyền thuộc địa. Không có những kẻ bần tiện bỉ ổi chuyên môn đi « liếm gót giày » — des lèche-bottes — của các quan Nam triều hay của Pháp. Không có « những nhà Văn ăn tiền của Chính Phủ ». Tất cả là nhà văn ăn rau muống của nhân dân, những nhà văn của dân tộc. Những nhà Văn Việt Nam. Thời Tiền-Chiến không có Văn-hóa nô-bộc.

Trái lại, phần đông Văn sĩ, Thi sĩ Tiền chiến đều có tinh thần quốc gia rất mạnh. Trừ một số ít khi quan tâm đến quốc sự, như Lưu trọng Lư, Thế Lữ, Nguyễn công Hoan, Lê văn Trương v. v... còn thì hầu hết đều thiết tha một hoài bão tự do độc lập cho Quốc Gia. Những người như LAN KHAI, VŨ TRỌNG PHỤNG, KHÁI HƯNG, NGUYỄN TRIỆU LUẬT, nếu có chiến tranh, đều sẵn sàng « xếp bút nghiên mà lo việc binh đao ».

Chứng cớ đau nhất là từ 1945 về sau, một số khá đông Văn Thi sĩ Tiền chiến phải đi ở tù, hoặc đã bỏ mình ngoài trận địa, hoặc chết dưới gươm đao của kẻ thù.

Có điều nầy mới nghe hình như mâu thuẫn, mà chính là một thực tế rất tốt đẹp, là các Văn Thi sĩ Tiền chiến hấp-thụ được rất nhiều các tinh hoa Văn nghệ Pháp, thấm nhuần rất nhiều những tư tưởng Pháp, họ rất yêu chuộng các Văn sĩ, Thi sĩ Pháp cũng như các Văn sĩ Tây Âu, ấy thế mà họ vẫn không chịu cho người Pháp cai trị Đông Dương, họ vẫn có hoài vọng đánh đuổi người Pháp ra khỏi Đất Nước, để thu hồi độc lập cho Quốc Gia.

Bởi vì tinh thần quốc gia chủng tộc bao giờ cũng mạnh hơn Văn hóa. Xưa kia các cụ nhà ta học chữ Hán, làm thơ Hán, viết văn Hán, ca ngợi các nhà thơ Tàu. và chuyên môn theo nề nếp của Tàu, thế mà trải qua các Triều Đại, vẫn không chịu cho người Tàu cai trị. Ngày nay cũng thế. Các Văn Thi sĩ Việt-Nam có thể rất yêu chuộng RONSARD, CORNEILLE, VICTOR HUGO, LA COMTESSE DE NOAILLES, COLETTE, SACHA GUITRY..., nhưng nhất định không muốn có một ông Toàn quyền Pháp ngồi trên đầu Tổ-quốc của ta.

Tôi đã nói : trừ một vài cá nhân, còn thì hầu hết các nhà Văn nhà Thơ Việt-Nam thời kỳ Pháp đô hộ, dẫu có yêu chuộng Văn Thơ Pháp đến mức nào chăng nữa cũng không bao giờ chịu cho nòi-giống mình bị kiềm chế dưới ách nô lệ của thực dân Pháp. Văn hóa là văn hóa, chính trị là chính trị. Tính chất trường tồn bất

diệt của Văn hóa chính là ở chỗ đó. Nhà Văn sĩ chân chính của Dân tộc chỉ quan niệm Văn hóa là phục vụ cho chân lý thuần túy, cho Nghệ thuật tuyệt vời, cho tư tưởng cao siêu. Nhà Văn sĩ của Dân tộc không bao giờ chịu đem Văn hóa mà quy lụy dưới một chánh thể nào, một uy quyền nào cả.

Vì vậy, ở các nước văn minh tân tiến, chính quyền thông cảm nhiệm vụ thiêng liêng của nhà Văn và rất kính trọng các nhà Văn. Còn ở nước ta, dưới thời đô hộ Pháp, giữa các nhà Văn nhà Thơ Việt-Nam với chính quyền thuộc địa có sự cách biệt hoàn toàn. Người Pháp không để ý đến lớp Văn sĩ mà họ không mua chuộc được, còn nhà Văn thì không muốn có một liên hệ gì với chính phủ Thuộc địa mà họ không ủng hộ trong nguyên tắc, không tán thành trong lý tưởng.

Nhà Văn Tiền chiến chỉ sống riêng trong nếp sống của Dân tộc mà thôi.

***

THỜI GIAN kể từ 1925 đến 1940, chỉ trong khoảng 15 năm ấy, là Hoàng-Kim thời đại của Văn học sử Việt Nam hồi tiền bán thế kỷ XX. Ấy là thời kỳ mà các nhà Thơ nhà Văn sống cuộc đời tự do phóng túng nhất, và sản xuất được nhiều tác phẩm nhất, đủ các bộ môn.

Vả lại, cũng đúng vào thời kỳ mà Văn học sử Nhật, Nam Dương, Ấn Độ, đang bành trướng mãnh liệt theo làn sóng lãng mạn mới mẻ và xôn xao của Văn học Âu Tây, thế kỷ XIX, nghĩa là với sự chậm trễ gần một thế kỷ.

Bởi nếp sống tự do lãng mạn ấy, nên đám Văn Thi sĩ Tiền chiến không chịu tự giam hãm trong khuôn khổ chật hẹp nào của cổ điển.

Về Văn thơ, họ vội vã thoát ra ngoài bốn bức tường nặng nề và đồ sộ của Thơ cũ, của « văn xưa », và họ ùa nhau tản mác trên một cánh đồng bao la bát ngát hơn, đầy hương sắc muôn màu, nhạc tơ muôn điệu, mà họ gọi là « THƠ MỚI », « VĂN MỚI », mặc dầu chính họ cũng chưa biết rõ đích thị nó là cái gì. Họ gán cho nó ý nghĩa và danh từ « mới » chẳng qua để phân biệt với cái cũ mà thôi, chứ bảo họ phân tách và giảng giải thế nào là THƠ MỚI, thế nào là VĂN MỚI, họ cũng chỉ đáp lại bằng một nụ cười hồn nhiên, mơ mộng.

Họ đang say sưa hoan lạc như những kẻ mới tìm ra Châu Mỹ, và lần đầu tiên bước chân trên một mảnh đất mới mà do một tiền định gần như ngẫu-nhiên của Lịch-sử đã đưa đẩy chiếc thuyền họ cập bến, họ ngơ ngác reo to lên : « Một thế giới mới ! ».

Và họ đuổi theo ảnh tượng của những chân trời mới lạ.

Cả phong trào lãng mạn của Văn chương Tiền chiến Việt-Nam, tóm lại, chỉ là một cuộc phiêu lưu vĩ đại, bất ngờ, đầy những vinh quang.

Nhận xét đúng mức như vậy, chúng ta mới hiểu rõ phong độ của các nhà Văn Thơ Tiền chiến, và tính chất tự do phóng túng của họ.

Đời sống tinh thần của họ chỉ là phản ảnh dĩ nhiên của hiện trạng lịch sử và tâm lý xã hội thời bấy giờ.

Một dịp khác, — trong một quyển sách nghiên cứu tường tận hơn nữa về lịch trình tiến triển của Văn chương và Tư tưởng Việt Nam, — chúng tôi sẽ nhận xét và phân tách tỉ mỉ những mâu thuẫn và những nhịp điệu điều hòa của thời đại Hoàng-Kim ấy, giữa mới và cũ.

Nơi đây, chúng ta chỉ nên ngó phớt qua tính chất đại cương của một hiện tượng, để hiểu rõ lý do tạo ra đời sống tự do lãng mạn của Thi Văn sĩ Việt Nam hồi tiền bán Thế kỷ. Bởi họ muốn vượt ra các khuôn khổ cổ điển, nên mới có những trái ngược lạ thường. Họ vẫn công nhận được một ANDRÉ MAUROIS, một ANATOLE FRANCE. mà cũng say mê một ANDRÉ GIDE — (Gia đình ơi, ta ghét mi ! — Famille, je te hais !), cả một NIETZCHE, một MALLARMÉ, một PAUL ELUARD !

Cho nên khi NGUYỄN VĂN VĨNH từ giã vợ con đi phiêu lưu trên đất Lào với một bạn đồng nghiệp Pháp, để tìm vàng trên dòng sông Mékong, rồi chết luôn bên ấy, các nhà Văn đương thời thương ông chính vì cuộc phiêu lưu giang hồ của ông đã mang vết tích vẻ vang của thời đại. Nguyễn văn Vĩnh đã ngã gục giữa oanh liệt của thời lãng mạn.

NGUYỄN TUÂN cũng vậy, anh đã xách va-li đi mấy lần. Dù không đi đâu xa, ra khỏi Hà Nội, ít nhất cũng đi đến ga xe lửa rồi xách va li trở về ! HUY THÔNG chỉ ngày đêm mơ tưởng tiếng địch sông Ô. Mộng Sơn ở nơi rừng núi của Phủ Lạng Thương, ham mê phi ngựa trên các đồi sim, dưới lớp sương mù, đuổi theo một thần tượng xa xăm. LAN KHAI ngồi trên bờ hồ Trúc Bạch mà mắt

Bởi nếp sống tự do lãng mạn ấy, nên đám Văn Thi sĩ Tiền chiến không chịu tự giam hãm trong khuôn khổ chật hẹp nào của cổ điển.

Về Văn thơ, họ vội vã thoát ra ngoài bốn bức tường nặng nề và đồ sộ của Thơ cũ, của « văn xưa », và họ ùa nhau tản mác trên một cánh đồng bao la bát ngát hơn, đầy hương sắc muôn màu, nhạc tơ muôn điệu, mà họ gọi là « THƠ MỚI », « VĂN MỚI », mặc dầu chính họ cũng chưa biết rõ đích thị nó là cái gì. Họ gán cho nó ý nghĩa và danh từ « mới » chẳng qua để phân biệt với cái cũ mà thôi, chứ bảo họ phân tách và giảng giải thế nào là THƠ MỚI, thế nào là VĂN MỚI, họ cũng chỉ đáp lại bằng một nụ cười hồn nhiên, mơ mộng.

Họ đang say sưa hoan lạc như những kẻ mới tìm ra Châu Mỹ, và lần đầu tiên bước chân trên một mảnh đất mới mà do một tiền định gần như ngẫu-nhiên của Lịch-sử đã đưa đẩy chiếc thuyền họ cập bến, họ ngơ ngác reo to lên : « Một thế giới mới ! ».

Và họ đuổi theo ảnh tượng của những chân trời mới lạ.

Cả phong trào lãng mạn của Văn chương Tiền chiến Việt-Nam, tóm lại, chỉ là một cuộc phiêu lưu vĩ đại, bất ngờ, đầy những vinh quang.

Nhận xét đúng mức như vậy, chúng ta mới hiểu rõ phong độ của các nhà Văn Thơ Tiền chiến, và tính chất tự do phóng túng của họ.

Đời sống tinh thần của họ chỉ là phản ảnh dĩ nhiên của hiện trạng lịch sử và tâm lý xã hội thời bấy giờ.

Một dịp khác, — trong một quyển sách nghiên cứu tường tận hơn nữa về lịch trình tiến triển của Văn chương và Tư tưởng Việt Nam, — chúng tôi sẽ nhận xét và phân tách tỉ mỉ những mâu thuẫn và những nhịp điệu điều hòa của thời đại Hoàng-Kim ấy, giữa mới và cũ.

Nơi đây, chúng ta chỉ nên ngó phớt qua tính chất đại cương của một hiện tượng, để hiểu rõ lý do tạo ra đời sống tự do lãng mạn của Thi Văn sĩ Việt Nam hồi tiền bán Thế kỷ. Bởi họ muốn vượt ra các khuôn khổ cổ điển, nên mới có những trái ngược lạ thường. Họ vẫn công nhận được một ANDRÉ MAUROIS, một ANATOLE FRANCE, mà cũng say mê một ANDRÉ GIDE — (Gia đình ơi, ta ghét mi ! — Famille, je te hais !), cả một NIETZCHE, một MALLARMÉ, một PAUL ELUARD !

Cho nên khi NGUYỄN VĂN VĨNH từ giã vợ con đi phiêu lưu trên đất Lào với một bạn đồng nghiệp Pháp, để tìm vàng trên dòng sông Mékong, rồi chết luôn bên ấy, các nhà Văn đương thời thương ông chính vì cuộc phiêu lưu giang hồ của ông đã mang vết tích vẻ vang của thời đại. Nguyễn văn Vĩnh đã ngã gục giữa oanh liệt của thời lãng mạn.

NGUYỄN TUÂN cũng vậy, anh đã xách va-li đi mấy lần. Dù không đi đâu xa, ra khỏi Hà Nội, ít nhất cũng đi đến ga xe lửa rồi xách va li trở về ! HUY THÔNG chỉ ngày đêm mơ tưởng tiếng địch sông Ô. Mộng Sơn ở nơi rừng núi của Phủ Lạng Thương, ham mê phi ngựa trên các đồi sim, dưới lớp sương mù, đuổi theo một thần tượng xa xăm. LAN KHAI ngồi trên bờ hồ Trúc Bạch mà mắt

đăm đăm nhìn về trời Tây, sống với tiếng vó ngựa mơ hồ của những chàng kỵ mã Tuyên Quang. Cho đến cả VŨ TRỌNG PHỤNG anh thư sinh nghèo khổ, chỉ ăn cơm với cà muối, dưa chua, nét mặt gầy gò, hốc hác, cũng không thoát được cái bịnh lãng mạn của thời đại, lãng man trong *SỐ ĐỎ*, trong *KỸ NGHỆ LẤY TÂY*, trong *LỤC XÌ*. Đó là cái lãng mạn của TAM LANG muốn làm anh phu xe, của LƯU TRỌNG LƯ lạc loài trong triết lý của *NGƯỜI SƠN NHÂN* của *CON ĐƯỜI ƯƠI*, theo tiếng bước xào xạc của con nai vàng. Đó cũng là cái lãng mạn của TRƯƠNG TỬU ôm một quyển *KINH THI VIỆT NAM* đi tìm Karl Max, của KHÁI HƯNG trong *HỒN BƯỚM MƠ TIÊN*, của TẢN ĐÀ trong lời *THỀ NON NƯỚC*, của cô ả ANH THƠ khi ngồi trong đêm tối nhìn một đôi đom đóm « *bay dập dìu như muốn phải lòng nhau* ».

Sau Thế chiến thứ nhì, ở Nga Sô khi Staline đã chết, rồi đến Khroutchev lên cầm quyền, nhà văn ILLYA ERHIMBURG viết ra một quyển truyện, nhau đề là « Dá tan » — *Dégel* —. Quyển tiểu thuyết vừa ra đời, là cả văn chương Nga Sô gần như « Dá tan » hết. Cái nụ hôn ghi dấu nơi cuối quyển truyện lạ-lùng ấy nổ lên như một tiếng pháo giao thừa báo hiệu cho một trận pháo giòn tan rền cả trong văn học Nga sô và trong đám thanh niên Nga bắt đầu quây cựa, muốn hất vòng cương tỏa, để đón mùa xuân mới của Tự-Do.

Trong văn học sử Việt Nam, « Dá tan » đã bắt đầu sớm hơn 30 năm, từ sau Đệ Nhất Thế chiến.

HOÀNG NGỌC PHÁCH, với quyển *TỐ TÂM* đã đốt trái pháo giao thừa trước nhất.

Thời đại Hoàng Kim của văn học sử Việt Nam, từ 1925 đến 1940, là cả một mùa Xuân say bướm, say hoa, cả một mùa hương mới bắt nguồn từ Tây-Đông Kim-Cổ.

Các Thi sĩ rủ nhau « đi hái vần thơ ». Đỉnh núi Nùng tượng-trưng ngọn núi Parnasse của Hy Lạp ngàn xưa.

Tựu trung, tình thế xã hội Bắc Việt đương thời đã tạo ra một phần nào khung cảnh ấy và phong độ ấy. Tuy rằng đời sống vật chất của các nhà văn nhà thơ không rực rỡ gì mấy, nhưng tinh thần không bị xáo động bởi ngoại cảnh. Nếp sống toàn thể, trên bình diện tổng quát, có vẻ yên ổn, thái bình. Công chúng vui vẻ thu nạp những yếu tố mới lạ của văn minh Âu Tây, và đón nhận niềm nở các sản phẩm văn chương có mang sắc thái tân kỳ của văn chương ngoại quốc.

Người ta đã thấy một vài vị phụ nữ tân tiến mở phòng tiếp khách đón các nhà văn như ở bên Pháp.

Một nữ sĩ, bà VÂN ĐÀI, có mở một phòng khách ở đường Hàng Trống. VÂN ĐÀI là một bậc nữ lưu có tên tuổi trong làng văn lúc bấy giờ, rất yêu kiều diễm lệ và rất ham chuộng thi văn. Những thi sĩ, văn sĩ quen biết bà, thường đến hội họp nơi phòng khách của bà như một tao đàn, LAN-KHAI, LƯU TRỌNG LƯ, THAO THAO, thường đến đó, ăn bánh, uống trà, nghe đờn, ngâm thơ.

Phố Hàng Đẫy, trên một căn lầu mát mẻ, bài trí xinh xắn, gọn gàng, dưới nhà là một tiệm sửa xe đạp, là phòng khách của bà NGỌC TRẦN (Mỹ-Chân) vợ ly-dị của

một nhà viết báo ở Saigon. Nơi đây thường tụ-hội một số Thi sĩ trẻ tuổi, phần nhiều là cựu sinh viên Cao đẳng, TỪ BỘ HỨA, NHƯỢC PHÁP, HUY THÔNG, NGUYỄN VỸ. Họ đến đây toàn nói chuyện văn-chương, say-mê, tao-nhã.

Những nhà văn đã già, như NGUYỄN KHẮC HIẾU, TRẦN TUẤN KHẢI, NGUYỄN VĂN VĨNH có những thú chơi riêng.

Những nhà văn đứng tuổi như lớp NGUYỄN CÔNG HOAN. LÊ VĂN TRƯƠNG, LAN KHAI, NGUYỄN TRIỆU LUẬT, VŨ TRỌNG PHỤNG, VŨ BẰNG nếu không nằm bên bàn đèn thuốc phiện, thì ở nhà hát ả đào, hoặc ngồi chung quanh mấy chai rượu nói chuyện thơ Tàu, thơ Tây, phê-bình thơ cũ, thơ mới. Còn lớp trẻ từ 23, 24 tuổi đến 27, 28 tuổi thì thường ưa đi lang thang vô mục đích. Họ đi, hoặc một mình hoặc « hai mình », đôi khi trong túi có đồng bạc nào là một cặp rủ nhau lên ga xe lửa, gặp chuyến tàu nào là mua vé tàu ấy, chẳng biết đi đâu. Có khi xuống một ga nhỏ ở giữa một đồng quê, rồi đêm nằm trong đám mía, hay ngủ trong đình làng, làm thơ, họa thơ, ngâm thơ.

Nhưng rốt cuộc, già hay trẻ, Thi sĩ hay Văn nhân, rồi một sớm một chiều cũng gặp nhau gần đủ mặt ở giữa trái tim Hà Nội, trên bờ Hồ Hoàn-Kiếm, hay trong các tòa báo. Một người đi vắng đâu trong 7 ngày, cả làng văn đều hỏi. Chàng đi với cô nào, cả làng văn đều biết. Một người đau, ai cũng đến thăm. Một người chết ai cũng đến viếng. Và ai cũng khóc.

NGUYỄN KHẮC HIẾU, MGUYỄN VĂN VĨNH, NGUYỄN NHƯỢC PHÁP, VŨ TRỌNG PHỤNG, ĐỖ THÚC TRÂM đã chết, là năm cái tang chung cho cả Thi sĩ, Văn sĩ Hà Nội. Các tờ báo đều để băng đen.

Trừ đôi ba kẻ, tài không hơn, học không giỏi, thơ không xuất sắc, nhưng phách lối quá chừng, kiêu căng quá độ, chuyên môn ca tụng lẫn nhau, với vài tên xu nịnh, những kẻ ấy không thương ai, và chẳng khóc ai...

2.— ĐỜI SỐNG TINH THẦN VÀ VẬT CHẤT CỦA VĂN THI SĨ TIỀN CHIẾN

Cũng như ở tất cả các nước khác, phải phân loại Văn Thi sĩ làm hai hạng, trên phương diện đời sống vật chất : hạng nghèo và hạng giàu.

Ở Việt Nam hồi tiền chiến, số nhà Văn nghèo nhiều hơn số nhà Văn giàu. Nói thật đúng ra, ở Việt Nam ít có nhà Văn giàu.

Trên bình diện nghệ thuật, tôi nhận thấy rằng văn chương Việt Nam không kém văn chương ngoại quốc. Lấy hai nhà văn nhà thơ cùng có biệt tài, và cùng một trình độ trí thức, một người là Việt Nam, một người là Anh hay Pháp, hay Ý, Mỹ... ở đồng thời giữa thế kỷ XX nầy, mà so sánh về tinh hoa Văn nghệ, thì không ai kém ai cả. Chất thơ thuần túy mà bàn tay của Thượng đế nắn trong tâm hồn của mỗi nhà Thơ yêu chuộng của Ngài, vẫn là một, dầu nó nở dưới mặt trời Rome hay Bagdad, Paris hay Saigon, Athènes hay Tokyo. Chỉ khác nhau ở điều kiện nẩy nở của nó mà thôi. Còn các nhà văn ở Âu hay Á, thời xưa hay nay chỉ khác nhau ở hoàn cảnh sinh hoạt vật chất.

Chúng ta lấy bút giấy làm một bài tính sơ đẳng cũng đủ thấy nhà văn Việt Nam không sao thành nhà Triệu phú với nghề viết văn được.

Bên Pháp, (xin lấy nước Pháp làm thí dụ cho những nước Âu Mỹ cùng một trình độ văn hóa) một tác phẩm văn nghệ có thể in ra 50.000 cuốn. Đây tôi lấy con số trung bình vì có những sách xuất bản chỉ có 20.000 cuốn hoặc tệ lắm là 15.000, trái lại có những quyển in đi in lại hai ba lần trong một năm, và lên tới con số 500.000 quyển hoặc 1.000.000 quyển. Ta cứ lấy đồng bạc Việt Nam làm căn bản để so sánh cho dễ, và thí dụ một tác phẩm loại thường, bán giá trung bình là 40 đồng, và tiền bản quyền của tác giả là 30% trên giá bán, nghĩa là cứ mỗi quyển bán được, tác giả lấy 12 đồng. Thí dụ bán được 50.000 quyển, thì tác giả được 600.000 đồng bạc V.N. Không kể những tiểu thuyết như *BONJOUR TRISTESSE* của FRANÇOISE SAGAN, bán đến trên hai triệu quyển và trong vòng vài ba năm nay, cô Nữ-sĩ trẻ tuổi nầy đã nghiễm nhiên có một gia tài về bản quyền ba bốn quyển tiểu thuyết được trên mấy triệu francs.

Nói chung, nhờ số sách tiêu thụ mạnh, nhờ tiền bản quyền nhiều, nên đời sống vật chất của các nhà văn bên Âu Mỹ thật là đầy đủ, dồi-dào.

Ở Saigon, hiện bây giờ đây, những tiểu thuyết được công chúng hoan nghinh nhất không in quá 3.000 quyển. Tính giá trung bình là 40 đồng một quyển và tiền bản quyền của tác giả theo thường lệ là 10% trên giá bán, nghĩa là mỗi quyển 4 đồng thì tác giả một tác phẩm xuất bản 3.000 cuốn chỉ được 12.000 đồng thôi. Ấy là nói những quyển tiểu thuyết có giá trị hấp dẫn được một số đông độc giả. Còn vô số các tiểu thuyết khác phơi bày trên thị trường, 3.000 quyển phải đến bán solde 5 đồng, hoặc 3 đồng, mà ba năm vẫn chưa hết.

Vả lại, số tiền bản quyền không phải nhà xuất bản nào cũng trả một giá hoặc trả ngay cho một lúc, mà có khi họ trả làm 3 hoặc 4 kỳ. Đây là nói về những tiểu thuyết của một số nhà văn mà các nhà xuất bản sẵn sàng tiếp đón và dám bỏ tiền ra mua bản quyền và bỏ vốn ra in. Có lẽ tại vì họ tin chắc rằng những sách ấy bán chạy, và họ sẽ thu được lợi nhiều. Họ thu được lợi nhiều nhưng tác giả bán bản quyền có lấy được bao nhiêu tiền đâu!

Vì vậy, nếu nhà văn Việt Nam chỉ có biết lui cui viết văn không thôi, thì ta cứ cầm chắc rằng đời sống của họ chật vật lắm. Hoàn cảnh xã hội ở Việt Nam cũng khác hơn hoàn cảnh ở các nước tân tiến khác, và thiếu những yếu tố thuận lợi có thể khuyến khích sự nghiệp của nhà văn, hoặc nâng cao tình hình vật chất của họ. Thứ nhất, khác hơn bên Âu Mỹ, khác hơn cả vài nước tân tiến ở Á Đông như Nhật Bổn và Ấn Độ, là công chúng Việt Nam ít có ham mê đọc sách. Cứ kể như trong một vùng đất khá rộng lớn của chúng ta dân số có trên 12 triệu người, mà một quyển tiểu thuyết có giá trị hoặc là rất hấp dẫn của một nhà văn có tiếng tăm, chỉ có thể bán được 3.000 quyển : nghĩa là trong 12.000 người chỉ có 3 người đọc sách. Ấy là nói về loại tiểu thuyết gọi là hấp dẫn, hay, có giá trị. Còn thơ thì trong 12.000 người, chỉ có chừng 2 người bỏ tiền ra mua một quyển để ngâm nga chơi mà thôi. Với các loại sách khảo cứu, lịch sử, văn học v.v... cũng không quá con số trên.

Vài nhà xuất bản thấy sách ế quá, phải dùng một mưu mô quảng cáo khá tế nhị : họ tuyên bố là quyển tiểu thuyết nọ, quyển lịch-sử kia, bán hết rồi và đã xuất bản lại lần thứ hai. Nhưng thường khi vẫn là cái đống sách ế

nằm nguyên vẹn trong tủ từ một hai năm xưa, bây giờ họ lột bìa cũ bỏ đi, thay bìa mới vào, rồi cao rao lên là xuất bản lần thứ hai!

Độc giả nào dễ tin, tưởng rằng sách đó chạy lắm cho nên đã tái bản, nhưng những người hiểu thấu thực tế buồn bã của vấn đề, trông thấy rõ « mánh lới » mà mỉm cười...

Mặc dầu quảng cáo khéo léo như vậy, số sách ế vẫn cứ ế, và phải để bán « câu dầm » trong ba bốn năm.

Chúng ta phải ngạc nhiên khi được biết rằng một quyển *BONJOUR TRISTESSE* của Fr. SAGAN dịch ra tiếng Nhật, đã bán trên 1.000.000 (một triệu) quyển ở toàn lãnh thổ Nhật, nội trong năm 1958. Một quyển tiểu thuyết của nhà văn Nhật, như quyển *TÔI LÀ CON MÈO* của MATSUME SOSEKI bán trên 400.000 cuốn. Ở Ấn Độ, tập truyện ngắn *BIODINI* của Thi sĩ RABIN DRANATH TAGORE xuất bản từ Đệ Nhất thế chiến mà đến năm 1958 còn bán được trên 200.000 cuốn. Đây chỉ là những thí dụ rất thường.

Bởi vì, lẽ thứ nhất công chúng bên Nhật Bản, bên Ấn Độ cũng như các nước Tân tiến Âu Mỹ, rất ham chuộng văn chương. Không phải họ mua một quyển tiểu thuyết chỉ là để đọc chơi cho vui, cho biết cốt truyện như thế nào, và đọc xong là vứt đi, không biết quý cuốn sách nữa, nhưng họ đọc còn là để học hỏi thêm những kinh nghiệm về đời sống, để thưởng thức nghệ thuật diễn tả các sự vật trên đời, để hấp thụ những ý tứ hay, những tư tưởng đẹp của nhà Văn, để được mở rộng tầm kiến thức do ngòi bút tài tình của nhà Văn mở ra trước những đường

chân trời mới lạ như một chìa khóa huyền diệu mở rộng cánh cửa của Thiên nhiên cho đầu óc chúng ta thấm nhuần ánh sáng thần linh của trí óc. Họ ham đọc sách như thế, và gìn giữ quyển sách quý báu mà họ đóng bìa da, dựng có ngăn nếp *trong tủ sách để chưng bày hãnh diện nơi phòng khách*, ở chỗ mà trong nhà của số đông người Việt Nam chúng ta thích chưng bày « *tủ kiếng đựng ly rượu, chén bát, đồ xưa và frigidaire chứa đồ ăn ướp lạnh...* »

Các tác phẩm văn chương được người trong nước họ đón tiếp quý báu như thế cho nên số sách xuất bản rất nhiều, ít nhất là 15.000, 20.000 trở lên đến 100.000. Hầu hết những người có đôi chút học thức đều niềm nở đón mua. Về nhà vợ đọc, chồng đọc và phê bình để thưởng thức rồi họ cất kỹ trong tủ sách gia đình kê rất mỹ thuật nơi phòng khách để hãnh diện với mọi người rằng : *tôi đây cũng là người có văn hóa*. Chứ không bao giờ hãnh diện rằng « *nhà tôi cũng có cái frigidaire* ».

Sự cách biệt về tâm lý văn hóa giữa người ta và người ta là như thế đấy, khiến cho chúng ta thấu triệt được nguyên nhân thứ nhất của thực trạng vấn đề ở Việt Nam : một tác phẩm có giá trị đặc biệt cũng không thể xuất bản được trên 5.000 cuốn ! Tác-giả lấy tiền bản quyền không quá 30.000, nếu tác giả là nhà văn có tiếng, sách dày độ 300 trang và có thể bán chạy.

Tôi nghĩ rằng giả sử Françoise Sagan là người Việt Nam, viết quyển *BUỒN ƠI ! CHÀO MI !* bằng tiếng Việt Nam thì nhà xuất bản của cô ở Saigon cũng chỉ trả bản quyền cho cô 12.000 đồng hoặc 15.000 đồng và chỉ in ra 3000 hoặc 4000 quyển là nhiều.

Ông giáo sư kiêm văn sĩ Nhật Bổn Matsume Soseki, nếu ở Việt Nam, cũng không hy vọng bán quyền tiểu thuyết trào-phúng rất thâm thúy của ông : *TÔI LÀ CON MÈO* trên 3000 cuốn !

Sự thật mỉa mai, chua chát — có khi chán nản vô cùng ! — Nhưng than ôi, sự thật vẫn không thể là không sự thật được !

Nguyên do thứ hai, là ở các nước khác, (và tôi xin nói quả quyết rằng kể cả ở nước Lào, nước Cao Miên, nước Xiêm nữa) không có cái lệ mướn sách và mướn báo. Ở Việt Nam ta, đặc biệt có cái lệ ấy.

Có một lần, kẻ chép trang hồi ký nầy đi nghỉ mát một tuần lễ ở một thành phố trên bãi biển miền Trung. Nằm trên cát, bốn ngày đầu nó đã nuốt hết bốn quyển sách đem theo, qua ngày thứ năm không có gì đọc nữa. Nó đi thẳng đến một tiệm sách, hỏi mua bộ truyện *HAI THIÊNG LIÊNG*. Khi ông chủ tiệm đưa sách, nó bảo với ông: « Hai quyển nầy, tôi có mua rồi. Nhưng tôi muốn đọc lại, mà ở Saigon ra đây nghỉ mát, tôi quên mang theo. » Ông chủ nhà sách tủm-tỉm cười bảo : « Ông mướn coi, rồi coi xong trả lại tôi cũng được. »

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Ụa ! Ông có cho mướn sách sao ?

— Dạ, có... Ông ở nghỉ mát mấy ngày ?

— Tôi còn ở ba hôm nữa.

— Dạ, vậy thì được. Ông cứ mướn sách về coi, xong đem trả tôi.

— Mướn cách nào?

— Dạ, bộ sách nầy có 2 quyển, giá là 90 đồng. Bây giờ ông đặt cọc 90 đồng, ông lấy sách về nhà coi xong, đem sách trả lại tôi, tôi sẽ trả lại ông 80 đồng.

— Nghĩa là ông cho tôi mướn 10 đồng? Mắc quá vậy?

— Dạ, tại vì trọn bộ 2 quyển. Một quyển thì 5 đồng.

Tôi do-dự một phút, rồi hỏi:

— Nhưng hai quyển sách nầy còn mới tinh, chưa rọc làm sao tôi đọc được?

— Dạ, tôi có 10 bộ, đã bán hết 8, còn 2. Bộ nầy còn mới để bán. Nếu ông thuê, tôi còn một bộ cũ đã rọc rồi, riêng để cho thuê.

— Ông cho tôi xem bộ kia.

Ông chủ tiệm sách để lại bộ sách mới vào tủ hàng. Ông bước vô nhà trong, lấy đem ra bộ sách cũ cho thuê. Trên bìa sách, có đóng con dấu đỏ, tên hiệu sách của ông. Cả quyển I và quyển II đều đã nát nhàu. Tôi hỏi:

— Chắc ông đã cho thuê nhiều người rồi?

— Dạ «Hai Thiêng Liêng» nầy cũng có nhiều người mướn. Họ đọc chừng hai bữa thì hết.

— Ai mướn?

— Dạ, mấy cậu học sinh. Mấy cô thiếu nữ.... Quân đội cũng có mướn... Công chức cũng mướn...

Và tôi cũng mướn. Tôi đặt cọc 90 đồng, cầm hai quyển « Hai Thiêng Liêng » về khách sạn. Trước khi từ giã bãi biển để về Saigon, tôi đem trả sách, lấy lại 80 đồng.

Tôi biết làm cách nào hơn bây giờ? Nhưng sau khi đọc lại hết quyển I và quyển II, ngồi trên một tảng đá cao giữa trời mây non nước, tôi đã lấy bút viết một dòng chữ sau đây trên trang cuối cùng :

« Tội nghiệp cho chàng Văn sĩ đã thức một trăm lẻ một đêm để viết bộ truyện nầy, trong một căn phòng cô đơn bẩn chật ở Saigon ! »

Và tôi mượn tên vai chính trong truyện để ký dưới khúc ca trường hận ấy : Trần Bá.

***

Bởi lẽ, khác hẳn với các nước khác trên thế giới, chỉ riêng ở Việt Nam chúng ta, các sách báo bị cho mướn nhiều hơn là được bán, và bị bán xôn cho « khách trú » cho nên chúng ta không còn ngạc nhiên nữa khi biết rằng ở Tokyo, Paris, hay Roma, London, Bruxelles, New Delhi, v.v... một tờ báo hằng ngày kém độc giả nhất cũng bán được từ 200.000 số trở lên, còn ở Saigon một tờ nhật báo bán chạy nhất cũng không quá 25.000 hoặc 30.000 tờ. Chỉ có người ngoại quốc là ngạc nhiên mà

thôi. Một ông ký giả của tờ báo *Manila Chronicle*, ở Phi Luật Tân, mà số báo phát hành thường ngày là 200.000 tờ, kinh ngạc nhìn tôi và hỏi tại sao một tờ nhật báo ở Saigon, mà ông đang cầm trong tay, với một câu biểu ngữ hãnh diện in trên đầu trang nhất là « tờ báo có uy tín nhất ở Việt Nam » chỉ bán thật sự không quá 20.000 tờ, con số mà ông ta coi được trong một bản điều tra chính thức nào đó.

Ông ấy lại bảo :

— Riêng ở Sàigòn có đến gần 2 triệu dân mà không lẽ tờ báo nầy không bán được 50.000 số sao ?

Dĩ nhiên là tôi phải trả lời bằng cách nầy hay cách khác, thí dụ tôi bảo rằng tất cả các tờ báo khác cũng bán xấp xỉ trên 20.000 số, và tính tổng quát thì mỗi người Việt Nam đều có đọc một tờ báo theo ý thích của mình.

Nhưng người ta có biết đâu rằng ở Việt Nam, ĐỌC BÁO là một việc mà MUA BÁO là một việc khác ? Một tờ báo phát hành trong một ngày có một người mua, nhưng có thể có 10 người hay 20 người coi.

Đây là nói về báo hằng ngày. Tuy vậy, các ông chủ nhật báo cứ mỗi ngày phát hành 10.000 số thôi cũng mau sở nên triệu phú, nhưng các anh ký giả, trong đó có một số nhà văn sống với nghề viết báo, thì không được giàu có như thế. Đời sống vật chất của họ chỉ có thể gọi là đầy đủ một phần nào thôi.

Còn nói về các tập san Văn nghệ, là nơi trú ngụ các nhà văn chuyên nghiệp, thì đời sống rất là bấp bênh. Ở Việt

Nam, các tập san Văn nghệ không có số độc giả đông đúc như các nước khác.

Một tập san Văn hóa được coi như là bán chạy nhất và được « một số đông » độc giả yêu mến, cũng chỉ bán được 15.000 số, 20.000 số là nhiều lắm rồi. Thí dụ tập san ấy muốn bán với một giá bình dân là 10 đồng, thì nó phải hạn chế rất nhiều chi phí cần thiết mới hy vọng được duy trì bền vững trong mọi sự hy sinh.

Tình cảnh sinh hoạt của các nhà văn sống về Văn nghệ, vì lẽ đó mà không được xán lạn lắm.

Tình hình sách lại còn tệ hơn. Có thể chia các Văn phẩm làm ba loại : TIỂU THUYẾT (gồm có truyện dài, truyện ngắn, hồi ký, tùy bút), THƠ, KHẢO CỨU (khảo cứu lịch sử, địa dư, văn học, triết, phê bình văn nghệ v.v...) không kể các sách giáo khoa hoặc các loại chuyện nhi đồng.

Trong ba loại sáng tác phẩm kể trên, tiểu thuyết bán chạy hơn cả. Kế đến các sách khảo cứu, rồi mới đến THƠ. Như đã nói ở trên, những quyển tiểu thuyết mà tác giả đã có chút ít tên tuổi, nghĩa là đã có sự mến chuộng của một số công chúng nào đó, cũng chỉ bán được 3000 quyển là nhiều trong đợt xuất bản lần nhứ nhất. Thành thực tôi không tin rằng có thể có những số bán cao hơn. Ba năm sau, mới có thể xuất bản lần thứ nhì, nhưng đây là một trường hợp ít có đối với tình hình xuất bản hiện tại. Một số nhà văn gọi là « có tên tuổi » được một số độc giả thành thật yêu mến, có những tác phẩm đã bán hết trong lần xuất bản thứ nhất, vẫn ái ngại không

muốn xuất bản lần thứ hai. Vì lẽ đó, ở Việt Nam rất ít có loại sách về sáng tác phẩm xuất bản được nhiều lần, như ở các nước khác.

Nói rằng sách bán được 3000 quyển, không phải nhất định chỉ 3000 người đọc quyển sách ấy. Về thực tế, thì tổng số là 1 người mua trên 10 người đọc. Có nhiều quyển tiểu thuyết bị cho mướn trên 30 lần trong một năm : tính kỹ lại thì sau một thời gian nào đó, người cho mướn sách có thể thu một món lợi gần bằng số tiền bản quyền của tác giả đã bán được với mồ hôi nước mắt của mình.

Cho nên, so sánh với các nhà văn ngoại quốc, tình cảnh các nhà văn Việt Nam thật đáng thương hại. Đành rằng người Pháp vẫn nói : « La plume ne nourrit pas son homme » (Ngòi bút không được nuôi nhà văn), như khi chúng ta thấy rằng một tác phẩm rất thường như quyển *LA GLOIRE DE MON PÈRE* (tome I édition Pastorgli) hồi ký của nhà văn Marcel Pagnol, ở Hà Lâm Viện Pháp, xuất bản năm 1957 đến 51.000 quyển mà đã bán hết, quyển *SAHITHYAVUM SAMSKARAVUM* của P. Sankaran Nambias, nhà văn Ấn độ, xuất bản hồi tháng 11-1959, 20 000 quyển cũng đã bán sạch, tập thơ *MELEE OF NOISE AND DUST* của nhà Thơ Nam Dương Chairil Anwar, xuất bản lần thứ tư 15.000 cuốn tại Djakarta năm 1958. Rồi ta nhìn lại các tiểu thuyết và Thơ bán chạy ngất ở Việt Nam là 3000 cuốn, thì, ôi thôi, ai là nhà văn nhà thơ ở xứ « Bốn ngàn năm văn hiến » nầy cũng chỉ muốn vứt bút đi về vườn trồng rau muống ăn cho đỡ đói mà thôi !

Kẻ sĩ nầy quả thực không dám chế nhạo các ông

văn sĩ thi sĩ của xứ Rồng Tiên nầy đâu ạ. Nó cũng không dám than phiền chút chi về trình độ văn hóa của người Việt Nam mình, vì một nước có « bốn nghìn năm văn hiến », có sản xuất được cô Hồ xuân Hương, và ông Nguyễn-Du, thì đâu có lẽ là một nước sút kém hơn ai ? Nó cũng không dám kêu rêu gì về việc một số người cho mướn sách báo, vi xét cho chu đáo theo triết lý nhân sinh, thì mướn một nhà văn viết sách cho mình đọc chơi trong vài tiếng đồng hồ cũng như mướn một chiếc xe cyclo chở mình đi hứng gió bờ sông, chớ có sao đâu !

Nhưng thỉnh thoảng đọc lại câu thơ của Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu : « *Văn chương hạ giới rẻ như bèo* », lại thấy phần đông nhà văn nhà thơ Việt Nam quanh năm chỉ cuốc bộ hoặc đi xe lam, xe taxi, xe autobus, nợ nần lung tung, bị các luật sư của chủ nợ đòi lên đòi xuống, kẻ thiếu tiền nhà, người thiếu tiền cơm, thấy vậy mà thương hại giùm cho họ, kêu giùm lên cho họ một tiếng « Trời ơi ! » để gọi là có đôi chút an ủi giùm phần nào cho số người bạc phận ! Kẻ viết mấy dòng chữ nầy được may mắn biết một số nhà văn nhà thơ Việt Nam học lực có thể nói là không đến nỗi tệ lắm, đã thi đậu cấp bằng nầy nọ, khá cao, nếu họ làm giáo sư đi dạy học thì mỗi tháng có thể kiếm được ba bốn chục ngàn đồng, nếu họ làm công chức, có thể được ba bốn chục ngàn bạc lương mỗi tháng, được đi xe hơi Huê Kỳ, được có lính hầu, được « gác-đờ-co », kèm theo bên cạnh, nhưng họ đã khờ dại bỏ hết cả, để ngồi cặm cụi viết, viết, viết, viết.:. như thân tàn ma dại ! Xét cho kỹ thì chẳng qua đó là nghiệp chướng khốn nạn của một hạng người xấu số vô duyên.

Có lẽ kiếp trước họ vụng tu thế nào cho nên bây giờ họ mới phải lộn kiếp ra làm văn sĩ ở Việt Nam, và phải chịu hình phạt của Thượng đế đó chăng?

Ấy thế mà thỉnh thoảng lại có một độc giả, một cậu học sinh còn nhỏ tuổi, hoặc một ông vô danh nào đó, bỏ ra năm mười đồng bạc mua một mớ trí thức về văn hóa, nếu không thì mượn của bạn bè về xem, xem cho đã rồi viết thư đến toà báo bắt tròn bắt méo, với một giọng trịch thượng như kẻ cả, hỗn xược, hoặc làm thầy đời với một mớ « đạo đức » ba xu. Tôi không biết những bức thư ấy nhà văn có giữ lại trong tủ kiếng để làm kỷ niệm hay không, nhưng dù sao nghĩ cũng tội nghiệp cho những kẻ đã cặm cụi trong đêm khuya, tận tụy, âm thầm, rút hết đầu óc ra tưởng rằng để cống hiến cho đồng bào một chút ít tài sơ trí mọn của mình!

Ngẫm lại bài thơ *Le Pélican* của ông Thi sĩ Pháp mà thương xót cho số kiếp của con nhà cầm bút!

***

Đời sống vật chất của các nhà văn Việt Nam thời tiền chiến cũng không khác gì mấy thời bây giờ. Không những đầu thế kỷ XIX mới có một ông NGUYỄN CÔNG TRỨ học thật giỏi, thơ thật hay, mà sống trong gia đình quay đi ngoảnh lại vẫn:

« Một thầy, một cô, một chó cái. »

Dạy mấy mụn học trò để kiếm tiền độ nhựt, thì toàn là một lũ học trò nghèo:

« Nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi!

Không những cuối thế kỷ XIX mới có một ông TÚ XƯƠNG mà quanh năm :

« Gạo cứ lệ ăn đong bữa một. »

Ngay trong thế kỷ XX, nhất là thời tiền chiến, kinh tế khá dồi dào, đồng tiền dễ kiếm, mức sống chung của nhân dân cũng không đến nỗi thấp kém, thế mà đời sống của các nhà văn cũng đâu có rộng rãi gì.

Công chúng Việt Nam trước 1945, và cả bây giờ đều ham chuộng các truyện tả chân xã hội của VŨ TRỌNG PHỤNG, thiết thực tàn nhẫn và chua chát như JACQUES LONDON. nhưng công chúng có biết đâu vợ chồng VŨ TRỌNG PHỤNG cũng :

« Gạo cứ lệ ăn đong bữa một »...

hơn gì vợ chồng ông Tú Vị Xuyên ! TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU cũng thế, nhà thơ của *GIẤC MỘNG CON* dọn về ở Ngã Tư Trung-Hiền, Bạch Mai, để làm nghề bói toán, trông thật là thảm hại.

Cụ Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI, tác giả hai tập thơ *DUYÊN NỢ PHÙ SINH* và *BÚT QUAN HOÀI*, có một giá trị đặc sắc lúc bấy giờ, và ảnh hưởng trong đám thanh niên đương thời không ít, vẫn sống cuộc đời rất thanh đạm, như một hàn sĩ thuở xưa. Trần Tuấn Khải không rượu chè be bét như Tản Đà, nhưng vẫn không được phong lưu thư-thái.

Khổ nhất là NGUYỄN VĂN VĨNH, đã có cô vợ đầm lại, lại bạn hữu rất đông, phần nhiều là bạn giàu sang, các nghiệp chủ lớn, các ông Tây có uy thế trong chánh

quyền, công việc thù tạc về xã giao đòi hỏi nơi ông mộ mức sống không thể giản dị thanh bần được, cho nê ông cứ mang nợ suốt đời. Cá nhân của ông rất là khiêm tốn, nhưng giá sử ông bỏ nghề nhà văn mà đeo đuổ theo hoạn-lộ thì đâu đến nỗi ông phải chật vật quanh năm ? Sự nghiệp văn chương của NGUYỄN VĂN VĨNH rất lớn lao : sách sáng tác, sách dịch, in ra liên tiếp thế nhưng đâu phải những bản quyền tác giả ấy đã nuô sống được ông và cả gia đình ông ? Ông nghèo túng như thế, cho nên khi mở ra tờ *L'Annam Nouveau*, với một si vốn vay mượn, ông tuyên bố ngay trên số 1 của báo ông đại ý như sau đây :

« *Tờ báo này sẽ không gởi đến biếu ai cả, dù là các bạn thân của tôi. Nhất là các bạn thân nên mua báo dà hạn để ủng hộ tờ báo. Xin các bạn thân của tôi thông cảm cho. Tôi rất cám ơn !* »

Mặc dầu ông cố gắng điều khiển tài chính để cho tờ báo ông phát đạt, tờ *L'ANNAM NOUVEAU* vẫn bị phá sản, sau vài năm bị lỗ lã quá nhiều. Ông đành giao nó lại cho ông LÊ THĂNG cai quản.

Biết tình hình tài chánh của nhà văn Nguyễn văn Vĩnh như thế, cho nên một lần con trai của ông, là Thạc sĩ NGUYỄN NHƯỢC PHÁP nói với tôi rằng, chiều hôm thứ Bảy vừa rồi gia đình anh chỉ ăn cơm với rau muống luộc và đậu phụ chấm tương, tôi tin ngay lời nói của anh.

Tập thơ *NGÀY XƯA* của Nhược Pháp bán được nhưng lỗ vốn vì anh tặng cho bạn bè nhiều quá, trái hẳn với cụ Vĩnh chủ trương đừng tặng sách báo cho ai.

HUY THÔNG xuất bản *TIẾNG ĐỊCH SÔNG Ô*, 2000 quyển, bán 3 năm chưa hết. Nhưng anh không cần, vì nhà anh giàu, cha mẹ của anh có một tiệm vàng lớn nhất ở phố hàng Bạc. Có thể nói rằng trong làng văn Hà Nội thời Tiền chiến, chỉ có Huy-Thông là người duy nhất không cần sống về tiền bản quyền các tác phẩm của mình.

Nhóm *TỰ LỰC VĂN ĐOÀN* thì có lẽ giàu lắm nhưng tôi nghe nhiều bạn nói rằng chỉ có NHẤT LINH là nhà tư bản thực thọ, chứ KHÁI HƯNG và THẾ LỮ vẫn phải sống riêng biệt với những tiền bản quyền và một số lợi tức do NHẤT LINH chia cho.

Thực ra, theo tôi biết, THẾ LỮ vẫn sống cuộc đời bình thường, không có gì xa xỉ cả. Anh vẫn ở nhà thuê hùn với ba bốn người bạn mướn một căn lầu gần chợ Cầu Giấy, KHÁI-HƯNG thì rất là giản dị, và tuy là anh ở ngay nơi tòa báo *NGÀY NAY*, đường Quan Thánh, nhưng biệt thự xinh đẹp ấy là của Nhất Linh, Khái Hưng chỉ ở trọ đó mà thôi. Dù sao, Khái Hưng được trọng-đãi hơn Thế-Lữ nhiều.

Ngoài nhóm TỰ LỰC ra, tất cả các nhà văn khác đều nghèo thật sự. *TIỂU THUYẾT THỨ BẢY* của VŨ ĐÌNH LONG, chủ nhà in và nhà xuất bản TÂN DÂN, phố hàng Bông, thu hút một số nhà văn khá đông, nhưng chính tờ báo ấy chỉ làm giàu thêm cho nhà tư bản họ Vũ, chứ anh em nhà văn chẳng có lợi lộc gì. Một vài anh lĩnh lương tháng, cũng như viết thuê, như LƯU TRỌNG LƯ (chỉ một thời gian), LAN KHAI, NGUYỄN CÔNG HOAN... Các anh khác bán bản quyền các bộ tiểu

thuyết, hoặc truyện ngắn như TCHYA, VŨ BẰNG, NGUYỄ TRIỆU LUẬT, THANH CHÂU, NGỌC GIAO...

Viết lĩnh lương tháng, hay là bán bản quyền, cá anh ấy vẫn không được tài chánh dồi dào phong phú lắm. Chẳng hạn như LAN KHAI, LƯU TRỌNG LƯ, VŨ BẰNG... trong túi xốc xếch bạc tiền chỉ được ba bốn hôm đầu tháng, qua đến mồng 5 mồng 6, anh nào cũng cạn túi sạch trơn, chẳng còn đính một xu. Không có tiền thi ông văn sĩ nào cũng đi lang thang, đầu không độ nón, có khi chân không mang bí tất.

Từ nhà đến tòa báo, các anh ấy đi bộ là thường hoặc đi tàu điền từ chợ Hôm, hoặc cầu Giấy, Khâm Thiên, Ô chợ Dừa, tới Bờ Hồ, hay hàng Bồng, một cái vé 2 xu. Đứng lẫn với những gánh cá, gánh rau, giỏ cua, bạc bắp của mấy cô thôn-nữ ở Hà Đông, ở Bưởi, đem xuống các chợ Hà-Thành.

Nghèo, nhưng tự do, vui vẻ. Cô con gái của cụ Lý đình Dù nói chuyện cũng duyên dáng không kém gì nhà Thơ « Con Nai vàng » hay tác giả « Một hột Mận ». Có những chuyến đi tàu điền là đầu đề của một chuyện ngắn, hoặc một bài thơ vô cùng lý thú, đăng trong TIỂU THUYẾT THỨ BẢY tuần sau, mà độc giả không ngờ.

Nhưng đầu tháng, mấy ông nhà văn nhà thơ có tiền rồi, hoặc những hôm mấy ông vừa bán được bản quyền một quyển sách thì... thôi, kinh thành Thăng-Long đừng có hòng thấy mặt họ nữa. Họ biến đâu mất cả.

Họ đi đâu ? Có một tiệm phở Nghi-Xuân, phố hàng Nón, một quán thịt chó ở góc Ô chợ Dừa và một quán cũng thịt cầy bên hông chợ Hôm, cứ đến đấy là gặp năm ba anh. Đây thường thường là nơi quần tiên tụ hội mấy ông tiên LƯU TRỌNG LƯ, LÊ TRÀNG KIỀU, NGUYỄN XUÂN HUY, LAN KHAI, VŨ BẰNG, VŨ TRỌNG PHỤNG...

Thịt chó ăn với củ riềng, uống rượu Vân điền là sở trường của mấy anh mà tôi vừa kể tên... và những anh khác.

TRƯƠNG TỬU có tiền, thế nào cũng tự đãi cho mình một bữa tiệc chả cá, đầy ẹp một mâm, trên gác nhỏ chật hẹp ở phố hàng Cân, xong rồi mặt đỏ như quả gấc, xuống cầu thang, ra đường kêu một chiếc xe kéo « tân thời » hiệu *Omic* cút thẳng về Gia Lâm.

Cũng có những anh biết đem tiền về cho vợ, như Vũ-trọng-Phụng, có bao nhiêu đưa hết vợ bấy nhiêu, không giữ riêng một đồng nào. Bữa cơm của anh hôm ấy có thêm một món thịt heo quay, và hũ gạo được đồ đầy đủ nấu trong một tháng. LAN KHAI khi nào có vợ ở Tuyên Quang xuống thăm thì chỉ cho vợ một nửa số tiền, còn giấu riêng một nửa trong túi quần để đi hút thuốc phiện và đi hát ả đào : hai thú tiêu khiển của anh. LÊ VĂN TRƯƠNG thì huênh hoang cười nói bô bô, gặp bạn nào ngoài đường cũng nắm tay lôi về nhà cho kỳ được. Vừa xuống xe bước vào sân là anh đã gọi oang oáng lên, cả xóm ai cũng nghe:

— Mợ ơi, mợ! Tiền đây, đi chợ nhanh lên, mua thật nhiều hoa lê-đơn nhé. Có mấy anh đến chơi đây, mua

gà, vịt về làm gỏi nhé. Nhớ mua chai rượu Cognac! Nầy mợ ơi! Ra đây! Mau lên chớ không tụi nầy kéo nhau ra Ngã Tư-Sở, chi cho các cô em hết đấy! Đ....mẹ cái thằng xuất-bản, anh hỏi nó 30đ, nó chỉ đưa 20đ! Cái thằng khốn kiếp! Mợ đâu, ra đây... Nầy, tiền đây em đi nhanh lên! Sẵn xe còn chờ ngoài cổng kia...

Anh nói một thôi một hồi, ầm ĩ cả lên. Hôm ấy cả xóm ai cũng biết là Lê văn Trương vừa mới bán được một quyển tiểu-thnyết.

NGUYỄN TUÂN ở trọ phố Nhà Thờ, tại nhà người em trai tên là Nguyễn Đàm một thanh niên rất hoạt động, rể của nhà xuất bản Vũ đình Long, trông nom nhà in và cả toà soạn Tiểu thuyết Thứ Bảy. Nguyễn-Tuân ở đấy, việc cơm nước đã có vợ chồng người em lo chu tất, nhưng tiền bản quyền các tác phẩm của anh vẫn không đủ cho anh tiêu xài riêng. Lúc đầu Nguyễn-Tuân ngoan lắm, đạo mạo nghiêm trang, nhưng anh cũng bị nhiễm cái chứng tai hại của một số Nhà Văn hồi bấy giờ, là hút thuốc phiện. Lúc đầu hút chơi với anh em vài ba điếu cho vui, dần dần hút nhiều, hút mãi rồi đâm ra nghiện thật sự. Đó cũng là trường hợp Lưu-trọng-Lư, Thế Lữ, Lan Khai...

Hồi LƯU TRỌNG LƯ xuất-bản quyển *NGƯỜI SƠN NHÂN* và ở Quảng Bình mới ra Hà Nội, nhập tịch vào làng văn anh hãy còn là một chàng thư sinh ngây thơ, mơ mộng, tâm hồn rất trong trắng, chưa vướng víu tí gì của cát bụi Hà Thành. Anh chưa biết mùi thuốc phiện. Nhưng mấy năm sau, viết cho *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* được khá tiền, Lưu đâm ra chơi bời phóng đãng và bắt đầu

trụy lạc. Lư hút thuốc phiện từ đó và nằm luôn bên bàn đèn. Có lẽ vì vậy mà mấy năm về sau Lư không còn sáng tác gì được nữa chăng ? Đời sống tinh thần và vật chất của Lưu trọng Lư từ 1937 đến 1940 (1) bị thu hẹp vào chung quanh ngọn đèn dầu lạc. Lư đã trở thành một con người rất ốm yếu, mặt mày xanh xao, sắc thái bơ phờ, thiểu não lắm.

Trường hợp của Lư thật là đặc biệt, bởi vì, trái lại, tôi thấy LAN KHAI, KHÁI HƯNG, LÊ VĂN TRƯƠNG, cả NGUYỄN TUÂN nữa, cũng là những « dân nghiện » chính thức, mà không đến nỗi tiều tụy quá như Lưu trọng Lư.

VŨ TRỌNG PHỤNG, nhờ tiền bán sách, ki cóp được số vốn nho nhỏ, và nhờ vợ có chơi thêm mấy bát hụi, thuê được một căn phố, mở tiệm sách ở đầu đường hàng Nón. Các dụng cụ học sinh, đồ văn phòng và các sách báo, chưng bày nơi đây, đều do một vài hiệu sách lớn quen với Phụng gởi cho chị bán để chị lấy tiền hoa hồng, khỏi phải bỏ vốn. Nhưng hình như không có lời mấy nên sau đó, chị cũng dẹp cửa hàng. Có điều buồn cười và lý thú, theo lời Vũ trọng Phụng, là ngay ở tiệm sách ấy, các sách của anh lại bán không được chạy bằng các tiểu thuyết kiếm-hiệp loại 3 xu, mỗi tuần ra một tập.

TRƯƠNG TỬU thì nhờ cưới vợ giàu, con một ông chủ tiệm thợ may lớn ở phố Tientsin, nên từ 1938 đời

(1) Từ 1940 về sau, tác giả thiên hồi ký nầy không ở Hà Nội nữa nên không biết rõ

sống vật chất của anh do người vợ cung phụng đầy đủ. Anh không còn lang thang như trước nữa. Người vợ ít học, và không đẹp, nhưng tùng phục chồng triệt để, lo buôn bán để nuôi chồng.

Có vốn liếng riêng, chị ta thuê một căn nhà ở cuối phố hàng Điếu, mở tiệm tạp hóa, bán cả gạo, muối và nước mắm. Trương Tửu ở trên lầu, đóng vai một nhà trưởng giả nho nhỏ và một học giả lưng chừng. Anh ta thích ăn ngon, rượu ngon, và viết văn theo cảm hứng duy vật nhiều hơn là duy tâm.

Trương Tửu và Vũ trọng Phụng ở Hà Nội cũng như Đào-Duy-Anh ở Huế, có vợ buôn bán để bảo đảm đời sống vật chất của gia đình trong lúc chồng nghiên cứu sách vở và viết văn.

Cùng cai quản một tiệm sách, nhưng bà Đào duy Anh ở Huế tương đối khá giả hơn bà Vũ trọng Phụng ở Hà Nội, và công việc sáng tác của họ Đào và họ Vũ cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều của công việc kinh doanh thương mãi của hai bà vợ. Trương Tửu cũng thế.

Có một số nhà văn sống cuộc đời công chức, có quy củ : đây cũng là các nhà văn trưởng giả khác hẳn với các nhà văn giang hồ, nhưng chỉ trưởng giả trong phạm vi văn nghệ, nghĩa là khiêm tốn và thanh cao, không xa hoa, màu mè, không chơi bời lêu lổng, trừ ra thuốc phiện ! Trong lớp văn sĩ nầy, có thể kể Vũ Ngọc Phan, Tú Mỡ, Tchya, Nguyễn Công Hoan...

Những nhà văn còn trẻ tuổi như Nhược Pháp, Huy Thông chưa lập gia thất còn ở chung với bố mẹ. Hoặc

tự lập và tự túc, như Đỗ thúc Trâm, Từ Bộ Hứa, Xuân Huy, J. Leiba, Thao Thao. Mộng Sơn (Vũ thị Mai), tuy còn trẻ tuổi, nhưng cũng đã từ giã đồn điền của ông cụ ở Chủ (Phủ-Lạng-Thương), về Hà Hội sống với nghề văn. Làm chủ bút tờ « *Việt Nữ* » ở đường Đồng Khánh, Mộng Sơn có số tiền lương tạm đủ tự túc một mình. không cần phụ cấp của gia đình giàu có.

Vũ Bằng đã lớn tướng, lại còn sống nhờ bà mẹ già, chủ một tiệm sách cũ kỹ ở phố hàng Gai, tuy anh viết sách, viết báo cũng có tiền. Tam Lang, Lan Khai, Nguyễn Triệu Luật, có vợ buôn bán, nhưng các anh ấy sống hoàn toàn với ngòi bút, không chịu « *lãnh lương chính thức* » như kiểu ông Tú Xương ở Nam-Định thời trước.

Trừ một đôi anh văn sĩ công chức, như Vũ ngọc Phan hay công chức văn sĩ như Tú Mỡ, có xe kéo nhà ngày hai buổi ngồi chễm chệ trên xe để anh phu xe kéo đến sở làm, hoặc đến tòa báo, còn thì hầu hết các nhà văn Hà Nội thời Tiền-chiến đều « cuốc bộ », hoặc đi tàu điện, đi xe kéo thuê. Huy-Thông có xe kéo nhà của cha, nhưng không bao giờ anh dùng. Nhược-Pháp chuyên môn đi xe đạp, và chỉ có mình anh trong giới văn sĩ là đi xe đạp mà thôi: chiếc xe đạp của anh cũng là một loại xe độc đáo: không có chuông, dây xích cứ tuột ra ngoài, mỗi lần anh đạp là nó kêu cụt kịt... cụt kịt... như một con lợn sắt. Nguyễn Nhược Pháp có cái miệng hơi móm, chiếc xe đạp của anh cũng móm!

Không có một nhà văn nào sắm được một chiếc xe hơi, dù là loại xe con cóc. Nguyễn Văn Vĩnh cũng chỉ

có một chiếc xe mô-tô. Chiếc xe « bình bịch » của ông sơn đỏ kềnh càng, kêu ầm ầm và xịt ra một làn khói trắng bay mù mịt chung quanh, y như ông cỡi một con cá chép bay trong mây vậy.

Mùa đông rét buốt, người ta thường thấy mấy ông văn sĩ mặc áo pardessus, hoặc raincoat, đi từng nhóm hai ba người, nện gót giày trên vỉa hè các phố, dưới cơn mưa phùn. Phần nhiều họ không đội mũ, cứ phơi cái đầu trần để hứng mưa, dù là tóc chải bóng láng, như Đỗ Thúc Trâm, Lan Khai, Xuân Huy, Thao Thao, Vũ Bằng, hoặc để bờm xờm như Nguyễn Tuân, Huy Thông, Lưu Trọng Lư, Từ Bộ Hứa... Lại có những họa sĩ danh tiếng như Nguyệt-Hồ, yêu nhạc, yêu thơ, yêu thịt chó, sống cuộc đời lang bạt, càng tô đậm sắc thái tự do lãng mạn của một thời văn nghệ...

***

Đời sống vật chất của làng văn, làng thơ Hà Nội hồi tiền chiến, thật không xán lạn tý nào. Nhưng người cầm bút hình như sống ngày nào hay ngày nấy không cần nghĩ đến tương lai của họ.

Họ chỉ ham đọc, ham viết, KHÔNG PHẢI VIẾT ĐỂ SỐNG MÀ CHỈ SỐNG ĐỂ VIẾT, viết những cái gì họ nghĩ, viết những cái gì mà họ cảm, viết cái gì mà họ biết, không đòi hỏi một phần thưởng nào của ai cả, chỉ thỏa mãn dục vọng thiêng liêng của ngòi bút mà thôi.

Có kẻ say sưa về văn nghệ, đến khi bị đụng đầu quá mạnh vào thực tế mỉa mai, thực tế trắng trợn của

bạc tiền, liền gác bút tạm một thời, chạy đi kiếm vàng nơi rừng thiêng nước độc để lấy vàng mà trả nợ cho văn chương, như Nguyễn Văn Vĩnh, thì, than ôi ! Thượng đế lại nổi giận, bỏ cho chết trong núi thẳm rừng hoang !

Hình như giàu hay nghèo là số kiếp, nhưng nhiệm vụ của nhà văn là phải hoàn-thành sứ mạng thiêng-liêng của Thượng-Đế.

***

Nói về đời sống vật chất của các nhà văn thời tiền chiến ở Hà Nội, chúng ta không thể quên nhắc đến hoàn cảnh xã hội và kinh tế liên hệ với sự phát triển thân thế và sự nghiệp của họ. Dĩ nhiên hoàn cảnh lúc bấy giờ khác hẳn với hiện trạng sau chiến tranh, nhất là khi phải so sánh Bắc Việt với Trung và Nam Việt, hay đúng hơn là Hà Nội với Huế, Sài-gòn, ba thủ đô của Việt Nam.

Thường thường những nhu cầu của giới văn nghệ sĩ tiền chiến rất là khiêm nhượng, cho nên người ta có cảm tưởng rằng họ không cho đời sống vật chất của họ là quan trọng lắm. Tuy đa số đều nghèo, và khổ, nhưng tất cả đều có một thái độ hiên ngang, một khí phách ngông nghênh, bất chấp những phù trầm của số kiếp. Tính chất lãng mạn của họ là một trạng thái khá lý-thú của thái-độ ấy.

Xã hội Việt Nam thời bấy giờ không phải là một xã hội phong kiến : giới gọi là phong kiến chỉ thu hẹp trong một từng lớp quan lại nào đó thôi, và một nhóm trưởng giả, hay tiểu tư bản, mà các văn nghệ-sĩ hầu như

không biết đến. Những vị quan liêu được quyền cao chức cả như Hoàng Trọng Phu, Vi văn Định, Phạm văn Thụ, những nhà doanh nghiệp cự phú như Nguyễn Huy Hợi, Phạm Lê Bổng, v.v... đều là những kẻ mà giới văn học Việt Nam coi như thuộc hạ của Chính Phủ Bảo Hộ và họ không đếm xỉa tới. Còn đám trí thức kỳ cựu hoặc tân tiến, gần hết đều nhập tịch vào làng văn : cũ như Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Vĩnh, Dương Quảng Hàm, Phạm Quỳnh, Nguyễn Hữu Tiến, Dương Bá Trạc, Lê Dư, Nguyễn Văn Tố... ; mới như Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lãng, Nguyễn Mạnh Tường Trần Văn Tùng, Lê Tài Triển, Vũ Đình Dy, Hoàng Tích Chu .. Trừ một số rất ít, còn hầu hết các lớp người nầy không có gì là phong kiến, hoặc trưởng giả, mặc dầu họ có địa vị khác và nghề nghiệp khác làm được nhiều tiền hơn là viết văn. Tôi đã nói đến đời sống rất bình dân của Nguyễn Văn Vĩnh. Tôi có thể nhắc đến Nguyễn Văn Tố nhà bác học giả ngày hai buổi đi làm việc vẫn đi bộ trên một cây số từ nhà đến Viện Bác Cổ Viễn Đông mà ông là Phó Giám Đốc, chỉ mặc một áo dài trắng, che một cây dù đen. Trần Trọng Kim ngồi trên chiếc xe kéo nhà cũ kỹ, áo quần âu phục rất xưa, và sống rất giản dị. Nguyễn Văn Ngọc, Lê Dư, Dương Quảng Hàm đều như thế cả.

Nói rộng ra, đời sống chung của nhân dân Hà Nội lúc bấy giờ cũng không có gì xa hoa phung phí lắm. Không có nhiều nhà hàng sang trọng trừ vài tiệm lớn của Huê Kiều như « Mỹ Kinh » ở phố hàng Buồm, « Nam Kinh » ở phố hàng Lọng ; không có những tiệm rượu hay quán cà phê ở các góc đường. Các nhà văn không có đến ngồi

uống bia, uống rượu và la cà ở các tửu điếm. Có vài nhà khiêu vũ rải rác ở ngoại ô Hà Nội như *Rex*, *Fantasio* ở Khâm Thiên, nhưng khách hàng vắng lắm, chỉ một số thanh niên con nhà giàu, hoặc một số ít công chức, tư chức, chứ phần đông trí thức, nhà văn, sinh viên, học sinh, tuyệt nhiên không bao giờ bước chân đến các chỗ chơi bời nhảy nhót ấy.

Có thể nói tổng quát rằng xã hội tiền chiến ở Hà Nội là một xã hội khá lành mạnh, thanh niên và học sinh không bị trụy lạc, trí thức không lơ đễnh với học vấn, sĩ phu không thờ ơ với trách nhiệm

Trong làng văn có cảm tình liên lạc, tương thân tương ái. Trừ một vài phần tử riêng biệt, và một vài trường hợp nào đó, còn toàn thể giới văn-nghệ-sĩ đối xử với nhau rất thân thiện, êm ấm, hòa nhã không có ganh ghét, không có dèm pha, không dìm nhau, không thù hằn nhỏ mọn, và không có bè phái.

Có lẽ nhờ hoàn cảnh khá tốt đẹp ấy mà văn nghệ tiền chiến được nảy nở phồn thịnh chăng ?

Tuy có một tờ báo chuyên môn dìm các bạn văn nghệ sĩ có tài năng như Huy Thông, Lan Khai, Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn Tuân, Trương Tửu, Nguyễn công Hoan, Nguyễn khắc Hiếu... và luôn luôn tìm cơ hội chế giễu hoặc đả kích họ, nhưng các báo khác vẫn giới thiệu, nâng đỡ, khen phục, phê bình với công-tâm các tác phẩm của các bạn đồng nghiệp. Chớ nếu ai nấy cũng ganh ghét nhau, dìm nhau, đả kích lẫn nhau thì làm gì ngày nay chúng ta còn những tác

phẩm và những nhà văn đáng mến trong văn học sử Việt Nam của thế kỷ XX ?

Hoàn cảnh xã hội tương đối lành mạnh, nếp sống tinh thần của đại chúng nhân dân được đôi phần thanh cao trang nhã, tinh thần phục vụ và ý thức văn nghệ của anh em làng văn biết tôn trọng tài năng và giá trị của mỗi người, ý niệm về số kiếp và nhiệm vụ chung của con người văn nghệ, là những yếu tố tốt đẹp đã vun bón rừng hoa văn nghệ thời tiền chiến.

Cấu tạo xã hội thời bấy giờ cũng giúp thêm vào đó một phần. Tuy rằng ở dưới quyền đô hộ thực dân, nhưng trước chiến tranh, nhà văn vẫn sống dưới pháp-luật cọng hòa của Pháp. Xuất bản được tự do. Muốn ra một tờ báo chỉ làm đơn đưa lên biện-lý-cuộc 24 tiếng đồng hồ trước khi phát hành số 1 tờ báo của mình. Báo chí Việt ngữ được phép xuất-bản dễ dàng.

Dĩ nhiên, pháp luật ấy có một điều khoản, chỉ định riêng trường hợp « phạm vào luật báo chí » và « xúc phạm đến chủ quyền của nước Pháp ở Đông Dương » v.v... nhưng đó là riêng về chính trị mà thôi.

Sự phát hành sách báo được hoàn toàn tự do, theo phương tiện của mỗi nhà báo, và mỗi nhà văn. Một quyển sách in ra hoặc một tờ báo xuất bản, tác giả hoặc chủ nhiệm tờ báo tự gởi đến các nhà đại lý, hoặc tự ý nhờ một nhà sách lớn làm tổng phát hành. Cả thành phố Hà Nội không có một sập bán báo lẻ ở ngoài đường và không hề có chuyện cho mướn báo hoặc cho mướn sách. Báo và sách được gởi bán đầy đủ tại các tiệm sách

ở rải rác các phố. Một quyển sách mới xuất bản một tờ báo mới ra đời, đều luôn luôn được các báo sốt sắng giới thiệu, và bạn đọc đến mua tại các hiệu sách. Vài ba bài báo phê bình, thế là quyển sách được độc giả chú ý đến ngay. Công chúng nô nức mua một tờ báo hoặc một quyển sách mới ra đời và có giá trị, cũng như đi xem một phim mới và hay tại các rạp chớp bóng. Bạn đọc dù ít tiền cũng không bao giờ thuê một tờ báo hoặc một quyển sách với một giá rẻ để coi rồi đem trả lại hàng sách.

Ông chủ bà chủ hàng sách cũng không bao giờ cho thuê sách báo để lấy món tiền thuê, rồi gởi sách báo trả lại nhà báo và nhà văn. Hậu quả rõ rệt của sự cho thuê sách báo là một số ít người, chỉ số ít thôi, bỏ ra một món tiền rất nhỏ mọn để thuê coi chơi, hàng sách (chỉ có một số ít thôi) được lấy số tiền ấy, còn nhà báo và nhà văn không có gì hết. Thí dụ sách gởi bán 100 cuốn có 10 người mua, còn bao nhiêu cho mướn. Một thời gian sau, nhà văn nhận được 90 cuốn trả về.

Tôi xin nhấn mạnh rằng ở Miền Nam hiện nay CHỈ MỘT SỐ ÍT người bán sách bán báo, không thương xót nhà văn, mới cho mướn sách báo như thế thôi, chứ tất cả các hiệu sách đứng đắn tử tế, có tín nhiệm với độc giả và thông cảm với con người văn nghệ, không bao giờ nỡ làm công việc giết chết văn nghệ như thế. Mướn sách cũng chỉ những phần tử nào trong đám người nào đó thôi. Tuy nhiên, một đám người kia cũng đủ làm trở ngại một phần lớn sự phát triển của nhà văn. Tiền bán sách không đủ trả tiền in, thì quyển thứ hai, hay quyển thứ ba vì vậy không thể xuất bản được nữa.

Đó là một nguyên nhân chính cho chúng ta nhận xét vì sao số đông nhà văn Việt Nam ở Sài-gòn hiện nay không thể xuất bản được nhiều sách của mình, như ở các nước khác.

May thay, tình hình đáng buồn như trên tuyệt nhiên không có ở Hà Nội hồi tiền chiến và nhờ vậy mà văn nghệ Việt Nam càng thêm điều kiện phát triển mạnh mẽ thời bấy giờ.

***

Nói đến đời sống vật chất của các nhà văn, thì sau cùng phải nói đến các nhà xuất bản.

Hà Nội lúc bấy giờ có chừng năm ba nhà xuất-bản lớn : Tân-Dân ở phố hàng Bông, Minh-Phượng ngõ hàng Đẫy, Nam-Ký Bờ Hồ, Cộng Lực phố hàng Cót, Lê-Cường phố chợ Hôm, Trung-Bắc phố Henri d'Orléans.

Phần nhiều các nhà xuất bản đều có nhà in, và thường thường có cả một cơ quan văn nghệ, như nhà Trung Bắc có tờ *Trung Bắc Chủ Nhật*, nhà Tân Dân có tờ *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, nhà Lê Cường có *Tiểu Thuyết Thứ Năm*, Nam Ký có tờ *Khuyến-Học*. Vài nhà xuất bản không có nhà in như Minh Phượng hoặc có nhà in mà không có báo như Cộng-Lực.

Nhưng tất cả họ đều là những người cung cấp tiền bạc cho nhà văn mà họ tìm cách săn sóc, ở bề một phần nào. Sự săn sóc ấy cũng có mục đích giữ những tác giả đã có tên tuổi — phần nhiều là tiểu thuyết gia — để khỏi lọt qua các nhà xuất bản khác.

Cảnh nhà văn « chạy tiền » nơi các nhà xuất bản, đã thành ra một thông lệ. Nhà văn thường thường bị túng thiếu và bị nhiều món nợ, nhất là tiền nhà và tiền cơm, lại có khi chính nhà xuất bản không sẵn tiền và mắc nợ lại tiền bản quyền của nhà văn.

Ngoài một số chủ nhà xuất bản có óc văn nghệ và thành thực yêu chuộng văn chương, biết quý trọng nhà văn, có những nhà xuất bản chỉ biết thủ lợi, như nhà xuất bản NK ở Bờ Hồ, mà ông chủ vừa dốt vừa keo kiệt, đối xử rất tệ với các nhà văn.

Có một lần hai vợ chồng nhà xuất bản này cho Vũ Trọng Phụng « leo cây » một cách độc địa : hứa trả tiền bản quyền hồi 1 giờ trưa ngày 30 Tết ; nhưng trước đó đã về quê ăn Tết, cửa nhà đóng khin khít. Vũ Trọng Phụng còn biết « chạy tiền » vào đâu được nữa ?

Anh gặp tôi đi lang thang bờ Hồ. Tôi bảo :

— Hay là anh đến Minh Phượng ? Hôm qua anh ấy có đưa tôi mười đồng và bảo với tôi Tết này anh ấy ở Hà Nội, không đi đâu.

Phụng rủ tôi cuốc bộ với anh cho vui lên đến hàng Đẫy. Hai bên đường phố, hàng Gai, hàng Bông, đã vắng người. Đến gần nhà Minh Phượng, tôi từ giã Phụng, nhưng anh bảo cùng vào với anh. Hai đứa vào nhà thấy Minh Phượng đang ngắm nghía cành đào to tướng vừa mua ở chợ Đồng Xuân về, cắm vào ché cổ đặt trên bàn thờ. Anh vui vẻ chào hỏi chúng tôi và mời chúng tôi ngồi phòng khách. Phụng nói ngay mục đích đến thăm. Minh Phượng cười :

— Hôm nay bố đến bố tiền con, con lấy đâu ra tiền hả bố ?

Phụng với nét mặt rất điềm đạm, bảo :

— Tôi chỉ cần 20 đồng bạc đủ sắm chút ít đồ ăn Tết.

— Đến 2 đồng, hôm nay tôi cũng xin chịu.

— Tết xong, tôi trao anh một quyển bản thảo ngay, tôi chỉ mượn tiền trước chút ít thôi.

— Vâng, xin anh cho ra ngoài ngày. Hôm nay quả thật trong nhà sạch cả tiền.

Phụng không hỏi nữa, tức giận đứng dậy ra về. Ra đường, tôi móc túi lấy ra 5 đồng của tôi, chia cho Phụng một nửa.

Nhưng 5 giờ chiều hôm ấy, Minh Phượng thân hành mang đến biếu Vũ trọng Phụng hai ổ bánh chưng, một hộp mứt, một cân hạt dưa và một hộp trà.

Vũ trọng Phụng cảm động nhận quà biếu tất niên của nhà xuất bản.

Anh Lê-tràng-Kiều chắc còn nhớ, cũng một bữa 30 Tết, nhà xuất bản trả tiền bản-quyền cho tôi bằng... một mớ tem bưu điện ! Hai đứa nhìn mớ tem mà cười, không biết đem bán cho ai để lấy tiền chia nhau tiêu Tết ? Chẳng lẽ đem bán lại cho sở Bưu-điện ? Chẳng lẽ đi mua một gói thuốc thơm, trả tiền bằng... tem ?

Sau cùng hai đứa bàn-luận một lúc lâu, rồi Lê-tràng Kiều đem tem về năn nỉ bán lại cho nhà xuất bản Lê

Cường. Cả hai đứa tội nói rát cuống-họng, Lê-Cường mới lấy mớ tem và đổi cho tôi được 10 đồng. Lê tràng Kiều lấy 5 đồng đi xe đò về Nam Định. Tôi còn 5 đồng « ăn Tết ». Vui-vẻ cả làng !

Một số nhà văn có chút ít tiền, không cần đến các nhà xuất bản, và tự bỏ vốn ra in sách của mình và tự phát hành lấy. Vấn đề phát hành có những phiền phức bất ngờ và rất khó chịu, cần phải có một ý thức thật là thực tế về thương mại mới đám liều lĩnh một cuộc phiêu lưu như thế. Vì chính là một cuộc phiêu lưu khá nguy hiểm đối với những nhà văn có chút ít tiền mà dám bỏ ra in sách và tự mình gởi bán các nơi.

Tiền in phải trả ngay, vì nhiều khi chủ nhà in buộc tác giả phải đặt cọc tiền trước, hoặc một nửa số ấn phí hoặc một phần ba. Thế là túi tiền của nhà văn có được bao nhiêu phải trút vào đó hết sạch. Sách in xong, phải quảng cáo trên các báo. Hồi tiền chiến, sự quảng cáo nầy rất cần thiết để cho các hiệu sách các nơi đều biết đến quyển sách mới phát hành. Nhà văn có hai cách bán sách của mình, khác hơn các nhà tổng phát hành và các nhà xuất bản chuyên nghiệp bán tiền mặt và gởi nhờ bán dùm (dépôt en consignation). Một số đại lý sẵn sàng gởi bưu phiếu về tác giả, để mua một số sách trừ tiền hoa hồng khá cao, thường thường là 25 phần trăm hoặc 30 phần trăm. Họ có thể mua từ 100 quyển đến 500 hoặc 1000 quyển tùy theo quyển sách mà họ biết trước sẽ bán được nhiều hay ít, và tùy theo địa điểm của họ.

Các tiệm sách lớn ở Huế, Saigon và Nam-Vang (Cao-Miên) thường thường là những khách hàng quan trọng

hơn cả. Thời tiền chiến ba nơi ấy tiêu thụ hơn một nửa tổng số phát hành. Kế đến Thanh Hóa, Vinh (Nghệ An), Đà-Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ, Mỹ Tho, Biên Hoà Long Xuyên, Battambang (Cao Miên) Vientiane (Lèo), rồi sau cùng là các thành phố khác.

Thường thường, đối với miền Trung và miền Nam, các tác giả tự xuất bản sách của mình ít gởi bán dùm theo cách consignation, mặc dầu như thế chỉ chịu hoa hồng 10% đến 12% thôi. Lý do thứ nhất, là nhà văn không có vốn, nên không thể để sách bán « câu dầm » như thế được. Lý do thứ hai là có một số đại lý bán sách rồi mà không chịu gởi tiền về cho tác giả. Họ chỉ gởi trả một phần tiền nào đó thôi, để rồi vài ba tháng sau tác giả viết thư hối thúc năm lần bảy lượt, họ mới dần dần thanh toán nốt. Vì đường xá xa xôi các nhà văn không dịp đi vào Trung và Nam, nên có nhiều khi sách gởi đi mà tiền không có gởi về và văn sĩ, thi sĩ ở Hà Nội đành chịu thiệt. Các tác giả tự mình xuất bản sách và tự phát hành, thường bị lỗ vốn và nợ nhà in là vì thế.

Riêng ở Hà Nội, các tác giả thân hành ôm sách đến gởi tại các tiệm sách để consignation. Cả thành phố Hà Nội có độ sáu bảy nhà sách lớn và vài chục tiệm sách nhỏ. Lớn, như nhà Thụy Ký ở Hàng Gai, Tô văn Đức ở Cầu gỗ, Nam Ký ở Bờ Hồ v. v... là những nơi tập trung một số lớn khách hàng của giới văn học.

Các tiệm sách ở Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương, Bắc Giang, Hà Đông, Sơn Tây, Thái Bình v. v...

cũng nhận sách gởi consignation hoặc mua tiền mặt bằng bưu phiếu. Phải nói ngay rằng tiền in ở Hà Nội hồi tiền chiến thật rẻ, và các nhà in lớn như Cộng Lực, Lê Cường, Trung Bắc, Thụy Ký, Mai Lâm, Đông Tây, v. v... đều quen biết nhiều các nhà văn, nên sự trả tiền in cũng được dễ dãi đôi phần. Đó cũng là một trong những điều kiện rất thuận lợi cho việc sáng tác văn học hồi tiền chiến mà tôi đã đề cập trong mấy chương trước.

***

Mười hai giờ khuya chủ nhật giữa một đêm đông lạnh thấu xương, một cặp văn sĩ, một anh khoát áo rain-coat (áo mưa), một anh trùm chiếc pardessus, cả hai đều để đầu trần, lê đôi giày rách, cuốc bộ về vùng Ô chợ Dừa, cuối xóm Khâm Thiên. Hai chàng đều trẻ tuổi, mới độ 25, 26. Một chàng đầu óc đầy những tình thơ, ý nhạc, và đã nguệch ngoạc một đống thơ cũ, thơ mới, vứt bừa bãi trong phòng trọ của chàng. Chàng kia làm nghề dạy học, và ngày đêm nhồi nhét trong óc các sách triết, từ Descartes đến Marx, Engels, từ Platon đến Bergson, Freud. Cả hai đều chứa chất tư tưởng cách mạng chính trị và văn nghệ.

Về phòng trọ, bật đèn điện lên, lấy bình tích rót ra hai tách nước trà nóng, hai chàng để nguyên áo ấm và đôi giày ngâm nước, ngồi hai chiếc ghế xa lông, nhìn nhau cười hả hả. Một chàng bảo :

— Hay là tụi mình cho ra một tờ báo Pháp văn và Việt văn, làm cách mạng để chửi chính sách thuộc địa Pháp, và cách mạng cả văn thơ Việt-Nam ?

Chàng kia đỏ mặt châm thuốc hút :

— Ừ, làm, sợ gì !

Thế là không cần bàn cãi nữa, đôi bạn trẻ lấy một mớ giấy trắng trải lên trên bàn và hai ba cây bút chì, rồi chàng giáo viên ngồi vẽ « maquette » tờ báo sắp cho ra đời, chàng thi sĩ viết đơn để sáng mai gởi lên biện-lý. Cái đơn chỉ vỏn vẹn mấy dòng chữ Pháp :

Chúng tôi, tên là. . . . . 25 tuổi, và. . . . . 26 tuổi, hiện ở phố Khâm Thiên, số nhà. . . . . ngoại ô Hà-Nội.

Trân trọng tin ông biết rằng, trong 48 giờ đồng hồ sau đây chúng tôi sẽ cho ra một tờ tuần báo bằng Pháp văn và Việt văn, tên là. . . . chuyên về chính trị, xã hội và văn học.

Tòa soạn đặt trên gác trọ số nhà. . . . . phố Khâm Thiên, ngoại ô Hà-Nội.

Hai chúng tôi đều là Chủ nhiệm. Trân trọng kính chào ông Biện Lý.

Ký tên,

. . . . . .

Đơn viết tay, vì không có máy đánh chữ. Hai đứa đều hăng hái ký tên. Chàng kia vẽ maquette tờ báo với chì xanh chì đỏ, hai màu coi cũng được.

Xong rồi, hai đứa chia nhau viết bài :

— Cậu viết bài kêu gọi thanh niên hăng hái đứng dậy : cậu đề Hai chữ La Tinh « *Fiat lux !* » cho sôi máu lên đi ! Tớ viết bài chủ trương một cuộc cách mạng bằng thơ. Cho hai phong trào cách mạng đi song song với nhau chứ nhỉ ?

— Ừ, tớ viết một loạt bài, đề là « Bạn trẻ 20 tuổi, Bạn là ai ? Bạn đi đâu ? » Cậu thì đập mấy thằng thi sĩ vênh váo hỏi chúng nó định lôi nàng Thơ Việt-Nam đi đâu ?

— Tớ giảng giải về những quan điểm cách mạng văn thơ của tụi mình. Tớ muốn viết một bài đả kích chánh sách thuộc địa.

— Phải rồi, tờ báo của tụi mình phải chủ trương cách mạng. Tớ viết thêm một bài về tinh thần tự do của dân tộc Việt Nam trong ca dao. Cậu có muốn công kích Bảo Đại không ?

— Không !

— Sao thế ?

— Công kích nó, mà nó không trả lời thì công kích làm chi ? Cứ việc đả kích thằng Tây thì tức nhiên động đến đứa con nuôi của hắn.

Đồng hồ hàng xóm đã điểm 2 giờ khuya. Trong phòng vắng vẻ, một ngọn đèn vàng, hai cái đầu xanh, hai chiếc bóng :

— À, mà tụi mình lấy đâu ra tiền để in tờ báo ? Cậu có xu nào không ?

— Ừ nhỉ, chúng mình quên cái vấn đề ấy chứ.

Hai đứa nhìn nhau cười hà hà !

— Mặc kệ! Cứ viết cho đủ bài số 1 rồi hãng hay.

Hai đứa, hai cái bàn, cắm đầu viết, viết, viết.

Xong xuôi hết, trời vừa sáng. Quần, áo và giày vẫn còn y nguyên trong người, như lúc 12 giờ khuya đi chơi về, chưa thay.

— Này nhé, 8 giờ cậu với tôi đến ông biện-lý nộp đơn. Xong, tôi đến nhà in Đông Tây, điều đình với Dương tụ Quán cho mình in chịu ba số báo. Cậu đến trường học ngoại giao với xừ hiệu-trưởng Nguyễn-văn-Kiến cho tụi mình mượn 5 đồng để làm cái bản kẽm tên báo, và mua tem gởi báo. Thế là đủ, chứ gì?

— Thừa chán.

Hai đứa còn trong túi hai đồng xu, xuống dưới nhà mua một xu xôi, ăn vừa no, uống một hụm nước vối, rồi lốc cốc cuốc bộ đến Toà Án, đường Gambetta, và nộp đơn cho biện-lý, vừa đúng 8 giờ.

48 giờ sau, sáng ngày Thứ Tư, tờ báo số 1 hãy còn ướt mực, đã ra chào đời. Một tụi học trò con nít được gọi đến toà báo nhờ xếp báo, dán băng, ôm báo đi gởi các tiệm sách, làm giúp cho « thầy ».

Hai chàng văn sĩ thanh niên nằm nghênh ngang trên giường, trùm chăn cho ấm, cầm mỗi chàng một tờ báo, miệng cười khúc khích đọc lại những bài mình đã viết hồi 3 giờ khuya Chủ Nhật vừa qua.

Buổi chiều, trong thành phố Hà Nội, tờ báo của đôi bạn trẻ gây ra dư luận xôn xao... cả trong giới trí thức người Pháp lẫn người Nam.

***

Thưa các bạn, hầu hết những tờ báo của nhà văn nhà thơ hồi tiền chiến ở Hà Nội đều đã ra đời trong những trường hợp bất ngờ và lý thú đại khái như thế cả.

Ấy là thời kỳ tự do lãng mạn, kỳ-thú nhất trong văn học sử Việt-Nam.

MỤC LỤC

	Trang
Tựa của tác giả	5
Chú-dẫn của nhà xuất-bản	7

CHƯƠNG MỘT

VĂN-THI-SĨ

1.— Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu	11-22
2.— Nguyễn-văn-Vĩnh	23-36
3.— Phạm-Quỳnh	37-48
4.— Vũ-Trọng-Phụng	49-66
5.— Lê-văn-Trương	67-80
6.— Lan-Khai	81-99
7.— Lưu-trọng-Lư	100-113
8.— Vi-huyền-Đắc	114-120
9.— Khái-Hưng	121-125
10.— Nguyễn-tường-Tam	126-163
11.— Thế-Lữ	164-186
12.— Trương-Tửu	187-199
13.— Mộng-Sơn	200-203
14.— Nguyễn-Tuân	204-213
15.— Phạm-huy-Thông và Nguyễn-nhược-Pháp	214-231

16.— Anh-Thơ 232-238
17.— Vũ-Bằng 239-245
18.— Từ-bộ-Hứa 246-252
19.— Thâm-Tâm và sự thật về T. T. KH. 253-267
20.— Vũ-ngọc-Phan 268-272
21.— Trần-tuấn-Khải 273-276
22.— Ưng-Bình 277-282
23.— Tương-Phố 283-295
24.— Phan-bội-Châu và Huỳnh-thúc-Kháng 296-306
25.— Phan Khôi 307-328
26.— Thiếu Sơn 329-333
27.— Song-Thu 334-338
28.— Đồng-Hồ và Mộng-Tuyết 339-342
29.— Quách-Tấn 343 346
30.— TchyA Đái-đức-Tuấn 348-352
31.— Thanh-Tịnh 353-357
32.— Chế-lan-Viên 358-361
33.— Hàn-mặc-Tử 362-371
34.— Thao-Thao 372-375
35.— Ngân-Giang 376-380

Kết thúc chương một 381-390

CHƯƠNG HAI

VĂN-SĨ VIỆT, VĂN-CHƯƠNG PHÁP 391-444

CHƯƠNG BA

1.— SINH-KHÍ VĂN-NGHỆ TIỀN-CHIẾN 447-476

2.— ĐỜI SỐNG TINH-THẦN VẬT-CHẤT CỦA VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN 477-514

Những tác-phẩm của Nguyễn-Vỹ

— TẬP THƠ ĐẦU — PREMIÈRE POÉSIES
(Thơ Việt và Pháp) Tác-giả xuất-bản Hànội 1934
— ĐỨA CON HOANG (Tiểu-thuyết)
Minh-Phương X.B. — 1936
— GRANDEURS et SERVITUDES de NGUYỄN-VĂN-NGUYÊN
(Tập truyện ngắn Việt-Nam bằng Pháp-văn)
Đông-Tây X.B. — 1937
— KẺ THÙ LÀ NHẬT-BẢN
(Luận-đề chính-trị) Thanh-niên X.B. — 1938
— CÁI HỌA NHẬT-BẢN
Luận-đề chính-trị Lê-Cường X.B. — 1938
— ĐỨNG TRƯỚC THẢM-KỊCH VIỆT PHÁP
DEVANT LE DRAME FRANCO-VIETNAMIEN
(Luận-đề chính-trị bằng Việt và Pháp-văn)
Tác-giả X.B. Đàlạt 1947
— HÀO-QUANG ĐỨC PHẬT
(Luận-đề tôn-giáo) — — 1948
— CHIẾC ÁO CƯỚI MÀU HỒNG
(Tiểu-thuyết) Dân-Ta X.B. Sàigòn 1957
— GIẤY BÍ RỢ (Tiểu-thuyết) — — 1957
— HAI THIÊNG-LIÊNG I
HAI THIÊNG-LIÊNG II (Tiểu-thuyết) Dân-Ta X.B. — 1957
— HOANG-VU (Thơ) Phổ-Thông — — 1962
— MÒ-HÔI NƯỚC MẮT (Tiểu-thuyết) Sống-Mới — — 1965
— NHỮNG ĐÀN-BÀ LỪNG DANH
TRONG LỊCH SỬ (Biên-khảo) — — 1970
— TUẤN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT I
TUẤN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT II
(Chứng-tích thời-đại) Triêu-Dương X.B. — 1970
— VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN
(Ký-ức văn-học) Khai-Trí X.B. — 1970

ĐANG IN

— BUỒN MUỐN KHÓC LÊN (Thơ) — 1970
— MÌNH ƠI (Văn-hóa tổng-quát) — 1970
— THƠ LÊN RUỘT (Thơ trào-phúng) Quyển I — 1970

Sách

Bán tại Nhà sách K

Nghệ thuật làm văn và đọc văn	
Để thành nhà văn	...ln
Viết và đọc tiểu thuyết	*Nhất Linh*
Khảo luận về tiểu thuyết Trung-hoa	*Nguyễn huy Khánh*
Nguyên tắc sáng tác thi ca	*Vũ văn Thanh*
Việt thi	*Trần trọng Kim*
Nghề viết văn	*Nguyễn hiến Lê*
Luyện văn	—
Hương sắc trong vườn văn	—
Đại cương Văn học sử Trung Quốc	—
Theo giòng	*Thạch Lam*
Phép làm thơ	*Diên Hương*
Thành ngữ điển tích	—
Ca dao Tục ngữ V.N.	*T. T. T.*
Tục ngữ phong dao	*Nguyễn văn Ngọc*
Luật thơ mới	*Minh Huy*
Những nhà văn hôm nay	—
Những nhà thơ hôm nay	—
Những khuynh hướng trong thi ca V.N.	—
Luật thơ	*Trần tuấn Kiệt*
Thi ca V.N. hiện đại	—
Nghề viết báo	*Tế Xuyên*
Kỹ thuật căn bản của người viết báo	*Hồ hữu Tường*
Việt Nam văn học sử trích yếu	*Nghiêm Toản*
Văn học đời Lý	*Ngô tất Tố*
Văn học đời Trần	—
Lều chõng	—
Đường thi	—
Văn chương quốc âm thế kỷ XIX	*Phan trần Chúc*
Lĩnh Nam chích quái	*Lê hữu Mục*
Việt Điện u linh tập	—
Nhà văn hiện đại	*Vũ ngọc Phan*
Trên đường nghệ thuật	—
Thi văn quốc cấm thời Pháp thuộc	*Thái Bạch*
Việt Nam văn học toàn thư	*Hoàng trọng Miên*
Việt Nam văn hóa sử cương	*Đào duy Anh*
Chế Lan-Viên	*Hoàng Diệp*
Hàn mặc Tử	—
Hương hoa đất nước	*Trọng Toàn*
Văn học miền Nam	*Phạm việt Tuyền*
Việt Nam văn học giảng bình	*Phạm văn Diêu*